



*Quý vị có thể hiểu Kinh Thánh*

*Hy vọng trong thời khó khăn  
Màn kịch cuối cùng:*  
***Sách Khải Huyền***

BOB UTLEY  
Giáo sư môn giải thích bản văn  
(Chú giải Kinh Thánh)

*Tập giải kinh hướng dẫn nghiên cứu  
TÂN ƯỚC, tập 12*

MARSHALL, TEXAS: BIBLE LESSONS  
INTERNATIONAL  
1998 (REVISED 2007, 2011)

## MỤC LỤC

Lời tựa của tác giả: làm thế nào để tập giải kinh này giúp bạn? . . . . .	6
Hướng dẫn đọc Kinh Thánh hiệu quả: Sự tìm kiếm chân lý có thể xác nghiệm một cách cá nhân . . . . .	8
Bảng viết tắt những tài liệu được dùng trong tập giải kinh này . . . . .	15
Giải Kinh:	
Bài giới thiệu : Vì sao tin đồ có nhiều cách giải kinh độc đoán về Khải Huyền? . . . . .	17
Giới thiệu tiên tri trong Cựu Ước. . . . .	23
Giới thiệu sách Khải Huyền . . . . .	25
Khải Huyền 1 . . . . .	37
Khải Huyền 2 - 3 . . . . .	62
Khải Huyền 4 - 5 . . . . .	98
Khải Huyền 6 - 7 . . . . .	116
Khải Huyền 8 - 9 . . . . .	128
Khải Huyền 10 - 11 . . . . .	139
Khải Huyền 12 - 14 . . . . .	158
Khải Huyền 15 - 16 . . . . .	190
Khải Huyền 17 - 18 . . . . .	207
Khải Huyền 19 . . . . .	219
Khải Huyền 20 . . . . .	237
Khải Huyền 21 - 22 . . . . .	248
Phụ lục một : Các định nghĩa ngắn gọn về cấu trúc ngữ pháp tiếng Hy Lạp . . . . .	265
Phụ lục hai : Phê bình văn bản . . . . .	274
Phụ lục ba : Từ điển thuật ngữ . . . . .	277
Phụ lục bốn : Lập trường về tín lý . . . . .	286
Phụ lục năm: Biểu đồ về quan điểm “Ngàn Năm” (Thiên Hỷ Niên) . . . . .	288
Bài thơ về Khải Huyền . . . . .	291

## CÁC CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT TRONG KHẢI HUYỀN

Đấng Mê-si-a (Messiah), 1:1 . . . . .	39
Sự Tái lâm cận kề (Soon Return), 1:3 . . . . .	40
Những Con số mang tính biểu tượng trong Kinh Thánh (Symbolic Numbers in Scripture), 1:4 . . .	41
Hội thánh (Church) ( <i>Ekklesia</i> ), 1:4 . . . . .	43
Bảy Linh (The Seven Spirits), 1:4 . . . . .	44
Con Trưởng (Firstborn), 1:5. . . . .	44
Sứ điệp của Hội Thánh Sơ Khởi (The <i>Kerygma</i> of the Early Church), 1:5 . . . . .	45
Cơ Đốc Giáo là một đoàn thể, (Christianity is Corporate), 1:6 . . . . .	46
Đời đời (Forever) (thành ngữ Hy-lạp, Greek Idioms), 1:6 . . . . .	47
Đời đời (Forever) ( <i>'Olam</i> ), 1:6. . . . .	47
Amen, 1:6 . . . . .	49
Ngự đến trên các tầng mây (Coming on the Clouds), 1:7 . . . . .	49
Tập tục tang chế (Grieving Rites), 1:7 . . . . .	50
Danh của Đấng Thánh (Names for Deity), 1:8 . . . . .	51
Vương Quốc Đức Chúa Trời (The Kingdom of God), 1:9 . . . . .	54
Khí cụ được dùng bởi người Do-thái (Horns Used by I-sơ-ra-en ), 1:10 . . . . .	55
Người đã chết đang ở đâu (Where are the Dead?), 1:18 . . . . .	59
Mô tả Đức Chúa Trời bằng hình ảnh con người (thần linh nhân cách hóa) (God Described as Human) (Anthropomorphic Language), 2:1. . . . .	67
Biết (Know) , 2:2 . . . . .	68
Bền đỗ / trường tồn (Perseverance/Continuance) , 2:2 . . . . .	69
Thuật ngữ Hy-lạp về thử nghiệm (Greek Terms for “Testing), 2:2 . . . . .	71
Hoạn Nạn (Tribulation), 2:9 . . . . .	74
Mức độ khen thưởng và đoán phạt (Degrees of Rewards and Punishment) , 2:10 . . . . .	76
Danh của Chúa (The Name of the Lord), 2:13 . . . . .	78
Đức tin (Faith), 2:13 . . . . .	79
I-sơ-ra-en (tên gọi) / I-sơ-ra-en (the Name), 2:14 . . . . .	80
Con Thánh của Đức Chúa Trời (The Son of God), 2:18 . . . . .	82
Phụ nữ trong Kinh Thánh (Women in the Bible), 2:20 . . . . .	83
Tấm lòng (The Heart), 2:23 . . . . .	86
Xung nhận (Confession), 3:5 . . . . .	89

Cách dùng thuật ngữ “cửa, cổng” trong Tân Ước (Use of “Door” in the NT), 3:7 . . . . .	90
Ban đầu ( <i>Arch</i> ), 3:14 . . . . .	93
Sự giàu có (Wealth), 3:17 . . . . .	94
Định kiến mang tính truyền giáo của tác giả (Bob’s Evangelical Biases), 4:1 . . . . .	100
Chương trình cứu rỗi đời đời . . . . .	100
Thiên đàng (The Heavens), 4:1 . . . . .	101
Trưởng lão (Elder), 4:4 . . . . .	103
Các Chê-ru-bim ( <i>Cherubim</i> ), 4:6 . . . . .	105
Các Thánh đồ (Saints), 5:8 . . . . .	109
Giá chuộc, Chuộc lại (Ransom/Redeem), 5:9 . . . . .	111
Trị vì trong Vương Quốc Đức Chúa Trời (Reigning In The Kingdom Of God), 5:10 . . . . .	113
Đồng tiền thông hành ở Pa-lét-stin thời Chúa Giê-su (Coins In Use in Palestine in Chúa Giê-su’ Day), 6:6. . . . .	119
Ấn (Seal), 7:2 . . . . .	123
Con số mười hai (The Number Twelve), 7:4 . . . . .	125
Sự mầu nhiệm (Mystery), 10:7 . . . . .	143
Lời tiên tri trong Cựu Ước (OT Prophecy), 10:7 . . . . .	144
Bốn mươi hai tháng (Forty-two Months), 11:2 . . . . .	149
Linh trong Kinh Thánh (Spirit in the Bible), 11:11 . . . . .	151
Ngày ấy (That Day), 11:18 . . . . .	155
Sa-tan, 12:3 . . . . .	161
Trận chiến trên trời (War in Heaven), 12:7 . . . . .	165
Hiện thân của điều ác (Personal Evil), 12:9 . . . . .	166
Sự Tái lâm: “đã sẵn-sàng” hay “còn tri-hoãn” (một nghịch lý của Tân Ước) (The Any-Moment Return of Chúa Giê-su vs. the Not Yet) (NT Paradox), 12:12 . . . . .	169
Cơ đốc nhân và chính quyền - giới thiệu chương 13 (The Christian and Government - Introduction to Chapter 1). . . . .	171
Không tì vết, vô tội, vô cảm tội lỗi, không chỗ chê trách (Blameless, Innocent, Guiltless, Without Reproach), 14:5 . . . . .	181
Thời điểm (The Hour), 14:7 . . . . .	183
Rượu và nạn nghiện rượu (Alcohol and Alcoholism), 14:10 . . . . .	184
Sự vinh hiển (Glory), 15:8 . . . . .	195
Lời tiên tri trong Tân Ước (New Testament Prophecy), 16:6 . . . . .	197
Lửa (Fire), 16:8 . . . . .	199

Tà linh (The Demonic (Unclean Spirit)), 16:13 . . . . .	201
Những thuật ngữ dùng cho sự Tái lâm (Terms for the Second Coming), 16:14 . . . . .	203
Phá hủy, làm tan hoang, làm hư hoại (Destroy, Ruin, Corrupt) ( <i>phtheiro</i> ), 19:2 . . . . .	221
Tin, tin cậy, đức tin, sự thành tín trong Cựu Ước (Believe, Trust, Faith, and Faithfulness in the OT), 19:4 . . . . .	222
Khái niệm “Chân lý” trong văn tự của Giăng – (Truth (the concept) in Giăng’s Writings), 19:11 . . . . .	228
Thuật ngữ “chân thật” trong văn tự của Giăng (True (the term) in Giăng’s Writings), 19:11 . . . . .	229
Sự công chính (Righteousness), 19:11 . . . . .	229
Bối cảnh của “Lời” (Background of <i>Logos</i> ), 19:13 . . . . .	233
Giê-su Na-xa-rét (Chúa Giê-su the Nazarene), 22:16 . . . . .	260
Ba Ngôi (The Trinity), 22:17 . . . . .	261
Ma-ra-na-tha ( <i>Maranatha</i> ), 22:20 . . . . .	263

## LỜI CỦA TÁC GIẢ: TẬP TÀI LIỆU GIẢI KINH NÀY CÓ THỂ GIÚP ÍCH GÌ CHO BẠN?

Sự giải nghĩa Kinh Thánh là một tiến trình mang tính thuộc linh và lý trí nhằm hiểu được các trước giả ngày xưa được linh cảm với mục đích giúp chúng ta hiểu và áp dụng được sứ điệp của Đức Chúa Trời trong thời đại ngày nay.

Tiến trình mang tính thuộc linh là quan trọng nhưng khó có thể định nghĩa. Nó gồm có sự đầu phục và mở lòng ra trước mặt Chúa. Cần phải có một sự khao khát (1) chính Chúa, (2) được biết Ngài, và (3) khao khát được phục vụ Ngài. Tiến trình này cần có sự cầu nguyện, xưng tội và sự bằng lòng thay đổi lối sống của mình. Mặc dù biết rằng Đức Thánh Linh đóng vai trò quan trọng trong tiến trình giải nghĩa, nhưng thật khó hiểu là tại sao cũng là các Cơ đốc nhân chân thật, yêu mến Chúa, nhưng họ lại hiểu Kinh Thánh một cách khác nhau.

Tiến trình mang tính lý trí thì dễ diễn tả hơn. Chúng ta phải nhất quán và công bằng đối với mọi bản văn và không được để cho những thành kiến cá nhân hay giáo phái chi phối mình. Chúng ta đều ít nhiều bị ảnh hưởng bởi quá khứ của mình. Không ai là người giải nghĩa Kinh Thánh hoàn toàn khách quan và trung dung. Tập tài liệu giải kinh này cung cấp một tiến trình theo lý trí một cách cẩn thận gồm ba nguyên tắc giải nghĩa để giúp chúng ta vượt qua các thành kiến của mình.

### Nguyên tắc thứ nhất

Nguyên tắc thứ nhất là để ý đến bối cảnh lịch sử khi sách được viết ra và các dịp tiện mang tính lịch sử đặc biệt liên quan đến tác giả. Tác giả nguyên thủy có một mục đích, một sứ điệp muốn truyền đạt. Bản văn không thể có ý nghĩa mà nó chưa bao giờ có đối với tác giả nguyên thủy, từ ngày xưa được thần cảm. Ý định của tác giả đó – chứ không phải nhu cầu thuộc về lịch sử, cảm xúc, văn hóa, cá nhân và giáo phái- chính là chìa khóa. Việc áp dụng là người bạn đi chung với việc giải thích, nhưng sự giải nghĩa thích hợp phải luôn luôn đi trước việc áp dụng. Cần phải nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại rằng mỗi bản Kinh văn đều chỉ có một ý nghĩa và chỉ một mà thôi. Ý nghĩa này là ý nghĩa mà tác giả nguyên thủy đã có ý định truyền đạt cho thời đại của họ dưới sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh. Ý nghĩa duy nhất này có thể có nhiều áp dụng khác nhau cho các văn hóa và tình huống khác nhau. Những áp dụng này phải được nối kết với lẽ thật trọng tâm theo tác giả nguyên thủy. Vì vậy, tập tài liệu này được thiết kế bằng cách cung cấp phần giới thiệu cho mỗi sách trong Kinh Thánh.

### Nguyên tắc thứ hai

Nguyên tắc thứ hai là xác định các đơn vị ngữ văn. Mỗi sách trong Kinh Thánh là một văn bản hợp nhất. Người giải nghĩa không có quyền lấy riêng ra chỉ một khía cạnh của lẽ thật bằng cách bỏ qua các khía cạnh khác. Vì vậy, chúng ta phải cố gắng tìm hiểu mục đích của Toàn sách trước khi phân tích các đơn vị ngữ văn riêng lẻ. Các đơn vị riêng lẻ- đoạn, phân đoạn, hay câu- không thể mang ý nghĩa mà tổng thể của sách đó không có. Việc giải nghĩa phải đi từ phương pháp suy diễn từ tổng thể đến phương pháp quy nạp của từng phần. Do đó, tập tài liệu hướng dẫn này được thiết kế bằng cách giúp người học phân tích cấu trúc của mỗi đơn vị ngữ văn theo từng phân đoạn. Mặc dù các phân đoạn và chia đoạn không được thần cảm nhưng nó giúp chúng ta xác định được các ý tưởng theo từng đơn vị.

Giải nghĩa theo cấp độ từng phân đoạn- không phải từng câu, từng vế, từng cụm từ, hay từng chữ- là chìa khóa để lần theo ý nghĩa mà tác giả Kinh Thánh đã định. Các phân đoạn dựa vào một chủ đề hợp nhất, thường gọi là chủ đề hay câu chủ đề. Từng chữ, vế, cụm từ, và câu trong các phân đoạn này bằng cách nào đó liên hệ với chủ đề hợp nhất này. Chúng giới hạn chủ đề bàn đến, mở rộng nó, giải thích thêm hoặc chất vấn nó. Chìa khóa thật sự để đi đến cách giải nghĩa đúng đắn là theo sát ý tưởng của tác giả nguyên thủy trên cơ sở từng phân đoạn một thông qua các đơn vị ngữ văn cấu thành nên Toàn bộ sách. Tập tài liệu hướng dẫn này được thiết kế nhằm giúp người học có thể làm được điều này qua việc đối chiếu các bản dịch Anh ngữ hiện đại. Các bản dịch này được chọn ra bởi vì chúng có những lý thuyết khác nhau về cách dịch:

1. Bản Hy Lạp của Hội Kinh Thánh Liên hiệp (United Bible Society) là bản hiệu đính lần thứ tư (UBS<sup>4</sup>). Bản dịch này được chia đoạn bởi các học giả phê bình bản văn hiện đại.

2. Bản King Gia-cơ mới (NKJV) là bản dịch sát nghĩa theo từng chữ dựa trên bản thảo truyền thống gọi là bản tiêu chuẩn (the Textus Receptus). Các phân đoạn của nó dài hơn so với các bản dịch khác. Các đơn vị dài hơn này giúp người học thấy được các chủ đề mang tính hợp nhất.
3. Bản hiệu đính tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ có bổ sung. Nó nằm ở điểm giữa so với hai bản hiện đại sẽ trình bày sau đây. Cách phân chia đoạn của nó giúp góp phần xác định được các chủ đề.
4. Bản tiếng Anh ngày nay (the Today's English Version) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển được xuất bản bởi Hội Kinh Thánh Liên Hiệp (the United Bible Society). Nó cố gắng dịch sao cho người đọc và nói tiếng Anh ngày nay có thể hiểu được bản văn tiếng Hy Lạp. Đặc biệt trong các sách Phúc âm, thông thường nó chia đoạn theo người nói chứ không phải theo chủ đề, cũng giống như bản NIV. Nếu dùng để giải nghĩa, nó không có lợi. Để ý thấy thật thú vị khi cả hai bản dịch UBS<sup>4</sup> và TEV đều được xuất bản bởi một cơ quan nhưng cách chia đoạn của nó lại khác nhau.
5. Bản Giê-ru-sa-lem Bible (JB) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo. Nó giúp ích rất nhiều cho việc đối chiếu các cách phân đoạn từ quan điểm của Âu châu.
6. Bản in sử dụng trong tập sách này là bản NASB được cập nhật năm 1995, là một bản dịch sát theo từng chữ. Các chú giải từng câu đều theo cách chia đoạn của bản dịch này.

### **Nguyên tắc thứ ba**

Nguyên tắc thứ ba là đọc Kinh Thánh qua nhiều bản dịch khác nhau để nắm được tâm ý nghĩa rộng nhất (thuộc lĩnh vực ngữ nghĩa) mà từng chữ hoặc từng cụm từ có thể có. Thông thường một chữ hay một cụm từ tiếng Hy Lạp có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Các bản dịch này cho thấy được những chọn lựa này và giúp xác định và giải thích một số khác biệt trong các bản thảo tiếng Hy Lạp. Những điều này không ảnh hưởng đến tín lý nhưng nó giúp chúng ta trở về với nguyên bản viết bởi các tác giả từ xưa được thần cảm.

Tập tài liệu này cung cấp cho người học một cách tiện lợi để kiểm tra các giải nghĩa của họ. Nó không nhằm đưa ra cách giải nghĩa cuối cùng, nhưng chỉ nhằm cung cấp thông tin và gợi suy nghĩ. Thông thường, các cách giải nghĩa khác giúp chúng ta không quá địa phương cục bộ, quá giáo điều, hay theo tinh thần hệ phái quá mức. Người giải nghĩa cần có một phạm vi giải nghĩa rộng đủ để nhìn nhận sự không rõ ràng mà các bản cổ có thể có. Thật là một cú sốc khi thấy trong vòng các Cơ đốc nhân không có sự đồng ý với nhau trong khi họ đều cho rằng Kinh Thánh là nguồn của lẽ thật.

Các nguyên tắc này đã giúp tôi vượt qua được khá nhiều điều kiện lịch sử quá khứ của cá nhân tôi vì nó đã buộc tôi phải trăn trở với bản văn cổ. Tôi hy vọng nó cũng sẽ là một điều phước hạnh cho quý vị.

**Bob Utley**

*Trường đại học East Texas Baptist University*

*Ngày 27 tháng 6 năm 1996*

## HƯỚNG DẪN THÓI QUEN ĐỌC KINH THÁNH HIỆU QUẢ: CUỘC TÌM KIẾM LẼ THẬT KIẾM CHỨNG ĐƯỢC CỦA CÁ NHÂN

Chúng ta có thể biết lẽ thật được không? Nó ở đâu? Làm thế nào để xác minh nó một cách hợp lý? Có một thẩm quyền tối hậu hay không? Có những giá trị tuyệt đối hướng dẫn đời sống chúng ta, thế giới chúng ta đang sống hay không? Có ý nghĩa cho cuộc đời này không? Tại sao chúng ta lại ở trên thế giới này? Rồi chúng ta đi đâu? Những câu hỏi này- những câu hỏi mà mọi người có lý trí đều phải suy nghĩ đến- đã ám ảnh các nhà trí thức của nhân loại ngay từ buổi ban đầu (Truyền đạo 1:13-18; 3:9-11). Tôi nhớ lại cuộc tìm kiếm của cá nhân tôi về một trung tâm kết nối tất cả mọi sự cho cuộc đời tôi. Tôi tin Chúa khi còn rất nhỏ, nhờ vào sự làm chứng của những người có vai vế trong gia đình tôi. Khi tôi lớn lên, những câu hỏi về chính tôi và thế giới xung quanh tôi cũng lớn dần. Những câu sáo ngữ xưa cũ trong văn hóa và tôn giáo không đem lại ý nghĩa gì đối với những kinh nghiệm cuộc sống tôi biết đến hoặc từng đối diện. Có lúc tôi cảm thấy rối bời, tìm kiếm, ngóng trông, và cảm thấy vô vọng trước một thế giới quá khắc khổ, lạnh nhạt mà tôi đang sống.

Nhiều người tuyên bố có câu trả lời cho những câu hỏi trên, nhưng sau khi tự nghiên cứu và suy nghĩ lại, tôi thấy những câu trả lời của họ dựa vào (1) các triết lý sống cá nhân, (2) các huyền thoại xa xưa, (3) những kinh nghiệm cá nhân, hay là (4) các ý nghĩ ảnh hưởng bởi tâm lý. Tôi cần một mức độ có thể kiểm chứng được, tôi cần bằng chứng, cần lý luận để có thể đặt lên nó Toàn bộ thế giới quan của tôi, một trung tâm kết nối tất cả, một lẽ sống cho cuộc đời.

Tôi tìm thấy những điều này qua việc học Kinh Thánh. Tôi bắt đầu tìm kiếm những bằng chứng về sự đáng tin cậy của nó, và tôi đã tìm thấy nó trong (1) sự đáng tin cậy về lịch sử của Kinh Thánh xác nhận bởi khảo cổ học, (2) sự chính xác của những lời tiên tri trong Cựu ước, (3) sự thống nhất của Toàn bộ sứ điệp Thánh Kinh qua hơn 1.600 năm hình thành, và (4) những lời làm chứng cá nhân của những con người mà cuộc đời đã được thay đổi vĩnh viễn bởi tiếp xúc với Kinh Thánh. Cơ đốc giáo, một hệ thống hợp nhất trong đức tin và niềm tin, có khả năng đối diện với các câu hỏi hóc búa nhất về cuộc sống của con người. Điều này không những đem lại cho tôi một bộ khung lý trí, nhưng phương diện thực nghiệm của đức tin theo Kinh Thánh cũng đã đem lại cho tôi niềm vui và sự vững vàng không lay động trong cảm xúc.

Tôi nghĩ tôi đã tìm thấy được cái trung tâm kết nối mọi sự của đời tôi- Đấng Christ, như đã trình bày trong Kinh Thánh. Đó là một kinh nghiệm nóng nảy, một sự giãn xả cảm xúc. Tuy vậy, tôi vẫn còn nhớ đã bị sốc và đau khi tôi bắt đầu thấy ra có quá nhiều sự giải thích cho chỉ một cuốn Kinh Thánh này, có khi ngay cả trong cùng một hội thánh hay cùng một trường phái. Việc xác minh sự thần cảm và đáng tin cậy của Kinh Thánh không phải là hết, đó chỉ là sự bắt đầu. Làm thế nào để tôi xác minh hay bác bỏ những sự giải nghĩa khác nhau và kinh chống nhau về những phân đoạn khó trong Kinh Thánh bởi những người tuyên bố tin vào thẩm quyền và tính đáng tin cậy của nó?

Nhiệm vụ này trở thành mục tiêu của đời tôi và cũng là hành trình đức tin của tôi. Tôi biết rằng đức tin nơi Đấng Christ đã đem lại cho tôi niềm vui và sự bình an không kể xiết. Tâm trí tôi mong tìm thấy được các giá trị tuyệt đối giữa một thế giới theo chủ thuyết tương đối và chủ nghĩa giáo điều trong các hệ thống tôn giáo kinh chống nhau cũng như những sự kiêu căng về hệ phái của mình. Khi tôi đi tìm một phương pháp thích hợp để giải nghĩa các thể loại văn chương xa xưa, tôi ngạc nhiên phát hiện ra những thành kiến của riêng tôi xuất phát từ quá khứ của mình, từ văn hóa, hệ phái và kinh nghiệm riêng của tôi. Tôi đã từng đọc Kinh Thánh để củng cố quan điểm riêng của tôi. Tôi đã từng lấy nó làm cơ sở cho những giáo điều để tấn công người khác trong khi tự trấn an mình về những sự bất an và thiếu hụt của chính mình. Rất đau đớn khi tôi nhận ra những điều này!

Mặc dù tôi không bao giờ có thể hoàn toàn khách quan, nhưng tôi có thể trở nên một người đọc Kinh Thánh đúng nghĩa hơn. Tôi có thể hạn chế những thành kiến của mình bằng việc xác định được chúng và công nhận sự hiện diện của chúng. Tôi chưa thể hoàn toàn dứt khỏi những điều này, nhưng tôi đã đối diện với những khiếm khuyết của mình. Người giải nghĩa thường là kẻ thù số một trong nỗ lực đọc Kinh Thánh hiệu quả!

Tôi sẽ liệt kê ra một số giả định khi tôi tiếp cận việc học Kinh Thánh, để bạn, người đọc, có thể cùng kiểm điểm theo với tôi:



## I. Các giả định

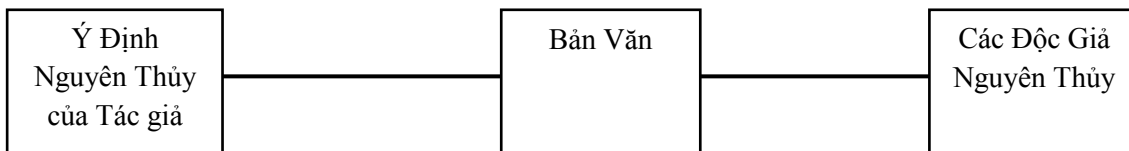
- (1) Tôi tin Kinh Thánh là sự tự mặc khải duy nhất từ một Đức Chúa Trời chân thật. Vì vậy, nó phải được giải nghĩa trong ánh sáng của ý định từ tác giả nguyên thủy thông qua các trước giả loài người trong bối cảnh lịch sử cụ thể.
- (2) Tôi tin Kinh Thánh được viết ra cho người bình dân- cho tất cả mọi người! Đức Chúa Trời đã tự hạ xuống để có thể trò chuyện với chúng ta một cách rõ ràng qua một bối cảnh lịch sử và văn hóa nhất định. Chúa không giấu giếm lẽ thật- Ngài muốn chúng ta hiểu biết lẽ thật! Vì vậy, Kinh Thánh phải được giải nghĩa trong sự soi sáng của thời kỳ Kinh Thánh, chứ không phải của chúng ta. Kinh Thánh không nên có những ý nghĩa mà nó chưa từng bao giờ có đối với những người ngày xưa đã đọc hoặc nghe nó lần đầu tiên. Nó có thể dễ hiểu đối với một trí óc con người trung bình và nó sử dụng các loại truyền thông hoặc kỹ thuật bình thường của con người.
- (3) Tôi tin Kinh Thánh có một sứ điệp và mục đích thống nhất. Nó không tự mâu thuẫn, mặc dù nó có những đoạn khó hiểu hoặc nghịch lý. Vì vậy, người giải nghĩa số một của Kinh Thánh là chính Kinh Thánh.
- (4) Tôi tin mỗi phân đoạn (ngoại trừ các lời tiên tri) có một và chỉ một ý nghĩa mà thôi dựa vào ý định của tác giả nguyên thủy được thần cảm. Mặc dù chúng ta không bao giờ chắc chắn rằng chúng ta biết được đích xác ý định của tác giả, nhưng có nhiều dấu hiệu chỉ về hướng đó:
  - (a) Thể loại văn chương được chọn để diễn tả sứ điệp đó
  - (b) Bối cảnh lịch sử hoặc/và trường hợp cụ thể khiến viết lên một cuốn sách nào đó
  - (c) Bối cảnh ngữ văn của Toàn sách cũng như từng đơn vị ngữ văn một
  - (d) Cách sắp xếp bản văn của những đơn vị ngữ văn khi nó cùng liên hệ đến một sứ điệp tổng thể
  - (e) Các đặc điểm văn phạm cụ thể dùng để chuyển tải sứ điệp
  - (f) Những từ ngữ dùng để trình bày sứ điệp

Việc nghiên cứu từng khía cạnh như thế này trở thành đối tượng của việc nghiên cứu từng phân đoạn của chúng ta. Trước khi tôi giải thích phương pháp đọc Kinh Thánh hiệu quả, tôi xin phác họa một vài phương pháp không thích hợp đang được sử dụng ngày nay dẫn đến tình muôn màu muôn vẻ trong cách giải nghĩa, là điều rất lại cần phải tránh:

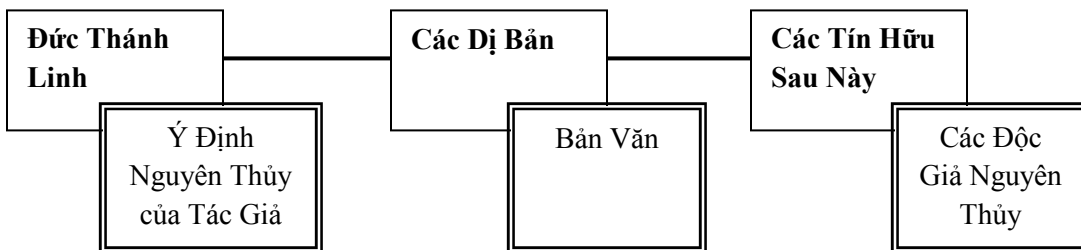
## II. Các phương pháp không thích hợp

- (1) Lờ đi bối cảnh ngữ văn của các sách trong Kinh Thánh và sử dụng các câu, cụm từ, hoặc ngay cả từng từ ngữ riêng lẻ, và kể nó là các lời tuyên bố của lẽ thật nhưng không liên hệ đến ý định hoặc bối cảnh rộng hơn của tác giả. Cách này thường được gọi là “dò bản văn” (proof-texting).
- (2) Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này bằng cách thay thế nó bằng một bối cảnh lịch sử khác không có hoặc chỉ có rất ít hậu thuẫn từ bản văn.
- (3) Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này và đọc nó như một tờ báo địa phương buổi sáng viết cho các cơ đốc nhân ngày nay.
- (4) Làm ngơ bối cảnh lịch sử của sách này bằng cách ngụ ngôn hóa bản văn thành một sứ điệp thuộc về triết lý hay thần học hoàn toàn không liên hệ đến những thính giả ban đầu cũng như ý định nguyên thủy của tác giả.
- (5) Làm ngơ sứ điệp nguyên thủy bằng cách thay thế nó bằng một hệ thống thần học riêng của mình, một giáo lý được ưa chuộng, hay một vấn đề đương thời không liên hệ đến mục đích và sứ điệp của tác giả nguyên thủy. Hiện tượng này thường theo sau việc lấy việc đọc Kinh Thánh để thiết lập thẩm quyền cho mình. Người ta thường gọi nó là “theo phản ứng của độc giả” (lỗi giải nghĩa “bản văn có ý nghĩa gì đối với tôi”).

Ít nhất có ba yếu tố liên hệ với nhau trong bất cứ một thông tin viết tay nào của con người:



Trong quá khứ có nhiều phương pháp đọc khác nhau tập trung vào chỉ một trong các yếu tố này. Nhưng để thật sự công nhận tính thần cảm đặc biệt của Kinh Thánh, biểu đồ được bổ sung sau đây có thể thích hợp hơn:



Thật sự ba yếu tố này cần phải có trong quá trình giải nghĩa. Để kiểm chứng lại tiến trình giải nghĩa này, tôi tập trung vào hai yếu tố đầu: ý định nguyên thủy của tác giả và bản văn. Tôi thật sự có phản ứng với những cách giải nghĩa kiểu lạm dụng mà tôi thường bắt gặp: (1) ngụ ngôn hóa hay thuộc linh hóa các bản văn và (2) kiểu giải nghĩa “theo phản ứng độc giả” (bản văn này có ý nghĩa gì đối với tôi). Sự lạm dụng có thể xảy ra ở cả hai chạng. Chúng ta phải kiểm tra động cơ, thành kiến, phương pháp và cách áp dụng của mình. Nhưng làm thế nào để kiểm tra nếu không có một giới hạn này, một tiêu chuẩn nào, một đường ranh nào cho việc giải nghĩa? Ý định của tác giả và cấu trúc bản văn cung cấp cho tôi một số tiêu chuẩn để giới hạn phạm vi giải nghĩa hợp lý của bản văn.

### III. Các phương pháp khả dĩ dẫn đến việc đọc Kinh Thánh có hiệu quả

Tại đây tôi không bàn đến các phương pháp khác nhau để giải nghĩa từng thể loại văn chương nhưng chỉ đưa ra các nguyên tắc giải kinh tổng quát thích hợp cho tất cả các thể loại văn bản. Một cuốn sách rất tốt giúp ích cho việc tiếp cận các thể loại văn chương khác nhau là cuốn *How to Read the Bible for All Its Worth*, của Gordon Fee và Douglas Stuart, xuất bản bởi nhà xuất bản Zondervan.

Phương pháp của tôi tập trung đầu tiên vào người đọc, là người để cho Đức Thánh Linh soi sáng lẽ thật Kinh Thánh qua bốn chu kỳ đọc cá nhân. Điều này làm cho Đức Thánh Linh, bản văn và người đọc trở nên yếu tố chính, không phải là yếu tố phụ. Điều này cũng bảo vệ người đọc khỏi những ảnh hưởng thái quá từ các nhà giải kinh. Tôi đã từng nghe nhiều người nói: “Kinh Thánh làm cho tôi hiểu các sách giải kinh nhiều hơn.” Đây không phải là câu nói hạ thấp giá trị của các phương tiện trợ giúp cho việc nghiên cứu, nhưng đúng hơn là lời khấn nài sử dụng nó một cách đúng thời điểm.

Chúng ta phải có khả năng hỗ trợ những giải nghĩa của mình từ chính bản văn. Năm phương diện sau đây cung cấp ít nhất một sự kiểm chứng có giới hạn:

- (1) Bối cảnh lịch sử
- (2) Bối cảnh văn chương
- (3) Cấu trúc ngữ pháp
- (4) Cách dùng từ ngày nay
- (5) Các phân đoạn song song có liên quan
- (6) Thể loại văn chương

Chúng ta cần có khả năng đưa ra lý lẽ và lập luận ủng hộ cho cách giải thích của mình. Kinh Thánh là nguồn duy nhất của chúng ta trên phương diện đức tin và thực hành. Đáng buồn thay, nhiều Cơ đốc nhân thường bắt đồng những điều Kinh Thánh dạy hay xác nhận.

Bốn chu kỳ đọc Kinh Thánh được thiết kế nhằm cung cấp một số ý cho việc giải nghĩa như sau :

- (1) Chu kỳ đọc Kinh Thánh thứ nhất
  - (a) Đọc qua hết sách trong một lần đọc. Đọc lại lần nữa từ một bản dịch khác, hy vọng đây là một bản dịch theo một triết lý khác
    - (i) Dịch sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)
    - (ii) Dịch tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)
    - (iii) Dịch theo lối diễn ý (Living Bible, Amplified Bible, Bản Diễn Ý)

- (b) Tìm mục đích trọng tâm của Toàn bộ sách. Xác định chủ đề chính.
  - (c) Tách (nếu có thể) các đơn vị ngữ văn ra, từng chương, từng đoạn, hay từng câu là những đơn vị phản ánh rõ ràng trọng tâm hay chủ đề chính này.
  - (d) Xác định thể loại văn chương chủ yếu
    - (i) Các sách Cựu Ước
      - a) Văn tường thuật Hy bá lai
      - b) Văn thơ Hy bá lai (các văn chương khôn ngoan, thi thiên)
      - c) Lời tiên tri Hy bá lai (văn xuôi, văn vần)
      - d) Các luật lệ
    - (ii) Các sách Tân Ước
      - a) Văn tường thuật (Các sách Phúc âm, Công Vụ)
      - b) Các ví dụ (Các sách Phúc âm)
      - c) Thư tín
      - d) Khải thị
- (2) Chu kỳ đọc Kinh Thánh thứ hai
- (a) Đọc Toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định các chủ đề hay vấn đề chính
  - (b) Lập dàn ý các chủ đề chính và ghi lại một số nội dung chính trong một câu ngắn gọn
  - (c) Kiểm tra lại câu chủ đề và dàn ý tổng quát trong các sách nghiên cứu khác
- (3) Chu kỳ đọc Kinh Thánh thứ ba
- (a) Đọc Toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định bối cảnh lịch sử và các dịp tiện đặc biệt làm lý do để viết sách này
  - (b) Liệt kê ra các mục thuộc về lịch sử trong sách đang đọc
    - (i) Tác giả
    - (ii) Thời điểm
    - (iii) Người nhận
    - (iv) Lý do cụ thể viết sách này
    - (v) Các bối cảnh văn hóa liên hệ đến mục đích của việc viết sách này
    - (vi) Các đối chiếu trong lịch sử liên quan đến con người và các sự kiện
  - (c) Mở rộng dàn ý bằng cách viết lại thành đoạn văn hoàn chỉnh cho phân đoạn Kinh Thánh mà bạn sẽ giải nghĩa. Luôn luôn xác định và lập dàn ý cho các đơn vị ngữ văn. Nó có thể là vài chương hay vài phân đoạn. Cách này giúp bạn theo dõi được lập luận và cách trình bày văn bản của tác giả nguyên thủy.
  - (d) Kiểm tra lại bối cảnh lịch sử từ các sách nghiên cứu khác
- (4) Chu kỳ đọc Kinh Thánh thứ tư
1. Đọc lại đơn vị ngữ văn đang nghiên cứu từ nhiều bản dịch khác
    - (i) Dịch sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)
    - (ii) Dịch tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)
    - (iii) Dịch theo lối diễn ý (Living Bible, Amplified Bible, Bản Diễn Ý)
  2. Tìm kiếm các cấu trúc ngữ pháp và văn chương
    - (i) Các cụm từ lặp đi lặp lại, Êphêsô 1:6, 12, 13
    - (ii) Các cấu trúc ngữ pháp lặp đi lặp lại, Rôma 8:31
    - (iii) Các khái niệm tương phản
  3. Liệt kê những mục sau đây
    - (i) Các từ ngữ quan trọng
    - (ii) Các từ ngữ bất thường
    - (iii) Các cấu trúc ngữ pháp quan trọng
    - (iv) Các từ ngữ, về câu, hay câu văn khó hiểu
  4. Tìm các phân đoạn song song tương đương
    - (i) Tra xem phân đoạn Kinh Thánh dạy rõ ràng nhất về chủ đề bạn đang nghiên cứu
      - a) Các sách “thần học hệ thống”
      - b) Các Kinh Thánh đối chiếu
      - c) Kinh Thánh phù dẫn

- (ii) Tìm một cặp nghịch lý (paradoxical pair) trong chủ đề bạn nghiên cứu. Nhiều lẽ thật Kinh Thánh được trình bày theo các cặp biện chứng (dialectical pairs); các mâu thuẫn trong các hệ phái thường đến từ cách dò bản văn (proof-texting) chỉ phân nửa vấn đề được trình bày trong Kinh Thánh. Vì Toàn bộ Kinh Thánh đều được linh cảm, chúng ta phải tìm kiếm sự điệp trọn vẹn của nó để cung cấp một sự cân bằng về Kinh Thánh trong cách giải nghĩa của mình.
  - (iii) Tìm xem các phân đoạn tương đương trong cùng một sách, cùng một tác giả, hay cùng một thể loại văn chương; Kinh Thánh tự nó là người giải nghĩa số một bởi vì nó có một tác giả duy nhất đó là chính Đức Thánh Linh.
5. Dùng sách nghiên cứu kiểm tra lại quan sát của bạn về bối cảnh lịch sử và các dịp tiện
- (i) Các Kinh Thánh có phần nghiên cứu
  - (ii) Các tự điển bách khoa Kinh Thánh, cẩm nang Kinh Thánh hay tự điển Kinh Thánh
  - (iii) Các sách nhập môn Kinh Thánh
  - (iv) Các sách giải kinh (trong tiến trình nghiên cứu của bạn đến thời điểm này, bạn nên cho phép cộng đồng đức tin thời quá khứ và hiện tại, tham gia vào việc trợ giúp và chỉnh sửa công trình nghiên cứu cá nhân của bạn).

#### IV. Phần Áp Dụng Sau Khi Giải Nghĩa

Tại đây chúng ta xoay qua phần áp dụng. Bạn đã dành thì giờ để tìm hiểu bản văn trong bối cảnh nguyên thủy của nó; bây giờ bạn phải áp dụng nó trong cuộc sống của bạn, văn hóa của bạn. Tôi định nghĩa thâm quyền của Kinh Thánh là “nhận biết điều mà tác giả nguyên thủy muốn nói cho thời của ông và áp dụng lẽ thật đó cho thời chúng ta.”

Phần áp dụng phải theo sau phần giải nghĩa ý định nguyên thủy của tác giả cả xét về thời điểm lẫn cách lập luận. Chúng ta không thể áp dụng một phân đoạn Kinh Thánh cho thời của chúng ta ngày nay khi chúng ta chưa hiểu nó nói gì cho thời đại của nó! Một phân đoạn Kinh Thánh không thể có ý nghĩa mà nó chưa bao giờ có từ trước!

Dàn ý chi tiết của bạn, và phần dàn ý viết thành đoạn (chu kỳ đọc thứ ba) sẽ là người dẫn đường cho bạn. Phần áp dụng phải được rút ra từ cấp phân đoạn chứ không phải từ từng chữ riêng lẻ. Từ ngữ chỉ có nghĩa trong bối cảnh riêng của nó mà thôi. Người được linh cảm duy nhất trong tiến trình giải nghĩa là chính tác giả nguyên thủy. Chúng ta chỉ theo sự dẫn đường của người này dưới sự soi sáng của Đức Thánh Linh. Nhưng sự soi sáng không phải là linh cảm. Để có thể nói, “Đức Chúa Trời có phán như vậy,” chúng ta phải buộc mình theo ý định của tác giả nguyên thủy. Phần áp dụng phải liên hệ cụ thể đến ý tưởng chung của Toàn bộ sách, của từng đơn vị ngữ văn và từng ý tưởng phá triển ở cấp phân đoạn.

Đừng để các vấn đề của thời đại chúng ta xen vào giải nghĩa Kinh Thánh; hãy để tự Kinh Thánh nói! Điều này đòi hỏi chúng ta phải rút ra các nguyên tắc từ bản văn. Nếu bản văn hỗ trợ cho nguyên tắc đó, thì điều đó là hợp lý. Thật không hay chút nào vì nhiều khi các nguyên tắc của chúng ta chỉ là ‘của chúng ta,’ mà không phải là của Kinh Thánh.

Khi áp dụng Kinh Thánh, cần phải nhớ rằng một và chỉ một ý nghĩa duy nhất tương ứng với một phân đoạn Kinh Thánh cụ thể (trừ các lời tiên tri). Ý nghĩa nó liên hệ đến ý định của tác giả nguyên thủy khi người này đề cập đến một vấn nạn hay một nhu cầu của thời đại ông ta. Nhiều áp dụng có thể được rút ra từ một ý nghĩa này. Phần áp dụng sẽ dựa vào nhu cầu của người nhận nhưng phải liên hệ đến ý nghĩa của tác giả nguyên thủy.

#### V. Yếu Tố Thuộc Linh Của Việc Giải Nghĩa

Những phần trước cho đến giờ, tôi bàn đến tiến trình lô-gích trong việc giải nghĩa và áp dụng Kinh Thánh. Bây giờ tôi sẽ đề cập ngắn gọn đến phương diện thuộc linh của việc giải nghĩa Kinh Thánh. Những mục kiểm tra sau đây đã giúp ích cho tôi:

- (1) Cầu xin sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh (xem I Cô-rinh-tô 1:26-2:16).
- (2) Cầu xin Chúa tha tội và tẩy rửa những tội lỗi biết được (I Giăng 1:9).
- (3) Cầu xin sự khao khát biết Chúa càng hơn (Thi thiên 19:7-14; 42:1 và tiếp theo; 119: 1 và tiếp theo).
- (4) Áp dụng những ý tưởng sâu sắc vào cuộc sống của bạn ngay lập tức
- (5) Luôn khiêm nhường và chịu học hỏi

Khó mà giữ được sự quân bình giữa tiến trình lô-gích và sự hướng dẫn thuộc linh của Đức Thánh Linh. Những câu nói sau đây đã giúp tôi giữ được sự quân bình này:

(1) Trích từ sách *Scripture Twisting*, của Gia-cơ Sire, trang 17-18:

“Sự soi sáng đến với trí óc của dân sự Đức Chúa Trời- nó không chỉ đến với những người được tuyển lựa thuộc linh. Không có thành phần bậc thầy trong Cơ đốc giáo theo Kinh Thánh, không có những người đặc biệt được soi sáng, không có những người mà tất cả các sự giải thích hợp lý phải thông qua họ. Và vì vậy, mặc dù Đức Thánh Linh ban các ân tứ đặc biệt về sự khôn ngoan, tri thức và phân biệt thuộc linh cho một số người, Ngài không giao cho các Cơ đốc nhân tài năng này quyền làm những người duy nhất có thẩm quyền giải nghĩa lời của Ngài. Điều này hoàn toàn tùy thuộc vào dân sự của Ngài muốn học, muốn xem xét và phân biệt các vấn đề chiếu theo Kinh Thánh là quyển sách đứng làm thẩm quyền ngay cả đối với những người Chúa cho có những khả năng đặc biệt. Tóm lại, giả định mà tôi muốn nêu ra trong Toàn bộ tập sách này là Kinh Thánh là mặc khải thật của Đức Chúa Trời cho Toàn thể nhân loại, Kinh Thánh là thẩm quyền tuyệt đối của chúng ta trên tất cả các vấn đề mà nó nói đến, và nó không phải là một điều gì đó hoàn toàn huyền bí nhưng những người bình dân ở mọi văn hóa đều có thể hiểu được.”

(2) Trích từ *Protestant Biblical Interpretation*, của Bernard Ramm, khi nói về Kierkegaard, trang 75: Theo Kierkegaard việc nghiên cứu Kinh Thánh trên phương diện ngữ pháp, từ vựng, và lịch sử là điều cần thiết nhưng đó chỉ là mở đầu cho việc thật sự đọc Kinh Thánh. “Đề đọc Kinh Thánh như là lời Đức Chúa Trời một người phải đọc nó với tâm lòng nơi cửa miệng, với sự hớn hở trông mong, trong cuộc đối thoại với Đức Chúa Trời. Đọc Kinh Thánh một cách vô ý, câu thả, theo kiểu học giả hay nhà nghề thì không phải là đọc lời Đức Chúa Trời. Khi một người đọc lời Chúa như đọc bức thư tình, người đó đang đọc lời Đức Chúa Trời.”

(3) Trích từ *The Relevance of the Bible*, của H.H. Rowley, trang 19:

“Không có một sự hiểu biết Kinh Thánh đơn thuần theo trí thức nào, cho dù có đầy đủ đến đâu, có thể sở hữu được tất cả các châu báu của nó. Nó không khinh thường những sự hiểu biết này, vì đây là điều cần để có thể hiểu một cách hoàn chỉnh. Nhưng nó phải dẫn đến sự hiểu biết thuộc linh của các châu báu thuộc linh trong sách đó nếu nó muốn trở nên hoàn chỉnh. Và để có thể hiểu các vấn đề thuộc linh như vậy, thì điều gì đó cao hơn sự nhạy bén về trí thức là cần thiết. Các vấn đề thuộc linh được nhận biết theo cách thuộc linh, và mỗi người học Kinh Thánh đều cần có thái độ đón nhận thuộc linh, một sự ham thích tìm thấy Chúa dẫn đến việc người đó tự đầu phục Ngài, nếu người đó muốn vượt qua tâm nghiên cứu theo tính chất khoa học của mình để đi đến một sự thừa hưởng giàu có hơn về điều cao quý nhất trong tất cả các sách này.”

## **VI. Phương Pháp Sử Dụng Trong Tập Sách này**

*Tập Hướng Dẫn Nghiên Cứu Giải Kinh* được thiết kế nhằm giúp bạn trong quá trình giải nghĩa Kinh Thánh qua các cách sau:

1. Một dàn ý lịch sử ngắn được giới thiệu ở mỗi sách. Sau khi bạn đã thực hiện “chu kỳ đọc thứ ba” bạn nên kiểm tra lại thông tin này.
2. Các nhận xét sâu sắc về bối cảnh được trình bày ở đầu mỗi chương. Điều này giúp bạn thấy các đơn vị ngữ văn nối kết nhau như thế nào.
3. Ở đầu mỗi chương hay ở các đơn vị ngữ văn chính, các phần chia đoạn và tiêu đề được trình bày từ nhiều bản dịch khác nhau:
  1. Bản United Bible Society, bản Hy Lạp, hiệu đính lần thứ tư (UBS<sup>4</sup>)
  2. Bản New American Standard Bible, cập nhật năm 1995 (NASB)
  3. Bản New King Gia-cơ Version (NKJV)
  4. Bản New Revised Standard Version (NRSV)
  5. Bản Today’s English Version (TEV)
  6. Bản the New Giê-ru-sa-lem Bible (NJB)

Các cách chia đoạn không được linh cảm. Chúng phải được xác nhận từ bối cảnh của nó. Bằng cách đối chiếu các bản dịch hiện đại từ các lý thuyết dịch và quan điểm thần học khác nhau, chúng ta có thể phân tích được cấu trúc ý tưởng giả định là đúng từ tác giả nguyên thủy. Mỗi phân đoạn có một lễ thật chính. Điều này còn được gọi là “câu chủ đề” hay “ý tưởng trọng tâm của bản văn.” Ý tưởng hợp nhất này là chìa khóa dẫn đến sự giải nghĩa hợp lý về mặt lịch sử và văn phạm. Không một người nào nên giải nghĩa, giảng hay dạy dựa trên một đơn vị ít hơn là một phân đoạn! Cũng nên nhớ rằng mỗi phân đoạn đều liên hệ đến các phần

đoạn xung quanh nó. Điều này giải thích tại sao việc lập dàn ý ở cấp độ phân đoạn cho Toàn bộ sách là quan trọng. Chúng ta phải có khả năng theo dõi được sự phát triển ý tưởng một cách lôgic về một chủ đề do tác giả nguyên thủy được sự linh cảm trình bày.

4. Các chú thích của Bob đi theo phương pháp giải nghĩa theo từng câu. Điều này buộc chúng ta phải đi theo ý tưởng của tác giả nguyên thủy. Các chú thích này cung cấp thông tin thuộc về các lãnh vực sau:
  - a. Bối cảnh ngữ văn
  - b. Các nhận xét sâu sắc về lịch sử và văn hóa
  - c. Các thông tin ngữ pháp
  - d. Các nghiên cứu theo từ
  - e. Các đoạn Kinh Thánh tương ứng
5. Ở một số chỗ trong tập giải nghĩa này, phần bản văn in theo bản New American Standard Version (cập nhật năm 1995) sẽ được bổ sung bằng các bản dịch hiện đại khác:
  - a. Bản King Gia-cơ mới (NKJV) là bản dịch dựa trên bản thảo truyền thống gọi là bản tiêu chuẩn (the Textus Receptus).
  - b. Bản hiệu đính tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ được xuất bản bởi National Council of Churches of the Revised Standard Version.
  - c. Bản tiếng Anh ngày nay (the Today's English Version) là một bản dịch tương đương và uyên chuyên xuất bản bởi American Bible Society.
  - d. Bản Giê-ru-sa-lem Bible (JB) là một bản dịch tiếng Anh dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo.
6. Đối với những người không biết tiếng Hy Lạp, việc đối chiếu các bản dịch Anh ngữ giúp xác định được một số vấn đề trong bản văn:
  - a. Các dị bản
  - b. Cách sử dụng từ
  - c. Các bản văn và cấu trúc ngữ pháp khó
  - d. Các bản văn không rõ ý
7. Ở cuối mỗi chương đều có các câu hỏi thảo luận liên quan đến vấn đề, được cung cấp để hướng đến một số vấn đề giải thích chính trong đoạn đó.

**BẢNG VIẾT TẮT TÊN CÁC TÀI LIỆU ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG TẬP  
GIẢI KINH NÀY**

AB	Anchor Bible Commentaries, ed. William Foxwell Albright and David Noel Freedman
ABD	Anchor Bible Dictionary (6 vols.), ed. David Noel Freedman
AKOT	Analytical Key to the Old Testament by Giăng Joseph Owens
ANET	Ancient Near Eastern Texts, Gia-cơ B. Pritchard
BAGD	A Greek-English Lexicon of the New Testament and Early Christian Literature, Walter Bauer, 2 <sup>nd</sup> edition by F. W. Gingrich and Fredrick Danker
BDB	A Hebrew and English Lexicon of the Old Testament by F. Brown, S. R. Driver and C. A. Briggs
BHS	Biblia Hebraica Stuttgartensia, GBS, 1997
IDB	The Interpreter's Dictionary of the Bible (4 vols.), ed. George A. Buttrick
ISBE	International Standard Bible Encyclopedia (5 vols.), ed. Gia-cơ Orr
JB	Giê-ru-sa-lem Bible
JPSOA	The Holy Scriptures According to the Masoretic Text: A New Translation (The Jewish Publication Society of America)
KB	The Hebrew and Aramaic Lexicon of the Old Testament by Ludwig Koehler and Walter Baumgartner
LAM	The Holy Bible From Ancient Eastern Manuscripts (the Peshitta) by George M. Lamsa
LXX	Septuagint (Greek-English) by Zondervan, 1970
MOF	A New Translation of the Bible by Gia-cơ Moffatt
MT	Masoretic Hebrew Text
NAB	New American Bible Text
NASB	New American Standard Bible
NEB	New English Bible
NET	NET Bible: New English Translation, Second Beta Edition
NIDNTT	New International Dictionary of New Testament Theology (4 vols.), by Colin Brown
NIDOTTE	New International Dictionary of Old Testament Theology and Exegesis (5 vols.), ed. Willem A. VanGemeren

NRSV	New Revised Standard Bible
NIV	New International Version
NJB	New Giê-ru-sa-lem Bible
OTPG	Old Testament Parsing Guide by Todd S. Beall, William A. Banks and Colin Smith
REB	Revised English Bible
RSV	Revised Standard Version
SEPT	The Septuagint (Greek-English) by Zondervan, 1970
TCNT	The Twentieth Century New Testament
TEV	Today's English Version from United Bible Societies
YLT	Young's Literal Translation of the Holy Bible by Robert Young
ZPBE	Zondervan Pictorial Bible Encyclopedia (5 vols.), ed. Merrill C. Tenney



## **BÀI GIỚI THIỆU QUAN TRỌNG**

### **“Vi sao cơ đốc nhân có nhiều sự giải kinh một cách độc đoán về sách Khải Huyền?”**

Trong suốt những năm nghiên cứu chủ đề Tân Thế, tôi thấy rằng hầu hết cơ đốc nhân không có, hoặc chỉ muốn có một thời gian biểu được phát triển và hệ thống hóa về những sự kiện cuối cùng. Có những người chú trọng tới điều này vì những lý do liên quan tới tâm lý, giáo điều và tín lý giáo hội. Bởi quá quan tâm tới thời điểm và trình tự chung kết mà họ quên mất đi tính khẩn thiết của sứ mạng truyền giáo. Trong khi không thể thay đổi chương trình Tân thế của Đức Chúa Trời, các tín đồ có thể tham dự truyền giảng Phúc âm, (xem Ma-thi-ơ 28:19-20; Lu-ca 24:47; Công Vụ 1:8). Hầu hết các tín đồ xác nhận sự Tái Lâm và ứng nghiệm lời hứa của Đức Chúa Trời trong thời kỳ sau rốt. Nan đề của sự giải kinh là làm sao hiểu được các ứng nghiệm tức thời trong bối cảnh nghịch lý tồn tại trong Kinh Thánh.

1. Nghịch lý giữa mô hình tiên tri thời Cựu Ước và mô hình sứ đồ thời Tân Ước
  2. Nghịch lý Thuyết Độc Thân: giữa Một Đức Chúa Trời cho cả nhân loại và chỉ cho I-sơ-ra-en (Dân tuyền)
  3. Nghịch lý giữa giao ước có điều kiện dựa trên trách nhiệm cá nhân (Nếu các người vâng lời... thì Ta sẽ...), so lời hứa vô điều kiện dựa trên sự thành tín của Đức Chúa Trời trong sự cứu chuộc loài người tội lỗi.
  4. Nghịch lý giữa các mô hình văn chương Trung Cận Đông cổ đại và văn chương Phương Tây hiện đại.
  5. Nghịch lý giữa Vương Quốc Đức Chúa Trời trong thì hiện tại và thì tương lai.
  6. Nghịch lý về sự Tái Lâm tức thời và sự Tái Lâm tiếp theo một số sự kiện cần phải xảy ra.
- Chúng ta hãy xem xét từng nghịch lý một.

**NGHỊCH LÝ THỨ NHẤT.** Chúng tộc, dân tộc và địa dư đặc biệt của I-sơ-ra-en thời Cựu Ước, so với tất cả mọi tín đồ trên thế gian thời Tân Ước

Các tiên tri Cựu Ước tiên đoán sự phục hồi vương quốc Do-thái, với thủ đô là Giê-ru-sa-lem ở xứ Pa-lét-stin, mà tất cả các dân tộc sẽ hội ngộ, ca ngợi và phụng sự vua theo dòng dõi Đa-vít. Nhưng cả Chúa Giê-su, các sứ đồ đều không đã động đến điều này. Phải chăng Cựu Ước không được linh cảm (xem Ma-thi-ơ 5:17-19)? Hay các tác giả Tân Ước bỏ qua các sự kiện tận thế?

Sau đây là một vài nguồn dẫn chứng thông tin về sự chung kết thế gian:

1. Tiên tri Cựu Ước (Ê-sai, Mi-chê, Ma-la-chi)
2. Các tác giả sách Khải thị trong Cựu Ước (xem Ê-xê-chiên 37-39; Đa-ni-ên 7-12; Xa-cha-ri)
3. Các tác giả văn chương Khải thị giữa hai giao ước, (ngụy kinh I Enoch, liên tưởng đến Giu-đe)
4. Bản thân Chúa Giê-su (xem Ma-thi-ơ 24; Mác 13; Lu-ca 21)
5. Văn tự Phao-lô (xem I Cô-rin-tô 15; II Cô-rin-tô 5; I Tê-sa-lô-ni-ca 4-5; II Tê-sa-lô-ni-ca 2)
6. Văn tự Giảng (I Giảng and Khải Huyền).

Có phải tất cả các nguồn trên đều dạy về quy trình tận thế? (sự kiện, thời gian và nhân vật). Nếu không, xin cho biết lý do. Trừ ngụy kinh, (văn chương trong giai đoạn giữa hai giao ước), có phải các nguồn trên đây đều được linh cảm?

Đức Thánh Linh mặc khải chân lý theo mô hình và thuật ngữ để các tiên tri Cựu Ước có thể hiểu. Tuy nhiên Ngài mở rộng quan điểm tận thế của Cựu Ước tới tầm nhìn phổ thông của Tân Ước: đó là “điều mầu nhiệm của Đấng Christ”, xem Ê-phê-sô 2:11-3:13, (xem chủ Đề Đặc Biệt ở câu 10:7). Sau đây là một số ví dụ điển hình:

1. Thành thánh Giê-ru-sa-lem trong Cựu Ước là biểu tượng con dân của Đức Chúa Trời (Zion), nhưng trong Tân Ước là thuật ngữ tượng trưng cho mọi tín đồ được Chúa tiếp nhận, là những ai bày tỏ sự ăn năn và tin cậy. (Giê-ru-sa-lem mới, trong Khải huyền 21-22). Sự biến đổi thần học từ thành phố theo nghĩa đen sang con dân của Chúa theo biểu tượng, bao gồm cả tín đồ Do-thái và Ngoại-bang, được phản chiếu từ lời hứa cứu chuộc nhân loại trong Sáng Thế 3:15, trước khi dân Do-thái và thủ đô thuộc thế của họ xuất hiện. Kể cả sự kêu gọi của Abraham (xem Sáng Thế 12:1-3) cũng liên hệ tới người ngoại bang, (xem Sáng Thế 12:3; Xuất Hành 19:5).
2. Trong Cựu Ước, kẻ thù của dân tuyền là tất cả các dân tộc láng giềng Trung Cận Đông, nhưng trong Tân Ước, kẻ thù bao gồm tất cả những người bất tin, chống nghịch Chúa, và được Sa-tan cảm ứng. Cuộc chiến

lan rộng từ cục bộ địa phương ra cả thế gian toàn cầu (xem Cô-lô-sê).

3. Miền đất hứa trong Cựu Ước đối với các tổ phụ tiên bối trong Sáng Thế 12:7; 13:15; 15:7,15; 17:8, nay trở nên cả Trái Đất. Thành Giê-ru-sa-lem mới từ Trời hạ thế thành Đất Mới tái tạo, chứ không còn là mảnh đất Trung Cận Đông nữa, (xem Khải Huyền 21-22).
4. Một số các vị dụ khác về sự mở rộng tiên tri Cựu Ước
  - a. Dòng dõi Áp-ra-ham nay thành những người được cắt bì thuộc linh, (xem Rô-ma 2:28-29)
  - b. Dân thuộc giao ước nay bao gồm cả người ngoại (xem Ô-sê 1:10; 2:23, được trưng dẫn trong Rô-ma 9:24-26; Lê-vi 26:12; Xuất Hành 29:45, II Cô-rin-tô 6:16-18 và Xuất Hành 19:5; Phục Truyền 14:2, Tít 2:14)
  - c. Đền Thánh nay là Chúa Giê-su (xem Ma-thi-ơ 26:61; 27:40; Giăng 2:19-21) và qua Ngài là hội thánh địa phương (xem I Cô-rin-tô 3:16) và cá nhân từng tín đồ (xem I Cô-rin-tô 6:19)
  - d. Mọi sự miêu tả đặc trưng cho I-sơ-ra-en trong Cựu Ước, nay ám chỉ toàn bộ con dân Đức Chúa Trời. (“I-sơ-ra-en,” xem Rô-ma 9:6; Ga-la-ti 6:16, ví dụ “vương quốc thầy tế lễ,” xem I Phi-ê-rơ 2:5, 9-10; Khải Huyền 1:6)

Mô hình tiên tri (theo D. Brent Sandy, *Plowshares and Pruning-Hooks*) đã được ứng nghiệm, mở rộng, và bao gồm. Chúa Giê-su và các sứ đồ không trình bày Tận Thế giống như các tiên tri Cựu Ước, (xem Martin Wyngaarden, *The Future of The Kingdom in Prophecy and Fulfillment*). Các nhà giải kinh hiện đại cố gắng áp dụng Cựu Ước theo nghĩa đen, biến sách Khải huyền thành một sách Do-thái, áp đặt ý tưởng mình trên những câu cá biệt, khó hiểu của Chúa Giê-su và Phao-lô. Các tác giả Tân Ước không phủ nhận tiên tri Cựu Ước, nhưng mô tả tính phổ thông của các tiên tri ấy một cách tối hậu. Chúng ta không thấy tính tổ chức hay lô-gíc trong chủ đề Tận Thế của Chúa hay Phao-lô, nhưng thay vào đó là tính cứu chuộc và tính khích lệ (redemptive or pastoral) (xem I Cô-rin-tô 15:58; I Tê-sa-lô-ni-ca 4:18).

Tuy nhiên, ngay trong Tân Ước chúng ta cũng thấy nghịch lý, bởi không thể hệ thống hoá các sự kiện Tận Thế. Trong nhiều khía cạnh, sách Khải Huyền dùng nhiều gợi ý từ Cựu Ước hơn dùng giáo huấn của Chúa Giê-su (xem Ma-thi-ơ 24; Mác 13); hay Phao-lô! Nó đi theo thể loại văn chương khai thị, bắt đầu từ Ê-xê-chiên, Đa-ni-ên và Xa-cha-ri, phát triển qua văn chương khai thị giữa hai giao ước (Ngụy Kinh Do-thái). Đây có thể là cách Giăng kết nối giữa Cựu Ước và Tân Ước. Nó miêu tả khuôn mẫu sự bạo loạn của nhân loại và sự hứa nguyện cứu chuộc của Đức Chúa Trời. Tuy Khải Huyền được trích dẫn từ ngôn ngữ, nhân vật và sự kiện của Cựu Ước, chúng ta phải giải kinh sách này trong ánh sáng thế giới La Mã thế kỷ thứ nhất, (xem Khải Huyền 1:7).

### **NGHỊCH LÝ THỨ HAI:** Thuyết Độc Thần so với quan điểm Dân Tuyển (Monotheism vs elect people)

Kinh Thánh nhấn mạnh một Vị Thần: Đức Chúa Trời, Đấng Tạo hóa - Cứu rỗi mang tính cá nhân và thuộc linh, (xem Xuất Hành 8:10; Ê-sai 44:24; 45:5-7,14,18,21-22; 46:9; Giê-rê-mi 10:6-7). Sự khác biệt của Cựu Ước trong thời cổ đại là chủ nghĩa Độc Thần so với chủ nghĩa Đa thần của các dân tộc xung quanh. Ý tưởng Một Chúa Duy Nhất là trọng tâm của Cựu Ước, (xem Phục Truyền 6:4). Công trình Tạo Hóa là diễn trường cho mối liên hệ giữa Chúa và con người được dựng nên trong hình ảnh của Ngài, (xem Sáng Thế 1:26 -27). Mặc dầu vậy, con người bạo loạn chống nghịch tình thương, sự tể trị và mục đích của Đức Chúa Trời, (xem Sáng Thế 3). Tình yêu cũng như mục đích của Đức Chúa Trời thật quá lớn lao, khiến Ngài hứa nguyện và thực hành cứu chuộc nhân loại, (xem Sáng Thế 3:15)!

Nghịch lý xảy ra khi Đức Chúa Trời chọn một người, một gia đình, một dân tộc làm phương tiện vươn tới cả nhân loại. Việc Đức Chúa Trời chọn lựa Áp-ra-ham và người Do-thái làm dân tuyển và vương quốc thầy tế lễ (xem Xuất Hành 19:4-6) khiến họ trở nên kiêu ngạo thay vì phục vụ, trở nên biệt lập bản thân thay vì bao dung tất cả. Đức Chúa Trời kêu gọi Áp-ra-ham với ý định chúc phước cho cả nhân loại, (xem Sáng Thế 12:3). Xin mọi người nhớ rằng sự kêu gọi không gắn liền với sự cứu rỗi, nhưng gắn liền với sự phục vụ. Dân Do-thái không bao giờ công chính trước mặt Đức Chúa Trời bởi liên hệ dòng dõi, (xem Giăng 8:31-59; Ma-thi-ơ 3:9), nhưng chỉ bởi đức tin và sự vâng phục một cách cá nhân, (xem Sáng Thế 15:6, trích dẫn trong Rô-ma 4:3,9,22; Ga-la-ti 3:6). Dân Do-thái đã mất sứ mạng (bởi hội thánh nay trở nên vương quốc thầy tế lễ xem 1:6; II Phi-ê-rơ 2:5,9). Dân Do-thái biến sự kêu gọi thành đặc quyền, biến phục vụ thành đặc ân. Nghịch lý ở đây là: Đức Chúa Trời chọn một dân tộc (làm phương tiện) để tiếp nhận cả nhân loại.

## NGHỊCH LÝ THỨ BA (giao ước vô điều kiện và giao ước có điều kiện)

Một nghịch lý tồn tại giữa các giao ước có và không có điều kiện. Chắc chắn mục đích và chương trình cứu rỗi mang tính vô điều kiện (xem Sáng Thế 15:12-21 và sự giáng trần của Đấng Mê-si-a), nhưng sự hưởng ứng của nhân loại luôn luôn nằm trong điều kiện nghiêm khắc.

Thể điều kiện “nếu” luôn xuất hiện trong cả Cựu Ước và Tân Ước. Đức Chúa Trời luôn thành tín, còn con người luôn bất tín. Nghịch lý này khiến cho các nhà giải kinh lầm lẫn, khi họ chỉ để ý tới một thái cực của vấn đề: Sự thành tín của Chúa hay sự cố gắng của con người? Sự tể trị của Chúa hay sự tự do chọn lựa của con người? Cả hai thái cực đều đúng theo Kinh Thánh và cần thiết.

Điều này liên hệ tới thuyết Tận Thế, tới lời hứa của Chúa đối với I-sơ-ra-en. Nếu Chúa đã hứa, không có gì cần tranh luận, Ngài hứa và Ngài thực hiện một cách danh dự, (xem Ê-xê-chiên 36:22-38). Giao ước vô điều kiện và có điều kiện được gặp gỡ trong Đấng Christ, chứ không trong vị thế của I-sơ-ra-en, (xem Ê-sai 53). Một cách tối hậu, sự thành tín của Chúa được thấy trong sự cứu chuộc của tất cả những ai tin cậy, chứ không phải trong dòng dõi gia tộc một cá nhân. Đấng Christ, chứ không phải I-sơ-ra-en là chìa khóa cho các giao ước và hứa ngôn của Đức Chúa Trời. Nếu trong Kinh Thánh có phần “phụ đề”, phần đó nói về I-sơ-ra-en chứ không nói về hội thánh, (xem Công Vụ 7 and Ga-la-ti 3).

Sứ mạng truyền giáo thế giới đã được chuyển qua tay hội thánh (xem Ma-thi-ơ 28:19-20; Lu-ca 24:47; Công Vụ 1:8). Đây cũng là giao ước có điều kiện. Điều này không có nghĩa rằng Chúa hoàn toàn từ chối I-sơ-ra-en, (xem Rô-ma 9-11). Có thể còn có mục đích và cơ hội cho người dân Do-thái có đức tin trong giai đoạn Tận thế, (xem Xa-cha-ri 12:10).

## NGHỊCH LÝ THỨ TƯ (Mô hình văn chương Trung Cận Động so với mô hình văn chương cận đại Tây Phương).

Thể loại văn chương đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc giải kinh chính xác. Giáo hội hôm nay được phát triển trong bối cảnh văn hóa tây phương, (Hy-lạp). Văn chương đông phương mang nhiều hình ảnh, ẩn dụ, biểu tượng ... hơn văn chương phương tây. Nó tập trung vào nhân vật, chiến cuộc và sự kiện hơn vào mệnh đề văn tắt của chân lý. Cơ đốc nhân ngày nay thường phạm lầm lẫn khi dùng lịch sử và mô hình văn chương của mình để giải thích tiên tri ngày trước, thời Cựu Ước và Tân Ước. Mọi sự giải kinh theo cách này đều sai trật. Thật kiêu ngạo cho ai nghĩ rằng nền văn hóa phương tây hiện đại là tiêu điểm của lời tiên tri trong Kinh Thánh.

Thể loại được coi là hợp đồng văn chương giữa tác giả nguyên thủy được linh cảm và độc giả nguyên thủy. Sách Khải Huyền không phải là thể loại tường thuật sự kiện, nhưng là tổ hợp giữa thư tín (chương 1-3), tiên tri và khái tượng. Những ai muốn Kinh Thánh nói nhiều hơn (hoặc ít hơn) dụng ý của tác giả nguyên thủy đều phạm lỗi lầm nghiêm trọng. Sự kiêu ngạo và độc đoán của người giải kinh càng không phù hợp với loại sách như Khải Huyền.

hội thánh không bao giờ thống nhất trong cách giải kinh thích hợp cho sách Khải Huyền. Sự quan tâm của tôi là lắng nghe và xử lý toàn bộ Kinh Thánh, chứ không chỉ tập trung một phần được chọn trong đó. Kinh Thánh, trong ý tưởng phương đông, trình bày chân lý trong những đôi cặp nghịch lý. Ý tưởng phương tây có xu hướng trình bày mệnh đề chân lý - mặc dầu không sai, nhưng thiếu sự quân bình. Tôi suy nghĩ, ít nhất chúng ta có thể loại bỏ ngõ cụt trong việc giải kinh, bằng cách để ý tới sự thay đổi mục đích của Khải Huyền đối với các thế hệ tín đồ tiếp theo. Tất cả các nhà giải kinh đều đồng ý, rằng Khải Huyền phải được giải kinh trong ánh sáng của bối cảnh thời đại của tác giả và thể loại văn chương ông chọn dùng. (Fee and Stuart, *How To Read the Bible For All Its worth*, pp. 249-264). Một cách tiếp cận, mang tính cách lịch sử, phải liên hệ tới những gì mà độc giả nguyên thủy có thể hiểu và nên hiểu (ví dụ Giảng L. Bray, *Ma-thi-ơ 24 Fulfilled*). Trong nhiều khía cạnh, các nhà giải kinh hiện đại đánh mất ý nghĩa biểu tượng của cuốn sách. Khải Huyền có mục đích chính là khích lệ các tín đồ đang chịu sự bất bớ. Cũng như các tiên tri Cựu Ước, Khải Huyền minh họa Đức Chúa Trời tể trị thế gian, khẳng định con tàu lịch sử đang tiếp tục tiến tới nhà ga cuối cùng của sự phán xét hay khen thưởng. Bằng ngôn ngữ tận thế của người Do-thái trong thế kỷ đầu tiên, nó xác nhận tình yêu, sự hiện diện, quyền năng và sự tể trị của Đức Chúa Trời. Những giá trị này vẫn còn vận hành qua tất cả các thế hệ tín đồ. Nó phản ánh chiến trận thuộc linh tâm cỡ vũ trụ giữa điều thiện và điều ác. Những chi tiết, sự kiện thuộc về thế kỷ đầu tiên có thể đã mất, nhưng chân lý vĩ đại và âm áp vẫn còn đó cho chúng ta hôm nay. Khi các nhà giải kinh phương tây áp đặt các chi tiết của Khải huyền vào lịch sử hiện đại, khuôn mẫu giải kinh sai lầm vẫn được lặp lại đang tiêc.

Cũng như các chi tiết về sự nhập thể, cuộc đời, sự hy sinh, sự sống lại của Chúa Giê-su ẩn dấu trong Cựu

Ước, rất có thể những chi tiết của Khải Huyền sẽ ứng nghiệm theo nghĩa đen trong thể hệ cuối cùng của các tín đồ, khi họ phải đối diện với sự tàn bạo của thể lực cầm quyền và xã hội chống nghịch Đức Chúa Trời, (xem II Tê-sa-lô-ni-ca 2) Không ai có thể biết rõ sự ứng nghiệm theo nghĩa đen của Khải Huyền, cho đến khi các lời dạy của Chúa Giê-su (xem Ma-thi-ơ 24; Mác.13; and Lu-ca 21) và Phao-lô (xem I Cô-rin-tô 15; I Tê-sa-lô-ni-ca 4-5; and II Tê-sa-lô-ni-ca 2) trở nên hiện thực. Sự đoán mò, suy diễn và cực đoan là những điều không thể chấp nhận được. Văn chương Khải thị cho phép sự uyển chuyển. Cảm ơn Đức Chúa Trời về thể loại Khải thị với những hình ảnh, ẩn dụ có thể trình bày chân lý vượt trên khả năng của thể loại tường thuật. Đức Chúa Trời làm chủ tình huống, tế trị lịch sử. Ngài chắc chắn sẽ đến.

Hầu hết sách giải kinh hiện đại đều xem nhẹ tầm quan trọng của các thể loại văn chương. Các nhà giải kinh tây phương hiện đại tìm kiếm một hệ thống thần học sáng sủa, phù hợp lô-gíc, thay vì tôn trọng điều khó hiểu, biểu tượng, kịch tính trong văn chương Khải thị của người Do-thái. Sự thật này được nhắc tới trong bài luận của Ralph P. Martin, “Approaches to New Testament Exegesis,” trong cuốn *New Testament Interpretation*, hiệu đính bởi Howard Marshall:

“Cho đến khi hiểu được kịch tính trong thể loại văn chương, cũng như ngôn ngữ được dùng để diễn tả chân lý tôn giáo, chúng ta phạm sai lầm một cách thảm hại khi tìm hiểu Khải thị. Chúng ta phạm sai lầm khi giải thích Khải thị theo cách giải thích văn xuôi với nghĩa đen, chỉ quan tâm tới các sự kiện có thể trải nghiệm và thích hợp với thời gian biểu lịch sử. Bằng cách này chúng ta sẽ sa vào muôn vàn nan đề giải kinh. Nghiêm trọng hơn, chúng ta sẽ xuyên tạc ý nghĩa cốt yếu của chủ đề tận thế, mất đi giá trị lớn của phần Tân Ước với kịch tính cao độ thể hiện bởi thi vị huyền bí, là ngôn ngữ mô tả sự tế trị trong quyền năng và yêu thương của Đức Chúa Trời cùng Đấng Christ, (xem 5:5,6; the Lion is the Lamb)” (p. 235).

W. Randolph Tate viết trong sách của ông *Biblical Interpretations*:

“Không có một cuốn sách nào trong Kinh Thánh được đọc một cách nhiệt thành, nhưng đem lại hậu quả sàu não như các sách thuộc thể loại Khải thị, đặc biệt sách Đa-ni-ên và Khải huyền. Thể văn này bị ảnh hưởng bởi cả một quá trình giải kinh sai, bắt đầu từ việc hiểu sai thể loại văn chương, cấu trúc, và mục đích. Bởi thể loại này mặc Khải những gì sắp xảy ra, nó được coi như bản họa đồ của tương lai. Một trong những sai lầm là ngộ nhận bởi cảnh của tác giả và độc giả nguyên thủy cũng giống như bối cảnh của độc giả hiện đại. Cách tiếp cận Khải Huyền sai lầm này tương tự như việc nhìn vào các ẩn họa, mà nghĩ rằng các biểu tượng có thể giải thích bằng các sự kiện hiện đại. Trước hết, người giải kinh cần phải xác nhận rằng sứ điệp tận thế được thông tin qua các biểu tượng. Giải kinh biểu tượng bằng nghĩa đen là một sự sai lầm. Sự thực không nằm trong việc sự kiện có hay không xảy ra. Sự kiện có thể mang tính chất lịch sử, có thể đã xảy ra hoặc sẽ xảy ra, nhưng tác giả chọn thông tin sứ điệp qua hình ảnh và khuôn mẫu. (p. 137).

Từ bài *Dictionary of Biblical Imagery* hiệu đính bởi Ryken, Wilhost and Longman III:

“Hôm nay các độc giả gãi đầu gãi tai về thể loại này với những hình ảnh không được mong đợi, dường như xuất hiện từ ngoài vũ trụ và không hợp với hầu hết Kinh Thánh. Cố gắng hiểu một cách nghĩa đen khiến độc giả mò mẫm tìm hiểu sự kiện gì sẽ xảy ra và xảy ra khi nào, như vậy họ bỏ qua dụng ý của sứ điệp theo văn chương Khải thị.” (p. 35).

**NGHỊCH LÝ THỨ NĂM.** (Vương quốc Đức Chúa Trời trong thì thực tại so với thì tương lai)

Nước Trời đã có và sẽ đến. Nghịch lý thần học này trở nên tiêu điểm trong chủ đề Tận Thế. Nếu trông chờ mọi hứa ngôn Cựu Ước ứng nghiệm theo nghĩa đen, thì Vương Quốc Đức Chúa Trời chính là sự hồi phục I-sơ-ra-en về lại một địa dư và vị trí thần học cao trọng. Nếu vậy, Hội Thánh cần được biến đổi một cách bí ẩn trong chương 5 của Khải Huyền và những chương còn lại chỉ liên hệ tới I-sơ-ra-en, (xem ghi chú Khải Huyền 22:16).

Tuy nhiên, nếu Nước Trời được “khai mạc” bởi sự giáng trần của Đấng Christ được hứa, thì tiêu điểm là sự nhập thể, cuộc sống, giáo huấn, cái chết, và sự sống lại của Chúa Giê-su. Điều nhấn mạnh là sự cứu rỗi hiện tại. Vương Quốc đã tới, hứa ngôn Cựu Ước được ứng nghiệm trong lời mời gọi cứu rỗi của Đấng Christ tới tất cả mọi người, chứ không phải sự tế trị Ngàn Năm của Ngài trên một số người.

Chắc chắn rằng Kinh Thánh nói về cả Giáng Lâm và Tái Lâm của Đấng Christ, nhưng điều nào được nhấn mạnh? Hình như đối với tôi, Cựu Ước tập trung vào sự đến lần đầu và sự thiết lập Vương Quốc của Đấng Mê-si-a (xem Đa-ni-ên 2). Trong nhiều khía cạnh, nó tương tự với sự tế trị đời đời của Đức Chúa Trời (xem Đa-ni-ên 7).

Trong Cựu Ước, tiêu điểm là sự tể trị đời đời của Đức Chúa Trời, nhưng theo Tân Ước, cơ chế của sự tể trị đó lại là công vụ của Đấng Mê-si-a (xem I Cô-rin-tô 15:26-27). Câu hỏi không phải điều nào đúng - vì cả hai đều đúng - nhưng ở đâu là điều nhấn mạnh. Một số nhà giải kinh tập trung vào sự tể trị Ngàn Năm của Đấng Mê-si-a (xem Khải Huyền 20), mà xem nhẹ sự tể trị đời đời của Đức Chúa Trời. Sự tể trị của Đấng Christ mang tính chất khởi sự. Cả hai lần đến- Giáng Lâm và Tái Lâm, cũng nhưng sự tể trị tạm thời của Đấng Mê-si-a không được rõ ràng trong Cựu Ước!

Chìa khóa cho giáo huấn của Chúa Giê-su chính là Vương Quốc Đức Chúa Trời. Nó mang tính hiện tại trong sự cứu rỗi và phục vụ, cũng như tính tương lai trong sự mở rộng và quyền năng. Nếu đặt tiêu điểm của Khải Huyền vào sự tể trị Ngàn Năm (xem Khải Huyền 21-22) thì sự tể trị ấy mang tính chất khởi sự chứ không đời đời. Theo Cựu Ước, sự tể trị tạm thời không cần thiết. Thực ra, sự tể trị của Đấng Mê-si-a trong Đa-ni-ên 7 không mang tính Ngàn Năm, nhưng mang tính đời đời.

### **NGHỊCH LÝ THỨ SÁU (Sự Tái Lâm cấp bách hay chậm trễ, *Parousia*)**

Hầu hết các tín đồ được dạy dỗ Chúa Giê-su sắp đến, sẽ đến một cách đột ngột và không ngờ, (xem Ma-thi-ơ 10:23; 24:27,34,44; Mác 9:1; 13:30; Khải Huyền 1:1,3; 2:16; 3:11; 22:7,10,12,20). Nhưng tất cả mọi mong đợi của các thế hệ đều sai trật! Sự cấp bách là lời hứa hùng mạnh cho mọi thế hệ, nhưng thực tại Tái Lâm sẽ xảy ra cho một thế hệ và thế hệ đó là thế hệ bị bắt bớ. Các tín đồ phải sống theo giả thiết Ngài sẽ Tái Lâm ngày mai, nhưng phải có kế hoạch và tham gia sứ mạng trọng đại hôm nay (xem Ma-thi-ơ 28:19-20) dường như việc Ngài chậm trễ.

Một số phân đoạn trong Phúc Âm (xem Mác 13:10; Lu-ca 17:2; 18:8) và I, II Tê-sa-lô-ni-ca dựa vào sự Tái Lâm chậm trễ (*Parousia*). Một số sự kiện lịch sử phải xảy ra trước Tái Lâm, như:

1. Truyền giáo khắp thế gian (xem Ma-thi-ơ 24:14; Mác 13:10)
2. Sự bày tỏ của Nhân Vật Tội Lỗi (xem Ma-thi-ơ 24:15; II Tê-sa-lô-ni-ca 2; Khải Huyền 13)
3. Con Đại Nạn (xem Ma-thi-ơ 24:21,24; Khải Huyền 13)

Đây là những điều khó hiểu có chủ đích, (xem Ma-thi-ơ 24:42-51; Mác 13:32-36)! Hãy sống hàng ngày như đây là ngày cuối cùng, tuy nhiên chuẩn bị và huấn luyện cho chức vụ ngày mai.

### **SỰ NHẤT QUÁN VÀ QUÂN BÌNH**

Có thể nói rằng tất cả các trường phái giải kinh thuyết Tận Thế đều chứa đựng một nửa chân lý. Họ giải thích khá tốt một số phân đoạn. Nan đề nằm trong tính nhất quán và quân bình. Nhiều khi đây là một hệ thống những định kiến thần học với những ô trống để họ có thể điền vô bằng những câu Kinh Thánh. Thực tế Kinh Thánh không mặc khải thuyết Tận thế một cách lô-gic, dễ hiểu theo trình tự thời gian, và có thể hệ thống hóa. Cũng giống như một cuốn sưu tập hình ảnh gia đình, những hình ảnh có thực, nhưng không được xếp đặt đúng theo trình tự và bối cảnh. Nhiều khi một vài tấm rơi ra ngoài và các thế hệ sau không biết nó thuộc trang nào để xếp lại. Chìa khóa của sự giải kinh đúng đắn là biết được dụng ý của tác giả nguyên thủy và sự lựa chọn thể loại văn chương của ông. Nhiều nhà giải kinh sử dụng công cụ và phương cách giải kinh các thể loại văn chương khác trong Tân Ước để giải kinh Khải Huyền. Họ tập trung vào Cựu Ước thay vì tập trung vào giáo huấn của Chúa Giê-su và Phao-lô làm khuôn mẫu thần học và cho phép Khải Huyền đóng vai trò minh họa.

Tôi phải công nhận mình đang đề cập tới cuốn giải kinh này với nỗi lo âu và rung động, không phải vì lời cảnh cáo trong Khải Huyền 22:18-19, nhưng vì mức độ gây tranh cãi của cuốn sách này trong vòng con dân Chúa. Tôi yêu mến khải thị của Chúa. Chỉ có Chúa là chân lý còn tất cả con người đều dối trá, (xem Rô-ma 3:4)! Xin quý vị sử dụng cuốn sách giải kinh này như một công cụ gợi ý suy gẫm, chứ không phải cuốn cẩm nang tối hậu; như những cột chỉ đường, chứ không phải là bản đồ lối đi; như một lời cảnh nhắc: “Giả sử đây là ý Chúa...” thay vì “Đây là lời phán của Chúa...” Tôi phải tự đối diện với những định kiến, khiếm khuyết, và dụng ý thần học cá nhân. Tôi cũng phát hiện những điều ấy trong các nhà giải kinh khác. Hầu hết mọi người đều tìm thấy điều họ muốn tìm trong sách Khải Huyền. Thể văn khải thị dễ dẫn tới sự lạm dụng. Tuy nhiên nó có mặt trong Kinh Thánh với một lý do. Vị trí thuật ngữ ‘Lời’ ở trong câu cảnh cáo Khải Huyền 22:18-19 không phải là sự vô tình. Đây là sứ điệp cho tất cả mọi thế hệ. Đức Chúa Trời muốn chúng ta hiểu Khải Huyền. Hãy cùng nắm tay nhau thay vì phân chia trường phái. Hãy khẳng định những gì chắc chắn, rõ ràng và trọng tâm, thay vì để ý tới những gì “có thể, đáng lẽ...” Xin Chúa giúp chúng ta.

Quý vị hãy sử dụng phần trống dưới đây để liệt kê các định kiến của mình về cách giải kinh sách Khải huyền. Ai cũng có định kiến. Khi phát hiện ra định kiến của mình, chúng ta sẽ hạn chế ảnh hưởng của định kiến và tránh khỏi sự cực đoan tín lý.

1.

2.

3.

4

## GIỚI THIỆU TIÊN TRI TRONG CỰU ƯỚC

### I. LỜI GIỚI THIỆU

#### A. Định kiến ban đầu

1. Cộng đồng Cơ-độc nhân không thống nhất trong cách giải nghĩa tiên tri. Có những sự thật được xác nhận một cách dễ dàng theo truyền thống, nhưng giải nghĩa tiên tri Cựu Ước không được như vậy
2. Có một vài giai đoạn tiên tri như:
  - a trước thời quân chủ (các vua)
    - (1) có những cá nhân được gọi là tiên tri
      - (a) Áp-ra-ham – Sáng thế. 20:7
      - (b) Mô-sê – Dân-số. 12:6-8; Phục Truyền 18:15; 34:10
      - (c) A-ron – Xuất. 7:1 (spokesman for Moses)
      - (d) Mi-ri-am – Xuất Hành 15:20
      - (e) Me-đa và and En-đa – Dân Số 11:24-30
      - (f) Đê-bô-ra – Quan xét. 4:4
      - (g) vô danh – Quan xét. 6:7-10
      - (h) Sa-mu-en – 1 Sa-mu-ên 3:20
    - (2) các nhóm tiên tri – Phục truyền. 13:1-5; 18:20-22
    - (3) nhóm, hội tiên tri – 1 Sa-mu-ên 10:5-13; 19:20; 1 Các vua. 20:35,41; 22:6,10-13; 2 Các vua. 2:3,7; 4:1,38; 5:22; 6:1, etc.
    - (4) Đấng Mê-si-a được gọi là tiên tri – Phục Truyền. 18:15-18
  - b tiên tri phát ngôn thời quân chủ (tuy không viết sách, nhưng tuyên cáo cho các vua):
    - (1) Gad – 1 Sa-mu-ên 22:5; 2 Sa-mu-ên 24:11; 1 Sử Ký 29:29
    - (2) Na-than – 2 Sa-mu-ên 7:2; 12:25; 1 Các vua. 1:22
    - (3) A-hi-gia – 1 Các vua. 11:29
    - (4) Je-hu – 1 Các vua. 16:1,7,12
    - (5) vô danh – 1 Các vua. 18:4,13; 20:13,22
    - (6) E-li-gia – 1 Các vua 18 - 2 Các vua 2
    - (7) Mi-cai-a – 1 Các vua 22
    - (8) E-li-sa – 2 Các vua. 2:9,12-13
  - c tiên tri viết sách thời quân chủ : Ê-sai – Ma-la-chi (ngoại trừ Đa-nhiên) (vừa viết vừa tuyên cáo cho dân tộc và các vua)

#### B. Tiên tri theo định nghĩa Kinh Thánh

1. *Ro'eh* = "nhà tiên kiến"(seer) (BDB 906), 1 Sa-mu-ên 9:9. Từ vựng này có nguồn gốc "nabi". "Ro'eh" có ý nghĩa là "nhìn thấy". Người này hiểu biết được đường lối và chương trình của Đức Chúa Trời và tham vấn mọi người trong từng trường hợp.
2. *Hozeh* = "Nhà tiên kiến" (seer) (BDB 302), 2 Sa-mu-ên 24:11. Căn bản là từ đồng nghĩa với "Ro'eh", cũng có ý nghĩa "nhìn thấy". Đây là động tính từ, thường gọi ý công việc của nhà tiên tri: "nhìn xem".
3. Nhà tiên tri là phát ngôn viên của Đức Chúa Trời cho dân sự của Ngài.
4. Cả ba thuật ngữ trên cùng được sử dụng trong một câu KT, nói về chức vụ tiên tri của: Sa-mu-en – *Ro'eh*; Na-than – *Nabi'* and Gad – *Hozeh*.1 (x. Sử Ký 29:29)
5. Cụm từ, *'ish ha – 'elohim*, "Người của Đức Chúa Trời" cũng nói về phát ngôn viên của Chúa, được sử dụng 76 lần trong Cựu Ước.
6. Thuật ngữ tiếng Anh "prophet" có nguồn gốc trong tiếng Hy-lạp (1) *pro* = "trước" hoặc "cho" and (2) *phemi* = "nói." Tiên tri là người "nói trước" (sự kiện) hoặc "nói cho"(Đức Chúa Trời).

### II. ĐỊNH NGHĨA LỜI TIÊN TRI

- #### A. Thuật ngữ "lời tiên tri" có ý nghĩa rộng mở trong tiếng Hê-bơ-rơ hơn là tiếng Anh. Các sách lịch sử trong KT, từ Giô-suê tới Các vua (ngoại trừ Ru-to) được gọi là "tiên tri tiên nhiệm". Áp-ra-ha-ham (Sáng thế 20:7; Thi

Thiên. 105:15) và Mô-se (Phục Truyền. 18:18) đều được gọi là tiên tri (Mi-ri-am cũng vậy, Xuất Hành 15:20). Chính vì vậy chúng ta nên cảnh giác với các định nghĩa về lời tiên tri theo tiếng Anh!

- B. "Tiên-tri-chủ-nghĩa" (Propheticism) có thể được định nghĩa chính thức như sự hiểu biết về lịch sử theo quan điểm thần học: mỗi quan tâm mục đích, hành động mang tính thuộc linh " *Interpreter's Dictionary of the Bible*, vol. 3, p. 896.
- C. "Nhà tiên tri không phải là triết-học gia, hay hệ-thống-thần-học gia nhưng là người trung-bảo theo-giao-ước, ban phát lời của Đức Chúa Trời cho dân sự Ngài, với mục đích "khuôn mẫu họ trong tương lai bởi hành động của họ trong hiện tại," *Prophets and Prophecy, Encyclopedia Judaica* vol. 13 p. 1152.

### III. MỤC ĐÍCH CỦA TIÊN TRI

- A. Tiên tri là phương cách Đức Chúa Trời nói chuyện với dân sự, hướng dẫn họ trong hoàn cảnh hiện tại và ban hy vọng cho cuộc sống và thế giới dưới quyền tể trị của Ngài. Các sứ điệp mang tính chất hướng về cộng đồng, từ phê phán, khích lệ, gây dựng niềm tin, kêu gọi ăn năn tới mặc khải về Chúa và chương trình của Ngài. Các tiên tri giữ dân sự Ngài trung tín trong giao ước với Chúa. Để đạt được mục đích này, nhà tiên tri phải được Chúa lựa chọn một cách đặc biệt, và nhà Tiên Tri tối Hậu chính là Đấng Mê-si-a (Phục Truyền. 13:1-3; 18:20-22).
- B. Thường các tiên tri lấy bối cảnh lịch sử và thần học thời ông sống và đem so sánh với bối cảnh thời tận thế Viễn cảnh tận thế của lịch sử mang tính độc đáo đối với I-sơ-ra-en, bởi sự tuyển chọn và lời hứa theo giao ước đối với họ.
- C. Chức vụ của các tiên tri dường như để cân bằng hoặc lấn áp chức vụ của thầy tế lễ tối cao, trong việc tìm biết ý chỉ Đức Chúa Trời. Quyết định theo U-rim and Thu-mim (cách bắt thăm của thầy tế lễ) được thay bằng sứ điệp phát ngôn bởi tiên tri. Chức vụ tiên tri hầu như bị bãi bỏ sau tiên tri Ma-la-chi tới 400 năm, cho đến Giảng Báp-tít. Không ai biết chắc chắn việc ân tứ tiên tri trong Tân Ước liên hệ với Cựu Ước như thế nào. Các tiên tri Tân Ước không mặc khải các mặc khải mới ngoài Cựu Ước, nhưng họ là những người nói trước và cảnh báo ý chỉ của Đức Chúa Trời theo giao ước. (Công vụ 11:27-28; 13:1; 15:32; 1 Cô-rin-tô. 12:10,28-29; 14:29,32,37; Ê-phê-sô. 4:11)
- D. lời tiên tri không nhất thiết và không chủ yếu chỉ mang tính tiên đoán. Sự tiên đoán là phương cách khẳng định chức vụ của nhà tiên đến từ Đức Chúa Trời. Xin để ý, chỉ có 2% tiên tri Cựu Ước nói về Đấng Mê-si-a, 5% nói về Thời Giao-Ước-Mới, 1% nói về sự kiện sẽ đến. (Fee and Stuart, *How to Read the Bible For All Its Worth*, p. 166).
- E. Tiên tri đại diện Chúa cho dân sự, trong khi thầy tế lễ đại diện dân sự cho Chúa. Ngoại lệ là ông Ha-ba-cuc đặt câu hỏi tới Chúa một cách cá nhân.
- F. Một trong những lý do khó hiểu sách tiên tri bởi chúng ta không biết các sách ấy được cấu trúc cách nào. Sách tiên tri không được viết theo thứ tự thời gian. Nó được thiết kế theo chủ đề, nhưng cũng không theo cách dễ nhận biết. Nhiều khi không rõ hoàn cảnh, bối cảnh, thời gian biểu, hoặc sự phân chia chương mục không rõ ràng khiến việc nghiên cứu cách sách tiên tri trở nên khó khăn hơn các sách khác.
  - 1. cần phải đọc từ đầu đến cuối sách trong một lần đọc
  - 2. tìm cấu trúc theo từng đề tài (chủ đề)
  - 3. chắc chắn chủ đề chính và chủ ý của tác giả trong từng phân đoạn, sứ điệp tiên tri

### IV. CÁC ĐẶC TRUNG CỦA LỜI TIÊN TRI

- A. Trong Cựu ước, dường như khái niệm "tiên tri" và "lời tiên tri" được hình thành và phát triển. Từ thuở ban đầu đã có nhóm các tiên tri, được lãnh đạo bởi các bậc đàn anh mạnh mẽ như Ê-li và Ê-li-sa. Nhiều khi cụm từ "các con của tiên tri" (các môn đồ của tiên tri) được dùng để ám chỉ nhóm này (2 Các vua 2). Các tiên tri trong nhóm này thường ở trong trạng thái xuất thần (ngây ngất) (1 Sa-mu-ên 10:10-13; 19:18-24).
- B. Tuy nhiên thời kỳ "nhóm tiên tri" qua đi nhanh chóng, nhường chỗ cho "tiên tri cá nhân". Các tiên tri, dù thật hay giả, đều xuất hiện trước các vua và sống trong cung điện (Gad, Na-than) Có số khác thực hành chức vụ một cách độc lập, không liên hệ với cấp vị cao trọng trong xã hội I-sơ-ra-en (A-mốt) Họ có thể là nam giới hay phụ nữ (2 Các vua. 22:14.)
- C. Các tiên tri mặc khải tương lai tùy thuộc vào hành vi của con người trong thì hiện tại. Mặc khác, tiên tri cũng bày tỏ chương trình chung của Chúa không liên hệ tới sự đáp ứng của con người, ví dụ như chương trình thời tận thế, khá đặc thù cho các tiên tri vùng Trung Cận Đông. Dự đoán sự kiện và gìn giữ giao ước là tiêu điểm



của sứ điệp tiên tri (x. Fee and Stuart, p. 150). Độc giả và thính giả của sứ điệp tiên tri chủ yếu là toàn thể cộng đồng và dân tộc.

- D. Hầu hết các lời tiên tri được ban phát truyền miệng. Sau đó được ghi chép lại theo chủ đề, thứ tự thời gian, văn tự Trung Cận Đông khó hiểu đối với chúng ta. Bởi bắt đầu bằng sứ điệp truyền miệng chứ không bằng văn xuôi qua giấy bút, chúng ta gặp khó khăn khi đọc từ đầu đến cuối mà không biết bối cảnh lịch sử thời điểm đó.
- E. Các tiên tri sử dụng một vài khuôn mẫu để trình bày sứ điệp:
  - 1. Khung cảnh toà án – Đức Chúa Trời đưa dân sự ra tòa, ví dụ trường hợp li dị của tiên tri Ô-sê tượng trưng cho việc Đức Chúa Trời từ chối I-sơ-ra-en bởi họ không trung thủy với Ngài (Ô-sê 4; Mi-chê 6).
  - 2. Ca than trong tang lễ. được thấy trong Ê-sai 5 và Ha-ba-cúc 2, bắt đầu bởi thán từ "khôn thay"
  - 3. Phước hạnh và nguyên rủa theo giao ước được công bố, điều kiện trong giao ước được nhấn mạnh và tương lai được vẽ ra tùy theo hậu quả tương xứng cho sự đáp ứng của I-sơ-ra-en (Phục truyền 27-28).

## V. HƯỚNG DẪN HỮU ÍCH CHO VIỆC GIẢI KINH LỜI TIÊN TRI

- A. Phát hiện ý định ban đầu của tiên tri, hoặc người sưu tập sách tiên tri, bằng cách nghiên cứu bối cảnh lịch sử và tính cách văn chương, ngữ cảnh của từng sứ điệp. Thông thường bối cảnh chung là I-sơ-ra-en bất tín trong giao ước Mô-sê trong một khía cạnh nào đó.
- B. Đọc và giải kinh trọn vẹn một sứ điệp chứ không chỉ từng phần cô lập. Lập bố cục nội dung, mục lục cho từng sứ điệp và cả cuốn sách. Tìm sự liên hệ với bối cảnh lịch sử ở thời điểm đó.
- C. Giả thiết cách giải kinh theo nghĩa đen, trừ phi một chi tiết trong phân đoạn gợi ý chúng ta dùng nghĩa bóng. Khi đó mới áp dụng nghĩa bóng theo thể văn xuôi.
- D. Phân tích hành động mang tính biểu tượng trong bối cảnh lịch sử và các phân đoạn tương tự. Hãy nhớ rằng văn chương Trung Cận Đông khác với văn chương hiện đại và căn chương Tây Phương.
- E. Cần thận với lời tiên tri dự đoán.
  - 1. Phải chăng những lời tiên tri hoàn toàn thích ứng cho thời tác giả sống?
  - 2. Phải chăng những lời tiên tri đã trở nên hiện thực trong I-sơ-ra-en?
  - 3. Phải chăng đây là các sự kiện tương lai?
  - 4. Phải chăng các tiên tri mang cả tính đương thời và tính tương lai?
  - 5. Cho phép tác giả của Kinh Thánh, chứ không phải nhà giải kinh hướng dẫn bạn đến câu trả lời
- F. Những quan quan tâm đặc biệt:
  - 1. Những dự đoán có phụ thuộc vào sự hưởng ứng hay không?
  - 2. Ai là mục tiêu của lời tiên tri và vì sao vậy?
  - 3. Cả về bối cảnh lịch sử và Kinh Thánh, có thể có nhiều khả năng thực hiện lời tiên tri không?
  - 4. Các tác giả Tân Ước, trong sự thần cảm của Thánh Linh, có thể thấy Đấng Mê-si-a trong nhiều chi tiết của Cựu Ước mà chúng ta không thấy. Họ hiểu được hình bóng học và các chơi chữ. Bởi chúng ta không được thần cảm, tốt nhất để nguyên sự diễn giải cho các tác giả

## VI. CÁC TÀI LIỆU HỮU ÍCH

- A. *A Guide to Biblical Prophecy* by Carl E. Amending and W. Ward Basque
- B. *How to Read the Bible for All Its Worth* by Gordon Fee and Douglas Stuart
- C. *My Servants the Prophets* by Edward J. Young
- D. *Plowshares and Pruning Hooks: Rethinking the Language of Biblical Prophecy and Apocalyptic* by D. Brent Sandy
- E. *New International Dictionary of Old Testament Theology and Exegesis*, vol. 4, pp. 1067-1078

## GIỚI THIỆU SÁCH KHẢI HUYỀN

### LỜI MỞ ĐẦU

- A. Trong hầu hết cuộc đời trong lĩnh vực thần học và giáo dục, tôi nghĩ rằng những người tin Kinh Thánh nên tin theo nghĩa đen (chẳng sai, nếu nói về văn chương tường thuật). Tuy nhiên càng ngày tôi càng cảm thấy rõ ràng nếu nhìn tiên tri, thi vịnh, ẩn dụ và Khải thị theo nghĩa đen sẽ mất đi ý nghĩa chính của phân đoạn được linh cảm. Dụng ý của tác giả là chia khóa để hiểu Kinh Thánh. Áp đặt Kinh Thánh nói nhiều hơn, hoặc ít hơn dụng ý tác giả nguyên thủy được linh cảm là điều rất nguy hiểm, dẫn đến sự giải kinh sai lầm. Tiêu điểm phải bao gồm ngữ cảnh lớn hơn, bối cảnh lịch sử, dụng ý tác giả, và thể loại văn chương. Lỡ là những đầu mối này chắc sẽ dẫn đến sự hiểu sai!

Sách Khải huyền chứa đựng chân lý, nhưng không thuộc thể loại tường thuật, nên chúng ta cần tránh hiểu chi tiết theo nghĩa đen. Thể loại văn chương Khải thị này xin chúng ta nghe lời ở điểm này. Điều trên không có nghĩa Khải huyền không được linh cảm, không chứa đựng chân lý. Nó chỉ nói lên đây là thể loại đầy hình ảnh, điều bí mật, ẩn dụ và sự tương tượng. Người Do-thái trong thế kỷ đầu tiên quen thuộc thể văn này, chúng ta thì không. Văn chương Khải thị gần gũi độc giả hiện đại nhất là câu chuyện “Chúa Của Những Chiếc Nhẫn” hay “Sử Ký Của Na-ni-a”

- B. Khải Huyền là thể văn chương Khải thị độc đáo của người Do-thái. Nó được sử dụng trong thời kỳ đầy tranh chiến - khi I-sơ-ra-en bị đô hộ bởi các đế quốc ngoại bang - để mô tả sự tể trị tuyệt đối của Đức Chúa Trời trong lịch sử và sự giải cứu sẽ đến cho con dân Ngài. Thể loại này có những đặc trưng như sau.
1. Chủ quyền tổng thể hùng mạnh của Đức Chúa Trời (Thuyết Độc Thần và Quyền Quyết Định tối hậu)
  2. Sự tranh chiến giữa điều thiện và điều ác, giữa thời kỳ xấu xa bây giờ và thời kỳ công nghĩa sẽ tới (nhị nguyên luận)
  3. Sử dụng các mã từ bí mật, (thường từ trong Cựu Ước và văn chương Do-thái trong giai đoạn giữa hai giao ước.)
  4. Sử dụng màu sắc, sinh vật, nửa sinh vật nửa người
  5. Sử dụng biểu tượng con số, (Ví dụ 4, 6, 7, 10, 12)
  6. Sử dụng vai trò trung gian của thiên sứ, với phương tiện Khải thị, giấc mơ, và sự giải thích của thiên sứ.
  7. Chủ yếu tập trung vào sự sắp đến, sự kiện cao điểm, sự kiện tận thế và kỷ nguyên mới.
  8. Sử dụng một hệ thống biểu tượng nhất định để truyền thông sứ điệp tận thế từ Đức Chúa Trời.
  9. Một số ví dụ:
    - a. Cựu Ước
      - (1) Ê-sai 13-14; 24-27; 56-66
      - (2) Ê-xê-chiên 1; 26-28; 33-48
      - (3) Đa-ni-ên 7-12
      - (4) Giô-ên 2:28-3:21
      - (5) Xa-cha-ri 1-6, 12-14
    - b. Tân Ước
      - (1) Ma-thi-ơ 24, Mác 13, Lu-ca 21, and I Cô-rin-tô 15 (vài chi tiết)
      - (2) II Tê-sa-lô-ni-ca 2 (hầu hết các chi tiết)
      - (3) Khải Huyền (chương 4-22)
    - c. Đa-ni-ên 7-12 and Khải Huyền 4-22 là các ví dụ kinh điển về thể loại này.
  10. Văn chương ngoài kinh điển (taken from D. S. Russell, *The Method and Message of Jewish Apocalyptic*, pp. 37-38)
    - a. I Enoch, II Enoch (the Secrets of Enoch)
    - b. The Book of Jubilees
    - c. The Sibylline Oracles III, IV, V
    - d. The Testament of the Twelve Patriarchs

- e. The Thi Thiên of Solomon
- f. The Assumption of Moses
- g. The Martyrdom of Ê-sai
- h. The Apocalypse of Moses (Life of Adam and Eve)
- i. The Apocalypse of Abraham
- j. The Testament of Abraham
- k. II Esdras (IV Esdras)
- l. II & III Baruch

11. Có mặt các thực tại đối nghịch trong thể loại này: nhị nguyên luận, đối lập, hoặc nghịch lý (thường đặc trưng cho văn tự của Giảng):

- a. Trời - đất
- b. Thời đại xấu xa (người xấu, linh xấu) - thời đại công nghĩa tốt lành (người tốt, linh tốt)
- c. sự sống ngày nay - sự sống tương lai

Tất cả các thực tại này đang tiến về điểm chung kết, được định mệnh bởi Đức Chúa Trời. Đây không phải thể giới mà Đức Chúa Trời dự định, nhưng Ngài luôn dự bị, hành động và áp đặt mục đích của mình cho đến khi mối liên hệ con người – Thiên Chúa được phục hồi như trong vườn Ê-đen. Đấng Christ đến trong chương trình của Đức Chúa Trời. Hai “sự đến” của Ngài (Giáng Sinh và Tái Lâm) đem lại tình trạng các nhị nguyên hiện nay.

- C. Văn chương Khải thị không bao giờ xuất hiện trong dạng truyền khẩu, nhưng trong dạng văn viết. Đây là hình thức có cấu trúc văn học rất cao. Cấu trúc đóng vai trò quan trọng trong việc giải kinh. Phần chính của Khải Huyền được chia thành bảy đơn vị văn chương, tương tự nhau trong một khía cạnh nào đó (bảy ấn, bảy kèn, bảy chén). Với mỗi một chu kỳ có sự phán xét gia tăng: ấn với 25% sự hủy diệt, kèn với 33% sự hủy diệt, và chén với toàn bộ sự hủy diệt. Trong mỗi một đơn vị văn chương có sự lặp lại sự kiện Tái Lâm, hoặc Tận Thế, như: (1) sáu ấn, 6:12-17; (2) bảy kèn, 11:15-18; thiên sứ thổi tận thế với lưỡi liềm 14:14-20; (3) bảy chén, 16:17-21 lặp lại 19:11-21 và lặp lại 22:6-16 (Cũng xin để ý danh hiệu của Đức Chúa Trời có ba phần: Đấng Hiện Có, Đã Có và Đang Đến trong 1:4,8 và Danh hiệu của Đấng Christ cũng vậy “Đấng Hiện Có, Đã Có và Đang Đến,” 1:17,18. Nhưng phần thứ ba thuộc về tương lai “Đang Đến” lại bị bỏ ra trong câu 11:17 and 16:5, tức là ở thời điểm này tương lai đã tới, Chúa đã Tái Lâm. Điều này chứng tỏ cuốn sách không được cấu trúc theo trình tự thời gian nhưng theo dạng vở kịch có nhiều màn, các màn đều mô tả một giai đoạn, nhưng với cường độ phán xét tăng dần theo chủ đề quán xuyên từ Cựu Ước, (xem Gia-cơ Blevins, *Revelation as Drama* and “The Genre of Revelation” in *Review and Expositor*, Sept. 1980, pp. 393-408).

Có bảy đơn vị văn chương, cộng với hai phần mở đầu và kết thúc

- 1. mở đầu 1:1-8
- 2. chương 1:9-3:21 (Christ và bảy hội thánh)
- 3. chương 4-8:1 (Thiên đàng và bảy ấn [7:1-17 là màn phụ (interlude: phần đệm) giữa ấn thứ 6 và 7])
- 4. chương 8:2-11 (bảy thiên sứ và bảy kèn [10:1-11:13 là màn phụ giữa kèn thứ sáu và thứ 7])
- 5. chương 12-14 (hai cộng đồng và hai nhóm thủ lãnh)
- 6. chương 15-16 (bảy thiên sứ và bảy chén)
- 7. chương 17-19 (Babylon và sự phán xét trên nó)
- 8. chương 20-22:5 (Sự phán xét, Trời Mới và Đất Mới)
- 9. Kết thúc, 22:6-21

Một tác giả khác, William Hendriksen. Trong cuốn, *More Than Conquerors*, trang 28 viết về sự Tóm Lược Sự Kiện (recapitulation), (còn được gọi là sự Tái Hiện, Đồng Quy – reoccurrence) bảy lần như sau:

- 1. Chương 1-3 (Christ giữa bảy cây đèn)
- 2. Chương 4-7 (cuốn sách với bảy ấn)

3. Chương 8-11 (bảy kèn công bố sự phán xét)
4. Chương 12-14 (Người nữ với Con Trai bị bắt bớ bởi con rồng và các phụ tá của nó: hai con thú, con dâm phụ)
5. Chương 15-16 (bảy chén thịnh nộ)
6. Chương 17-19 (sự sụp đổ của Đại Kỹ Nữ và Con Thú)
7. Chương 20-22 (sự phán xét trên Con Rồng (Satan), được tiếp theo bởi Trời Mới Đất Mới.  
Trong cuốn *More Than Conquerors*, ông Hen-rít-sen (William Hendriksen) cho rằng Khải Huyền có 7 phần: 1-3; 4-7; 8-11; 12-14; 15-16; 20-22 và các phần tương đồng với nhau, bao gồm giai đoạn giữa Giáng Lâm và Tái Lâm Mỗi một phần đều chứa đựng chi tiết về sự Tái Lâm (trang 22-31).

Mặc dầu tôi đồng ý với sự tương đồng của các ấn, kèn và chén, cũng như sự tương đồng giữa các chương 17-19 và 20-22 trong đó có sự tái lâm 19:11-21 và 22:6-16, tôi không thể thấy sự Tái Lâm trong các câu kết thúc của từng phần trong bảy phần ấy, (đặc biệt chương 1-3), trừ trường hợp các chi tiết phán xét ám chỉ sự tận thế, (xem 2:5,7,11,16-17,25-26; 3:5,10,12,18-21). Tuy nhiên, tôi càng ngày càng thấy sự Tóm Lược Sự Kiện trong bảy phần có thể là cách tốt nhất để hiểu cấu trúc tương đồng của cả cuốn sách.

D. Rõ ràng con số bảy đóng vai trò quan trọng trong cấu trúc cuốn sách: bảy hội thánh, bảy ấn, bảy, kèn, bảy chén. Sau đây còn có một vài 'số bảy' khác:

1. 7 phước hạnh, 1:3; 14:13; 16:15; 19:9; 20:6; 22:7,14
2. 7 cây đèn, 1:12
3. 7 Linh của Đức Chúa Trời, 1:4; 3:1; 4:5; 5:6
4. 7 ngôi sao, 1:16,20; 2:1; 7 ngọn lửa (đèn cây), 4:5
5. 7 ấn trên cuộn sách, 5:1
6. 7 sừng, 7 mắt của Chiên Con 5:6
7. 7 thuộc tính ngợi khen Chúa Giê-su, 5:12
8. 7 dấu lạ trên thiên nhiên, 6:12-14
9. 7 loại người, 6:15
10. 7 thuộc tính ngợi khen Đức Chúa Trời, 7:12
11. 7 thiên sứ trước Đức Chúa Trời, 8:2,6
12. 7 kèn bởi 7 thiên sứ, 8:6 (15:1,6,7,8; 17:1; 21:9)
13. 7 dấu hiệu, 12:1,3; 13:13,14; 15:1; 16:14; 19:20
14. 7 đầu, 7 mào triều trên đầu rồng, 12:3
15. 7 đầu của con thú từ biển, 13:1; 17:3,7
16. 7 thiên sứ, 14:6-20
17. 7 tai họa, 15:1; 21:9
18. 7 ngọn đồi, 17:9
19. 7 vua 17:10
20. 7 điều không còn nữa trong chương 21-22 (21:1,4[bốn lần]; 21:25; 22:3)

E. Sự giải kinh Khải Huyền mang tính nhạy cảm đối với định kiến thần học. Định kiến của một người là động cơ đưa đẩy người đó giải thích chi tiết mơ hồ. Những giả định này tác động trên một vài mức độ như sau:

1. nguồn gốc của biểu tượng
  - a. Liên tưởng từ Cựu Ước
    - (1) Các chủ đề Cựu Ước như: Tạo Hóa, Nguồn gốc tội lỗi, Hồng Thủy, Xuất Hành, Hội phục Giê-ru-sa-lem
    - (2) Hàng trăm điều liên tưởng (tuy không trích dẫn trực tiếp) từ tiên tri Cựu Ước.
  - b. Văn chương khai thị Do-thái của giai đoạn giữa hai giao ước (ngụy kinh I Enoch, II Baruch, Sibylline Oracles, II Esdras)
  - c. Thế giới Hy-lạp / La-mã trong thế kỷ đầu tiên.

- d. Những câu chuyện tạo hóa tâm cỡ vũ trụ, phổ biến ở Trung Cận Đông, (đặc biệt trong Khải Huyền chương 12)
2. Khuôn khổ thời gian của Khải Huyền:
  - a. Thế kỷ thứ nhất sau CN,
  - b. mỗi một thế kỷ đã qua.
  - c. Thế hệ cuối cùng
3. Thần học hệ thống (xem định nghĩa trang 14, “Historical Theories of Interpretation,” C; bảng tóm tắt các quan điểm, *Four Views on the Book of Revelation*, ed. C. Marvin Pate)
  - a. Tiên Sử (preterist) (mọi tiên tri đều ứng nghiệm trong quá khứ, trong thế kỷ thứ nhất)
  - b. Lịch Sử (historicist) (mọi tiên tri ứng nghiệm trong suốt lịch sử cơ đồ giáo – trong 20 thế kỷ qua)
  - c. Tương Lai (futurist) (mọi tiên tri sẽ ứng nghiệm trong thời tận thế)
  - d. Lý Tưởng (idealist) (không theo nghĩa đen, nhưng theo biểu tượng, mang tính thuộc linh)
4. Quan điểm thần học đối với Giai Đoạn Ngàn Năm (Thiên-Hỷ-Niên) trong chương 20 (xem biểu đồ cuối sách; bảng tóm tắt: (1) *The Meaning of the Millennium: Four Views*, ed. Robert G. Clouse và *Three Views of the Millennium and Beyond*, ed. Darrell L. Bock)
  - a. Vô Thiên-Hỷ-Niên (amillennial), không tin có Ngàn Năm theo nghĩa đen, (coi Ngàn Năm là biểu tượng thời kỳ giữa Giáng Lâm và Tái Lâm)
  - b. Hậu Thiên-Hỷ-Niên (post millennial) Tái lâm sau giai đoạn Ngàn Năm
  - c. Tiên Thiên-Hỷ-Niên (pre millennial) Tái lâm trước giai đoạn Ngàn Năm
  - d. Tiên Thiên-Hỷ-Niên theo Giai Đoạn (dispensational pre-millennial), Tái lâm theo thứ tự một số giai đoạn, sự kiện...)

Trong ánh sáng có nhiều cách giải kinh khác biệt và sự độc đoán, làm thế nào chúng ta có thể tiến hành giải kinh?

1. Hãy thừa nhận rằng chúng ta, những cơ đốc nhân tây phương hiện đại, không hiểu được thể loại văn chương này và không phát hiện được sự gợi ý lịch sử mà cơ đốc nhân thế kỷ đầu tiên có thể hiểu ngay dễ dàng.
  2. Hãy thừa nhận rằng mỗi một thế hệ cơ đốc nhân đã áp đặt Khải Huyền vào trong bối cảnh lịch sử của họ, và kết quả luôn sai trật.
  3. Hãy đọc Kinh Thánh trước khi đọc các sách thần học hệ thống. Hãy suy xét ngữ cảnh của mỗi một khái tượng, lời phán và trình bày chân lý trọng tâm trong một câu ngắn gọn. Chân lý trọng tâm luôn không thay đổi qua từng thế hệ, nhưng chi tiết chỉ áp dụng cho thế hệ thứ nhất và thế hệ cuối cùng. Các chi tiết có thể xác đáng, nhưng lịch sử - chứ không phải thần học - sẽ chứng minh sự ứng nghiệm của các chi tiết ấy.
  4. Trước hết, hãy nhớ rằng Khải Huyền chứa đựng sứ điệp khích lệ tín đồ trung tín trong hoàn cảnh bị bắt bớ bởi người vô tín. Cuốn sách này không có mục đích thoả mãn tò mò của từng thế hệ, cũng như không hệ thống chi tiết các sự kiện tận thế.
  5. Có thể xác nhận một cách an toàn rằng xã hội loài người tội lỗi đang trên đường đụng độ với Nước Trời. Mới đầu thế gian tưởng đang thắng, (như ở thời điểm Thập Tự Giá), nhưng hãy chờ xem: Đức Chúa Trời tể trị và vận hành thế gian, sự sống và sự chết. Con dân Chúa sẽ đắc thắng trong Ngài.
- F. Mặc dầu khó hiểu, Khải Huyền là lời linh cảm và mang một sứ điệp của Đức Chúa Trời cho tất cả mọi thế hệ. Vị trí cuốn sách trong Tân Ước nói tới tầm quan trọng của sứ điệp nó chứa đựng. Cuốn sách này đáng được nghiên cứu dày công và nghiêm túc. Alan Johnson, *The Expositor's Bible Commentary*, vol. 12, viết:
- “Thực vậy, trong cả Kinh Thánh, ngoài các Phúc Âm ra, Khải Huyền chứa đựng sứ điệp sâu nhiệm nhất và hiệu quả nhất trong giáo huấn tín lý và môn đồ hóa. Không sự cuồng tín nào của những người hướng vào tiên tri hơn vào Chúa Giê-su, hoặc không sự khác biệt trường phái giải kinh nào có thể làm ngăn cản chúng ta tìm kiếm sự thật trong cuốn sách kỳ diệu

này.” (trang. 399).

Hãy nhớ rằng đây là những lời cuối cùng của Chúa Giê-su với hội thánh . hội thánh không thể lơ là hoặc giảm nhẹ tầm quan trọng của sứ điệp này. hội thánh phải chuẩn bị tin đồ đối diện với sự bắt bớ và chiến trận thuộc linh, trong ánh sáng của sự tể trị Thiên Thượng Tối Hậu (thuyết Độc Thần), của thực tại điều ác (thuyết nhị nguyên hạn chế), của hậu quả tội lỗi tiếp diễn (con người bạo loạn) và của Hứa Ngôn Thánh về sự cứu rỗi (theo giao ước không điều kiện), (xem Sáng Thế 3:15; 12:1-3; Xuất Hành 19:5-6; Giăng 3:16; II Cô-rin-tô 5:21).

## QUYỀN TÁC GIẢ

- A. Nội chứng về quyền tác giả thuộc sứ đồ Giăng
1. Tác giả tên Giăng tự xác nhận mình đến 4 lần (xem 1:1,4,9; 22:8)
  2. Tác giả tự xưng mình là
    - a. Tôi tớ (xem 1:1; 22:6)
    - b. Người anh em, người đồng dự sự khổ nạn (xem 1:9)
    - c. Tiên tri (xem 22:9), và gọi Khải Huyền là sách tiên tri (xem 1:3; 22:7,10,18,19)
  3. Hiểu biết Cựu Ước, (không dùng bản Bảy Mươi, nhưng dùng bản Targums) cũng như biết về hành trình trong đồng vắng, Lều Tạm và nghi lễ nhà hội hiện thời.
- B. Ngoại chứng về quyền tác giả của sứ đồ Giăng, từ các văn tự Cơ-đốc đầu tiên
1. Giăng, con trai của Xê-bê-dê
    - a. Ma-tơ (Justin Martyr) (Rome A.D. 110-165) in *Dialogue with Trypho* 81.4
    - b. I-re-nê-út (Irenaeus) (Lyons A.D. 120-202) in *Against Heresies* IV.14.2; 17.6; 21.3; V.16.1; 28.2; 30.3; 34.6; 35.2
    - c. Tơ-tu-li-an (Tertullian) (North Africa A.D. 145-220) in *Against Praxeas* 27
    - d. Ô-ri-gen (Origen) (Alexandria A.D. 181-252) in
      - (1) *On the Soul*, L:8:1
      - (2) *Against Marcion*, II:5
      - (3) *Against Heretics*, III:14, 25
      - (4) *Against Celsus*, VI:6, 32; VIII:17
    - e. The Muratorian Canon (Rome A.D. 180-200)
  2. Các nhân vật tên Giăng khác
    - a. Giăng Mác – giả thiết này được đề cử lần đầu bởi Đi-ô-ni-si-út (Dionysius), giám mục thành A-léc-xan-dri-a (Alexandria) (A.D. 247-264), là người từ chối quyền tác giả của sứ đồ Giăng, nhưng vẫn chấp nhận Khải Huyền thuộc kinh điển. Lý luận này dựa trên việc tác giả không dùng ân danh, cũng như từ ngữ, thể văn không giống với các văn tự khác của Giăng. Vị này cũng thuyết phục được giám mục Êu-sê-bi-út (Eusebius) thành Xa-ê-sa-ra (Caesara).
    - b. Giăng trưởng lão – Giả thiết này đến từ giám mục Êu-sê-bi-út (Eusebius) thành Papias (*Truyền Đạo His.* 3.39.1-7). Tuy nhiên vị này coi sứ đồ Giăng là trưởng lão, chứ không phải một tác giả khác.
    - c. Giăng Baptist – được gợi ý bởi Phốt (J. Massyngberde Ford) (trong Anchor Bible commentary, phiên bản hiệu đính muộn) dựa trên danh hiệu Con Chiên. Ngoài lời của Giăng Báp-tít ra, Khải Huyền là nơi duy nhất chứa đựng danh hiệu Chiên Con.
- C. Đi-ô-ni-si-út (Dionysius), giám mục thành A-léc-xan-dri-a (Alexandria) (A.D. 247-264), học trò của Ô-ri-gien (Origen), là người đầu tiên nghi ngờ quyền tác giả của sứ đồ Giăng. Văn tự của ông đã mất, nhưng lý luận của ông được Êu-sê-bi-út (Eusebius) thành Xa-ê-sa-ra (Caesara) hưởng ứng, dựa theo :
1. Sứ đồ Giăng không tự xưng trong Phúc Âm và Các Thư, như trong Khải Huyền.
  2. Cấu trúc Khải Huyền không giống cấu trúc Phúc Âm và Các Thư,
  3. Từ vựng trong Khải Huyền khác từ vựng trong Phúc Âm và Các thư
  4. Ngữ pháp trong Khải Huyền khác ngữ pháp trong Phúc Âm và Các Thư

- D. Có thể thách thức nghiêm trọng nhất đối với quyền tác giả của sứ đồ Giăng, từ nguồn hiện đại, là quan điểm của Cha-ly (R. H. Charles) trong cuốn *Saint Giăng*, Tập I, trang. xxxix
- E. Hầu hết các học giả hiện đại từ chối quyền tác giả theo truyền thống của nhiều sách Tân Ước, điển hình là ông Brao (Raymond E. Brown), học giả Công Giáo nổi tiếng về văn tự của Giăng trong bài giới thiệu Anchor Bible Commentary viết rằng, “Khải Huyền được viết bởi một tiên tri Do-thái tên Giăng, nhưng không phải Giăng con trai của Xê-bê-đê, hay tác giả của Phúc âm và Các Thư.” (p. 774).
- F. Trong nhiều khía cạnh, quyền tác giả không rõ ràng, Bên cạnh những điểm quá tương đồng lại có những điểm quá khác biệt giữa Khải Huyền và các văn tự của Sứ đồ Giăng. Chìa khóa để hiểu là tác giả tối hậu không phải là con người, nhưng là Đức Chúa Trời. Bản thân người viết Khải Huyền tin ông là tiên tri được linh cảm, (xem 1:3; 22:7,10,18,19).

## THỜI ĐIỂM

- A. Có một mối liên hệ thống nhất giữa quyền tác giả và quan điểm giải kinh (xem Historical Theories C.)
- B. Sau đây là một số thời điểm được gợi ý.
  1. Theo truyền thống: trong thời hoàng đế Đô-mi-ti-an (Domitian) (A.D. 81-96) bởi phù hợp với nội chứng về sự bắt bớ, theo:
    - a. I-ren-ne-út (Irenaeus) (dẫn chứng bởi Eusebius) trong *Against Heresies*, 5.30.3. viết: “Nó (sự bắt bớ) được thấy cách đây không lâu, đến gần thế hệ chúng ta, ở thời cuối của thời hoàng đế Đô-mi-ti-an”
    - b. Clê-ment (Clement) thành A-léc-xan-dri-a (Alexandria)
    - c. Cội nguồn thành A-léc-xan-dri-a (Alexandria)
    - d. Ê-u-sê-bi-út (Eusebius) thành Xa-ê-sa-ra (Caesara), *Church History*, iii.23.1
    - e. Víc-tô-ri-út (Victorinus), *Apocalypse* x.11
    - f. Giê-rôm (Jerome)
  2. Ê-pi-pha-ni-út (Epiphanius), sống trong thế kỷ thứ ba, trong cuốn *Haer*, 51.12, 32, viết rằng Giăng viết Khải Huyền sau khi được phóng thích khỏi tù giam tại Pát-mô, trong thời hoàng đế Clau-đi-út (Claudius) (A.D. 41-54).
  3. Nhiều người khác gợi ý thời điểm viết trong thời Nê-rô. (A.D. 54-68) bởi vì:
    - a. bối cảnh khủng bố của đạo thờ hoàng đế
    - b. *Sê-sa Nê-rô (Caesar Nero)*, trong tiếng Hê-bơ-rơ có giá trị con số tương đương số biểu tượng con thú, 666
    - c. Nếu trường phái Tiên Sử (preterists) đúng, thì Khải Huyền của Giăng phải được nhắc đến sự tàn phá Giê-ru-sa-lem. Nếu vậy, để là sách tiên tri, nó phải được viết trước năm 70 SCN.

## ĐỘC GIẢ NGUYÊN THỦY

- A. Câu 1:4 cho thấy độc giả là 7 hội thánh trong miền Tiểu Á của đế quốc La-mã. Tên các hội thánh ám chỉ đường đi của người trao thư.
- B. Sứ điệp trong Khải Huyền liên hệ tới tất cả các hội thánh và tín đồ đang bị bắt bớ trong xã hội đối nghịch Chúa của loài người.
- C. Sự kết thúc Tân Ước một cách kinh điển là sứ điệp Tận Thế cho mọi tín đồ thuộc mọi thời đại.

## CƠ HỘI VIẾT SÁCH

- A. Bối cảnh lịch sử là hội thánh bị bắt bớ, khi bị tách rời ra khỏi Do-thái giáo được luật pháp La-mã bảo vệ. Sự tách rời này xảy ra năm 70 SCN, khi hội đồng các Ra-bi tại Jamnia đòi hỏi các thành viên nhà hội nguyên rửa Chúa Giê-su Na-xa-rét.

- B. Tài liệu lịch sử La-mã cho biết trong thời Nê-rô (A.D. 54-68) tới Đô-mi-ti-an (A.D. 81-96), đạo thờ hoàng đế trở nên xung khắc đặc biệt với hội thánh. Tuy nhiên, không có tài liệu nào nói về sự khủng bố lan rộng ra toàn lãnh thổ. Rõ ràng Khải Huyền phản ánh nhiệt huyết của những người sùng đạo thờ hoàng đế ở địa phương thuộc các tỉnh phía đông đế quốc La-mã (xem “Biblical Archaeology Review,” May/June 1993 p. 29-37).

## CÚ PHÁP.

- A. Có nhiều vấn đề ngữ pháp trong bản Hy-lạp.
- B. Có thể vì các nguyên nhân sau đây:
1. Cách tư duy theo văn hóa A-ra-mic của Giăng.
  2. Giăng không có thư ký riêng khi bị giam ở đảo Pát-mô.
  3. Sự phản kích tràn ngập vì Khải thị.
  4. Sử dụng vấn đề ngữ pháp làm công cụ nhấn mạnh hiệu quả.
  5. Thể loại Khải thị mang tính hình ảnh mạnh mẽ.
- C. Có những vấn đề ngữ pháp tương tự được quan sát trong các văn chương Khải thị của người Do-thái. Chính vì vậy, Khải huyền không phải được viết trong thể loại ngữ pháp giới hạn, nhưng thể loại đặc thù với cú pháp khác biệt.

## QUÁ TRÌNH TRỞ NÊN KINH ĐIỂN

- A. bị từ chối bởi Hội Thánh đông phương, Khải huyền không có mặt trong bản Peshitta (thế kỷ thứ năm, bản Syriac).
- B. Đầu thế kỷ thứ ba tư, Êu-sê-bi-út (Eusebius), tiếp theo Đi-ô-ni-si-út (Dionysius thành Alexandria) cuối thế kỷ thứ ba, cho rằng Khải huyền không được viết bởi Sứ đồ Giăng, Họ coi đây là cuốn sách còn tranh cãi, nhưng liệt kê nó vào những sách được linh cảm, (xem *Ecclesiastical History*, III.24.18; III.25.4; and III.39.6).
- C. Hội đồng tại Lao-đi-cê-a (Laodicea) (360 SCN) bỏ Khải Huyền ra khỏi danh mục sách được linh cảm, Giê-rôm (Jerome) từ chối Khải Huyền, nhưng hội đồng Ca-tha-giê (Carthage) (397 SCN) chấp nhận Khải Huyền vào Tân Ước, cùng với sách Hê-bơ-rơ, như là kết quả nhân nhượng giữa hội thánh phương đông và phương tây.
- D. Chúng ta cần chấp nhận định kiến theo đức tin, rằng Đức Thánh Linh hướng dẫn quá trình lịch sử để phát triển kinh điển Cơ đốc giáo.
- E. Có hai nhóm thần học tin Lành từ chối vị trí Khải Huyền trong Tín lý Cơ đốc giáo
1. Mạc-tin Lu-thê (Martin Luther) cho Khải huyền không mang tính tiên tri và không mang tính sứ đồ, vì vậy không được linh cảm.
  2. Giăng Can-vin (John Calvin), là người giải kinh cho tất cả các sách trong Tân Ước, trừ Khải Huyền, có nghĩa ông từ chối tính xác đáng của nó.

## NHỮNG TRƯỜNG PHẢI GIẢI KINH

- A. Khải Huyền rất khó giải kinh, vì vậy, chủ nghĩa giáo điều cực đoan rất không phù hợp.



- B. Các biểu tượng xuất phát từ
1. Các sách Khải thị trong Cựu Ước,
    - a. Đa-ni-ên
    - b. Ê-xê-chiên
    - c. Xa-cha-ri
    - d. Ê-sai
  2. Văn chương Khải thị của người Do-thái trong giai đoạn giữa hai giao ước.
  3. Thế giới Hy-lạp / La-mã trong thế kỷ đầu tiên. (đặc biệt Khải Huyền 17)
  4. Văn chương cổ đại Trung Cận Đông xung quanh câu chuyện tạo hóa (đặc biệt Khải Huyền 12)
- C. Nhìn chung, có 4 trường phái giải kinh Khải Huyền với các định kiến.
1. TIỀN SỬ (PRETERIST) – Nhóm này coi Khải huyền trước hết và chủ yếu thuộc về quá khứ, chi liên hệ tới thế kỷ thứ nhất, vùng Tiểu Á. Các tiên tri đã ứng nghiệm thời đó, (xem Giảng L Bray, *Ma-thi-ơ 24 Fulfilled*).
  2. LỊCH SỬ (HISTORICIST) – Nhóm này nói về lịch sử (tiệm tiến) của hội thánh một cách tổng quan, chủ yếu thuộc nền văn minh Tây Phương, trong đó có Công Giáo La Mã. Các lá thư trong chương 2 và 3 cho 7 hội thánh được dùng để mô tả 7 giai đoạn (của Cơ-độc giáo). Nhiều người thấy các giai đoạn xảy ra đồng bộ, có người thấy sự xảy ra theo thứ tự thời gian.
  3. TƯỞNG LAI (FUTURIST) – Nhóm này coi Khải Huyền chỉ liên hệ tới những giai đoạn cận Tái Lâm (ngay trước và sau *Parousia* - sự đến lần thứ hai của Đấng Christ.) và sẽ được ứng nghiệm theo nghĩa đen trong lịch sử, (xem *Progressive Dispensationalism*, by Craig A. Blaising and Darrell L Bock).
  4. IDEALIST (LÝ TƯỞNG) – Nhóm này coi Khải Huyền là một tổ hợp các biểu tượng với chiến trận giữa điều thiện và điều ác, và không liên hệ chút nào tới lịch sử, (xem Ray Summers, *Worthy Is the Lamb*; William Hendriksen, *More Than Conquerors*).
- Tất cả các trường phái đều có lý phần nào, nhưng họ mất đi điều ‘khó hiểu có chủ đích’ trong thể loại và hình ảnh mà Giảng chọn để viết. Nan đề nằm trong sự quân bình, chứ không phải ai đúng ai sai.

## MỤC ĐÍCH SÁCH KHẢI HUYỀN

- A. Mục đích Khải Huyền là sự bày tỏ quyền thống trị tối cao của Đức Chúa Trời trong lịch sử, và lời hứa về chung kết cực điểm của mọi sự trong Ngài. Người trung tín cần trường tồn trong đức tin và hy vọng, bất kể sự bất bớ cường bạo của thế lực thế gian nghịch Chúa. Tiêu điểm của cuốn sách là sự bất bớ (qua tay người sùng đạo thờ hoàng đế) và sự trung tín (từ chối giáo sư giả và sự nhượng bộ văn hóa) của cơ đốc nhân thế kỷ đầu tiên và qua các giai đoạn sau đó, (xem 2:10). Nên nhớ rằng, các tiên tri thường nói về tương lai với mục đích cải cách hôm nay. Khải Huyền không những chỉ nói “mọi sự sẽ kết thúc, nhưng nói về điều gì đang và sẽ xảy ra. Trong cuốn *The Expositors Bible Commentary*, Vol. I với tiêu đề, “The Eschatology of the Bible,” ông Rô-bốt (Robert L. Sancy) viết,
- “Các tiên tri trong Kinh Thánh không quan tâm nhiều về thời điểm và trình tự của các sự kiện tương lai. Đối với họ, tình trạng hiện tại của đồng bào đang sống quanh họ khiến họ quan tâm. Sự thăm viếng ngày Tận Thế của Chúa với con thịnh nộ trên người bất chính và phước hạnh cho những người trung tín là những điều được xen vào với mục đích ảnh hưởng những người đang sống. (p. 104).
- B. Mục đích cuốn sách được tổng kết trong phần giới thiệu Khải Huyền của bản Kinh Thánh TEV và NJB
1. TEV, p. 1122, “Sách Khải Huyền cho Giảng được viết trong bối cảnh cơ đốc nhân bị bất bớ vì niềm tin nơi Chúa Giê-su. Tác giả quan tâm đến việc gửi gắm niềm hy vọng và khích lệ, và nhắc họ tiếp tục trung tín bất kể sự bất bớ và chịu khổ.”
  2. NJB, p. 1416, “Kinh Thánh được kết thúc bằng sứ điệp hy vọng và một tổ hợp chứa đựng các biểu tượng phong phú. Đây là Khải thị về sự giải cứu con dân của Chúa và lời hứa về một tương lai sáng lạn. Sứ điệp được bày tỏ bằng hình ảnh của cả Kinh Thánh, vậy sự có mặt tất cả sinh vật,

màu sắc, con số... gọi lên những gì quen thuộc với độc giả Cựu Ước. Qua phương pháp này, Khải thị bí ẩn và mờ ảo về những điều sẽ đến được làm sáng tỏ, bởi các biểu tượng tự nhiên của sự thờ phượng, và sự vinh quang tốt bậc của Thành Thánh Mới. Ở xứ Giu-đa đã xuất hiện một truyền thống văn chương theo thể loại này, bắt đầu từ Đa-ni-ên, với mục đích là tăng sức cho con dân của Chúa trong sự bất bở, với sự bảo đảm cứu rỗi và khải hoàn.”

- C. Nhà giải kinh phải đặt tầm quan trọng cho chủ đề giải cứu.
1. Đức Chúa Trời đã đem lại sự cứu rỗi cho cá nhân và cộng đồng và toàn thể vũ trụ sự giải cứu qua Đấng Christ.
  2. Đức Chúa Trời đã đem lại sự giải cứu cả về thuộc thể và thuộc linh. Hội thánh đã được cứu, nhưng chưa được an toàn. Một ngày tương lai điều đó sẽ được ứng nghiệm.
  3. Đức Chúa Trời vẫn yêu thương người tội lỗi, bạo nghịch, vị kỷ. Con thịnh nộ của Chúa qua những cái án, kèn và chén có mục đích cứu chuộc, (xem 9:20-21; 14:6-7; 16:9,11; 21:6b-7; 22:17).
  4. Đức Chúa Trời không chỉ hồi phục con người tội lỗi, nhưng hồi phục cả tạo hóa chịu ảnh hưởng băng hoại, (xem Rô-ma 8:18-25) Sự ác sẽ bị xóa bỏ trong tất cả các lĩnh vực.  
Sự cố gắng lặp lại của Đức Chúa Trời tìm cứu nhân loại hư mất bằng Phúc Âm, chứng minh lòng nhân nghĩa trong đặc tính của Ngài. Đức Chúa Trời chỉ phán xét điều ác khi nó liên tục từ chối không ăn năn. Trong nhiều khía cạnh, Khải Huyền biện minh cho sự phán xét thiên thượng trên loài người ngoan cố, không thể làm hòa. Khải Huyền kết thúc bằng sự mời gọi (xem 22:17).
- D. Cuốn sách này không thể dùng làm thời gian biểu cho các sự kiện, thời đại và phương cách Tái Lâm. Nó đã được giải kinh theo cách này qua nhiều thế kỷ lịch sử phương tây (bây hội thánh tượng trưng bày giai đoạn?). Mỗi một thế hệ đều áp đặt lịch sử của mình trên các biểu tượng Khải thị và kết quả họ luôn sai lầm cho đến ngày nay..
- E. Các chi tiết của tiên tri sẽ được sáng tỏ cho thế hệ cơ đốc nhân cuối cùng, chịu đựng dưới tay Kẻ Đối Nghịch Đấng Christ. Sự giải nghĩa theo nghĩa đen khiến Khải Huyền bị xem nhẹ (bởi quan điểm Calvin), bị phớt lờ (bởi quan điểm Luther) và bị nhấn mạnh quá đáng (bởi quan điểm Thiên Niên Kỳ)

## CHÌA KHÓA GIẢI KINH CỦA TÁC GIẢ BOB UTLEY

- A. Chúng ta phải kể đến ảnh hưởng Cựu Ước trong khi giải kinh
1. Thể loại Khải thị trong Cựu Ước mang tính biểu tượng rất cao.
  2. Nhiều liên tưởng, gợi ý từ trong Cựu Ước (có người đếm được trong 404 câu của Khải Huyền có tới 275 câu chứa liên tưởng, gợi ý từ Cựu Ước); Có nghĩa rằng những biểu tượng này được thích nghi cho việc giải nghĩa trong ánh sáng thế giới Hy-lạp / La-mã trong thế kỷ đầu tiên.
  3. Nguyên tắc tiên tri báo hiệu (prophetic foreshadowing) lấy các sự kiện hiện tại để báo hiệu sự kiện tận thế. Nhiều khi sự ứng nghiệm lịch sử trong thế kỷ thứ nhất chiếu soi tới sự ứng nghiệm tối hậu trong thời kỳ sau rốt.
- B. Một vài cấu trúc cuốn sách giúp chúng ta hiểu được dụng ý tác giả.
1. Ấn, kèn và chén đều nói về một gian đoạn thời gian (chapters 6-16). Khải Huyền như một vở kịch nhiều màn nối tiếp.
  2. Rất có thể các chương 17-19 tương đồng với 20-22. Một phần của chương 19 (ví dụ 19:11-21) được nhắc lại trong 20:7-10.
  3. xem bảy đơn vị văn chương trong phần mở đầu, phần C.
- C. Bối cảnh lịch sử phải được xét đến
1. Sự thờ hoàng đế
  2. Sự bắt bớ địa phương trong các tỉnh phía đông đế quốc La-mã.
  3. Kinh Thánh không thể mang nhiều ý nghĩa hơn dụng ý tác giả. Sự giải kinh phải liên hệ tới bối cảnh thời Giăng sống trước. Nó có thể có nhiều ứng nghiệm, nhưng phải dựa trên nền tảng thế kỷ thứ nhất.
- D. Ý nghĩa điều bí mật ẩn dấu của những thuật ngữ đã bị mất đi trong khung cảnh văn hóa, ngôn ngữ, cuộc sống của chúng ta hiện nay. Có thể trong thời kỳ tận thế chúng sẽ được đem ra ánh sáng để hiểu rõ ý nghĩa của biểu tượng. Hãy cẩn thận, đừng áp đặt các chi tiết của Khải thị theo ý chúng ta. Nhà giải kinh hiện đại phải tìm kiếm chân lý trọng tâm của từng Khải thị.
- E. Xin cho phép tôi tóm tắt lại những thành phần chìa khóa trong giải kinh Khải Huyền
1. Nguồn gốc lịch sử của các biểu tượng
    - a. Chủ đề và gợi ý từ Cựu Ước,
    - b. Thần thoại miền Trung Cận Đông
    - c. Văn chương Khải thị Do-thái giữa hai giao ước.
    - d. Thế giới Hy-lạp / La-mã thế kỷ thứ nhất.
  2. Cách của tác giả định nghĩa các biểu tượng:
    - a. Nói chuyện với thiên sứ
    - b. Bài ca của ca đoàn trên Trời.
    - c. Bản thân tác giả giải thích
  3. Cấu trúc cuốn sách (màn kịch tương đồng)
- F. Sự trợ giúp thêm
1. Hai nhà giải kinh Khải Huyền đáng kính của tôi là George Eldon Ladd and Alan F. Johnson. Họ không đồng ý quan điểm của nhau. Bời tồn tại nhiều sự bất đồng giữa những người anh em tin kính, có học, nghiêm túc, nên tôi thấy cần có một lời cảnh thức cần phải đưa ra. Tôi xin dẫn chứng ý kiến của Alan Johnson trong cuốn *Commentary on Revelation* xuất bản bởi Zondervan:  
“Khi cân nhắc sự sử dụng rộng rãi, sâu nhiệm của biểu tượng và Khải thị từ câu 4:1 tới cuối sách, đồng thời hỏi những biểu tượng, Khải thị này liên hệ tới chương 1-3 như thế nào, thật chẳng ngạc nhiên khi có nhiều ý kiến khác nhau giữa các nhà giải kinh. Một trong những quan tâm giải kinh là biểu tượng và Khải thị có ý nghĩa gì? Rồi thêm thắc mắc về thời gian biểu: Khi nào điều đó xảy ra? Lại thêm nỗi băn khoăn: Liệu Giăng sử dụng biểu tượng và Khải thị chính

xác như trong nguồn Cựu Ước, hay ông tự giải kinh theo ý mình? Điều nào mang nghĩa đen và điều nào mang nghĩa bóng? Câu trả lời xác định phương pháp tiếp cận của người giải kinh. Bởi vì vài câu hỏi có thể dẫn đến sự đoán thần học, chúng ta cần phải chấp nhận nhiều phương pháp tiếp cận khác nhau, với hy vọng Đức Thánh Linh sẽ dùng các cuộc bàn luận cởi mở để dẫn chúng ta hiểu sâu nhiệm hơn về Khải Huyền (trang 69).

2. Tôi xin gợi ý cuốn sách nói về mối liên hệ giữa Khải Huyền và Cựu Ước của ông Min-tôn (John P. Milton) *Prophecy Interpreted* và Brai-tơ (John Bright) *The Authority of the Old Testament*. Về mối liên hệ giữa Khải Huyền và Phao-lô tôi xin mời đọc cuốn của ông Stê-vát (James S. Stewart) *A Man In Christ*.

## **CHU KỲ ĐỌC KINH THÁNH LẦN THỨ NHẤT (xem trang vi)**

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc toàn bộ sách này trong một lần đọc. Viết ra chủ đề trọng tâm của toàn bộ sách bằng chữ của bạn.

1. Chủ đề của toàn bộ sách
2. Thể loại văn chương

## **CHU KỲ ĐỌC KINH THÁNH LẦN HAI (xem trang vi-vii)**

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc lại toàn bộ sách này lần thứ hai trong một lần đọc. Lập dàn ý các chủ đề chính và viết một câu để diễn tả mỗi chủ đề.

1. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ nhất
2. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ hai
3. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ ba
4. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ tư
5. Vân vân...

## KHẢI HUYỀN 1:1-20

### CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI<sup>1</sup>

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Giới thiệu , chào thăm	Giới thiệu, chúc phước	Lời mở đầu	Giới thiệu	Mở đầu
1:1-3	1:1-3	1:1-2 1:3 Giới thiệu , chào thăm	1:1-3  Lời Chào 7 hội thánh	1:1-3  Tuyên bố, Chào thăm
1:4-5a	1:4-8	1:4-5a	1:4-5a	1:4-8
1:5b-7		1:5b-7	1:5b-6 5:7	
5:8		5:8	5:8	
Khải tượng Christ	Khải tượng Con Người	Khải tượng chuẩn bị	Khải tượng Christ	Khải tượng mở đầu
1:9-11	1:9-20	1:9-11	1:9-11	1:9-16
1:12-16		1:12-16	1:12-20	
1:17-20		1:17-20		1:17-20

<sup>1</sup> Mặc dù không được linh cảm, việc phân đoạn và câu là chìa khóa để hiểu và theo dõi được ý tưởng của tác giả nguyên thủy. Mỗi bản dịch hiện đại đều có phần phân đoạn và tóm tắt đoạn. Mỗi đoạn có một chủ đề, một lễ thật, một ý tưởng trọng tâm. Mỗi bản dịch có cách chia đoạn đặc biệt riêng của nó để nhằm cô đọng lại các chủ đề này. Khi đọc một bản văn, hãy tự hỏi chính mình bản dịch nào giúp bạn nắm được chủ đề qua lối chia đoạn và câu của nó.

Ở mỗi đoạn, chúng ta phải đọc Kinh Thánh trước và tìm cách xác định các chủ đề (phân đoạn) của nó, sau đó so sánh sự hiểu biết này với các bản dịch hiện đại. Chỉ khi nào chúng ta hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy bằng cách theo dõi lý luận và cách trình bày của họ, thì chúng ta mới thật sự hiểu được Kinh Thánh. Chỉ có tác giả nguyên thủy được linh cảm- người đọc không có quyền thay đổi hay bổ sung vào sứ điệp. Tuy nhiên, những người đọc Kinh Thánh có trách nhiệm áp dụng những lễ thật được linh cảm này vào cuộc sống hằng ngày của họ.

**Lưu ý rằng tất cả các thuật ngữ và những chữ viết tắt đều được giải thích rõ ràng trong Phụ lục một, hai, và ba.**

## CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

### THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phần đoạn 1
2. Phần đoạn 2
3. Phần đoạn 3, vân vân

### CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN NGỮ CẢNH CÂU 1:1-3:22

- A. Câu 1:1-8 là lời mở đầu cho cả sách tiên tri. Ba câu đầu tiên giới thiệu tác giả, thời điểm, thể loại và lời chúc phước.
1. Tác giả là Giăng, một tên Do-thái khá phổ biến .
  2. Thời điểm: đã gần (1b; 3c).
  3. Sứ điệp là sự truyền thông của thiên sứ qua khái tượng, qua trung gian thiên sứ và được gọi là lời tiên tri, (câu 3). Ba chương đầu tiên rất giống dạng văn thư bình thường trong thế kỷ đầu tiên
  4. Sự phước lành cho những ai nghe đọc và vâng lời khích lệ trung kiên mặc dầu bị bắt bớ.
- B. Bốn câu tiếp theo (4-7) nói về người nhận là 7 hội thánh (1:11) và bảy linh hội thánh (xem 1:4,20; 3:1; 4:5; 5:6). Phần này được cho thấy:
1. Đức Giê-hô-va được xác nhận (câu 4)
  2. Chúa Giê-su được xác nhận (các câu 5,6b,7)
  3. Tín đồ được xác nhận (câu 6a)
  4. Đức Giê-hô-va phán (câu 8)
- C. Câu 1:9-3:22 là lời cuối cùng của Chúa Giê-su cho (các) hội thánh . Trong câu 1:9-20 và trong mỗi câu mở đầu thư cho từng hội thánh , Chúa Giê-su được xác nhận bởi Danh hiệu của Đức Giê-hô-va thời Cựu Ước.

### NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÂU VĂN

#### RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 1:1-3

<sup>1</sup>Sự mặc khải của Đức Chúa Jêsus Christ mà Đức Chúa Trời đã ban cho Ngài để bày tỏ cho các đầy tớ Ngài những việc sắp phải xảy đến. Ngài sai thiên sứ đến tỏ cho Giăng, đầy tớ Ngài,<sup>2</sup>là người đã làm chứng cho lời của Đức Chúa Trời và cho lời chứng của Đức Chúa Jêsus Christ, tức là tất cả những gì ông đã thấy.<sup>3</sup>Phước cho người đọc cùng những người nghe lời tiên tri này và vâng giữ những điều đã ghi chép trong đó, vì thì giờ đã gần rồi.

1:1 “Sự mặc khải” Thuật ngữ Hy-lạp *apocalypsis* chỉ được thấy ở đây, là từ kết hợp “bày tỏ thứ gì đó” và “từ nơi ẩn dấu” và nó được sử dụng như sau: (theo BAGD trang 92).

1. bày tỏ chân lý – Lu-ca 2:32; Rô-ma 16:25; I Cô-rin-tô 14:6,26; Ga-la-ti 1:12; Ê-phê-sô 1:17

2. bộc lộ một điều bí mật – Ê-phê-sô 2:11-3:13
3. mặc khải thị, giấc mộng – II Cô-rin-tô 12:1,7; Ga-la-ti 2:2
4. điều bí mật liên hệ tới kỳ tận thế – Lu-ca 17:30; I Cô-rin-tô 1:7; II Tê-sa-lô-ni-ca 1:7; I Phi-ê-rơ 1:7,13; 4:13; 5:1

Trong Khải Huyền, chân Lý của Đức Chúa Trời được mặc khải bởi sự hiện ra của Chúa Giê-su và sự giải thích của thiên sứ. Chân Lý tập trung vào sự có mặt của điều ác và sự đắc thắng của công nghĩa qua sự can thiệp siêu nhiên của Đức Chúa Trời. Ngài sẽ giải quyết mọi sự trong vinh quang

}”**Cửa Đức Chúa Giê-su Christ**” Đây Chúa Giê-su có thể là tân ngữ: ”sự mặc khải về Chúa Giê-su”, (xem Ga-la-ti 1:12) hoặc chủ ngữ: “sự mặc khải bởi Chúa Giê-su”,

} “**Chúa Giê-su**” có nghĩa trong tiếng Hê-bơ-rơ là “Đức Giê-hô-va cứu chuộc”. Cùng nghĩa với các tên khác trong Cựu Ước như Ô-sê và Giô-suê “Đức Giê-hô-va là sự cứu rỗi”. Ô-sê là chữ viết sau của danh Giê-hô-va. Còn Giô-suê là danh của Đức Chúa Trời được thiên sứ thông báo cho Ma-ri (xem Ma-thi-ơ 1:21), xem thêm chủ đề đặc biệt: Danh của Đức Chúa Trời trong ghi chú cho câu Cô-lô-sê 1:3.

} “**Christ**” Là thuật ngữ Hy-lạp tương đương với Đấng Mê-si-a trong Hê-bơ-rơ, có nghĩa là Đấng Được Xức Dầu. Xức dầu là biểu tượng cho sự kêu gọi và trang bị bởi Đức Chúa Trời cho một công vụ. Trong Cựu Ước, chỉ có các thầy tế lễ, vua, và tiên tri được xức dầu. Chúa Giê-su thỏa mãn cả ba chức vụ này, (xem Hê-bơ-rơ 1:2-3).

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐÁNG MÊ-SI-A (theo Đa-ni-en 9:26)**

Thật khó giải kinh thuật ngữ này, bởi vì có nhiều cách sử dụng liên hệ tới Đấng Mê-si-a hay Đấng Chịu Xức Dầu(BDB 603). Có thể nói về

1. một vị vua Do-thái (ví dụ, 1 Sa-mu-ên 2:10; 12:3)
2. các thầy tế lễ (ví dụ, Lê-vi 4:3,5)
3. vua Si-rus (xem Ê-sai 45:1)
4. cả vua và thầy tế lễ trong Thi Thiên 110 và Xa-cha-ri 4
5. Vị Vua mà Đức Chúa Trời sai đến, theo dòng dõi Đa-vít, đem lại Kỷ Nguyên Công chính
  - a. thuộc bộ tộc Giu-đa (x. Sáng thế. 49:10)
  - b. thuộc gia tộc Gie-sê (xem 2 Sa-mu-ên 7)
  - c. tể trị toàn cầu (x. Thi Thiên 2; Ê-sai. 9:6; 11:1-5; Mi-chê. 5:1-4ff)

Tôi cảm thấy Đấng Được Xức Dầu ở đây là Chúa Giê-su Na-xa-rét, vì

1. sự giới thiệu Vương Quốc Đồi Đồi của Đức Chúa Trời (tức vương quốc thứ tư) trong Đa-ni-en 2.
2. sự giới thiệu "Con Loài Người" tiếp nhận Vương Quốc Đồi Đồi trong in Đa-ni-en 7:13
3. chi tiết cứu chuộc trong Đa-ni-en 9:24, chi tới cao điểm lịch sử của thế giới băng hoại
4. Chúa Giê-su sử dụng Đa-ni-en trong Tân Ước (xem Ma-thi-ơ 24:15; Mác 13:14)

} “**Đức Chúa Trời đã ban cho Ngài**” Chúa Giê-su không bao giờ làm điều gì ngoài khải thị và sự cho phép của Đức Chúa Trời. Đây là tích đặc thù trong văn tự của Giảng, (xem Giảng 3:11-13, 31-36; 4:34; 5:19-23,30; 6:38; 7:16; 8:26,28-29,40; 12:49-50; 14:10,24; 15:15).

} **bày tỏ cho các đầy tớ Ngài những việc sắp phải xảy đến.** Xin để ý sự giống nhau giữa phân đoạn mở đầu này với phân đoạn kết thúc 22:6-21. Đây là hình thức văn chương khá phổ biến trong thể kỳ đầu tiên.

}  
**NASB, NKJV** “**Những điều sắp phải xảy đến**”  
**NRSV** “**những điều sắp phải xảy ra**”  
**TEV** “**những điều sắp phải xảy ra**”  
**NJB** “**những điều hiện có sẽ ứng nghiệm rất gần tới**”

Yếu tố thời gian rất quan trọng trong việc giải kinh sách Khải Huyền, bởi vì sứ điệp của Giảng mang tính quan trọng cho cả thời ông sống và cho mọi thế hệ tương lai. Thuật ngữ “phải” nói về sự “ràng buộc pháp lý, trách nhiệm lương tâm, sự cần thiết, và không thể tránh khỏi”, (xem Khải Huyền 22:6).

## **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TÁI LÂM KÊ CẬN (SOON RETURN)**

Khái niệm kê cận được thấy trong Khải Huyền 1:3; 2:16; 3:11; 22:7,10,12,20, cũng là sự liên tưởng từ Đa-ni-ên 2:28, 29, and 45. Giảng chỉ gợi ý mà không trích dẫn trực tiếp từ Cựu Ước. Trong 404 câu của Khải Huyền, có 275 câu liên hệ tới Cựu Ước. Vì định kiến thần học về mục đích sách Khải Huyền, khi dịch câu này: “Những điều sắp phải đến”, các dịch giả dịch khác nhau như sau

1. những điều đột ngột
2. những điều khi đã bắt đầu sẽ tiến triển rất nhanh
3. những điều sắp sửa bắt đầu
4. những điều sẽ bắt đầu chắc chắn
5. những điều gần rồi.

Sự sử dụng thuật ngữ trong Khải Huyền 22:7, 12, 20 cho thấy sứ đồ Giảng trông chờ sự việc xảy ra rất nhanh trong thời của ông, (hãy xem chi chú câu 3 và 10:6). 2000 năm đã trôi qua, nhiều người cho rằng Giảng đã sai. Tuy nhiên cách viết trong thi sắp đến thường được sử dụng trong Cựu Ước, khẳng định sự kiện hiện tại soi bóng tới viễn cảnh chắc chắn của sự kiện tận thế. Giảng sử dụng bối cảnh La-mã để giúp độc giả thời đó thấy viễn cảnh ngày sau rớt, (cũng tương tự như Ê-sai và Ê-xê-chiên sử dụng Giu-đa (sau phục hồi) và Đa-ni-ên sử dụng vua ngoại bang An-ti-ô-chút (Antiochus Epiphanes IV). Sự tiếp cận của kỷ nguyên công nghệ là nguồn hy vọng của tất cả mọi thế hệ tín đồ, xem ghi chú ở câu 22:6, và tham khảo ý kiến của ông San-đi (D. Brent Sandy), *Plowshares and Pruning Hooks*, pp. 101-102, về các biểu tượng cho sự nghiêm trọng và khôn lường của tiên tri, trang . 173-175

} **“tỏ cho Giảng”**. Theo nghĩa đen là “ra dấu” (*semainò*) (xem NKJV). “Dấu hiệu” là một trong những cấu trúc văn chương Giảng sử dụng trong Phúc Âm (*semeion*, xem 12:33; 18:32; 21:19). Đây cũng là mối liên hệ với tiên tri Cựu Ước (xem Ê-sai 7:11,14; 8:18; 19:20; 20:3; 37:30; 38:7,22; 55:13; 66:19; Giê-rê-mi 10:2; 32:20-21; 44:29 and Ê-xê-chiên 4:3; 14:8; 20:12,20). Tên của cuốn sách là ‘Khải thị qua dấu hiệu và tiên tri’ gợi ý cho chúng ta về thể loại văn chương. Thuật ngữ “văn chương Khải thị” không được biết đến trong thời kỳ Giảng sống.

} **“đầy tớ Ngài”**. Trong câu giới thiệu, cụm từ này nói về quyền tác giả của Sứ đồ. Trong các phần khác, đầy tớ mang tính số nhiều, ám chỉ các tiên tri, sứ giả và nhà truyền giảng, (xem 10:7; 11:18; 22:6).

Tuy nhiên, cũng trong nhiều chỗ, “đầy tớ” ám chỉ tất cả các tín đồ, (xem 7:3; 19:2,5; 22:3), với tư cách là những người làm chứng, (xem Ma-thi-ơ 28:18-20; Cô-lô-sê 4:6; II Ti-mô-thê 2:24-25; I Phi-ê-rơ 3:15). Chúa Giê-su là mô hình cho chúng ta noi theo, (xem 1:5; 3:14; Giảng 20:21)! Nhiều chứng nhân sẽ bị tử đạo, (xem 6:9; 12:17; 17:6; 18:24; 20:4). Xin nhớ rằng chủ đề của cuốn sách là “hãy trung tín cho đến chết, bởi Ta (Chúa Giê-su) đã chiến thắng”.

} **“Giảng”** - Không giống như hầu hết các tác giả văn chương Khải thị, Giảng xác nhận bản thân mình, trong phần giới thiệu và trong 7 lá thư đến 7 hội thánh, (chương 1-3). Một số người từ chối quyền tác giả của Giảng, bởi Giảng thường giấu tên mình trong Phúc Âm và Các Thư qua tên húy “môn đồ Chúa yêu” và “trưởng lão”, nhưng lại tự xưng mình trong Khải Huyền 1:4, 9; 22:8.

**1:2 “lời chứng của Đức Chúa Jêsus Christ”** Giống như câu 1, ở đây có thể hiểu là lời chứng bởi Chúa Giê-su hoặc lời chứng về Chúa Giê-su. Giảng thường sử dụng “điều khó hiểu có chủ đích”, nhưng cả hai ý nghĩa đều đúng.

**1:3 “Phước cho”**. Đây là 1 trong 7 câu “phước cho” trong Khải Huyền, (xem 1:3; 14:13; 16:15; 19:9; 20:6; 22:7,14). Không những người đọc thế hệ đầu tiên được phước, nhưng tính linh cảm của Khải Huyền tác động trên đời sống của độc giả thời Giảng cũng như độc giả mọi thế hệ,

} **“người đọc”**. Bản dịch NRSV thêm phần “đọc lớn tiếng” ám chỉ đọc nơi công cộng. Thời đó, người đọc nơi công cộng được huấn luyện đặc biệt, (xem I Ti-mô-thê 4:13) hội thánh áp dụng phương cách thực hành tuyên đọc Kinh Thánh trong nhà hội của người Do-thái, (xem Lu-ca 4:16; Công Vụ 13:15; Cô-lô-sê 4:16; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:27). Chúng ta có được sự xác nhận thực hành đọc nơi công cộng bởi Giu-stin Ma-ti (Justin Martyr), 167



SCN, là người nhắc đến việc đọc tiên tri và Phục Âm trong hội thánh

} **“nghe lời tiên tri này và vâng giữ”**. Sự nghe và thực hành (cả hai ở trong thể động tính từ chủ động thì hiện tại) là thành phần căn bản của thuật ngữ *“Shema”* tiếng Hê-bơ-rơ (xem Phục Truyền 5:1; 6:4-6; 9:1; 20:3; 27:9-10; Lu-ca 11:28). Xin để ý tới tính điều kiện của lời hứa: Đã nghe thì phải hưởng ứng. Đây là giao ước có điều kiện “Nếu... thì...” của cả Cựu Ước và Tân Ước. Phước hạnh không chỉ liên hệ tới tri thức, nhưng đến cả nếp sống nữa.

} **“lời tiên tri này**. Thuật ngữ ‘tiên tri’ này liên hệ tới cả nội dung linh cảm và thể loại văn chương của Khải Huyền. Cuốn sách này chứa đựng bức thư (chương 1-3), Khải tượng (seals, trumpets, bowls), và tiên tri (xem 22:7,10,18,19). Xin nhớ rằng tiên tri bao gồm hai ý nghĩa (1) thông báo cho độc giả, khán giả nguyên thủy sứ điệp của Đức Chúa Trời và (2) trình bày việc đức tin hiện tại ảnh hưởng tới các sự kiện tương lai như thế nào, xem bài luận Giới Thiệu Khải Huyền.

} **“vì thì giờ đã gần rồi”**. Câu này nói về tính khẩn cấp của lời tiên tri cho thời điểm phát ra (xem 22:10, một ví dụ khác trong Rô-ma 16:20), xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Tái Lâm Kế Cận ở câu 1:1

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 1:4-7**

**<sup>4</sup>Giăng gửi đến bảy hội thánh tại A-si-a:**

Cầu chúc anh em nhận được ân điển và bình an từ Đấng Hiện Có, Đã Có và Đang Đến, từ bảy LINH ở trước ngai của Ngài, <sup>5</sup>và từ Đức Chúa Jêsus Christ là Đấng làm chứng thành tín, Đấng sinh trước nhất từ cõi chết và Chúa của các vua trên đất! Đấng yêu thương chúng ta đã lấy huyết mình giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi, <sup>6</sup>và làm cho chúng ta trở nên vương quốc, trở nên các thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời, là Cha Ngài, đáng được tôn vinh và uy quyền đời đời! A-men. <sup>7</sup>Kìa, Ngài đến với các đám mây! Mọi mắt sẽ thấy Ngài, cả những kẻ đã đâm Ngài; tất cả các bộ tộc trên mặt đất đều sẽ than khóc vì có Ngài. Thật đúng như vậy! A-men.

#### **1:4 “bảy hội thánh”:**

”Chính xác vì sao có bảy hội thánh là điều chưa biết chắc Có vài ý giả thiết sau:

1. có người khẳng định đây là 7 hội thánh Giăng có liên hệ
2. Có người cho rằng 7 hội thánh nằm trên đường bưu điện thời La-mã ở Tiểu Á.
3. Số bảy là số có giá trị biểu tượng quan trọng đối với người Do-thái. đặc biệt trong văn chương Khải thị giữa hai thời giao ước.

Đây là con số tuyệt hảo từ Sáng Thế 1, vậy cũng có thể được hiểu cả nghĩa đen và nghĩa bóng: 7 hội thánh trên đường bưu điện bảy giờ cũng như tất cả các hội thánh mọi thời đại nói chung

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG CON SỐ BIỂU TƯỢNG TRONG KINH THÁNH**

**(special topic: symbolic numbers in scripture)**

A. Một số con số cũng mang tính biểu tượng.

1. Số Một – Đức Chúa Trời (ví dụ, Phục Truyền 6:4; Ê-phê-sô 4:4-6)
2. Số Bốn: Trái đất (ví dụ bốn góc, bốn gió, ví dụ, Ê-sai 11:12; Giê-rê-mi 49:36; Đa-ni-ên 7:2; 11:4; Xa-cha-ri 2:6; Ma-thi-ơ 24:31; Mác 13:27; Khải Huyền 7:1)
3. Số Sáu: con người khiếm khuyết (thiếu 1 thành 7), ví dụ, Khải Huyền 13:18)
4. Số Bảy: tuyệt hảo về thần linh (bảy ngày tạo hóa). Các biểu tượng số bảy trong Khải Huyền :
  - a. bảy cây đèn, Khải Huyền 1:12,20; 2:1
  - b. bảy ngôi sao, Khải Huyền 1:16,20; 2:1
  - c. bảy hội thánh, Khải Huyền 1:20
  - d. bảy linh của Đức Chúa Trời, Khải Huyền 3:1; 4:5; 5:6
  - e. bảy đèn, Khải Huyền 4:5
  - f. bảy ấn, Khải Huyền 5:1,5

- g. bảy sừng và bảy mắt, Khải Huyền 5:6
  - h. bảy thiên sứ, Khải Huyền 8:2,6; 15:1,6,7,8; 16:1; 17:1
  - i. bảy kèn, Khải Huyền 8:2,6
  - j. bảy sấm, Khải Huyền 10:3,4
  - k. bảy ngàn, Khải Huyền 11:13
  - l. bảy đầu, Khải Huyền 13:1; 17:3,7,9
  - m. bảy tai họa, Khải Huyền 15:1,6,8; 21:9
  - n. bảy chéns, Khải Huyền 15:7; 21:9
  - o. bảy vua, Khải Huyền 17:10
5. Số Mười – trọn vẹn
- a. trong Phúc Âm
    - (1) Ma-thi-ơ 20:24; 25:1,28
    - (2) Mác 10:41
    - (3) Lu-ca 14:31; 15:8; 17:12,17; 19:13,16,17,24,25
  - b. trong Khải Huyền
    - (1) Khải Huyền 2:10, mười ngày hoạn nạn
    - (2) Khải Huyền 12:3; 17:3,7,12,16, mười sừng
    - (3) Khải Huyền 13:1, mười vương miện
  - c. cấp số nhân của mười
    - (1)  $144,000 = 12 \times 12 \times 1000$ , xem Khải Huyền 7:4; 14:1,3
    - (2)  $1,000 = 10 \times 10 \times 10$ , xem Khải Huyền 20:2,3,6
6. Số Mười hai – Hệ thống tổ chức của nhân loại
- a. 12 con của Gia-cốp (i.e. 12 sắc tộc của I-sơ-ra-en, Sáng Thế 35:22; 49:28)
  - b. 12 trụ cột, Xuất Hành 24:4
  - c. 12 hòn sỏi quý trên băng treo ngực của thầy tế lễ tối cao, Xuất Hành 28:21; 39:14
  - d. 12 ổ bánh trên bảy tế nơi thánh (biểu tượng cho sự cung ứng của Chúa cho 12 bộ tộc), Lê-vi 24:5; Xuất Hành 25:30
  - e. 12 trình sát, Phục Truyền 1:23;
  - f. 12 người vác đá, Giô-suê 4:2,3,4,8,9,20
  - g. 12 sứ đồ, Ma-thi-ơ 10:1
  - h. được dùng trong Khải Huyền:
    - (1) 12 ngàn được đóng ấn, Khải Huyền 7:5-8
    - (2) 12 ngôi sao, Khải Huyền 12:1
    - (3) 12 công , 12 thiên sứ, 12 sắc tộc, Khải Huyền 21:12
    - (4) 12 nền đá, 12 sứ đồ, Khải Huyền 21:14
    - (5) Thành Giê-ru-sa-lem mới, mỗi chiều 12 ngàn Éch-ta-đơ (dày 12x12 Cu-đê) Khải Huyền 21:16
    - (6) 12 cổng làm từ 12 hòn ngọc Khải Huyền 21:21
    - (7) Cây sự sống có 12 loại trái, Khải Huyền 22:2
7. Số Bốn Mười – biểu tượng thời gian
- a. Có thể theo nghĩa đen (Xuất Hành và lang thang trong Đồng Vắng) ví dụ, Xuất Hành 16:35); Phục Truyền 2:7; 8:2
  - b. Có thể theo nghĩa đen hoặc nghĩa bóng
    - (1) Hồng Thủy, Sáng Thế 7:4,17; 8:6
    - (2) Mô-sê trên núi Si-nai, Xuất Hành 24:18; 34:28; Phục Truyền 9:9,11,18,25
    - (3) các giai đoạn cuộc đời Mô-sê:
      - (a) 40 năm ở Ai-cập
      - (b) 40 năm trong đồng vắng
      - (c) 40 năm lãnh đạo I-sơ-ra-en
    - (4) Chúa Giê-su kiêng ăn 40 ngày, Ma-thi-ơ 4:2; Mác 1:13; Lu-ca 4:2
  - c. Tham khảo thêm nhờ Thánh Kinh Phù Dẫn (Concordance) và máy vi tính, xem con số 40 xuất hiện bao nhiêu lần liên hệ tới thời gian!
8. Số Bảy Mười: số người được làm tròn.

- a. I-sơ-ra-en, Xuất Hành 1:5
- b. 70 trường lão, Xuất Hành 24:1,9
- c. bảy mươi ngày (liên hệ tận thế), Đa-ni-ên 9:2,24
- d. nhóm môn đồ truyền giáo, Lu-ca 10:1,17
- e. sự tha thứ (70x7), Ma-thi-ơ 18:22

**B. các tài liệu tham khảo tốt**

- 1. Giảng J. Davis, *Biblical Numerology*
- 2. D. Brent Sandy, *Plowshares and Pruning Hooks*

Copyright © 2014 Bible Lessons International

**Chủ Đề Đặc Biệt: Hội Thánh**

The Church (*ekklesia*)

Thuật ngữ Hy-lạp *ekklesia*, là từ kép, được hợp lại từ 2 thành phần, "ra khỏi" và "kêu gọi." Trong bối cảnh xã hội La mã, có nghĩa là gọi công dân ra khỏi nhà để đi họp, xem Công Vụ 19:32,39,41) và bối cảnh Cựu Ước (Bản Bảy Mươi Septuagint) có nghĩa "tập hợp của dân Do-thái" (Qahal, BDB 874, KB 1078, xem Dân Số 16:3; 20:4; Phục Truyền 31:30), từ thuật này mang ý nghĩa tôn giáo. Hội thánh sơ khởi tiếp tục thờ phượng Đức Chúa Trời với tư cách dân tuyên trong Cựu-ước, họ coi mình là những người I-sơ-ra-en mới, (xem Rô-ma 2:28-29; Ga-la-ti 3:29; 6:16; 1 Phi-ê-rơ 2:5,9; Khải Huyền 1:6), là sự ứng nghiệm về sứ mạng truyền giáo thế giới, (xem Sáng Thế 3:15; 12:3; Xuất Hành 19:5-6; Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:47; Công Vụ 1:8; xem chủ đề Đặc Biệt, Đức Giê-hô-va với chương trình cứu rỗi đời đời

Thuật ngữ này có vài ý nghĩa trong Công Vụ và Phúc Âm:

- 1. họp mặt thành phố, Công Vụ 19:32,39,41
- 2. Con dân của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ nói chung, Ma-thi-ơ 16:18 and Ê-phê-sô
- 3. hHội thánh địa phương bao gồm tín đồ Đấng Christ, Ma-thi-ơ 18:17; Công Vụ 5:11 (HT tại Giê-ru-sa-lem); Công Vụ 13:1; Rô-ma 16:5; 1 Cô-rin-tô 16:19; Cô-lô-sê 4:15; Phi-lê-mon câu 2
- 4. Dân I-sơ-ra-en nói chung, Công Vụ 7:38, trong bài giảng của Ê-tiên
- 5. dân của Chúa tại một vùng Công Vụ 8:3; Ga-la-ti 1:2 (Judah or Palestine)

Hội thánh là một nhóm người hiệp lại, chứ không phải là một tòa nhà. Hội thánh không có giáo đường qua hàng trăm năm, Gia-cơ là cuốn sớm nhất trong Tân Ước, nói về hội thánh với thuật ngữ "nhà hội" "*synagōgē*" (nhóm hội). Thuật ngữ này được dùng duy nhất trong Gia-cơ (xem Gia-cơ 2:2; 5:14).

} **“Ơ A-si-a”** Phía tây Thổ nhĩ kỳ, tức xứ Phi-gia (Phyrgia), thời Kinh Thánh được trở nên 1 tỉnh của đế quốc La-mã ở Tiểu Á.

} **“Cầu chúc anh em nhận được ân điển và bình an”** Đây là cách chào hỏi trong thư tín thời bấy giờ, cũng được thấy trong văn tự của Phao-lô. Nhiều người nghĩ các cơ đốc nhân đôi chữ "*charein*" (xem Gia-cơ 1:1) trong văn chương Hy-lạp sang chữ *charis* quen thuộc trong vòng tín hữu, có nghĩa là ân điển. Còn chữ "bình an" trong tiếng Hê-bơ-rơ là "shalom". Nhưng vậy chào thăm vừa trong tiếng Hy-lạp và Hê-bơ-rơ đem lại cảm giác liên hệ gần gũi cho cả hai nhóm người, tuy nhiên đây chỉ là sự suy diễn không có chứng cứ.

} **“từ ĐÁNG HIỆN CÓ, ĐÃ CÓ VÀ ĐANG ĐẾN”** Đây là danh hiệu của Đức Chúa Trời không hề biến đổi, (xem Thi Thiên 102:7; Ma-la-chi 3:6; Gia-cơ 1:17). Về mặt ngữ pháp, điều này khó hiểu trong tiếng Hy-lạp, nhưng có thể phản ánh từ ngôn ngữ A-ra-mít. Cả câu nghĩa đen là "từ Đấng Đã Có, từ Đấng Đang Có, và từ Đấng Đang Đến" (xem 4:8). Cụm từ này phản ánh Danh của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước: "Đấng Tự Hữu Hằng Hữu" (Đức Giê-hô-va), xem Xuất Hành 3:14, xem Chủ Đề Đặc Biệt: Danh cho Đấng Thánh (Names for Deity ở câu 1:8). danh hiệu này được dùng cho cả Đức Chúa Trời trong câu 4, 8 và cho Chúa Giê-su trong câu 17, 18

(xem thêm Hê-bơ-rơ 13:8). Các tác giả Tân Ước chuyển danh hiệu Thánh sang cho Chúa Giê-su một cách có chủ đích để xác nhận Ngài có Ngôi Vị Đức Chúa Trời.

Ba thành phần thời gian (quá khứ, hiện tại, tương lai) trong danh hiệu của Đức Chúa Trời được thay đổi thành hai phần (quá khứ, hiện tại) trong thời điểm tiếng kèn cuối cùng, câu 11:17 và 16:5, bởi phần tương lai (Tận Thế) đã tới.

} “từ bảy LINH ở trước ngai của Ngài,” xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây:

#### **Chủ Đề Đặc Biệt: bảy Linh / seven spirits in revelation**

Có một vài giả thiết về bảy linh ở đây:.

1. Bởi Bảy Linh xuất hiện giữa Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con (ví dụ Khải Huyền 1:4) (ví dụ Khải Huyền 1:5), nhiều người nghĩ rằng đây đang nói về Thánh Linh (bản NASB viết hoa chữ “Linh”. Có thể đúng vậy, nhưng không chắc chắn. Cụm chữ này cũng được sử dụng trong Khải Huyền 3:1; 4:5 and 5:6 mà không ám chỉ tới Đức Thánh Linh, trừ phi đó là sự gợi ý từ Xa-cha-ri 4.
2. Có người tin rằng đây là gợi nhớ từ Ê-sai. 11:2 trong bản Bảy Mươi Septuagint, trong đó 7 phần ân tứ Thánh Linh được nhắc đến. Nhưng trong bản Masoretic chỉ có 6-phần ân tứ mà thôi.
3. Người Do-thái trong thời giữa hai giao ước tin đây là 7 thiên sứ trưởng trước ngai Đức Chúa Trời (xem Khải Huyền 8:2).
4. Có người coi đây là các sứ giả tới 7 hội thánh được nhắc tới Khải Huyền 1:20.

Đề ý câu Khải Huyền 1:20 xác định :

- a. 7 ngôi sao là 7 thiên sứ của 7 hội thánh (xem Khải Huyền 1:16,20; 2:1) (ví dụ Khải Huyền 2-3)
- b. 7 cây đèn là 7 hội thánh (xem Khải Huyền 1:12,13,20; 2:1)

Bởi không có lời xác nhận chắc chắn về 7 linh, giả thiết thứ tư là ngộ nhận không bằng chứng. Con số bảy là con số quan trọng trong Kinh Thánh, tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt những con số biểu tượng

**1:5 “ từ Đức Chúa Jêsus Christ là Đấng làm chứng thành tín,”** Đây là một trong ba câu mô tả về Chúa Giê-su Đấng Mê-si-a. Những câu này tương tự trong 20:6 -21. “Thành tín được mô tả trong Cựu Ước là tính cách chung thủy, chân thật và đáng tin cậy, (xem Ê-sai 55:3-5). Như Kinh Thánh đáng tin cậy, sự mặc khải tối hậu của Lời Hằng Sống là Chúa Giê-su cũng vậy, (xem 3:14). Phúc Âm là Sứ Điệp và là Nhân Vật, phải được tiếp nhận và noi gương. Thuật ngữ Hy-lạp có thể có ý nghĩa

1. “Chúng Nhân của Ta, Người Thành Tín” – hai vế của câu, xem 2:13 (với sự thêm vô của đại từ nhân xưng “Người”)
2. “Nhân Chứng thành tín và chân thật.” xem 3:14 (với sự thêm vô “chân thật”)

} “**Đấng sinh trước nhất từ cõi chết .”**

#### **Chủ Đề Đặc Biệt: Con Trưởng / firstborn**

Thuật ngữ Con trưởng (*prototokos*) được dùng trong Cựu Ước với vài ý nghĩa như sau .

1. Bối cảnh Cựu Ước
  - a. Con trưởng thuộc về Đức Giê-hô-va (BDB 114, KB 131, xem Xuất Hành 13:2,12; 22:29; 34:19; Dân Số 3:13)
  - b. Đặc quyền của con trưởng trong gia đình, (xem Phục Truyền 21:17; Thi Thiên 89:27; Lu-ca 2:7; Rô-ma 8:29; Heb 11:28)
2. được sử dụng trong Cô-lô-sê 1:15 nói về Chúa Giê-su là khởi đầu tạo hóa, có lẽ theo gợi ý Cựu Ước từ Châm ngôn. 8:22-31, hoặc là tác nhân của Đức Chúa Trời trong tạo hóa, (xem Giăng 1:3; 1 Cô-rin-tô 8:6; Cô-lô-sê 1:15-16; Hê-bơ-rơ 1:2)
3. được sử dụng trong Cô-lô-sê 1:15,18; 1 Cô-rin-tô 15:20,23; Khải Huyền 1:5 nói về Chúa Giê-su là con trưởng từ những người đã chết
4. Là danh hiệu của Đấng Mê-si-a từ Cựu Ước, (xem Thi Thiên 89:27; Hê-bơ-rơ 1:6; 12:23); đây là danh hiệu kết hợp của nhiều khía cạnh nói về vị trí trọng tâm và quyền ưu tiên của Chúa Giê-su.

} **“Chúa của các vua trên đất!”** Câu này liên hệ tới Thi Thiên 89:27 (xem Thi Thiên 72:11; Ê-sai 48:23), nói về Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a. Đây là câu trả lời của Giảng cho:

1. đạo thờ hoàng đế ở các tỉnh phía đông đế quốc La-mã.
2. Cách xưng hô hoàng gia trong nền văn hóa vùng Mê-sô-pô-ta-mi (Si-ria, I-rắc) “vua muôn vua” (xem Khải Huyền 11:15; 17:14; 19:16)

} **“Đấng yêu thương chúng ta ”** Tính động từ chủ động thì hiện tại, có nghĩa Chúa Giê-su luôn luôn yêu thương chúng ta. Đây là sự an ủi hết sức quan trọng cho 5 hội thánh yếu kém và thất bại trong tổng số 7 hội thánh (xem chapters 2-3).

} **“lấy huyết mình giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi”** – Tính động từ chủ động thì quá khứ. Các bản Vulgate và Coptic và một số bản “chữ nhỏ” tiếng Hy-lạp, cùng bản KJV Anh ngữ dùng thuật ngữ “rửa sạch” (*louo*) được phát âm giống hệt như “được giải thoát” (*luo*). Các nhà sao chép kinh Tân Ước ngày xưa viết xuống trong khi người khác đọc to bản gốc.

Thuật ngữ “giải thoát” (được viết thêm), xuất hiện trong bản Hy-lạp cổ P<sup>18</sup>, !\* (giới từ đứng trước đại từ), bản !<sup>2</sup>, A, và C, trong khi giới từ “rửa sạch” được thấy trong bảy “chữ lớn” P (thể kỹ thứ sáu) và 046, cũng như vài bản chữ nhỏ. Hầu hết mọi người thích thuật ngữ “giải thoát” hơn. Liên hội thánh Kinh xếp hạng thuật ngữ “Giải thoát” vào hạng A, có nghĩa là chắc chắn như vậy, tham khảo Phụ lục hai: Phê bình văn bản

} **“Huyết ”** Đây là sự liên hệ tới sinh tể, (xem Lê-vi ký 1-7), sự chuộc tội thay thế của Chúa Giê-su, (xem 5:9; 7:14; 12:11; Mác 10:45; II Cor 5:21; Ê-sai 52:13-53:12). “Bồi huyết Ngài” là chân lý Phúc Âm thường được lặp lại, (xem Rô-ma 3:25; Ê-phê-sô 1:7; 2:13; Cô-lô-sê 1:20; I Phi-e-rơ 1:18-19. Một cách bí ẩn, sự công nghĩa và thương xót đối với nhân loại tội lỗi của Đức Chúa Trời gặp gỡ trong sự hy sinh của Chúa Giê-su, (xem Hê-bơ-rơ 9:11-28).

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC BÀI GIẢNG (KERYGMA) CỦA HỘI THÁNH ĐẦU TIÊN**

1. Lời hứa của Đức Chúa Trời trong Cựu ước giờ đây được ứng nghiệm khi Chúa Jê-sus, Đấng Mê-si-a đến (Công vụ 2:30; 3:19,24; 10:43; 26:6-7, 22; Rô-ma 1:2-4; I Ti-mô-thê 3:16; Hê-bơ-rơ 1:1-2; I Phi-e-rơ 1:10-12; II Phi-e-rơ 1:18-19).
2. Chúa Jê-sus được Đức Chúa Trời xức dầu làm Đấng Mê-si-a trong báp-têm của Ngài (Công vụ 10:38).
3. Chúa Jê-sus bắt đầu chức vụ tại Ga-li-lê sau khi chịu báp-têm (Công vụ 10:37).
4. Chức vụ của Ngài được thể hiện qua các việc lành và làm phép lạ bởi quyền năng Đức Chúa Trời (Mác 10:45; Công vụ 2:22; 10:38).
5. Đấng Mê-si-a bị đóng đinh theo chương trình của Đức Chúa Trời (Mác 10:45; Giảng 3:16; Công vụ 2:23; 3:13-15, 18; 4:11; 10:39; 26:23; Rô-ma 8:34; I Cô-rinh-tô 1:17-18; 15:3; Ga-la-ti 1:4; Hê-bơ-rơ 1:3; I Phi-e-rơ 1:2, 19; 3:19; I Giảng 4:10).
6. Ngài sống lại từ trong kẻ chết và hiện ra cho các môn đồ (Công vụ 2:24, 31-32; 3:15,26; 10:40-41; 17:31; 26:23; Rô-ma 8:34; 10:9; I Cô-rinh-tô 15:4-7, 12 và các câu sau; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:10; I Ti-mô-thê 3:16; I Phi-e-rơ 1:2; 3:18,21).
7. Ngài được Đức Chúa Trời tôn cao và được gọi là “Chúa” (Công vụ 2:25-29, 33-36; 3:13; 10:36; Rô-ma 8:34; 10:9; I Tim 3:16; Hê-bơ-rơ 1:3; I Phi-e-rơ 3:22).
8. Ngài ban Đức Thánh Linh xuống để thành lập một cộng đồng mới của Đức Chúa Trời (Công vụ 1:8; 2:14-18, 38-39; 10:44-47; I Phi-e-rơ 1:12)
9. Ngài sẽ trở lại để đoán xét và phục hồi mọi điều (Công vụ 3:20-21; 10:42; 17:31; I Cô-rinh-tô 15:20-28; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:10)
10. Tất cả những ai nghe sứ điệp này nên ăn năn và chịu báp-têm (Công vụ 2:21, 38; 3:19; 10:43, 47-48; 17:30; 26:20; Rô-ma 1:17; 10:9; I Phi-e-rơ 3:21).

Tất cả những điểm trên đã được sử dụng như một sơ đồ thiết yếu cho việc công bố tin mừng của hội thánh đầu tiên, dầu rằng các tác giả trong Tân ước có thể bỏ qua một phần nào đó hoặc nhấn mạnh đến một số điểm đặc

biệt khác trong sơ đồ này khi họ giảng. Toàn bộ Phúc âm theo Mác theo sát quan điểm của Phi-e-rơ về sự giảng dạy *kerygma* này. Truyền thống cho rằng Mác hệ thống lại các bài giảng của Phi-e-rơ giảng ở Rô-ma, và gộp lại thành Phúc âm Mác. Cả Ma-thi-ơ và Lu-ca đều theo cấu trúc cơ bản của Mác.

**1:6 “ và làm cho chúng ta trở nên vương quốc, trở nên các thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời.”** - động từ chỉ định chủ động thì quá khứ, Chúa Giê-su đã giải thoát (câu 5), và đã làm chúng ta trở nên vương quốc các thầy tế lễ để phục vụ Ngài.

}  
**NASB** “**Vương quốc, các thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời của Ngài**”  
**NKJV** “**Các quốc vương (vua) và thần tế lễ cho Đức Chúa Trời của Ngài**”  
**NRSV** “**Vương quốc và các thầy tế lễ phục vụ Đức Chúa Trời của Ngài**”  
**TEV, NJB** “**vương quốc của các thầy tế lễ phục vụ Đức Chúa Trời của Ngài**”

Đây là điều liên tưởng tới thuật ngữ Cựu Ước trong Xuất Hành 19:6 và Ê-sai 61:6, ám chỉ cả dân tộc Do-thái được coi là vương quốc của các thầy tế lễ. Đức Chúa Trời chọn lựa Áp-ra-ham để tuyển chọn I-sơ-ra-en, và qua họ để tiếp nhận cả nhân loại hư mất, (xem Sáng Thế 3:15; 12:3). I-sơ-ra-en có sứ mạng của một dân tộc nhân chứng, (ví dụ thầy tế lễ) nhưng họ đã thất bại trong công vụ truyền bá tin mừng, (xem Ê-xê-chiên 36:22-38). Chính vì vậy Đức Chúa Trời chọn hội thánh để vươn tới thế gian, (xem Ma-thi-ơ 28:19-20; Lu-ca 24:47; Công Vụ 1:8). Những câu mà Đức Chúa Trời nói về I-sơ-ra-en nay được dùng để nói về hội thánh, (xem Ga-la-ti 3:29; 6:16; Phil 3:3; I Phi-e-rơ 2:5,9; Khải Huyền 1:6; 5:10; 20:6).

Điều quan trọng đáng để ý là tính tập thể được nhấn mạnh: “chức vụ tế lễ của các tín đồ”. Cơ đốc giáo tây phương nhấn mạnh vai trò cá nhân và xem nhẹ vai trò tập thể. Ấn dụ về thân thể Đấng Christ trong Tân Ước (xem I Cô-rin-tô 12) cũng mang ý nghĩa tập thể. Danh hiệu thầy tế lễ trong Cựu Ước không bao giờ cho phép một cá nhân áp đặt sự tự do của mình. Điều nhấn mạnh này được thấy rõ trong sự giảng co giữa Mạc-tin Lu-thơ (Martin Luther) và Giáo Hội Công Giáo La-mã thời Cải Chánh. Tiêu điểm của sự kêu gọi là truyền giáo, (câu 7), với sự tham gia của tất cả các tín đồ, cố gắng vươn tới tha nhân hư mất, là những người được dựng nên trong hình ảnh Đức Chúa Trời và đã được Chúa Giê-su đền tội thay thế, (xem Giăng 3:16; I Ti-mô-thê 2:4; II Phi-e-rơ 3:9; I Giăng 2:2; 4:14).

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CƠ ĐỐC GIÁO LÀ MỘT ĐOÀN THỂ (Christianity is corporate)**

- A. Phao-lô và Phi-e-rơ luôn sử dụng số nhiều khi nói về con dân của Chúa.
  - 1. Thân thể (xem I Cô-rin-tô 12:12-20)
  - 2. cánh đồng (xem I Cô-rin-tô 3:9)
  - 3. ngôi nhà, (xem I Phi-e-rơ 2:4-5)
- B. Thuật ngữ Tín đồ luôn ở trong số nhiều (trừ một trường hợp trong Phi-líp 4:21, tuy nhiên ngữ cảnh cũng nói về số nhiều.)
- C. Học thuyết Cải Chánh của Mạc-tin Lu-thơ (Martin Luther) (trong đề tài năng lực của một linh hồn) nói về vai trò 'thầy tế lễ' của mỗi một Tín đồ là một sự ngộ nhận. Đúng ra Kinh Thánh nói đến vai trò 'thầy tế lễ' của các Tín đồ với ý định số nhiều (xem Xuất Hành 19:6; I Phi-e-rơ 2:5,9; Khải Huyền 1:6).
- D. Mỗi Tín đồ đều được trang bị ân tứ để phục vụ cộng đồng, (xem I Cô-rin-tô 12:7)
- E. Chỉ có sự hợp tác của các Tín đồ mới đem lại hiệu quả. Chức vụ chỉ có hiệu quả khi mang tính chất đoàn thể, (xem Ê-phê-sô 4:11-12).

} **“Đức Chúa Trời, là Cha Ngài.”** Câu này có vẻ làm giảm Ngôi Vị Thần Linh của Đức Chúa Con, (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Ba Ngôi 22:17) tuy nhiên đây chỉ là cách thể hiện sự đầu phục của Chúa Giê-su nhập thể, Phao-lô cũng nói về chủ đề này trong Rô-ma 15:6. Sự bình đẳng Ngôi Vị được thấy trong câu 3:21; 14:1

} **“đáng được tôn vinh và uy quyền”** - ‘vinh hiển’ đồng nghĩa với ‘nặng cân’, thuật ngữ Cựu Ước được dùng trong thương mại, như nói vật được cân trên bàn cân. Vật nặng là vật có giá trị, như vàng. Thuật ngữ ‘vinh hiển’ được sử dụng khi nói về sự sáng chói, sự oai nghi, sự thánh khiết, về đám mây thánh bao phủ Lều Tạm trong Xuất

Hành . Vinh hiển thường dùng để mô tả Đức Chúa Cha trong Tân Ước, (xem Rô-ma 11:36; 16:27; Ê-phê-sô 3:21; Phi-líp 4:20; I Ti-mô-thê 1:17; II Ti-mô-thê 4:18; I Phi-e-rơ 4:11; 5:11; II Phi-e-rơ 3:18; Giu-đe 25; Khải Huyền 1:6; 5:13; 7:12). Hãy tham khảo thêm Chủ Đề Đặc Biệt: Vinh Hiển ở câu 15:8, 8.

Thuật ngữ ‘uy quyền’ ám chỉ Đức Chúa Cha, cũng như ám chỉ Đức Chúa Con trong sự đầu phục, (xem Giăng 17). Chúa Giê-su là tác nhân của Đức Chúa Cha trong mọi công việc, với mục đích tối hậu là tôn vinh cha, (xem I Cô-rin-tô 15:27-28).

} **“đời đời!”** Đây theo nghĩa đen là “cho đến muôn đời của các muôn đời. Thuật ngữ ‘muôn đời’ (*aionos*) được sử dụng hai lần, lần trước ngôi số ít, lần sau ngôi số nhiều, khá phổ biến trong Khải Huyền (xem 1:18; 4:9,10; 5:13; 7:12; 10:6; 11:15; 15:7; 19:3; 20:10; 22:5). Thật ngạc nhiên khi các nguyên bản sớm bỏ qua về thứ hai (đến các muôn đời) (MSS P<sup>18</sup>, A, P). Liên hội thánh Kinh UBS<sup>4</sup> không thể quyết định giả thiết nào là nguyên thủy.

### **Chủ Đề Đặc Biệt: Đời Đời theo thành ngữ Hy-lạp [forever (greek idiom)]**

Một thành ngữ Hy-lạp phổ biến là “cho đến đời đời” (xem Lu-ca 1:33; Rô-ma 1:25; 11:36; 16:27; Ga-la-ti 1:5; I Ti-mô-thê 1:17), có thể tương đương với thuật ngữ tiếng Hê-bơ-rơ '*olam*. Than khảo Robert B. Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, pp. 319-321, và Chủ đề đặc biệt Đời Đời [Forever ('*Olam*)].

Một thành ngữ “đến bao giờ”, “mãi mãi” (xem Ma-thi-ơ 21:19; Mác 11:14; Lu-ca 1:55; Giăng 6:58; 8:35; 12:34; 13:8; 14:16; 2 Cô-rin-tô 9:9) và “qua mọi thế hệ đến vô cùng” (xem Ê-phê-sô 3:21). Không có sự khác biệt giữa các thuật ngữ này, dù số nhiều hay số ít. Mọi thời đại có thể là số nhiều bởi sự nhấn mạnh trong văn tự của các Ra-bi, được gọi là “số nhiều ám chỉ sự oai phong lẫm liệt”, hoặc cũng có thể liên hệ tới quan điểm Do-thái về Kỷ Nguyên Điều Ác và Kỷ Nguyên Công Bình (xem chủ đề đặc biệt “Kỷ Nguyên Hiện Tại và Kỷ Nguyên Sẽ Đến”).

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỜI ĐỜI ‘OLAM theo tiếng Hê-bơ-rơ**

*'olam* (BDB 761, KB 798) là một thuật ngữ rất phổ biến (được sử dụng trên 400 lần). Nó được sử dụng để chỉ một khoảng thời gian theo nhiều nghĩa, nhưng mỗi nghĩa cần phải được gắn kết với tính chất của sự việc mà nó có liên hệ.

- A. Thời gian trong quá khứ (chỉ liệt kê những ví dụ)
  1. “các anh hùng thời xưa,” Sáng Thế 6:4
  2. “những núi và đồi,” Sáng Thế 49:21
  3. “những đời trước,” Phục truyền 32:7
  4. “tổ tiên,” Giô-suê 24:2
  5. “những ngày đời xưa,” Ê-sai 51:9
- B. Liên tục suốt đời (chỉ liệt kê những ví dụ)
  1. “tin cậy người luôn luôn” (ví dụ, Môi-se), Xuất Hành 19:9
  2. “làm tôi mọi luôn luôn” Phục truyền 15:17, I Sa-mu-ên 27:12
  3. “trọn đời người,” Phục truyền 23:6
  4. Sa-mu-ên “ở lại đó luôn luôn” I Sa-mu-ên 1:22
  5. Vua “sống muôn năm” I Các vua 1:21; Nê-hê-mi 2:3; Thi thiên 21:4
  6. “ngôi khen Chúa muôn đời,” Thi thiên 115:18; 145:1-2
  7. “hát xướng luôn luôn,” Thi thiên 89:1; 115:18; 145:1-2
  8. “cru mang luôn luôn (nghĩa ẩn dụ),” Giê-rê-mi 20:17
  9. có thể trong Châm-ngôn 10:25
- C. Liên tục tồn tại (nhưng có những giới hạn rõ ràng)
  1. Con người sống mãi mãi, Sáng Thế 3:22
  2. Trái đất, Thi thiên 78:69; 104:5; 148:6; Truyền Đạo 1:4 (xem II Phi-e-rơ 3:10)
  3. Chức thầy tế lễ của A-rôn, Xuất Hành 29:9; 40:15 (xem I Sa-mu-ên 2:30)
  4. Ngày Sa-bát, Xuất Hành 31:16-17

5. Những ngày lễ, Xuất Hành 12:14,17,24; Dân Số 16:29,31,24; 23:14,21,41
  6. Phép cắt bì, Sáng Thế 17:13 (xem Rô-ma 2:28-29)
  7. Đất của lời hứa, Sáng Thế 13:15, 17:18, 48:4; Xuất Hành 32:13 (xem chủ đề những sự lưu đày)
  8. Những thành phố bị đổ nát, Ê-sai 25:2; 32:14; 34:10
- D. Các giao ước có điều kiện
1. Áp-ra-ham, Sáng Thế 17:7,8,13,19
  2. Y-sơ-ra-ên, Phục truyền 5:29; 12:28
  3. Đa-vít, II Sa-mu-ên 7:13,16,25,29; Thi thiên 89:2,4
  4. Y-sơ-ra-ên, Các Quan Xét 2:1 (tham khảo Ga-la-ti 3)
- E. Các giao ước vô điều kiện
1. Nô-ê, Sáng Thế 9:12,16
  2. Giao ước mới, Ê-sai 55:3; Giê-rê-mi 32:40; 50:5 (tức là, Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-30)
- F. Đức Chúa Trời
1. Sự hiện hữu của Ngài, Sáng Thế 21:33; Phục truyền 32:40; Thi thiên 90:2; 93:2. Ê-sai 40:28; Đa-ni-ên 12:7
  2. Danh của Ngài, Xuất Hành 3:15; Thi thiên 135:13
  3. Sự cai trị của Ngài, Xuất Hành 15:18; Thi thiên 45:6; 66:7; Giê-rê-mi 10:10; Mi-chê 4:7
  4. Lời của Ngài, Thi thiên 119:89,160; Ê-sai 40:8; 59:21
  5. Lòng yêu thương nhân từ của Ngài, Thi thiên 25:6; 89:2; 103:17; 118:1-4,29; Giê-rê-mi 33:1
- G. Đấng Mê-si-a
1. Danh của Ngài, Thi thiên 72:17,19
  2. Được chúc tôn mãi mãi, Thi thiên 45:2,17; 89:52
  3. Trị vì, Thi thiên 89:36,37; Ê-sai 9:7
  4. Thầy tế lễ, Thi thiên 110:4
  5. Sự hiện hữu từ trước vô cùng, Mi-chê 5:2
- H. Cuộc sống trong Thời Đại Mới
1. Sự sống đời đời, Đa-ni-ên 12:2
  2. Sự si nhục đời đời, Đa-ni-ên 12:2
  3. Không còn nước mắt, Ê-sai 65:19 (Khải huyền 21:4)
  4. Không cần mặt trời, Ê-sai 60:19-20 (Khải huyền 21:23)
- Nên lưu ý nhiều từ trong tiếng Anh khác nhau được sử dụng để dịch chữ Hê-bơ-rơ này trong bản dịch Kinh Thánh NIV
1. mãi mãi
  2. cũ, xưa
  3. đời đời
  4. vĩnh cửu
  5. lâu bền
  6. luôn luôn
  7. suốt cả đời sống
  8. tiếp tục
  9. thường có
  10. thường xuyên
  11. bất cứ lúc nào
  12. cổ xưa, thời cổ đại
  13. vô tận
  14. vĩnh viễn
  15. cho đến cuối cùng
  16. một thời gian dài
  17. thời gian dài trước đây

} “**Amen**” đây là một hình thức của thuật ngữ “đức tin” trong Cựu Ước (xem Ha-ba-cúc 2:4). Ý nghĩa gốc là



“chắc chắn” nhưng ý nghĩa phụ cũng có thể là “sẽ được xác nhận”, (xem II Cô-rin-tô 1:20). Nói một cách ẩn dụ về một người trung tín, chung thủy, kiên định, đáng tin cậy. (danh hiệu Chúa Giê-su trong 3:14, xem II Cô-rin-tô 1:20).

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHỮ ‘AMEN’

### I. CỤU ƯỚC

- A. Chữ “Amen” lấy từ chữ Hê-bơ-rơ có nghĩa là lẽ thật (*emeth*) hay tính chân thật (*emun, emunah*), và đức tin hay sự thành tín.
- B. Gốc của chữ này lấy từ hình ảnh của một người có thể đứng vững chắc. Đối lập với nó là một người không vững vàng, bị trượt ngã (Phục truyền 28:64-67; 38:16; Thi thiên 40:2; 73:18; Giê-rê-mi 23:12) hay là vấp ngã (Thi thiên 73:2). Từ cách dùng theo nghĩa đen này, từ ngữ này đã phát triển mở rộng theo cách trừu tượng hơn với ý nghĩa thành tín, trung thành, đáng tin cậy (Sáng Thế 15:16; Ha-ba-cúc 2:4).
- C. Các cách dùng đặc biệt khác:
  1. Một cột trụ, II Các Vua 18:16 (I Ti-mô-thê 3:15)
  2. Sự xác nhận, Xuất Ê-díp-tô ký 17:12
  3. Sự vững chãi, Xuất Ê-díp-tô ký 17:12
  4. Sự vững bền, Ê-sai 33:6; 34:5-7
  5. Sự thật, I Các Vua 10:6; 17:24; 22:16; Châm ngôn 12:22
  6. Sự vững vàng, II Sử ký 20:20; Ê-sai 7:9
  7. Tin cậy (luật pháp) Thi thiên 119:43, 142, 151, 168
- D. Trong Cựu ước, hai từ ngữ Hê-bơ-rơ khác được dùng để chỉ một đức tin sống động:
  1. *Bathach*, tin cậy
  2. *Yra*, kính sợ, kính trọng, thờ phượng (Sáng Thế 22:12)
- E. Từ ý nghĩa tin cậy hay đáng tin đã phát triển cách dùng trong nghi lễ chỉ sự xác tín một lời nói thật hay đáng tin của một người (Phục truyền 27:15-26; Nê-hê-mi 8:6; Thi thiên 41:13; 70:19; 89:52; 106:48).
- F. Chìa khóa thần học để hiểu ý nghĩa từ ngữ này không nằm ở sự trung thành của con người mà là ở sự thành tín của Đức Chúa Trời (Xuất 34:6; Phục truyền 32:4; Thi thiên 108:4; 115:1; 117:2; 138:2). Niềm hy vọng duy nhất của con người sa ngã là sự trung thành trong giao ước thành tín thương xót của Đức Giê-hô-va và lời hứa của Ngài.  
Những người nhận biết Đức Giê-hô-va sẽ trở nên giống Ngài (Ha-ba-cúc 2:4). Kinh Thánh là lịch sử và là quyển sách ghi lại thế nào Chúa phục hồi lại ảnh tượng của Ngài nơi con người (Sáng Thế 1:26-27). Sự cứu rỗi phục hồi khả năng kết nối mỗi tương giao mật thiết với Đức Chúa Trời nơi con người. Đó là lý do tại sao chúng ta được tạo dựng nên.

### II. TÂN ƯỚC

- A. Cách sử dụng chữ ‘amen’ như là lời kết xác tín sự đáng tin cậy của một câu nói trong nghi lễ là cách dùng thông thường trong Tân ước (I Cô-rinh-tô 14:16; II Cô-rinh-tô 1:20; Khải huyền 1:7; 5:14; 7:12).
- B. Cách sử dụng từ ngữ này để kết thúc lời cầu nguyện là cách dùng thông thường trong Tân ước (Rô-ma 1:25; 9:5; 11:36; 16:27; Ga-la-ti 1:5; 6:18; Ê-phê-sô 3:21; Phi-líp 4:20; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:18; I Ti-mô-thê 1:17; 6:16; II Ti-mô-thê 4:18).
- C. Chúa Jêsu là người duy nhất sử dụng từ ngữ này (thường là lặp lại) để mở đầu một câu nói quan trọng (Lu-ca 4:24; 12:37; 18:17, 29; 21:32; 23:43).
- D. Từ ngữ này được dùng làm danh hiệu cho Chúa Jêsu trong Khải huyền 3:14 (Có thể là danh hiệu Đức Giê-hô-va trong Ê-sai 65:16).

Khái niệm sự thành tín hay đức tin, sự đáng tin cậy hay tin cậy được diễn tả qua từ ngữ Hy-lạp *pistos* hay *pistis*, là chữ được dịch sang tiếng Anh là tin cậy, đức tin, tin tưởng (trust, faith, believe).

**1:7 “Kìa, Ngài đến với các đám mây!”** Câu này là lời công bố của thiên sứ (câu 1) về sự Tái Lâm của Chúa Giê-su Christ.

#### Chủ Đề Đặc Biệt: Ngự đến trên các đám mây

Coming on the clouds (Thuật ngữ Hê-bơ-rơ chủ yếu là *anan*, bdb 777, kb 857)

Sự đến với các đám mây là một khái niệm thần học quan trọng từ Cựu Ước, mang dấu hiệu Tân Thế quan trọng. Đám mây được dùng trong 3 trường hợp như sau:

1. Thể hiện sự hiện diện thực hữu của Đức Chúa Trời, the *Shekinah* Đám Mây Vinh Hiển (xem Xuất Hành 13:21; 14:19,20,24; 16:10; 19:9; Dân Số 11:25; Nê-hê-mi 9:19)
  2. Che khuất sự thánh khiết của Chúa để con người không thể thấy Ngài mà chết (xem Xuất Hành 33:20; Ê-sai 6:5)
  3. Phương tiện di chuyển của Đức Chúa Trời (xem Thi Thiên 18:9; 104:3; Ê-sai 19:1; Na-hum 1:3; Công Vụ 1:9; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:17)
- Trong Đa-ni-ên 7:13 mây là phương tiện di chuyển của Đấng Mê-si-a (thần linh nhập thể) ( xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Mê-si-a. Lời tiên tri trong Đa-ni-ên này liên hệ tới 30 câu trong Tân Ước, Cũng vậy, hình ảnh Đấng Mê-si-a trên đám mây từ trời được thấy trong Ma-thi-ơ 24:30; 26:64; Mác 13:26; 14:62; Lu-ca 21:27; Công Vụ 1:9,11; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:17; Khải Huyền 1:7

} **“Mọi mắt sẽ thấy Ngài,”** Đây dường như đang ám chỉ sự Tái Lâm thuộc thể, có thể chứng kiến được một cách đại chúng của Đấng Christ, chứ không phải sự “hoan hỷ” bí mật của một nhóm tín đồ. Theo ý kiến của tôi, Kinh Thánh không bao giờ dạy về tín đồ “được đem đi” một cách bí ẩn, hoặc sự Tái Lâm bí ẩn. Những câu trong Phúc Âm (xem Ma-thi-ơ 24:37-44; Lu-ca 17:22-37) thường được dùng để chứng minh cho giả thiết này, nhưng thực ra theo ngữ cảnh chúng chỉ chứng tỏ tính đột ngột của sự kiện Tái Lâm, như trường hợp nạn Hồng Thủy. Trong nạn Hồng Thủy những người được đem đi là những người bị hủy diệt. Hãy cẩn thận khi sử dụng những phân đoạn ngắn ngủi để chứng minh định kiến của thần học hệ thống về sự Tận thế.

} **“cả những kẻ đã đâm Ngài; tất cả các bộ tộc trên mặt đất đều sẽ than khóc vì cơ Ngài.”** Câu này liên tưởng tới Xa-cha-ri 12:10,12 (xem Giăng 19:37). Đây là một ví dụ mô tả việc Giăng sửa câu Cựu Ước để thích hợp với bối cảnh La-mã của mình, (một phương cách giải kinh của người Do-thái, được gọi là *pesher*). Câu từ Xa-cha-ri là đòn bẩy cho ứng dụng của Giăng. Trong Xa-cha-ri nói về người dân Giê-ru-sa-lem than khóc vì Người bị đâm, Còn Giăng nói về các lãnh tụ La-mã và Do-thái than khóc Đấng Christ bị đóng đinh (xem Giăng 19:37). Đại từ “họ” trong bản Masoretic được chuyển sang “mọi sắc dân trên thế giới” (xem Ma-thi-ơ 24:30, không có trong bản Bảy Mươi / Septuagint). Thêm nữa, chữ “than khóc” trong ngữ cảnh của câu trong Xa-cha-ri được áp dụng trong Rôma 11 cho một số người Do-thái ăn năn và tin cậy Đấng Đấng Mê-si-a. Tuy nhiên, than khóc trong Khải Huyền 1:7, không nhất thiết là ăn năn, nhưng vì tai họa sụp xuống thế gian bất tin, (xem Ma-thi-ơ 24:30). Ngữ cảnh của Xa-cha-ri liên tưởng tới sự phán xét các nước trên bình nguyên Ma-gi-đôn, tiếng Hê-bơ-ơ là A-ma-gê-đôn, (xem Xa-cha-ri 12:11; II Sứ Ký 35:22 and Thi Thiên 2; Khải Huyền 16:16), là chiến địa cuối cùng, giữa Chúa cùng thánh đồ và Sa-tan cùng với các dân tộc vô tín.

#### **Chủ đề đặc biệt : phương cách bày tỏ đau đớn (grieving rites)**

Người do-thái bày tỏ nỗi đau đớn khi mất người thân và sự ăn năn tội lỗi một cách cá nhân và đoàn thể như sau:

1. Xé áo ngoài, Sáng Thế 37:29,34; 44:13; Quan Xét 11:35; 2 Sa-mu-ên 1:11; 3:31; 1 Các Vua 21:27; Gióp 1:20
2. mặc bao bó, Sáng Thế 37:34; 2 Sa-mu-ên 3:31; 1 Các Vua 21:27; Giê-rê-mi 48:37
3. cời giày, 2 Sa-mu-ên 15:30; Ê-sai 20:3
4. đặt tay lên đầu , 2 Sa-mu-ên 13:19; Giê-rê-mi 2:37
5. rải cát bụi lên đầu, Giô-suê 7:6; 1 Sa-mu-ên 4:12; Nê-hê-mi 9:1
6. ngồi trên trên đất , Ca Thương 2:10; Ê-xê-chiên 26:16 (nằm trên đất, 2 Sa-mu-ên 12:16); Ê-sai 47:1
7. đâm ngực , 1 Sa-mu-ên 25:1; 2 Sa-mu-ên 11:26; Na-hum 2:7
8. cắt da thịt , Phục Truyền 14:1; Giê-rê-mi 16:6; 48:37
9. kiêng ăn , 2 Sa-mu-ên 1:12; 12:16,21; 1 Các Vua 21:27; 1 Sứ Ký 10:12; Nê-hê-mi 1:4
10. hát ca thương, 2 Sa-mu-ên 1:17; 3:31; 2 Sứ Ký 35:25
11. để đầu hói, (nhỏ, hoặc cạo trọc ), Giê-rê-mi 48:37
12. cắt râu hàm thật ngắn, Giê-rê-mi 48:37
13. che mặt, 2 Sa-mu-ên 15:30; 19:4

Đây là những thể hiện bên ngoài của nội tâm.

} **“Thật đúng như vậy! A-men.”** Thuật ngữ Hy-lạp (*nai*) “thật đúng vậy”, được đề bên cạnh thuật ngữ Hê-bơ-ơ

(amen) “đáng tin cậy” một cách chủ đích để nhấn mạnh, (xem 22:20).

### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 1:8**

**Chúa là Đức Chúa Trời, ĐÁNG HIỆN CÓ, ĐÃ CÓ VÀ ĐANG ĐẾN, là Đấng Toàn Năng phán rằng: “Ta là An-pha và Ô-mê-ga.”**

**1:8** Đức Giê-hô-va khẳng định chân lý về Chúa Giê-su được phán trước đó. Đây là một sự tổng hợp của 4 Danh Hiệu, với sự gợi ý thêm về danh hiệu thứ năm và thứ sáu. Rõ ràng trong câu 8 Đức Chúa Trời khẳng định một cách cá nhân với những tên gọi oai nghi, lộng lẫy:

1. “Ta Là” (Đấng Tự Hữu, Hằng Hữu), là danh hiệu liên tưởng đến Danh Đức Giê-hô-va trong giao ước (xem Xuất Hành 3:14), một thể của động từ “Ta là”. Chúa Giê-su thường dùng Danh hiệu này (xem Giăng 8:56-59). danh hiệu Chúa (*kurios*) trong Tân Ước tương đương với Đức Giê-hô-va trong Cựu Ước.
2. “An-pha và Ô-mê-ga” là các chữ cái đầu tiên và cuối cùng tiếng Hy-lạp, ám chỉ Đức Chúa Trời là Đấng Khởi Đầu và Chung Kết, tể trị lịch sử nhân loại (xem Ê-sai 44:6; Khải Huyền 21:6); danh hiệu này cũng được dùng để nói về Chúa Giê-su trong Khải Huyền 1:17 and 22:13.
3. “Chúa” là phương cách hiện đại để xưng Đức Giê-hô-va xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.
4. “Đức Chúa Trời” trong Sáng Thế 2:4, Đức Giê-hô-va và *Elohim* được kết hợp (Chúa, Đức Chúa Trời) là danh hiệu cho Ngôi Vị Thần Linh. (*El* là danh hiệu chung chung cho các dân tộc Trung Cận Đông với từ gốc mang ý nghĩa “hùng mạnh”)
5. “Đáng Hiện Có, Đã Có và Đang Đến” cũng là câu đã được dùng trong câu 4. Nói về Đấng không hề biến đổi, Đấng sống đời đời, (xem Thi Thiên 102:27; Ma-la-chi 3:6; Gia-cơ 1:17). Câu này được dùng cho cả Đức Chúa Cha (câu 4,8) và cả Đức Chúa Con (câu 17, 18), 22:13 và Hê-bơ-rơ 13:8
6. “Đấng Toàn Năng” một thuật ngữ Cựu Ước, (1) “*El-Shaddai*,” danh mà các tổ phụ (Áp-ra-ham) gọi Đức Chúa Trời (xem Xuất Hành 6:3) or (2) “Đức Giê-hô-va *Sabaoth*,” từ bản Bảy Mươi “Chúa, Đức Chúa Trời Toàn Năng. thường xuất hiện trong Khải Huyền (ví dụ *pantokratōr* xem 4:8; 11:17; 15:3; 16:7,14; 19:6,11; 21:22), như chỉ có một lần trong cách sách Tân Ước khác. (ví dụ II Cô-rin-tô 6:18).

Một bản sao cổ Hy-lạp aleph (א), và vài bản khác có thêm “khởi đầu và chung kết” đằng sau câu “An-pha và Ô-mê-ga” Các nhà sao chép làm như vậy dựa theo câu 21:6, nhưng chắc trong nguyên bản được linh cảm không giống như vậy. Thánh Kinh Liên Hội xếp hạng việc thiếu “khởi đầu và chung kết” là chắc chắn.

Names for Deity

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TÊN CỦA THẦN LINH**

#### A. El.

1. Ý nghĩa ban đầu của thuật ngữ chung cho các vị thần trong thời cổ đại là không rõ ràng, mặc dù nhiều học giả tin rằng nguồn gốc nó xuất phát từ dân tộc A-cát (Akkadian), có nghĩa là mạnh hoặc có quyền lực (xem Sáng Thế 17:01; Dân số Ký 23:19; Phục truyền Luật lệ ký 7: 21; Thi thiên 50:1).
2. El là thần tối cao trong đền đa thần của dân Ca-na-an (theo các bản văn Ras Shamra)
3. Trong Kinh Thánh, *El* không được kết hợp cách thông thường với những chữ khác. Những kết hợp sau đây là một cách để mô tả Đức Chúa Trời:
  - a. *El-Elyon* (Đức Chúa Trời Chí Cao), Sáng Thế 14:18-22; Phục truyền 32:8; Ê-sai 14:14
  - b. *El-Roi* (Đức Chúa Trời xem thấy hay là Đức Chúa Trời tự bày tỏ chính Ngài), Sáng Thế 16:13
  - c. *El-Shaddai* (Đức Chúa Trời toàn năng hoặc là Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót hay Đức Chúa Trời của các núi), Sáng Thế 17:01, 35:11, 43:14, 49:25; Xuất Hành 6:3
  - d. *El-Olam* (Đức Chúa Trời vĩnh hằng), Sáng Thế 21:33. Thuật ngữ này là sự liên kết thần học với lời hứa của Đức Chúa Trời cho Đa-vít, II Sa-mu-ên 7:13,16
  - e. *El-Berit* (Đức Chúa Trời của giao ước), Các quan xét 9:46
4. *El* là tương đương với.
  - a. Đức Giê-hô-va trong Thi thiên 85:8; Ê-sai 42:5

- b. *Elohim* trong Sáng Thế 46:3; Gióp 5:8, “Ta là *El, Elohim* của cha các ngươi.”
  - c. *Shaddai* trong Sáng Thế 49:25
  - d. “ghen tương” trong Xuất Hành 34:14; Phục truyền 4:24; 5:9; 6:15
  - e. “thương xót” trong Phục truyền 4:31; Nê-hê-mi 9:31; “thành tín” trong Phục truyền 7:9; 32:4
  - f. “vĩ đại và đáng sợ” trong Phục truyền 7:21; 10:17; Nê-hê-mi 1:5; 9:32; Đa-ni-ên 9:4
  - g. “hiểu biết” trong I Sa-mu-ên 2:3
  - h. “nơi trú ẩn vững bền của tôi” II Sa-mu-ên 22:33
  - i. “Đáng báo thù cho tôi” trong II Sa-mu-ên 22:48
  - j. “Đấng Thánh” trong Ê-sai 5:16
  - k. “quyền năng” trong Ê-sai 10:21
  - l. “sự giải cứu của tôi” trong Ê-sai 12:2
  - m. “vĩ đại và mạnh mẽ” trong Giê-rê-mi 32:18
  - n. “Đáng báo trả” trong Giê-rê-mi 51:56
5. Một sự kết hợp của tất cả các danh hiệu chính của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước có trong Giô-suê 22:22 (*El, Elohim, Đức Giê-hô-va* được lặp đi lặp lại)

#### B. Elyon

- 1. Ý nghĩa cơ bản của nó là cao, được tôn cao, hoặc nâng lên (xem Sáng Thế 40:17, I Các vua 9:8; II Các vua 18:17; Nê-hê-mi 3:25; Giê-rê-mi 20:2; 36:10; Thi thiên 18:13).
- 2. Nó được sử dụng theo ý nghĩa song song với nhiều tên hay danh hiệu khác của Đức Chúa Trời.
  - a. *Elohim* - Thi thiên 47:1-2; 73:11; 107:11
  - b. *Đức Giê-hô-va* - Sáng Thế 14:22; II Sa-mu-ên 22:14
  - c. *El-Shaddai* - Thi thiên 91:1,9
  - d. *El* - Dân số Ký 24:16
  - e. *Elah* - được sử dụng thường xuyên trong Đa-ni-ên 2-6 và Ê-xơ-ra 4-7, kết hợp với *Illair* (là tiếng A-ram chỉ Đức Chúa Trời cao cả) trong Đa-ni-ên 3:26; 4:2; 5:18,21
- 3. Nó thường được sử dụng bởi các dân tộc không phải là người Do thái.
  - a. Mên-chi-xê-đéc, Sáng Thế 14:18-22
  - b. Ba-la-am, Dân số Ký 24:16
  - c. Môi-se khi nói về các quốc gia trong Phục truyền 32:8
  - d. Phúc âm của Lu-ca trong Tân Ước được viết cho dân ngoại cũng sử dụng chữ Hy Lạp tương đương là *Hupsistos* (xem 1:32,35,76; 6:35; 8:28; Công vụ Các sứ đồ 7:48; 16:17)

#### C. *Elohim* (số nhiều), *Eloah* (số ít), được sử dụng chủ yếu trong thơ.

- 1. Thuật ngữ này không được tìm thấy bên ngoài Cựu Ước.
- 2. Chữ này có thể chỉ Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên hoặc các vị thần của các quốc gia khác (xem Xuất Hành 12:12; 20:3). Gia đình của Áp-ra-ham là những người thờ đa thần (xem Giô-suê 24:2).
- 3. Chữ *elohim* cũng được sử dụng cho các hữu thể thần linh khác (các thiên sứ, ma quỷ) như trong Phục truyền 32:8 (bản LXX); Thi thiên 8:5; Gióp 1:6; 38:7. Nó có thể ám chỉ đến các thẩm phán của con người (xem Xuất Hành 21:6; Thi thiên 82:6).
- 4. Trong Kinh Thánh, nó là danh hiệu, tên gọi đầu tiên của thần linh (xem Sáng Thế 1:1). Nó được sử dụng riêng theo ý nghĩa này cho đến Sáng Thế 2:4, từ đây nó được kết hợp với tên gọi Đức Giê-hô-va. Về cơ bản (theo phương diện thần học) chữ này đề cập đến Đức Chúa Trời là Đấng sáng tạo, Đấng bảo tồn, và Đấng cung cấp cho tất cả sự sống trên hành tinh này (xem Thi thiên 104).  
Chữ này đồng nghĩa với *El* (xem Phục truyền 32:15-19). Chữ này cũng có thể tương đương với Đức Giê-hô-va trong Thi thiên 14 (*elohim*), hoàn toàn giống y như Đức Giê-hô-va trong Thi thiên 53, ngoại trừ có sự thay đổi về tên thần linh.
- 5. Mặc dù ở số nhiều và được sử dụng cho các vị thần khác nhưng thuật ngữ này thường dùng để chỉ về Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Thông thường nó có động từ ở số ít để ám chỉ về tính độc thần.
- 6. Thuật ngữ này có trong ngôn ngữ của những dân tộc không phải là Do thái như là tên gọi của thần linh.
  - a. Mên-chi-xê-đéc, Sáng Thế 14:18-22
  - b. Ba-la-am, Dân số Ký 24:2
  - c. Môi-se khi nói về các quốc gia trong Phục truyền 32:8
- 7. Thật kỳ lạ khi danh xưng thông thường của Đức Chúa Trời độc thần của Y-sơ-ra-ên lại ở số nhiều! Có

một số giả thuyết mặc dù không chắc chắn:

- a. Tiếng Hê-bơ-rơ có nhiều từ số nhiều thường được dùng để nhấn mạnh. Có một tính năng ngữ pháp trong tiếng Hê-bơ-rơ về sau được gọi là dạng số nhiều của uy quyền, nó liên quan chặt chẽ với điều này vì số nhiều được sử dụng để cường điệu (làm cho quan trọng hơn) một khái niệm.
- b. Điều này có thể ám chỉ đến hội đồng các thiên sứ đang diện kiến Chúa trên thiên đàng và chờ đợi thi thành ý chỉ của Ngài (xem I Các vua 22:19-23; Gióp 1:6; Thi thiên 82:1; 89:5,7).
- c. Nó cũng có thể phản ánh sự mặc khải của Tân Ước về một Đức Chúa Trời trong ba thân vị. Trong Sáng Thế 1:1, Đức Chúa Trời sáng tạo, Sáng Thế 1:2 Đức Thánh Linh trưởng dưỡng, và từ Tân Ước, Đức Chúa Giê-xu là đại diện của Đức Chúa Trời trong sự sáng tạo (xem Giăng 1:3,10; Rô-ma 11:36; I Cô-rinh-tô 8:6; Cô-lô-se 1:15; Hê-bơ-rơ 1:2; 2:10).

#### D. Đức Giê-hô-va (Đức Giê-hô-va)

1. Danh hiệu này bày tỏ Thần tính như: Đức Chúa Trời lập giao ước, Đức Chúa Trời là Đấng cứu rỗi, Đấng cứu chuộc. Con người vi phạm giao ước, nhưng Đức Chúa Trời vẫn trung tín với lời phán, lời hứa, giao ước của Ngài (xem Thi thiên 103).

Tên gọi này lần đầu tiên được đề cập khi kết hợp với *Elohim* trong Sáng Thế 2:4. Không có hai sự kiện sáng tạo trong Sáng Thế 1-2, nhưng có hai sự nhấn mạnh: (1) Đức Chúa Trời là Đấng sáng tạo vũ trụ (vật chất) và (2) Đức Chúa Trời là Đấng sáng tạo con người. Sáng Thế 2:4 bắt đầu sự mặc khải đặc biệt về đặc ân trong địa vị và mục đích của nhân loại, cũng như các vấn đề của tội lỗi và sự nổi loạn liên quan đến địa vị đặc biệt này.

2. Trong Sáng Thế 4:26 nói đến việc con người bắt đầu kêu cầu danh của Chúa (Đức Giê-hô-va). Tuy nhiên, Xuất Hành 6:3 ngụ ý rằng dân sự giao ước lúc đầu (các Tổ phụ và gia đình của họ) chỉ biết Đức Chúa Trời như là *El-Shaddai*. Tên Đức Giê-hô-va chỉ được giải thích một lần trong Xuất Hành 3:13-16, đặc biệt trong câu 14. Tuy nhiên, các tác phẩm của Môi-se thường giải thích ý nghĩa của các chữ bằng các cách dùng chữ phổ biến, chứ không từ từ nguyên (xem Sáng Thế 17:5, 27:36, 29:13-35). Đã có một số giả thuyết về ý nghĩa của tên này (lấy từ IDB, quyển 2, trang 409-11).
  - a. từ một từ gốc Ả Rập, để chỉ tình yêu nồng nhiệt.
  - b. từ một từ gốc tiếng Ả Rập có nghĩa là thổi (Đức Giê-hô-va như là cơn bão của Đức Chúa Trời)
  - c. từ một từ gốc tiếng Ugaritic (của dân Ca-na-an) có nghĩa là nói, nói chuyện.
  - d. dựa theo một bia khắc trong tiếng Phê-nê-xi (Phoenician), dạng một ĐỘNG TÍNH TỪ NGUYÊN NHÂN, có nghĩa là Đấng bảo tồn, hay là Đấng thiết lập.
  - e. từ chữ Hê-bơ-rơ Qal chỉ một Đấng hiện hữu hay là một Đấng hiện diện tại đây, lúc này (trong tương lai Đấng đó sẽ vẫn hiện hữu)
  - f. từ chữ Hê-bơ-rơ Hiphil chỉ Đấng tạo ra mọi hiện hữu (mọi thứ có mặt trong thế giới).
  - g. từ nghĩa gốc trong tiếng Hê-bơ-rơ là sống (ví dụ, Sáng Thế 3:20), có nghĩa là Đấng duy nhất có sự sống và sống mãi mãi.
  - h. từ bối cảnh của Xuất Hành 3:13-16, một cách dùng chữ ở dạng CHƯA HOÀN THÀNH được dùng theo nghĩa HOÀN THÀNH, “Ta đã từng là ai, ta sẽ tiếp tục là Đấng đó” hoặc “Ta luôn luôn là Đấng nào, ta sẽ tiếp tục là Đấng đó” (xem *A Survey of Syntax in the Old Testament* của J. Wash Watts, trang 67).

Tên đầy đủ Đức Giê-hô-va (Đức Giê-hô-va) thường được thể hiện bằng chữ viết tắt hoặc dạng nguyên mẫu.

- (1) *Yah* (ví dụ, Hallelu - yah)
  - (2) *Yahu* (tên, ví dụ như, Ê-sai)
  - (3) *Yo* (tên, ví dụ như, Giô-ên)
3. Tên giao ước này trở nên rất thánh (tetragrammaton) trong Do Thái giáo sau này đến nỗi người Do Thái không dám nói đến tên đó để không vi phạm mệnh lệnh trong Xuất Hành 20:7; Phục truyền 5:11; 6:13. Vì vậy họ thay thế bằng những chữ Hê-bơ-rơ khác như sở hữu chủ, người chủ, chồng, chúa là *adon* hoặc *adonai* (chúa tôi). Khi họ đọc đến chữ Đức Giê-hô-va trong Cựu Ước thì họ phát âm chữ Chúa. Đây là lý do tại sao chữ Đức Giê-hô-va được viết thành chữ “Lord” trong các bản dịch tiếng Anh.
  4. Giống như chữ *El*, chữ Đức Giê-hô-va thường được kết hợp với các từ khác để nhấn mạnh một số đặc tính của Đức Chúa Trời Giao Ước của Y-sơ-ra-ên. Trong khi có thể có nhiều sự kết hợp từ ngữ, sau đây chỉ là một số tượng trưng:

- a. *Đức Giê-hô-va - Yireh* (Đức Giê-hô-va sẽ cung cấp), Sáng Thế 22:14
- b. *Đức Giê-hô-va - Rophekha* (Đức Giê-hô-va là Đấng chữa lành), Xuất Hành 15:26
- c. *Đức Giê-hô-va - Nissi* (Đức Giê-hô-va là cờ xí của tôi), Xuất Hành 17:15
- d. *Đức Giê-hô-va - Meqaddishkem* (Đức Giê-hô-va là Đấng khiến nên thánh), Xuất Hành 31:13
- e. *Đức Giê-hô-va - Shalom* (Đức Giê-hô-va là Bình An), Quan Xét 06:24
- f. *Đức Giê-hô-va - Sabaoth* (Đức Giê-hô-va vạn quân), I Sa-mu-ên 1:3,11; 4:4; 15:2; thường xuất hiện trong các sách Tiên tri)
- g. *Đức Giê-hô-va - Roi* (Đức Giê-hô-va là Đấng chặn giữ tôi), Thi thiên 23:1
- h. *Đức Giê-hô-va - Sidqenu* (Đức Giê-hô-va là Sự công bình của tôi), Giê-rê-mi 23:6
- i. *Đức Giê-hô-va - Shammah* (Đức Giê-hô-va ở nơi đó), Ê-xê-chi-ên 48:35

## **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 1:9-11**

**<sup>9</sup>Tôi là Giăng, một người anh của anh em, người cùng chia sẻ hoạn nạn, vương quốc và sự nhẫn nhục với anh em trong Đức Chúa Jê-sus, hiện đang ở tại đảo gọi là Pát-mô, vì lời của Đức Chúa Trời và lời chứng của Đức Chúa Jê-sus. <sup>10</sup>Vào ngày của Chúa, tôi được Thánh Linh cảm hóa và nghe phía sau tôi có một tiếng lớn như tiếng kèn <sup>11</sup>bảo rằng: “Hãy viết những điều con thấy vào một quyển sách và gửi cho bảy hội thánh tại Ê-phê-sô, Si-mi-ê-nơ, Pê-t-gã-m, Thi-a-ti-rơ, Sạt-đe, Phi-la-đen-phi-a và Lao-đi-xê.”**

**1:9-20** Đây là khái thị của Giăng về Đấng Christ phục sinh, thăng thiên, được tôn vinh. Sự mô tả về Chúa cũng giống như trong lá thư đến 7 hội thánh (chương 2-3) Giăng tự giới thiệu mình với độc giả bằng cách (1) gọi mình là “người anh của anh em, và (2) “cùng chia sẻ hoạn nạn, vương quốc và nhẫn nhục. Chủ đề chìa khóa là hoạn nạn, vương quốc và chịu nhục – là những trải nghiệm của Chúa Giê-su mà cả Giăng lẫn các tín đồ phải noi gương, (xem Giăng 16:33; Công Vụ 14:22; Rô-ma 8:17).

Lý do các nhà giải kinh phương tây không hiểu Khải Huyền là họ không bao giờ kinh nghiệm được sự bất bớ như tín đồ trong đế quốc La-mã thế kỷ thứ nhất. Khải Huyền là sứ điệp cho các tín đồ đang sợ hãi, tổn thương và đối diện với cái chết.

**1:9** “người cùng chia sẻ hoạn nạn,” xem ghi chú ở câu 7:14.

} “vương quốc ”

## **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NƯỚC ĐỨC CHÚA TRỜI / Kingdom of God**

Trong Cựu ước người ta cho rằng Đức Giê-hô-va là Vua của Y-sơ-ra-ên (I Sa-mu-ên 8:7; Thi Thiên 10:16; 24:7-9; 29:10; 44:4; 89: 18; 95:3; Ê-sai 43:15; 4:4, 6) và Đấng Mê-si-a là vị Vua lý tưởng (Thi Thiên 2:6). Qua sự giáng sinh của Chúa Jê-sus tại Bết-lê-hem, vương quốc Đức Chúa Trời đã bước vào lịch sử nhân loại đem theo quyền năng và sự cứu rỗi (Giao ước mới, Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:27-36). Giăng Báp-tít công bố nước Đức Chúa Trời đã đến gần (Ma-thi-ơ 3:2; Mác 1:15). Chúa Jê-sus dạy rõ ràng rằng nước Trời ở trong Ngài và trong lời dạy của Ngài (Ma-thi-ơ 4:17, 23; 9:35; 10:7; 11:11-12; 12:28; 16:19; Mác 12:34; Lu-ca 10:9, 11; 11:20; 12:31-32; 16:16; 17:21). Tuy nhiên, nước Trời cũng ở trong tương lai (Ma-thi-ơ 16:28; 24:14; 26:29; Mác 9:1; Lu-ca 21:31; 22:16, 18).

Trong các sách Tin lành cộng quan Mác và Lu-ca, chúng ta thấy cụm từ “nước Đức Chúa Trời.” Chủ đề thường xuyên này trong các lời dạy của Chúa Jê-sus bao gồm sự cai trị trong hiện tại của Đức Chúa Trời trong tâm lòng của con người mà trong một ngày nào đó sẽ hoàn tất trên cả trái đất. Điều này thể hiện trong lời cầu nguyện của Chúa Jê-sus trong Ma-thi-ơ 6:10. Vì viết cho người Do thái, Ma-thi-ơ muốn dùng cụm từ không đụng đến tên của Đức Chúa Trời (cho nên ông viết là ‘Nước Trời,’ trong khi Mác và Lu-ca viết cho người ngoại, thì dùng cách chỉ định phổ biến cho danh xưng của thần thánh).

Đây là cụm từ chìa khóa quan trọng trong các Phúc âm Cộng quan. Bài giảng đầu tiên và bài giảng cuối của Chúa Jê-sus, và hầu hết các ẩn dụ của Ngài, đều xoay quanh chủ đề này. Nó chỉ quyền cai trị của Đức Chúa Trời

trong tâm lòng con người ngay bây giờ! Điều ngạc nhiên là Giảng chỉ dùng cụm từ này hai lần mà thôi (trong các ẩn dụ của Chúa Jê-sus thì không hề có cụm từ này). Trong Phúc âm Giảng “sự sống đời đời” là từ chìa khóa và là hình ảnh chính.

Sự căng thẳng liên quan đến chủ đề này xảy ra bởi hai lần đến của Đấng Christ. Cụm ước chỉ chú trọng đến một lần đến của Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời-lần đến trong huy hoàng kèm theo sự phán xét và binh đao - nhưng Tân ước cho biết Chúa Jê-sus đến lần đầu làm một Đầy tớ chịu khổ theo Ê-sai 53 và một vị Vua khiêm nhường theo Xa-cha-ri 9:9. Hai thời kỳ của người Do thái, thời kỳ gian ác và thời kỳ công bình, trùng lấp nhau. Chúa Jê-sus đang trị vì trong tâm lòng những người tin Chúa, nhưng một ngày nào đó sẽ cai trị toàn cả cõi sáng tạo. Ngài sẽ đến như Cụm ước đã tiên đoán! Những người tin Chúa sống trong tình trạng “đã rồi” nhưng “chưa tới” của vương quốc Đức Chúa Trời (xem Gordon D. Fee và Douglas Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 131-134).

} “**sự nhẫn nhục**” thuật ngữ này được dùng trong các câu 2:2,3,19; 3:10; 13:10; 14:12, xem Chủ Đề Đặc Biệt Sự Trường Tồn ở câu 2:2

} “**đảo gọi là Pát-mô,**” Người La-mã sử dụng những hòn đảo nhỏ ở Tiểu Á để đem đày các tù nhân chính trị, (xem Tacitus’ *Annals*, 3.68; 4.30; 15.71). Giảng bị đày ở đảo Pát-mô, khoảng 37 dặm từ Mi-lê-tút (Miletus). Hòn đảo có hình lưỡi liềm quay mặt về hướng đông, dài 10 dặm rộng 6 dặm.

} “**vì lời của Đức Chúa Trời và lời chứng của Đức Chúa Jê-sus.**” Có hai cách hiểu câu này: (1) vì Giảng đang truyền giảng Phúc Âm, và (2) vì Giảng tiếp nhận khai thị. Chúng ta có một vài xác nhận lịch sử về việc Giảng bị đi đày.

1. Tê-tu-li-an (Tertullian), *On the Prescription of Heretics*, 36
2. Ô-ri-gien (Origen), *Homilies on Ma-thi-ơ*
3. Clê-men (Clement) of Alexandria, *The Rich Man’s Salvation*, 47
4. Êu-sê-bi-út (Eusebius), *Ecclesiastical History*, III.20.8-9; and (4) Giê-rôm (Jerome), *Concerning Illustrious Men*, 9.

**1:10 “tôi được Thánh Linh cảm hóa”** Câu này là kỹ xảo văn chương đánh dấu sự bắt đầu các khai thị khác nhau mà Giảng đã nhận, (xem 1:10; 4:2; 17:3; 21:10). Hình như ông đang ở trong tình trạng giống bị thôi mê khi thấy khai thị, (xem Công Vụ 10:10; 22:17; II Cô-rin-tô 12:1 và các câu tiếp theo). Điều này khá phổ biến trong văn chương khai thị của người Do-thái.

} “**Vào ngày của Chúa,**” Đây là dẫn chứng duy nhất trong Kinh Thánh về Chủ Nhật là ngày của Chúa. Chủ Nhật còn được gọi là ngày đầu của tuần Giảng 20:19; Công Vụ 20:7 và I Cô-rin-tô 16:2.

} “**tiếng lớn như tiếng kèn**” Câu này liên tưởng đến bối cảnh Đức Chúa Trời ban cho Mười Điều Răn trên núi Si-nai, (xem Xuất Hành 19:16). Tuy nhiên, bởi các câu 12a and 4:1, ở đây có thể là tiếng của các thiên sứ. Vai trò trung gian của thiên sứ là điều khá phổ biến trong văn chương khai thị Do-thái. Khải Huyền nói về thiên sứ nhiều hơn bất cứ sách Tân Ước nào khác.

#### **Chủ Đề Đặc Biệt : Khí cụ được sử dụng ở I-so-ra-en / horns used by I-so-ra-en**

Có bốn thuật ngữ Hê-bơ-rơ liên hệ tới sừng và kèn

1. “Sừng dê đực” (BDB 901, KB 1144) – dùng để thổi, xem Giô-suê 6:5. Sừng này cũng tương tự như sừng của con chiên mà Áp-ra-ham giết thay làm sinh tế. Sáng Thế 22:13.
2. “kèn” (BDB 1051) – Thuật ngữ tiếng A-si-ri-a về con dê hoang dã, (ibex). Sừng của nó được dùng làm kèn trong Xuất Hành 19:16,19 tại núi Si-nai / Hô-rép.

Cả hai khí cụ kể trên đều được dùng trong Giô-suê 6:5. với mục đích:

- a. Kêu gọi thờ phượng (xem Lê-vi 25:9)
- b. Kêu gọi tham chiến (ví dụ Jericho was both, xem Giô-suê 6:4; Quan Xét 3:27; 6:34; 1 Sa-mu-ên 13:3; Giê-rê-mi 4:5; Ô-sê 5:8)
- c. Loạn báo vị vua đăng quang, 1 Các Vua 1:34,39

d. Được thổi bởi Đức Chúa Trời , Xa-cha-ri 9:14

3. "Sừng dê đực " (BDB 385, KB 398) – Thuật ngữ tiếng Phô-nê-ci (xem Giô-suê 6:4,6,8,13). Cũng được sử dụng nhân dịp Lễ Hoan Hỷ (Giu-bi-lê) (xem Lê-vi 25:13,28,40,50,52,54; 7:17,18,23,24).

Cả ba khí cụ trên đều có thể thay nhau trong cách gọi mà không có gì khác biệt. Luật Mishnah (RH 3.2) cho phép dùng sừng con vật như cừu, dê, linh dương, nhưng không được dùng sừng bò.

4. "Kèn" (BDB 348, KB 344) – có thể xuất xứ từ thuật ngữ "kéo dài ra" ám chỉ loại khí cụ thẳng, chứ không cong một cách bình thường như sừng. Có thể được làm từ bạc (giống như khí cụ của người Ai-cập) loại khí cụ này được dùng :

a. trong tập tục thờ phượng (xem Dân Số 10:2,8,10; Ê-sơ-ra 3:10; Nê-hê-mi 12:35,41)

b. trong tập tục quân sự (xem Dân Số 10:9; 31:6; Ô-sê 5:8)

c. trong nghi lễ nhà vua, (xem 2 Các Vua 11:14)

Một khí cụ như vậy được mô tả trong tập Arch of Titus ở Rome; và Josephus *Antiq.* 3.12.6

**1:11 “một quyển sách ”** Thuật ngữ Hy-lạp là *biblion*. Có nghĩa là cuốn sách nhỏ hoặc cuộn giấy, sau này trở nên sách chép tay quyển sách. Giăng được Đức Chúa Trời sai viết xuống Khải thị mặc Khải, không phải cho Giăng, nhưng cho hội thánh . Một trong các đặc trưng của văn chương Khải thị là không dùng truyền khẩu (như tiên tri Cự Ước), nhưng viết xuống với bố cục rất phức tạp. Quyển sách được viết trong văn chương Khải thị, với dụng ý truyền lại cho các thế hệ tương lai.

} “**gửi cho bảy hội thánh ”** Thứ tự của các hội thánh được sắp xếp theo đường giao liên thời La-mã, bắt đầu và kết thúc ở Ê-phê-sô. Bức thư luân chuyển Ê-phê-sô của Phao-lô cũng vậy. Khải thị của Đức Chúa Trời không chỉ cho riêng ai, nhưng cho cả hội thánh , thân thể của Đấng Christ.

} Bản dịch KJV tiếng Anh có thêm đoạn “Ta là An-pha và Ô-mê-ga”, nhưng không có một phiên bản cổ tiếng Hy-lạp chứa đựng đoạn này trong câu.

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 1:12-16**

**<sup>12</sup>Tôi quay lại để xem tiếng đã nói với tôi. Vừa quay lại, tôi thấy bảy chân đèn bằng vàng,<sup>13</sup> giữa những chân đèn có ai giống như Con Người mặc áo dài, thắt đai bằng vàng ngang ngực. <sup>14</sup>Đầu và tóc Ngài trắng như lông chiên, trắng như tuyết; mắt Ngài như ngọn lửa; <sup>15</sup>chân như đồng đánh bóng đã được luyện trong lò; tiếng Ngài như tiếng nhiều dòng nước. <sup>16</sup>Tay phải Ngài cầm bảy ngôi sao; từ miệng Ngài lộ ra một thanh gươm hai lưỡi thật sắc; mặt Ngài như mặt trời chiếu sáng cực độ.**

**1:12 “tôi thấy bảy chân đèn bằng vàng,”** Đây không giống cây đèn Mê-no-rah (một chân bảy nhánh) dùng trong Đèn Tạm (xem Xuất Hành 25:31-40), hay cây đèn được mô tả trong Xa-cha-ri 4:2. Đây là bảy cây đèn một nhánh, biểu tượng cho 7 hội thánh , (xem 1:20; 2:1).

**1:13-18** Sự miêu tả Chúa Giê-su ở đây liên tưởng tới bối cảnh trong Cự Ước: (1) về Đức Giê-hô-va (2) về thiên sứ trong Đa-ni-ên 10.

#### **1:13**

**NASB** “ai giống như con người”

**NKJV** “Ai giống như Con Loài Người ”

**NRSV** “ai giống như Con Loài Người ”

**TEV** “trông giống một con người”

**NJB** “ai giống như Con Loài Người ”

Xin để ý đến sự viết hoa khác nhau, bởi vì cách dùng thuật ngữ khó hiểu. Trong Cự Ước có những câu nói về con người theo nghĩa đen (xem Thi Thiên 8:4; Ê-xê-chiên 2:1 vân vân). Tuy nhiên trong Đa-ni-ên 7:13 và có thể Ê-xê-chiên 1:26 lại ám chỉ Con Loài Người, Đấng Mê-si-a theo nghĩa bóng, (xem 2:18, đồng nghĩa với Con Trời), mà Ngôi Vị Thần Đức được thấy sau đây:



1. Ngài xuất hiện trước ngai Đức Chúa Trời
2. Ngài cười trên mây
3. Ngài được ban Vương Quốc Đồi Đồi.

Chúa Giê-su sử dụng danh hiệu Con Loài Người ám chỉ bản thân, vì danh hiệu này không liên hệ tới dạy dỗ của các thầy Ra-bi, cho rằng Đấng Mê-si-a sẽ là tướng lãnh, anh hùng của dân Do-thái. Danh hiệu này phối hợp cả nhân tính và thần tính của Chúa Giê-su (xem I Giăng 4:1-3; Giăng 1:1-2,14).

Các bản NKJV và NRSV đặt mạo từ xác định “the” trước danh hiệu (the Son of Man) còn các bản NASB, TEV, JB đặt mạo từ vô định “a” trước danh hiệu (a son of man). Không có mạo từ xác định trong nguyên bản Hy-lạp, (xem Đa-ni-ên 7:13; Hê-bơ-rơ 1:2; 3:6; 5:8; 7:28), nhưng bản thân danh hiệu đã mang tính xác định rồi. Sự khó hiểu thường có chủ đích trong văn tự của Giăng. Chúa Giê-su thực sự là con người và thực sự là Đấng Mê-si-a Thánh Thần.

} “**mặc áo dài, thắt đai bằng vàng ngang ngực.**” Câu này thường được hiểu theo vài cách sau:

1. Ngài như một thầy Thượng Tế (xem Xuất Hành 28:4; 29:5; Lê-vi 16:4 and Xa-cha-ri 3:4)
2. Ngài như một Vị Vua hoặc người quý phái, giàu sang, (xem I Sa-mu-ên 18:24; 24:12 and Ê-xê-chiên 26:16)
3. Khải thị của một Thiên Sứ Đa-ni-ên 10:5-21, có thể ám chỉ Chúa Giê-su đem sứ điệp của Đức Chúa Trời cho loài người.

Josephus trong *Antiquities of the Jews* III.7.2,4, cho biết các Thượng Tế đeo đai dệt chỉ vàng.

Chúa Giê-su là Thầy Thượng Tế, (xem Thi Thiên 110:4-7; Xa-cha-ri 3) của Thánh Đường Trên Trời (xem Hê-bơ-rơ 8:1-13; Thi Thiên 110).

**1:14 “Đầu và tóc Ngài trắng như lông chiên, trắng như tuyết;”** Đây liên tưởng tới hình ảnh Đấng Thượng Cổ trong Đa-ni-ên 7:9. Lại thêm một ví dụ nữa về việc các tác giả Tân Ước sử dụng hình ảnh Cựu Ước để đặt danh hiệu của Đức Giê-hô-va cho Chúa Giê-su, nhấn mạnh Ngôi Vị Đức Chúa Trời của Ngài.

} “**mắt Ngài như ngọn lửa;**” Câu này nói về sự thông biết của Chúa Giê-su (xem Đa-ni-ên 10:6; Khải Huyền 2:18; 19:12).

**1:15 Chân Ngài như**

**NASB: “đồng thiếc đánh bóng, cháy đỏ trong lò luyện.”**

**NKJV: “đồng thiếc đánh bóng, đã được luyện trong lò lửa”**

**NRSV: “đồng thiếc được đánh bóng, đã được luyện trong lò lửa”**

**TEV: “đồng thau đã được luyện và đánh bóng”**

**NJB: “đồng thiếc được đánh bóng được tôi luyện trong một lò lửa.**

Thuật ngữ cho đồng thiếc (*chalkolibanon*) không được chắc chắn, còn đồng thau là *chalkos* (xem Ma-thi-ơ 10:9; I Cô-rin-tô 13:1; Khải Huyền 18:22). Nó được sử dụng trong Ê-xê-chiên 1:7 cho chân của Chê-ru-bim và trong Đa-ni-ên 10:6 cho chân của thiên sứ. Hình ảnh chân Chúa Giê-su cũng vậy là bằng chứng về nguồn gốc Thiên Thượng và bản ngã oai nghi của Ngài, (xem 1:15; 2:18). (Các bản việt ngữ: không phân biệt đồng thiếc, đồng thau - ND)

**"NASB, NKJV,**

**NRSV"tiếng Ngài như tiếng của nhiều dòng nước"**

**TEV"tiếng Ngài như tiếng gào của dòng thác"**

**NJB"Tiếng Ngài như tiếng của đại dương"**

Ví dụ này được dùng ám chỉ

1. Đức Giê-hô-va trong Ê-xê-chiên 1:24; 43:2
2. Tiếng vỗ cánh của các Chê-ru-bim Ê-xê-chiên 1:24
3. Tiếng của thiên sứ giao liên Đa-ni-ên 10:6

Rõ ràng tiếng như nhiều giòng nước là biểu tượng của nhân vật thẩm quyền có nguồn gốc thiên thượng, (xem Khải Huyền 14:2; 19:6).

**1:16 "Tay phải Ngài cầm bảy ngôi sao"** Câu này được nhắc lại trong Khải Huyền 1:16,20; 2:1; 3:1 chứng tỏ sự quan tâm của Chúa Giê-su đối với hội thánh địa phương .

} **"từ miệng Ngài lộ ra một thanh gươm hai lưỡi thật sắc; "** *Hromphaia* là loại gươm rộng bản vùng Thơ-ra-ci-an (Thracian), mà lính La-mã thường dùng. Ấn dụ về gươm được thấy trong Cựu Ước Ê-sai 11:4; 49:2, là biểu tượng về (1) chiến tranh (xem Khải Huyền 2:16; 6:8) và (2) quyền năng của Lời Chúa, đặc biệt trong phán xét, (xem Khải Huyền 2:12; 19:15,21; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:8). Có một loại gươm khác được dùng, (*machaira*), Hê-bơ-rơ 4:12 cũng với ý nghĩa tương tự về Lời Chúa. .

} **"mặt Ngài như mặt trời chiếu sáng cực độ."** Một câu tương tự mô tả thiên sứ - sứ giả trong Đa-ni-ên 10:6 and Khải Huyền 10:1, hoặc những người công nghĩa được sống lại, Đa-ni-ên 12:3 (xem Ma-thi-ơ 13:43) và Chúa Giê-su hóa hình (xem Ma-thi-ơ 17:2).

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 1:17-20**

<sup>17</sup>Khi thấy Ngài, tôi ngã quỵ xuống chân Ngài như chết vậy. Nhưng Ngài đặt tay phải của Ngài trên tôi và bảo: “Đừng sợ, Ta là Đấng Đầu Tiên và là Đấng Cuối Cùng, <sup>18</sup>là Đấng Sống; Ta đã chết, hiện nay Ta sống đời đời, cầm chìa khóa của Sự chết và Âm phủ. <sup>19</sup>Vậy, hãy ghi chép lại những gì con đã thấy, những gì hiện có và những gì sau này sẽ xảy đến. <sup>20</sup>Đây là sự mầu nhiệm về bảy ngôi sao mà con thấy trong tay phải Ta, và bảy chân đèn bằng vàng: Bảy ngôi sao là các thiên sứ của bảy hội thánh, còn bảy chân đèn là bảy hội thánh.”

1:17 “**tôi ngã quỵ xuống chân Ngài như chết vậy.**” Khải thị như vậy thường gây cho người nhận cảm xúc kinh hoàng, khiếp đảm, (xem Đa-ni-ên 8:17; 10:9; Ê-xê-chiên 1:28; 3:23; II Baruch 21:26; IV Ê-sơ-ra 5:14). Thật kỳ diệu khi một Thần Linh mặc khải bản thân cho một phạm nhân.

} **“Nhưng Ngài đặt tay phải của Ngài trên tôi ”** Một hành động bày tỏ sự yêu thương và quan tâm của Chúa Giê-su cho dân sự của Ngài (xem Đa-ni-ên 8:18; 10:10, 18).

} **“ “Đừng sợ, ”** Mệnh lệnh thức thì hiện tại với động tính từ phủ nhận, có nghĩa “hãy dùng một hành động đang xảy ra”. Phạm nhân phải run sợ trước Thần Linh, (xem lời Chúa Giê-su trong Ma-thi-ơ 14:27; 17:7; 28:10; Mác 6:50; Lu-ca 5:10; 12:32; Giăng 6:20 và trước thiên sứ in Ma-thi-ơ 28:5; Lu-ca 1:13,30; 2:10).

} **“Ta là Đấng Đầu Tiên và là Đấng Cuối Cùng,”** Danh hiệu này thường ám chỉ Đức Chúa Trời,(xem Ê-sai 41:4; 44:6; 48:12), nhưng ở đây ám chỉ Đấng Christ Phục sinh (xem câu 8; 2:8; 22:13). Một dạng khác là “An-pha và Ô-mê-ga” xem ghi chú câu 4 và 8.

1:18 **“là Đấng Sống ; ”**

**NASB, NRSV “Đang sống”**

**NKJV “Ta là đấng sống ”**

**TEV “Ta là Đấng sống”**

**NJB“Ta là Đấng Sống ”**

Sự khác biệt trong các bản anh ngữ tùy thuộc việc có viết hoa cụm từ “living one” hay không. Câu này liên tưởng tới danh “Ta Là” theo giao Ước của Đức Giê-hô-va (xem Xuất Hành 3:14), xem Chủ Đề Đặc Biệt: Danh của See Special Topic: Các Danh Tên của Đức Chúa Trời ở câu 1:8. Ngài là Đấng Tự Hữu Hằng hữu, (xem Đa-ni-ên 12:7; Giăng 5:26). Một lần nữa tác giả Tân Ước dùng thuật ngữ Cựu Ước để miêu tả Chúa Giê-su, và bản thân Chúa Giê-su cũng làm như vậy để xưng hô chính mình. Giăng 8:58.

} **“Ta đã chết, hiện nay Ta sống đời đời, ”** Sự Phục Sinh là:

1. sự chấp thuận của Đức Chúa Cha (xem Công Vụ 2:24; 3:15; 4:10; 5:30; 10:40; 13:30,33,34,37; 17:31; Rô-ma 4:24; 10:9; I Cô-rin-tô 6:14; 15:15; Ê-phê-sô 1:20; Cô-lô-sê 2:12; Hê-bơ-rơ 13:20; I Phi-ê-rơ 1:21)
2. Sự phô trương quyền năng của Đức Thánh Linh (xem Rô-ma 8:11)
3. Sự phô trương quyền năng của bản thân Chúa Giê-su, (xem Giăng 10:11,15,17,18)

Nói về sự chết của Chúa Giê-su là cách Giăng phủ nhận giáo huấn của Tri-huệ Giáo từ chối nhân tính của

} “**cầm chìa khóa của Sự chết và Âm phủ.**” Người Do-thái coi sự chết là sự giam cầm phía sau cổng tù, (xem Gióp 38:17; Thi Thiên 9:13; 107:18; Ê-sai 38:10; Ma-thi-ơ 16:19). Chìa khóa là biểu tượng của uy quyền. Chúa Giê-su có thẩm quyền trên sự chết của mình và của những ai theo Ngài, (xem 5:9-10; I Cô-rin-tô 15).

}  
**NASB, NKJV,  
NRSV, NJB: “Hades”**

**TEV: “Thế giới của người chết ”**

Bản Anh Ngữ KJV dịch là Âm Phủ, tiếng Hy-lạp có hai thuật ngữ về điều này: Ha-des và Ge-hen-na (*Hades* và *Gehenna*). *Hades* tương tự với *Sê-ôn* (*Sheol*) trong Cựu Ước (xem 6:8; 20:13-14). Trong Cựu Ước, con người rời trần thế đi gặp tổ phụ ở một nơi thực tại, nhưng không có niềm vui. Chúa mặc khải cho họ biết (mặc khải tiệm tiến) về thực tại sau sự chết. Các thầy Ra-bi cho rằng *Sê-ôn* (*Sheol*) được chia ra làm nơi của người công chính Pa-ra-đi (*Paradise*) và nơi của kẻ gian ác Ta-ta-rút (*Tartarus*) (xem Lu-ca 23:43). Kinh Thánh nói rất ít về hậu thế, qua các ẩn dụ như thiên đàng với đường phố bằng vàng, thành phố hình khối mỗi chiều 1500 dặm, không có công... và địa ngục với sự tăm tối, sâu không chết, lửa không tàn.

## The dead

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NGƯỜI CHẾT Ở ĐÂU?

#### I. Cựu Ước

- A. Cả nhân loại đến *She 'ol* (không rõ từ nguyên), là một cách đề cập đến cái chết hay là phần mộ thường xuất hiện trong thể loại văn chương khôn ngoan và sách Ê-sai. Theo Cựu Ước, nó là sự hiện hữu không cảm xúc, mờ ảo nhưng có nhận thức (xem Gióp 10:21-22; 38:17; Thi Thiên 107:10,14).
- B. Đặc tính của *She 'ol*
  1. liên hệ với sự phán xét (bằng lửa) của Đức Chúa Trời, Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:22
  2. gắn liền với hình phạt trước Ngày Đoán Xét, Thi Thiên 18:4-5
  3. liên kết với chữ *Abaddon* (sự huỷ diệt), nhưng cũng mở rộng chỉ về Đức Chúa Trời, xem Gióp 26:6; Thi Thiên 139:8; A-mốt 9:2
  4. liên hệ với khái niệm “hố” (mỏ mả), Thi Thiên 16:10; Ê-sai 14:15; Ê-xê-chi-ên 31:15-17
  5. kẻ ác xuống thẳng đến *She 'ol* đang khi còn sống, Dân-số Ký 16:30,33; Thi Thiên 55:15
  6. thường được mô tả như là một con thú có mõm lớn, Dân-số Ký 16:30; Ê-sai 5:14; 14:9; Ha-ba-cúc 2:5
  7. người ở nơi đó gọi là *Shades*, Ê-sai 14:9-11

#### II. Tân Ước

- A. Chữ *She 'ol* trong tiếng Do thái được dịch sang tiếng Hy Lạp là *Hades* (thế giới vô hình)
- B. Đặc tính của *Hades*
  1. đề cập đến cái chết, Ma-thi-ơ 16:18
  2. liên kết với sự chết, Khải-huyền 1:18; 6:8; 20:13-14
  3. thường trình bày tương tự như nơi của sự hình phạt đời đời (*Gehenna*), Ma-thi-ơ 11:23 (trích dẫn Cựu Ước); Lu-ca 10:15; 16:23-24
  4. thường trình bày tương tự như phần mộ, Lu-ca 16:23
- C. Sự phân biệt khá dĩ theo các tu sĩ Do-Thái-Giáo
  1. Nơi dành cho người công chính gọi là thiên đàng (thật ra là một tên gọi khác chỉ thiên đàng, xem II Cô-rinh-tô 12:4; Khải-huyền 2:7), Lu-ca 23:43
  2. Phần dành cho người độc ác gọi là *Tartarus*, II Phi-e-rơ 2:4, là nơi giam giữ những ác thần (xem Sáng-thế Ký 6; I Hê-nóc)
- D. *Gehenna*
  1. Phản ảnh cụm từ trong Cựu Ước “thung lũng của các con trai Hinnom,” (phía nam của Giê-ru-sa-lem). Đó là nơi các trẻ em bị cúng tế cho thần lửa của người Phoenician, *Molech* (xem II Các Vua

16:3; 21:6; II Sứ ký 28:3; 33:6), tập tục này bị nghiêm cấm trong Dân Số 18:21; 20:2-5

2. Giê-rê-mi đổi địa điểm này từ nơi thờ phượng ngoại giáo thành nơi cho sự phán xét của Đức Giê-hô-va (xem Giê-rê-mi 7:32; 19:6-7). Nó trở thành nơi của sự phán xét đời đời trong I Hê-nóc 90:26-27 và Sib. 1:103.
3. Người Do thái trong thời của Đức Chúa Giê-xu kinh hãi bởi tập tục dâng hiến trẻ em để thờ phượng thần ngoại bang của tổ phụ họ đã biến nơi đây thành bãi rác cho Giê-ru-sa-lem. Nhiều hình ảnh ẩn dụ về sự phán xét đời đời của Đức Chúa Giê-xu xuất phát từ bãi rác này (lửa, khói, sâu bọ, mùi hôi, xem Mác 9:44,46). Chữ *Gehenna* chỉ được dùng bởi Đức Chúa Giê-xu (ngoại trừ trong Gia-cơ 3:6).
4. Cách sử dụng chữ *Gehenna* của Đức Chúa Giê-xu
  - a. lửa, Ma-thi-ơ 5:22; 18:9; Mác 9:43
  - b. vĩnh viễn, Mác 9:48 (Ma-thi-ơ 25:46)
  - c. nơi huỷ diệt (cả linh hồn và thể xác), Ma-thi-ơ 10:28
  - d. tương đương với *She 'ol*, Ma-thi-ơ 5:29-30; 18:9
  - e. đặc tính của kẻ ác là “con địa ngục” Ma-thi-ơ 23:15
  - f. kết án, Ma-thi-ơ 23:33; Lu-ca 12:5
  - g. khái niệm *Gehenna* tương đương với sự chết thứ hai (xem Khải-huyền 2:11; 20:6,14) hoặc là hồ lửa (xem Ma-thi-ơ 13:42,50; Khải-huyền 19:20; 20:10,14-15; 21:8). Có thể rằng hồ lửa là nơi giam giữ đời đời cho con người (theo chữ *She 'ol*) và các ác thần (theo chữ *Tartarus*, II Phi-e-rơ 2:4; Giu-đe 6 hay là địa ngục, xem Lu-ca 8:31; Khải-huyền 9:1-10; 20:1,3).
  - h. Nơi này không dành cho con người nhưng cho Sa-tan và những quỷ sứ của nó, Ma-thi-ơ 25:41
- E. Bởi sự chông chéo ý nghĩa của ba chữ *She 'ol*, *Hades*, và *Gehenna* có lẽ
  1. trong nguyên thủy cả nhân loại sẽ đến *She 'ol/Hades*
  2. trải nghiệm của họ nơi đó (tốt hay xấu) càng tăng thêm sau ngày phán xét, nhưng chỗ dành cho kẻ ác vẫn là một (đây là lý do bản Kinh Thánh KJV dịch chữ *hades* (phần mộ) giống như chữ *gehenna* (địa ngục)).
  3. chỉ trong bản văn Tân Ước mới nhắc đến sự đau đớn trước ngày phán xét trong Lu-ca 16:19-31 (câu chuyện La-xa-rơ và người giàu có). *She 'ol* được mô tả là nơi của sự hình phạt ngay hiện tại (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:22; Thi Thiên 18:1-5). Tuy nhiên, chúng ta không thể xây dựng giáo lý chỉ dựa vào câu chuyện này.

### III. Nơi ở trung chuyển giữa cái chết và sự phục sinh

- A. Tân Ước không dạy về “sự bất diệt của linh hồn”, là một trong vài quan điểm cổ xưa về đời sau.
  1. linh hồn con người đã hiện hữu trước đời sống thể chất của họ
  2. linh hồn con người tồn tại trước và sau cái chết thuộc thể
  3. thông thường thân thể bị xem như ngục tù giam giữ linh hồn và cái chết được xem như là sự phóng thích linh hồn trở về trạng thái trước đó.
- B. Tân Ước gợi ý cách gián tiếp về giai đoạn lia khỏi thân xác giữa cái chết và sự phục sinh
  1. Đức Chúa Giê-xu nói về sự phân chia giữa thân xác và linh hồn, Ma-thi-ơ 10:28
  2. Áp-ra-ham có thể có thân thể hiện thời, Mác 12:26-27; Lu-ca 16:23
  3. Môi-se and Ê-li có thân thể trong Sự Hóa Hình, Ma-thi-ơ 17
  4. Phao-lô quả quyết rằng trong sự đến lần thứ hai, các linh hồn ở với Đấng Christ sẽ được nhận lấy một thân thể mới trước nhất, II Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18
  5. Phao-lô khẳng định rằng những tín hữu sẽ nhận lãnh thân thể thiêng liêng mới trong Ngày Phục Sinh, I Cô-rinh-tô 15:23,52
  6. Phao-lô khẳng định rằng những tín hữu sẽ không đến *Hades*, nhưng khi chết ở với Đức Chúa Giê-xu, II Cô-rinh-tô 5:6,8; Phi-líp 1:23. Đức Chúa Giê-xu đã đấng sự chết và đem những người công chính lên thiên đàng với Ngài, I Phi-e-rơ 3:18-22.

### IV. Thiên đàng

- A. Chữ này được sử dụng trong Kinh Thánh với ba ý nghĩa.
  1. khoảng không phía trên trái đất, Sáng-thế Ký 1:1,8; Ê-sai 42:5; 45:18
  2. các tầng trời, Sáng-thế Ký 1:14; Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:14; Thi Thiên 148:4; Hê-bơ-rơ 4:14; 7:26
  3. ngôi của Đức Chúa Trời, Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:14; I Các Vua 8:27; Thi Thiên 148:4; Ê-phê-sô 4:10; Hê-bơ-rơ 9:24 (tầng trời thứ ba, II Cô-rinh-tô 12:2)

- B. Kinh Thánh không tiết lộ nhiều đời sau. Có lẽ bởi vì nhân loại đã sa ngã không thể nào hay không có khả năng để hiểu (xem I Cô-rinh-tô 2:9).
- C. Thiên đàng là khái niệm cả về nơi chốn (xem Giăng 14:2-3) và là thân vị (xem II Cô-rinh-tô 5:6,8). Thiên đàng có thể là Vườn Ê-đen được phục hồi (Sáng-thể Ký 1-2; Khải-huyền 21-22). Trái đất sẽ được tẩy sạch và phục hồi (xem Công-vụ 3:21; Rô-ma 8:21; II Phi-e-rơ 3:10). Hình ảnh của Đức Chúa Trời (Sáng-thể Ký 1:26-27) đã được khôi phục trong Đấng Christ. Giờ đây, mỗi tương giao gần gũi trong vườn Ê-đen có thể tái lập.

Tuy nhiên, đây có thể là hình ảnh ẩn dụ (thiên đàng như là thành phố lớn theo hình khối vĩ đại theo Khải-huyền 21:9-27). I Cô-rinh-tô 15 mô tả sự khác biệt giữa hình thể vật chất và thể chất tâm linh giống như là so sánh giữa hạt giống với cây lớn đã trưởng thành. Một lần nữa I Cô-rinh-tô 2:9 (một trích dẫn từ Ê-sai 64:4 và 65:17) là nguồn hy vọng và lời hứa to lớn. Tôi biết rằng khi chúng ta xem thấy Ngài thì chúng ta được giống như Ngài (xem I Giăng 3:2).

V. Những nguồn tài liệu hữu ích

- A. William Hendriksen, *The Bible On the Life Hereafter*  
 B. Maurice Rawlings, *Beyond Death's Door*

**1:19 “những gì con đã thấy, những gì hiện có và những gì sau này sẽ xảy đến”**- Câu này là khuôn mẫu cho sự giải kinh Khải Huyền, được coi khai thị có hai phần, hoặc ba phần. Đoạn câu trong tiếng Hy-lạp nói về những gì hiện tại và những gì trong tương lai. Giăng nói về thời ông sống cũng như nói về các thế hệ sau. Cuốn sách này kết hợp cả tiên tri theo truyền thống, liên hệ tới sự kiện đương thời rồi chiếu tới sự kiện tận thế, nói về sự bắt bớ đạo thể kỷ thứ nhất, các thế kỷ sau đó và sự bắt bớ tối hậu bởi Kẻ Chồng Nghịch Đấng Christ trong kỳ sau rốt. (xem Đa-ni-ên 9:24-27; II Tê-sa-lô-ni-ca 2).

**1:20 “sự mầu nhiệm về bảy ngôi sao”** Thuật ngữ (*must' rion*) có vài ý nghĩa trong văn tự của Phao Lô, nhưng đều liên hệ tới chương trình cứu rỗi đời đời của Đức Chúa Trời cho nhân loại là các tín đồ Do-thái và hội thánh hiệp một trong thân thể Đấng Christ (xem Ê-phê-sô 2:11-3:13). Tuy nhiên ở đây, các ngôi sao liên hệ trực tiếp tới 7 hội thánh trong chương 2 và 3. Từ câu 20 chúng ta thấy 7 ngôi sao, 7 linh, 7 đèn, 7 thiên sứ là các biểu tượng về 7 hội thánh. Bảy ngôi sao cũng được dùng tương tự một cách huyền bí cho biểu tượng trong câu 17:7. Xin xem Chủ Đề Đặc Biệt và ghi chú trong câu 10:7.

} **“các thiên sứ”** Tiếng Hy-lạp là (*aggelos*) và Hê-bơ-rơ là (*malak*), có thể được dịch “thiên sứ”, hoặc “sứ giả”.

1. Một số người cho đây là 7 linh đã được nói trong câu 4
2. Có người khác cho đây là 7 vị mục sư (xem Ma-la-chi 2:7).
3. Lại có người cho đây là 7 thiên sứ đỡ đầu 7 hội thánh (xem Đa-ni-ên 10:13,20,21).

Có thể câu trả lời tốt nhất là Hội Thánh được nhân cách hóa qua hình ảnh vị mục sư hay thiên sứ

## CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát

1. Chương 1 có dấu hiệu hướng dẫn giải kinh Khải Huyền không? nếu có, đó là những điều gì?
2. Phải chăng Khải Huyền là sách chủ yếu dành cho thế hệ đầu tiên hoặc cuối cùng? Vì sao?
3. Vì sao Giăng liên tưởng đến nhiều câu trong Cựu Ước, nhưng không bao giờ trích dẫn trực tiếp?
4. Vì sao có nhiều danh hiệu của Đức Chúa Trời được sử dụng trong chương này?
5. Vì sao sự miêu tả trong các câu 12-20 được sử dụng trong các thư cho 7 hội thánh?
6. Vì sao Chúa Giê-su vinh hiển được miêu tả giống thiên sứ trong Đa-ni-ên 10?

KHÁI HUYỀN 2 – 3

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Thư cho Ê-phê-sô 2:1a 2:1b-7	HT không tình yêu 2:1-7	Thư thứ nhất 2:1 2:2-7	Thư cho Ê-phê-sô 2:1a 2:1b-7a 2:7b	Ê-phê-sô 2:1-7
Thư cho Si-miêc-nơ 2:8a 28b-11	HT bị bắt bớ 2:8-11	Thư thứ hai 2:8 2:9-11	Thư cho Si-miêc-nơ 2:8a 2:8b-10 2:11a 2:11b	Si-miêc-nơ 2:8-11
Thư cho Pê-t-gã-m 2:12a 2:12b-17	HT nhượng bộ 2:12-17	Thư thứ ba 2:12 2:13-17	Thư cho Pê-t-gã-m 2:12a 2:12b-16 2:17a 2:17b	Pê-t-gã-m 2:12-13 2:14-17
Thư cho Thia-ti-rơ 2:18a 2:18b-29	HT hư hỏng 2:18-29	Thư thứ tư 2:18 2:19-29	Thư cho Thia-ti-rơ 2:18a 2:18b-23 2:24-28 2:29	Thi-a-ti-rơ 2:18-29
Thư cho Sạc-đê 3:1a 3:1b-6	HT chết 3:1-6	Thư thứ năm 3:1a 3:1b-6	Thư cho Sạc-đê 3:1a 3:1b-5 3:6	Sạc-đê 3:1-6
Thư cho Phi-la-đen-phi-a 3:7a 3:7b-13	HT trung tín 3:7-13	Thư thứ sáu 3:7 3:8-13	Thư cho Phi-la-đen-phi-a 3:7a 3:7b-12 3:13	Phi-la-đen-phi-a 3:7-13
Thư cho Lao-đi-xê-a 3:14 3:14b-22	HT hăm hăm 3:14-22	Thư thứ bảy 3:14 3:15-22	Thư cho Lao-đi-xê-a 3:14a 3:14b-21 3:22	Lao-đi-xê-a 3:14-22

## **CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)**

### *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN*

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

## **BỐI CẢNH CHUNG**

- A. Đơn vị văn chương này (chương 2 và 3) gắn liền danh hiệu Đức Chúa Trời trong Cựu Ước với Đấng Mê-si-a (xem 1:12-20). Đây là một cách Giảng xác nhận Ngôi Vị của Chúa Giê-su. Trong khái thị, Giảng gán chuyên danh hiệu và Công Vụ của Đức Giê-hô-va cho Chúa Giê-su là Đấng Christ Thăng Thiên Và Vinh Hiển
- B. Mục đích của các thư là chỉ ra những nhu cầu thuộc linh của các hội thánh trong thế kỷ thứ nhất, và của tất cả các hội thánh (qua sử dụng con số 7 biểu tượng). Chức vụ của Giảng khi đã lớn tuổi bao gồm vùng Tiểu Á, nên ông biết rõ các hội thánh và thành phố ở đó. Các thư này nói về phẩm chất thuộc linh của hội thánh, kêu gọi sự trung tín và tin kính. Các hội thánh cũng sẽ bị phán xét, (xem II Cô-rin-tô 5:10).
- C. Có nhiều hội thánh trong lãnh thổ La-mã, vì sao Giảng chỉ viết cho 7 hội thánh?
  1. Số bảy là biểu tượng tuyệt hảo theo Kinh Thánh, (xem Sáng Thế 1). Có nhiều con số bảy trong tiên tri của Giảng.
  2. Những hội thánh nằm trên đường giao liên bắt đầu từ Ê-phê-sô kết thúc ở Lao-đi-xê-a. Có thể đây là đường bưu điện hoàng gia.
  3. Có thể đây là biểu tượng của tất cả các hội thánh thuộc tất cả các thời kỳ và nền văn hóa.
- D. Phân đoạn nay có ảnh hưởng gì đến chúng ta ngày hôm nay?
  1. Có người nghĩ rằng đây là sự miêu tả các hội thánh phương tây từ Lễ Ngũ Tuần cho đến thời Tái Lâm
    - a. Ê-phê-sô tiêu biểu cho giai đoạn sứ đồ: từ Ngũ Tuần tới Giảng, 33-100
    - b. Si-miêc-nơ tiêu biểu cho giai đoạn bắt bớ, từ Giảng tới hoàng đế Côn-stan-tin (Constantine) 100-313
    - c. Pê-t-gã-m tiêu biểu cho giai đoạn Côn-stan-tin (Constantine) đến Grê-go-ri (Gregory), 313-590
    - d. Thi-a-ti-ra tiêu biểu cho giai đoạn giáo hoàng La-mã Grê-go-ri đến Mạc-tin Lu-tơ (Martin Luther), 590-1517
    - e. Sạc-đê tiêu biểu cho giai đoạn cải chánh. 1517-1792 (Luther - Carey)
    - f. Phi-la-đen-phi-a tiêu biểu cho giai đoạn truyền giáo hiện đại 1792-1914 (Carey tới Thế chiến thứ nhất)
    - g. Lao-đi-xê-a tiêu biểu cho giai đoạn bội đạo 1914 - Parousia (Thế chiến 1 tới Tái lâm)

Đây là hệ thống giải kinh định kỳ gần đây. Thuyết Tái Lâm Trước Ngàn-Năm (Tiền Thiên-hỷ-niên) thường thấy sự song hành của Ma-thi-ơ 13 với 7 hội thánh ở đây. Tuy nhiên không có điều gì trong phân đoạn ủng hộ thuyết này, có thể một số chi tiết thích hợp với cách giải thích này, nhưng nhiều chi tiết khác lại không. Thuyết này chẳng qua là sự xác nhận một cách ngao ngược rằng Kinh Thánh chỉ viết về hội thánh phương tây. Quan điểm này vô nghĩa đối với độc giả nguyên thủy.

2. Có người lại nghĩ bảy hội thánh Tiểu Á tiêu biểu cho bảy loại hội thánh có mặt trong từng giai đoạn và từng nền văn hóa.
- E. Một trong các nguồn tham khảo giúp tôi giải nghĩa tiên tri và khái thị là sách của ông San-đi (D. Brent Sandy), *Plowshares and Pruning Hooks: Rethinking the Language of Biblical Prophecy and Apocalyptic*. Ông chỉ ra các phần thường được hứa cho tín đồ trung tín trong chương 2,3 (trang 28-32)
1. Cây sự sống
  2. Mão miện sự sống
  3. Viên sỏi trắng.
  4. Thâm quyền trên muôn dân
  5. Ngôi sao Mai
  6. Mặc áo trắng
  7. Cây Trụ trong Đền Thờ Đức Chúa Trời
  8. Danh tên của Đức Chúa Trời.
  9. Tên của Giê-ru-sa-lem
  10. Ngồi trên ngôi của Đức Chúa Trời.

Ông ta nói rằng những điều trên đây không nên được giải thích theo nghĩa đen cho một cá nhân hay một hội thánh, nhưng là sự ứng nghiệm tổng thể của cơ đốc giáo. Như được thấy trong 21:3. Tôi nghĩ rằng đây là phương cách thông diễn hợp lý đối với thể loại văn chương này.

### TÍNH HỢP NHẤT THEO BỐ CỤC CỦA 7 BỨC THƯ

- A. Nhiều nhà bình luận nhận ra 7 chi tiết trong mỗi bức thư, mặc dầu không phải tất cả các chi tiết đều có mặt trong từng hội thánh.
1. Chúa Giê-su thường bắt đầu bằng: “Hãy viết cho thiên sứ của hội thánh ...” (xem 2:1,8,12,18; 3:1,7,14).
  2. Sự miêu tả về Chúa Giê-su được lấy từ 1:12-20, có nguồn từ Cựu Ước về danh hiệu và công vụ của Đức Giê-hô-va trong lời giới thiệu của từng sứ điệp.
  3. Chúa Giê-su xác nhận từng hội thánh với niềm và niềm yêu. “Ta biết . . .” (xem 2:2, 9,13,19; 3:1,8,15).
  4. Chúa Giê-su nói về từng hội thánh với bối cảnh văn hóa, lịch sử, địa dư và cơ hội thuộc linh
  5. Chúa Giê-su nói về sự đến bất thường của Chúa, hoặc để phán xét tức thời, hoặc Tái Lâm, (xem 1:1,3; 2:5,16,25; 3:3,11).
  6. Chúa Giê-su khích lệ lắng nghe và hiểu thấu (xem 2:7,11,17,29; 3:6,13,22). Chúa cũng dùng câu “ai có tai hãy lắng nghe” trong Phúc Âm, (xem Ma-thi-ơ 11:15, 13:9, 43; Mác 4:24.)
  7. Chúa Giê-su hứa thưởng cho những người trung tín, (xem 2:7,11,17,25-26; 3:4-5,11-12,21).
- Những bước này không có đều trong tất cả các thư. Thứ tự của chúng bị thay đổi, hoặc có điều không được nhắc đến, nhưng nhìn chung, cấu trúc xung quanh con số bảy này được thấy trong một vài trường hợp khác trong văn tự của Giảng.

### CÁC THÀNH PHỐ, NƠI BẢY HỘI THÁNH NHẬN THƯ CỦA GIẢNG

- A. Ê-phê-sô
1. Thành phố La-mã lớn nhất tỉnh Tiểu Á, mặc dầu không phải là thủ phủ, nhưng quan tổng tránh sống ở đây. Đây là trung tâm thương mại lớn bởi có cảng tự nhiên rất tốt.
  2. Đây là thành phố được phép có chính phủ tự trị, không có trại lính La-mã và được hưởng nhiều tự



do.

3. Là thành phố duy nhất tổ chức thể vận hội châu Á định kỳ 2 năm một lần.
4. Nơi có đền thờ A-tơ-mít (Artemis) / (Diana theo tiếng Latin), là một trong 7 kỳ quan thế giới bảy giờ. Nó có kích thước 128 x 73 mét, với 127 trụ cột cao 20 mét, 86 trụ cột được dát vàng, (xem Pliny's *Hist. Nat.* 36:95 ff). Tượng A-tơ-mít là một thiên thạch rơi xuống, có hình một phụ nữ nhiều vú. Điều này có nghĩa trong thành phố có nhiều mạo dâm tôn giáo (xem Công Vụ 19). Đây là một thành phố loạn luân với nhiều nền hóa khác nhau.
5. Phao-lô ở đây và truyền giáo 3 năm, (xem Công Vụ 18:18 ff; 20:13).
6. Truyền thống cho biết Giăng ở đây sau khi Ma-ri qua đời trong xứ Pa-lét-stin.

#### B. Si-miêc-na

1. Được dựng nên bởi A-ma-zon (một phụ nữ lãnh đạo cứng rắn) tên là Si-miêc-na. Thành phố có khoảng 200 ngàn dân thời của Giăng.
2. Nằm trên bờ biển A-gê-an (Aegean) với hải cảng tự nhiên tốt, bởi vậy nó cũng là trung tâm thương mại lớn, rất giàu có, chỉ kém Ê-phê-sô.
3. Bị tàn phá bởi dân Ly-đi-a, năm 600 TCN, nhưng được dựng lại bởi Li-si-mi-cút, theo bản vẽ của A-lêc-xan-đơ Đại Đế, cho phép gió biển thổi tới tất cả con đường thành phố.  
Đây cũng là thành phố tự do, bởi họ giúp đỡ quân đội La-mã khi thua trận với người Mi-thra-đa-tes.
5. Là trung tâm thờ phượng nữ thần Rô-ma, (195 TCN.) và thờ hoàng đế. Ở đây có đền thờ đầu tiên thờ Hoàng Đế Ti-bê-ri-út. 26 SCN).
6. Là trung tâm thờ phượng Xy-bên (Cybele) và đa-thần Hôm-mơ (Homer). Truyền thống cho rằng Hô-mơ được sinh tại đây. Có nhiều đền thờ Pa-gốt (Pagos) trên vệ thành với con đường dát vàng giữa đền thờ thần Dzút (Jes) và Xy-bên (Cybele).
7. Có cộng đồng lớn người Do-thái chống Cơ-đốc giáo.
8. Đây là thành phố nơi Pô-li-cáp, một môn đồ của Giăng, bị tử đạo năm 155 SCN.

#### C. Pê-t-găm

1. Một thành phố lớn, giàu có và là thủ phủ của Tiểu Á, từ năm 282 TCN, mặc dầu không nằm trên trục đường buôn bán chính.
2. Nó có một thư viện lớn nhất đế quốc La-mã, ngoài A-lêc-xan-đra của Ai-cập, với 200 ngàn cuốn sách cổ (cuộn vải).
3. Ve-lum (Vellum) được sáng chế tại đây. Đây là loại vật liệu từ da thú, được dùng để viết khi A-lêc-xan-đra từ chối không bán giấy từ cây lau. Bởi vua Ai-cập Ê-u-men-nét đệ nhị (Eumenes II) (197-159 B.C.) muốn thuê chuyên viên thư viện của A-lêc-xan-đra là A-ri-stô-pha-nét (Aristophanes). Khi vua Pô-le-mi-an là Ê-pi-pha-nét (Epiphanes) (205-182 B.C.) của A-lêc-xan-đra biết được, ông bắt chuyên viên thư viện và cấm không cho bán giấy từ Pê-t-găm. Giữa hai thành phố này luôn có sự cạnh tranh về thư viện, cuối cùng An-thô-ni gởi thư viện của Pê-t-găm sang A-lêc-xan-đra làm quà cho nữ hoàng Clê-ô-pa-tra. ..
4. Đây là quê nhà của Ga-len, người thầy thuốc và trung tâm huấn luyện bác sỹ của Ác-lê-pi-ôt (Asclepios), là thần y dược của Pê-t-găm với biểu tượng con rắn.
5. Nó có đền thờ thần Rô-ma, và hoàng đế A-gus-tút (A.D. 29) và là trung tâm hành chính của đạo thờ hoàng đế. Sự trung thành của thành phố này đối với hoàng đế nổi tiếng đương thời.
6. Thành phố nay cũng thờ đa thần trong huyền thoại Hy-lạp với một đền thờ khổng lồ trên vệ thành nhìn xuống thành phố, có hình dạng như ngôi vua (ngôi của Sa-tan)

#### D. Thi-a-ti-ra

1. Là thành phố thương mại nhỏ hơn. Chúng ta có nhiều tài liệu về các ngành nghề, mỗi ngành nghề có đền thờ tổ nghiệp của mình. Thành phố này nằm giữa Pê-t-găm và Sạt-đê, trên đường đi Phi-li-đen-phia và Lao-đi-xe-a, nổi tiếng về buôn bán sản phẩm từ lông cừu. Ly-đi-a là phụ nữ bán vải màu cả tím được nhắc đến trong Công Vụ 16:14 cũng xuất thân từ Thi-a-ti-ra
2. Được mở rộng bởi Sê-lê-u-cút (Seleucus) là vị tướng đã đem lính Ma-xê-đoan ngụ cư tại đây.
3. Thành phố thờ vài vị thần như:

- a. Ti-rim-nốt (Tyrimnos /Apollo) – thần mặt trời.
- b. A-tơ-mít (Artemis / (Diana) – thần ái tình
- c. Si-bin (Sibyl Sambathe) – một bà đồng địa phương.

E. Sạt-đê

1. Là một thành phố cổ khá lớn, là thủ phủ của xứ Ly-đia nhiều năm vì có ưu việt về vị trí chiến lược quân sự, ở độ cao trên 300 mét. Thành phố cũng được nhắc đến trong sách Áp-đia câu 20, cũng như trong lịch sử Ba-tư, bởi Xy-rút Đại đế đã chiếm được. Nó suy giảm nhiều trong thời Giăng sống.
2. Thành phố nổi tiếng bởi các sản phẩm len nhuộm. Họ tự nhận rằng len nhuộm được lần đầu tiên sáng chế tại đây.
3. Trong thành có đền thờ thần phụ mẫu Xy-bên (Cybele). Di tích đền thờ vẫn còn thấy trên vệ thành ngày nay. Sự thờ phượng thần tượng này trở nên nổi tiếng khắp cả đế quốc La-mã.

F. Phi-laden-phia

1. Nằm trên bình nguyên và được bảo vệ bởi sông nước, như một vị trí chiến lược quan trọng. Đây là thành phố mới nhất trong bảy thành phố, được xây dựng bởi A-ta-lút đệ nhị (Attalus II) (159 - 138 B.C.).
2. Nằm trên đường thương mại từ Sạt-đê và trở nên hưng thịnh,
3. Nằm trên vùng đất phì nhiêu, đặc biệt về nông nghiệp trồng nho. Thần Bắc-chút hay Đi-ô-ni-út, (Bacchus, or Dionysus) là đối tượng thờ phượng của cư dân ở đây. Năm 17 SCN, có một trận động đất lớn phá hủy thành phố này và 10 thành phố lân cận. Sự chấn động sau động đất kéo dài nên dân cư dọn về nông thôn sinh sống,
4. Đây là trung tâm của đạo thờ hoàng đế, cũng như ở Si-miệc-na và Pẹt-găm. Đó có thể là nguồn bắt bớ đạo dữ dội trong các xứ này. .
5. Đây là trung tâm người Do-thái sống lưu vong Hê-len-nít, rất năng động trong việc quảng bá Do-thái giáo. Thành này nằm trên ba biên giới My-sia, Ly-đia and Phơ-ry-gia.

G. Lao-đi-xê-a trên sông Li-chút (Lychnus)

1. Đây là một trong ba thành phố trên sông Li-chút (cùng với Cô-lô-sê và Hi-ê-ra-pô-lít). Trong mỗi thành phố đều có hội thánh, có lẽ được Ê-pa-phơ-rát, một học trò của Phao-lô sáng lập (xem Cô-lô-sê 1:17; 4:12-13).
2. Lao-đi-xê-a được sáng lập bởi vua người Se-leu-xít là An-ti-ô-chút đệ nhị 250 TCN (Seleucid ruler, Antiochus II.) Tên thành phố chính là tên hoàng hậu. Thành phố cũng là một thành trì bảo vệ đặc biệt.
3. Thành phố nằm trên đường thương mại đông tây và có một trung tâm tài chính nổi tiếng.
4. Thành phố nằm trên vùng đất tốt cho việc chăn nuôi trồng trọt, nổi tiếng về cừ đen dùng để làm áo khoác màu đen được gọi là “*trimeta*.”
5. Thành phố có số lượng lớn dân cư người Do-thái.
6. Cũng như Pẹt Găm, Lao-đi-xê-a là nơi thờ phượng thần được Ac-lê-pi-ốt (Asclepios), có trung tâm y tế lớn, nổi tiếng về thuốc xoa tai, mắt.

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÂU VĂN

### RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 2:1

**<sup>1</sup>“Hãy viết cho thiên sứ của hội thánh Ê-phê-sô rằng: Đây là lời phán của Đấng cầm bảy ngôi sao trong tay phải, và đi giữa bảy chân đèn bằng vàng:**

**2:1 “thiên sứ”** Thuật ngữ Hê-bơ-rơ và Hy-lạp đều có thể có ý nghĩa thiên sứ hay sứ giả. Ở đây có thể là:

1. Mục sư (xem Ma-la-chi 2:7)
2. Thiên sứ của hội thánh (xem Đa-ni-ên 10)
3. Linh của hội thánh hay của cá nhân. Câu này xuất hiện trong phần giới thiệu của tất cả 7 lá thư, (xem

2:1, 8, 12, 18; 3:1, 14).

} **“hội thánh”** Thuật ngữ Hy-lạp là *ekklesia*, danh từ kết hợp của hai vế: “gọi” và “ra khỏi”. Bản Bảy Mươi (Tân Ước tiếng Hê-bơ-rơ) dùng thuật ngữ *qahal*, có nghĩa hội đồng của I-sơ-ra-en. Các hội thánh sơ khởi cũng dùng thuật ngữ này vì:

1. Họ coi họ là dân của Đức Chúa Trời cũng như I-sơ-ra-en
2. Họ thấy mình được gọi tới sự cứu rỗi và gọi vào chức vụ.

xem Chủ Đề Đặc Biệt: ở câu 1:4.

} **“Đấng cầm bảy ngôi sao”** Sự miêu tả này có được từ câu 1:16. Bảy ngôi sao là bảy hội thánh, (xem 1:20). Thuật ngữ “cầm” là động tính từ chủ động, thì hiện tại, nói về sự nắm chắc, không thể tuột ra, (xem Giăng 10:28). Không ai có thể giật hội thánh ra khỏi tay Chúa Giê-su (xem Rô-ma 8:31-39) trừ phi họ bất tín, tự mình không chịu ăn năn và đầu phục theo Ngài.

} **“trong tay phải”** ám chỉ quyền bính và quyền lực qua ngôn ngữ ‘thần linh nhân cách hóa’ (anthropomorphic) (miêu tả Đức Chúa Trời một cách thuộc thể), (xem 1:16,17,20; 2:1; 5:1,7).

} **“đi giữa”** Đây cũng là ẩn dụ ‘thần linh nhân cách hóa’ miêu tả Đức Chúa Trời hiện diện như Người với con người (xem Sáng Thế 3:8, Lê-vi 26:12).

### **Chủ Đề Đặc Biệt: NGÔN NGỮ “HÌNH NHÂN”, “THẦN LINH NHÂN CÁCH HÓA”.**

#### **ANTHROPOMORPHIC LANGUAGE TO DESCRIBE DEITY**

I. Rất phổ biến trong Cựu Ước, đây là thể loại ngôn ngữ dùng từ vựng, khái niệm dễ hiểu của con người để miêu tả Ngôi Vị Thần Linh, qua:

- A. các chi thể sinh lý.
- B. mắt – Sáng Thế 1:4,31; 6:8; Xuất Hành 33:17; Dân Số 14:14; Phục Truyền 11:12; Xa-cha-ri 4:10
- C. bàn tay – Xuất Hành 15:17; Dân Số 11:23; Phục Truyền 2:15
- D. cánh tay – Xuất Hành 6:6; 15:16; Phục Truyền 4:34; 5:15
- E. tai – Dân Số 11:18; 1 Sa-mu-ên 8:21; 2 Các Vua 19:16; Thi Thiên 5:1; 10:17; 18:6
- F. mặt – Xuất Hành 33:11; Lê-vi 20:3,5,6; Dân Số 6:25; 12:8; Phục Truyền 31:17; 32:20; 34:10
- G. ngón tay – Xuất Hành 8:19; 31:18; Phục Truyền 9:10; Thi Thiên 8:3
- H. giọng – Sáng Thế 3:9,11,13; Xuất Hành 15:26; 19:19; Phục Truyền 26:17; 27:10
- I. bàn chân – Xuất Hành 24:10; Ê-xê-chiên 43:7
- J. dạng người – Xuất Hành 24:9-11; Thi Thiên 47; Ê-sai 6:1; Ê-xê-chiên 1:26
- K. Thiên sứ của Chúa – Sáng Thế 16:7-13; 22:11-15; 31:11,13; 48:15-16; Xuất Hành 3:4,13-21; 14:19;

Quan Xét 2:1; 6:22-23; 13:3-22

L. hành động thuộc thể

1. Phán, là phương tiện tạo hóa. – Sáng Thế 1:3,6,9,11,14,20,24,26
2. đi (ví dụ tiếng bước chân) – Sáng Thế 3:8; Lê-vi 26:12; Phục Truyền 23:14; Ha-ba-cúc 23:14
3. đóng cửa thuyền Nô-ê – Sáng Thế 7:16
4. ngửi mùi sinh tế – Sáng Thế 8:21; Lê-vi 26:31; A-môt 5:21
5. đi xuống – Sáng Thế 11:5; 18:21; Xuất Hành 3:8; 19:11,18,20
6. chôn xác Mô-sê – Phục Truyền 34:6

M. cảm xúc con người.

1. Ân hận – Sáng Thế 6:6,7; Xuất Hành 32:14; Quan Xét 2:18; 1 Sa-mu-ên 15:29,35; A-môt 7:3,6
2. nổi giận – Xuất Hành 4:14; 15:7; Dân Số 11:10; 12:9; 22:22; 25:3,4; 32:10,13,14; Phục Truyền 6:15; 7:4; 29:20
3. ghen – Xuất Hành 20:5; 34:14; Phục Truyền 4:24; 5:9; 6:15; 32:16,21; Josh. 24:19
4. ghê tởm – Lê-vi 20:23; 26:30; Phục Truyền 32:19

N. liên hệ gia đình

1. Cha

- a của I-sơ-ra-en – Xuất Hành 4:22; Phục Truyền 14:1; Ê-sai 1:2; 63:16; 64:8; Giê-rê-mi 31:9; Ô-sê 11:1
- b của vua – 2 Sa-mu-ên 7:11-16; Thi Thiên 2:7
- c ẩn dụ về hành động của cha – Phục Truyền 1:31; 8:5; 32:6-14; Thi Thiên 27:10; Châm Ngôn 3:12; Giê-rê-mi 3:4,22; 31:20; Ô-sê 11:1-4; Ma-la-chi 3:17
- 2. Phụ huynh – Ô-sê 11:1-4
- 3. Mẹ – Ê-sai 49:15; 66:9-13 (analogy to nursing mother)
- 4. Nhân tình – Ô-sê 1-3

## II. Lý do sử dụng loại ngôn ngữ “hình nhân”

- A. Sự cần thiết mặc khải Đức Chúa Trời cho phàm nhân. Không có ngôn ngữ nào khác ngoài thuật ngữ của con người trong tình trạng hư vọng. Hình ảnh giống đực của Đức Chúa Trời là một ví dụ về ngôn ngữ hình nhân, bởi sự thực Đức Chúa Trời là Thần Linh!
- B. Đức Chúa Trời vươn tới khía cạnh có ý nghĩa nhất của sự sống con người: Cha, mẹ, phụ huynh, tình nhân.
- C. Mặc dầu sự cần thiết tùy từng thời điểm, Đức Chúa Trời luôn không muốn bị giới hạn trong bất cứ khuôn khổ vật chất hữu hình nào (xem Xuất Hành 20; Phục Truyền 5)
- D. Ngôn ngữ hình nhân tối hậu là sự nhập thể của Chúa Giê-su. Đức Chúa Trời trở nên có hình và có thể sờ tới, (xem I Giăng 1:1-3), Sứ điệp của Đức Chúa Trời trở nên Ngôi lời của Ngài, (xem Giăng 1:1-18).

III. Tham khảo thêm luận văn của ông G. B. Caird, The Language and Imagery of the Bible, chapter 10, "Anthropomorphism," in The International Standard Bible Encyclopaedia, pp. 152-1

} **“bảy chân đèn bằng vàng”** Đây không phải ngọn đèn 1 chân 7 nhánh ... như trong Đèn Tạm, nhưng là 7 cây đèn 1 chân 1 nhánh biểu tượng 7 hội thánh ,(xem 1:12-13).

} **“phán”** Lời phán cuối cùng của Chúa Giê-su cho hội thánh không ở trong Ma-thi-ơ 28:18-20 hay Công Vụ 1:7-11 nhưng trong Khải Huyền chương 2-

## RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 2:2-7

<sup>2</sup>“Ta biết các công việc của con, sự khó nhọc của con, sự kiên trì của con. Ta biết con không thể dung chịu những kẻ xấu, và đã thử những người tự xưng là sứ đồ mà không phải là sứ đồ, và con đã nhận ra rằng họ là những kẻ nói dối. <sup>3</sup>Con kiên trì, chịu đựng vì danh Ta không chút mệt mỏi. <sup>4</sup>Nhưng điều Ta trách con, ấy là con đã bỏ lòng kính mến ban đầu. <sup>5</sup>Vậy, hãy nhớ lại con đã sa sút từ đâu! Hãy ăn năn và làm lại những công việc ban đầu. Nếu không ăn năn, Ta sẽ đến với con và truất bỏ chân đèn của con khỏi chỗ nó. <sup>6</sup>Tuy nhiên, con được điều này: Ấy là con ghét những công việc của nhóm Ni-cô-la, mà Ta cũng ghét nữa.”  
<sup>7</sup>Ai có tai, hãy nghe lời Thánh Linh phán với các hội thánh : ‘Người nào thắng, Ta sẽ cho ăn trái cây sự sống trong Pa-ra-đi của Đức Chúa Trời.’”

2:2 **“Ta biết”** Động từ chỉ định chủ động thì hoàn thành, nhưng được dịch trong thì hiện tại. Chúa Giê-su nhìn thấu, hiểu và quan tâm đến hội thánh của Ngài. Chúa bày tỏ sự quan tâm qua khen ngợi và quở trách (như cha mẹ yêu thương nhắc nhở con cái vậy). Điều này xuất hiện trong cả 7 lá thư, (xem 2:2,4,13,19; 3:1,8,15).

Bối cảnh Cự Ước của thuật ngữ ‘biết’ mang tính chất liên hệ mật thiết cá nhân, (xem Gen 4:1; Giê-rê-mi 1:5).

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: động từ ‘biết’ / (know)

(các mô hình minh họa sau hầu hết đến từ Phục Truyền)

Động từ “biết” (Yada, trong tiếng hê-bơ-rơ, BDB 393) có vài ý nghĩa (semantic fields Qal).

1. biết về sự tốt và sự xấu – Sáng. 3:22; Phục. 1:39; Ê-sai 7:14-15; Giôna 4:11
2. biết qua thực hiện – Phục. 9:2,3,6; 18:21
3. biết qua kinh nghiệm, từng trải – Phục. 3:19; 4:35; 8:2,3,5; 11:2; 20:20; 31:13; Josh. 23:14
4. cân nhắc – Phục Truyền 4:39; 11:2; 29:16

5. biết cá nhân

- a. một nhân vật – Sáng Thế 29:5; Xuất Hành 1:8; Phục Truyền 22:2; 33:9
- b. vị thần – Phục Truyền 11:28; 13:2,6,13; 28:64; 29:26; 32:17
- c. Giê-hô-va Đức Giê-hô-va – Phục Truyền 4:35,39; 7:9; 29:6; Ê-sai 1:3; 56:10-11
- d. một đối tác tình dục – Sáng Thế 4:1,17,25; 24:16; 38:26

6. Biết một kỹ năng, hoặc tri thức – Ê-sai 29:11,12; A-mốt 5:16

7. tính khôn ngoan – Phục Truyền 29:4; Châm Ngôn 1:2; 4:1; Ê-sai 29:24

8. kiến thức của Đức Chúa Trời về

- a. Mô-sê – Phục Truyền 34:10
- b. I-sơ-ra-en – Phục Truyền 31:21,27,29

} **“biết các công việc của con, sự khó nhọc của con”** Đây là một hội thánh năng động, nhưng họ quên mất sự ưu tiên của mỗi thông công với Đấng Christ (xem 2:4). Nhiều sự “tốt lành” cướp đi sự “tốt nhất” (xem Ga-la-ti 3:1).

} **“sự kiên trì”** Thuật ngữ này ám chỉ tính tích cực, tự nguyện trong sự bền đỗ trước sau như một. Đây là chủ đề chính của cuốn sách, (xem 1:9; 2:2,3,19; 3:10; 13:10; 14:12).

Sự bền đỗ phải quân bình với sự đảm bảo cứu rỗi ... Hầu hết các chân lý Kinh Thánh được thể hiện theo các đôi nghịch lý. Cả hai về đều đúng, nhưng không có vẻ nào đúng một cách độc lập. Sự cứu rỗi là lòng ăn năn và đức tin khởi đầu, tiếp theo bởi nếp sống tương xứng sự ăn năn, đức tin, vâng phục, phục vụ và bền đỗ. Xin tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây:

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CẦN THIẾT PHẢI BỀN ĐỖ**

Các tín lý Kinh Thánh liên quan đến đời sống Cơ đốc nhân rất khó giải thích vì chúng được trình bày trong những cặp biện chứng rất Đông phương. Những cặp này dường như mâu thuẫn nhau, nhưng chúng đều có nền tảng Kinh Thánh. Những Cơ đốc nhân phương Tây thường có khuynh hướng chọn một lẽ thật và bỏ qua hoặc không xem trọng lẽ thật đối lại. Tôi minh họa như sau:

1. Sự cứu rỗi là một quyết định ban đầu tin cậy nơi Đấng Christ, hay là một cam kết trọn đời làm môn đồ của Ngài?
2. Có phải sự cứu rỗi là một sự lựa chọn bởi ân điển từ một Đức Chúa Trời chí cao, hay là đáp ứng tin cậy và ăn năn của con người trước một món quà thiêng thượng?
3. Sự cứu rỗi, một khi đã nhận được, thì không thể mất được, hay là phải có sự chuyên cần liên tục?

Vấn đề về sự kiên trì đã gây nhiều tranh cãi trong lịch sử hội thánh. Vấn đề khởi sự từ những phân đoạn rõ ràng mâu thuẫn với nhau trong Tân ước:

1. Các phân đoạn về sự chắc chắn
  - a. Câu nói của Đức Chúa Giê-xu (Giăng 6:37; 10:28-29)
  - b. Câu nói của Phao-lô (Rô-ma 8:35-39; Ê-phê-sô 1:13; 2:5,8-9; Phi-líp 1:6; 2:13; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:3; II Ti-mô-thê 1:12; 4:18)
  - c. Câu nói của Phi-e-rơ (I Phi-e-rơ 1:4-5)
2. Các phân đoạn về sự cần thiết phải kiên trì
  - a. Câu nói của Đức Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 10:22; 13:1-9, 24-30; 24:13; Mác 13:13; Giăng 8:31; 15:4-10; Khải huyền 2:7,17,20; 3:5,12,21)
  - b. Câu nói của Phao-lô (Rô-ma 11:22; I Cô-rinh-tô 15:2; II Cô-rinh-tô 13:5; Ga-la-ti 1:6; 3:4; 5:4; 6:9; Phi-líp 2:12; 3:18-20; Cô-lô-se 1:23)
  - c. Câu nói của tác giả thư Hê-bơ-rơ (2:1; 3:6,14; 4:14; 6:11)
  - d. Câu nói của Giăng (I Giăng 2:6; II Giăng 9)
  - e. Câu nói của Đức Chúa Cha (Khải huyền 21:7)

Sự cứu rỗi theo Kinh Thánh xuất phát từ tình yêu, sự thương xót, và ân điển của Đức Chúa Trời Ba Ngôi chí cao. Không một ai có thể được cứu mà không nhờ vào sự khởi đầu của Đức Thánh Linh (Giăng 6:44,64). Trừ đến trước và lập kế hoạch, nhưng đòi hỏi người đáp ứng bằng đức tin và ăn năn, từ lúc ban đầu và tiếp tục về sau.

Chúa làm việc với con người trong mỗi liên hệ giao ước. Vì vậy có cả đặc ân và trách nhiệm.

Sự cứu rỗi được ban cho tất cả mọi người. Sự chết của Đức Chúa Giê-xu đã giải quyết vấn đề tội lỗi của muôn vật bị sa ngã. Đức Chúa Trời đã ban cho một con đường và Ngài muốn mọi người được dựng nên theo ảnh tượng của Ngài đáp ứng lại tình yêu và sự ban tặng của Ngài trong Đức Chúa Giê-xu.

Nếu bạn muốn đọc thêm về chủ đề này theo quan điểm không theo phái Calvin, thì bạn có thể xem:

1. Dale Moody, *The Word of Truth*, Eerdmans, 1981 (trang 348-365)
2. Howard Marshall, *Kept by the Power of God*, Bethany Fellowship, 1969
3. Robert Shank, *Life in the Son*, Westcott, 1961

Kinh Thánh cho thấy hai vấn đề trong lãnh vực này (1) tin vào sự cứu rỗi chắc chắn được xem như giấy phép để sống cuộc đời không kết quả, ích kỷ và (2) khích lệ những người đang tranh đấu với tội lỗi cá nhân và trong mục vụ. Vấn đề ở đây là những nhóm sai lầm đã đi theo sứ điệp sai lầm và xây dựng hệ thống thần học trên một số phân đoạn Kinh Thánh giới hạn. Một số Cơ đốc nhân thật sự cần sứ điệp về sự cứu rỗi chắc chắn, trong khi một số khác thì cần được cảnh cáo nghiêm minh. Bạn ở trong nhóm nào

Có một sự tranh luận lịch sử giữa Augustine và Pelagius, giữa Calvin và Arminius (semi-Pelagian), xung quanh vấn đề cứu rỗi. Nếu một người đã được cứu, người ấy có phải bền đỗ trong đức tin và ra bông kết trái hay không?

Nhóm Can-vin khẳng định Đức Chúa Trời tể trị và có quyền gìn giữ, dựa theo các câu (Giăng 10:27-30; Rô-ma 8:31-39; 1 Giăng 5:13,18; 1 Phi-ê-rơ 1:3-5). Họ chỉ ra tính động từ thụ động thì hoàn thành của câu Ê-phê-sô 2:5,8.

Nhóm A-mi-ni-an (Arminians) dựa vào các câu "nắm chặt", "nắm tới", "tiếp tục" (Ma-thi-ơ 10:22; 24:9-13; Mác 13:13; Giăng 15:4-6; 1 Cô-rin-tô 15:2; Ga-la-ti 6:9; Khải Huyền 2:7,11,17,26; 3:5,12,21; 21:7). Bản thân tôi không tin các câu trong Hê-bơ-rơ 6 và 10 nên ứng dụng ở đây, nhưng nhiều người thuộc nhóm này sử dụng để cảnh báo sự bội đạo. Các ngụ ngôn trong Ma-thi-ơ 13 and Mác 4, Giăng 8:31-59... nói về sự cứng lòng không tin. Về ngữ pháp, khi nhóm Can-vin dùng tính động từ thụ động thì hoàn thành, nhóm A-mi-ni-an dùng thì hiện tại trong các câu 1 Cô-rin-tô 1:18; 15:2; 2 Cô-rin-tô 2:15,

Đây là những ví dụ về các thần học hệ thống hạn chế thông diễn Kinh Thánh một cách phù hợp, (giải kinh theo ngữ cảnh và bối cảnh) Họ định kiến một số nguyên tắc từ trước rồi tìm các câu Kinh Thánh phù hợp để ghép vô. Hãy cẩn thận với bất cứ một khuôn khổ thần học nào. Khuôn khổ thần học được đến bởi Lô-gíc tây phương, chứ không từ khai thị Kinh Thánh xuất phát từ đông phương, trình bày chân lý bằng nghịch lý. Tân Ước cho tín đồ cả sự đảm bảo cứu rỗi và đòi hỏi phải bền đỗ và nếp sống tin kính. Cơ đốc giáo được bắt đầu bởi ăn năn và đức tin, tiếp tục bởi ăn năn và đức tin. Sự cứu rỗi không phải là sản phẩm của hãng bảo hiểm, nhưng là mối liên hệ. Nó được miêu tả trong Tân Ước qua các câu sau đây.:

- Thì quá khứ (hành động đã kết thúc trong quá khứ), Công Vụ 15:11; Rô-ma 8:24; 2 Ti-mô-thê 1:9; Tít 3:5
- Thì hoàn thành (hành động đã kết thúc với kết quả đang tiếp diễn), Ê-phê-sô 2:5,8
- Thì hiện tại: (hành động vẫn đang tiến hành), 1 Cô-rin-tô 1:18; 15:2; 2 Cô-rin-tô 2:15
- Thì tương lai (hành động trong tương lai, hoặc sẽ xảy ra một cách chắc chắn), Rô-ma 5:8,10; 10:9; 1 Cô-rin-tô 3:15; Phi-líp 1:28; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:8-9; Hê-bơ-rơ 1:14; 9:28

} RVV2011 “những kẻ xấu”

NASB “Những kẻ xấu”

NKJV “những ai xấu”

NRSV “những người làm ác”

TEV “những người xấu”

NJB “những người ác”

Theo nghĩa đen, thuật ngữ Hy-lạp *kakous* (*kakos*), miêu tả “những kẻ xấu”. Thuật ngữ tương đồng *pon'ros* có thể là điều ác (giống trung) hay người ác, và tội hậu là Ác Quỷ (Sa-tan) (giống đực) xem Ma-thi-ơ 5:37; 13:38; Giăng 17:15). Ngữ cảnh câu này ám chỉ những người xấu trong hội thánh hay cộng đồng (xem Rô-ma 2:9; 13:4). *Kakos* được sử dụng hai lần, ở đây và trong 16:2, miêu tả hậu quả của chén thịnh nộ của Đức Chúa Trời, (ví dụ: ung nhọt)

} “**đã thử**” thuật ngữ Hy-lạp (*peirazō*) có nghĩa thử xem ý định tốt hay xấu (xem 2:2,10; 3:10). Một thuật ngữ liên hệ (*peirasmōs*) có nghĩa thử nghiệm với ý định phá huỷ. Sự quân bình ở trong câu I Giăng 4:1 khi tín đồ được nhắc nhở thử nghiệm (*dokimazō*) những người xưng mình phát ngôn cho Đức Chúa Trời. Tín đồ được nhắc nhở việc thử nghiệm (tiên tri giả, giáo sư giả,...) trong các mạng lệnh từ cả Cựu Ước và Tân Ước, (xem Phục Truyền 13:1-5; 18:22; Ma-thi-ơ 7:15-23; I Giăng 4:1-6).

Nghịch lý là các tín đồ có nên phán xét lẫn nhau không? (xem Ma-thi-ơ 7:1-5). Câu trả lời là không phán xét, nhưng đánh giá vai trò lãnh đạo của nhau (xem Ma-thi-ơ 7:5,6,15; I Cô-rin-tô 5:1-12; I Ti-mô-thê 3; I Giăng 4:1-6). Thái độ và động cơ là chìa khóa quân bình trong sự đánh giá, (xem Ga-la-ti 6:1; Rô-ma 2:1-11; 14:1-23; Gia-cơ 4:11-12).

## **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHỮ “THỬ NGHIỆM” TRONG TIẾNG HY LẠP VÀ NHỮNG CHỮ CÓ NGHĨA TƯƠNG TỰ**

Có hai thuật ngữ Hy-lạp với ý nghĩa thử nghiệm con người hoặc dụng ý .

### 1. *Dokimazō, Dokimion, Dokimasia*

Thuật ngữ dùng trong việc tôi luyện kim loại, một ẩn dụ về xác định tính thực chất của một chất liệu qua lửa, (xem chủ đề đặc biệt ‘Lửa’. Lửa bày tỏ kim loại thực và đốt cháy chất dơ. Một quá trình vật lý hùng mạnh được dùng bởi Đức Chúa Trời và Sa-tan và con người để thử thách. Thuật ngữ này được dùng với ý nghĩa tích cực, tìm kiếm điều tốt và sự chấp nhận, (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Chúa thử thách con người trong Cựu-ước.

Thuật ngữ này được sử dụng trong Tân-ước:

- a. thử con bò – Lu-ca 14:19
- b. thử bản thân chúng ta – I Cô-rin-tô 11:28
- c. thử niềm tin chúng ta – Gia-cơ. 1:3
- d. thử Đức Chúa Trời – Hê-bơ-rơ 3:9

Kết quả thử nghiệm theo thuật ngữ này thường là tốt (xem Rô-ma. 2:18; 14:22; 16:10; 2 Cô-rin-tô 10:18; 13:3,7; Phi-líp 2:27; 1 Phi-ê-rơ 1:7), vì vậy thuật ngữ này bao gồm ý tưởng một người được thử nghiệm và chấp nhận.

- a. là người thành tín, đáng tin
- b. là người thiện
- c. là người thực
- d. là người đáng tôn trọng
- e. là người đáng giá

### 2. *Peirazō, Peirasmus*

Thuật ngữ này mang ý nghĩa thử nghiệm để tìm ra điều xấu và không đáng chấp nhận. Nó được dùng ngay cả đối với Chúa Giê-su bị thử thách trong đồng vắng.

- a. bao gồm sự cố gắng cài bẫy Chúa Giê-su (xem Ma-thi-ơ. 4:1; 16:1; 19:3; 22:18, 35; Mác 1:13; Lu-ca 4:2; Hê-bơ-rơ 2:18).
- b. Danh hiệu (*peirazōncó* gốc từ thuật ngữ này là ‘kẻ cám dỗ’ kẻ thử thách’ được gán cho Sa-tan , Ma-thi-ơ. 4:3; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:5
- c. Cách sử dụng
  - (1) Chúa Giê-su cảnh cáo việc thử nghiệm Đức Chúa Trời (xem Ma-thi-ơ. 4:7; Lu-ca 4:12, [or Christ xem 1 Cor 10:9]).
  - (2) cũng mang ý nghĩa thử làm một việc khi việc đó đã từng thất bại (xem Hê-bơ-rơ 11:29).
  - (3) đồng thời mang ý nghĩa ‘cám dỗ’ và ‘thử thách’ Tín Đồ, (xem I Cô-rin-tô 7:5; 10:9, 13; Ga-la-ti 6:1; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:5; Hê-bơ-rơ 2:18; Gia-cơ. 1:2, 13, 14; 1 Phi-ê-rơ 4:12; 2 Pet 2:9). Đức Chúa Trời cho phép 3 nguồn cám dỗ , thử thách đối với con người trong mỗi hoàn cảnh, địa điểm: Thế gian, xác thịt và ma quỷ.

} “**Những người tự xưng mình là sứ đồ**”, thuật ngữ “sứ đồ” ở đây không dính dáng gì tới 12 sứ đồ của Chúa Giê-su, nhưng có ý nghĩa rộng hơn (xem Công Vụ 14:14; Rô-ma 16:7; I Cô-rin-tô 15:7; Ga-la-ti 1:19; Ê-phê-sô 4:11; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:6) Tân Ước nhiều lần nhắc đến các sứ đồ giả, hoặc giáo sư giả (xem Ma-thi-ơ 7:15-16; 24:24; Công Vụ 20:29; II Cô-rin-tô 11:13-15; I Giăng 4:1 hội thánh Ê-phê-sô đã thử nghiệm, phát hiện ra và từ

chối

2:3 hội thánh Ê-phê-sô trung tín, dù trong hoàn cảnh khó khăn, kể cả bắt bớ. Họ không chối Chúa và không ngừng làm việc thiện, (xem Ga-la-ti 6:9; Hê-bơ-rơ 12:3; Gia-cơ 5:7-8). Xem ghi chú tại câu 2:7.

**2:4 RVV 2011: đã bỏ lòng kính mến ban đầu**

**NASB, NKJV: “ngươi đã bỏ tình yêu ban đầu. ”**

**NRSV: “Ngươi đã bỏ tình yêu mà ngươi đã có từ ban đầu. ”**

**TEV: “ngươi không còn yêu Ta như người đã từng yêu. ”**

**NJB: “ngươi yêu Ta ít hơn trước kia. ”**

Sự khác biệt trong cách dịch có thể xuất phát từ sự hiểu ý nghĩa và đối tượng của tình yêu :

1. TEV và bản dịch Charles Williams coi đây là tình yêu kính đối với Đấng Christ .
2. Bản dịch của Gia-cơ Moffatt coi đây nói về tình yêu thương giữa các tín đồ.
3. Ông Hershell Hobbs trong sự giải kinh của ông coi đây nói về tình thương đối với người chưa được cứu. .
4. Bản dịch J. B. Phillips tổng hợp tất cả các tình yêu kể trên.
5. Có người nói đây là nan đề của thể hệ tín đồ thứ hai (xem Quan Xét 2: 7-10).
6. Có người nói đây là nan đề của hội thánh nguội lạnh thiếu tình thương, (xem I Cô-rin-tô 13).

**2:5 “hãy nhớ lại ”** - Mệnh lệnh thức chủ động thì hiện tại, có nghĩa “luôn nhớ trong đầu”. Tín đồ được nhắc nhở việc ghi nhớ, tội lỗi đã được tha và ân điển, sự thương xót của Đức Chúa Trời qua Đấng Christ.

} **“đã sa sút từ đâu”** - động từ chỉ định, chủ động thì hoàn thành. Sự từ bỏ tình yêu ban đầu dẫn tới tình trạng bỏ mặc!

} **“Hãy ăn năn và làm lại những công việc ban đầu”** Ở đây có hai mệnh lệnh thức chủ động thì quá khứ. Xin để ý, hội thánh được gọi đến sự ăn năn một cách kiên quyết (xem II Sử Ký 7:14) và trở nên tích cực trong tình yêu đối với Chúa, với tín hữu và với thế nhân hư mất.

Ăn năn rất quan trọng trong mối thông công với Chúa (xem Ma-thi-ơ 3:2; 4:17; Mác 1:15; 6:12; Lu-ca 13:3,5; Công Vụ 2:38; 3:19; 20:21) Thuật ngữ “sự ăn năn” theo tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là thay đổi hướng đi, còn tiếng Hy-lạp có nghĩa là thay đổi ý thức, tư duy, nói chung là sự sẵn lòng thay đổi từ thực tại vị kỷ sang nếp sống được Chúa tác động dẫn dắt. Nó đòi hỏi sự quay lưng đối với sự ưu tiên cá nhân, hướng về Chủ mới, với một thái độ mới, quan điểm mới. Sự ăn năn là ý chỉ của Đức Chúa Trời cho tất cả con cháu A-đam được dựng nên trong hình ảnh của Đức Chúa Trời, (xem Ê-xê-chiên 18:21,23,32 and II Phi-ê-rơ 3:9).

Một đoạn trong Tân Ước định nghĩa tốt nhất về sự ăn năn là II Cô-rin-tô 7:8-12.

1. *lup'*, “đau buồn” 8 lần trong câu 8-11.
2. *metamelomai*, “hối tiếc,” ba lần câu 8-9
3. *metanoè*, “ăn năn,” “ăn năn,” các câu 9, 10

Sự khác biệt giữa ăn năn ảo (*metamelomai*, xem Judas, Ma-thi-ơ 27:3 and Esau, Hê-bơ-rơ 12:16-17) và ăn năn thực (*metanoè*, xem Phi-ê-rơ , Giăng 21:15-23; Ma-thi-ơ 26:75; Mác 14:72; Lu-ca 22:62).

Về thần học, sự ăn năn thực liên hệ tới:

1. Giáo huấn của Chúa Giê-su về điều kiện giao ước mới, (xem Ma-thi-ơ 4:17; Mác 1:15; Lu-ca 13:3,5)
2. Bài giảng của các sứ đồ trong Công vụ. (*kerygma*, xem Công Vụ 3:16,19; 20:21)
3. Quà tặng của Đức Chúa Trời (xem Công Vụ 5:31; 11:18 and II Ti-mô-thê 2:25)
4. Sự hư mất (xem II Phi-ê-rơ 3:9)

Tín đồ không có lựa chọn nào khác ngoài ăn năn thực.

} **“Nếu không ăn năn, Ta sẽ đến với con ”** Đây là chủ đề quen thuộc của Khải Huyền, Đấng Christ sắp đến, (xem 1: 2,3; 2: 5,16; 25; 3:3,11) Trong Cựu Ước, sự đến của Đức Chúa Trời mang phước hạnh hay sự phán xét. Ngữ cảnh của câu này gợi ý sự thăm viếng của Chúa Giê-su mang sự kỷ luật, sửa sai cho hội thánh , (xem I Phi-ê-rơ 4:17)! Nói chung sự đến của Chúa có thể mang tính nhất thời, hoặc Tái Lâm.



} **“truat bỏ chân đèn của con khỏi chỗ nó”** Ngọn đèn biểu tượng cho cả hội thánh , vậy câu này có thể có ý nghĩa cất đi sự hiện diện và chúc phước của Đấng Christ. Cả hội thánh không bội đạo, nhưng mất đi hiệu quả của chức vụ. Điều này cũng tương tự như hội thánh Pê-t-găm (xem 2:16); Thi-a-ti-ra (xem 2:22-23); Sạt-đê (xem 3:3); và Lao-đi-xê-a (xem 3:19). Mỗi hội thánh cụ thể đều bị ảnh hưởng bởi một nhóm Ni-cô-la là các giáo sư giảng dạy dỗ sự nhượng bộ với tập tục, văn hóa, tôn giáo địa phương.

**2:6 “Ấy là con ghét những công việc của nhóm Ni-cô-la”** Có nhiều đồn đại về nguồn gốc và tín lý của nhóm Ni-cô-la, nhưng dẫn chứng duy nhất chúng ta có từ Kinh Thánh là Khải Huyền 2:6, 14-15. Lời đồn đại xuất phát trong hội thánh vào năm 180 SCN, khi giám mục I-ren-nê-út và Hi-pô-li-tút ( Irenaeus and Hippolitus) cho đây là nhóm học trò của Ni-cô-la, 1 trong 7 người được chọn trong Công vụ 6:5 I-ren-nê-út trong cuốn *Contra-heresies*, 3:11:7, tin rằng đây là nhóm Tri-huê giáo xứ Xy-re-nan (Cyrenian ) trong thế kỷ thứ hai. Ê-u-sê-bi-út (Eusebius), trong cuốn, *Ecclesiastical History*, 3:29:1, nói cho biết tà giáo này không tồn tại được lâu.

Trong câu 2:14-15, chúng ta thấy giáo huấn của Ba-la-am và Ni-cô-la khá giống nhau. Có thể trong cách phát âm tên của họ có những sự tương đồng, có nghĩa “chiến thắng” và “những người” (cũng giống ý nghĩa của tên “Ni-cô-đem” Điểm giống nhau của Ba-la-am và Ni-cô-la là khích lệ tín đồ tham gia thờ phượng ngoại giáo với các thực hành dâm dục, (xem Dân Số 25:1-9; 31:16-18) Trong khía cạnh này họ cũng giống như nhóm Giê-sa-bên, (xem 2:20).

**2:7 “Ai có tai, hãy nghe lời Thánh Linh phán với các hội thánh ”** Lời khuyên bảo này được nhắc lại trong tất cả các thư, (xem 2:7,11,17,29; 3:6,13,22). Đây cũng là lời của Chúa Giê-su trong Phúc Âm (xem Ma-thi-ơ 11:15; 13:9,43). Chân lý thuộc linh phải được đáp ứng bởi tâm trí và hành động, cũng giống như “nghe và làm theo” trong ý nghĩa thuật ngữ Hê-bơ-rơ *shema*, (xem Phục Truyền 5:1; 6:4; 9:1; 20:3; 27:9-10).

} **“hội thánh ”** xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1:4.

} **“Người nào thắng”** Đây có sự nhấn mạnh về sự bền đỗ, (xem 2:7,11,17,25-26; 3:4-5,11-12,21) đồng thời là bằng chứng trải nghiệm sự cứu rỗi thực, (xem Ma-thi-ơ 24:13; Ga-la-ti 6:9)! Ông Ê-t-vát (Jonathan Edwards) tuyên bố “Bằng chứng của sự chọn lựa là kiên trì nắm giữ cho đến cùng”. Ông Con-nơ (W. T. Conner) nói, “Sự cứu rỗi của con người được chọn trong hoạch định của Đức Chúa Trời từ ngàn xưa - nhưng tuy nhiên sự bền đỗ và chiến thắng phụ thuộc và mức độ đức tin cá nhân, xem Chủ Đề Đặc Biệt câu 2:2.

} **“Ta sẽ cho ăn trái cây sự sống trong Pa-ra-đi của Đức Chúa Trời.”** Câu này liên tưởng tới cây sự sống trong vườn Ê-đen (xem Gen 2:9). Con người bắt đầu với sự tương giao với Chúa và sinh vật trong vườn Ê-đen, Kinh Thánh cũng kết thúc như vậy, (xem Ê-sai 11:6-9; Khải Huyền 22:2,14,19).

Thuật ngữ Pa-ra-đi từ tiếng Ba-tur (Iran) nói về một căn vườn có hàng rào của người giàu có sang trọng, mà trong bản Bảy Mươi được dịch là vườn Ê-đen, (xem Ê-xê-chiên 28:13; 31:8). Đây là một trong những dẫn dụ về Kỷ Nguyên Công Chính của Đấng Christ, được thấy từ các bức thư cho bảy hội thánh .

Thuật ngữ Pa-ra-đi có hai cách sử dụng:

(1) Nơi dành cho người công chính trong Sê-ôn / Ha-des (Sheol / Hades), Lu-ca 23:4 , xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1:8. Chúa Giê-su phán cho kẻ cướp cùng bị đóng đinh, nhưng ăn năn: “Hôm nay ngươi sẽ ở với Ta trong Pa-ra-đi”. Chúa Giê-su chưa về thiên đàng tới 40 ngày sau. xem Giăng 20:17)

(2) Nơi trước mặt Đức Chúa Trời , câu II Cô-rin-tô 12:3 (thiên Đàng Thứ 3)

Mục đích của Đức Chúa Trời cho nhân loại là sự sống đời đời ... Câu chuyện tội lỗi khởi đầu và cả Kinh Thánh đều nói về sự hứa nguyện cứu chuộc và tương giao của Đức Chúa Trời đối với con người - tạo dựng trong hình ảnh của Ngài, (Sáng Thế 1:26-27). Thế gian băng hoại ngày hôm nay - một khoảng trống trong sự thông công, không phải là ý muốn của Chúa, nhưng là sự ô nhục của con người. Đức Chúa Trời sẽ hồi phục Tạo Hóa theo đúng chương trình, hoạch định của Ngài.

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 2:8-11**

**<sup>8</sup>“Hãy viết cho thiên sứ của hội thánh Si-mi-êc-nơ rằng: Đây là lời phán của Đấng Đầu Tiên và Cuối Cùng, Đấng đã chết và đã sống lại: <sup>9</sup>“Ta biết sự hoạn nạn và nghèo khó của con, nhưng thật ra con giàu có! Ta**

**biết những lời phỉ báng của những kẻ tự xưng là người Do Thái mà thật sự không phải, nhưng chúng thuộc về nhà hội của Sa-tan.** <sup>10</sup>Con đừng sợ những gian khổ mình sắp trải qua. Nay, ma quỷ sắp ném một số người trong các con vào ngục tù để thử thách các con; và các con sẽ bị hoạn nạn trong mười ngày. Hãy trung tín cho đến chết, rồi Ta sẽ ban cho con mả triều thiên của sự sống.’ <sup>11</sup>Ai có tai, hãy nghe lời Thánh Linh phán với các hội thánh : ‘Người nào thắng sẽ không bị hại bởi sự chết thứ hai.’

**2:8 “Đấng Đầu Tiên và Cuối Cùng”** Đây là một danh hiệu được nhắc đi nhắc lại 1:17 and 22:13 dành cho Chúa Giê-su và dành cho Đức Giê-hô-va (xem Ê-sai 41:4; 44:6; 48:12) ... Nó tương đương với câu Ta là An-pha và là Ô-mê-ga (xem 1:8; 21:6; 27:13) cũng như “Khởi Đầu Và Kết Thúc”, (xem 21:6; 22:13 xem thêm ghi chú ở câu 1:8)

**“Đấng đã chết và đã sống lại”** Đây có thể là một cách phân biệt đạo thờ Xy-bên (Cybele), thần phụ mẫu. Nhiều đạo thờ thần mùa màng dựa vào thế giới quan về các mùa được nhân cách hóa: Mùa đông cho sự chết, mùa xuân cho sự sống lại. Trong bối cảnh này, cùng với các câu 1:18; 5:6, Chúa Giê-su là chiên con bị giết nhưng nay đang sống. Điều này nhấn mạnh Chúa Giê-su chết thay và phục sinh một lần đủ cả, chứ không phải chết đi sống lại (xem Hê-bơ-rơ 7:27; 9:12,28; 10:10).

**2:9 “Ta biết sự hoạn nạn và nghèo khó của con”** Hoạn nạn và nghèo khó là hai thuật ngữ được nhấn mạnh trong bản Hy-lạp, bởi vì theo bối cảnh thành phố Si-miéc-na là thành phố giàu có. Tình trạng nghèo khó của hội thánh là hậu quả của sự bất bớ về kinh tế. Trong chủ đề chính của Khải Huyền, các tín đồ chịu con bất bớ bởi tay của những người vô tín và kẻ ác, và những người vô tín sẽ chịu con thịnh nộ bởi tay Đức Chúa Trời, xem ghi chú 7:14. Tín đồ được đánh dấu và được bảo vệ khỏi con thịnh nộ, xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 7:22)

### **Chủ Đề Đặc Biệt: HOẠN NẠN / TRIBULATION (thlipsis)**

Có sự khác biệt trong cách sử dụng thuật ngữ này giữa Giăng và Phao-lô. .

#### **A. Cách sử dụng của Pao-lô (cũng như của Chúa Giê-su)**

1. nan đề, chịu nhục, sự ác trong thế gian tội lỗi
  - a. Ma-thi-ơ 13:21
  - b. Rô-ma 5:3
  - c. 1 Cô-rin-tô 7:28
  - d. 2 Cô-rin-tô 7:4
  - e. Ê-phê-sô 3:13
2. nan đề, chịu nhục, sự ác trong thế gian gây ra bởi người chưa tin
  - a. Rô-ma 5:3; 8:35; 12:12
  - b. 2 Cô-rin-tô 1:4,8; 6:4; 7:4; 8:2,13
  - c. Ê-phê-sô 3:13
  - d. Phi-líp 4:14
  - e. 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:6
  - f. 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:4
3. nan đề, chịu nhục, sự ác thời tận thế.
  - a. Ma-thi-ơ 24:21,29
  - b. Mác 13:19,24
  - c. 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:6-9

#### **B. Cách sử dụng của Giăng**

1. Giăng phân biệt các thuật ngữ, giữa *thlipsis* và *orgē* hoặc *thumos* (thịnh nộ) trong Khải Huyền. *Thlipsis* là những gì thế gian gây ra cho tín đồ, và *orgē* và *thumos* là những gì Đức Chúa Trời sẽ giáng trên người vô tín.
  - a. *thlipsis* – Khải Huyền 1:9; 2:9-10,22; 7:14

b. *orgē* – Khải Huyền 6:16-17; 11:18; 16:19; 19:15

c. *thumos* – Khải Huyền 12:12; 14:8,10,19; 15:1,7; 16:1; 18:3

2. Giảng cũng sử dụng thuật ngữ này trong Phúc Âm để phản ánh những gì mà tín đồ phải trải nghiệm trong bất cứ mọi thế hệ, – Giảng 16:33.

} "(nhưng các người giàu có)" – Gia sản tín đồ không được cân đo bởi tiêu chuẩn thế gian, (xem Ma-thi-ơ 6:33)

} **RVV 2011: lời phỉ báng**

**NASB, NKJV “xúc phạm, báng bổ”**

**NRSV, NJB “vu khống”**

**TEV “tất cả các điều xấu nói về các người”**

Theo nghĩa đen, từ “xúc phạm, báng bổ, chửi rủa, mắng nhiếc, rủa xả” đối với con người, được mở rộng ra theo Cựu Ước là “phạm thượng, lộng ngôn” đối với Đức Giê-hô-va (xem Lê-vi 24:13-23). Hai lần trong Cựu Ước, thuật ngữ “phước hạnh” (*barak*) được dùng trong ý nghĩa phạm thượng (xem I Các Vua 21:10,13). Trong ngữ cảnh, những người sùng đạo Do-thái tự cho mình chúc phước cho Chúa nhưng thực ra họ là có vấp phạm, dẫn đến sự phạm thượng trong dân ngoại, (xem Ma-thi-ơ 7:21-23).

} **“tự xưng là người Do Thái mà thật sự không phải”** cũng câu tương tự được thấy ở câu 3:9; Rõ ràng có một số người dân tộc chủ nghĩa tự xưng mình là dân tuyển của Đức Chúa Trời, nhưng thực ra không phải vậy, (xem Giảng 8:44; Rô-ma 2:28-29; Ga-la-ti 3:29; 6:16). Từ Công vụ tới Ga-la-ti, chúng ta thấy những người Do-thái chống cự sự công bố tin mừng một cách cuồng tín, (xem Công Vụ 13:50; 14:2, 5, 19; 17:5).

Khải Huyền 2:13 gọi ý những người sùng bái hoàng đế đòi hỏi tín đồ Cơ-đốc xưng hoàng đế là chúa và đốt hương thờ lạy hoàng đế mỗi năm một lần.

} **“nhà hội của Sa-tan”** trong cả Khải Huyền, Giảng miêu tả Đức Chúa Trời và Sa-tan trong sự khác biệt, (xem 2:9,13; 3:9; 12:9,10; 20:2,7). Sa-tan là kẻ vu khống tín đồ và xúi giục thế gian bắt bớ họ. Sự tranh chiến, hay yếu tố nhị nguyên là những gì rất đặc trưng cho văn chương Khải thị. Đây là cuộc chiến trận thuộc linh nhằm khống chế tâm trí và tấm lòng của con cái A-đam.

**2:10 “dừng sợ”** Đây là mệnh lệnh thức trung cách (hoặc thụ động) với giới từ phủ định, có nghĩa rằng hãy dừng một hành động đang tiếp diễn. Các hội thánh ở thành phố Si-mi-ệc-na đang hoang mang. Sự bắt bớ chính lại là dấu hiệu cứu rỗi và phước hạnh của Đức Chúa Trời, (xem Ma-thi-ơ 5:10-12).

} **“ma quỷ sắp ném một số người trong các con vào ngục tù”** Sau mỗi một lãnh tụ hung ác đều có một quyền lực siêu nhiên tăm tối, (xem Ê-phê-sô 6:10-19).

Sa-tan là danh hiệu của ma quỷ từ Cựu Ước, hấn được Chúa cho phép mời con người tới con đường phản nghịch, ích kỷ, rồi kiện cáo khi họ đầu phục sự cám dỗ, (xem Sáng Thế 3; Gióp 1-2; Zechiah 3). Có một sự phá triển điều ác trong Cựu Ước: Sa-tan được tạo dựng làm tôi tớ của Đức Chúa Trời, nhưng hấn dần dần trở nên kẻ thù của Ngài, (xem *An Old Testament Theology* by A. B. Davidson p. 300-306).

Trong Ê-sai 14 và Ê-xê-chiên 28, với ngôn ngữ biểu tượng rất cao, người ta lấy hình ảnh vị vua Ba-by-lon hay vua Ti-rơ, làm biểu tượng cho Sa-tan kiêu ngạo, tự cao và bị hạ bệ. Ê-xê-chiên miêu tả điều này trong bối cảnh của vườn Ê-đen. Thật khó hiểu làm sao ông đặt một vị vua xác thịt, ngoại bang, xấu xa vào vị thế của một thiên sứ trong vườn Ê-đen, nhưng trong chương 31, Ê-xê-chiên cũng dùng một cây cỏ thụ thật lớn trong vườn Ê-đen để miêu tả vua Pha-ra-ô của Ai-cập.

Tất cả mọi tín đồ đều mong muốn được biết nguồn gốc Đức Chúa Trời, thiên sứ, ma quỷ, sự ác. Chúng ta phải rất cẩn thận khi sử dụng các ẩn dụ và biểu tượng tiên tri làm nền tảng giáo điều độc đoán. Nhiều tín lý thần học, tự do hay bảo thủ, đều được xây dựng bởi vài câu Kinh Thánh rời rạc cộng với định kiến hiện đại. (Dante and Milton).

Trong Tân Ước, Sa-tan còn được gọi là ma quỷ, (xem 12:9,12; 20:2,10) - một thuật ngữ tiếng Hy-lạp có

nghĩa là kẻ “tố tụng”, “vu khống”, phản ánh sứ mạng của hắn là cám dỗ và kiện cáo. Các thuật ngữ này mang tính tương đồng trong cả sách Khải Huyền, (xem 12:9; 20:2), xem Chủ Đề Đặc Biệt: Hiện thân của Điều Ác ở câu 12:9

} **“để thử thách các con”** Thuật ngữ này có thể hiểu theo hai nghĩa: (1) tín đồ được thử để biểu lộ đức tin và để đức tin được mạnh mẽ hơn (xem 2:10; Công Vụ 14:27; Rô-ma 5:3-4; 8:17-19; Hê-bơ-rơ 5:8; Gia-cơ 1:2-4; I Phi-ê-rơ 4:12-19); (2) người thế gian bị thử thách để phơi bày sự vô tin và vì vậy xứng đáng sự đoán phạt (xem 3:10). Trong Khải Huyền, tín đồ phải chịu sự bắt bớ của thế gian (xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 2:9), còn thế gian phải chịu cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời.

Có hai thuật ngữ Hy-lạp dùng cho “thử thách” hay “cám dỗ”. Thuật ngữ thứ nhất là thử thách để phán xét (*peirasmos, peirasmo*), thuật ngữ thứ hai là thử thách để khen thưởng (*dokimos, dokimazo*). Sa-tan thử thách tín đồ để phán xét, Đức Chúa Trời thử thách tín đồ để tăng sức mạnh của họ, (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 2:4; I Phi-ê-rơ 1:7; Sáng Thế 22:1; Xuất Hành 16:4; 20:20; Phục Truyền 8:2,16; 13:3; Quan Xét 2:22; II Sứ Ký 32:31), xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 2:2.

} **“mười ngày”** Có nhiều ý kiến “thế nào là 10 ngày?”

1. Có thể đây là 10 ngày theo nghĩa đen là giai đoạn bắt bớ ở Si-miêc-na thời Giảng sống.
2. Có thể đây là một giai đoạn bắt bớ tối đa, bởi số mười là biểu tượng của sự trọn vẹn ...
3. Có thể đây là một giai đoạn bắt bớ không chi tiết.

Dù giải thiết nào hợp lý, một điều đáng mừng là sự bắt bớ có giới hạn và sẽ kết thúc.

Tuy nhiên, văn chương Khải thị luôn bí ẩn trong việc một con số có dụng ý nghĩa đen hay nghĩa bóng. Các con số thường xuất hiện là 3, 4, 6, 7, 10, 12 và các cấp số nhân (xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1:4)

} **“Hãy trung tín cho đến chết”** Mệnh lệnh thức, trung cách hay thụ động thì hiện tại, có nghĩa tín đồ hãy tiếp tục niềm tin dù có thể phải hy sinh, (xem Ma-thi-ơ 2:13; 12:11; 10:22; 24:13; Lu-ca 12:4; Ga-la-ti 6:9). Một số tín đồ đã phải tử đạo. Đây là một nghịch lý về sự tể trị của Đức Chúa Trời và sự trải nghiệm của con các Ngài trong thế gian.

} **“Ta sẽ ban cho con mào triều thiên của sự sống”** Mào triều thiên giành cho người chiến thắng được gọi là “*stephanos*” (xem I Cô-rin-tô 9:25). Đây là phần thưởng cho những người tử đạo Chúng ta được biết qua Êu-sê-bi-út (Eusebius’ *Ecclesiastical History*, 4:15, rằng có nhiều người phải trả giá bằng sinh mạng, kể cả giám mục Pô-li-cáp (Polycarp) ở Si-miêc-na. Có hai mào miện khác (phần thưởng) được nhắc tới trong Tân Ước (xem II Ti-mô-thê 4:8; Gia-cơ 1:12; I Phi-ê-rơ 5:4; Khải Huyền 3:11).

Giảng sử dụng thuật ngữ sự sống (*zo*), nói về sự sống đời đời, sự sống phục sinh, (xem Giảng 1:4; 3:15,36; 4:14,36; 5:24,26,29,39,40; 6:27,33,35,40,47,48,51,53,54,63,68; 8:12; 10:10,28; 11:25; 12:25,50; 14:6; 17:2,3; 20:31; Khải Huyền 2:7,10; 3:5; 13:8; 17:8; 20:12,15; 21:6,27; 22:1,2,14,17,19). Sự sống thực mang nhiều ý nghĩa hơn là đời sống thuộc thế.

### **Chủ Đề Đặc Biệt: MỨC ĐỘ THƯỞNG PHẠT .**

#### **special topic: degrees of rewards and punishment**

A. Thái độ đối với Đức Chúa Trời lệ thuộc vào sự hiểu biết. Sự hiểu biết càng kém thì trách nhiệm càng ít hơn, và ngược lại, (xem Lu-ca 12:45).

B. Sự hiểu biết về Chúa dựa trên hai điều:

1. Tạo Hóa (xem Thi Thiên 19; Rô-ma 1-2)
2. Kinh Thánh (xem Thi Thiên 19; 119; Chúa Giê-su, được bày tỏ trong Tân Ước)

C. Thưởng, Phạt trong Cựu Ước

1. Thưởng
  - a. Sáng Thế 15:1 (liên hệ tới tài sản, đất đai, con trai)

b. Lê-vi 26:1-13; Phục Truyền 28:1-14,58-68 (Vâng phục giao ước được hưởng phước.)

c. Đa-ni-ên 12:3

2. Phạt – Lê-vi 26:14-39; Phục Truyền 27:15-26; 28:15-37 (Bất tuân giao ước hứng chịu rủa xà)

3. Khuôn mẫu thưởng phạt trong Cựu Ước được điều chỉnh bởi tội lỗi. Sự sửa đổi được thấy trong Gióp và Thi Thiên 73 (hai sự lựa chọn, Phục Truyền 30:15,19; Thi Thiên 1). Tân Ước nhấn mạnh trọng tâm của vấn đề: không chỉ ở hành động, nhưng ở ngay trong sự suy nghĩ, ý tưởng. (Bài giảng trên núi Ma-thi-ơ 5-7).

#### D. Thưởng, Phạt trong Tân Ước

##### 1. Thưởng (ngoài sự cứu rỗi)

a. Mác 9:41

b. Ma-thi-ơ 5:12,46; 6:1-4,5-6,6-18; 10:41-42; 16:27; 25:14-23

c. Lu-ca 6:23,35; 19:11-19,25-26

##### 2. Phạt

a. Mác 12:38-40

b. Lu-ca 10:12; 12:47-48; 19:20-24; 20:47

c. Ma-thi-ơ 5:22,29,30; 7:19; 10:15,28; 11:22-24; 13:49-50; 18:6; 25:14-30

d. Gia-cơ 3:1

E. Tôi thử giải thích với ví dụ của một vở nhạc kịch. Vì không xem nhạc kịch nhiều nên tôi không hiểu nó. Khi càng hiểu biết mức độ khó khăn, phức tạp của kịch tính, âm nhạc, điệu múa một cách tổng hợp, tôi càng cảm thấy quý trọng thể loại nghệ thuật này. Tôi biết chúng ta sẽ có nhận được chén rượu ngon trên thiên đàng, nhưng kích thước của chén ấy phụ thuộc vào mức độ phục vụ của chúng ta trên trần gian, (xem Ma-thi-ơ 16:7; Lu-ca 12:48; 1 Cô-rin-tô 3:8,14; 9:17,18; Ga-la-ti 6:7; 2 Ti-mô-thê 4:14). Có một định luật thuộc linh trong Kinh Thánh: gieo gì hái nấy, càng gieo nhiều, càng hái bội, (xem Ma-thi-ơ 13:8,23).

F. "Mão miện công nghĩa" đã ban cho chúng ta bởi công việc kết thúc của Chúa Giê-su, (xem 2 Ti-mô-thê 4:8), Nhưng "mão miện sự sống" được liên hệ tới sự trường tồn, bền đỗ qua thử thách (xem Gia-cơ 1:12; Khải Huyền 2:10; 3:10-11). "Mão miện vinh hiển" dành cho các lãnh đạo thuộc linh, nhưng liên hệ tới nếp sống của họ (xem 1 Phi-ê-rơ 5:1-4). Phao-lô biết mình có mão miện, nhưng thực hành nếp sống hết sức tự kiểm chế (xem 1 Cô-rin-tô 9:24-27).

Điều huyền bí của đời sống Cơ-đốc nhân là trong khi Phúc Âm hoàn toàn miễn phí - bởi công việc đã kết thúc trong Đấng Christ - chúng ta phải tiếp nhận cả món quà cứu rỗi và quyền năng sống đạo. Sống đạo là bằng chứng năng quyền siêu nhiên không kém năng quyền của sự cứu rỗi. Chúng ta phải tiếp nhận và nắm chắc. Nghịch lý: "tuy miễn phí nhưng phải tận hiến" giải thích điều bí ẩn của sự "khen thưởng và gieo gặt" Chúng ta không được cứu bởi công đức, nhưng được cứu để phục vụ (xem Ê-phê-sô 2:8-10). Sự phục vụ là bằng chứng chúng ta gặp Ngài, (xem Ma-thi-ơ 7). Công đức cá nhân là niềm vấp phạm trong khía cạnh cứu rỗi, nhưng sự sống đạo thực hữu sẽ được khen thưởng.

**2:11 "Người nào thắng"** Đây là sự khích lệ trung tín, được lặp đi lặp lại trong Khải Huyền, (xem 2:7,17,26; 3:5,12,21; 21:7), nhấn mạnh sự bền đỗ, xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 2:2).

} **"sẽ không bị hại bởi sự chết thứ hai"** Chúng ta quan sát thấy cấu trúc phủ nhận kép, với lối bàn thái thụ động thì quá khứ, nói lên sự quan tâm của Đức Chúa Trời đối với những người bị tử đạo ... Sự chết lần hai ám chỉ địa ngục, (xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1:18), hoặc sự chia ly đời đời với Đức Chúa Trời, (xem Khải Huyền 20:6,14; 21:8).

} **"Ai có tai, hãy nghe"** Một sự nhắc nhở lặp đi lặp lại về sự tỉnh thức và phán quyết, (xem 2:7,11,17,29; 3:6,13,22; 13:9).

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 2:12-17**

<sup>12</sup>**"Hãy viết cho thiên sứ của hội thánh Pẹt-gã-m-răng: Đây là lời phán của Đấng có thanh gươm hai lưỡi**

**thật sắc:** <sup>13</sup>“Ta biết nơi con ở; chỗ đó là ngai của Sa-tan. Con đã giữ vững danh Ta và không chối bỏ đức tin nơi Ta, ngay cả trong những ngày An-ti-pa, chứng nhân trung thành của Ta bị giết tại chỗ các con, nơi Sa-tan cư ngụ. <sup>14</sup>Nhưng Ta có vài điều trách con: Nơi con ở có những kẻ đi theo sự dạy dỗ của Ba-la-am, người đã dạy Ba-lác đặt đá vấp chân trước mặt các con cái Y-so-ra-ên để họ ăn của cúng thần tượng và phạm tội gian dâm. <sup>15</sup>Con lại cũng có những kẻ theo sự dạy dỗ của Ni-cô-la. <sup>16</sup>Vậy, hãy ăn năn đi! Nếu không, Ta sẽ nhanh chóng đến với con, dùng thanh gươm từ miệng Ta mà giao chiến với chúng.”

<sup>17</sup>Ai có tai, hãy nghe lời Thánh Linh phán với các hội thánh : ‘Người nào thắng, Ta sẽ ban cho ma-na đang giấu kín; Ta sẽ cho người ấy một viên sỏi trắng, trên đó có viết một tên mới, ngoài người nhận thì không ai biết được.’”

**2:12 “Đấng có thanh gươm hai lưỡi thật sắc”** Gươm hai lưỡi cũng được miêu tả về Chúa Giê-su ở câu 1:16. Đây là ẩn dụ từ Cựu Ước về Đức Giê-hô-va (xem Ê-sai 11:4; 49:2). Trong Tân Ước, gươm hai lưỡi là biểu tượng về sức mạnh xuyên thấu của lời Chúa, (xem 2:16; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:8; Hê-bơ-rơ 4:12).

**2:13 “Ta biết nơi con ở”** Thuật ngữ “ở” trong Cựu Ước có nghĩa là “sống cố định, lâu dài với một ai”. Những tín đồ thành Pê-t-găm đang phải đối diện với sự bất bớ bởi chính quyền và ma quỷ. Chúa Giê-su biết rõ hoàn cảnh khó khăn của họ, và ở cùng với họ.

} **“chỗ đó là ngai của Sa-tan”** Có một vài cách giải thích câu này.

1. Có thể nói về ngai được dựng cho thần Xê-út (Zeus) ở Pê-t-găm
2. Có thể nói về biểu tượng con rắn của thần y dược Ác-lê-pi-ôt (Asclepios)
3. Có thể vì thành Pê-t-găm có hình dáng giống như một ngai, bởi vì vệ thành cao hơn thềm phố mấy chục mét.
4. Có thể nói về Côn-xi-lia (Concilia), một tổ chức địa phương quảng bá đạo thờ hoàng đế.

Theo bối cảnh lịch sử, giả thiết 1 và 4 có vẻ hợp lý nhất.

} **“Con đã giữ vững danh Ta”** Động từ chỉ định, chủ động thì hiện tại, nói về tầm quan trọng của danh tên dính liền với nhân tính của một con người, (xem Giăng 1:12; 3:18; Rô-ma 10:9-13) Các tín đồ tin cậy bởi xưng nhận Danh Thánh của Chúa, (xem Sáng Thế 4:26; 12:8; 26:25) và bền bỉ trong Danh Ấy (xem Giăng 17:11-12)

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: DANH CỦA CHÚA / Names of Deity**

Đây là một cụm từ thông dụng trong Tân ước để chỉ sự hiện diện cá nhân và quyền năng hành động của Ba Ngôi Đức Chúa Trời trong hội thánh. Nó không phải là một câu thần chú, nhưng là một lời cầu khẩn đến bản tính của Đức Chúa Trời.

Thông thường, cụm từ này chỉ Chúa Jê-sus là Chúa (Phi-líp 2:11)

1. Khi xưng nhận đức tin nơi Chúa Jê-sus tại lễ báp-têm (Rô-ma 10:9-13; Công-vụ 2:38; 8:12, 16; 10:48; 19:5; 22:16; I Cô-rinh-tô 1:13, 15; Gia-cơ 2:7)
2. Khi đuổi quỷ (Ma-thi-ơ 7:22; Mác 9:38; Lu-ca 9:49; 10:17; Công-vụ 19:13)
3. Khi chữa bệnh (Công-vụ 3:6, 16; 4:10; 9:34; Gia-cơ 5:14)
4. Khi làm mục vụ (Ma-thi-ơ 10:42; 18:5; Lu-ca 9:48)
5. Khi khiển trách trong hội thánh (Ma-thi-ơ 18:15-20)
6. Khi giảng cho người ngoại (Lu-ca 24:47; Công-vụ 9:15; 15:17; Rô-ma 1:5)
7. Khi cầu nguyện (Giăng 14:13-14; 15:2, 16; 16:23; I Cô-rinh-tô 1:2)
8. Một cách để chỉ Cơ đốc giáo (Công-vụ 16:9; I Cô-rinh-tô 1:10; II Ti-mô-thê 2:19; Gia-cơ 2:7; I Phi-e-rơ 4:14)

Khi chúng ta làm việc trong bất cứ cương vị nào: người rao truyền, mục vụ, người giúp đỡ, chữa lành, đuổi quỷ, vân vân... chúng ta làm việc trong bản tính của Ngài, quyền năng, và sự cung ứng của Ngài - tức trong danh Ngài.

} “**không chối bỏ đức tin nơi Ta**” Động từ chỉ định trung cách thì quá khứ. Trong những thế kỷ đầu tiên và suốt cả quá trình lịch sử, nhiều người buộc phải từ chối Chúa Giê-su để cứu tài sản hoặc mạng sống khi bị đem ra pháp trường. Hội thánh luôn gặp khó khăn khi tìm cách giải quyết những trường hợp bội đạo này.

**CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC TIN (*PISTIS* [danh từ], *PISTEUŌ*, [động từ], *PISTOS* [tính từ])**

- A. Đây là chữ rất quan trọng của Kinh Thánh (xem Hê-bơ-rơ 11:1,6). Nó là chủ đề cho những bài giảng lúc ban đầu của Đức Chúa Giê-xu (xem Mác 1:15). Có ít nhất hai đòi hỏi của giao ước mới: sự ăn năn và đức tin (xem 1:15; Công-vụ 3:16,19; 20:21).
- B. Từ nguyên (nguồn gốc của từ ngữ)
1. Chữ “đức tin” trong Cựu ước có nghĩa là trung thành, trung thực hay là đáng tin cậy là sự mô tả bản tính của Đức Chúa Trời, chứ không phải con người chúng ta.
  2. Nó phát xuất từ chữ Do thái (*emun, emunah*) có nghĩa là “chắc chắn” hay là “ổn định”. Đức tin cứu rỗi là sự tán thành trong tâm trí (những chân lý, lẽ thật), đời sống đạo đức (lối sống) và hơn nữa là sự cam kết liên hệ (sẵn sàng tiếp đón) với một người nào đó, một cam kết tự nguyện (một quyết định) dành cho một người nào đó.
- C. Cách sử dụng trong Cựu ước
- Cần phải nhấn mạnh rằng đức tin của Áp-ra-ham không đặt nơi Đấng Mê-si-a sẽ đến trong tương lai, nhưng là nơi những lời hứa của Đức Chúa Trời rằng ông sẽ có một đứa con và dòng dõi (xem Sáng-thê Ký 12:2; 15:2-5; 17:4-8; 18:14). Áp-ra-ham đáp ứng với lời hứa này bằng cách tin cậy nơi Đức Chúa Trời. Ông vẫn có những nghi vấn và trở ngại về lời hứa này, phải chờ đợi mười ba năm để hoàn thành. Đức tin của ông không trọn vẹn, tuy vậy vẫn được Đức Chúa Trời chấp nhận. Đức Chúa Trời sẵn sàng đồng công với con người sa ngã đáp ứng với Ngài và những lời hứa của Ngài bởi đức tin, ngay cả khi đức tin chỉ bằng hột cải (xem Ma-thi-ơ 17:20).
- D. Cách sử dụng trong Tân ước
- Chữ “tin” phát xuất từ chữ Hy Lạp (*pisteuō*) được dịch là “tin”, “đức tin” hay là “tin cậy”. ví dụ dạng danh từ không xuất hiện trong Phúc âm Giăng, nhưng dạng động từ lại được thường sử dụng. Trong Giăng 2:23-25 có sự mơ hồ về tính chân thật của đám đông xác nhận Giê-xu người Na-xa-rét là đấng Mê-si-a. Những ví dụ khác về cách sử dụng chữ “tin hời hợt” là Giăng 8:31-59 và Công-vụ 8:13,18-24. Đức tin chân thật theo như Kinh Thánh thì nhiều hơn chỉ là đáp ứng ban đầu. Nó cần phải được tiếp tục bằng một quá trình môn đệ hóa sau đó (xem Ma-thi-ơ 13:20-22,31-32).
- E. Cách sử dụng như là GIỚI TỪ (PREPOSITIONS)
1. *eis* có nghĩa là “vào trong”. Cấu trúc độc đáo này nhấn mạnh những tín hữu đặt sự tin cậy/đức tin trong Đức Chúa Giê-xu
    - a. vào trong danh Ngài (Giăng 1:12; 2:23; 3:18; I Giăng 5:13)
    - b. vào trong Ngài (Giăng 2:11; 3:15,18; 4:39; 6:40; 7:5,31,39,48; 8:30; 9:36; 10:42; 11:45,48; 17:37,42; Ma-thi-ơ 18:6; Công-vụ 10:43; Phi-líp 1:29; I Phi-e-rơ 1:8)
    - c. vào trong Ta (Giăng 6:35; 7:38; 11:25,26; 12:44,46; 14:1,12; 16:9; 17:20)
    - d. vào trong Đức Chúa Con (Giăng 3:36; 9:35; I Giăng 5:10)
    - e. vào trong Đức Chúa Giê-xu (Giăng 12:11; Công-vụ 19:4; Ga-la-ti 2:16)
    - f. vào trong Sự sáng (Giăng 12:36)
    - g. vào trong Đức Chúa Trời (Giăng 14:1)
  2. *en* có nghĩa là “trong” giống như tại Giăng 3:15; Mác 1:15; Công-vụ 5:14
  3. *epi* có nghĩa là “trong” hay là ở trên, giống như tại Ma-thi-ơ 27:42; Công-vụ 9:42; 11:17; 16:31; 22:19; Rô-ma 4:5,24; 9:33; 10:11; I Ti-mô-thê 1:16; I Phi-e-rơ 2:6
  4. dạng TẶNG CÁCH không có GIỚI TỪ (DATIVE CASE with no PREPOSITION) giống như trong Ga-la-ti 3:6; Công-vụ 18:8; 27:25; I Giăng 3:23; 5:10
  5. *hoti*, có nghĩa là “tin rằng”, cho biết điều tin cậy.
    - a. Đức Chúa Giê-xu là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời (Giăng 6:69)
    - b. Đức Chúa Giê-xu là Ta Là (Giăng 8:24)
    - c. Đức Chúa Giê-xu ở trong Đức Chúa Cha và Đức Chúa Cha ở trong Ngài (Giăng 10:38)
    - d. Đức Chúa Giê-xu là Đấng Mê-si-a (Giăng 11:27; 20:31)

- e. Đức Chúa Giê-xu Con của Đức Chúa Trời (Giăng 11:27; 20:31)
- f. Đức Chúa Giê-xu được Đức Chúa Cha sai đến (Giăng 11:42; 17:8,21)
- g. Đức Chúa Giê-xu là một với Đức Chúa Cha (Giăng 14:10-11)
- h. Đức Chúa Giê-xu đến từ Đức Chúa Cha (Giăng 16:27,30)
- i. Đức Chúa Giê-xu xác nhận chính Ngài trong danh hiệu giao ước của Đức Chúa Cha, “Ta Là” (Giăng 8:24; 13:19)
- j. Chúng ta sẽ sống với Ngài (Rô-ma 6:8)

**ĐỨC CHÚA GIÊ-XU ĐÃ CHẾT VÀ ĐÃ SỐNG LẠI (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:14)**

} **“An-ti-pa, chứng nhân trung thành của Ta ”** Chúng ta không có thông tin về người này. Danh hiệu chứng nhân cũng được dùng cho Chúa Giê-su trong câu 5:1. Chứng nhân cũng có thể hiểu là người tử đạo, (xem 11:3; 17:6). Giám mục Tê-tu-li-an (Tertullia, 150-225) nói rằng An-ti-pa bị thiêu đốt trong tượng con bò, nhưng đây là huyền thoại theo truyền thống sau này.

**2:14 “Nhưng Ta có vài điều trách con”** Chúa Giê-su phê phán 6 trong 7 hội thánh . Sự công chính trong một số lĩnh vực không thể dùng để thanh minh cho sự bất chính trong những lĩnh vực khác!

} **“Nơi con ở có những kẻ đi theo sự dạy dỗ của Ba-la-am”** Ba-la-am là một nhà tiên tri của Đức Chúa Trời (xem Dân Số 24:2), bị cám dỗ làm thoái hóa dân sự I-sơ-ra-en , (xem Dân Số 22-25 and 31:16). Ông bị phán xét trong cả Cựu Ước và Tân Ước, (xem Dân Số 31:16; II Phi-ê-rơ 2:15; Giu-đe 11).

Cũng có thể tên Ba-la-am trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là “người chiến thắng” và tên “Ni-cô-la” (gần giống tên Ni-cô-đem trong Giăng 3) cũng có ý nghĩa tương tự trong tiếng Hy-lạp ) Điều này giúp xác nhận hành động dâm loạn của cả hai nhóm (xem Jezebel, 2:20).

} **“người đã dạy Ba-lác đặt đá vấp chân trước mặt các con cái Y-sơ-ra-ên”** Ba-la-am xui khiến vua Ba-lác của Mô-áp mời dân I-sơ-ra-en thờ phượng thần tượng thần Ba-anh, (xem Dân Số 25:1-3). Sự thực hành tôn giáo vô đạo đức tiếp tục phát triển trong các ngoại giáo thế kỷ thứ nhất.

**Chủ Đề Đặc Biệt I-sơ-ra-en (tên gọi) / I-SO-RA-EN (the name)**

I. Ý nghĩa của tên “I-sơ-ra-en ” không được sáng tỏ, (BDB 975, KB 442), có thể là:

- A. Đức Chúa Trời kiên gan, bền bỉ (El Persists)
- B. Hãy cho phép Đức Chúa Trời kiên gan, bền bỉ (Let El Persist (jussive))
- C. Đức Chúa Trời bảo tồn (El Preserves)
- D. Hãy cho phép Đức Chúa Trời tranh chiến.)(Let El Contend)
- E. Đức Chúa Trời đấu tranh ( El Strives)
- F. Người đấu tranh với Đức Chúa Trời (He who strives with God) (cách chơi chữ từ Sáng Thế 32:28)
- G. đáng tin cậy (IDB, vol. 2, p. 765)
- H. thành công
- I. hạnh phúc

II. Cách dùng trong Cựu Ước

- A. Tên mới của Gia-cốp (có nghĩa là người hắt cẳng, BDB 784, KB 872, xem Sáng Thế 25:26), được thay đổi sau con vật lộn với một nhân vật thần linh tại suối Gia-bốc, (xem Sáng Thế 32:22-32; Xuất Hành 32:13). Nhiều khi tên theo tiếng Hê-bơ-rơ mang tính chất phát âm nhiều hơn là từ nghĩa (xem Sáng Thế 32:28). "I-sơ-ra-en " trở nên tên gọi của Gia-cốp (ví dụ, Sáng Thế 35:10).
- B. I-sơ-ra-en là tên gọi chung cho cả 12 bộ tộc con cái Gia-cốp. (ví dụ, Sáng Thế 32:32; 49:16; Xuất Hành 1:7; 4:22; 28:11; Phục Truyền 3:18; 10:6).
- C. Là danh hiệu của dân tộc được hình thành trước và sau Xuất Hành , (xem Sáng Thế 47:27; Xuất Hành 4:22; 5:2) (xem Phục Truyền 1:1; 18:6; 33:10).
- D. Là tên gọi các bộ tộc theo Rê-hô-bô-am sau thời Sau-lơ, Đa-vít và Sô-lô-môn, (xem 1 Các Vua 12).
  - 1. Sự phân biệt xảy ra từ trước thời điểm chính thức chia ly. (ví dụ, II Sa-mu-ên 3:10; 5:5; 20:1; 24:9; 1 Các Vua 1:35; 4:20)



2. Các bộ tộc phía bắc cho đến khi thủ đô của họ là Sa-ma-ri rơi vào tay A-si-ri-a 722 b.c, (xem 2 Các Vua 17).

E. nói về Giu-đa ở một số đoạn (ví dụ, Ê-sai 1; Mi-chê 1:15-16).

F. Nói về tất cả các bộ tộc con cháu của Gia-cốp sau khi bị đi đày ở A-si-ri-a và Ba-by-lon, nay tái cư tại Pa-lét-stin. (ví dụ, Ê-sai 17:7,9; Giê-rê-mi 2:4; 50:17,19).

G. Nói về thường dân so với nhóm các thầy tế lễ, (xem 1 Sử Ký 9:2; Ê-sơ-ra 10:25; Nê-hê-mi 11:3).

} **“ăn của cúng thần tượng và phạm tội gian dâm”** Đây là hai tội liên hệ tới thờ cúng thần tượng ngoại giáo, (xem I Cô-rin-tô 8:1-13), đặc biệt thực hành dâm loạn, được tin là hình thức cầu xin sức khỏe, sự mắn đẻ, màu mỡ của súc vật, mùa màng và xã hội

**2:15 “Con lại cũng có những kẻ theo sự dạy dỗ của Ni-cô-la”** Cả ba giáo huấn Ba-la-am, Ni-cô-la, và Giê-sa-ben đều liên hệ tới thực hành ngoại giáo... các tín đồ được cảnh báo không được nhượng bộ, và không được tham gia các hình thức thờ phượng của họ.

2:16 **“VẬY, HÃY ĂN NĂN ĐI”** xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 2:5.

} **“Nếu không, Ta sẽ nhanh chóng đến với con, dùng thanh gươm từ miệng Ta mà giao chiến với chúng”** Mệnh lệnh thúc chủ động thì quá khứ, nói về một hành động liên tục liên hệ tới sự ăn năn (xem 2:5,16,22; 3:3,19). Sự đến ở đây có thể là sự thăm viếng nhất thời với sự phán xét một hội thánh cụ thể, hoặc là sự Tái Lâm với sự phán xét cả thế gian. Một hội thánh cụ thể hay cả hội thánh nói chung đều phải ăn năn, (xem 3:20; II Sử Ký 7:14). Tội lỗi của một số người luôn ảnh hưởng tới cả cộng đồng, xem Chủ Đề Đặc Biệt Tái lâm cận kề (Soon Return) ở câu 1:2.

**2:17 “Ta sẽ ban cho ma-na đang giấu kín”** Ma-na là thức ăn siêu nhiên Đức Chúa Trời cung cấp cho dân I-sơ-ra-en trong đồng vắng, (xem Xuất Hành 16:14-15,31; Thi Thiên 78:17-33, đặc biệt câu 24). Có một vài cách giải thích câu này:

1. Có thể nói về Hòm Giao-Uớc được đem về bởi tiên tri Giê-rê-mi, từ chỗ che giấu trên núi Nê-bô, (xem theo Ngụy kinh II Maccabees 2:4-8), bởi trong Hòm có hũ đựng Ma-na (xem Xuất Hành 16:32-34; Hê-bơ-rơ 9:4).
2. Có thể nói về Kỷ Nguyên Công Chính, (xem Ngụy Kinh II Baruch 29:8).

Ý nghĩa chính xác là gì không ai biết, nhưng rõ ràng đây là sự liên hệ tới Kỷ Nguyên Mới của Đức Thánh Linh khai trương bởi Đấng Christ. Từ câu Giăng 6:31-35, nhiều người cho rằng Ma-na có nghĩa là bản thân Đấng Christ. Đây là một ví dụ về những chi tiết các độc giả nguyên thủy có thể hiểu, trong khi ý nghĩa thực đã mất đi cho chúng ta hôm nay.

} **“Ta sẽ cho người ấy một viên sỏi trắng”** Sỏi trắng, (*Tessera*), được dùng ở Trung Cận Đông với mục đích:

1. Vé vào một lễ hội, bữa tiệc
2. Lá phiếu quyết định sự vô tội trước toà án.
3. Biểu tượng chiến thắng cho một vận động viên.
4. Bằng chứng một nô lệ được tự do.

Theo ngữ cảnh, giả thiết thứ nhất có vẻ phù hợp nhất, nói về bữa tiệc của Đấng Christ, một chủ đề khá phổ biến trong văn chương Khải thị Do-thái.

} **“trên đó có viết một tên mới, ngoài người nhận thì không ai biết được.”** Tên mới dường như là biểu tượng cho Kỷ Nguyên Mới, hoặc cho Đấng Mê-si-a (xem Ê-sai 56:5; 62:2; 65:15; xem Chủ Đề Đặc Biệt Đấng Mê-si-a ở câu 1:1) Tên mới được lặp lại nhiều lần trong Khải Huyền (xem 3:12; 14:1; 19:12,13,16; 22:4).

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 2:18-29**

**<sup>18</sup>“Hãy viết cho thiên sứ của hội thánh Thi-a-ti-rơ rằng: Đây là lời phán của Con Đức Chúa Trời, Đấng có mắt như ngọn lửa và chân như đồng đánh bóng: <sup>19</sup>“Ta biết công việc của con, lòng yêu thương, đức tin, sự phục vụ và sự nhẫn nhục của con; các công việc sau này của con nhiều hơn những công việc ban**

đầu. <sup>20</sup>Nhưng có điều Ta trách con, ấy là con dung túng cho Giê-sa-bên, người phụ nữ tự xưng mình là nhà tiên tri, dạy dỗ và quyến dụ các đầy tớ Ta phạm tội gian dâm và ăn của cúng thần tượng. <sup>21</sup>Ta đã cho người nữ này thì giờ để ăn năn, nhưng nó không muốn ăn năn điều gian dâm của nó. <sup>22</sup>Này, Ta sẽ ném nó trên giường bệnh, và ném những kẻ phạm tội gian dâm với nó vào hoạn nạn lớn, nếu nó không ăn năn những việc làm của mình. <sup>23</sup>Ta sẽ đánh chết các con của nó. Lúc ấy, tất cả các hội thánh sẽ biết rằng Ta là Đấng dò biết lòng dạ loài người; Ta sẽ báo trả cho mỗi người trong các con tùy những công việc của các con. <sup>24</sup>Nhưng Ta nói với những người còn lại của các con tại Thi-a-ti-rơ, là những người không nhận giáo lý đó, không biết đến điều mà họ gọi là những sự thâm hiểm của Sa-tan, rằng: Ta không đặt trên các con gánh nặng nào khác. <sup>25</sup>Tuy nhiên, các con chỉ cần giữ vững điều mình có cho tới khi Ta đến. <sup>26</sup>Người nào thắng và giữ các công việc của Ta cho đến cuối cùng thì Ta sẽ ban cho người ấy thẩm quyền trên các nước; <sup>27</sup>người ấy sẽ cai trị các nước bằng một cây gậy sắt, và đập vỡ chúng như đồ gốm, cũng như Ta đã nhận thẩm quyền ấy từ Cha Ta. <sup>28</sup>Ta sẽ ban cho người ấy ngôi sao mai. <sup>29</sup>Ai có tai, hãy nghe lời Thánh Linh phán với các hội thánh !”

**2:18 “Con Đức Chúa Trời”** Con là danh hiệu rất phổ biến dành cho Chúa Giê-su. Phổ biến nhất là “Con Loài Người” mà Chúa Giê-su tự gọi mình. Tiếp theo là “Con Đức Chúa Trời” thường thấy trong văn tự của Giăng, (xem Giăng 1:34,49; 5:25; 9:35; 10:36; 11:4,27; 19:7; 20:31; I Giăng 3:8; 4:15; 5:5,10,12,13,20). Cuối cùng là “Con” được thấy trong sách Hê-bơ-rơ, trong đó “Con chủ nhà” khác với “đầy tớ” (Mô-sê) (xem 1:2; 3:6; 5:8; 7:28) Chúa Giê-su là thành viên chính thức của Gia Đình Ba Ngôi Thần Thánh.

Danh hiệu “Con Đức Chúa Trời” không có trong lời giới thiệu Chúa Giê-su trong chương 1. Thuật ngữ “sinh bởi đồng trinh” thường không được dùng trong Tân Ước, bởi các sứ đồ muốn tránh sự hiểu lầm cho người theo ngoại giáo với quan niệm đa thần, tin rằng các vị thần nam, nữ tham gia hành động sinh dục với con người và sinh sản các hậu duệ siêu nhân.

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CON ĐỨC CHÚA TRỜI

Đây là một trong những danh hiệu chính của Đức Chúa Giê-xu trong Tân ước. Nó chắc chắn mang ý nghĩa thiêng liêng. Nó bao hàm ý nghĩa Đức Chúa Giê-xu là “Con” hay “Con Ta” và Đức Chúa Trời là Cha. Từ này xuất hiện 124 lần trong Tân ước. Ngay cả danh hiệu tự xưng của Đức Chúa Giê-xu “Con Người” cũng có ý nghĩa linh thiêng rút ra từ Đa-ni-ên 7:13-14.

Trong Cựu ước, từ “con trai” có thể chỉ bốn nhóm khác nhau:

1. Thiên sứ (thường dùng SỐ NHIỀU, xem Sáng-thế Ký 6:2; Gióp 1:6; 2:1)
2. Vua của Y-sơ-ra-ên (xem II Sa-mu-ên 7:14; Thi Thiên 2:7; 89:26-27)
3. Cả quốc gia Do Thái (xem Xuất 4:22-23; Phục-truyền 14:1; Ô-sê 11:1; Ma-la-chi 2:10)
4. Các quan xét của Y-sơ-ra-ên (Thi 82:6)

Ý nghĩa thứ hai trong nhóm này liên hệ đến Chúa Giê-xu. Như vậy “con Đa-vít” và “con Đức Chúa Trời đều liên hệ đến II Sa-mu-ên 7; Thi 2 và 89. Trong Cựu ước từ ngữ “con Đức Chúa Trời” không bao giờ được chỉ cụ thể đến Đấng Mê-si-a, đáng được xức dầu của Y-sơ-ra-ên, trừ trường hợp vị vua trong thời cuối cùng (eschatological king). Tuy nhiên, trong Cuốn Biển Chết danh hiệu chỉ đến Đấng Mê-si-a là rất thông thường (xem cuốn *Dictionary of Chúa Giê-su and the Gospels*, trang 770). Từ “Con Đức Chúa Trời” cũng là một danh hiệu của Đấng Mê-si-a trong các tập sách ngụ kinh của người Do thái (xem II Esdras 7:28; 13:32,37,52; 14:9 và I Hê-nóc 105:2).

Nền tảng Tân ước của danh hiệu này ám chỉ Chúa Giê-xu được tóm tắt lại theo các mục sau:

1. Sự tiên tại của Ngài (Giăng 1:1-18)
2. Sự sanh ra đặc biệt bởi nữ đồng trinh (Ma-thi-ơ 1:23; Lu-ca 1:31-35)
3. Báp-têm (Ma-thi-ơ 3:17; Mác 1:11; Lu-ca 3:22. Tiếng phán của Đức Chúa Trời từ trời đã kết hợp danh hiệu vua trong Thi thiên 2 với danh hiệu đầy tớ chịu khổ nạn trong Ê-sai 53).
4. Chịu ma quỷ cám dỗ (Ma-thi-ơ 4:1-11; Mác 1:12,13; Lu-ca 4:1-13. Ngài bị cám dỗ để sanh nghi ngờ về địa vị làm con, hay ít ra tìm cách hoàn thành mục đích bằng một con đường khác hơn là thập tự giá).
5. Sự xác nhận danh hiệu của Ngài bởi kẻ thù
  - a. Ma quỷ (Mác 1 :23-25 ; Lu-ca 4 :31-37 ; Mác 3 :11-12)

- b. Những kẻ không tin Chúa (Ma-thi-ơ 27 :43 ; Mác 14 :61 ; Giăng 19 :7)
- 5. Sự xác nhận danh hiệu của Ngài bởi các môn đồ
  - a. Ma-thi-ơ 14 :33 ; 16 :16
  - b. Giăng 1 :34, 49 ; 6 :69 ; 11 :27
- 6. Sự tự xác nhận của Ngài :
  - a. Ma-thi-ơ 11 :25-27
  - b. Giăng 10 :36
- 7. Cách dùng hình ảnh quen thuộc của Chúa Giê-xu chỉ Đức Chúa Trời là Cha
  - a. Chúa dùng chữ ‘*abba*’ để chỉ Đức Chúa Trời
    - 1) Mác 14 :36
    - 2) Rô-ma 8 :15
    - 3) Ga-la-ti 4 :6
  - b. Chúa thường dùng chữ Cha (*pater*) để diễn tả mối liên hệ với Đấng Thần linh

Tóm lại, danh hiệu “Con Đức Chúa Trời” có ý nghĩa thần học lớn lao đối với những người am tường các lời hứa và các danh mục Cựu ước. Nhưng các tác giả Tân ước có phần lúng túng về cách dùng danh hiệu này đối với dân ngoại, bởi vì theo quan điểm ngoại đạo: ‘các thần’ quan hệ với phụ nữ, rồi sanh hậu duệ là những ‘người tài giỏi’ hay ‘người không lồ.’

} **“Đấng có mắt như ngọn lửa và chân như đồng đánh bóng”** Đây là danh hiệu có trong lời giới thiệu Chúa Giê-su trong các câu 1:14,15, liên tưởng tới Đa-ni-ên 10:6 nói về cội nguồn thiên thượng của Ngài. Sự miêu tả ‘như đồng đánh bóng’ được dùng có lẽ vì Thi-a-ti-rơ nổi tiếng về nghề làm đồng

**2:19** Chúa Giê-su xác nhận linh vụ của các tín đồ tại Thi-a-ti-rơ, họ tích cực năng nổ trong công việc Nước Trời, Tuy nhiên lời xác nhận này không có nghĩa xem nhẹ sự lầm lạc tín lý của họ trong câu 2:20

**2:20 “Nhưng có điều Ta trách con, ấy là con dung túng cho Giê-sa-bên, người phụ nữ tự xưng mình là nhà tiên tri”** Đây là sự liên tưởng tới Giê-sa-bên trong I Các Vua 16:31-33; II Các Vua 9:21-22. Bản Alexandrinus (MSS A) có cụm chữ “Giê-sa-bên của người” ám chỉ người đàn bà này có thể là vợ của vị mục sư, hay lãnh đạo hội thánh. Tuy nhiên đây chỉ là sự suy diễn vô căn. Giáo huấn của nhóm Giê-sa-bên cũng giống như của nhóm Ba-la-am và Ni-cô-la trong câu 2:14,15.

Giê-sa-bên không bị từ chối vì là tiên tri nữ giới. Có nhiều ví dụ về các nữ giới trong vai trò lãnh đạo.

1. Mi-ri-am (Miriam), Xuất Hành 15:20
2. Đê-bô-ra (Deborah), Quan Xét 4:4
3. Hun-đa (Huldah), II Các Vua 22:14
4. An-na (Anna), Lu-ca 2:36
5. Các con gái của Phi-líp. , Công Vụ 21:9
6. Phê-bê (Phoebe), Romana 16:1

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: PHỤ NỮ TRONG KINH THÁNH

### I. Cựu ước

- A. Xét về mặt văn hóa, phụ nữ được xem như các vật sở hữu
  1. Nằm trong danh sách những vật sở hữu (Xuất Ê-díp-tô ký 20:17)
  2. Luật đối đãi với các nữ nô lệ (Xuất Ê-díp-tô ký 21:7-11)
  3. Lời thề hứa của các phụ nữ có thể bị hủy bỏ bởi một người đàn ông có trách nhiệm về mặt xã hội (Dân số ký 30)
  4. Phụ nữ như các chiến lợi phẩm trong chiến tranh (Phục truyền luật lệ ký 20:10-14; 21:10-14)
- B. Xét trên thực tế, có một sự hỗ tương giữa nam và nữ
  1. Người nam và người nữ được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Sáng Thế 1:26-27)
  2. Tôn trọng cha mẹ (Xuất Ê-díp-tô ký 20:12 [Phục truyền luật lệ ký 5:16])
  3. Kính sợ mẹ cha (Lê-vi-ký 19:3; 20:9)
  4. Cả nam và nữ đều có thể làm người Na-xi-rê (Dân số ký 6:1-2)

5. Người con gái cũng có quyền hưởng tài sản (Dân số ký 27:1-11)
6. Cả hai đều thuộc về dân giao ước (Phục truyền luật lệ ký 29:10-12)

C. Phụ nữ ở địa vị lãnh đạo:

1. Mí-ri-am, chị của Mô-i-se, được gọi là nữ tiên tri (Xuất Ê-díp-tô ký 15:20-21)
2. Những phụ nữ được Chúa ban cho tài đan các vật liệu dùng trong đền tạm (Xuất Ê-díp-tô ký 35:25-26)
3. Đê-bô-ra, một phụ nữ, cũng là một tiên tri (Các quan xét 4:4), là người lãnh đạo tất cả các chi phái (Các quan xét 4:4-5; 5:7)
4. Nữ tiên tri Hun-đa, là người vua Giô-si-a chỉ định để đọc và giải nghĩa “Sách Luật pháp” vừa được tìm thấy (II Các Vua 22:14; II Sử ký 34:22-27)
5. Hoàng hậu Ê-xơ-tê, một người nữ yêu mến Chúa, đã cứu dân tộc Do thái ở Ba-tư

## II. Tân ước

A. Về mặt văn hóa phụ nữ trong Do thái giáo và trong thế giới Hy-la đều là các công dân hạng hai, chỉ có một ít quyền lợi và đặc ân (ngoại trừ Ma-xê-đoan)

B. Các phụ nữ ở vai trò lãnh đạo:

1. Ê-li-sa-bét và Ma-ri là những phụ nữ kính sợ Chúa, để cho Chúa sử dụng đời sống mình (Lu-ca 1-2)
2. An-ne, một người yêu mến Chúa, phục vụ Chúa tại đền thờ (Lu-ca 2:36)
3. Ly-đi, một tín hữu và là lãnh đạo một hội thánh tư gia (Công vụ 16:14, 40)
4. Bốn con gái của Phi-líp là các nữ tiên tri (Công vụ 21:8-9)
5. Phê-bê, nữ chấp sự trong hội thánh tại Xyn-chi-cơ (Rô-ma 16:1)
6. Bê-rít-sin, bạn đồng làm việc với Phao-lô và là người dạy đạo cho A-bô-lô (Công vụ 18:26; Rô-ma 16:3)
7. Ma-ri, Tri-phe-nơ, Tri-phô-sơ, Bết-si-đơ, Giu-li, chị của Nê-rê, và một số các phụ nữ khác cùng làm việc với Phao-lô (Rô-ma 16:6-16)
8. Giu-ni-a, có lẽ là nữ sứ đồ (Rô-ma 16:7)
9. Ê-yô-đi và Syn-ti-cơ, bạn đồng lao với Phao-lô (Phi-líp 4:2-3)

## III. Làm thế nào để tín hữu ngày nay có sự quân bình khi xem xét các trường hợp khác biệt trong Kinh Thánh?

A. Làm thế nào phân biệt được các lẽ thật thuộc về lịch sử hay thuộc về văn hóa là điều chỉ áp dụng trong bối cảnh nguyên thủy mà thôi, với các lẽ thật trường tồn là điều thích hợp cho tất cả các hội thánh, mọi tín hữu ở mọi thời đại?

1. Chúng ta phải xem xét một cách rất nghiêm túc ý định nguyên thủy của các trước giả đã được Đức Chúa Trời hà hơi. Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời và là nguồn thông tin duy nhất hướng dẫn đức tin và lối sống của chúng ta.
2. Chúng ta cũng phải cân nhắc các điều kiện lịch sử hiển nhiên trong các bản văn được hà hơi
  - a. Hệ thống luật pháp của người La-mã ngoại giáo (I Cô-rinh-tô 6)
  - b. Duy trì nô lệ (I Cô-rinh-tô 7:20-24)
  - c. Sống độc thân (I Cô-rinh-tô 7:1-35)
  - d. Trinh nữ (I Cô-rinh-tô 7:36-38)
  - e. Thức ăn tế thần (I Cô-rinh-tô 10:23-33)
  - f. Các hành vi không xứng đáng trong Lễ tiệc thánh (I Cô-rinh-tô 11)
3. Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài một cách rõ ràng cho một văn hóa nhất định trong một thời đại nhất định. Chúng ta phải xem xét nghiêm túc sự mặc khải này, nhưng không nhất thiết phải cân nhắc mọi khía cạnh lịch sử mà nó chứa đựng. Lời của Đức Chúa Trời được viết ra bằng chữ của con người, đề cập đến một văn hóa nhất định trong một thời điểm nhất định.

B. Sự giải nghĩa Kinh Thánh phải nhằm vào ý định của tác giả nguyên thủy. Họ truyền đạt điều gì cho những người thời đó? Đây là nền tảng quan trọng để có được một sự giải nghĩa đúng đắn. Nhưng chúng ta cũng phải áp dụng nó cho thời nay. Đây là vấn nạn về chủ đề phụ nữ trong vai trò lãnh đạo (Vấn nạn giải kinh có lẽ là sự định nghĩa từ ngữ. Có phải các mục vụ nhiều hơn các mục sư lãnh đạo hay không? Nữ chấp sự và nữ tiên tri có được xem là các lãnh đạo hay không?) Điều khá rõ ràng là trong I Cô-rinh-tô 14:34-35, I

Ti-mô-thê 2:9-15, Phao-lô khẳng định phụ nữ không nên hướng dẫn trong sự thờ phượng công cộng! Nhưng tôi sẽ áp dụng điều này ngày nay ra sao? Tôi không muốn văn hóa thời Phao-lô cũng như văn hóa của tôi thời nay làm im bật lời của Chúa và ý muốn của Ngài. Có lẽ thời Phao-lô bị quá giới hạn, nhưng thời của tôi cũng có lẽ quá cởi mở. Tôi thấy không an tâm khi cho rằng lời lẽ và sự dạy dỗ của Phao-lô là những lẽ thật có điều kiện, chỉ cho thể kỷ thứ nhất, và chỉ dành cho những trường hợp địa phương mà thôi. Tôi là ai mà dám lấy suy nghĩ riêng của mình hay là văn hóa của mình để bác bỏ một trước giả được linh cảm?!

Tuy nhiên, tôi phải làm thế nào khi Kinh Thánh liệt kê những trường hợp phụ nữ lãnh đạo (ngay cả trong các thư tín của Phao-lô, xem Rô-ma 16)? Một ví dụ điển hình là trường hợp Phao-lô bàn về sự thờ phượng công cộng trong I Cô-rinh-tô 11-14. Trong câu 11:5, dường như Phao-lô cho phép phụ nữ giảng và cầu nguyện nơi công cộng khi họ trùm khăn trên đầu, tuy nhiên trong các câu 14:34-35 ông muốn họ phải yên lặng! Kinh Thánh có nói đến các nữ chấp sự (Rô-ma 16:1) và nữ tiên tri (Công vụ 21:9). Chính sự đa dạng này cho tôi sự tự do để cho rằng những lời bàn của Phao-lô (liên quan đến những cấm cản đối với phụ nữ) chỉ giới hạn cho những người ở thế kỷ đầu tiên tại Cô-rinh-tô và Ê-phê-sô. Ở cả hai hội thánh này, có một số vấn đề xảy ra đối với các phụ nữ mới được ban cho quyền tự do (xem sách của Bruce Winter, *Corinth After Paul Left*), là điều có lẽ đã gây khó khăn cho hội thánh khi đi ra làm chứng về Chúa cho xã hội bên ngoài. Quyền tự do của họ đã bị hạn chế bớt để Phúc âm trở nên hiệu quả hơn.

Thời đại của tôi thì khác hẳn thời Phao-lô. Trong thời nay nếu những phụ nữ nói năng lưu loát, đã được huấn luyện không được cho phép để đi ra chia xẻ Phúc âm, hoặc không cho cơ hội lãnh đạo, thì Phúc âm có lẽ đã bị hạn chế! Mục tiêu tối hậu của sự thờ phượng công cộng là gì? Không phải để truyền giảng và đạo tạo môn đệ hay sao? Đức Chúa Trời có được tôn cao và hài lòng đối với những nữ lãnh đạo hay không? Cả Kinh Thánh dường như trả lời rằng, “Vâng, có”!

Tôi muốn nhường cho Phao-lô; thần học của tôi chủ yếu là lấy từ Phao-lô. Tôi không muốn bị ảnh hưởng thái quá hay bị điều khiển bởi chủ nghĩa quyền phụ nữ hiện đại! Tuy nhiên, tôi cảm thấy hội thánh đã phản ứng quá chậm trước những lẽ thật Kinh Thánh hiển nhiên này, như vấn đề không đúng đắn của chế độ nô lệ, tề phân biệt chủng tộc, thái độ tin theo mù quáng không biết gì đến người khác, và sự chủ nghĩa phân biệt giới tính. Hội thánh cũng đã phản ứng quá chậm trước sự lạm dụng phụ nữ của thế giới hiện đại ngày nay. Đức Chúa Trời trong Đấng Christ đã giải phóng nô lệ và phụ nữ. Tôi không dám để một bản văn bị ràng buộc bởi văn hóa xiềng xích họ lại một lần nữa.

Một điểm nữa: là một nhà giải kinh, tôi biết Cô-rinh-tô là một hội thánh rất tề. Các ân tứ được đánh giá cao và khoe khoang. Một số phụ nữ có lẽ bị rơi vào điều này. Tôi cũng tin rằng hội thánh ở Ê-phê-sô đã bị ảnh hưởng của các giáo sư giả, những người lợi dụng phụ nữ và dùng họ như những phát ngôn nhân thay thế mục sư trong các hội thánh tư gia ở Ê-phê-sô.

### C. Các sách đề nghị để nghiên cứu thêm

*How to Read the Bible for All Its Worth* của Gordon Fee và Doug Stuart (trang 61-77)

*Gospel and Spirit: Issues in New Testament Hermeneutics* của Gordon Fee

*Hard Sayings of the Bible* của Walter C. Kaiser, Phi-ê-ơ H. Davids, F.F. Bruce và Manfred T. Branch (trang 613-616; 665-667).

**2:21** Sự thương xót và kiên nhẫn của Đức Chúa Trời được thấy trong câu 21-23 (xem Rô-ma 2:5).

**2:22** “Ta sẽ ném nó trên giường bệnh” Đây là sự miêu tả một cách mỉa mai về giáo huấn bất luân của Giê-sa-bên

} **“hoạn nạn lớn”** xem Chủ Đề Đặc Biệt: “Hoạn nạn” ở câu 2:9 và “Đại Nạn” ở câu 7:14.

} **“nó không ăn năn những việc làm của mình”** Thế điều kiện hạng ba, nói về khả năng hành động trong tương lai, với những chi tiết khôn lường.

**2:23** “Ta sẽ đánh chết các con của nó” Đây không nói giết con trẻ theo nghĩa đen, nhưng về những người theo nhóm Giê-sa-bê (xem 2:22; II Giăng câu 1).

} **“các hội thánh sẽ biết”** Điều nào chứng tỏ các bức thư cần được đọc và áp dụng chân lý cho tất cả các hội thánh, trong thế kỷ thứ nhất và hiện nay, xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1:4.

} **“Ta là Đấng dò biết lòng dạ loài người”** Kinh Thánh khẳng định Đức Chúa Trời biết tất cả tâm lòng và ý nghĩ của tất cả mọi người, (xem Thi Thiên 7:9, 26:2; 39:1; Châm Ngôn 24:12; Giê-rê-mi 11:20; 17:10; Lu-ca 16:15; Công Vụ 1:24; Hê-bơ-rơ 4:12-13; 8:27).

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TÂM LÒNG**

Chữ *kardia* trong tiếng Hy Lạp được dùng trong bản Bảy Mươi và trong Tân ước diễn tả ý nghĩa chữ *leb* trong tiếng Hê-bơ-rơ. Nó được dùng trong một số cách sau đây (xin xem Bauer, Arndt, Gingrich và Danker, *A Greek-English Lexicon*, trang 403-404):

1. Trung tâm của một cuộc sống thuộc thể, hình ảnh về một con người (Công vụ 14:17; II Cô-rinh-tô 3:2-3; Gia-cơ 5:5)
2. Trung tâm của một cuộc sống thuộc linh (đạo đức)
  - a. Đức Chúa Trời nhìn biết tâm lòng (Lu-ca 16:15; Rô-ma 8:27; I Cô-rinh-tô 14:25; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:4; Khải huyền 2:23)
  - b. Để chỉ đời sống thuộc linh của con người (Ma-thi-ơ 15:18-19; 18:35; Rô-ma 6:17; I Ti-mô-thê 1:5; II Ti-mô-thê 2:22; I Phi-e-rơ 1:22)
3. Trung tâm của cuộc sống lý trí (tức là tri thức, Ma-thi-ơ 13:15; 24:48; Công vụ 7:23; 16:14; 28:27; Rô-ma 1:21; 10:6; 16:18; II Cô-rinh-tô 4:6; Ê-phê-sô 1:18; 4:18; Gia-cơ 1:26; II Phi-e-rơ 1:19; Khải huyền 18:7; tâm lòng đồng nghĩa với trí óc trong II Cô-rinh-tô 3:14-15 và Phi-líp 4:7)
4. Trung tâm của ý chí (Công vụ 5:4; 11:23; I Cô-rinh-tô 4:5; 7:37; II Cô-rinh-tô 9:7)
5. Trung tâm của tình cảm (Ma-thi-ơ 5:28; Công vụ 2:26,37; 7:54; 21:13; Rô-ma 1:24; II Cô-rinh-tô 2:4:7:3; Ê-phê-sô 6:22; Phi-líp 1:7)
6. Nơi đặc biệt để Đức Thánh Linh hành động (Rô-ma 5:5; II Cô-rinh-tô 1:22; Ga-la-ti 4:6 [Đấng Christ sống trong lòng của chúng ta, Ê-phê-sô 3:17])
7. Tâm lòng là cách nói tượng hình để chỉ toàn bộ một con người (Ma-thi-ơ 22:37, lấy từ Phục truyền 6:5). Những tư tưởng, động cơ, và hành động thuộc về tâm lòng bày tỏ rõ ràng loại người. Cựu ước có một số cách sử dụng ẩn tượng về từ ngữ này:
  - a. Sáng Thế 6:6; 8:21, “Đức Chúa Trời buồn trong lòng” (cũng để ý xem Ô-sê 11:8-9)
  - b. Phục truyền 4:29; 6:5 “bằng cả tâm lòng, cả linh hồn”
  - c. Phục truyền 10:16, “tâm lòng không cắt bì” và Rô-ma 2:29
  - d. Ê-xê-chi-ên 18:31-32, “tâm lòng mới”
  - e. Ê-xê-chi-ên 36:26, “tâm lòng mới” so với “tâm lòng bằng đá”

} **“Ta sẽ báo trả cho mỗi người trong các con tùy những công việc của các con”** Chân lý thuộc linh này được thấy trong Ga-la-ti 6:7. Chúng ta gieo gì gặt nấy, mặc dù điều này không áp dụng trong tín lý cứu rỗi bởi ân điển, (xem Ê-phê-sô 2:8-9), nhưng áp dụng cho cuộc sống tin kính, yêu thương và phục vụ của những người đã gặp Đức Chúa Trời trong Đấng Christ, (xem 3:12; Ma-thi-ơ 25:1-46; Ê-phê-sô 2:10).

Đây là nguyên tắc thuộc linh, Đức Chúa Trời là lương tâm của tạo hóa, nhưng con người không tuân phục tiêu chuẩn lương tâm của Ngài. Chúng ta gặt những gì chúng ta gieo. Nguyên tắc này áp dụng cho các tín đồ (mặc dầu không ảnh hưởng tới sự cứu rỗi bởi ân điển), và cả cho những người vô tin, (xem Gióp 34:11; Thi Thiên 28:4; 62:12; Châm Ngôn 24:12; Truyền Đạo 12:14; Giê-rê-mi 17:10; 32:19; Ma-thi-ơ 16:27; 25:31-46; Rô-ma 2:6; 14:12; I Cô-rin-tô 3:8; II Cô-rin-tô 5:10; Ga-la-ti 6:7-10; I Ti-mô-thê 4:14; I Phi-e-rơ 1:17; Khải Huyền 2:23; 20:12; 22:12).

**2:24 “sự thâm hiểm của Sa-tan”** Có một vài lý thuyết trong sự giải kinh câu này: Có thể

1. Đây là lời lặp lại lý luận của Giê-sa-bên và học trò của ả.
2. Đây là lý luận của các Giáo sư Tri-huệ giáo nhấn mạnh tri thức.
3. Đây là tục lệ gia nhập tôn giáo huyền bí, phổ biến trong lãnh thổ La-mã
4. Đây là “sự thâm hiểm của Sa-tan” tương phản với “Sự sâu nhiệm của Đức Chúa Trời” (xem Rô-ma 11:33; I Cô-rin-tô 2:10; Ê-phê-sô 3:18)

} **“Ta không đặt trên các con gánh nặng nào khác”** Đây là sự xác nhận đối với tín đồ thành phố Thi-a-ti-rơ. Họ có đức tin năng động tích cực, (xem câu 19).

**2:25 “cần giữ vững điều mình có cho tới khi Ta đến”** Môn đồ Đấng Christ phải bền đỗ trong sự thử thách, bội đạo và thờ ơ. Mệnh lệnh thúc chủ động thì quá khứ. Chúa Giê-su đang tới, một ngày không xa, (xem 2:16; 22:7,20). Sự Tái Lâm là niềm hy vọng và khích lệ đối với tất cả các tín đồ trong mọi thế hệ.

**2:26-27** Đây là sự liên tưởng tới Thi thiên 2:8-9, và có thể tới Ê-sai 30:14 và Giê-rê-mi 19:11 về Chúa Giê-su là vị Vua Đấng Mê-si-a. Vương Quốc của Ngài sẽ đến trong quyền năng khắp thế gian. Thật xứng đáng thay sự mong chờ thời điểm chúng ta có thể chứng kiến Ngài Tái lâm!

**2:26 “các nước”** Đây là thuật ngữ Cựu Ước ám chỉ tất cả những ai đang còn ở bên ngoài Giao Ước với Đức Giê-hô-va, đồng nghĩa với những người ác, vô đạo, (xem 2:26; 5:9; 10:11; 11:2,9,18; 12:5; 13:7; 14:6,8; 16:19; 17:15; 18:3,23; 19:15; 20:8).

**2:27 “Ta đã nhận thẩm quyền ấy từ Cha Ta”** Chúa Giê-su đã nhận được thẩm quyền, (xem Thi Thiên 2; Ma-thi-ơ 28:18; Phi-líp 2: 9-11). Vương Quốc của Ngài đã khai trương, nhưng chưa được hoàn tất.

Câu 27 đến từ Thi Thiên 2:8, thường ám chỉ Đấng Mê-si--a (xem 12:5; 19:15), nhưng cũng mở rộng ra cho các tín đồ bởi họ đồng trị với Ngài, xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 5:10

**2:28 “Ta sẽ ban cho người ấy ngôi sao mai”** Có một vài cách giải thích “ngôi sao mai” có ý nghĩa gì: .

1. Một biểu tượng của Đấng Christ, (xem Khải Huyền 22:16)
2. Ám chỉ kiến thức và một thông công với Đấng Christ, (xem II Phi-ê-rơ 1:19)
3. Ám chỉ sự Phục Sinh (xem Đa-ni-ên 12:3)
4. Ám chỉ Đấng Mê-si--a với tư cách một vị tướng lãnh. Dân Số 24:17
5. Ám chỉ niềm vui của con dân Chúa (xem Gióp 38:7)
6. Liên hệ tới câu Ê-sai 14:12, trước đây là biểu tượng của Sa-tan, nay là biểu tượng của Đấng Christ

**2:29 “Ai có tai, hãy nghe lời Thánh Linh phán với các hội thánh”** xem ghi chú ở câu 2:7.

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 3:1-6**

<sup>1</sup>“Hãy viết cho thiên sứ của hội thánh Sạt-đe rằng: Đây là lời phán của Đấng có bảy linh của Đức Chúa Trời, và bảy ngôi sao: ‘Ta biết các công việc của con; con có tiếng là sống, nhưng lại là chết.’<sup>2</sup>Vậy, hãy tỉnh thức và làm cho vững những gì còn lại, tức là những gì gần chết, vì Ta không thấy các công việc của con là trọn vẹn trước mặt Đức Chúa Trời Ta. <sup>3</sup>Hãy nhớ lại con đã nhận và nghe thế nào; hãy giữ lấy và ăn năn đi. Nếu con không tỉnh thức thì Ta sẽ đến như kẻ trộm; và con sẽ không biết giờ nào Ta thành linh đến với con. <sup>4</sup>Nhưng ở Sạt-đe, con còn có vài người chưa làm ô uế y phục mình; họ sẽ mặc áo trắng và đi với Ta, vì họ thật xứng đáng. <sup>5</sup>Người nào thắng sẽ được mặc áo trắng như vậy; Ta sẽ không xóa tên người ấy khỏi sách sự sống, và sẽ công bố tên người ấy trước mặt Cha Ta và trước mặt các thiên sứ của Ngài. <sup>6</sup>Ai có tai, hãy nghe lời Thánh Linh phán với các hội thánh.’ ”

**3:1 “hội thánh ”** xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1:4.

} **“Đấng có bảy linh của Đức Chúa Trời, và bảy ngôi sao”:**

” Đây là một câu liên tưởng tới Đấng Christ vinh hiển được miêu tả phần đầu (xem 1:4,16,20). Bảy ngôi sao là 7 hội thánh với 7 vị lãnh đạo. Bảy linh, được nhắc lại trong 4:5, có thể liên hệ tới 7 cây đèn trong 1:20, cũng nói về 7 hội thánh và ở trong 5:6 với chi tiết mô tả cây đèn, xem Chủ Đề Đặc Biệt: Bảy Linh ở câu 1:4.

**“Ta biết các công việc của con; ”** Chúa Giê-su biết rõ điểm mạnh điểm yếu của từng hội thánh , (xem 2:2,19; 3:1,8,15).

} **có tiếng là sống**

NASB, NKJV “**Có tiếng là sống**”  
NRSV “**Có tiếng là đang sống**”  
TEV “**nổi tiếng là đang sống**”  
NJB “**nổi tiếng là sống**”

Thật đây là một mặc khải đáng buồn, trong khi họ nghĩ rằng Đức Chúa Trời hài lòng với họ, thực tế không phải như vậy, (xem Ê-sai 29:13; Rô-ma 2:19-20; Cô-lô-sê 2:16-23; II Ti-mô-thê 3:5),

} **3:2 Hãy tỉnh thức**

NASB, NRSV,  
TEV, NJB “**tỉnh thức**”  
NKJV “**cảnh tỉnh**”

Mệnh lệnh thức dạng trung cách thì hiện tại, với động tính từ chủ động thì hiện tại. Nghĩa đen là người hãy cảnh tỉnh không ngừng. Đây là một trong năm mệnh lệnh thức thì hiện tại, được thấy trong câu 2,3. Chúa Giê-su ra mạng lệnh tỉnh thức cho các hội thánh . !

} **làm cho vững những gì còn lại**

NASB, NKJV “**làm vững những gì còn lại**”  
NRSV “**làm vững những gì còn lại,**”  
TEV “**làm vững những gì người còn có**”  
NJB “**thêm sức vào vài thứ còn sót lại của người.**”

Đây là mệnh lệnh thức thì quá khứ. Họ phải hành động ngay và tiếp tục để bảo tồn phần sót lại của đức tin đang mất dần trong họ.

} **“Ta không thấy các công việc của con là trọn vẹn trước mặt Đức Chúa Trời Ta”** Động từ đầu tiên là động từ chỉ định chủ động thì hoàn thành. Họ có thể có biểu hiện thuộc linh, (xem Ê-sai 29:13), nhưng thực ra chỉ giống những người có hình thức tôn giáo trong Ma-thi-ơ 7:21-23 and Cô-lô-sê 2:16-23.

Thuật ngữ “trọn vẹn” là động tính từ thụ động thì hoàn thành , có nghĩa “trưởng thành, toàn hảo, được trang bị” cho một công vụ. Sự trọn vẹn cho phép tín đồ hoàn tất sứ mạng đức tin, (xem Phi-líp 1:6).

**3:3 “Hãy nhớ lại con đã nhận và nghe thế nào”** Đây là mệnh lệnh thức, chủ động thì hiện tại (nhớ), được nói theo bởi hai động từ chỉ định chủ động thì quá khứ (đã nghe) và thì hoàn thành (nhận) . Phúc Âm đã được nghe và tiếp tục được nhận. Đạo Chúa không phải chỉ một lần quyết định, nhưng cả một cuộc đời tương giao với sứ điệp và nhân vật Chúa Giê-su. Nó đem lại kết quả một sự sống đã thay đổi và tiếp tục thay đổi trong sự ăn năn (mệnh lệnh thức chủ động thì quá khứ câu 3b) và vâng phục (mệnh lệnh thức chủ động thì hiện tại, câu 3b) .

} **“hãy giữ lấy”** Đây là mệnh lệnh thức chủ động thì hiện tại.

} **“ăn năn đi.”** Đây là mệnh lệnh thức chủ động thì quá khứ, xem ghi chú câu 2:5.

} **“ Nếu con không tỉnh thức”** Đây là thể điều kiện hạng ba, nghĩa là có tiềm năng xảy ra, tùy theo sự đáp ứng của họ đối với Chúa Giê-su.

} **“ Ta sẽ đến như kẻ trộm”** Câu này thường ám chỉ về sự Tái Lâm, (xem Ma-thi-ơ 24:43-44; Lu-ca 12:39-40; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:2,4; II Phi-ê-rơ 3:10; Khải Huyền 16:15). Tuy nhiên trong ngữ cảnh, có thể nói về sự viếng thăm của Chúa Giê-su đối với hội thánh Sạt-đê.

**3:4 “Nhưng ở Sạt-đê, con còn có vài người chưa làm ô uế y phục mình”** Mặc lấy và cởi bỏ y phục là các ẩn dụ về cuộc sống Cô-đốc Nhân (xem Ê-phê-sô 4:22,24,25,31; Cô-lô-sê 3:8,10,12,14; Hê-bơ-rơ 12:1; Gia-cơ 1:21; I Phi-ê-rơ 2:1). Một số tín đồ ở đây không nhượng bộ khoan dung với văn hóa ngoại giáo.

} **“họ sẽ mặc áo trắng và đi với Ta”** Áo trắng là biểu tượng của sự thánh sạch hay chiến thắng 4,5,18; 6:11; 7:9,13-14; 19:14. Thuật ngữ “đi” là biểu tượng của “sống đạo”, (xem 3:5; 21:24; I Giăng 1:6,7; 2:6,11; III Giăng 3-4).



**3:5 “Người nào thắng”** Có 4 điều sẽ ban cho những người chiến thắng.

1. Họ sẽ đi với Đấng Mê-si-a. câu. 4
2. Họ sẽ mặc y phục trắng
3. Tên của họ không bị xóa khỏi sách sự sống.
4. Đấng Mê-si-a sẽ xưng nhận họ trước Đức Chúa Trời và Thiên sứ, xem Chủ Đề Đặc Biệt “bền đỗ” ở

câu 2:2.

} **“Ta sẽ không xóa tên người ấy khỏi sách sự sống,”** Đây có thể phủ định kếp mạnh tính nhấn mạnh. Khi một công dân chết, tên của họ bị xóa đi khỏi sổ sách thành phố, nhưng Chúa không bao giờ xóa sổ con dân Ngài.

Ấn dụ Sách Sự Sống được thấy trong Khải Huyền 20:12-15, ở đó có hai cuốn được nhắc tới:

1. Sách mang tên con dân Đức Chúa Trời (xem Xuất Hành 32:32-33; Thi Thiên 69:28; Ê-sai 4:3; Đa-ni-ên 12:1; Lu-ca 10:20; Phi-líp 4:3; Hê-bơ-rơ 12:23; Rev 13:8; 17:8; 20:12,15; 21:27)
2. Sách ghi chép công việc gian ác và công chính, (xem Thi Thiên 56:8, 139:16; Ê-sai 65:6; Ma-la-chi 3:16)

về đề tài “sách”, xin xem ghi chú trong câu 5:1.

} **“sẽ công bố tên người ấy trước mặt Cha Ta và trước mặt các thiên sứ của Ngài.”** Khi các tín đồ xưng nhận Đấng Christ, xem Rô-ma 10:9-13, Ngài cũng sẽ xưng nhận họ với Cha (xem Ma-thi-ơ 10:32; Lu-ca 12:8).

Thuật ngữ “xưng nhận” theo tiếng Hy-lạp là *exomologeō*. được dùng trong 3 trường hợp.

1. Xưng tội với Đức Chúa Trời và mọi người chứng kiến, (xem Ma-thi-ơ 3:6; Mác 1:5; Công Vụ 19:18; Gia-cơ 5:16)
2. Tuyên xưng đức tin nơi Đấng Christ (xem Phi-líp 2:1; and possibly Rô-ma 14:11)
3. Ca ngợi Đức Chúa Trời nơi công cộng, (xem Ma-thi-ơ 11:25; Lu-ca 10:21; Rô-ma 14:11 {Ê-sai 45:23}; 15:9 [Thi Thiên 18:49])

Một thuật ngữ khác *homologeō* được dùng một cách tương tự. :

1. Xác nhận tội lỗi (xem I Giăng 1:9)
2. Xác nhận đức tin nơi Đấng Christ (xem Ma-thi-ơ 10:32; Lu-ca 10:32; Giăng 9:22 [negatively, Giăng 1:20; 12:42])
3. Xác nhận niềm tin vào điều gì đó (xem Công Vụ 23:8; 24:14; Hê-bơ-rơ 11:13)

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ XUNG TỘI**

- A. Có hai dạng cùng một gốc từ tiếng Hy Lạp dùng cho ý nghĩa xưng tội hay tuyên xưng, *homolegeo* và *exomologeō*. Từ ghép lấy từ gốc từ *homo*, nghĩa là giống nhau; *lego*, nghĩa là nói; và *ex*, có nghĩa là ra từ. Ý nghĩa căn bản là nói cùng một sự việc, hay là đồng ý. Chữ *ex* diễn tả thêm ý nghĩa về sự tuyên xưng công khai
- B. Những chữ tiếng Anh dịch từ nhóm chữ này gồm có:
  1. Ngợi khen (praise)
  2. Đồng ý
  3. Tuyên bố (declare)
  4. Tuyên xưng (profess)
  5. Xưng tội
- C. Nhóm từ này có hai cách sử dụng dường như trái hẳn nhau:
  1. Ngợi khen (Đức Chúa Trời)
  2. Nhận tội  
Điều này có thể phát triển từ sự nhìn nhận của con người về bản tính thánh khiết của Đức Chúa Trời và tình trạng tội lỗi của họ. Nhìn nhận một sự thật tức là nhìn nhận cả hai điểm trên.
- D. Tân ước có các cách dùng liên quan đến nhóm từ này như sau:
  1. Hứa (Ma-thi-ơ 14:7; Công-vụ 7:17)

2. Đồng ý hay đồng thuận về điều gì (Giăng 1:20; Tê-sa-lô-ni-ca 22:6; Công-vụ 24: 14; Hê-bơ-rơ 11:13)
  3. Ngợi khen (Ma-thi-ơ 11:25; Tê-sa-lô-ni-ca 10:21; Rô-ma 14:11; 15:9)
  4. Đồng ý
    - a. Với một người nào (Ma-thi-ơ 10:32; Tê-sa-lô-ni-ca 12:8; Giăng 9:22; 12:42; Rô-ma 10:9; Phi-líp 2:11; Khải huyền 3:5)
    - b. Về một lẽ thật nào (Công-vụ 23:8; II Cô-rinh-tô 11:13; I Giăng 4:2)
  5. Tuyên bố công khai (ý nghĩa về luật pháp phát triển thành một sự xác nhận mang tính tôn giáo, Công-vụ 24:14; I Ti-mô-thê 6:13)
    - a. Không có sự nhận tội (I Ti-mô-thê 6:12; Hê-bơ-rơ 10:23)
    - b. Có sự nhận tội (Ma-thi-ơ 3:6; Công-vụ 19:18; Hê-bơ-rơ 4:14; Gia-cơ 5:16; I Giăng 1:9)
- an admission of guilt (xem Ma-thi-ơ 3:6; Công Vụ 19:18; Hê-bơ-rơ 4:14; Gia-cơ 5:16; 1 Giăng 1:9)

3:6 xem ghi chú ở câu at 2:7.

### RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỊNH) ĐOẠN 3:7-13

<sup>7</sup>“Hãy viết cho thiên sứ của hội thánh Phi-la-đen-phi-a: Đây là lời phán của Đấng Thánh và Chân Thật, là Đấng có chìa khóa của Đa-vít, là Đấng mở thì không ai đóng được, đóng thì không ai mở được: <sup>8</sup>“Ta biết các công việc của con. Nay, Ta đã mở trước mặt con một cái cửa không ai có thể đóng được, vì con có ít năng lực mà vẫn vâng giữ lời Ta và không chối danh Ta.<sup>9</sup>Nay, Ta ban cho con một số người thuộc về nhà hội của Sa-tan, những kẻ tự xưng là người Do Thái mà thực sự không phải, vì chúng nói dối. Nay, Ta sẽ khiến chúng đến phủ phục dưới chân con, và chúng sẽ biết rằng Ta đã yêu thương con. <sup>10</sup>Vì con đã vâng giữ lời Ta dạy về lòng kiên nhẫn nên Ta cũng sẽ giữ con khỏi giờ thử thách, là giờ sắp đến trong khắp thế gian, để thử nghiệm những người sống trên đất. <sup>11</sup>Ta đến nhanh chóng; hãy giữ vững điều con đang có để không ai đoạt mất mào triều thiên của con. <sup>12</sup>Người nào thắng, Ta sẽ cho làm cột trụ trong đền thờ của Đức Chúa Trời Ta; và người ấy sẽ không ra khỏi đó nữa. Ta sẽ viết trên người ấy: danh của Đức Chúa Trời Ta, danh của thành Đức Chúa Trời Ta — là Giê-ru-sa-lem mới ở trên trời, từ Đức Chúa Trời mà xuống — và danh mới của Ta. <sup>13</sup>Ai có tai, hãy nghe lời Thánh Linh phán với các hội thánh.”

3:7 “**Đấng Thánh và Chân Thật,**” Câu 7 chứa đựng 4 danh hiệu của Đức Giê-hô-va dành Chúa Giê-su.

“Thánh” được dùng cho Đức Giê-hô-va 30 lần trong Ê-sai, Giăng thường thay thuật ngữ “thánh” bằng “công nghĩa” trong văn tự của mình, (xem 15:3; 16:7; 19:2). “Chân thật” cũng được dùng cho Đức Giê-hô-va (xem Ê-sai 65:16; Giê-rê-mi 10:10; I Giăng 5:20; Khải Huyền 15:3; 16:7; 19:2). “Thánh” và “chân thật” xuất hiện một lần nữa trong Khải Huyền 6:10 Theo tiếng Hy-lạp thuật ngữ “chân thật” ám chỉ “chất lượng không xả trá, giả tạo”, còn trong tiếng Hê-bơ-rơ ám chỉ “điều đáng tin cậy”. Chúa Giê-su có cả hai thuộc tính này, (xem 3:14; 19:11; 21:5; 22:6).

} “**Đấng có chìa khóa của Đa-vít,**” Đây là sự liên tưởng tới Đấng Mê-si-a giòng Đa-vít theo II Sa-mu-ên 7, nhưng đặc biệt gần gũi hơn với Ê-sai 22:22, nơi chính xác hình ảnh chìa khóa nhà Đa-vít.

} “**Đấng mở thì không ai đóng được,**” Đây liên hệ tới truyền giảng Phúc Âm, xem ghi chú câu 8. 8).

### Chủ Đề Đặc Biệt “CỬA, CỔNG” trong Tân Ước

#### special topic: "door" in the nt

Tân Ước sử dụng thuật ngữ “cửa” theo vài cách như sau.

1. theo nghĩa đen

- a. cửa nhà, Ma-thi-ơ 6:6; Mác 1:33; 2:2; 11:7, cửa lầu trên, Giăng 20:19,26
- b. cửa Đền thờ, Công Vụ 3:2; 21:30
- c. cửa nhà tù, Công Vụ 5:19,23; 12:6; 16:26-27
- d. cửa mộ, Ma-thi-ơ 27:60; 28:2; Mác 15:46; 16:3
- e. cửa chuồng chiên, Giăng 10:1,2
- f. cửa sân trong (toà án), Giăng 18:16; Công Vụ 12:13

2. metaphorical

- a. thời kế cận, Ma-thi-ơ 24:33; Mác 13:29; Công Vụ 5:9; Gia-cơ 5:9
- b. cửa đức tin, Ma-thi-ơ 7:13-14; Lu-ca 13:24; Khải Huyền 3:20
- c. cửa hẹp, cơ hội đức tin bị mất, Ma-thi-ơ 25:10; Lu-ca 13:25; Khải Huyền 3:7
- d. cơ hội đức tin cứu chuộc, Công Vụ 14:27; Khải Huyền 3:7
- e. cơ hội chức vụ, 1 Cô-rin-tô 16:9; 2 Cô-rin-tô 2:12; Cô-lô-sê 4:3; Khải Huyền 3:8
- f. khai thị, Khải Huyền 4:1; 19:11

3. Danh hiệu của Chúa Giê-su (Ta là cái cửa...), Giăng 10:7,9

**3:8 “Ta đã mở trước mặt con một cái cửa không ai có thể đóng được”** Động từ chỉ định chủ động và tính động từ thụ động thì hoàn thành. Nói về

1. Cơ hội truyền giảng. (keys, xem Ma-thi-ơ 16:19)
2. Tham gia bữa tiệc Đấng Christ (mặc y phụ trắng, xem câu 4)
3. Cơ hội phục vụ (xem Công Vụ 14:27; I Cô-rin-tô 16:9; II Cô-rin-tô 2:12; Cô-lô-sê 4:3)

} **“vì con có ít năng lực”** Đây là một trong ba lý do vì sao Chúa Giê-su mở cánh cửa tuyệt diệu cho Phi-la-đen-phi-a, hội thánh duy nhất không bị một lời quở trách.

} **“vẫn vững giữ lời Ta”** Động từ chỉ định chủ động thì quá khứ. Thì quá khứ ở đây ám chỉ một giai đoạn bất bực cụ thể, hoặc một hành động kiên quyết. Họ không có nhiều năng lực, nhưng sử dụng hiệu quả và hết lòng.

} **“không chối danh Ta.”** Đây có thể là sự bất bực của nhóm Côn-xi-li-a (Concilia), một tổ chức địa phương quảng bá đạo thờ hoàng đế, (xem 2:13).

**3:9 “Ta ban cho con một số người thuộc về nhà hội của Sa-tan,”** Đây có thể nhóm người Do-thái chống đối Phúc Âm, không phải các tín đồ Do-thái thực.

} **“Ta sẽ khiến chúng đến phủ phục dưới chân con,”** Đây là sự liên tưởng tới Ê-sai 45:14; 49:23; 60:14, nói về người ngoại lúc đầu sẽ tới chào người Do-thái vì họ có Đấng Mê-si-a. Nhưng vì từ chối Đấng Mê-si-a, người Do-thái sẽ phải làm điều ngược lại, đến cúi đầu trước người ngoại tin Chúa (xem Ê-sai 43:4,9). Đây là một trong những ví dụ Giăng và các sứ đồ sửa đổi tiên tri Cựu Ước cho phù hợp với Tân Ước. Giăng thấy trong ngữ cảnh ban đầu dân ngoại đến Giê-ru-sa-lem mới để thờ phượng Đức Giê-hô-va. Nhưng trong Tân Kỷ Nguyên Công Chính, hình ảnh địa lý – chính trị của dân tuyển được mở rộng, bao gồm cả dân ngoại và I-sơ-ra-en thuộc linh. Những người bất tín Do-thái sẽ phải phủ phục dưới chân họ! Sự mở rộng này cho thấy Khải Huyền vượt quá sự ứng nghiệm tiên tri theo nghĩa đen của Cựu Ước, nhưng những tiên tri này được thích nghi trong ánh sáng “điều mầu nhiệm của Đấng Christ, chưa từng được tiết lộ trong các thế hệ” (xem Ê-phê-sô 2:11-3:13, đặc biệt câu 3:3-6)!

**3:10 “con đã vững giữ lời Ta dạy về lòng kiên nhẫn”**

**NASB: “Bởi các ngươi giữ lời về sự kiên nhẫn của Ta.”**

**NKJV, NJB: “Bởi các ngươi giữ mạng lệnh Ta về sự kiên nhẫn.”**

**NRSV: “Bởi các ngươi giữ lời của Ta về sự kiên nhẫn bền đỗ.”**

**TEV: “Bởi các ngươi giữ mạng lệnh của Ta về sự bền đỗ.”**

Câu này liên hệ tới Giăng 8:51 hoặc 17:6. Chúa Giê-su không hứa giữ Hội Thánh khỏi sự bất bực, Bằng chứng là 7 lá thư này đến các hội thánh trong thời điểm bị bất bực, kể cả việc tử đạo.

Câu 10 nói về một sự phán xét của Đức Chúa Trời trên toàn thế giới. Chúng ta cần phân biệt rằng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời luôn giáng trên thế gian bất tín, còn cơn hoạn nạn đến với tín đồ đòi hỏi họ phải kiên bền đỗ.

Các nhà giải kinh có những quan điểm khác nhau về chủ đề: Hội Thánh có thể thoát khỏi sự phán xét Tận Thế hay không?

1. Một số người tin hội thánh sẽ đi qua cơn Hoạn Nạn với sự bảo vệ của Chúa, (xem Giăng 17:15)

2. Những người khác tin rằng Tin đồ sẽ được cất đi một cách bí ẩn trước cơn Hoạn Nạn xảy ra. Bản thân tôi thấy giả thiết thứ nhất hợp lý hơn. Đức Chúa Trời cho phép bắt bớ và tử đạo trong thế kỷ thứ nhất thì Ngài cũng sẽ cho phép những sự ấy xảy ra trong thời kỳ Tận Thế, khởi đầu Tân Kỷ Nguyên. Sự khủng bố luôn làm hội thánh thanh sạch và mạnh mẽ

Xét về các đơn vị văn chương, đơn vị thứ nhất gồm chương 2-3 nói về sự bắt bớ của hội thánh, được tiếp bởi đơn vị thứ hai, nói về Thiên Đàng, khi hội thánh tử đạo cầu nguyện xin Đức Chúa Trời báo thù cho họ. Mức độ nghiêm trọng của cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời được tăng dần theo giai đoạn (bây ấn 25%, bày kèn 33%, bày chén 100% sự hủy hoại) Mỗi giai đoạn được kèm theo cơ hội kêu gọi người vô tín đến với sự cứu rỗi. Con Thịnh Nộ Tối Hậu: Hồ Lửa được đưa ra cuối cùng, khi cơ hội cứu rỗi không còn nữa nhưng chỉ còn sự trừng phạt đời đời, Khải Huyền 20.

Hội Thánh bị bắt bớ trở nên Kẻ Chiến Thắng, thế gian bắt bớ Hội Thánh trở nên kẻ chịu cơn Thịnh Nộ. Đức Chúa Trời tể trị, điều khiển lịch sử, xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Bền đỗ 2:2.

} **“thử nghiệm những người sống trên đất.”** Câu này được lặp đi lặp lại trong cả Khải Huyền, nói về lòng nhất quyết bạo loạn của thế gian vô tín (xem Khải Huyền 6:10; 18:13; 1:10; 12:12; 13:8, 12, 14; 17:8). Đức Chúa Trời muốn họ ăn năn và tin, (xem I Ti-mô-thê 2:4; II Phi-ê-rơ 3:9). Xin tham khảo thêm Chủ Đề Đặc Biệt: Thuật ngữ Hy-lạp về Thử Nghiệm ở câu 2:2.

**3:11 “Ta đến nhanh chóng”** Câu này nhấn mạnh tính khẩn thiết của sự Tái Lâm, (xem 1:1, 3; 2:16; 22:7,12,20). Hội Thánh nguyên thủy luôn trông chờ sự xuất hiện của Chúa, niềm hy vọng này luôn lặp lại trong từng thế hệ. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Tái Lâm kế cận. ở câu 1:3.

} **“hãy giữ vững điều con đang có”** Mệnh lệnh thúc chủ động thì hiện tại, có nghĩa tiếp tục nắm chắc “các điều đang có”, trong khi mệnh lệnh thúc chủ động thì quá khứ ở câu 2:25 có nghĩa nắm chắc một cách quyết định (mức độ cao hơn), tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: ở câu 2:2. Khi tín đồ nắm chắc Đức Chúa Trời, Ngài sẽ nắm giữ họ, (xem Ga-la-ti 6:9). Đây là giao ước của mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và loài người. Đáp ứng lại Đức Chúa Trời là trách nhiệm của loài người.

Sự cứu rỗi là quyết định khởi đầu, với sự ăn năn, đức tin, (xem Mác 1:15; Công Vụ 3:16,19; 20:21), tiếp tục bởi nếp sống ăn năn, tin cậy, vâng phục và phục vụ. Tất cả các yếu tố này đều cần thiết cho một tín đồ trưởng thành.

} **“mão triều thiên của con”** Đây thêm một dẫn chứng về mào triều thiên *stephanos* đã được nhắc tới trước trong câu 2:10. Mão triều thiên là phần thưởng cho sự trung tín.

**3:12 “Người nào thắng,”** xem ghi chú ở câu 2.2.

} **“Ta sẽ cho làm cột trụ trong đền thờ của Đức Chúa Trời Ta;”** Phi-la-den-phia ở trong vùng động đất. Ấn dụ cột trụ mang ý nghĩa ổn định. Những công dân quan trọng được khắc tên trên trụ cột đền thờ của thành phố. Thuật ngữ “đền thờ” (*naos*) ở đây là có nguồn gốc từ động từ “ngự” - vậy “đền thờ” là nơi Đức Chúa Trời ngự. Kẻ chiến thắng sẽ không bao giờ rời khỏi sự hiện diện của Chúa, (xem Thi Thiên 23:6; 27:4-6).

Đây chỉ là ẩn dụ, vì trong Tân Kỷ Nguyên sẽ không có đền thờ thuộc thế, (xem 21:22).

} **“Ta sẽ viết trên người ấy: danh của Đức Chúa Trời Ta,”** Hãy để ý chữ “Ta” được nhắc lại 5 lần trong câu 12. Điều này thể hiện mối liên hệ mật thiết với Đức Chúa Trời. Danh mới là biểu tượng quyền sở hữu của Đức Chúa Trời, (xem 7:3; 14:1; 22:4).

} **“là Giê-ru-sa-lem mới ở trên trời, từ Đức Chúa Trời mà xuống và danh mới của Ta.”** Khải Huyền liên hệ tới các tiên tri trong Ê-sai.

1. Những sự mới, 42:9; 43:19; 48:6 (Khải Huyền 21:5)
2. Bài hát mới, 42:10 (Khải Huyền 5:9; 14:3)

3. Tên mới, 62:2; 65:15 (Khải Huyền 2:17)
4. Trời mới và Đất mới, 65:17; 66:22 (Khải Huyền 3:12; 21:1).

Thành thánh trên trời, Giê-ru-sa-lem mới, cũng được tiên tri trong Êsai. 40:2,9; 41:27; 44:20,28; 52:1,2,9; 62:1,6,7; 65:18,19; 66:10,13,20 (Khải Huyền 21:2,10). Đây là biểu tượng sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong vòng con cái Ngài. Lời tiên tri Cựu Ước đã trở nên hiện thực, Giê-ru-sa-lem mới không nằm trong xứ Pa-lét-stin, nhưng là lời hứa được ứng nghiệm trong Kỷ Nguyên Công Chính.

3:13 xem ghi chú ở câu 2:6.

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 3:14-22**

<sup>14</sup>“Hãy viết cho thiên sứ của hội thánh Lao-đi-xê rằng: Đây là lời phán của Đấng A-men, Đấng làm chứng thành tín và chân thật, là cội nguồn công cuộc sáng tạo của Đức Chúa Trời: <sup>15</sup>“Ta biết các công việc của con; con không lạnh cũng không nóng. Ước gì con nóng hay lạnh thì hơn.<sup>16</sup>Vậy, vì con hâm hẩm, không nóng cũng không lạnh, nên Ta sẽ nhả con ra khỏi miệng Ta.”<sup>17</sup>Con nói: ‘Tôi giàu, tôi đã phát đạt rồi, tôi không cần gì nữa.’ Nhưng con không biết rằng mình đang cùng khổ, đáng thương, nghèo ngặt, đui mù và lỏa lồ. <sup>18</sup>Vì thế, Ta khuyên con hãy mua vàng đã được thử lửa của Ta để con trở nên giàu có; mua những áo trắng và mặc vào để sự lỏa lồ của con không bị lộ ra, và mua thuốc xức mắt xức vào mắt con để con thấy được.<sup>19</sup>Những người Ta yêu thì Ta quở trách, sửa phạt; vậy, hãy sốt sắng và ăn năn đi! <sup>20</sup>Này, Ta đứng ngoài cửa mà gõ; nếu ai nghe tiếng Ta mà mở cửa cho thì Ta sẽ vào cùng người ấy, ăn bữa tối với người và người với Ta. <sup>21</sup>Người nào thắng, Ta sẽ cho ngồi với Ta trên ngai Ta, như chính Ta đã thắng và ngồi với Cha Ta trên ngai của Ngài. <sup>22</sup>Ai có tai, hãy nghe lời Thánh Linh phán với các hội thánh .”

3:14 “**Đấng Amen**” - liên tưởng đến danh hiệu của Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời của A-men. từ Ê-sai 65:16. Thuật ngữ “a-men” trong Cựu Ước có gốc từ động từ “tin”, “tin cậy”, (xem Sáng Thế 15:16; Ha-ba-cúc 2:4), vậy danh hiệu này nhấn mạnh tính “thành tín”, “đáng tin” của Đức Chúa Trời, (xem 1:6; II Cô-rin-tô 1:20), xem Chủ Đề Đặc Biệt, câu 1:6.

} “**Đấng làm chứng thành tín và chân thật**, Đây có thể đến từ lời giới thiệu Đức Giê-hô-va trong chương 1 (1:5). Có thể thuật ngữ Hê-bơ-rơ *emeth*, cho “đức tin”, “tin”, “tin cậy” được dịch ra theo tiếng Hy-lạp *pistos* (trung tín) và *al’theia* (chân lý). Cả hai thuật ngữ này được dùng cho Chúa Giê-su trong Khải Huyền, (xem 3:14; 19:11; 21:5; 22:6).

} **RVV2011: cội nguồn công cuộc sáng tạo của Đức Chúa Trời”**

**NASB, NKJV “Ban đầu của sự sáng tạo của Đức Chúa Trời ”**

**NRSV “Nguồn công cuộc sáng tạo của Đức Chúa Trời”**

**TEV “Nguồn của tất cả những gì Đức Chúa Trời đã dựng”**

**NJB “nguồn gốc Thiên Tạo.”**

Điều này liên tưởng tới Sáng Thế 1:1 and Giăng 1:1. Thuật ngữ “Ban đầu” theo tiếng Hê-bơ-rơ *bereshith* và “nguồn gốc” theo tiếng Hy-lạp *arch* ‘có hai ý: ( 1) khởi sự và (2) cội rễ.

Câu này được dùng bởi nhóm A-ri-an / A-tha-na-si-út (Arian/Athanasius) (trường phái Tri-ni-ta-ri-an) trong cuộc tranh luận thế kỷ thứ tư, về Châm ngôn 8:22-31. Sự khôn ngoan là điều Đức Giê-hô-va tạo ra đầu tiên và thông qua sự khôn ngoan, Đức Chúa Trời tạo dựng tất cả những gì còn lại. Nó có vẻ giống như Ngôi Lời mà Giăng sử dụng trong Phúc Âm. (Giăng 1:1). Câu 3:14 là lý luận hùng mạnh nhất chứng tỏ sự tiền tại của Chúa Giê-su (xem Giăng 1:1; 8:57-58; II Cô-rin-tô 8:4; Phi-líp 2:6-7; Cô-lô-sê 1:17), và Ngài là Tác Nhân Tạo Hóa của Đức Chúa Cha (xem Giăng 1:3; I Cô-rin-tô 8:16; Cô-lô-sê 1:15,18; Hê-bơ-rơ 1:2).

**Chủ Đề Đặc Biệt; BAN ĐẦU (ARCHĒ)**

Thuật ngữ Hy-lạp *archē* có nghĩa “khởi điểm” hoặc cội nguồn” của cái gì đó

1. bắt đầu trật tự tạo hóa, (xem Giăng 1:1; Hê-bơ-rơ 1:10)
2. bắt đầu Phúc Âm (xem Mác 1:1; Phi-líp 4:15; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:13; Hê-bơ-rơ 2:3; 1 Giăng 1:1)

3. nhân chứng đầu tiên, (xem Lu-ca 1:2)
4. dấu hiệu, phép lạ đầu tiên, xem Giăng 2:11)
5. sơ đấng, (xem Hê-bơ-rơ 5:12)
6. tin quyết ban đầu dựa theo Phúc Âm, (xem Hê-bơ-rơ 3:14)
7. đầu, khối đầu, đứng đầu, Cô-lô-sê 1:18; Khải Huyền 3:14

Thuật ngữ archè cũng được dùng nói về ‘thẩm quyền’

1. quan chức
  - a. Lu-ca 12:11
  - b. Lu-ca 20:20
  - c. Rô-ma 13:3; Tít 3:1
2. thứ bậc thiên sứ
  - a. Rô-ma 8:38
  - b. 1 Cô-rin-tô 15:24
  - c. Ê-phê-sô 1:21; 3:10; 6:12
  - d. Cô-lô-sê 1:16; 2:10,15
  - e. Giu-đe 1:6

**3:15 “ con không lạnh cũng không nóng.”** Điều này liên tưởng đến việc dân cư Lao-đi-xê-a phải dùng nước hâm hâm từ suối nước nóng để uống. Sự quở trách này cũng được dùng cho tín đồ ở Sạt-đê (xem 3:1).

**3:16 “Ta sẽ nhả con ra khỏi miệng Ta”** Những lời cảnh báo gây sốc cho một hội thánh tiếng tăm trong thế kỷ thứ nhất, (2:5; 3:3,16,17). Đây không phải họ mất đi sự cứu rỗi, nhưng mất đi hiệu quả của linh vụ, (xem 3:19; Hê-bơ-rơ 12:5-13)

**3:17 “Con nói: ‘Tôi giàu, tôi đã phát đạt rồi, tôi không cần gì nữa.’** Câu 17 và 18 liên hệ tới bối cảnh lịch sử bởi ở Lao-đi-xê-a có trung tâm thương mại tài chính lớn, trung tâm sản xuất gỗ nhuộm và thuốc rửa mắt. Nan đề là khi tự mãn về sự giàu có thuộc thế, họ lại nghèo nàn về thuộc linh, (xem 3:1).

### **Chủ Đề Đặc Biệt: SỰ GIÀU CÓ / WEALTH**

I. Quan điểm tổng thể từ Cựu Ước.

A. Đức Chúa Trời làm chủ tất cả:

1. Sáng Thế 1-2
2. 1 Sử Ký 29:11
3. Thi Thiên 24:1; 50:12; 89:11
4. Ê-sai 66:2

B. Con người chỉ là quản gia tài sản vì mục đích, chương trình của Đức Chúa Trời:

1. Phục Truyền 8:11-20
2. Lê-vi ký 19:9-18
3. Gióp 31:16-33
4. Ê-sai 58:6-10

C. Tài sản là một phần của sự thờ phượng.

1. hai loại “phần mười”
  - a. Dân Số 18:21-29; Phục Truyền 12:6-7; 14:22-27
  - b. Phục Truyền 14:28-29; 26:12-15
2. Châm Ngôn 3:9

D. Tài sản là món quà của Đức Chúa Trời cho sự vâng phục giao ước.

1. Phục Truyền 27-28
2. Châm Ngôn 3:10; 8:20-21; 10:22; 15:6

E. Cảnh cáo việc gia tăng tài sản của mình bởi sự thiệt thòi của người khác.

1. Châm Ngôn 21:6
2. Giê-rê-mi 5:26-29
3. Ô-sê 12:6-8
4. Mi-chê 6:9-12

F. Tài sản không phải là tội lỗi, nếu như nó không phải là sự tối ưu.

1. Thi Thiên 52:7; 62:10; 73:3-9
2. Châm Ngôn 11:28; 23:4-5; 27:24; 28:20-22
3. Gióp 31:24-28

## II. Quan điểm đặc biệt trong Châm ngôn.

### A. Tài sản trong khía cạnh sự cố gắng cá nhân

1. lười nhác bị phê phán – Châm Ngôn 6:6-11; 10:4-5,26; 12:24,27; 13:4; 15:19; 18:9; 19:15,24; 20:4, 13; 21:25; 22:13; 24:30-34; 26:13-16
2. siêng năng được khích lệ. Châm Ngôn 12:11,14; 13:11

B. Sự nghèo khó và giàu có được dùng để mô tả công chính và gian ác. Châm Ngôn 10:1ff; 11:27-28; 13:7; 15:16-17; 28:6,19-20

C. Sự khôn ngoan (biết Chúa và biết đường lối của Ngài) tốt hơn sự giàu có. Châm Ngôn 3:13-15; 8:9-11,18-21; 13:18

### D. Cảnh cáo và khích lệ

#### 1. cảnh cáo

- a. cẩn thận khi cho hàng xóm vay mượn. – Châm Ngôn 6:1-5; 11:15; 17:18; 20:16; 22:26-27; 27:13
- b. cẩn thận khi làm giàu một cách bất chính. – Châm Ngôn 1:19; 10:2,15; 11:1; 13:11; 16:11; 20:10,23; 21:6; 22:16,22; 28:8
- c. cẩn thận đừng vay mượn – Châm Ngôn 22:7
- d. Ý thức được sự mỏng manh của tài sản – Châm Ngôn 23:4-5
- e. tài sản không giúp gì trong ngày phán xét. – Châm Ngôn 11:4
- f. người giàu có nhiều “bạn” – Châm Ngôn 14:20; 19:4

#### 2. khích lệ

- a. sự rộng rãi được khích lệ – Châm Ngôn 11:24-26; 14:31; 17:5; 19:17; 22:9,22-23; 23:10-11; 28:27
- b. công nghĩa tốt hơn tài sản – Châm Ngôn 16:8; 28:6,8,20-22
- c. nên cầu nguyện cho nhu cầu, không cho sự dư dật. Châm Ngôn 30:7-9
- d. Ban cho người nghèo tức là cho Chúa mượn. – Châm Ngôn 14:31

## III. Quan điểm trong Tân Ước:

### A. Chúa Giê-su

1. Sự giàu có là nguồn cám dỗ khi đặt lòng tin cậy vào bản thân và con người hơn vào Đức Chúa Trời và tài nguyên của Ngài.

- a. Ma-thi-ơ 6:24; 13:22; 19:23
- b. Mác 10:23-31
- c. Lu-ca 12:15-21,33-34
- d. Khải Huyền 3:17-19

2. Đức Chúa Trời sẽ cung ứng mọi nhu cầu cho chúng ta.

- a. Ma-thi-ơ 6:19-34
- b. Lu-ca 12:29-32

3. Gieo - gặt là nguyên tắc thuộc thể và thuộc linh.

- a. Mác 4:24
- b. Lu-ca 6:36-38
- c. Ma-thi-ơ 6:14; 18:35

4. lòng ăn năn ảnh hưởng tới sự giàu có

- a. Lu-ca 19:2-10
- b. Lê-vi ký 5:16

5. bóc lột người khác bị lên án.

- a. Ma-thi-ơ 23:25
- b. Mác 12:38-40

6. Sự phán xét cuối cùng liên hệ tới cách sử dụng tài sản - Ma-thi-ơ 25:31-46

### B. Phao-lô

1. quan điểm thuộc thể giống như quan điểm Châm Ngôn (công việc)
  - a. Ê-phê-sô 4:28
  - b. 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:11-12
  - c. 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:8,11-12
  - d.1 Ti-mô-thê 5:8
2. quan điểm thuộc linh giống quan điểm của Chúa Giê-su.
  - a. 1 Ti-mô-thê 6:6-10 (sự thỏa lòng)
  - b. Phi-líp 4:11-12 (sự thỏa lòng)
  - c. Hê-bơ-rơ 13:5 (sự thỏa lòng)
  - d. 1 Ti-mô-thê 6:17-19 (rộng lòng, tin cậy Đức Chúa Trời )
  - e. 1 Cô-rin-tô 7:30-31 (không gắn bó )

#### IV. Kết luận.

- A. Không có một hệ thống thần học chuyên về sự giàu có.
- B. Không có các phân đoạn dứt khoát về sự giàu có, chúng ta cần phải tham khảo các phân đoạn khác và cẩn thận đừng áp đặt quan điểm riêng của mình vào một câu cá biệt.
- C. Châm ngôn được viết bởi nhà Khôn Ngoan (sages), có quan điểm khác biệt so với các thể loại văn chương Kinh Thánh khác. Châm ngôn có áp dụng thực thể và cho cá nhân. Châm ngôn phải được quân bình với các phân đoạn Kinh Thánh khác, (xem Giê-rê-mi 18:18).
- D. Nhu cầu chúng ta ngày nay cần phải đem so sánh với ánh sáng Thánh Kinh về tài sản. Thường chúng ta áp dụng các nguyên tắc tư bản và cộng sản. Câu trả lời cho câu hỏi “vì sao và cách nào” giúp một cá nhân thành công quan trọng hơn “bao nhiêu” tiền bạc người đó có.
- E. Sự thu thập tài sản phải liên hệ với sự quản trị tin kính và thờ phượng, (xem 2 Cô-rin-tô 8-9).

**3:18 “hãy mua ... của Ta ”** câu này liên tưởng tới Ê-sai 55:1-3, với sự mời gọi miễn phí của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên ở đây đòi hỏi sự trả giá,  
 } **“mua những áo trắng ”** xem ghi chú ở câu 3:4.

} **“mặc vào để sự lỏa lồ của con không bị lộ ra”** Trong Cựu Ước, trần truồng là hình ảnh thất bại, phán xét và nghèo khó.

**3:19 “Nhưng người Ta yêu thì Ta quở trách, ”** Thuật ngữ “quở trách” tiếng Hy-lạp là *elegchò*, được dùng với ý nghĩa “bộc lộ để chữa lành hoặc sửa đổi” (xem Giăng 3:20; Ê-phê-sô 5:11-14).

} **“sửa phạt;”** Được Đức Chúa Trời sửa phạt là dấu hiệu thuộc về gia đình của Ngài, (xem Gióp 5:17; Châm Ngôn 3:12; Thi Thiên 94:12; Hê-bơ-rơ 12:6).

} **“hãy sốt sắng ”** Mệnh lệnh thức chủ động thì hiện tại. “Sốt sắng” có gốc từ với “nóng”, “sôi sục” (*zestos*) dùng trong câu 3:15-16. Sự biết Đức Chúa Trời và phục vụ Ngài phải trở nên nóng cháy nhiệt huyết trong tâm hồn và cuộc sống.

} **“và ăn năn đi! ”** Mệnh lệnh thức chủ động thì quá khứ về sự ăn năn được lặp đi lặp lại trong suốt cả 7 bức thư nhắc nhở tín đồ (chứ không phải người chưa tin) luôn quay trở lại tới Đấng Christ để được trưởng thành, ổn định và hạnh phúc, (xem 2:5, 16, 22; 3:3, 19). Sự ăn năn là nếp sống, chứ không chỉ quyết định khởi đầu khi mới tin.

**3:20 “Ta đứng ngoài cửa mà gõ; ”** Động từ chỉ định chủ động thì hoàn thành “đứng và tiếp tục đứng ” được tiếp theo bởi động từ chỉ định chủ động thì hiện tại “tiếp tục gõ” Mặc dầu hội thánh Lao-đi-xê-a không nhận được lời ngợi khen, họ nhận được lời mời gọi thân mật. Đây không phải lời mời gọi trở nên cơ đốc nhân, nhưng mời gọi nói lại sự thông công với Đấng Christ. Tín đồ ngày nay sử dụng hình ảnh này (ngoài ngữ cảnh) để làm chứng cho người chưa tin Chúa.

    Ẩn dụ “cửa” được dùng trong Phúc Âm, (xem Mác 13:28-29; Lu-ca 12:36) với một ý nghĩa sự Tái Lâm cận kề, xem Chủ Đề Đặc Biệt: “cửa” ở câu 3:7.

} **“ nếu ai nghe tiếng Ta mà mở cửa cho ”** Thể điều kiện hạng ba, nói về hành động có thể xảy ra, tuy chưa biết



chắc. Nhiên nơi trên thế gian, sự gõ cửa thường đi kèm với lời chào hỏi. Xin để ý tới chi tiết: đối tượng được gõ cửa, dù cá nhân, hay hội thánh, phải đáp ứng và mở cửa. Điều này minh họa nguyên tắc nguyên hệ với Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời gọi ý, con người hưởng ứng. Sự hưởng ứng không phải chỉ khởi đầu, nhưng phải liên tục. Sự cứu rỗi không phải là sản phẩm có thể mua bán, nhưng là nếp sống tương giao. Mặc dù sự tương giao có lúc xuống lúc lên, nhưng sự chung thủy phải được đảm bảo.

} **“ thì Ta sẽ vào cùng người ấy, ăn bữa tối với người và người với Ta.”** Đây liên tưởng tới sinh tế cầu an (xem Lê-vi ký 3, và 7), một nghi lễ biểu tượng, với hình ảnh Đức Chúa Trời “ăn” vật sinh tế. Có người liên hệ sự ăn này tới bữa tiệc Tái Lâm của Đấng Christ.

“Bữa tối” là bữa ăn chính trong ngày, khi các thành viên trong gia đình ngồi xuống, ăn và tâm sự. Trong nền văn hóa Trung Cận Đông, ăn uống luôn là biểu tượng Giao ước, tình bạn và sự tương giao.

**3:21 “Ta sẽ cho ngồi với Ta trên ngai Ta”** Một hình ảnh hùng mạnh về sự tương giao gần gũi. Có rất nhiều dẫn chứng về tín đồ đồng trị với Đấng Christ (xem 2:26, 27; Lu-ca 22:30; Ma-thi-ơ 19:28; I Cô-rin-tô 6:2 ff; II Tim 2:12; Khải Huyền 20:4). Khải Huyền 22:5 cũng ám chỉ điều này, xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đồng trị với Đấng Christ ở câu 5:10

} **“như chính Ta đã thắng và ngồi với Cha Ta trên ngai của Ngài”** Chúa Giê-su đã thắng thế gian, (xem Giăng 16:33; Ê-phê-sô 1:21-22) và Ngài đang ngự trên ngai bên hữu Đức Chúa Cha (xem Ê-phê-sô 1:20; I Giăng 2:1 and Khải Huyền 22:1). Chúa muốn chúng ta đồng dự với Ngài trong khải hoàn!

## CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát

1. Vì sao Giăng bắt đầu khai huyền bằng 7 bức thư tới 7 hội thánh ?
2. Vì sao mỗi bức thư đều bắt đầu với một phần đến từ lời giới thiệu Đấng Christ trong chương 1?
3. Những bức thư này liên hệ tới hội thánh hiện nay ra sao?
4. Làm cách nào giải thích những điều cảnh cáo nghiêm khắc tới từng hội thánh ?
5. Làm cách nào hiểu nghịch lý giữa: “ được cứu một lần là được cứu vĩnh viễn” và “sự bền đỗ cần thiết”, được thể hiện trong những thư này?
6. Vì sao câu 3:20 không phải là lời hứa cứu rỗi ?
7. Những bức thư trong chương 2, 3 liên hệ tới đơn vị văn chương sau như thế nào?
8. So với thể hệ tín đồ đầu tiên, liệu Đức Chúa Trời có loại sự bất bớ cho thể hệ tín đồ cuối cùng không?

## KHẢI HUYỀN 4 VÀ 5

### CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Thờ phượng trên Thiên Đàng	Thiên Cung	Khải tượng vinh quang của Đức Chúa Trời và Chiên Con	Thờ Phượng trên Thiên Đàng	Đức Chúa Trời trao Thế gian cho Chiên Con
4:1-6a	4:1-11	4:1-6a	4:1-6a	4:1-11
4:6b-11		4:6b-11	4:6b-8 4:9-11	
Cuốn sách và Chiên Con	Chiên Con nhận cuốn sách		Cuốn sách và Chiên Con	
5:1-14	5:1-7 Xúng đàng thay Chiên Con 5:8-14	5:1-5 5:6-10 5:11-14	5:1-5 5:6-10 5:11-14	5:1-5 5:6-10 5:11-14

### CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

#### *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN*

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

Phân đoạn 1  
Phân đoạn 2  
Phân đoạn 3  
Văn vân...

### KIẾN GIẢI SÂU SẮC THEO NGŨ CẢNH:

- A. Hai chương 4, 5 kết hợp thành một đơn vị văn chương. Chương 4 miêu tả Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa, cung cấp, gìn giữ sự sống, (xem Thi Thiên 104) và chương 5 miêu tả Chiên Con Chúa Giê-su là Đấng Cứu Chuộc (một ý nghĩa mở rộng của danh Đức Giê-hô-va giải cứu, cứu chuộc và kết giao, xem Thi Thiên 103). Phần đơn vị văn chương lớn hơn tiếp tục xuyên qua 7 ấn, tuy nhiên ấn bắt đầu từ chương 6 tới câu 8:1.
- B. Chương 4 là chủ đề trọng tâm của cả sách Khải Huyền, (sự vinh hiển và tể trị của Đức Giê-hô-va). Ngôi Thiên Đàng trong Khải Huyền có nhiều sự giống nhau với Ngôi trong Hê-bơ-rơ 8 và 9. Chủ đề quán xuyên “sự vinh quang của Chúa” là trọng tâm của văn chương Khải thị Do-thái.
- C. Sách Khải Huyền không tập trung vào vấn đề Chúa Tái Lâm khi nào và cách nào, nhưng vào sự tể trị của Đức Chúa Trời trên lịch sử nhân loại. Hai chương này là công cụ để hiểu phần còn lại của Khải Huyền

Trong hai chương này Giảng dùng văn chương khái thị để miêu tả sự thực. Giảng sử dụng các hình ảnh từ Cựu Ước, đặc biệt là Ê-xê-chiên chương 1; 10 và các câu 2:9,10; Đa-ni-ên 4; 7:13-14 cũng như nhiều dẫn chứng từ văn chương Do-thái thời kỳ giữa hai Giao ước, ví dụ như ngụ kinh I Enoch. Nếu vậy thì việc áp đặt giải kinh theo nghĩa đen sẽ không thích hợp. Giải kinh Khải Huyền theo nghĩa đen là dùng lịch sử, sự kiện, địa danh, văn hóa, thần học hệ thống thời đại ngày nay để giải thích biểu tượng, khái thị thời cổ. Nói vậy không có nghĩa bác bỏ Chân Lý trong Khải Huyền, nhưng chỉ nói rằng Khải Huyền không như thể loại tường thuật lịch sử, phải giải kinh theo nghĩa đen. Một mô hình giải kinh thông diễn tốt hơn là giống như cách giải kinh các chuyện ngụ ngôn của Chúa Giê-su, (xem Fee and Stuart, *How To Read The Bible For All Its Worth*, p. 256)!

## NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 4:1-11**

<sup>1</sup>Sau đó, tôi nhìn xem, kia, có một cánh cửa mở ở trên trời! Tiếng thứ nhất mà tôi đã nghe, giống như tiếng kèn, nói với tôi rằng: “Hãy lên đây, Ta sẽ chỉ cho con thấy những gì phải xảy ra sau này.”

<sup>2</sup>Lập tức, tôi được Thánh Linh cảm hóa; kia, có một chiếc ngai ở trên trời; trên ngai có một Đấng đang ngồi! <sup>3</sup>Đấng ngồi trên ngai trông giống như bích ngọc và mã não; chung quanh ngai có cầu vồng giống như lục bửu thạch. <sup>4</sup>Quanh ngai có hai mươi bốn ngai khác, trên những ngai ấy có hai mươi bốn trưởng lão đang ngồi mặc áo trắng, đầu đội mũ triều thiên bằng vàng.

<sup>5</sup>Từ ngai phát ra những tia chớp, tiếng nói và tiếng sấm; có bảy ngọn đèn cháy sáng trước ngai, đó là bảy linh của Đức Chúa Trời. <sup>6</sup>Trước ngai dường như có biển thủy tinh trong như pha lê; giữa ngai và chung quanh ngai có bốn sinh vật mà phía trước và phía sau đầy những mắt. <sup>7</sup>Sinh vật thứ nhất giống như sư tử, sinh vật thứ nhì giống như bò đực, sinh vật thứ ba có mặt giống mặt người, và sinh vật thứ tư giống như đại bàng đang bay. <sup>8</sup>Bốn sinh vật ấy, mỗi con có sáu cánh, chung quanh và bên trong mình đầy những mắt; ngày đêm nói luôn không dứt:

“Thánh thay, thánh thay, thánh thay,  
Chúa là Đức Chúa Trời Toàn Năng,  
ĐÁNG ĐÃ CÓ, HIỆN CÓ VÀ ĐANG ĐẾN!”

<sup>9</sup>Mỗi khi các sinh vật dâng vinh quang, tôn trọng và cảm tạ lên cho Đấng ngồi trên ngai, là Đấng sống đời đời, <sup>10</sup>thì hai mươi bốn trưởng lão phủ phục trước mặt Đấng ngồi trên ngai và thờ lạy Đấng sống đời đời. Họ ném mũ triều thiên của mình trước ngai, và nói:

<sup>11</sup>“Lạy Đức Chúa Trời là Chúa của chúng con,  
Chúa đáng được vinh quang, tôn trọng và uy quyền,  
Vì Chúa đã tạo dựng muôn vật,  
Và do ý muốn của Chúa mà muôn vật hiện hữu và được tạo dựng.

4:1 Sau đó, tôi nhìn xem

NASB, NKJV: “Sau những điều này tôi nhìn xem”

NRSV: “Sau đó tôi nhìn xem”

TEV: “ở điểm này tôi lại thấy một khái thị khác”

NJB: “Sau đó, trong khái thị, tôi thấy”

Các cấu trúc ngữ pháp này, dù hơi khác một chút, cũng được thấy trong 7:1,9; 15:5; 18:1 và có thể 19:1. Đây là một loạt các khái thị. Các khái thị tiên tri của Cựu Ước mang tính điều kiện, “Nếu như... thì sẽ...” giữa Chúa và I-so-ra-en. Mức độ đức tin hôm nay của I-so-ra-en định đoạt tương lai ngày mai của họ. Cũng vậy đối với khái thị của Giảng.

1. Lời của Chúa Giê-su cho 7 hội thánh mang tính điều kiện. Sự đáp ứng của hội thánh quyết định tương lai của họ.
2. Sự phán xét của bảy ấn và bảy kèn cũng mang tính điều kiện. Đức Chúa Trời mong muốn thế gian ăn năn và quay lại với Ngài. Cũng như Cựu Ước, sự cứu rỗi không điều kiện dựa trên lời hứa ngôn, xem Sáng Thế 3:15; 15:12-2; 17:1-8, Công Vụ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29) nhưng có điều kiện dựa trên sự đáp ứng của nhân loại, xem Sáng Thế 12:1; Khải Huyền 2-3) Chương trình cứu rỗi đại chúng được bày tỏ trong chương 4 và 5.

## **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG THIÊN LỆCH THEO QUAN ĐIỂM TIN LÀNH CỦA TÁC GIẢ BOB UTLEY**

**special topic: bob's evangelical biases**

Tôi phải thừa nhận với bạn đọc rằng tôi thiên lệch tại điểm này. Thần học hệ thống của tôi không phải là thuyết Can-vanh hay thuyết “Giai đoạn thần thị” (Calvinism or Dispensationalism), nhưng nó theo Đại Mạng Lệnh. Tôi tin rằng Đức Chúa Trời đã có một kế hoạch vĩnh cửu để cứu chuộc tất cả nhân loại (ví dụ, Sáng Thế 3:15; 12:3; Xuất Hành 19:5-6; Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 18; 36:22-39; Công vụ Các sứ đồ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29; Rô-ma 3:9-18,19-20,21-32), tất cả những người được tạo ra theo hình ảnh của Ngài (xem Sáng Thế 1:26-27). Những giao ước đều hiệp nhất trong Đấng Christ (xem Ga-la-ti 3:28-29; Cô-lô-se 3:11). Đức Chúa Giê-xu là sự mâu nhiệm của Đức Chúa Trời, đã bị che dấu nhưng bây giờ được giải bày (xem Ê-phê-sô 2:11-3:13)!

Quan điểm có trước này tác động tất cả mọi sự giải nghĩa Kinh Thánh của tôi (như trường hợp Giô-na). Tôi đọc tất cả các bản văn đều thông qua quan điểm này. Chắc chắn đó là một sự thiên lệch (tất cả các nhà giải kinh đều có), nhưng nó là một tiền giả định được lấy ra từ Kinh Thánh.

## **Chủ Đề Đặc Biệt: Chương trình cứu rỗi đời đời của Đức Giê-hô-va**

**special topic: YHWH's eternal redemptive plan**

Tiêu điều của Sáng Thế 1 – là Đức Chúa Trời tạo dựng một vị trí mà ở đó, Ngài và tạo vật cao cấp nhất là con người có được một thông công xem Sáng Thế 1:26,27; 3:8). Tạo hóa vật thể là sân khấu cho mục đích tương giao tâm linh.

1. Thánh Au-gút-stin (St. Augustine) miêu tả trong con người có một lỗ hổng chỉ có thể khóa lấp bởi Đức Chúa Trời.
2. Nhà văn Lu-ít (C.S. Lewis) gọi Trái Đất là hành tinh được “thiên tạo”, tức được chuẩn bị một cách đặc biệt cho con người bởi Đức Chúa Trời.

Có nhiều gợi ý trong Cựu Ước về mục đích này của Đức Chúa Trời:

1. Sáng Thế 3:15 chứa đựng lời hứa đầu tiên của Đức Chúa Trời không để con người mãi mãi trong vũng bùn tội lỗi bạo loạn nhơ nhớp. Lời hứa này không liên hệ tới I-sơ-ra-en, vì khi đó chưa có I-sơ-ra-en, chưa có dân tuyển cho đến Áp-ra-ham trong chương 12.
2. Sáng Thế 12:1-3 chứa đựng sự kêu gọi Áp-ra-ham bởi Đức Chúa Trời, từ ông sẽ có dân tuyển. tuy nhiên, khi gọi Áp-ra-ham, con mắt của Đức Chúa Trời hướng về cả thế gian. Sáng Thế 12:3!
3. Xuất Hành 20 (Phục Truyền 5) Đức Giê-hô-va ban Luật Pháp cho Mô-sê và dân tuyển. Trong Xuất Hành 19:5-6, Đức Giê-hô-va mặc khải mối liên hệ đặc biệt của dân tuyển đối với Chúa, nhưng dân tuyển cũng như Áp-ra-ham, được chọn lựa để làm phước cho thế gian, (xem Xuất Hành 19:5, "Cả thế gian thuộc về Ta"). I-sơ-ra-en trở nên phương tiện để thế gian biết đến và yêu mến Đức Chúa Trời. Thảm hại thay họ thất bại trong sứ mạng này, (xem Ê-xê-chi-ên 36:22-38).
4. Trong 1 Các Vua 8 vua Sô-lô-môn cầu nguyện chúc phước cho Đền Thờ, để tất cả các dân có thể đến thờ lạy Đức Chúa Trời, (xem 1 Các Vua 8:43,60).
5. Trong Thi Thiên – 22:27-28; 66:4; 86:9 (Khải Huyền 15:4)
6. Qua tất cả các tiên tri Đức Giê-hô-va tiếp tục bày tỏ chương trình cứu chuộc của Ngài.
  - a. Ê-sai – 2:2-4; 12:4-5; 25:6-9; 42:6,10-12; 45:22; 49:5-6; 51:4-5; 56:6-8; 60:1-3; 66:18,23
  - b. Giê-rê-mi – 3:17; 4:2; 16:19
  - c. Mi-chê 4:1-3
  - d. Ma-la-chi 1:11

Sự nhấn mạnh tính đại chúng được thấy trong Giao ước mới (xem Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38), hướng về sự thương xót của Chúa thay vì công đức của con người. Xuất hiện các thuật ngữ mới như: “trái tim mới”, “tâm trí mới”, “tâm linh mới”. Sự vâng lời là điều trọng yếu, với các bằng chứng nội tâm hơn là thể hiện bên ngoài, (xem Rô-ma 3:21-31).

Cựu Ước xác nhận chương trình cứu rỗi đại chúng qua một vài cách sau đây:

1. Đại Mạng Lệnh Truyền Giáo – Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:46-47; Công Vụ 1:8
2. Chương Trình Đòi Đòi (Tiền định) – Lu-ca 22:22; Công Vụ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29

3. Ước nguyện mọi người được cứu. – Giăng 3:16; 4:42; Công Vụ 10:34-35; 1 Ti-mô-thê 2:4-6; Tít 2:11; 2 Phi-ê-rơ 3:9; 1 Giăng 2:2; 4:14
4. Đấng Christ hiệp nhất Cựu Ước và Tân Ước. Ga-la-ti 3:28-29; Ê-phê-sô 2:11-3:13; Cô-lô-sê 3:11. Tất cả sự chia cắt giữa con người đều bị dỡ bỏ. Chúa Giê-su là “điều mầu nhiệm của Đức Chúa Trời nay được bày tỏ” (Ê-phê-sô 2:11-3:13).
- Tân Ước tập trung vào Chúa Giê-su, thay vì vào I-so-ra-en. Tính trọng tâm của Phúc Âm vượt qua mọi biên giới địa dư và ngôn ngữ. Chúa Giê-su là sự mặc khải tối hậu, (xem Ma-thi-ơ 5:17-48).

Tôi hy vọng độc giả có thời gian đọc Chủ Đề Đặc Biệt: Vì sao hứa ngôn trong Tân Ước có vẻ khác với hứa ngôn trong Cựu Ước. (Special Topic: Why Do OT Covenant Promises Seem So Different from NT Covenant Promises. You can find it online at [www.freebiblecommentary.org](http://www.freebiblecommentary.org).)

} “ **có một cánh cửa mở ở trên trời!** ” Động tính từ thụ động, có nghĩa cửa được mở bởi Đức Chúa Trời (dạng thụ động) và được mở mãi luôn (thì hoàn thành). Có cách diễn tả tương tự khác về sự mặc khải về Đức Chúa Trời cho nhân loại, được thấy trong câu 19:11 cũng như Ê-xê-chiên 1:1; Ma-thi-ơ 3:16; Giăng 1:51 and Công Vụ 7:55-56. Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 3:7.

Thuật ngữ “thiên đàng” được dùng hơn 50 lần trong các văn tự của Giăng, hầu hết trong ngôi số ít, trừ 1 lần ngôi số nhiều ở câu 12:12. Lý do vì sao có sự đổi ngôi ít thành nhiều về mặt thần học không ai rõ. Các thầy Ra-bi dạy có 3 và 7 thiên đàng, (xem II Cô-rin-tô 12:2). Giăng chỉ chú ý tới 1 tầng thiên đàng nơi Đức Chúa Trời ngự. Đức Chúa Trời cho phép chúng ta thấy thực tại của Ngài, nơi không có sự hỗn loạn như trên trần thế con người sống.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THIÊN ĐÀNG và THIÊN ĐÀNG THỨ BA**

#### **special topic: the heavens and the third heaven**

Trong Cựu Ước, từ Thiên Đàng thường có số nhiều (ví dụ., *shamayim*, BDB 1029). Có nghĩa : “trên cao” The Hebrew term means “height.” Đức Chúa Trời ngự ở trên cao. Khái niệm này chỉ về sự thánh khiết và siêu việt của Chúa .

Sáng thế 1:1 Trời đất” thể số nhiều, Đức Chúa Trời tạo dựng (1) Bầu trời trên mặt đất, hoặc (2) đây là cách ám chỉ tất cả những gì thuộc linh và thuộc thể. Khi hiểu một cách cơ bản dựa theo các văn tự khác, nó có thêm ý nghĩa các mức độ khác nhau của các bậc thiên đàng: Các tầng trời thái cổ Thi Thiên 68:33 hoặc trời và các tầng trời cao nhất (Phục Truyền) 10:4, I Sứ-ký. 8:27; Nê-hê-mi 9:6; Thi Thiên. 148:4). Các thầy dạy luật phỏng đoán

1. Có 2 thiên đàng (ví dụ., R. Judah, Hagigah 12b)
2. Có 3 thiên đàng (Test. Levi 2-3; Ascen. of Ê-sai 6-7; Midrash Tehillim on Thi Thiên 114:1)
3. có 5 thiên đàng (III Baruch)
4. Có bảy thiên đàng (R. Si-monb. Lakish; II Enoch 8; Ascen. of Ê-sai 9:7)
5. Có mười thiên đàng (II Enoch 20:3b; 22:1)

Tất cả đều muốn giới thiệu Đức Chúa Trời khác biệt khỏi tạo hóa thuộc thể và sự siêu việt của Ngài. Thường các thầy Do-thái giáo chấp nhận 7 thiên đàng . A. Cohen, *Everyman's Talmud* (p. 30), nói đây là sự kết nối với các vàng thiên văn, nhưng tôi nghĩ rằng con số bảy tương trưng cho sự trọn vẹn, (ví dụ bảy ngày tạo hóa kết thúc bởi sự nghỉ ngơi của Đức Chúa Trời trong Sáng thế).

Phao-lô, in II Cô-rin. 12:2, nhắc đến thiên đàng thứ ba, (tiếng Hy-lạp *ouranos*) như một cách mô tả Đức Chúa Trời hiện diện một cách huy hoàng. Phao-lô có cuộc gặp gỡ một cách cá nhân với Đức Chúa Trời!

} “ **Tiếng thứ nhất mà tôi đã nghe, giống như tiếng kèn,** ” Một giọng như tiếng kèn đã được nhắc tới trong 1:10 (xem ghi chú). Lúc đầu độc giả có cảm tưởng đây là giọng của Chúa Giê-su, như thực ra Chúa Giê-su chưa xuất hiện cho tới 5:5,9-10,12,13, nên đây có thể là giọng của thiên sứ giới thiệu, (cũng là đặc trưng của văn chương Khải thị). Tiếng nói và kèn của thiên sứ ở thời điểm Tái Lâm cũng được Phao-lô miêu tả trong (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 4:16).

} “**Hãy lên đây, come up here**” Thuyết ‘giai đoạn thần thị’ (dispensationalism) ngộ nhận đây là bằng chứng của “sự Hoan Hỷ”, hay “hội thánh được bí mật cất lên”. Các định kiến của họ bao gồm: tất cả tiên tri Cựu Ước đều đã ứng nghiệm, hội thánh và dân I-sơ-ra-en hoàn toàn riêng biệt, hội thánh phải được cất lên không trung một cách bí mật, để mọi tiên tri Cựu Ước được ứng nghiệm đối với I-sơ-ra-en. Thường lý luận này được ủng hộ bởi sự yên lặng của hội thánh, chữ hội thánh không còn xuất hiện sau chương 3 nữa, trừ trong câu 22:10. Tuy nhiên theo ngữ cảnh, chúng ta không thấy gì chứng tỏ ai - ngoài Giăng - đã lên đến thiên đàng.

Các tia chớp và sấm sét trong câu 5 gợi nhớ tới việc Mô-sê lên núi Si-nai (xem Xuất Hành 19:20,24) để nhận khải thị của Đức Chúa Trời, (xem Xuất Hành 19-20, đặc biệt. 19:16,19).

Cũng xin để ý tiếng của Đức Chúa Trời cũng vang rền như kèn trong Xuất Hành 19:19 (xem Chủ Đề Đặc Biệt: “Khí cụ dùng ở I-sơ-ra-en” ở câu 1:10).

} “**những gì phải xảy ra sau này.**” Câu này liên tưởng tới to Đa-ni-ên 2:29,45. Nếu vậy, nó phản chiếu các sự kiện lịch sử theo chu kỳ, chứ không phải chỉ trong tương lai. Khải Huyền không chỉ bao gồm những gì thuộc về thế kỷ thứ nhất và sau cùng, nhưng thuộc về:

1. mọi thế kỷ, lặp đi lặp lại, (xem Ma-thi-ơ 24:4-14)
2. giai đoạn giữa giáng lâm và tái lâm, (7 đơn vị văn chương của cuốn sách). Câu này giống câu 1:1. Lời và ý chỉ của Đức Chúa Trời phải (*dei*) được ứng nghiệm. Ở đây, tuy không thấy yếu tố thời gian, sự chắc chắn không vì thế mà bị xem nhẹ: Đức Chúa Trời sẽ thực thi hoàn tất chương trình cứu rỗi của Ngài.

**4:2 “Lập tức, tôi được Thánh Linh cảm hóa; ”** Giăng miêu tả tình trạng Thần Linh chế ngự. 1:10; 17:3 21:10., tương tự Ê-xê-chi-ên trong Ê-xê-chi-ên 8:1-4; 11:1, Chúa Giê-su trong Ma-thi-ơ 4:8; Phi-líp trong Công Vụ 8:39-40, Phao-lô trong II Cô-rin-tô 12:1-2. Không ai biết chắc đây là tình trạng “thần trí hôn mê”, hay “được vận chuyển bằng Thánh Linh” .

} “**có một chiếc ngai (đứng) ở trên trời; trên ngai có một Đấng đang ngồi!**” Thuật ngữ ‘ngai’ (*thronos*) được dùng 47 lần trong Khải Huyền, Sự tể trị của Đức Chúa Trời là chủ đề chính của khải thị thiên đàng, chương 4 và 5. Ngai là biểu tượng theo cách khải thị, nói về Đức Giê-hô-va điều hành lịch sử nhân loại. Đức Chúa Trời là Thần Linh, Vĩnh Cửu. Ngài không ngồi trên Ngai thuộc thế (xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 2:1)!

Một trong các mục đích của thể loại tiên tri và khải thị là minh họa kiến thức và quyền quyết đoán các sự kiện tương lai. Tất cả quá trình lịch sử đều được Ngài biết và phục vụ mục đích của Ngài, (*Telos*, xem Ma-thi-ơ 24:14; I Cô-rin-tô 15:24-28).

Ngai ở đây được miêu tả trong tư thế ‘đứng’ (bản anh ngữ), ‘đặt’ (bản việt ngữ 1934), (động từ thì chưa hoàn thành). Có thể có hai ý nghĩa: (1) luôn luôn đứng từ trước tới nay, hoặc (2) vừa được dựng lên, liên tưởng tới 7:9, “những ngai được sắp đặt.”

**4:3 “Đấng ngồi trên ngai trông giống như ...”** Giăng không miêu tả dung nhan của Đức Chúa Trời, bởi trong ý tưởng Do-thái đây là điều cấm kỵ, (xem Xuất Hành 33:17-23; Ê-sai 6:5). Ông dùng màu sắc của ba loại đá quý để miêu tả sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Đá quý cũng được dùng để mô tả Vườn Thiên Đàng trong Ê-xê-chi-ên 28:13 .

} bích ngọc

NASB, NKJV,

NRSV, TEV “ngọc thạch anh”

NJB “kim cương”

Màu sắc và tên gọi của loại đá quý không được rõ ràng trong văn chương cổ, do bị thay đổi qua các địa phương và giai đoạn. Ngọc thạch anh là viên đá đầu tiên trên bảng treo ngực của thầy Thượng Tế, Xuất Hành 28:17-21. Loại đá này có vẻ trong suốt, liên hệ tới “biển thủy tinh” trong (xem 4:6; 15:2; 21:11,18,21). Nó cũng được dịch là kim cương.

}Mã não

NASB, NKJV “**Hồng ngọc - sardius**”

NRSV, TEV “**Mã não - carnelian**”

NJB “**Ngọc đỏ - ruby**”

Đây là đá (ngọc) màu đỏ máu, là viên đá cuối cùng trong tấm bảng treo ngực của thầy Thượng Tế. Có thể đây là biểu tượng cho Đức Chúa Trời, Đấng đầu tiên và Cuối cùng, với sự nhấn mạnh trên bộ tộc Giu-đa mà Đấng Mê-si-a sẽ xuất hiện (cầu vòng lục bửu thạch). Trong văn chương cổ, hai loại đá này là sự tương trưng cho tất cả các loại đá quý và trang sức.

} “**chung quanh ngai có cầu vòng giống như lục bửu thạch.**” Lục bửu thạch là hòn đá tượng trưng cho Giu-đa trên bảng treo ngực của thầy Thượng Tế. Ý nghĩa ‘cầu vòng’ thường mang tính phỏng đoán, nhưng chủ yếu dựa trên hai lý thuyết:

1. Có người coi đây là hình ảnh từ Sáng Thế 9:16, trong đó cầu vòng là giao ước bảo vệ của Đức Chúa Trời, là dấu hiệu cơn bão đã qua, là hứa ngôn và sự thương xót của Đức Chúa Trời trong cơn bất bớ, nhịn nhục.
2. Có nhóm khác liên hệ tới Ê-xê-chiên 1:28, biểu tượng vinh hiển của Đức Giê-hô-va.

Cầu vòng là dấu hiệu sự phán xét hay giao ước là điều không biết chắc, nhưng màu xanh (lục bảo) của cầu vòng không phải là sự phản chiếu ánh sáng tự nhiên.

**4:4 “Quanh ngai có hai mươi bốn ngai khác.”** Dưới đây là những tranh luận về 24 ngai.

1. Có người cho đây là hệ thống các thầy tế lễ dòng A-ron, được sắp đặt bởi vua Đa-vít. I Sử Ký 24:7-19
2. Có người coi đây là hội đồng thiên đàng được nhắc trong I Các Vua 22:19; Ê-sai 24:23; Đa-ni-ên 7:9-10,26
3. Hầu hết nghĩ đây là đại diện 12 bộ tộc Cựu Ước và 12 sứ đồ Tân Ước, hiệp lại bao gồm toàn bộ dân tuyển của Đức Chúa Trời. (xem 21:12,14)

Thật ngạc nhiên khi không thấy con số 24 trong văn chương Khải thị Do-thái giai đoạn giữa hai giao ước.

} “**trên những ngai ấy có hai mươi bốn trưởng lão đang ngồi**” Cũng có nhiều tranh luận về danh tính 24 vị trưởng lão, dựa theo hai lý thuyết:

1. Họ đại diện cho tín đồ:
  - a. mặc y phục trắng (xem I Cô-rin-tô 9:25; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:19; II Ti-mô-thê 4:8; Gia-cơ 1:12; I Phi-ê-rơ 5:4)
  - b. chưa bao giờ thấy thiên sứ đội mũ và ngồi trên ngai (xem các câu 4,10)
  - c. Họ ở trong danh sách ‘được tạo dựng’ cùng thiên sứ (xem 5:11)
  - d. 5:9-10 trong các bản cổ Vulgate, Peshitta, và Textus Receptus mới hơn có bao gồm các trưởng lão trong bài ca cứu chuộc.
2. Họ đại diện cho thiên sứ:
  - a. Mặc y phục trắng (xem Ma-thi-ơ 28:3; Giăng 20:12; Mác 16:5; Công Vụ 1:10; Khải Huyền 15:6 and Đa-ni-ên 10:5,6)
  - b. Luôn được xác nhận bên cạnh 4 sinh linh 5:11,14, như một trong 3 tầng lớp thiên sứ
  - c. Một trưởng lão có tư cách là thiên sứ mặc khải (xem 5:5)
  - d. Trong Ê-sai 24:23 hội đồng thiên sứ cũng được gọi là trưởng lão.
  - e. Ngữ cảnh câu 5:10 ám chỉ các trưởng lão không nằm trong bài ca của nhân loại được cứu.

### **Chủ Đề Đặc Biệt: TRƯỞNG LÃO ( ELDER)**

#### **I. Trong Cựu Ước**

A. Nói về Thiên sứ trong Hội Đồng Thiên Sứ (xem Ê-sai 24:23). Thuật ngữ này cũng được dùng tương tự trong Khải Huyền (xem 4:4,10; 5:5,6,8,11,14; 7:11,13; 11:16; 14:3; 19:4).

B. Nói về người lãnh đạo các bộ tộc (*zaqen*) in the OT (xem Xuất. 3:16; Dân-số-ký 11:16). Sau này cũng được dùng nói về nhóm lãnh đạo trong hội đồng công luật tối cao, San-hê-rin (xem Ma-thi-ơ. 21:23; 26:57). Trong thời Chúa Giê-su có 70 thành viên, được kiểm soát bởi Thầy Tế Lễ Tối Cao thoái hóa. (họ không thuộc dòng dõi A-rôn, nhưng được mua quyền chức từ chính quyền La-mã).

## II. Trong Tân Ước

A. Nói về những người lãnh đạo hội thánh địa phương. Có ba danh hiệu tương đồng (Mục sư, giám mục, trưởng lão) xem . Tít 1:5,7; Công-vụ 20:17,28). Phi-ê-rơ và Giăng dùng danh hiệu này để đặt mình trong vị trí lãnh đạo, (xem I Phi-ê-rơ 5:1; II Giăng 1; III Giăng 1).

B. Cách chơi chữ của thuật ngữ (*presbuteros*) trong 1 Phi-ê-rơ 1:1 và 5, dành cho những người lãnh đạo, xem câu 1 và cho những người cao tuổi xem câu 5. Điều đáng ngạc nhiên là '*presbuteros*' theo tiếng Hê-bơ-rơ nói về người lãnh đạo bộ tộc và còn theo tiếng Hy-lạp '*episcopos*' có nghĩa người lãnh đạo thành phố, thị trưởng. 1 Phi-ê-rơ sử dụng thuật ngữ Do-thái để gọi sứ điệp tới tín đồ ngoại bang.

Phi-ê-rơ tự xưng mình là người đồng sự trong chức vụ trưởng lão. Thuật ngữ *presbuteros* với giới từ 'syn', có nghĩa cộng hưởng với trưởng lão. Phi-ê-rơ không áp đặt quyền sứ đồ trên các vị lãnh đạo địa phương, nhưng "khích lệ" (động từ chỉ định chủ động thì hiện tại) họ hành động và sống

1. Theo tấm gương Đấng Christ.

2. Theo bối cảnh cận kề Tái Lâm.

Các hội thánh nguyên thủy không trả lương cho các trưởng lão, nhưng xác nhận ân tứ thuộc linh và khả năng lãnh đạo của họ trong hội thánh địa phương. Sự xác nhận này phải được quân bình với sự khôn ngoan của lớp người cao tuổi, rất quan trọng đối với cộng đồng tín đồ Do-thái. Chính vì vậy Phi-ê-rơ đề cập tới cả hai loại lãnh đạo.

Thêm nữa, thuật ngữ 'trưởng lão' mang số nhiều, có thể (1) Phi-ê-rơ nói chuyện với nhiều trưởng lão của các hội thánh tư gia, (xem Công Vụ 20:17), hoặc (2) với các lãnh đạo của nhiều chức vụ trong một hội thánh, Ê-phê-sô 4:11), có nghĩa rằng chức vụ trưởng lão thuộc về tất cả mọi tín đồ, theo quan điểm vương quốc các thầy tế lễ, (xem 1 Phi-ê-rơ 2:5,9).

C. Nói về người lớn tuổi trong hội thánh, không nhất thiết ở trong vị trí lãnh đạo (xem I Ti-mô-thê 5:1; Tít 2:2)

} "**mão triều thiên bằng vàng.**" Không đâu trong Kinh Thánh thấy thiên sứ đội mão triều thiên, (kể cả vị thiên sứ hùng mạnh trong Đa-ni-ên 10). Nhưng đạo binh quý (dạng châu chấu) từ vực thẳm lên, đội "cái gì như mão, miện bằng vàng" Khải Huyền 9:7.

**4:5 " có bảy ngọn đèn cháy sáng trước ngai, "** Đây là bảy cây đèn, chứ không phải một đèn với bảy ngọn lửa, (xem Xuất Hành 25:37; Xa-cha-ri 4:2). Số bảy ở đây có ý nghĩa sự hiện diện tuyệt hảo của Đức Chúa Trời, cũng giống như các con số bảy khác.

} "**đó là bảy linh của Đức Chúa Trời.**" Tương tự với các câu 1:4; 3:1 và 5:6. Thường được hiểu đây nói về Đức Thánh Linh, dựa theo câu 1:4, nhưng không có câu Kinh Thánh nào khác khẳng định điều này. Có thể bảy linh tương tự như bảy đèn và bảo sao, đều ám chỉ bảy hội thánh, câu 3:1, 4:5, hoặc liên hệ tới Chiên Con Toàn Năng, Toàn Tại, câu 5:6, xem Chủ Đề Đặc Biệt: Bảy Linh ở câu 1:4.

**4:6 " Trước ngai dường như có biển thủy tinh trong như pha lê; "** Có nhiều cách giải thích câu này

1. Có thể nói về bể nước bằng đồng trong Đền Thánh (xem I Các Vua 7:23; II Sử Ký 4:2-6)
2. Có thể dự trên khái niệm biển pha-lê, bệ bích ngọc dưới chân Ngai trong suốt như bầu trời xanh (Xuất Hành 24:9-10)
3. Có thể một phần trong cỗ xe với Ngai của Đức Chúa Trời, (vòm chiếu sáng như thủy tinh) Ê-xê-chiên 1:22,26; 10:1
4. Có thể là biểu tượng chia cách sự thánh khiết của Đức Chúa Trời (xem 15:2).  
Biển được loại bỏ trong Khải Huyền 21:1, chứng tỏ sự nguyên rửa từ Sáng thế 3 bởi tội lỗi và chia ly



không còn nữa, xem ghi chú ở câu 21:1

} “ **có bốn sinh vật** ” Những sinh vật được miêu tả trong câu 6-8. Có thể là Chê-ru-bim (*cherubim*) trong Ê-xê-chiên 1:5-10; 10:1-17 và Sê-ra-phim (*seraphim*) trong Ê-sai 6:2,3. Số lượng cánh và khuôn mặt khác nhau, nhưng đây là phác họa của các linh sinh dạng con vật, người và thiên sứ xung quanh Ngai Đức Chúa Trời, (xem 4:6,8,9; 5:6,8,11,14; 6:1,3,5,7; 7:11; 14:3; 15:7; 19:4).

### **Chủ Đề Đặc Biệt: CHÊ-RU-BIM**

#### **Special Topic: Cherubim** (BDB 500, KB 497)

A. Một trong các dạng sinh linh trong Cựu Ước (Chê-ru-bim, Sê-pha-rim, Thiên Sứ Trưởng, thiên sứ mang sứ điệp) Chê-ru-bim thường canh giữ những nơi thánh, (xem Sáng Thế 3:24; Xuất Hành 25:18-22; 1 Các Vua 8:6-7).

B. Ý nghĩa thuật ngữ không rõ ràng:

1. từ ngôn ngữ A-ca-đi-an (Akkadian) có nghĩa ‘cầu thay’ hoặc ‘trung bảo’ giữa Đức Chúa Trời và con người.
2. từ tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa “cỗ xe” (một cách chơi chữ), (xem Ê-xê-chiên 1; 10)
3. một số học giả cho rằng đây là ‘sự hiện diện rực sáng’

C. Hình dạng thuộc thể - cũng khó biết chắc bởi sự miêu tả khác nhau sinh linh ‘người-thú’ trong Kinh Thánh và văn chương Trung Cận Đông một số người liên hệ Chê-ru-bim tới:

1. Bò đực có cánh vùng Mê-sô-pô-ta-mia (Mesopotamia)
2. Chim ưng – sư tử có cánh – vùng Ai-cập, còn gọi là con "griffins"
3. Thú có cánh trên ngai của vua Hi-ram (Hiram xứ Tyres)
4. Con Xphanh (sphinx) của Ai-cập, tương tự được điêu khắc trong toà ngà voi của vua A-háp, Sa-ma-ria

D. sự miêu tả thuộc thể

1. Hình dạng được liên hệ tới Se-ra-phim trong Ê-sai 6.

2. Ví dụ sự khác biệt.

a. số mặt:

- (1) hai – Ê-xê-chiên 41:18
- (2) bốn – Ê-xê-chiên 1:6,10; 10:14,21
- (3) một – Khải Huyền 4:7

b. số cánh

- (1) hai – 1 Các Vua 6:24
- (2) bốn – Ê-xê-chiên 1:6,11; 10:7,8-21
- (3) sáu (like Seraphim of Ê-sai 6:2) – Khải Huyền 4:8

3. các chi thể khác (còn được gọi “sinh vật sống”)

c. tay người – Ê-xê-chiên 1:8; 10:8,21

d. chân

- (1) thẳng, không đầu gối – Ê-xê-chiên 1:7
- (2) bàn chân bò đực – Ê-xê-chiên 1:7

4. Sử gia Giô-sê-phút (Flavius Josephus) thừa nhận không ai có thể biết Chê-ru-bim có hình thù như thế nào (xem Antiquities of the Jews, VIII.3.3).

E. Lãnh vực và mục đích trong Kinh Thánh

1. Canh giữ cây sự sống. Sáng Thế 3:24 (có thể là biểu tượng trong Ê-xê-chiên 28:14,16)

2. Canh giữ Lều Tạm.

a. Ngự trên Hòm Giao Ước, Xuất Hành 25:18-20; Dân Số 7:89; 1 Sa-mu-ên 4:4; Hê-bơ-rơ 9:5

b. Được thêu hình trên tấm màn, rèm của Lều Tạm Xuất Hành 26:1,31; 36:8,35

3. Canh giữ Đền Thánh Sô-lô-môn.

a. Hai Chê-ru-bim trong nơi Cực Thánh. 1 Các Vua 6:23-28; 8:6-7; 2 Sử Ký 3:10-14; 5:7-9

b. trên tường trong Nội Cung; 1 Các Vua 6:29,35; 2 Sử Ký 3:7

- c. trên tấm đồng của các bể nước; 1 Các Vua 7:27-39
- 4. Canh giữ Đền thờ Ê-xê-chiên, khám vào tường và cửa. Ê-xê-chiên 41:18-20, 25
- 5. Liên hệ tới cỗ xe của Đức Chúa Trời
  - a. Có thể là ẩn dụ về gió. 2 Sa-mu-ên 22:11; Thi Thiên 18:10; 104:3-4; Ê-sai 19:1
  - b. Canh giữ Ngai của Đức Chúa Trời. ; Thi Thiên 80:1; 99:1; Ê-sai 37:16
  - c. Canh giữ cỗ xe của Đức Chúa Trời.; Ê-xê-chiên 1:4-28; 10:3-22; 1 Sử Ký 28:18
- 6. Đền thờ Hê-rôt – được vẽ trên tường (ví dụ xem Talmud "Yoma" 54a)
- 7. Khung cảnh Ngai của Đức Chúa Trời trong Khải Huyền 4-5)

} “ **phía trước và phía sau đầy những mắt.** ” Những con mắt của từng khuôn mặt trong số bốn khuôn mặt, biểu tượng cho tính toàn tri của Đức Chúa Trời, (xem câu 8; Ê-xê-chiên 1:18; 10:12).

**4:7 “ sư tử, bò đực, người, và đại bàng ”** Đây rõ ràng là sự liên tưởng tới Ê-xê-chiên 1:6,10. Trong văn chương của các thầy Ra-bi, bốn con vật này là bốn sinh vật mạnh nhất được Đức Chúa Trời tạo dựng. I-rê-na-út (Irenaeus) (A.D. 120 -202) dùng 4 sinh vật này làm biểu tượng cho 4 tác giả Phúc Âm, (theo truyền thống giáo hội: Giăng là chim ưng, Lu-ca là con người, Mác là con bò và Ma-thi-ơ là sư tử.) Nhưng điều này mang tính chất biểu tượng và suy đoán. Những sinh vật này phải được hiểu một cách biểu tượng chứ không theo nghĩa đen. Hiểu biết về giống loài trong tạo hóa, sự kết hợp thú-người trở nên điều dơ dáy chiểu theo theo luật Mô-sê. Những sinh vật này không phải là các thực thể mà chỉ là biểu tượng sâu xa, dùng miêu tả chân lý thuộc linh tối hậu: ở đây nói về Đức Chúa Trời Đấng Sống Đời đời câu 8,9) , Đấng Thánh (Câu 8) (câu 11)

**4:8 “Thánh thay, thánh thay, thánh thay,”** Các sinh linh nhắc lại bài ca của Sê-ra-phim trong Ê-sai 6:2,3. Đây là một trong nhiều bài ca trong Khải Huyền, (xem 4:8,11; 5:9-10,12,13; 7:12; 11:17-18; 12:10-12; 15:3-4; 16:5-7; 18:2-8; 19:1-3, 6-7). Nhiều khi các bài ca giải nghĩa cho khải thị, nhưng cũng có lúc vẫn là điều bí ẩn trong quan điểm Hê-bơ-rơ, miêu tả sự thánh khiết tối hậu của Đức Chúa Trời.

} “**Chúa là Đức Chúa Trời Toàn Năng,**” Câu này là danh hiệu của Đức Giê-hô-va từ Cựu Ước, (xem 1:8):

1. Chúa= Đức Giê-hô-va (xem Xuất Hành 3:14; Thi Thiên 103)
2. Đức Chúa Trời = *Elohim* (xem Thi Thiên 104)
3. Đấng Toàn Năng = *El Shaddai*, Danh của Đức Chúa Trời thời các tổ phụ Áp-ra-ham, I-sác, Gia-cốp, (xem Xuất Hành 6:3) xem Chủ Đề Đặc Biệt: danh hiệu Đức Chúa Trời 1:8.

} “**ĐÁNG ĐÃ CÓ, HIỆN CÓ VÀ ĐANG ĐẾN**” Đây là danh hiệu hiện thời (xem 1:4; 4:8; xem ghi chú ở câu 1:4, theo cách chơi chữ của động từ “Ta Là”. Chủ đề này được lặp lại trong câu 9, 10 như sau: “Đấng sống đời đời và vô cùng” (xem 10:6; 15:7).

**4:9-11** Đây là một câu trong bản Hy-lạp miêu tả sự thờ phượng tối hậu của các thiên sứ đối với Đấng ngồi trên ngai và sống đời đời, (xem Thi Thiên 47; Đa-ni-ên 4:34; 12:7). Điều này liên tưởng tới các sinh linh mời gọi Hội Đồng Thiên Sứ tối cao (xem I Các Vua 22:19; Gióp 1:6; Đa-ni-ên 7:10), hoặc theo người Do-thái, mời gọi “Thiên Sứ trước mặt Đức Chúa Trời ” (ví dụ Tobit 12:15).

**4:9 “ các sinh vật dâng vinh quang, tôn trọng và cảm tạ”**

Các sinh linh thiên sứ này được nhắc tới nhiều lần khác: (xem 5:6,8,14; 6:1; 7:11; 14:3; 15:7; 19:4).

**4:10 “Họ ném mào triều thiên của mình trước ngài,”** Đây là cách họ xác nhận Đức Chúa Trời xứng đáng được mọi sự tôn vinh và kính trọng. Vì bất cứ lý do nào họ đã có các mào miện, họ đều dành quyền ban cho từ Đức Chúa Trời!

**4:11 “Vì Chúa đã tạo dựng muôn vật,”** Mọi trường lão và mọi sinh vật đều ngợi khen Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa, cung ứng, bảo vệ mọi sự. Tính sáng tạo được thể hiện qua danh *Elohim* (xem Sáng Thế 1; Gióp 38-41; Thi Thiên 104). Chương này sử dụng danh hiệu Đấng Tạo Hóa để mô tả công việc của Ngài. Tân Ước mặc khải chính Chúa Giê-su là tác nhân của công trình sáng tạo của Đức Chúa Trời, (xem Giăng 1:3; I Cô-rin-tô 8:6; Cô-lô-sê 1:16 and Hê-bơ-rơ 1:2).

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 5:1-5**

**<sup>1</sup>Rồi tôi nhìn thấy trong tay phải của Đấng ngồi trên ngài một quyển sách viết cả trong lẫn ngoài, được niêm bằng bảy ấn. <sup>2</sup>Tôi cũng thấy một thiên sứ đầy uy lực lớn tiếng công bố rằng: “Ai là người xứng đáng mở quyển sách và tháo các ấn này?” <sup>3</sup>Không một ai ở trên trời, dưới đất hoặc bên dưới đất có thể mở hoặc nhìn vào quyển sách. <sup>4</sup>Tôi khóc nức nở, vì không ai xứng đáng mở hoặc nhìn vào quyển sách. <sup>5</sup>Nhưng một trong các trường lão nói với tôi: “Đừng khóc, kìa, Sư tử của bộ tộc Giu-đa, hậu tự của Đa-vít, đã đắc thắng nên có thể mở quyển sách và mở bảy ấn ra.**

**5:1 “Rồi tôi nhìn thấy trong tay phải của Đấng ngồi trên ngài”** Có một cách dịch tốt hơn là “trên tay phải của Đấng ngồi trên Ngài”, (bản dịch Peshitta của Lamsa và Amplified Bible). “Trong tay” có nghĩa là nắm chặt, còn “trên tay” có nghĩa là rộng mở, mời gọi ai đến nhận cuốn sách.

Câu “tay phải của Ngài” là ẩn dụ về thẩm quyền và năng lực của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không có chi thể. Ngài là thần linh (Giăng 4:24), vô tạo và vĩnh cửu, xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 2:1.

} **“một quyển sách”** Thuật ngữ Hy-lạp là “*biblion*”, có nghĩa là bộ luật, sách. Vì sách không xuất hiện cho tới thế kỷ thứ hai, nên đối với độc giả nguyên thủy, họ chỉ có cuộn, làm từ vật liệu lau sậy hoặc da. (NKJV, NRSV, TEV and NJB). Có một vài giả thiết về “quyển sách” như sau:

1. Sách về những tai họa được chép trong Ê-xê-chiên 2:8-10; and Khải Huyền 10:8-11
2. Sách mà mọi người không muốn đọc bởi Đức Chúa Trời khiến họ mù mắt (xem Ê-sai 29:11; Rô-ma 11:8-10,25)
3. Các sự kiện Tận Thế, (xem Đa-ni-ên 8:26)
4. Một di chúc thời La-mã, được niêm khóa bởi 7 dấu ấn.
5. Sách Sự Sống, (xem Đa-ni-ên 7:10; 12:1), được nhắc đến nhiều lần trong Khải Huyền, (xem 3:5; 17:8; 20:12,15)
6. Cựu Ước, (xem Cô-lô-sê 2:14; Ê-phê-sô 2:15)
7. Tấm bảng từ trời, theo ngụ ý kinh I Enoch 81:1,2

Theo ý kiến riêng của tôi, giả thiết số 1,2,3 có lý nhất vì liên hệ tới định mạng của nhân loại và chung kết cực điểm của lịch sử.

} **“viết cả trong lẫn ngoài,”** Đây là điều bất thường vì khó có thể viết trên mặt ngoài của giấy lau sậy, mặc dầu cũng được nhắc tới trong Ê-xê-chiên 2:8-10 và Xa-cha-ri 5:3. Điều này biểu tượng cho sự vận hành tể trị trọn vẹn của Đức Chúa Trời trên lịch sử và định mệnh của nhân loại.

Cả hai động tính từ (viết và niêm ấn) đều trong dạng thụ động thì hoàn thành, “Được viết” nói về sự Linh cảm của Kinh Thánh, (ví dụ Giăng 6:45; 8:17; 10:34, etc). Còn “được niêm” nói về “quyển sách”, “cuộn” được gìn giữ, bảo vệ bởi chính Đức Chúa Trời.

} **“Rồi được niêm bằng bảy ấn”** Bảy ấn có thể đến từ hai nguồn khác nhau:

1. Số bảy là con số tuyệt hảo (liên tưởng tới Sáng Thế 1), vậy bảy ấn nói về sự niêm phong chắc chắn, tuyệt đối.

2. Di chúc của người La-mã được niêm bởi bảy ấn.

Ấn là một giọt sáp trên cuộn, hoặc sách, mang dấu mộc của chủ nhân, xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 7:2. Trong câu 6:1-8 đến 8:1, tháo ấn đem lại tai họa trên thế gian. Tuy nhiên, nội dung “cuộn” không được bày tỏ trong đơn vị văn chương này (chương 4,5). Xin để ý là ấn thứ bảy mở màn cho 7 kèn, nói cách khác, bảy kèn là ấn thứ bảy.

**5:2 “một thiên sứ đầy uy lực lớn”** Có người nghĩ đây là Thiên Sứ Ga-bri-ên, bởi tên Ga-bri-ên có nghĩa là “người hùng mạnh của Đức Chúa Trời”. Thiên sứ hùng mạnh khác được nhắc tới trong các câu 10:1 và 18:21. Vai trò trung gian của thiên sứ thường thấy trong văn chương Khải thị giữa hai giao ước.

} **“lớn tiếng công bố”** Thiên sứ công bố cho cả tạo hóa.

} **“Ai là người xứng đáng mở quyển sách và tháo các ấn này?”** Thuật ngữ “xứng đáng” liên tưởng tới bàn cân trong thương mại. Khi một vật trên đĩa cân bên này tương đương với trọng lượng quả cân bên kia, người ta nói “xứng đáng” thay vì nói “tương đương”. Cách sử dụng có thể mang tích cực hoặc tiêu cực. Ở đây “không ai xứng đáng” miêu tả giá trị khôn lường của Đấng Cứu Rỗi vô nhiễm tội lỗi. Chỉ có Chúa Giê-su mới xứng đáng với sứ mạng Cứu Chuộc và Chung Kết. Duy nhất mình Ngài! (xem 5:7, 9-10,12).

**5:3 “Không một ai ở trên trời, dưới đất hoặc bên dưới đất có thể mở hoặc nhìn vào quyển sách.”** Trong tất cả con người, thiên sứ, không một ai đủ tư cách để tháo ấn, mở màn chương trình của Đức Chúa Trời. Sự bạo loạn ảnh hưởng tới tất cả tạo hóa. Tạo hóa không thể tự giúp, không một ai xứng đáng trước Đức Chúa Trời.

**5:4 “Tôi khóc nức nở,”** Thì chưa hoàn thành của động từ “khóc”, có nghĩa đã và tiếp tục khóc. Hành động khóc ở đây là gào khóc lớn tiếng, rất đặc thù cho nền văn hóa Trung Cận Đông.

**5:5 “một trong các trưởng lão nói với tôi:”** Chúng ta thấy một ví dụ trưởng lão đóng vai trò giải nghĩa, cũng như trong Đa-ni-ên, xem Chủ Đề Đặc Biệt: Trưởng Lão ở câu 4:4.

} **“Dừng khóc”** Mệnh lệnh thúc thi hiện tại với tiểu từ thụ động, có nghĩa rằng hãy dừng hành động (khóc) đã bắt đầu và đang tiếp tục.

} **“Su tử của bộ tộc Giu-đa,”** Đây là điều liên tưởng tới Sáng Thế 49:9-10 (xem và ngụy kinh II Esdras 12:31,32). Biểu tượng của Đấng Mê-si-a là con su tử hùng mạnh từ bộ tộc Giu-đa.

} **“hậu tự của Đa-vít,”** Đây là điều liên tưởng tới II Sa-mu-ên 7 và đặc biệt tới Ê-sai 11:1-10. Ý tưởng Đấng Mê-si-a dòng Đa-vít được thấy trong Giê-rê-mi 23:5; 33:5 và Khải Huyền 22:16.

} **“đã đắc thắng”** Động từ chỉ định chủ động thì quá khứ, nói về hành động đã kết thúc. (Thập tự giá và Ngôi Mộ trống). Xin để ý rằng Đấng Mê-si-a không chiến thắng bởi quyền lực, nhưng bởi sự thương khó và hy sinh, (xem câu 6).

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 5:6-10**

<sup>6</sup>Tôi thấy Chiên Con như đã bị giết đang đứng giữa ngai, vây quanh bởi bốn sinh vật và các trưởng lão. Chiên Con có bảy sừng và bảy mắt, tức là bảy linh của Đức Chúa Trời sai đi khắp đất. <sup>7</sup>Chiên Con đến, lấy quyển sách nơi tay phải của Đấng ngồi trên ngai. <sup>8</sup>Khi Chiên Con lấy quyển sách, bốn sinh vật và hai mươi bốn trưởng lão phủ phục trước mặt Chiên Con; mỗi người cầm một chiếc thụ cầm và những bát bằng vàng đựng đầy hương, tức là lời cầu nguyện của các thánh đồ.

<sup>9</sup>Họ hát một bài ca mới rằng:

“Ngài xứng đáng lấy quyển sách

Và mở các ấn ra, vì Ngài đã bị giết,

Lấy huyết mình chuộc cho Đức Chúa Trời

Những người thuộc mọi bộ tộc, mọi ngôn ngữ, mọi dân, mọi nước,

<sup>10</sup>Và làm cho họ trở nên vương quốc và thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời chúng ta,

Và họ sẽ trị vì trên đất.”

**5:6 “Chiên Con ”** Một khái niệm về chiên con sinh tể (ví dụ chiên con , *arnion*) miêu tả sự hy sinh chuộc tội và phục sinh của Chúa Giê-su. Chiên Con được nhắc đến trong cả Khải Huyền, (xem 5:6,8,12,13; 6:1,16; 7:9,10,14,17; 12:11; 13:8; 14:1,4(hai lần),10; 15:3; 17:14; 19:7,9; 21:9,14,22,23,27; 22:1,3). Hình ảnh này đến từ

1. Chiên Con của Lễ Vượt Qua (Xuất Hành 12)
2. Một trong những chiên con được dâng tế buổi sáng và buổi tối mỗi ngày (xem Xuất Hành 29:38-46; Dân Số 28:3,6,10,23,31; 29:11,16,19,22,25,28,31,34,38)
3. Chiên Con bị giết trong Ê-sai 53:7 và Giăng 1:7,29

Chiên Con là ẩn dụ cho Chúa Giê-su với hai mục đích: (a) một sinh tể vô tội và (b) một người chiến thắng, cũng được thấy trong văn chương Khải thị giữa hai Giao ước (xem ngụ kinh I Enoch 90:9; Testament of Joseph 19:8-9). Trong Tân Ước, chỉ có Giăng nói về Chúa Giê-su là Chiên Con, Giăng 1:29,36 và Khải Huyền 5:6,8,12,13; 61:1. Phao-lô cũng xác nhận chân lý này, nhưng không sử dụng thuật ngữ Chiên Con trong I Cô-rin-tô 5:7.

} **“như đã bị giết ”** Ngài đã chết nhưng nay đang sống. Sự phục sinh của Đấng Christ được bắt chước bởi con thú từ biển trong (xem 13:3).

} **“Chiên Con có bảy sừng và bảy mắt, ”** Bảy sừng nói về tính toàn năng, (xem Xuất Hành 27:2; 29:12; Phục Truyền 33:17; II Sử Ký 18:10; Thi Thiên 112:9; 132:17; Giê-rê-mi 48:25; Ê-xê-chiên 29:21; Xa-cha-ri 1:18-21). “Bảy Mắt” nói về tính toàn tri (xem 4:6,8; Ê-xê-chiên 1:18; 10:12; Xa-cha-ri 3:9 and 4:10). Cả hai biểu tượng này đều được thấy trong Đa-ni-ên 7:13-14. .

} **“tức là bảy linh của Đức Chúa Trời ”** xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1:4 và ghi chú ở câu 4:5

**5:8 “Khi Chiên Con lấy quyển sách, bốn sinh vật và hai mươi bốn trưởng lão phủ phục trước mặt Chiên Con; ”** Thờ phượng Chiên Con và thờ phượng Đức Chúa Trời (câu 13) là chủ đề trọng tâm của Khải Huyền.

} **“những bát bằng vàng đựng đầy hương, tức là lời cầu nguyện của các thánh đồ.”** Thiên sứ là nhân vật trung gian mang lời cầu nguyện của tín đồ tới Đức Chúa Trời, là ý tưởng thường thấy trong văn chương Khải thị giữa hai Giao ước (xem ngụ kinh Tobit 12:15; III Baruch 11). Hương thơm là biểu tượng của sự cầu nguyện, xuất hiện vài lần trong Kinh Thánh, (xem 8:3-4; Thi Thiên 141:2; Lu-ca 1:10).

} **“thánh đồ.”** Mặc dầu thuật ngữ “hội thánh ” không có từ sau chương ba, khái niệm “thánh đồ” tiếp tục khá phổ biến trong phần còn lại của Khải Huyền, (xem 8:3-4; 11:18; 13:7,10; 14:12; 16:6; 17:6; 18:20,24; 19:8 đại diện cho tất cả con dân của Đức Chúa Trời.

#### **Chủ Đề Đặc Biệt: CÁC THÁNH ĐỒ , special topic: saints (hagios)**

Thuật ngữ *Hagios* tiếng Hy-lạp tương tự như thuật ngữ *Kadosh* tiếng Ê-bơ-rơ, (noun, BDB 871; verb, BDB 872, KB 1066-1067; xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thánh khiết. ), mang ý nghĩa một vật, một thứ, một người được biệt riêng để phục vụ Đức Chúa Trời. Tiếng Anh là “sacred” và tiếng Việt là “thánh”. I-so-ra-en là dân tộc thánh của Đức Giê-hô-va, (xem 1 Phi-ê-rơ 2:9, dẫn chứng từ Xuất Hành 19:6). Bản thân Đức Giê-hô-va cũng được biệt thánh khỏi nhân loại bởi bản thể thần linh vĩnh cửu, vô tạo và bản tính thánh khiết của Ngài. Ngài là tiêu chuẩn của mọi tiêu chuẩn, nhờ Ngài mà mọi sự được đong lường và phán xét. Đức Chúa Trời siêu phàm, thiêng liêng. Đức Chúa Trời tạo dựng con người với mục đích thông công. Nhưng tội lỗi trở nên hàng rào ngăn cách giữa Đấng Thánh và phạm nhân. Đức Chúa Trời chọn sự phục hồi tạo hóa, bởi vậy Ngài gọi con dân của Ngài nên thánh, (xem Lê-vi 11:44; 19:2; 20:7,26; 21:8). Bằng mối liên hệ bởi đức tin với Đức Giê-hô-va dân tuyên thuộc

linh trở nên thánh khiết qua giao ước và qua nếp sống, (xem Chủ Đề Đặc Biệt: sự Nền Thánh, xem Ma-thi-ơ 5:48; Ê-phê-sô 4:1,17; 5:2-3,15; 1 Phi-ê-rơ 1:15).

Nếp sống thánh khiết có thể thực hiện bởi tín đồ được tha thứ (1) qua sự sống Chúa Giê-su và (2) công tác Đức Thánh Linh trong tâm lòng và tâm trí. Điều này có vẻ là một nghịch lý:

1. Trở nên thánh khiết bởi sự công chính của Đấng Christ. (ví dụ Rô-ma 4)
2. Được gọi là thánh khiết bởi sự hiện diện của Đức Thánh Linh xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Nền Thánh.

Tín đồ trở nên thánh đồ bởi

1. Ý chỉ của Đấng Thánh (Đức Chúa Cha xem Giăng 6:29,40; 1 Phi-ê-rơ 1:15-16)
2. Công tác của Chúa Giê-su xem 2 Cô-rin-tô 5:21; 1 Phi-ê-rơ 1:18-21)
3. Sự ngự trị trong lòng của Đức Thánh Linh, (xem Rô-ma 8:9-11,27)

Tân Ước luôn nói về thánh đồ trong số nhiều, (trừ một trường hợp trong Philip 4:21). Được cứu là được tham gia vào gia đình thuộc linh, trở nên chi thể của thân thể, một khối của tòa nhà. Đức tin theo Kinh Thánh bắt đầu bởi cá nhân, nhưng phát triển trong cộng đồng. Mỗi chúng ta đều có ân tứ, 1 Cô-rin-tô 12:1, để xây dựng hội thánh lành mạnh, trưởng thành, là thân thể Đấng Christ. xem 1 Cô-rin-tô 12:7. Chúng ta được cứu để phục vụ. Thánh khiết là thuộc tính của gia đình.

Thánh đồ là danh hiệu nói về bản chất của tín đồ, (xem Công Vụ 9:13,32,41; 26:10; Rô-ma 1:7; 1 Cô-rin-tô 1:2; 2 Cô-rin-tô 1:1; Ê-phê-sô 1:1; Phi-líp 1:1; Cô-lô-sê 1:2), đồng thời là cách bày tỏ việc họ được biệt riêng để phục vụ người khác, (xem Rô-ma 12:13; 16:2; Ê-phê-sô 1:15; Cô-lô-sê 1:4; 1 Ti-mô-thê 5:10; Hê-bơ-rơ 6:10). Phao-lô tiếp nhận quà tặng từ tín đồ ngoại bang cho hội thánh mẹ ở Giê-ru-sa-lem (xem Rô-ma 15:25-26; 1 Cô-rin-tô 16:1; 2 Cô-rin-tô 8:4; 9:1).

**5:9-10** Có nhiều tranh luận việc có hay không có đại từ ‘chúng ta’ ở hai câu này. Bản NKJV có phần “cứu chuộc chúng ta cho Đức Chúa Trời” trong câu 9, và “làm chúng ta trở nên quốc vương và thầy tế lễ của Đức Chúa Trời” trong câu 10. Hầu hết các bản dịch hiện đại như NASB, NRSV, TEV, NJB (và bản RVV 2011, BD2011 tiếng Việt) bỏ qua đại từ “chúng ta” trong cả hai câu. Nếu “chúng ta” đều có mặt trong cả hai câu, thì sự cứu chuộc của Chúa Giê-su bao gồm cả 24 vị trưởng lão đang hát bài ca này. Điều này chứng tỏ họ là con người được cứu chứ không phải thiên sứ - bởi Kinh Thánh không nói đến việc thiên sứ được cứu. Thêm vào đó, trong câu 10, đại từ “họ” (*autous*), thay thế đại từ “chúng ta” trong bản sao nguyên thủy. Bản hiệu đính 4 của Thánh Kinh Liên Hiệp Hội cho rằng sự vắng mặt đại từ “chúng ta” trong hai câu này là chắc chắn.

**5:9 “Họ hát một bài ca mới rằng”** Từ Cựu Ước có nhiều sự liên tưởng tới bài ca mới, (xem Thi Thiên 33:3; 40:3; 98:1; 144:9; 149:1 and Ê-sai 42:10). Trong mỗi một sự kiện, dân tuyền của Chúa được khích lệ hát bài ca mới về công việc của Đức Chúa Trời. Ở đây, họ hát bài ca tối hậu về sự mặc khải của Đức Chúa Trời trong Đấng Mê-si-a và công tác cứu chuộc tín đồ của Đấng Mê-si-a, (xem các câu 9,12,13; 14:3).

Sự nhấn mạnh các “điều mới” được thấy trong Ê-sai 42-66.

1. “điều mới,” 42:9
2. “bài hát mới,” 42:10
3. “làm những việc mới,” 43:19
4. “sự mới,” 48:6
5. “tên mới” 62:6
6. “trời mới, đất mới” 65:17; 66:22.

Trong Khải Huyền cũng có những “điều mới”

1. “Giê-ru-sa-lem mới,” 3:12; 21:2
2. “tên mới,” 2:17; 3:12
3. “bài hát mới,” 5:9,10,12,13; 14:3
4. “trời mới, đất mới,” 21:1

} “Ngài xứng đáng lấy quyền sách và mở các ấn ra,” Bài hát mới (câu 9, 10) miêu tả 5 phần xứng đáng của Chiên Con .

1. sự chết thể (xem 5:6,9,12; 13:8; I Phi-ê-rơ 1:18-19)
2. trả giá bởi huyết (xem 5:9; 14:3-4; Mác 10:45; I Cô-rin-tô 6:19-20; 7:23; I Ti-mô-thê 2:6)
3. chuộc người thuộc các dân tộc (xem 5:9; 7:9; 14:6)
4. làm họ trở nên vương quốc các thầy tế lễ (xem 1:6; 5:10)
5. họ đồng trị với Ngài (xem 3:21; 5:10; 20:4)

} “**Những người thuộc mọi bộ tộc, mọi ngôn ngữ, mọi dân, mọi nước,**” Ân dụ về tính đại chúng của Phúc Âm (xem 7:9; 11:9; 13:7; 14:6), có thể liên tưởng tới Đa-ni-ên 3:4,7.

} “**Lấy huyết mình chuộc cho Đức Chúa Trời**” Liên hệ tới Chiên Con thể chuộc của Đức Chúa Trời. Hình ảnh Chúa Giê-su hy sinh chuộc tội là chủ đề trọng tâm của cả sách Khải Huyền, (xem 1:5; 5:9,12; 7:14; 12:11; 13:8; 14:4; 15:3; 19:7; 21:9,23; 22:3) và cả Tân Ước (xem Ma-thi-ơ 20:28; 26:28; Mác 10:45; Rô-ma 3:24-25; I Cô-rin-tô 6:20; 7:23; II Cô-rin-tô 5:21; Ga-la-ti 3:13; 4:5; Ê-phê-sô 1:7; Phi-líp 2:8; I Ti-mô-thê 2:6; Tít 2:14; Hê-bơ-rơ 9:28; and I Phi-ê-rơ 1:18-10).

special topic: ransom/redeem

### **Chủ Đề Đặc Biệt: GIÁ CHUỘC, CHUỘC LẠI,**

#### **I. Cựu Ước**

- A. Có hai thuật ngữ về mặt pháp lý trong tiếng Hê-bơ-rơ để hiểu khái niệm này.
- B. Ga'al (BDB 145 I, KB 169 I), có nghĩa “được tự do bởi giá chuộc đã trả” Một dạng đánh vần khác là ‘go'el’ thêm vô ý nghĩa “chuộc lại bởi người trung bảo”, thường là qua một thành viên gia đình (Người bà con có quyền chuộc lại sản nghiệp). Người này đứng ra chuộc lại tài sản, súc vật, ruộng đất đã mất (xem Lê-vi ký 25,27), (xem Ru-tơ 4:14; Ê-sai 29:22). Khái niệm này được mở rộng tới việc Đức Giê-hô-va chuộc lại dân I-sơ-ra-en từ Ai-cập, (xem Xuất Hành 6:6; 15:13; Thi Thiên 74:2; 77:15; Giê-rê-mi 31:11). Ngài trở nên Đấng Cứu Chuộc" (xem Gióp 19:25; Thi Thiên 19:14; 78:35; Châm Ngôn 23:11; Ê-sai 41:14; 43:14; 44:6,24; 47:4; 48:17; 49:7,26; 54:5,8; 59:20; 60:16; 63:16; Giê-rê-mi 50:34).
- C. Padah (BDB 804, KB 911), có ý nghĩa căn bản là “giải cứu”, “giải phóng”
  - a. sự cứu chuộc các con trường. (Xuất Hành 13:13-15 and Dân Số 18:15-17)
  - b. sự cứu chuộc thuộc thể khác sự cứu chuộc thuộc linh (Thi Thiên 49:7,8,15)
  - c. Đức Giê-hô-va sẽ cứu chuộc I-sơ-ra-en khỏi tội lỗi và phản loạn. (Thi Thiên 130:7-8)
- D. Khái niệm cứu chuộc liên hệ tới vài điều sau:
  1. Có nhu cầu giải cứu, như vòng nô-lệ, tù tội,
    - a. về mặt thuộc thể
    - b. về mặt xã hội,
    - c. về mặt thuộc linh, (xem Thi Thiên 130:8)
  2. Một giá chuộc phải trả cho sự tự do, phóng thích, hồi phục.
    - a. của dân I-sơ-ra-en (xem Phục Truyền 7:8)
    - b. của từng cá nhân (xem Gióp 19:25-27; 33:28; Ê-sai 53)
  3. Có người trung bảo. Trong ‘ga'al’ người này là người thuộc gia hay họ hàng (ví dụ go'el, BDB 145).
  4. Đức Giê-hô-va tự miêu tả với các thuật ngữ tương tự.
    - a. Người Cha
    - b. Người Chồng
    - c. Người bà con có quyền chuộc lại, / Đấng Cứu Chuộc Báo Thù. Qua giá chuộc được trả, sự cứu chuộc được đảm bảo.

#### **II. Tân Ước**

- A. Có vài thuật ngữ để hiểu khái niệm này
  1. Agorazō (xem I Cô-rin-tô 6:20; 7:23; 2 Phi-ê-rơ 2:1; Khải Huyền 5:9; 14:3-4). thuật ngữ thương mại nói về trả giá để mua thứ gì đó. Chúng ta được mua lại bởi huyết, chúng không là chủ nhân của sự sống, chúng ta thuộc về Đấng Christ.
  2. Exagorazō (xem Ga-la-ti 3:13; 4:5; Ê-phê-sô 5:16; Cô-lô-sê 4:5). Đây cũng là thuật ngữ thương mại, ám chỉ Chúa Giê-su chết thay cho chúng ta. Ngài gánh chịu sự nguyên rủa của luật pháp. (ví dụ Luật Mô-sê, xem Ê-phê-sô 2:14-16; Cô-lô-sê 2:14), mà tội nhân không thể thực hiện. Ngài gánh

chịu sự rửa sã (xem Phục Truyền 21:23) cho tất cả chúng ta, (xem Mác 10:45; 2 Cô-rin-tô 5:21)! Trong Chúa Giê-su, sự công nghĩa và tình thương của Đức Chúa Trời gặp gỡ, kết quả trong sự tha thứ, tiếp nhận và cửa mở vào thiên đàng. Nơi Đức Chúa Trời ngự.

3. Luō, "giải cứu, phóng thích"

a. Lutron, "một giá đã trả" (xem Ma-thi-ơ 20:28; Mác 10:45). Những thuật ngữ này được phát ra từ môi miệng của Chúa Giê-su về sứ mạng của Ngài trở nên Đấng Cứu Rỗi của nhân loại, qua trả giá cho món nợ tội lỗi mà Ngài không gây ra, (xem Giăng 1:29).

b. Lutroō, "phóng thích"

(1) cứu chuộc I-sơ-ra-en (Lu-ca 24:21)

(2) cứu chuộc và làm thánh một dân tuyền (Tít 2:14)

(3) trở nên sinh tể thay thế vô tội. (1 Phi-ê-rơ 1:18-19)

c. Lutrōsis, "sự cứu chuộc," "giải phóng," hay "giải cứu"

(1) Xa-cha-ri tiên tri Chúa Giê-su, Lu-ca 1:68

(2) An-nê ca ngợi Đức Chúa Trời về Chúa Giê-su, Lu-ca 2:38

(3) Chúa Giê-su là sinh tể tốt hơn, Hê-bơ-rơ 9:12

4. Apolytrōsis

a. cứu chuộc ở thời điểm Tái Lâm (xem Công Vụ 3:19-21)

(1) Lu-ca 21:28

(2) Rô-ma 8:23

(3) Ê-phê-sô 1:14; 4:30

(4) Hê-bơ-rơ 9:15

b. cứu chuộc trong sự chết của Đấng Christ

(1) Rô-ma 3:24

(2) 1 Cô-rin-tô 1:30

(3) Ê-phê-sô 1:7

(4) Cô-lô-sê 1:14

5. Antilytron (xem 1 Ti-mô-thê 2:6). Đây là câu quan trọng liên hệ tới sự chết chuộc tội trên Thập Tự giá. (tương tự câu Tít 2:14) Chúa Giê-su là Đấng Duy Nhất có thể chết thay cho loài người và trở nên Sinh Tể có thể chấp nhận cho Đức Chúa Trời (xem Giăng 1:29; 3:16-17; 4:42; 1 Ti-mô-thê 2:4; 4:10; Tít 2:11; 2 Phi-ê-rơ 3:9; 1 Giăng 2:2; 4:14).

B. Quan điểm thần học của Tân Ước.

1. Nhân loại trong vòng nô lệ tội lỗi, (xem Giăng 8:34; Rô-ma 3:10-18,23; 6:23).

2. Vòng tội lỗi của nhân loại được bày tỏ trong luật Mô-sê (xem Ga-la-ti 3) và Bài Giảng Trên Núi, (xem Ma-thi-ơ 5-7). Công đức lại là án tử hình của nhân loại (xem Cô-lô-sê 2:14)

3. Chúa Giê-su là Con Chiên vô tội của Đức Chúa Trời. đã chết thay cho chúng ta (xem Mác 10:45; Giăng 1:29; 2 Cô-rin-tô 5:21). Chúng ta được chuộc lại để phục vụ Đức Chúa Trời, (xem Rô-ma 6).

4. Đức Giê-hô-va và Chúa Giê-su là "người bà con có quyền chuộc lại" của chúng ta, (một hình ảnh ẩn dụ về thành viên gia đình: Cha, chồng, con, anh em, họ hàng gần gũi)

5. Sự Cứu chuộc không phải là giá phải trả cho Sa-tan (theo thần học trung cổ), nhưng là sự làm hòa với Đức Chúa Trời trong công nghĩa và yêu thương qua trung gian Chúa Giê-su. Hòa bình bắt đầu nơi Thập Tự Giá, sự bạo loạn được tha thứ, hình ảnh Đức Chúa Trời được hồi phục trong con người với sự thông công Thần – nhân mật thiết.

6. Vẫn còn sót lại khía cạnh sự cứu chuộc, (xem Rô-ma 8:23; Ê-phê-sô 1:14; 4:30), sẽ được ứng nghiệm bởi sự phục sinh của thân thể và gặp gỡ Chúa Ba Ngôi (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Ba Ngôi. Thân thể chúng ta sẽ trở nên giống Ngài, (xem 1 Giăng 3:2). Chúa đã có thân thể phục sinh, 1 Cô-rin-tô 15:12-19 with 1 Cô-rin-tô 15:35-58 nhưng còn có phần thuộc linh, là nghịch lý chúng ta không thể hiểu nổi. Rõ ràng chúng ta sẽ có thân thể phục sinh và thân thể thuộc linh, cũng như Chúa Giê-su.

**5:10 "và làm cho họ trở nên vương quốc và thày tế lễ"** Đây liên tưởng tới Xuất Hành 19:6 và Ê-sai 61:6. thuật ngữ này được dùng ám chỉ hội thánh, các tín đồ mang Sứ Mạng Truyền Giáo của Đức Chúa Trời, (xem Khải Huyền 1:6; 20:6; 1 Phi-ê-rơ 2:5,9), xem ghi chú câu 1:6.



} “**Và họ sẽ trị vì trên đất**” Nhiều dịch giả coi “trị vì” trong thì tương lai (sẽ), nhưng có nhóm khác coi đây trong thì hiện tại (đang). Có những sự khác biệt về thì trong các bản sao cổ: thì tương lai trong các bản MSS I, P và thì hiện tại trong các bản MS A (Alexandrinus). Thì hiện tại phù hợp với chân lý trong các câu Rô-ma 5:17 và Ê-phê-sô 2:6. Còn thì tương lai phù hợp với các câu nói về sự đồng trị của con dân Chúa với Đấng Christ (xem Ma-thi-ơ 19:28; Lu-ca 22:30; I Cô-rin-tô 4:8; II Ti-mô-thê 2:12; Khải Huyền 3:21; 5:10). Sự đồng trị được thấy trong hai cách:

1. trong Khải Huyền 20:4 & 6 nói về tể trị Ngàn Năm ( Thiên Hỷ Niên)
2. Trong Khải Huyền 22:5 nói về sự tể trị đời đời (xem Thi Thiên 145:13; Ê-sai 9:7; Đa-ni-ên 2:44; 7:14,18,27)
3. Cũng có thể Ngàn Năm là biểu tượng của sự đời đời.

Thánh Kinh Liên Hội xếp thì tương lai vào hạng A, có nghĩa là chắc vậy.

**Chủ Đề Đặc Biệt: TRỊ VÌ TRONG VƯƠNG QUỐC ĐỨC CHÚA TRỜI**  
**special topic: reigning in the kingdom of God**

Khái niệm đồng trị với Đấng Christ là một phần trong thần học về Vương Quốc Đức Chúa Trời, liên hệ đến ý tưởng từ Cựu Ước về Đức Chúa Trời là Vua chính thực của I-sơ-ra-en, (xem 1 Sa-mu-ên 8:7). Ngài trị vì một cách biểu tượng (1 Sa-mu-ên 8:7; 10:17-19) qua bộ tộc Giu-đa (xem Sáng Thế 49:10) và dòng họ Giê-sê (xem 2 Sa-mu-ên 7).

Chúa Giê-su ứng nghiệm các tiên tri về Đấng Christ trong Cựu Ước. Ngài khai trương Vương Quốc Đức Chúa Trời với sự nhập thể ở Bét-lê-hem. Vương Quốc Đức Chúa Trời là trọng tâm sự giảng dạy của Chúa Giê-su. Vương Quốc Đức Chúa Trời ứng nghiệm trọn vẹn trong Ngài, (xem Ma-thi-ơ 10:7; 11:12; 12:28; Mác 1:15; Lu-ca 10:9,11; 11:20; 16:16; 17:20-21).

Tuy nhiên, Vương Quốc Đức Chúa Trời còn ở trong thì tương lai (thời Tận Thế). Nước Trời được bày tỏ, nhưng chưa đến cực điểm, (xem Ma-thi-ơ 6:10; 8:11; 16:28; 22:1-14; 26:29; Lu-ca 9:27; 11:2; 13:29; 14:10-24; 22:16,18). Chúa Giê-su đến lần đầu với tư cách một đầy tớ. khiêm nhường (xem Ê-sai 52:13-53:12, Xa-cha-ri 9:9). Nhưng Ngài sẽ quay trở lại với tư cách một vị Vua trên các muôn vua, (xem Ma-thi-ơ 2:2; 21:5; 27:11-14). Khái niệm trị vì là một phần trong thần học Vương Quốc. Đức Chúa Trời đã trao Vương Quốc cho các tín đồ theo Chúa Giê-su (xem Lu-ca 12:32).

Khái niệm đồng trị với Đấng Christ có vài khía cạnh đáng quan tâm:

1. Phải chăng các câu nói về Đức Chúa Trời ban cho tín đồ Vương Quốc mang ý nghĩa đồng trị với Đấng Christ? (xem Ma-thi-ơ 5:3,10; Lu-ca 12:32)?
2. Phải chăng lời của Chúa Giê-su cho các tín đồ thể kỷ thứ nhất cũng thích hợp cho tín đồ mọi thế hệ, (xem Ma-thi-ơ 19:28; Lu-ca 22:28-30)?
3. Phải chăng Phao-lô nói tín đồ đồng trị trong đời này phân biện, hay xác nhận khái niệm trên, (xem Rô-ma 5:17; 1 Cô-rin-tô 4:8)?
4. Sự nhịn nhục và sự tể trị liên hệ với nhau như thế nào? (xem Rô-ma 8:17; 2 Ti-mô-thê 2:11-12; 1 Phi-lê-rơ 4:13; Khải Huyền 1:9)?
5. Một chủ đề lặp lại trong Khải Huyền là đồng trị với Đấng Christ vinh hiển. Phải chăng sự trị vì này liên hệ tới
  - a. Trần thế? , Khải Huyền 5:10
  - b. Thiên Hỷ Niên (1000 năm)? , Khải Huyền 20:4-6
  - c. Cõi Đời Đời?, Khải Huyền 2:26; 3:21; 22:5 and Đa-ni-ên 7:14,18,27

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 5:11-14**

<sup>11</sup>Tôi nhìn xem, và nghe tiếng của nhiều thiên sứ chung quanh ngài, các sinh vật và các trưởng lão. Có muôn muôn, nghìn nghìn thiên sứ<sup>12</sup>đồng hát lớn tiếng rằng:

“Chiên Con đã bị giết

**Xứng đáng được uy quyền, giàu có, khôn ngoan,  
Uy lực, tôn trọng, vinh quang và ca ngợi!”**

<sup>13</sup>Tôi nghe mọi tạo vật trên trời, dưới đất, bên dưới đất, trong biển, và tất cả mọi vật trong các nơi ấy đều nói rằng:

**“Chúc cho Đấng ngồi trên ngai và Chiên Con**

**Được ca ngợi, tôn trọng, vinh quang và uy lực cho đến đời đời!”**

<sup>14</sup>Bốn sinh vật đều nói: **“A-men!”** Và các trưởng lão phủ phục và thờ lạy.

**5:11 “nhiều thiên sứ”** Ở đây có sự phân biệt 3 nhóm thiên sứ: (1) muôn muôn, nghìn nghìn thiên sứ ; (2) bốn linh vật; (3) 24 trưởng lão. .

} **“Có muôn muôn, nghìn nghìn thiên sứ”** Đây liên tưởng đến cung điện thiên đàng từ Đa-ni-ên 7:10 (xem ghi chú câu 5:1).

**5:12 “Chiên Con đã bị giết... Xứng đáng được uy quyền,”** Sự xác nhận bởi thiên sứ về Đức Chúa Con. “bị giết” là tính động từ thụ động thì hoàn thành, có nghĩa “bị giết trong quá khứ, (xem 5:6; 13:8), với dấu hiệu và hiệu quả của sự giết vẫn còn đến ngày nay”. Liệu chúng ta có thể thấy vết đinh của Ngai trong thi thể phục sinh? Có chứ. Vết đinh trở nên huy chương vinh dự của Chiên Con. Biểu tượng Thập tự tuy ẩn giấu, nhưng là chủ đề chính của sách Khải Huyền, xem ghi chú ở câu 5:9

Trong câu này có bảy thuộc tính của Chiên Con được công bố bởi thiên sứ.

1. Uy quyền
2. Giàu sang
3. Khôn ngoan
4. Uy lực
5. Tôn trọng
6. Vinh hiển
7. Ca ngợi

Các thuộc tính này đến từ I Sứ Ký 29:10-12, cũng là nguồn gợi ý cho phần kết thúc của “Bài Cầu Nguyện Chung” Ma-thi-ơ 6:13 theo bản sao Hy-lạp cổ.

Bản dịch NASB Study Bible (trang 1855) cho thêm ghi chú, rằng ba thuộc tính trên bắt đầu ở câu 4:11, bốn thuộc tính bắt đầu ở câu 5:13, và cuối cùng bảy thuộc tính bắt đầu ở câu 5:12 và 7:12. Nên nhớ văn chương Khải thị có cấu trúc văn học rất cao và sử dụng nhiều con số.

**5:13 Tất cả nhân loại, cả người sống và người chết, cùng đồng ca trong câu 3 ca ngợi Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con. với 4 phần chúc tụng, (xem câu 14; Thi Thiên 103:19 -20; Phi-líp 2:8 -11) và các tầng lớp thiên sứ (4 sinh linh và 24 trưởng lão) xung quang Ngai cũng hoà đồng âm hưởng ngợi khen (xem câu 14).**

**5:14 “Amen”** đây là lời khẳng định của 4 sinh linh bên Ngai Đức Chúa Trời, xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1:6.

## **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát

1. Chương 4 và 5 thích hợp với cấu trúc chung của cả cuốn sách như thế nào?
2. Chương 4 và 5 thuộc thể loại văn chương nào?
3. Giảng lấy những hình ảnh biểu tượng trong hai chương này từ đâu?
4. Ai là các trưởng lão?
5. Các sinh linh Chê-ru-bim và Se-ra-phem trong 4:7-10 là gì?
6. Hãy liệt kê các danh hiệu Cựu Ước dành cho Đấng Christ trong chương 5.
7. Hãy liệt kê 5 phần ca ngợi xứng đáng của Đấng Mê-si-a trong các câu 5:5 và 10

**KHAI HUYỀN 6:1-7:17**

**CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI**

<b>UBS<sup>4</sup></b>	<b>NKJV</b>	<b>NRSV</b>	<b>TEV</b>	<b>NJB</b>
Các Ân	Ân thứ nhất: kẻ chiến thắng	Mở sáu ân đầu tiên	Các ân	Chiên Con mở bảy ân
6:1-2	6:1-2 Ân thứ hai: chiến tranh trên Trái Đất	6:1-2	6:1-2	6:1-2
6:3-4	6:3-4 Ân thứ ba: thiếu thôn trên Trái Đất.	6:3-4	6:3-4	6:3-4
6:5-6	6:5-6 Ân thứ tư: sự chết lan rộng trên Trái Đất.	6:5-6	6:5-6	6:5-6
6:7-8	6:7-8 Ân thứ năm, tiếng khóc của các tử đạo.	6:7-8	6:7-8	6:7-8
6:9-11	6:9-11 Ân thứ sáu: vũ trụ rúng chuyển	6:9-11	6:9-11	6:9-11
6:12-17 144,000 người I-sơ- ra-en được đóng dấu	6:12-17 I-sơ-ra-en được đóng dấu.	6:12-17 Màn phụ	6:12-17 144,000 người I-sơ- ra-en	6:12-17 Tôi tớ Chúa sẽ được bảo tồn.
7:1-8 Đám đông từ các dân tộc.	7:1-8 Đám đông từ con Đại Nạn.	7:1-8	7:1-8 Đám Đông lớn	7:1-8 Sự khen thưởng của thánh đồ.
7:9-12	7:9-17	7:9-12	7:9-12	7:9-12
7:13-17		7:13-17	7:13 7:14a 7:14b-17	7:13-17

**CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)**

*THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN*

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

Phân đoạn 1

Phân đoạn 2  
Phân đoạn 3  
Văn vân...

## KIẾN GIẢI SÂU SẮC THEO NGŨ CẢNH.

- A. Phần này liên hệ tới phần trước gồm chương 4 và 5. Phần trước miêu tả Thiên Đàng, còn phần sau miêu tả sự phán xét bắt đầu mở ra. Nói cho cùng, cả chương 4 đến 16 đều là một đơn vị văn chương.
- B. Nhân diện kỵ sỹ thứ nhất thật khó khăn (xem câu 2), nhưng giả thiết đây là biểu tượng của sự dữ thì cả bốn con ngựa đều là sự bất bớ của tín đồ bởi thể gian thù nghịch, (xem Ma-thi-ơ 24:6-7). thuật ngữ hoạn nạn (*thlipsis*) được dùng một cách đều đặn nói về sự bất bớ tín đồ bởi tay của những kẻ vô tín. Ấn thứ sáu bắt đầu ở câu 12 mô tả cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời (*org*’, xem câu 16) trên thể gian. Tín đồ đứng ngoài cơn thịnh nộ của Chúa, tuy nhiên chịu đựng hoạn nạn bởi thể gian vô tín
- C. Có ba nan đề lớn trong phần này:
1. Các ấn, kèn và chén liên hệ với nhau như thế nào trong lịch sử
  2. 144,000 người trong câu 7:4 là ai và liên hệ tới nhóm thứ hai trong 7:9 như thế nào.
  3. Giai đoạn và thể loại hoạn nạn nào liên hệ tới nhóm trong câu 7:14

## NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

### RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 6:1-2

**<sup>1</sup>Tôi nhìn xem khi Chiên Con mở ấn thứ nhất trong bảy ấn và tôi nghe một trong bốn sinh vật nói tiếng như sấm rằng: “Hãy đến!” <sup>2</sup>Tôi nhìn xem, kia là một con ngựa trắng. Người cưỡi ngựa có một cây cung và được ban cho một mũ triều thiên. Người đi ra như một người chinh phục và chiến thắng.**

**6:1 “Chiên Con mở ấn thứ nhất trong bảy ấn”.** Câu này liên kết chương 5 và chương 6. Các ấn được mở ra trước khi nội dung cuốn sách được đọc. Điều này khiến một số nhà giải kinh cho rằng: các ấn biểu tượng sự hoạn nạn của từng giai đoạn lịch sử, (xem Ma-thi-ơ 24:6-12). Tuy nhiên, bởi mức độ phán xét gia tăng khiến một nhóm khác tin rằng đây là sự chuẩn bị cho sự phán xét cuối cùng. Có một nghịch lý giữa “Nước Trời đang có” và “Nước Trời chưa đến”. Khải Huyền minh họa nghịch lý này. Trong Tân Ước có một sự chuyển giao mềm mại giữa hai khái niệm “đang có” và “chưa đến”. Khải Huyền được viết cho các tín đồ chịu bất bớ trong thế kỷ thứ nhất, trong các thế kỷ tiếp theo, và còn thông điệp một cách tiên tri cho đến thế hệ cuối cùng. Con hoạn nạn xảy ra trong mọi giai đoạn.

Ấn thứ bảy tương đương với bảy kèn. Kèn thứ bảy tương đương với bảy chén. Như đã nói trước, mức độ phán xét ngày càng gia tăng. Ấn và kèn có mục đích kêu gọi cứu rỗi, minh họa sự phán xét của Đức Chúa Trời xảy ra bởi thể gian không chịu ăn năn. Bởi vậy trong chu kỳ thứ ba với bảy chén thịnh nộ, thể gian không có cơ hội ăn năn nữa mà chỉ hứng chịu sự phán xét. Đối với tôi, hình như ấn thứ sáu và kèn thứ sáu miêu tả sự kết thúc của giai đoạn (hoặc tận thế), vậy tương tự như nhau về bản thể, chứ không phải là hai giai đoạn nối tiếp.

Sự Tái Lâm được bàn đến ba lần, ở cuối các ấn (xem 6:12-17) và các kèn (xem 11:15-18), và ở phần câu 19:11-21, tuy nhiên không ở cuối các chén 16:17-21. Đây là cấu trúc của cuốn sách Khải thị, như một vở kịch nhiều màn. Xin xem phần Giới Thiệu Sách Khải Huyền, phần C.

} **“một trong bốn sinh vật nói tiếng như sấm rằng:”** 4 Sinh linh cũng như 24 trưởng lão là các thứ bực thiên sứ, thần linh. Giọng của họ vang rền như sấm, cũng được nhắc đến trong 14:2 và 19:6.

} **““Hãy đến”** Mệnh lệnh thức có nghĩa “hãy đến” hoặc “hãy tiến tới”. Bản chữ lớn Hy-lạp cổ Sinaiticus còn thêm cụm từ “và xem” (xem KJV, NKJV, nói về Giảng ), nhưng bản Alexandrinus (A) chỉ có “hãy đến” nói về 4 con ngựa. Thánh Kinh Liên Hội xếp khả năng thứ hai “hãy đến” vào hạng B, có nghĩa gần như chắc chắn. Trong ngữ cảnh này, mệnh lệnh thì hiện tại “hãy đến không hướng về hội thánh , nhưng hướng về các kỵ sỹ, (xem 6:3,5,7).

**6:2 Tôi nhìn xem, kìa là một con ngựa trắng.**” Ngữ cảnh liên hệ 4 cỗ xe trong 6:1-8 tới 4 con ngựa trong Xa-cha-ri 1:8, Có nhiều tranh luận về danh tính kỵ sỹ thứ nhất. Sự giải nghĩa bao gồm từ Chúa Giê-su (theo I-ren-nê-út) tới Kẻ Nghịch Đấng Christ. Với sự khác biệt như vậy, sự kết luận độc đoán không thể thích hợp. Có người tin đây là Chúa Giê-su bởi có sự giống Chúa trong câu 19:11-21, nhưng họ chỉ dựa trên một chi tiết tương tự duy nhất về màu sắc con ngựa. Có người khác tin đây là sự rao truyền Phúc Âm, bởi những phân đoạn này giống lời dạy của Chúa Giê-su trên núi Ô-li-vê trong Ma-thi-ơ 24; Mác 13, và Lu-ca 21, đặc biệt Ma-thi-ơ 24:14 và Mác 13:10.

Lại có sự gợi ý đây là Gôt, dẫn dân Ma-gôt chống lại dân của Chúa Ê-xê-chi-ên 39. Đây là biểu tượng của Kẻ Nghịch Đấng Christ thời Tận Thế, (xem II Tê-sa-lô-ni-ca 2).

Thật khó chấp nhận việc thiên xứ ra lệnh cho Chúa Giê-su ra quân. Mặt khác, mặc dầu Chúa Giê-su cũng đội mũ triều thiên, nhưng thuật ngữ Hy-lạp về mũ triều thiên ở đây khác với thuật ngữ dùng trong chương 6 và 19. Trong các chương này, Chúa có danh hiệu là “Đấng Trung Tín và Chân Thật”, còn kỵ sỹ cưỡi ngựa trắng thì không. Kỵ sỹ chinh phục và chiến thắng, nhưng đối tượng chinh phục là ai thì không rõ. Kỵ sỹ có cung, nhưng Chúa Giê-su có gươm bên hai cạnh từ miệng Ngài. Bởi vậy sự khác biệt giữa kỵ sỹ và Chúa quá nhiều so với sự giống nhau. Kỵ sỹ cưỡi ngựa trắng ở đây có thể là một tai họa trong Cựu Ước, với sự liên tưởng tới Lê-vi ký 26 và Ê-xê-chi-ên 14:21, đặc biệt được thấy trong câu 8. Màu trắng không chỉ là màu công chính, nhưng cũng là biểu tượng chiến thắng, trong thời La-mã, khi một vị tướng thắng trận được diễu hành trên cỗ xe với bốn ngựa trắng.

} **“Người cưỡi ngựa có một cây cung”** Cây cung được là vũ khí của kỵ sỹ cưỡi ngựa trắng. Cây cung miêu tả Đức Giê-hô-va là Chiến Binh (xem Thi Thiên 45:4-5; Ê-sai 41:2; 49:2-3; Ha-ba-cúc 3:9; Xa-cha-ri 9:13 và có thể Sáng Thế 9:13). Lại còn có các ví dụ về việc Đức Giê-hô-va trừng phạt các dân tộc bằng cách bẻ cung nỏ của họ, (xem Thi Thiên 46:9; Giê-rê-mi 51:56 and Ô-sê 1:5).

} **“và được ban cho một mũ triều thiên.”** Thuật ngữ “mũ triều thiên” ở đây là “*stephanos*” – mũ miện dành cho người chiến thắng, còn trong câu 19:11 là “*diadema*” – vương miện, dành cho vua chúa - Chúa Giê-su

} **“Người đi ra như một người chinh phục và chiến thắng.”** Biểu tượng trong câu 1 nói về chiến tranh. Nhưng vì sự mạng của kỵ sỹ thứ nhất và thứ hai giống nhau, nên có người nghĩ rằng kỵ sỹ đầu gây ngoại xâm, còn kỵ sỹ thứ hai gây nội chiến. Đây chỉ là sự suy diễn, nhưng vì một lý do nào đó lại có sự tương đồng về mặt chiến tranh.

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 6:3-4**

<sup>3</sup>Khi Chiên Con mở ấn thứ nhì, tôi nghe sinh vật thứ nhì nói rằng: **“Hãy đến!”** <sup>4</sup>Một con ngựa khác màu hồng hiện ra. Người cưỡi ngựa được quyền cất sự hòa bình khỏi mặt đất để người ta giết hại lẫn nhau; người cũng được ban cho một thanh gươm lớn.

**6:4 “con ngựa khác màu hồng hiện ra.”** Câu này gợi ý một sự hủy diệt lớn bằng binh đao.

} **“một thanh gươm lớn.”** Đây là lưỡi gươm “*machaira*.” Đeo trên đai lưng lính La-mã và được dùng để tử hình tội phạm, (xem Rô-ma 13:4). Câu “người ta giết hại lẫn nhau” liên tưởng đến việc Đức Giê-hô-va dùng kẻ thù giết kẻ thù trong vòng đội quân họ (xem Quan Xét 7:22; I Sa-mu-ên 14:20; II Sử Ký 20:22).

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 6:5-6**

<sup>5</sup>Khi Chiên Con mở ấn thứ ba, tôi nghe sinh vật thứ ba bảo: **“Hãy đến!”** Tôi nhìn xem, kìa là một con ngựa ô. Người cưỡi ngựa tay cầm chiếc cân. <sup>6</sup>Tôi nghe dường như có tiếng ở giữa bốn sinh vật nói rằng: **“Một đơ-ni-ê một đấu lúa mì; một đơ-ni-ê ba đấu lúa mạch; nhưng dầu và rượu thì chớ động đến.”**

**6:5 “Tôi nhìn xem, kìa là một con ngựa ô.”** Đây là biểu tượng về nạn đói nổi tiếp chiến tranh (xem Ma-thi-ơ 24:7).

**6:6 ““Một đơ-ni-ê một đấu lúa mì;”** Một đơ-ni-ê là một ngày lương của binh sỹ hoặc người làm công (xem Ma-thi-ơ 20:2). Chúng ta được biết từ tài liệu về vua Hê-rôt (Herodotus): một đơ-ni-ê đủ mua thực phẩm cho một người ăn một ngày. Trong bối cảnh nạn đói, một ngày công không đủ cung cấp thức ăn hơn cho bản thân người làm công.

## CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Đồng tiền được sử dụng thời Chúa Giê-su ở Pa-let-stin

### I. Tiền đồng

- A. *cherna* – ít giá trị (xem Giăng 2:15)
- B. *chalchos* – ít giá trị (xem Ma-thi-ơ. 10:9; Mác 12:41)
- C. *assarion* – tiền La mã bằng 1/16 đơ-na-ri (xem Ma-thi-ơ. 10:29)
- D. *kodrantes* – tiền La mã bằng 1/64 đơ-na-ri (xem Ma-thi-ơ. 5:26)
- E. *lepton* – tiền Do-thái bằng 1/128 đơ-na-ri (xem Mác 12:42; Lu-ca 21:2)
- F. *quadrans/farthing* – xu La mã, ít giá trị

### II. Tiền bạc

- A. *arguros* ("silver coin") – có nhiều giá trị hơn tiền đồng (xem Ma-thi-ơ. 10:9; 26:15)
- B. *dēnarius* (đơ-na-ri) – tiền La mã bằng 1 ngày công (xem Ma-thi-ơ. 18:28; Mác 6:37)
- C. *drachmē* – tiền Hy Lạp bằng *dēnarius* (xem Lu-ca 15:9)
- D. *di-drachmon* gấp đôi đồng *drachmas* tương đương với ½ *shekel* của Do-thái (xem Ma-thi-ơ. 17:24)
- E. *statēr* – gấp bốn lần *dēnarii* (xem Ma-thi-ơ. 17:27)

### III. Tiền vàng– *chrusos* – có giá trị nhất (xem Ma-thi-ơ. 10:9)

### IV. Thuật ngữ chung về trọng lượng kim ngân

- A. *minaa* – đơn vị trọng lượng La tinh *mina*, tương đương 100 *dēnarii* (xem Lu-ca 19:13)
- B. *talanton* – đơn vị trọng lượng Hy Lạp (xem Ma-thi-ơ. 18:24; 25:15,16,20,24,25,28)
  - 1. bạc bằng 6,000 *dēnarii*
  - 2. Vàng bằng 180,000 *dēnarii*
- C. *sheqel* – đơn vị trọng lượng bạc Do thái từ Cựu ước (xem Sáng Thế 23:15; 37:28; Xuất. 21:32)
  - 1. *pīm* – 2/3 *shekel*
  - 2. *beka* – ½ *shekel*
  - 3. *gerah* – 1/20 *shekel*
- D. Đơn vị lớn hơn:
  - 1. *maneh* – 50 *shekels*
  - 2. *kikkar* – 3,000 *shekels*

} “**một đơ-ni-ê ba đấu lúa mạch**” Lúa mạch là thực phẩm cho người nghèo, thuật ngữ Hy-lạp là “*choenix*” khoảng 1 lít.

} “**nhưng dầu và rượu thì chớ động đến.**” Sự giải nghĩa dầu và rượu khá rộng, từ vật liệu dâng tế được chép trong cuộn Biển Chết, tới thức ăn thông thường của dân vùng Địa Trung Hải. Sự thật là dầu và rượu không bị chạm đến trong thời đói khát có giới hạn. Sự giới hạn này được thấy rõ hơn trong câu 8. Đức Chúa Trời giới hạn sự phán xét để thể gian vô tín có cơ hội ăn năn, (xem 16:9). Một trong các cách giải kinh khác: dầu và rượu là dược liệu dùng để chữa bệnh.

## RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 6:7-8

<sup>7</sup>Khi Chiên Con mở ấn thứ tư, tôi nghe sinh vật thứ tư nói: “Hãy đến!” <sup>8</sup>Tôi nhìn xem, kìa là một con ngựa xanh xám. Người cưỡi ngựa tên là Sự Chết, và Âm phủ theo sau nó. Họ được quyền trên một phần tư đất để giết bằng gươm giáo, đói kém, dịch bệnh và các thú dữ trên đất.

### 6:8 ngựa xanh xám

NASB "ngựa màu tro"

NKJV "ngựa xám ngoét"

NRSV "ngựa xanh xám"

TEV "ngựa màu tái xám"

NJB "ngựa màu chết chóc"

Thuật ngữ “xám” miêu tả màu xanh vàng lợt lợt, hoặc mảy trắng nhạt, trong tiếng anh là màu của chất “clo” Cũng có thể nói về màu của xác chết. Bởi vì câu (8) này chứa danh mục các phương tiện giết người, đây có thể nói về những người bị giết bởi gươm hoặc, bị thú ăn thịt là những tai họa từ trong Cựu Ước, (xem Lê-vi 26:22; Giê-rê-mi 15:3; Ê-xê-chiên 5:17; 14:21).

} “**Người cưới ngựa tên là Sự Chết, và Âm phủ theo sau nó.**” Đây là sự liên tưởng tới Châm Ngôn 5:5 hoặc Ô-sê 13:14, cũng là sự nhân cách hóa việc kết thúc một đời người thuộc thế. “Sự Chết và Âm Phủ” được sử dụng 3 lần trong Khải Huyền, ở đây và trong hai câu khác: (xem 1:18; 20:13-14).

Thuật ngữ Ha-đê (*Hades*) tiếng Hy-lạp tương đương với Sê-ôn (*Sheol*) trong Cựu Ước, nói về “Âm phủ - nơi cầm giữ người chết”, xem Chủ Đề Đặc Biệt: “người chết ở đâu” ở câu 1:18.

} “**Họ được quyền trên một phần tư đất**” Đại từ “họ” nói về cả 4 kỵ sỹ và ngựa. Sự phán xét của Đức Chúa Trời tăng dần từ 1/4 ở đây tới 1/3 ở câu 8:7,8,10,12, tới tất cả ở câu 16:1-21). Những phân số là công cụ văn chương dùng để miêu tả chừng mực phán xét với cơ hội ăn năn (xem 9:20-21; 14:7; 16:9,11), nhưng thể gian bạo loạn, cứng lòng nhất định không chịu đáp ứng, mặc dầu một vài cá nhân có thể quay đầu, (xem 11:13).

} **để giết bằng gươm giáo, đói kém, dịch bệnh và các thú dữ trên đất**” Bốn kỵ sỹ đại diện cho 4 sự phán xét từ Cựu Ước, (xem Lê-vi 26:21-26; Giê-rê-mi 15:2-3; 24:10; 27:8; 29:17-18; 32:24,36; 34:17; Ê-xê-chiên 5:12,17; 14:21; A-mốt 4:6-10). Thuật ngữ ‘gươm’ ở đây khác với gươm trong câu 4, nói về loại kiếm lớn *hromphaia* dùng trong chiến trận. Cả 4 tai họa là kết quả sự bất tuân giao ước: chiến tranh, nạn đói, bệnh dịch và sát hại bởi thú dữ đều được báo trước trong Lê-vi 26:21-26 và Ê-xê-chiên 14:21. Sự phán xét theo giao ước cũng được cảnh báo trong Phục Truyền 27-29. Hãy ghi nhớ rằng sự phán xét Cựu Ước và sự phán xét thể gian trong thời đại Khải Huyền (xem 9:20-21; 11:13; 14:7; 16:9,11) đều có mục đích đưa I-sơ-ra-en và thể gian ăn năn quay lại với Đức Chúa Trời.

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 6:9-11**

**<sup>9</sup>Khi Chiên Con mở ấn thứ năm, tôi thấy dưới bàn thờ có linh hồn của những người đã bị giết vì lời Đức Chúa Trời và vì lời làm chứng của họ.<sup>10</sup>Họ kêu lớn tiếng rằng: “Lạy Chúa là Đấng thánh và chân thật, còn bao lâu nữa Chúa mới xét đoán, và vì máu chúng tôi mà báo thù những kẻ ở trên đất?”<sup>11</sup>Mỗi người trong số họ được ban cho một áo dài trắng, và được bảo phải an nghỉ ít lâu nữa, cho đến lúc đủ số những bạn đồng lao và anh em của họ phải bị giết như họ.**

**6:9 “tôi thấy dưới bàn thờ”** Có nhiều tranh luận: Đây là bàn thờ nào? Thuật ngữ ‘bàn thờ’ được dùng khá thường xuyên trong Khải Huyền, (xem 8:3,5; 9:13; 11:1; 14:18; 16:7). Có người tin đây là bàn thờ sinh tế trong Lê-vi 4:7 và Phi-líp 2:17, nhưng người khác tin đây là bàn thờ dâng hương trong Nơi Thánh của Đền Tạm (xem 8:3-5) hoặc Đền Thánh trong Khải Huyền 11:1. Có thể khả năng thứ nhất đúng vì

1. Các thầy ra-bi coi đây là nơi vinh dự
2. Liên hệ tới huyết - tức là sự chết của thánh đồ tử đạo

Nếu có ai hỏi: vì sao những người tử đạo lại ở dưới bàn thờ? Hãy nhớ ‘huyết’ tượng trưng cho sự sống, (xem Sáng Thế 9:4; Lê-vi 17:11,14). Trong hệ thống sinh tế của I-sơ-ra-en, huyết không được đặt lên bàn thờ nhưng đổ xuống dưới chân bàn thờ, (ví dụ Xuất Hành 29:12; Lê-vi 4:7,18,25; 8:15; 9:9). Vì lý do này mà linh hồn, huyết của những người tử đạo được thấy dưới bệ đền thờ.

} “**Khi có linh hồn của những người đã bị giết**” Những linh hồn không có thể xác của các tín đồ giữa thời điểm bị giết và phục sinh (xem 13:15; 18:24; 20:4). Điều này giống quan điểm Hy-lạp hơn quan điểm Hê-bơ-rơ. Tất cả Cơ-đốc Nhân đều được gọi trở nên người tử đạo nếu hoàn cảnh đòi hỏi, (xem 2:10,13; Ma-thi-ơ 10:38-39; 16:24).

Dường như không thấy mối liên hệ giữa 4 kỵ sỹ và những người tử đạo.

**} vì lời Đức Chúa Trời và vì lời làm chứng của họ**

**NASB “Bởi lời của Đức Chúa Trời và lời chứng mà họ vẫn nắm giữ.”**

**NKJV “Bởi lời của Đức Chúa Trời và lời chứng mà họ vẫn nắm giữ”**



**NRSV** “Bồi lỗi của Đức Chúa Trời và lỗi chúng mà họ được ban”  
**TEV** “Bồi vì họ tuyên bố lời của Đức Chúa Trời và trung tín trong sự làm chúng.”  
**NJB** “Bồi lỗi Đức Chúa Trời và sự làm chúng”

Câu này lặp lại nhiều lần trong Khải Huyền (xem 1:9; 12:11,17; 19:10; 20:4). Về ý nghĩa, nó cũng giống như “Người nào thắng” (xem 2:6,11,17,26; 3:5,12,21). Những người này bị sát hại bởi họ là những Cơ-đốc nhân năng động.

**6:10 “còn bao lâu nữa Chúa mới xét đoán, và vì máu chúng tôi mà báo thù những kẻ ở trên đất”** Nhiều nhà giải kinh coi yêu cầu báo thù này không mang tính vị tha Cơ-đốc. Có thể họ chưa bao giờ chịu đựng sự bắt bớ ác liệt dưới tay người vô tín. Những người từ đạo không yêu cầu sự báo oán, nhưng công lý. Điều này liên tưởng tới Phục Truyền 32:43 (xem Khải Huyền 19:2) và lời khích lệ của Phao-lô trong Rô-ma 12:19.

} **“Lạ Chúa là”** Thuật ngữ “Chúa” (*despot* ‘s) miêu tả thẩm quyền tuyệt đối, nói về một vị vua chuyên chế, chuyên quyền. Nó được dùng ám chỉ Đức Giê-hô-va trong Lu-ca 2:29 và Công Vụ 4:24 và ám chỉ Chúa Giê-su trong II Phi-ê-rơ 2:1 và Giu-đe câu 4.

} **“những kẻ ở trên đất”** Là cụm từ rất phổ biến trong Khải Huyền, chỉ nói về thế gian vô tín, (xem 3:10; 8:13; 11:10; 13:8,12,14; 17:2,8).

**6:11 “Mỗi người trong số họ được ban cho một áo dài trắng,”** Đây là ẩn dụ nói về sự nghỉ ngơi tâm hồn trong phước hạnh và chiến thắng. Xét về thần học, làm sao các linh hồn vô thân thể có thể mặc áo? Hãy cẩn thận với việc cường điệu hóa nghĩa đen (hyper literalism), đặc biệt khi diễn giải văn chương Khải thị. Khi tranh luận sự vô lý này, các nhà giả kinh tự chứng minh mình hiểu sai về thể loại của Khải Huyền. Tốt nhất đừng để ý quá nhiều về chi tiết!

} **“Khi cho đến lúc đủ số những bạn đồng lao và anh em của họ phải bị giết như họ.”** Một trong các chân lý là Đức Chúa Trời tể trị và điều hành mọi sự (xem câu 8), kể cả sự chết của những người từ đạo. Lịch sử nhân loại trong tay Ngài. Đức Chúa Trời chẳng ngạc nhiên bởi bất cứ sự kiện, hành động hoặc hậu quả nào. Tuy nhiên trên thế gian vẫn tồn tại sự đau khổ, chịu đựng và bất công. Xin tham khảo tài liệu về chủ đề ‘điều ác’ của ông Venham (John W. Wenham - *The Goodness of God*).

Khái niệm con số người từ đạo đến từ ngục kinh (xem I Enoch 47:4) là biểu tượng về kiến thức và chương trình của Đức Chúa Trời đối với nhân loại. Điều này tương tự với ý tưởng ‘Trọn số Dân Ngoại’ theo Phao-lô, (xem Rô-ma 11:12,25) về kiến thức và chương trình của Đức Chúa Trời đối với các tín đồ ngoài dân Do-thái sẽ được cứu

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 6:12-17**

<sup>12</sup>Khi Chiên Con mở ấn thứ sáu, tôi thấy một cơn động đất lớn; mặt trời trở nên tối như tấm vải lông đen, mặt trăng trở nên đỏ như máu, <sup>13</sup>các vì sao trên trời rơi xuống đất như những trái xanh từ cây vả rụng xuống trong cơn gió mạnh. <sup>14</sup>Bầu trời biến mất như quyển sách cuộn lại, tất cả các núi, các đảo đều bị dời khỏi chỗ mình. <sup>15</sup>Các vua trên đất, những người có địa vị cao, các tướng lĩnh, những người giàu có, những kẻ quyền thế, các nô lệ, những người tự do đều trốn trong các hang và giữa các tảng đá trên núi. <sup>16</sup>Họ nói với núi và các tảng đá rằng: “Hãy đổ xuống trên chúng tôi và giấu chúng tôi khỏi mặt của Đấng ngồi trên ngai và khỏi cơn thịnh nộ của Chiên Con; <sup>17</sup>vì ngày thịnh nộ lớn của các Đấng ấy đã đến, ai có thể đứng nổi?”

**6:12 “Khi Chiên Con mở ấn thứ sáu,”** ‘Thứ sáu’ tiêu biểu cho ngôn ngữ Khải thị Do-thái về Tận Thế, (xem Giô-ên 2:30-31; 3:15-16; Ê-sai 13:9,10; 34:4; Giê-rê-mi 4:23-28; Ha-gai 2:6; Ma-thi-ơ 24:29; and *The Assumption of Moses*, 10:5). Đề ý tới 7 điều trong câu 2-14. Ngôn ngữ này cũng nói về ‘Ngày của Chúa’ trong Cựu Ước. Ấn thứ sáu và kèn thứ sáu đều phục vụ 1 mục đích. Tôi tin rằng mỗi một chu kỳ của số bảy đều kết

thúc với sự chung kết niên đại, Chúa Tái Lâm, (xem 6:12-17; 11:15-18; 14:14-20; 16:17-21; 19:11-21; 22:6-16). Khải Huyền không phải là một chuỗi sự kiện theo thứ tự thời gian, nhưng một kịch bản với bảy màn kịch.

} **“một cơn động đất lớn”** Nhiều động đất được nhắc tới trong Khải Huyền, (xem 8:5; 11:13,19; 16:18). Điều lý thú là có 7 thực thể thiên nhiên (câu 12-14) bị tác động trong sự kiện Tận Thế. Và cũng có 7 đẳng cấp xã hội như người địa vị cao, tướng lãnh... trong câu 15 được nhắc tới. Xin tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Biểu tượng các con số... ở câu 1:4. Đây lại là một ví dụ về khuôn mẫu văn chương Khải thị với cấu trúc bố cục ở mức độ rất cao, (xem 5:12).

} **“mặt trời trở nên tối như tấm vải lông đen, mặt trăng trở nên đỏ như máu,”** Điều này liên tưởng tới ‘ngày phán xét’ trong Cựu Ước, (xem Ê-sai 13:10; 24:23; 50:3; Ê-xê-chiên 32:7; Giô-ên 2:2,10,31; 3:15; Ma-thi-ơ 24:29; Mác 13:24-25; Lu-ca 21:25).

**6:13 “các vì sao trên trời rơi xuống đất”** Ấn dụ này đến từ hai nguồn:

1. Sự ổn định của Tạo hóa (xem Gióp 38:31-33; Thi Thiên 89:36-37; Ê-sai 13:10; Giê-rê-mi 31:35-36; 37:20-26; Enoch 2:1) bị rúng chuyển trong sự phán xét của Đức Chúa Trời, (xem Ma-thi-ơ 24:29)
2. Sao rụng thường thấy trong văn chương Khải thị, ám chỉ các thiên sứ. 12:4; Đa-ni-ên 8:10), Xét về ngữ cảnh, khả năng thứ nhất có vẻ thích hợp hơn.

**6:14 “Bầu trời biến mất như quyển sách cuộn lại,”** Quan điểm người xưa cho rằng bầu trời như một tấm da căng ra (xem Gióp 22:14; Thi Thiên 104:2; Châm Ngôn 8:27; Ê-sai 40:22). Hình ảnh ở đây ám chỉ việc Đấng Thần Linh can thiệp vào trật tự tạo hóa, (xem Ê-sai 34:4).

} **“tất cả các núi, các đảo đều bị dời khỏi chỗ mình.”** Trong Cựu Ước, khi Đức Giê-hô-va thăm viếng (dù với mục đích phán xét hay ban phước), tất cả thực thể trong thiên nhiên bị xáo động. Hình ảnh ở đây thường thấy trong văn chương Khải thị. Câu 15-17 ám chỉ sự phán xét của Đức Chúa Trời trên những kẻ bất bớ, (xem 16:20). Cũng trong Cựu Ước có sự san bằng đồi núi, làm khô sông ngòi để chuẩn bị đón Chúa (xem Ê-sai 40:4).

**6:15 “trôn trong các hang và giữa các tảng đá trên núi.”** Cũng như con dân của Chúa bị bắt bớ, phải chui trôn trong hang động (xem Hê-bơ-rơ 11:38), nay kẻ bắt bớ họ - những người hùng mạnh và giàu sang (Thi Thiên 2:2) cũng phải tìm chỗ ẩn náu khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời xem Ê-sai 2:10,19,21). Về con số Bảy, xin tham khảo chủ đề đặc biệt ở câu 1:4

**6:16 “Hãy đổ xuống trên chúng tôi và giấu chúng tôi khỏi mặt của Đấng ngồi trên ngai”** Đây là điều liên tưởng tới Ô-sê 10:8 (xem Ê-sai 2:19,21 và Lu-ca 23:30). Xin để ý tới cơn thịnh nộ của Đức Chúa Cha trước sự nhین nhục của con dân Nước Trời. Ngài hành động để bênh vực tín đồ và trừng phạt kẻ bạo loạn (xem Ga-la-ti 6:7).

} **“và khỏi cơn thịnh nộ của Chiên Con;”** Một ẩn dụ hùng mạnh, hình ảnh Chiên Con giận dữ trong văn chương Khải thị giữa hai giao ước, xem thêm ghi chú về thịnh nộ ‘org’ ở câu 7:14.

**6:17** Câu 17 có thể liên tưởng tới Giô-ên 2:11 và Ma-la-chi 3:2. Nhiều nhà giải kinh cho rằng câu 17 chuẩn bị sân khấu cho màn phụ là chương 7, là phần trả lời cho câu hỏi “điều gì sẽ xảy ra đối với nhóm tín đồ còn sót lại trên đất, trong giai đoạn sự kiện và phán xét Tận Thế?

Các nhà giải kinh tranh luận về việc các ẩn trong chương 6 mang mục đích cứu chuộc hay phán xét? (xem 9:20-21; 14:7-8; 16:9,11). Chương 6 tập trung vào sự phán xét của Chúa trên những người cố tình từ chối Phúc Âm. Sự phán xét tăng dần từ 1/4, tới 1/3, và cuối cùng tới toàn bộ mọi người trên thế gian, (xem Sô-phô-ni 1:14-18).

## **KIẾN GIẢI SÂU SẮC THEO NGỮ CẢNH CÂU 7:1-17**

A. Chương bảy là màn phụ giữa ẩn thứ sáu và thứ bảy (xem 8:1, cũng như câu 10:1-11:13 giữa kèn thứ sáu và thứ bảy). Nó trả lời câu hỏi những gì sẽ xảy ra đối với tín đồ trong những chu kỳ phán xét của Đức Chúa Trời trên thế gian. Ẩn thứ bảy trở nên chu kỳ bảy kèn.

B. Màn phụ bao gồm hai nhóm tín đồ:

1. 144,000 từ 12 bộ tộc trên thế gian (xem câu 1-8, đặc biệt câu 4)
2. Một đám đông không thể đếm được từ các sắc dân trên trái đất, nay đã ở trên Thiên Đàng, (xem các câu 9-17, đặc biệt câu 9)

Đức Chúa Trời hành động một cách hùng mạnh, dứt khoát để bảo vệ con dân của Ngài. Không có sự phân biệt giữa đây I-sơ-ra-en hay dân ngoại, (xem Rô-ma 2:28-29; 3:22; I Cô-rin-tô 12:13; Ga-la-ti 3:28; Cô-lô-sê 3:11). Sự phân biệt chủng tộc thời Cựu Ước nay biến thành sự phân biệt tín đồ và thói gian vô tín.

## NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 7:1-3**

<sup>1</sup>Sau đó, tôi thấy bốn thiên sứ đứng ở bốn góc đất cầm bốn ngọn gió lại để không có gió thổi trên đất, trên biển hoặc trên bất cứ cây cối nào<sup>2</sup>Tôi lại thấy một thiên sứ khác đến từ hướng mặt trời mọc, cầm ấn của Đức Chúa Trời hằng sống. Thiên sứ này lớn tiếng gọi bốn thiên sứ đã được ban cho quyền làm hại đất cùng biển<sup>3</sup>và bảo rằng: “Đừng làm hại đất, biển và những cây cối, cho đến lúc chúng ta đã đóng ấn trên trán các đầy tớ của Đức Chúa Trời chúng ta.”

**7:1 “Sau đó, tôi thấy bốn thiên sứ đứng ở bốn góc đất cầm bốn ngọn gió lại để không có gió thổi trên đất,”** Theo biểu tượng con số của Cựu Ước, số bốn tượng trưng cho Trái Đất, (xem Ê-sai 11:12; Giê-rê-mi 49:36; Đa-ni-ên 7:2; Xa-cha-ri 1:8; 6:1,5; Ma-thi-ơ 24:31, xem chủ đề đặc biệt ở câu 1:4).

Có một vài cách giải thích 4 gió như sau: .

1. Các thầy Ra-bi coi đây là 4 sự dữ, Công Vụ 27:14)
2. Có người cho đây là gió độc, có thể là sự phán xét của Đức Chúa Trời, Giê-rê-mi 49:36 và Đa-ni-ên 7:2
3. Có người cho đây là sự liên tưởng tới con số 4 trong Xa-cha-ri 1:8 và 6:5, nói về 4 kỵ sỹ và 4 cỗ xe là tội tớ của Đức Chúa Trời trên cả thế gian, (xem Ma-thi-ơ 24:31)

} **“trên biển hoặc trên bất cứ cây cối nào”** giống như câu 6:6 và 8, nói về giới hạn của sự phán xét, (xem 7:3; 9:4).

**7:2 “Tôi lại thấy một thiên sứ khác đến từ hướng mặt trời mọc”** Phương Đông (Mặt Trời) là biểu tượng sự sống sức khỏe và ngày mới.

} **“cầm ấn của Đức Chúa Trời hằng sống.”** Ấn của Đức Chúa Trời được nhắc lại 9:4, 14:1 và có thể 22:4. Ấn của Sa-tan xuất hiện trong các câu 13:16; 14:9; và 20:4. Mục đích của việc đóng ấn là xác nhận dân của Chúa, để con thịnh nộ của Đức Chúa Trời không tác động lên họ. Sa-tan cũng xác nhận những kẻ theo hắn, là những kẻ sẽ chịu con thịnh nộ của Đức Chúa Trời.

Trong Khải Huyền, con hoạn nạn (ví dụ *thlipsis*) luôn nói về sự bắt bớ của thế gian vô tín đối với tín đồ, còn con thịnh nộ / sự giận dữ (ví dụ *org* hoặc *thumos*) luôn ám chỉ sự phán xét của Đức Chúa Trời đối với người không tin, để họ ăn năn và quay lại với Đấng Christ trong đức tin. Mục đích tích cực trong phán xét luôn luôn được thấy trong phần nguyên rủa và chúc phước của Phục Truyền 27-28.

Cụm chữ “Đức Chúa Trời Hằng Sống” là cách chơi chữ của danh hiệu Đức Giê-hô-va (xem Xuất Hành 3:14; Thi Thiên 42:4; 84:2; Ma-thi-ơ 16:16, Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1:8). Cũng là cách nói tương tự khi tuyên thệ: “như Đức Chúa Trời sống”.

### **Chủ Đề Đặc Biệt : ẤN**

**(special topic: seal)**

Ấn là cách miêu tả của người cổ về:

1. chân lý (xem Giăng 3:33)

2. quyền sở hữu (xem Giăng 6:27; 2 Ti-mô-thê 2:19; Khải Huyền 7:2-3; 9:4)
3. quyền bảo vệ (xem Sáng Thế 4:15; Ma-thi-ơ 27:66; Rô-ma 4:11; 15:28; 2 Cô-rin-tô 1:22; Ê-phê-sô 1:13; 4:30; Khải Huyền 20:3)
4. có thể là dấu hiệu về hữu thể của lời hứa của Đức Chúa Trời liên hệ tới một món quà, (xem Rô-ma 4:11 and 1 Cô-rin-tô 9:2)

Mục đích đóng ấn trong 7:2-4; 9:4 là xác nhận dân của Chúa, để cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời không tác động lên họ. Sa-tan cũng xác nhận những kẻ theo hắn, là những kẻ sẽ chịu cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời.

Trong Khải Huyền, cơn hoạn nạn (ví dụ *thlipsis*) luôn nói về sự bắt bớ của thế gian vô tín đối với tín đồ, còn cơn thịnh nộ / sự giận dữ (ví dụ *org' or thumos*) luôn ám chỉ sự phán xét của Đức Chúa Trời đối với người không tin, để họ ăn năn và quay lại với Đấng Christ trong đức tin. Mục đích tích cực trong phán xét luôn luôn được thấy trong phần nguyên rủa và chúc phước Lê-vi ký 26; Phục Truyền 27-28,30; Thi Thiên 1.

} **“bốn thiên sứ đã được ban cho quyền làm hại đất cùng biển ”** Động từ chỉ định thụ động thì quá khứ, (đã được ban). Đức Chúa Trời luôn điều hành sự phán xét trên trần gian và những người bất tin. Sự phán xét có giới hạn mang hai mục đích:

1. Để tín đồ không bị ảnh hưởng
2. Để người chưa tin có thể ăn năn, đầu phục và tôn vinh Ngài, (xem 9:20-21; 14:6-7; 16:9,11; 21:7; 22:17)

**7:3 “cho đến lúc chúng ta đã đóng ấn trên trán các đầy tớ của Đức Chúa Trời chúng ta”** Điều này liên tưởng tới Ê-xê-chiên 9:4,6 (xem Khải Huyền 9:4; 14:1) và đối nghịch với ấn của Sa-tan, của Con thú, (xem 13:16,17; 14:9,11; 16:2; 19:20; 20:4).

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 7:4**

**<sup>4</sup>Tôi nghe số người được đóng ấn là: Một trăm bốn mươi bốn nghìn. Những người được đóng ấn đến từ các bộ tộc của dân Y-sơ-ra-ên:**

**7:4 “Một trăm bốn mươi bốn nghìn.”** Nhóm người bí ẩn này cũng được nhắc lại trong 14:1,3. Có nhiều tranh luận về nhóm này là ai, số người là bao nhiêu? Thực ra đây là con số biểu tượng, vì một số lý do như sau:

1. Con số được làm tròn và bằng nhau từ các bộ tộc, là chuyện không thấy trong Cựu Ước.
2. Con số ở đây là bội số của số 12 - biểu tượng cho tổ chức xã hội, (có thể của dân sự Đức Chúa Trời) và số 10- biểu tượng của sự trọn vẹn, sự kết thúc, xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các con số biểu tượng ở câu 1:4.
3. Chương 7 được viết bằng ngôn ngữ Khải thị.
4. Danh sách các bộ tộc được thay đổi một chút (không có Đan, và Ép-ra-im được thay bởi Giô-sép. Mỗi một người Do-thái sẽ không nhìn nhận điều này theo nghĩa đen.

Sau đây là một vài cách giải thích tùy theo các học thuyết khác nhau:

1. Đây thực sự là những tín đồ I-sơ-ra-en trong kỳ Tân Thế, (xem Xa-cha-ri 12:10)
2. Đây là nhóm tín đồ mới cải đạo sau khi hội thánh được cất đi một cách bí mật.
3. Đây là nhóm tín đồ I-sơ-ra-en còn sót, (xem Rô-ma 11)
4. Đây là danh hiệu của hội thánh Tân Ước, (xem 1:6)

Sự đóng dấu không chỉ giới hạn tới một nhóm tín đồ trong Khải Huyền, nhưng tất cả mọi người dưới sự làm chủ và bảo vệ của Đức Chúa Trời, (xem 2:20; 11:18; 19:2,5; 22:36). Sa-tan đóng dấu những người theo hắn (xem 13:16,17; 14:9,11; 16:2; 19:20; 20:4), bắt chước công việc của Đức Chúa Trời (xem 3:12; 7:3; 14:1; 22:4).

Tân Ước miêu tả hội thánh với những thuật ngữ trước đây dùng ám chỉ I-sơ-ra-en (xem Rô-ma 2:28-29; 4:11; 9:6,8; Ga-la-ti 3:29; 6:16; Phi-líp 3:3) và đặc biệt trong Khải Huyền 1:6 hội thánh được gọi với danh hiệu của I-sơ-ra-en, xem Xuất Hành 19:4-6 và I Phi-ê-ơ 2:5,9. Trong các sách Phi-ê-ơ và Gia-cơ, hội thánh được gọi là những người kiều ngụ Gia-cơ 1:1) and I Phi-ê-ơ 1:1) với thuật ngữ “*Diaspora*,” dành cho người Do-thái không sống ở Pa-lê-stin.

Ở thời điểm này, theo ý kiến riêng của tôi, tốt nhất là xác nhận 144.000 trong câu 4 và dám đồng không ai đếm

nổi trong câu 9 là những tín đồ Tân Ước thuộc hai nhóm: I-sơ-ra-en và người ngoại bang.

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỐ MƯỜI HAI

Số mười hai luôn là biểu trưng cho các sự sắp xếp

1. Ngoài Kinh Thánh:
  - a. Mười hai ký hiệu hoàng đạo (Zodiac)
  - b. Mười hai tháng trong một năm
2. Trong Cựu ước
  - a. Các con của Gia-cốp (chi phái Y-sơ-ra-ên)
  - b. Biểu hiện qua:
    - (1) Mười hai cột trụ bàn thờ (Xuất Ê-díp-tô ký 24:4)
    - (2) Mười hai viên ngọc trên áo của thầy tế lễ thượng phẩm (tượng trưng cho các chi phái) (Xuất Ê-díp-tô ký 28:21)
    - (3) Mười hai ô bánh trong nơi thánh tại đền tạm (Lê-vi-ký 24:5)
    - (4) Mười hai thám tử sai đi do thám Ca-na-an (Dân số ký 13) (một người đại diện cho một chi phái)
    - (5) Mười hai cây gậy (tiêu chuẩn của mỗi chi phái) trong sự nổi loạn của Cô-rê (Dân số ký 17:2)
    - (6) Mười hai hòn đá của Giô-suê (Giô-suê 4:3, 9, 20)
    - (7) Mười hai quận hành chính trong hệ thống hành chính của Sa-lô-môn (I Các Vua 4:7)
    - (8) Mười hai hòn đá nơi bàn thờ của Ê-li dâng cho Đức Giê-hô-va (I Các Vua 18:31)
3. Trong Tân ước:
  - a. Mười hai sứ đồ được chọn
  - b. Mười hai giỏ bánh (mỗi sứ đồ một giỏ) (Mathiơ 14:20)
  - c. Mười hai ngôi cho các môn đồ thời Tân ước ngồi cai trị (chi 12 chi phái Y-sơ-ra-ên) (Ma-thi-ơ 19:28)
  - d. Mười hai đạo thiên sứ giải cứu Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 26:53)
  - e. Biểu tượng trong Khải huyền:
    - (1) 24 trường lão trên 24 ngai (4:4)
    - (2) 144,000 (12x12x 1000) (7:4; 14:1,3)
    - (3) 12 ngôi sao trên vương miện của người đàn bà (12:1)
    - (4) 12 cửa, 12 thiên sứ tượng trưng cho 12 chi phái (21:12)
    - (5) 12 viên đá tảng của thành Giê-ru-sa-lem mới và trên đó có tên 12 Sứ đồ (21:14)
    - (6) 12 ngàn êch-ta-đơ (21:16) (kích thước thành mới Giê-ru-sa-lem)
    - (7) Tường thành 144 (12x12) cu-đê (21:17)
    - (8) 12 cửa bằng hột châu trong 21:21
    - (9) Cây trong Giê-ru-sa-lem mới có 12 loại trái (mỗi tháng một loại) (22:2)

## RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 7:5-8

<sup>5</sup>Trong bộ tộc Giu-đa: Mười hai nghìn người được đóng ấn; Trong bộ tộc Ru-bên: Mười hai nghìn; Trong bộ tộc Gát: Mười hai nghìn; <sup>6</sup>Trong bộ tộc A-se: Mười hai nghìn; Trong bộ tộc Nép-ta-li: Mười hai nghìn; Trong bộ tộc Ma-na-se: Mười hai nghìn; <sup>7</sup>Trong bộ tộc Si-mê-ôn: Mười hai nghìn; Trong bộ tộc Lê-vi: Mười hai nghìn; Trong bộ tộc Y-sa-ca: Mười hai nghìn; <sup>8</sup>Trong bộ tộc Sa-bu-lôn: Mười hai nghìn; Trong bộ tộc Giô-sép: Mười hai nghìn; Trong bộ tộc Bên-gia-min: Mười hai nghìn người được đóng ấn..

**7:5 “Trong bộ tộc Giu-đa”** Danh sách trong câu 5 ở đây không giống một trong 20 hoặc hơn danh sách Cựu Ước, đặc biệt càng không giống danh sách trong Ê-xê-chiên 48:2-7, liệt kê dân của Đức Chúa Trời trong thời kỳ sau rốt. Bộ tộc Đan bị bỏ ra, Bộ tộc Giu-đa được đứng trước, bộ tộc Êp-ra-im được thay thế bởi Giô-sép và bộ tộc Lê-vi được liệt kê với các bộ tộc khác. Mọi người Do-thái đều coi đây là danh sách biểu tượng.

Tác giả B-ru-xê (F. F. Bruce), *Answers to Questions*, trang. 139, nhắc tới lý do bộ tộc Đan bị bỏ ra liên hệ

tới lời giải kinh câu Giê-rê-mi 8:16 của I-rê-nê-út (Irenaeus) trong bản Bảy Mươi:

“Chúng ta sẽ nghe tiếng ngựa hí của hần từ bộ tộc Đan. Cả vùng đất rung chuyển bởi tiếng ngựa hí, hần sẽ đến và nghiền ngấu đất đai, thành phố và cư dân”

I-rê-nê-út coi đây là “kẻ Nghịch Đấng Christ, xuất xứ từ bộ lạc Đan”. Phải chăng đây là sự suy diễn tự do hay giải kinh thật?

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 7:9-12**

<sup>9</sup>Sau đó tôi nhìn xem, kìa, có một đoàn người rất đông không ai đếm được, từ các nước, các bộ tộc, các dân tộc, các thứ tiếng, đứng trước ngai và trước Chiên Con, mặc áo dài trắng, tay cầm lá kê. <sup>10</sup>Họ lớn tiếng kêu rằng: “Sự cứu rỗi thuộc về Đức Chúa Trời của chúng ta, Đấng ngồi trên ngai, và thuộc về Chiên Con.” <sup>11</sup>Tất cả các thiên sứ đứng quanh ngai, quanh các trưởng lão và bốn sinh vật, phủ phục trước ngai và thờ lạy Đức Chúa Trời, <sup>12</sup>nói rằng: “A-men! Nguyện sự chúc tụng, vinh quang, khôn ngoan, cảm tạ, tôn kính, quyền năng và uy lực quy về Đức Chúa Trời chúng ta đời đời. A-men!”

7:9 Đám đông trong câu này khác với 144.000 được nhắc đến trong câu 4. Nhóm thứ nhất đến từ các bộ tộc I-sơ-ra-en, nhóm thứ hai trong câu 9 đến từ tất cả các sắc tộc trên thế giới. Họ đều là tín đồ, nhưng khác biệt về cội nguồn (xem 5:9; 11:9; 13:7; 14:6; 17:15).

Tuy nhiên chi tiết (1) họ ra khỏi con Đại Nạn (xem câu 14), (2) đứng trước Ngai (xem câu 9), (3) mặc áo trắng (xem 6:11) có thể giúp chúng ta xác định họ là phần còn lại của số người tử đạo (xem 6:11; 17:6; 18:24; 19:2; 20:4).

} “**không ai đếm được,**” đây là sự liên tưởng tới lời hứa của Đức Chúa Trời cho Áp-ra-ham về con cháu người sẽ:

1. Như bụi trên đất – Sáng Thế 13:16; 28:14; Dân Số 23:10
2. Như sao trên trời – Sáng Thế 15:5; 22:17; 26:4; Phục Truyền 1:10
3. Như các trên bờ biển – Sáng Thế 22:17; 32:12
4. Một lời khẳng định chung chung – Sáng Thế 16:10

} “**tay cầm lá kê.**” Có người liên hệ điều này tới Lê-vi 23:40 và Nê-hê-mi 8:15 như dấu hiệu biểu hiện niềm vui. Có người liên hệ tới tập tục của Lễ Vượt Qua, Giảng 12:13, hay giai đoạn Lang Thang Đồng Vắng (xem các câu 15-16) với Lễ Lều Trại. Lá kê cũng là biểu tượng chiến thắng.

7:10 “**Sự cứu rỗi thuộc về Đức Chúa Trời**” Lẽ thường, thuật ngữ ‘cứu rỗi’ (*sòteria* từ *sòzò*), có thể dùng cho ‘chiến thắng’ (NEB) hoặc ‘chinh phục hoàn toàn’. Chiến thắng ở đây mang ý nghĩa (1) giải phóng khỏi nan đề thuộc thể trên trần thế, hoặc (2) cứu rỗi thuộc linh, đời đời. Thuật ngữ Cựu Ước là (*yasha*) mang ý nghĩa giải phóng thuộc thể (xem Gia-cơ 5:15). Thuật ngữ này được dùng 3 lần để ca ngợi chúc phước cho Đức Chúa Trời trong Khải Huyền (xem 7:10; 12:10; 19:1).

} “**và thuộc về Chiên Con.**” Xin để ý Đấng Mê-si-a được ca ngợi chúc phước như Đức Giê-hô-va ám chỉ bản thể Thần Đức của Chúa Giê-su.

7:11 “**phủ phục trước ngai và thờ lạy Đức Chúa Trời**” Có ba nhóm được phân biệt ở đây:

1. thiên sứ
2. trưởng lão
3. bốn sinh linh

Các nhóm này đều liên hệ tới Thiên Cung của Đức Chúa Trời. Họ khác biệt với nhóm 144.000 người và đám đông không ai đếm được, xem Chủ Đề Đặc Biệt: Trưởng lão ở câu 4:4.

7:12 “**nói rằng: “A-men! ... A-men!”** Xin để ý tới lời chúc phước bảy phần cho Đức Chúa Trời (và cho Đấng Christ ở câu 10), cũng tương tự với lời chúc phước cho Chiên Con Bị Giết ở câu 5:12.

} “**Amen**” Xin để ý lời chúc phước trong câu 12, được bắt đầu và kết thúc bằng “a-men”, xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1:6.

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 7:13-17**

**<sup>13</sup>Một trong các trưởng lão nói với tôi rằng: “Những người mặc áo dài trắng ấy là ai, và họ từ đâu đến?” <sup>14</sup>Tôi thưa rằng: “Thưa chúa, chúa biết.” Trưởng lão ấy nói với tôi: “Đây là những người đã ra khỏi cơn đại nạn, đã giặt và tẩy trắng áo mình trong huyết của Chiên Con. <sup>15</sup>Vì vậy, họ được ở trước ngai Đức Chúa Trời, ngày đêm phục vụ trong đền thờ của Ngài; và Đấng ngồi trên ngai sẽ che phủ họ. <sup>16</sup>Họ sẽ không còn đói hoặc khát nữa, cũng không có mặt trời hoặc cơn nắng gắt nào hại đến họ. <sup>17</sup>Vì Chiên Con ở giữa ngai sẽ chặn giữ và dẫn họ đến những suối nước sự sống. Đức Chúa Trời sẽ lau hết nước mắt khỏi mắt họ.”**

**7:14 “Tôi thưa rằng: “Thưa chúa, chúa biết.”** Đây là câu trả lời đối với sứ giả thần linh, (xem Xa-cha-ri 4:5,13; Đa-ni-ên 10:16), cũng là bằng chứng về danh tính 24 vị trưởng lão thuộc vào hàng thiên sứ.

Văn chương Khải thị thường dùng thiên sứ làm sứ giả mang truyền và giải nghĩa thông điệp. Sự giải nghĩa của thiên sứ cũng như lời của ca đoàn trên Thiên Cung là phương tiện căn bản giúp chúng ta hiểu ngôn ngữ biểu tượng.

} **“Đây là những người đã ra khỏi cơn đại nạn”** Tính động từ thì hiện tại: (đang ra) liên hệ đến hội thánh bị bắt bớ thời kỳ của (xem 1:9; 2:9,10,22). Tuy nhiên, xét về khía cạnh lịch sử, sứ điệp của Khải Huyền động tới tất cả thánh đồ trong từng giai đoạn và đặc biệt giai đoạn cuối dưới sự bắt bớ gia tăng, (xem Đa-ni-ên 12:1). Con Đại Nạn gồm có:

1. Sự bắt bớ con dân Chúa (xem Ma-thi-ơ 24:21-22; Mác 13:19; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:3ff; Khải Huyền 2:10; Đa-ni-ên 12:1)
2. Con thịnh nộ trên thế gian vô tín, (xem II Tê-sa-lô-ni-ca 1:6-9; Khải Huyền 3:10; 6:17; 8:2ff; 16:1ff)

Hoạn nạn có mặt trong mỗi giai đoạn. Cô-độc nhân thường chịu nỗi nhọc vì danh Chúa Giê-su, (xem Giảng 16:33; Công Vụ 14:22; Rô-ma 5:3; I Phi-ê-rơ 4:12-16). Sự bắt bớ và con thịnh nộ còn được gọi là “con đau trước giờ sinh” của Tân Kỷ Nguyên Công Chính, (xem Mác 13:8 và ngụ kinh II Baruch, chapters 25-30).

Thuật ngữ Hy-lạp ‘*thlipsis*’ (tribulation) trong Khải Huyền luôn dùng cho sự bắt bớ tín đồ bởi thế gian, (xem 1:9; 2:9,10,22; 7:14), còn thuật ngữ *thumos* (xem 12:12; 14:8,10,19; 15:1,7; 16:1; 18:3; 19:15) và *org* (xem 6:16,17; 11:18; 14:10; 16:19; 19:15) luôn nói về con thịnh nộ của Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con trên xã hội vô tín, phản loạn.

Bản về thần học bên lề, cuốn sách này được viết để khích lệ con dân Chúa trong hoạn nạn. Vì sao một số nhà giải kinh cho rằng một cuộc “cất đi bí ẩn” (còn được gọi là sự hoạn hỷ) sẽ xảy ra để cứu một thế hệ tương lai khỏi sự bắt bớ. Sự bắt bớ là định mệnh của các sứ đồ và hội thánh nguyên thủy, vậy lý do gì để một thế hệ tương lai tránh khỏi điều này?

} **“đã giặt và tẩy trắng áo mình trong huyết của Chiên Con.”** Rõ ràng đây nói về những người tử đạo vì Đấng Christ trong cơn Đại Nạn. Một ẩn dụ lớn của sự cứu chuộc (xem 22:14)! Hình ảnh tẩy trắng bởi huyết Chiên Con cũng được thấy trong Rô-ma 3:25; 5:9; II Cô-rin-tô 5:21; Ê-phê-sô 1:7; Cô-lô-sê 1:20; Hê-bơ-rơ 9:14; I Phi-ê-rơ 1:19; and I Giảng 1:7. Chân lý Thập Tự giá thường xuất hiện trong Khải Huyền (xem 1:5; 5:12; 7:14; 12:11; 13:8; 14:4; 15:3; 19:7; 21:9,23; 22:3).

Xin đề ý sự kết hợp giữa phương tiện cứu rỗi qua Đấng Christ và sự đáp ứng lời mời của Đức Chúa Trời đối với nhân loại. Đây là chân lý căn bản của cả Cựu và Tân Ước: Đức Chúa Trời khởi xướng, nhân loại hưởng ứng, (xem Giảng 1:12; Mác 1:15; Công Vụ 3:16,19; 20:21; Rô-ma 10:9-13).

**7:15-16** Viễn cảnh bình an trên được miêu tả bởi thuật ngữ Cựu Ước. Đây cũng là sự liên tưởng tới giai đoạn Lang Thang Trên Đòng Văng và Lều Tạm (xem Xuất Hành 40:34-38; Dân Số 9:15-23), đồng thời cũng gợi nhớ tới đám mây vinh hiển *Shekinah* là biểu tượng sự hiện diện của Đức Chúa Trời với dân tuyền, (xem Ê-sai 49:10; Ma-thi-ơ 5:6; Giảng 4:14; 6:35; 7:37). Giai đoạn Lang Thang Đòng Văng chính là giai đoạn phán xét, nhưng không khi nào Đức Giê-hô-va được thấy gần gũi và quan tâm tới I-sơ-ra-en hơn. Các thầy Ra-bi còn gọi giai đoạn này là “tuần trăng mật” giữa Chúa và người” .

**7:15 “ ngày đêm phục vụ trong đền thờ của Ngài”** Trong Cựu Ước, chức vụ này chỉ dành cho các thầy Lê-vi,

(xem Thi Thiên 134:1; I Sử Ký 9:33). Ngày nay quyền được đến gần và phụng sự Đấng Thánh đã được mở rộng cho: (1) các tín đồ bị bắt bớ, (2) tất cả các tín đồ. Không còn sự độc quyền chức vụ cho dân Do-thái, tất cả mọi tín đồ nay trở nên các thầy tế lễ trong giao ước mới, (xem I Pt. 2:5,9; Khải Huyền 1:6).

Cụm câu “ngày và đêm” nói về tính liên tục, được thấy vài lần trong Khải Huyền, (xem 4:8; 7:15; 12:10; 14:11; 20:10).

} **“trong đền thờ của Ngài”**- câu này khó giải thích, khi Ê-xê-chiên 40-48 và Khải Huyền 21:22 nói rằng không có đền thờ trên Thiên Đàng. Có người cho rằng đây là Đền Thờ tạm trong thời Thiên Hỷ Niên (Ngàn Năm), so với việc không có Đền Thờ trong Cõi Đời Đời. Rõ ràng ẩn dụ và thời gian trong sách này không mang tính cứng nhắc. Có thể đây nói về Đền Thờ thuộc linh trên Thiên Đàng (xem Hê-bơ-rơ 9:23).

} **“Đấng ngồi trên ngai sẽ che phủ họ.”** Đây là ẩn dụ theo truyền khẩu minh họa việc Đức Chúa Trời ở với con người. Lều trại của Ngài là biểu tượng sự Hiện Diện Thần Linh vĩnh cửu trong vòng dân tuyển mới, từ tất cả mọi sắc tộc nòi giống trên trần thế. Mục đích ban đầu từ vườn Địa Đàng được hồi phục, nhân loại được cứu chuộc, xem Sáng Thế 3:15, sự tương giao mật thiết với Đấng Tạo Hóa lại được tiếp nối, Sáng Thế 3:8

**7:16-17** Những câu chúc phước từ Cựu Ước, dành cho mọi tín đồ, chứ không chỉ riêng cho những người tử đạo .

**7:16 “Họ sẽ không còn đói hoặc khát nữa”** câu này liên tưởng tới Ê-sai 49:10-13. Sự cung ứng vật thể bởi Chúa được dùng làm biểu tượng cho sự cung ứng tinh thần (xem Ma-thi-ơ 5:6; Giăng 4:14; 6:35; 7:37).

} **“ cũng không có mặt trời hoặc cơn nắng gắt nào hại đến họ”** Điều này gợi nhớ tới đám mây vinh hiển *Shekinah* che nắng cho dân I-sơ-ra-en trong 38 năm lang thang đồng vắng, (xem Thi Thiên 121:5-7).

**7:17 “Vì Chiên Con ở giữa ngai sẽ chặn giữ”** Lại thêm một hình ảnh từ Cựu Ước, trong Ê-xê-chiên 34:23. Xin để ý Chúa Cứu Thế đã bị sát hại, nay phục sinh, luôn luôn là tiêu điểm của chương trình cứu chuộc của Đức Chúa Trời. Người Chăn Chiên Nhân Từ trong Giăng 10:11 nay trở nên Người Chăn Chiên của tất cả mọi con chiên, (xem Giăng 10:16).

} **“dẫn họ đến những suối nước sự sống”** Nước là biểu tượng sự sống dồi dào cho những người sống trên sa mạc. Hình ảnh này được thấy trong Ê-sai 49:10 (xem Thi Thiên 23:2), và được nhắc tới trong Khải Huyền 21:6; 22:1.

} **“Đức Chúa Trời sẽ lau hết nước mắt khỏi mắt họ.”** Hình ảnh đến từ bữa tiệc của Đấng Mê-si-a trong Thành Mới của Đức Chúa Trời, từ trong Ê-sai 25:6-9 (xem Khải Huyền 21:4). Đây thật là điều an ủi cho các thế hệ tín đồ bị bắt bớ, từ thời Giăng sống, trải qua lịch sử hội thánh cho đến tận hôm nay.

## CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát

1. Nhóm 144,000 người là ai? Xin giải thích bằng các câu Kinh Thánh trong Khải Huyền.
2. Nhóm 144,000 người liên hệ tới “đám đông không thể đếm được” như thế nào trong câu 9?
3. Vì sao các biểu tượng này rất khó giải thích.
4. Điều gì là chủ đề chính của chương 6 và 7?
5. Vì sao chương 7 được gọi là màn phụ? Có màn phụ nào khác không?



**KHAI HUYỀN 8:1-9:21**

**CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI**

<b>UBS<sup>4</sup></b>	<b>NKJV</b>	<b>NRSV</b>	<b>TEV</b>	<b>NJB</b>
Ấn thứ bảy và bình hương	Ấn thứ bảy mở màn cho bảy kèn	Ấn thứ bảy	Ấn thứ bảy	Ấn thứ bảy
8:1-2	8:1-6	8:1-2	8:1-2	8:1 lời cầu nguyện của thánh đồ: Xin đem Ngày Vĩ Đại tới 8:2-5
8:3-5		8:3-5	8:3-5	
Những cái kèn	Kèn thứ nhất: thực vật	Sáu kèn đầu tiên	Những cái kèn	bốn kèn đầu tiên
8:6		8:6	8:6	8:6-12
8:7	8:7 Kèn thứ hai: biển	8:7	8:7	
8:8-9	8:8-9 Kèn thứ ba: nước	8:8-9	8:8-9	
8:10-11	8:10-11 Kèn thứ tư: bầu trời:	8:10-11	8:10-11	
8:12	8:12	8:12	8:12	
8:13-9:6	8:13 Kèn thứ năm: châu chấu từ vực sâu	8:13 Nạn châu chấu quý	8:13	8:13 Kèn thứ năm
	9:1-12	9:1-6	9:1-6	9:1-6
9:7-11		9:7-11	9:7-11	9:7-11
9:12	Kèn thứ sáu: thiên sứ từ O-phơ-rát.	9:12	9:12	9:12
9:13-19	9:13-21	9:13-19	9:13-19	9:13-21
9:20-21		9:20-21	9:20-21	

**CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)**

*THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN*

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

Phân đoạn 1  
Phân đoạn 2  
Phân đoạn 3

## KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN HỆ TỚI CÂU 8:1-9:21

- A. Khi bảy kèn bắt đầu phát ra, mọi người hỏi ả, kèn và chén liên hệ với nhau như thế nào? Đây là sự Tái Hiện, Đồng Quy, không trọn vẹn, nhưng đều nói về một giai đoạn. Thuyết “Tóm Lược Sự Kiện” được khởi xướng trong thế kỷ thứ ba bởi Víc-tô-ri-nút (Victorinus of Pettau) (see *The Ante-Nicene Fathers*, tập. 7, trang. 344-360). Ông chỉ nhắc đến sự giống nhau giữa kèn và chén. Khi so sánh, dường như cả ba: ả, kèn, chén đều ám chỉ một cách ẩn dụ về một giai đoạn tận thế. Có thể ả thứ sáu (xem 6:12-17) dẫn chúng ta đến thời điểm Tận Thế. Còn bảy kèn, (xem 11:15-19) và bảy chén (xem 16:17-21) miêu tả các sự kiện trong giai đoạn này.
- B. Từ những nguồn nào Giảng có được các hình ảnh khái thị trong phần này? Có một vài lý thuyết như sau:
1. Nguồn Cựu Ước, đặc biệt tới các tai họa ở Ê-gíp, và sự tấn công của đàn châu chấu trong Giô-ên
  2. Như thông lệ, các hình ảnh trong Khải Huyền thường xuất phát từ bối cảnh Đa-ni-ên, Ê-xê-chiên and Xa-cha-ri
  2. Nguồn văn chương khái thị Do-thái giữa hai Giao ước, được biết nhiều nhất là ngụ kinh I Enoch. Do-thái giáo, Hội Thánh và các tác giả Tân Ước cũng dẫn chứng từ nguồn này, (xem II Phi-ê-rơ 2 and Giu-đe ).
  3. Nguồn lịch sử, đặc biệt đạo thờ phượng hoàng đế, và sự bắt bớ bởi người sùng bái đạo này.

Sự chọn lựa nguồn cung cấp các hình ảnh khái tượng giúp chúng ta giải kinh hai chương 8, 9. Nếu bối cảnh là đạo thờ hoàng đế, sự giải kinh sẽ phù hợp với quan điểm ‘lịch sử’ (preterist) Nếu bối cảnh là văn chương khái thị giữa hai Giao ước, sự giải thích sẽ thích hợp hơn cho quan điểm ‘lý tưởng’ (idealist). Còn nếu bối cảnh là Cựu Ước, thì quan điểm ‘tương lai’(futurist) nói về kỳ tận thế Do-thái là hợp lý

- C. Hai chương này miêu tả sự phán xét tăng dần trên thế gian vô đạo. Tuy nhiên chúng ta nên nhớ rằng sự phán xét trên họ vẫn mang tính cách kêu gọi ăn năn (xem 9:20-21; 14:7; 16:9,11), tương tự như sự rửa xả theo Giao ước trong Phục Truyền 27-29.
- D. Cũng giống như trong chương trước, các biểu tượng có thể khó hiểu đến mức khi xét về một nhân vật, có người cho đây là Đấng Christ, còn người khác cho đây là Sa-tan. Chính vì vậy, sự kết luận một cách cực đoan không thích hợp ở đây. Người giải kinh phải có tầm nhìn tổng quan và phát hiện ra chân lý trọng tâm. Chân lý trọng tâm trở nên công cụ hướng dẫn cho việc giải kinh chi tiết, trong khi vẫn được nhấn mạnh là trọng tâm thần học.

## NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

### RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 8:1-2

<sup>1</sup>Khi Chiên Con mở ả thứ bảy, trên trời yên lặng khoảng nửa giờ. <sup>2</sup>Tôi thấy bảy thiên sứ đứng trước mặt Đức Chúa Trời, và họ được trao cho bảy chiếc kèn.

**8:1** “Khi Chiên Con mở ả thứ bảy, ” Ở đây Chúa Giê-su là nhân vật mở ả. Từ nay về sau, thiên sứ là sứ giả với kèn và chén.

} **“trên trời yên lặng khoảng nửa giờ”** Có vài cách giải thích sự yên lặng này. Các thầy Ra-bi liên hệ sự yên lặng tới những lời cầu nguyện của thánh đồ.

1. Có người liên hệ tới sách ngụy kinh II Esdras 7:29-31, trong đó sự yên lặng đánh dấu Kỷ Nguyên Mới.
2. Có người liên hệ tới sự yên lặng của nhân loại trước Đức Chúa Trời, (xem Ha-ba-cúc 2:20; Sô-phô-ni 1:7; Xa-cha-ri 2:13)
3. Có người liên hệ tới mức độ khốc liệt của sự phán xét trên thế gian vô tín.

Víc-to-ri-nus (Victorinus) ám chỉ ‘nửa giờ yên lặng’ là khởi đầu của đời đời.

**8:2 “thấy bảy thiên sứ đứng trước mặt Đức Chúa Trời”** Trong nguyên bản có mạo từ chỉ định đứng trước 7 thiên sứ (tiếng Anh: The seven angels) Trong tài liệu của các thầy Ra-bi, (Tobit 12:15; Jubilees 1:27,29; 2:1-2,18; and I Enoch 20:1-7), bảy thiên sứ này đều có tên riêng: Uriel, Raphael, Raguel, Michael, Saraqael or Sariel, Gabriel, and Remiel. Một số người khác thấy đây là Đấng Mê-si-a - “Thiên Sứ Trước Mặt Ngài” trong Ê-sai 63:9 Hoặc sự phán xét đối với những ai phản loạn chống nghịch, làm buồn Đức Thánh Linh, (xem Ê-sai 63:10). Thiên Sứ Trước Mặt Ngài” liên hệ tới Xuất Hành 23:20-23; 33:12-16.

} **“họ được trao cho bảy chiếc kèn”** Ở đây bảy thiên sứ liên hệ tới bảy kèn. Trong Cựu Ước, kèn được dùng để kêu gọi dân tuyển cho mục đích tụ họp tôn giáo hay chiến tranh, (xem Xuất Hành 19:16; Dân Số 10:1-10; Ê-sai 27:13; Giê-rê-mi 4:5-9; Giô-ên 2:1; Sô-phô-ni 1:16; Xa-cha-ri 9:14; ngụy kinh II Esdras 6:23, xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1:10). Trong Tân Ước ngoài Khải Huyền, kèn cũng dùng để thông báo sự Tái Lâm của Đấng Christ, (xem Ma-thi-ơ 24:31; I Cô-rin-tô 15:52-53; I Tê-sa-lô-ni-ca 4:16).

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 8:3-5**

**<sup>3</sup>Một thiên sứ khác cầm bình hương bằng vàng đến đứng bên bàn thờ. Vị này được ban cho nhiều hương để dâng lên cùng với những lời cầu nguyện của các thánh đồ trên bàn thờ bằng vàng ở trước ngai. <sup>4</sup>Khói hương từ tay thiên sứ với những lời cầu nguyện của các thánh đồ bay lên trước mặt Đức Chúa Trời. <sup>5</sup>Rồi thiên sứ lấy bình hương, bỏ đầy lửa nơi bàn thờ vào và ném xuống đất thì có những tiếng sấm, tiếng nói, những tia chớp và động đất**

**8:3 “Một thiên sứ khác cầm bình hương bằng vàng đến đứng bên bàn thờ.”** Câu này cùng câu 5:8 thường được sử dụng để chứng minh quan điểm thần học của các thầy Ra-bi, tin rằng chính thiên sứ là tác nhân mang lời cầu nguyện tới Đức Chúa Trời. Kinh Thánh có vẻ yên lặng đối với những loại chi tiết như vậy. Chúng ta không nên dùng biểu tượng để giải thích các chi tiết mang tính suy đoán. Đây là khái tượng xác nhận lời cầu nguyện của thánh đồ tác động đến Đức Chúa Trời, chứ không định nghĩa vai trò của thiên sứ.

Bàn thờ ở đây có thể là Bàn Thờ Dâng Hương trước màn Nơi Chí Thánh (xem Xuất Hành 30:1-10), hoặc Bàn Thờ Dâng Tế, (xem câu 5; 9:13). Tuy nhiên, khái tượng này không dính dáng tới Lều Tạm, hay Đền Thờ ở Giê-ru-sa-lem, nhưng liên hệ tới Thiên Cung của Đức Chúa Trời, (xem Hê-bơ-rơ 8:2; 9:11,24). Chính vì vậy Bàn Thờ Dâng Hương hợp ngữ cảnh nhất.

} **“những lời cầu nguyện của các thánh đồ”** Chính xác nhóm thánh đồ nào cầu nguyện là điều không thể xác nghiệm được, nhưng chắc chắn Đức Chúa Trời biết và đáp ứng lời cầu nguyện của họ, (xem Xuất Hành 3:7). Hương thơm là biểu tượng của lời cầu nguyện (xem Thi Thiên 141:2; Khải Huyền 5:8) bởi hương khói bay lên và hòa tan từ cõi hữu hình tới cõi vô hình.

xem Chủ Đề Đặc Biệt: “Thánh đồ”.

**8:4** Trong cả sách Lê-vi-ký, hương thơm bay lên trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời, chính vì vậy nó được dùng làm biểu tượng cho lời cầu nguyện của con dân Đức Chúa Trời.

**8:5 “Rồi thiên sứ lấy bình hương, bỏ đầy lửa nơi bàn thờ vào và ném xuống đất”** Câu này liên tưởng tới Ê-xê-chiên 10:2. Than dùng để đốt hương liệu được lấy từ bàn thờ dâng tế ở phần trước của Lều Tạm (xem 9:13;

Lê-vi 16:11-13). Những biểu tượng liên quan đến Lều Tạm nên được dùng một cách uyển chuyển, trọng tâm thần học của hình ảnh này là nó xảy ra trước mặt Đức Chúa Trời trên Thiên Đàng. .

} **“thì có những tiếng sấm, tiếng nói, những tia chớp và động đất”** Những rung động trong thiên nhiên này thường đi kèm với sự hiện diện của Đức Chúa Trời, (xem 4:5; 11:19; 16:18; Xuất Hành 19:16-19; Thi Thiên 18:10-13

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 8:6**

**<sup>6</sup>Sau đó, bảy thiên sứ cầm bảy chiếc kèn chuẩn bị thổi.**

**8:1-6** Nhưng câu này miêu tả các sự việc xảy ra trong giai đoạn yên lặng.

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 8:7**

**<sup>7</sup>Thiên sứ thứ nhất thổi kèn thì có mưa đá và lửa trộn lẫn với máu đổ xuống đất. Một phần ba đất bị thiêu cháy, một phần ba cây cối bị thiêu cháy, và tất cả cỏ xanh đều bị thiêu cháy..**

**8:7 “mưa đá và lửa trộn lẫn với máu đổ xuống đất.”** Hầu hết các hình ảnh liên hệ tới tai họa ở Ai-cập, chi tiết ở đây gọi nhớ Xuất Hành 9:24. Có thể thêm vào đó là chi tiết từ Ê-xê-chiên 38:22, về việc đội quân xâm lược của Gót bị đánh bại.

} **“Một phần ba đất bị thiêu cháy”** Tuy nói về sự hạn chế, nhưng mức độ khá lớn 1/3 còn được nhắc lại nhiều lần (xem 8:7-8,9,10,11,12; 9:15,18; 12:4). Chu kỳ phán xét thứ hai khốc liệt hơn chu kỳ thứ nhất, (xem 6:8, khi chỉ có 1/4 được nhắc đến) Đức Chúa Trời vẫn vươn tay tới nhân loại bởi các tai họa thuộc thể, (xem Xuất Hành 7-11; Phục Truyền 28-29), nhưng con người cố tình từ chối Ngài với sự ăn năn và đức tin.

} **“tất cả cỏ xanh đều bị thiêu cháy”** Điều này ám chỉ tất cả cỏ xanh trong khu vực 1/3, bởi vì cỏ xanh được bảo vệ trong câu 9:4.

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 8:8-9**

**<sup>8</sup>Thiên sứ thứ nhì thổi kèn thì có vật gì giống như quả núi lớn cháy rực bị ném xuống biển. Một phần ba biển biến thành máu, <sup>9</sup>một phần ba sinh vật trong biển bị chết, và một phần ba tàu thuyền bị phá hủy.**

**8:8 “ như quả núi lớn cháy rực bị ném xuống biển. ”** Một lần nữa, đầu là nguồn cung cấp hình ảnh khai thị cho Giăng: Bối cảnh xã hội La-mã, văn chương khai thị giữa hai Giao ước, hay Cựu Ước?

1. Nếu nguồn là Cựu Ước thì Thi Thiên 46:2 hoặc Xuất Hành 7:20-21 là dẫn chứng.
2. Nếu nguồn là văn chương khai thị giữa hai Giao ước, thì I Enoch 18:13-16 hoặc có thể Sibylline Oracles 5:158 là dẫn chứng.
3. Nếu nguồn là bối cảnh xã hội La-mã, thì sự bùng nổ của núi lửa Ve-su-vi-út (Vesuvius) là dẫn chứng, (người Do-thái coi đây là đòn trừng phạt người La-mã về việc đốt thành Giê-ru-sa-lem)

Chính xác Giăng sử dụng nguồn nào không ai rõ, nhưng tất cả đều nói về ‘con thịnh nộ thức tỉnh ăn năn’ của Đức Chúa Trời đối với thế gian phản loạn.

} **“Một phần ba biển biến thành máu, ”** Đây lại là một liên tưởng tới tai họa ở Ai-cập, (xem Xuất Hành 7:20-21).

**8:9 “một phần ba sinh vật trong biển bị chết, ”** Đây cũng gọi nhớ tới tai họa ở Ai-cập, (xem Xuất Hành 7:21).

} **“một phần ba tàu thuyền bị phá hủy”** Hình ảnh tàu thuyền đặc biệt chỉ có trong Giăng, không có trong Cựu Ước, văn chương khai thị, hay văn tự lịch sử thời La-mã. Lẽ dĩ nhiên chúng ta thấy qua đây thương mại và thực

phẩm bị ảnh hưởng. Mức độ tai họa có giới hạn nhưng tăng dần, từ 1/4 trong chu kỳ 7 ần, tới 1/3 trong chu kỳ 7 kèn và cuối cùng là mức độ Đại Nạn trong chu kỳ 7 chén, khi thời điểm cho phép ăn năn đã trôi qua.

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 8:10-11**

**<sup>10</sup>Thiên sứ thứ ba thổi kèn thì một ngôi sao lớn cháy như đuốc từ trời rơi xuống. Ngôi sao ấy rơi vào một phần ba các sông và các nguồn nước. <sup>11</sup>Tên ngôi sao ấy là Ngải Cứu. Một phần ba nước hóa ra ngải cứu; nhiều người chết bởi nước này, vì nó đã trở thành đắng.**

**8:10 “ một ngôi sao lớn cháy như đuốc từ trời rơi xuống. ”** Đây có thể gợi ý tới Ê-sai 14:12. Nhiều người liên hệ câu này với Khải Huyền 6:13 hoặc 9:1, nhưng có thể họ quá quan tâm tới chi tiết và tìm cách giải thích không hiệu quả. Đây là hình ảnh Khải thị. Thường trong văn chương Khải thị Do-thái, các ngôi sao là biểu tượng cho thiên sứ. (Ví dụ 9:1).

**8:11 “ Tên ngôi sao ấy là Ngải Cứu.”** Trong Cựu Ước, ngải cứu thương liên hệ tới thờ thần tượng, (xem Phục Truyền 29:17-18). Ngải cứu cũng được pha chế với thuốc độc (xem Giê-rê-mi 9:15; 23:15; A-môt 6:12), tuy nó chỉ đắng nhưng không độc tới mức giết người. Ngải cứu ở đây là biểu tượng cho sự phán xét có mức độ của Đức Chúa Trời.

Một trong những điển hình về việc “giải kinh Khải Huyền theo thời sự”: Có người tin rằng sự cố nhà máy điện hạt nhân Chê-nô-bin là sự ứng nghiệm tiên tri, bởi tên thành phố này có nghĩa là Ngải Cứu trong tiếng Nga. Cách “giải kinh theo thời sự” khá phổ biến trong suốt 2000 năm lịch sử, và chúng ta không nên phạm sai lầm kiểu này!

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 8:12**

**<sup>12</sup>Thiên sứ thứ tư thổi kèn thì một phần ba mặt trời, một phần ba mặt trăng và một phần ba các ngôi sao bị va chạm mạnh đến nỗi một phần ba của chúng trở nên tối, khiến một phần ba ban ngày không có ánh sáng, và ban đêm cũng vậy.**

**8:12** Tăm tối luôn là dấu hiệu sự phán xét của Đức Chúa Trời (xem Xuất Hành 10:21; Ê-sai 13:10; 34:4; 50:3; Ê-xê-chiên 32:7-8; Giô-ên 2:2,10,31; 3:15; A-môt 5:18; Mác 13:24). Các tinh tú trên trời thường được thần tượng hóa và trở nên đối tượng tôn thờ, mặc dù chúng chỉ là tạo vật của Đức Chúa Trời (xem Sáng Thế 1:14-19; Ê-sai 40:26); được Ngài đặt tên (xem Thi Thiên 147:4; Ê-sai 40:26); và điều hành (xem Ê-sai 48:13); Các tinh tú trên trời hòa đồng ngợi khen Ngài, (xem Thi Thiên 148:3).

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 8:13**

**<sup>13</sup>Rồi tôi nhìn xem, và nghe một chim đại bàng đang bay giữa trời, kêu lớn: “Khốn thay! Khốn thay! Khốn thay cho những cư dân trên đất khi tiếng kèn mà ba thiên sứ khác sắp thổi lên.”**

**8:13 “Rồi tôi nhìn xem, và nghe một chim đại bàng đang bay giữa trời, kêu lớn: ”** Bản Anh ngữ thay ‘đại bàng’ bằng ‘thiên sứ’ theo bản sao Hy-lạp từ thế kỷ thứ 9. Các nguyên bản như Sinaiticus (!) and Alexandrinus (A) đều có ‘đại bàng’. Loại chim này có thể là ‘kèn kèn’, thường được dùng làm biểu tượng của sự tàn sát, (xem Ê-xê-chiên 17:3; Ha-ba-cúc 1:8; Ma-thi-ơ 24:28; Lu-ca 17:37)

1. Liên tưởng tới cảnh phán xét trong Ê-xê-chiên 39:17-20; Ô-sê 8:1

2. Liên tưởng tới văn chương Khải thị giữa hai Giao ước II Baruch 77:21-22, trong đó có con kèn kèn mang sứ điệp tới con dân của Đức Chúa Trời.

3. Cờ xí của quân đội La-mã, với tượng đại bàng trên đỉnh cây cờ

Cụm từ “đang bay giữa trời” gợi ý những con kèn kèn bay lượn trong không trung (xem Khải Huyền 14:6; 19:17).

} “ “Khốn thay! Khốn thay! Khốn thay” Đây là thông cáo liên hệ tới ba tiếng kèn cuối cùng sắp được thổi,

(xem 9:12; 11:14; 12:12); và cũng có thể là biểu tượng mức độ nghiêm trọng ( giống như cụm từ “thánh thay, thánh thay, thánh thay” ở câu 4:8). Trong tiếng Hê-bơ-rơ một thuật ngữ được lặp lại ba lần mang mức độ tối cao, tốt bậc, (xem thánh thay thánh thay thánh thay trong Ê-sai 6:3). Trong Cựu Ước, “khôn thay” là thuật ngữ thần ca, luôn liên hệ tới sự chết và phán xét.

} **“cho những cư dân trên đất”** Câu này ám chỉ những người chưa được cứu, (xem 3:10; 6:10; 11:10; 13:8; 17:2).

## KHẢI HUYỀN 9

### RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỊNH) ĐOẠN 9:1-6

<sup>1</sup>Thiên sứ thứ năm thổi kèn, tôi thấy một ngôi sao từ trời rơi xuống đất; ngôi sao ấy được trao cho chìa khóa của vực sâu. <sup>2</sup>Khi ngôi sao mở vực sâu thì có khói từ vực sâu bay lên như khói của một lò lửa lớn; mặt trời và không gian bị u ám bởi khói của vực sâu ấy. <sup>3</sup>Từ luồng khói đó có những châu chấu bay ra khắp đất, và chúng được ban cho năng lực giống như năng lực của bọ cạp trên đất vậy. <sup>4</sup>Chúng được bảo đừng làm hại cỏ trên đất, các loại tươi xanh và cây cối mà chỉ làm hại những người không có ấn của Đức Chúa Trời ở trên trán. <sup>5</sup>Chúng không được phép giết chết, nhưng được phép hành hạ họ trong năm tháng. Sự đau đớn do chúng gây ra giống như sự đau đớn của người bị bò cạp chích. <sup>6</sup>Trong những ngày ấy, người ta sẽ tìm kiếm sự chết mà không gặp; họ mong được chết nhưng sự chết tránh xa.

**9:1 “tôi thấy một ngôi sao từ trời rơi xuống đất”** Sau đây là một vài giả thiết về danh tính thiên sứ, hay ngôi sao được nhân cách hóa.

1. Bởi vì động từ trong thì quá khứ hoàn thành, đây có thể là Sa-tan, sa xuống trong quá khứ và tiếp tục sa xuống từ Thiên Đàng (xem Ê-sai 14:12; Ê-xê-chiên 28:16; Lu-ca 10:18; Khải Huyền 12:9)
2. Xét về ngữ cảnh thì đây là một thiên sứ phục vụ Đức Chúa Trời trong sự phán xét, (xem 20:1)

Các thiên sứ với biểu tượng sao sa thường được thấy trong văn chương Khải thị giữa hai Giao ước.

} **“ngôi sao ấy được trao cho chìa khóa của vực sâu”** Chìa khóa được nhắc tới trong 1:18 và 20:1. Nó biểu tượng cho thẩm quyền. Đức Chúa Trời có thẩm quyền trên quý binh là phương tiện phán xét.

‘Vực sâu’, ‘vực thăm’ là thuật ngữ Hy-lạp có tiền tố phủ nhận (alpha privative) : “vực không đáy”

1. Được sử dụng trong bản Bảy Mươi (Septuagint) (Cựu Ước tiếng Hy-lạp) trong Sáng Thế 1:2; 7:11; Thi Thiên 42:7; 107:26 ám chỉ vực sâu của nước trong Tạo Hóa.
2. Trong Thi Thiên 71:20 ám chỉ nơi chứa người chết.
3. Cũng có trong ngụ kinh I Enoch 18:12-16; 21:7-10; 108:3-6, là nơi giam cầm tạm thời và vĩnh cửu các thiên sứ mắc tội.
4. Đồng nghĩa với thuật ngữ “*tartarus*” (xem II Phi-ê-rơ 2:4 và ngụ kinh I Enoch 21:7), là nơi giam các thiên sứ xấu, (xem Lu-ca 8:31; Giu-đe 6; Khải Huyền 11:7; 17:8; 20:1-3; và các ngụ kinh I Enoch 10:4; 86:1; 88:1; Jubilees 5:6-11).
5. Phạo-lô sử dụng thuật ngữ này (abyss) trong Rô-ma 10:7 là nơi chứa người chết (xem Ê-sai 24:21-22).
6. Sau này các thầy Ra-bi dạy đây là phần dành cho kẻ bất chính trong âm phủ (*Sheol/Hades*) (xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1:18).

} **“được trao”** Đây là một trong loạt động từ thụ động trong chương 8, 9, nhấn mạnh việc Đức Chúa Trời điều hành và tể trị lịch sử và quý binh (xem 8:3,7,8,11,12; 9:1,3,4,5). Thường người Do-thái sử dụng thể thụ động (as circumlocution – cách dùng nhiều từ hơn cần thiết) để ám chỉ hành động của Thần Linh.

**9:2 “có khói từ vực sâu bay lên như khói của một lò lửa lớn; ”** Loại câu này thường liên hệ tới sự phán xét của

Đức Chúa Trời trong Cựu Ước:

1. Phán xét trên Sô-đôm và Gô-mô-ra (xem Sáng Thế 19:28)
2. Phán xét trên các dân tộc (xem Ê-sai 34:10)
3. Sự hiện diện của Đức Chúa Trời trên núi Si-nai, (xem Xuất Hành 19:18)

**9:3 “những châu chấu”** là biểu tượng con thịnh nộ của Đức Chúa Trời, xem Xuất Hành 10:12-15; Giô-ên 1:4; 2:1ff) bởi chúng liên tưởng tới đạo quân xâm lược, (xem câu 7; Giô-ên . 2:4-5, 7-9).

**9:4 “Chúng được bảo đừng làm hại cỏ trên đất, các loại tươi xanh và cây cối”** Mức độ tàn phá của đạo quân bị hạn chế. Những quý binh này không được phép làm hại cỏ cây, chỉ được gây đau đớn cho người không tin, nhưng không sát hại họ, (xem câu 5; 7:4); Còn các tín đồ được Đức Chúa Trời bảo vệ trong tai họa này, giống như trong các tai họa ở Ai-cập.)

} **“án của Đức Chúa Trời ở trên trán”** xem ghi chú ở câu 7:2, liên tưởng tới Ê-xê-chiên 9:4.

**9:5 “năm tháng”** Có người cho rằng 5 tháng là thời gian châu chấu có thể sống. Tuy nhiên số 5 là nửa số 10, ám chỉ mức độ hạn chế trong sự phán xét, (xem 6:6,8; 8:7-12).

} **“đau đớn của người bị bò cạp chích.”** ‘Bò cạp chích’ cũng là ẩn dụ từ Cựu Ước, (xem II Sử Ký 10:11,14).

**9:6 “Trong những ngày ấy, người ta sẽ tìm kiếm sự chết mà không gặp; họ mong được chết nhưng sự chết tránh xa”** Câu này giống và dường như lặp lại câu 6:15-16, **“Họ nói với các núi và các vàng đá: Hãy đổ xuống trên chúng tôi...”**. Đây là bằng chứng ủng hộ thuyết “Tóm Lược Sự Kiện” đối với các ẩn, kèn và chén. Điều này cũng liên tưởng tới sự phán xét trên Giê-ru-sa-lem (Giê-rê-mi 8:2-3.)

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 9:7-11**

<sup>7</sup>Hình dạng của những châu chấu giống như ngựa săn sàng cho chiến trận. Trên đầu chúng có cái gì giống như mào miện bằng vàng; mặt chúng như mặt người; <sup>8</sup>tóc như tóc phụ nữ; răng như răng sư tử. <sup>9</sup>Chúng có giáp che ngực như giáp bằng sắt; tiếng cánh của chúng như tiếng của nhiều chiến xa do ngựa kéo đang xông vào chiến trường. <sup>10</sup>Chúng có đuôi và nọc giống như bò cạp; những đuôi này có sức mạnh làm hại loài người trong năm tháng. <sup>11</sup>Vua của chúng là sứ giả của vực sâu, có tên trong tiếng Hê-bơ-rơ là A-ba-đôn, và trong tiếng Hi Lạp là A-pô-li-ôn..

**9:7-9 “Hình dạng của những châu chấu”** Sự miêu tả hình dạng của đàn châu chấu rất giống trong Giô-ên 2:4-9 và giống ngôn ngữ Á-rập: “các con châu chấu có đầu giống như đầu ngựa, ngực giống như ngực sư-tử, răng giống răng lạc đà, thân giống như thân rắn, và ăng ten giống như tóc của cô gái trẻ.”

Châu chấu ở đây giống châu chấu trong Giô-ên với các chi tiết.

1. Răng của sư tử (xem câu 8; Giô-ên 1:6)
2. Số lượng lớn của cỗ xe và ngựa lao vào chiến trận, (xem câu 9 và Giô-ên 2:5)

**9:8** Nhiều người nghĩ đây là bộ lạc Pa-thi-an (Parthian), nổi tiếng về cưỡi ngựa và bắn cung. Quân đội La-mã rất e ngại phải chống cự đám người hoang dã này.

**9:11 “Vua của chúng”** Châm Ngôn 30:27 cho biết châu chấu không có vua, chứng tỏ đây là loại châu chấu có vua, thuộc quý chứ không thuộc thể.

} **“sứ giả của vực sâu”** Thuật ngữ ‘vực sâu’ (abyss) nói về cõi người chết, (xem 9:1,2,11; 11:7; 17:8; 20:1,3; and Rô-ma 10:7), xem ghi chú câu 9:1.

} **“có tên trong tiếng Hê-bơ-rơ là A-ba-đôn, và trong tiếng Hi Lạp là A-pô-li-ôn”** - “huỷ diệt” theo tiếng Hê-bơ-rơ, (A-ra-mic) và “kẻ huỷ diệt” theo tiếng Hy-lạp. Thuật ngữ Hê-bơ-rơ liên hệ tới âm phủ (Sê-ôn) – cõi người

chết, (xem Gióp 26:6; 29:22; 31:12; Thi Thiên 88:11 Châm Ngôn 15:11; 27:20).

Tác giả cuốn *Synonyms of the Old Testament*, ông Go-đô-stôn ((Robert B. Girdlestone) có lời bình luận khá thú vị như sau: “Thuật ngữ ‘hư mất’ có thể mở rộng ra thành hàng trăm nghĩa khác nhau. Khi nói về con người, ấy là sự chết, khi nói về đất đai, ấy nói về sự hoang tàn.” (trang. 273).

Trong Gióp 28:22, từ thuật này được nhân cách hóa cùng với sự chết. Nhân cách hóa cũng là đặc thù của các Cuộn Biển Chết và văn chương Khải thị giữa hai Giao ước. Điều khác thường là trong Cựu Ước, từ thần (thiên sứ) lại là đầy tớ của Đức Chúa Trời, (xem Xuất Hành 12:23; Gióp 15:21), hoặc là chính Đức Chúa Trời được nhân cách hóa, (xem Xuất Hành 12:13,29). Ở đây phải chăng đang nói về sứ giả / thiên sứ là lãnh tụ của đám quỳ binh bị giam cầm dưới vực sâu, hay miêu tả Đức Chúa Trời điều hành mọi sự?

Có người khẳng định đây ám chỉ hoàng đế Nê-rô và Đô-mi-ti-an (Nero and Domitian) vì họ tự xưng là con cháu thần A-pô-li-ôn. Có hai bằng chứng ủng hộ giả thiết này:

1. Châu châu là biểu tượng của A-pô-lô.
2. thuật ngữ A-pô-lô và A-pô-li-ôn có chung một từ gốc tiếng Hy-lạp.

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 9:12**

**<sup>12</sup>Khổ nạn thứ nhất đã qua. Nay, còn hai khổ nạn nữa đang đến.**

9:12 câu này liên hệ tới 11:14 và 12:2.

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 9:13-19**

**<sup>13</sup>Thiên sứ thứ sáu thổi kèn, tôi nghe có tiếng từ bốn góc bàn thờ bằng vàng ở trước mặt Đức Chúa Trời. <sup>14</sup>Tiếng ấy nói với thiên sứ thứ sáu đang cầm kèn rằng: “Hãy thả bốn thiên sứ đang bị trói tại sông lớn Ô-phơ-rát ra.” <sup>15</sup>Vậy, bốn thiên sứ được thả ra; họ đã sẵn sàng cho giờ, ngày, tháng, năm ấy để giết chết một phần ba loài người. <sup>16</sup>Số kỵ binh là hai trăm triệu. Đó là số của họ mà tôi đã nghe. <sup>17</sup>Trong Khải tượng, tôi thấy ngựa và những người cưỡi ngựa như thế này: Họ mặc giáp che ngực màu lửa, màu xanh ngọc và màu lưu huỳnh; đầu ngựa như đầu sư tử; miệng chúng phun ra lửa, khói và lưu huỳnh. <sup>18</sup>Một phần ba loài người bị giết vì ba tai nạn này, đó là: lửa, khói và lưu huỳnh ra từ miệng ngựa. <sup>19</sup>Vì sức mạnh của ngựa ở trong miệng và đuôi của chúng; đuôi chúng giống như đầu rắn và chúng dùng đầu ấy gây tội ác.**

9:13 “tôi nghe có tiếng từ bốn góc bàn thờ bằng vàng ” Đây là sự liên tưởng tới bàn thờ dâng hương của Lều Tạm, (xem Xuất Hành 30:2,3,10). Có hai bàn thờ được nhắc đến trong phần này: Bàn thờ dâng sinh tế, nơi có linh hồn của những người tử đạo, (xem 6:9-11) và bàn thờ dâng hương, trên đó có lời cầu nguyện của các thánh đồ (xem 8:3-5). Cả hai loại bàn thờ đều có sừng, mà sừng lại là biểu tượng quyền bính trong Cựu Ước, xem ghi chú ở câu 8:3

9:14 **Hãy thả bốn thiên sứ đang bị trói tại sông lớn Ô-phơ-rát ra.** Những người tìm kiếm bằng chứng lịch sử trong thế kỷ thứ nhất coi đây là bốn bộ lạc Pa-thi-an bên kia sông Ô-phơ-rát, (vùng giáp ranh với đế quốc La-mã, xem ngụy kinh I Enoch 56:5-8). Những người khác thấy đây là sự gợi ý từ Cựu Ước về 4 con ngựa Khải thị trong Xa-cha-ri 1:8 và Khải Huyền 6:1-8. Bốn thiên sứ này là 4 tác nhân của Đức Chúa Trời đem sự phán xét trên thế gian vô đạo, bội ước (xem 7:1). Tuy nhiên, chi tiết bốn thiên sứ bị trói khiến có người lại nghĩ họ là thiên sứ xấu, (xem Giu-đe câu 6). Các thiên sứ này đem cái chết tới cho 1/3 dân cư trên thế gian, (xem câu 18).

Phần bắc của nguồn sông Ô-phơ-rát giáp ranh với Đất Hứa, (xem Sáng Thế 15:18; Phục Truyền 1:7; 11:24; Josh. 1:4).

9:15 **“Vậy, bốn thiên sứ được thả ra; họ đã sẵn sàng cho giờ, ngày, tháng, năm ấy ”** Mạo từ xác định cho thời điểm (definite article) (tiếng Anh là the hour, the day, the month, the year) ám chỉ Đức Chúa Trời tể trị và điều hành lịch sử, (xem ngụy kinh I Enoch 92:2). Điều này ai ui rất nhiều các tín đồ đang chịu đựng bất bớ.

9:16 **“Số kỵ binh là hai trăm triệu. Đó là số của họ mà tôi đã nghe. ”** Đây là con số biểu tượng về đám quỳ



binh sẽ nhận chìm nhân loại. Một con số tương đương với “muôn, muôn nghìn thiên sứ” phục vụ Đức Chúa Trời, (xem 5:11; Phục Truyền 33:2; Thi Thiên 68:17; Đa-ni-ên 7:10; Hê-bơ-rơ 12:22; Giu-đe câu 14).

Một lần nữa, sự ngộ nhận quý binh là quân đội Trung Quốc là một ví dụ về cách “giải kinh theo thời sự”. Khát vọng phát hiện tương lai và gây ấn tượng cho mọi người với kiến thức huyền bí là nan đề được lặp đi lặp lại trong vòng cơ đốc nhân.

**9:17-19 “ngựa và những người cưỡi ngựa”** Sự miêu tả về ngựa và kỵ sỹ gợi ý đây là một hình thể thống nhất. Tác nhân của sự chết là con ngựa, câu 19. Màu ngựa đỏ, xanh, vàng tương đương với ba tai họa: lửa, khói, và lưu huỳnh được nhắc tới trong câu 18.

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 9:20-21**

<sup>20</sup>Phần còn lại của loài người, những người không bị giết bởi các tai nạn này, vẫn không ăn năn những công việc của tay họ, cũng không từ bỏ việc thờ lạy các quỷ, các hình tượng bằng vàng, bằng bạc, bằng đồng, bằng đá, bằng gỗ là những hình tượng không thể thấy, nghe hoặc đi được. <sup>21</sup>Họ cũng không ăn năn những tội giết người, tà thuật, gian dâm, trộm cướp của mình..

**9:20 "RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 9:20-21**

**“Phần còn lại của loài người, những người không bị giết bởi các tai nạn này, vẫn không ăn năn những công việc của tay họ, ”** Đây là một tuyên bố rõ ràng, không gì khó hiểu về mục đích thức tỉnh ăn năn của các tai họa, (xem Khải Huyền 9:21; 14:6-7; 16:9,11; 21:7; 22:17).

Như Đức Chúa Trời sử dụng tai họa ở Ai-cập để khích lệ (1) người Ai-cập tin Ngài và (2) người I-sơ-ra-en trung thủy với Ngài, (xem Phục Truyền 27-28), các tai họa trong Khải Huyền cũng là phương tiện mời gọi nhân loại quay về với Đấng Tạo Hóa. Nhưng họ tiếp tục chối từ. Sự cứng lòng của họ đã trở nên chai lý trong tư tưởng phản nghịch, (xem Rô-ma 1:24,26).

} "**những công việc của tay họ,** " Đây là điều liên tưởng tới sự thờ thần tượng (ví dụ thờ ma quỷ, xem Phục Truyền 32:17; Thi Thiên 106:37; 1 Cô-rin-tô 10:20) được nhắc tới thường xuyên trong Cựu Ước, (xem Phục Truyền 4:28; 28:36,64; 29:17; 32:17; Thi Thiên 115:4-8; 135:15-18; Ê-sai 2:8; 37:19; 40:19-20; 44:17; Giê-rê-mi 1:16; 10:3-5; Đa-ni-ên 5:23; Mí-chê 5:13), và trong Tân Ước (xem Khải Huyền 16:14; 1 Cô-rin-tô 10:20; 1 Ti-mô-thê 4:1).

9:21 Có 4 điều bị phê phán trong Cựu Ước là thờ thần tượng, giết người, yêu thuật, và tà dâm, (xem Phục Truyền 18:10-11,14,20; Xuất Hành 22:18; Lê-vi 20:6) đặc thù cho nếp sống vô luân của những người vô đạo, (xem Rô-ma 1-2; 1 Ti-mô-thê 4:1; Khải Huyền 18:23). Đây là nhóm người không chịu ăn năn trong Khải Huyền 13:15-17; 14:9; 16:2,9,11.

}

**NASB, NKJV,  
NRSV"yêu thuật"  
TEV"ma lực"  
NJB"phù thủy"**

Thuật ngữ tiếng anh có từ “Pharmacy” (y dược) được đến từ gốc Hy-lạp (*pharmakeia*, xem Ga-la-ti 5:20). Đây có thể là cách thực hành yêu thuật hoặc đầu độc bằng ngải cứu, (xem Khải Huyền 8:11). Thể giới cổ xưa thường phối hợp việc chữa bệnh với trải nghiệm tôn giáo.

## CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát

1. Hình ảnh trong hai chương này bắt nguồn từ đâu: (1) Cựu Ước, (2) văn chương Khải thị, (3) bối cảnh lịch sử, xã hội La-mã?
2. Những hình ảnh này hướng vào giai đoạn nào: (1) thế kỷ thứ nhất, (2) tất cả các giai đoạn, (3) thời kỳ tận thế?
3. Hai chương này có nên hiểu theo nghĩa đen không?
4. Điều gì là chân lý trọng tâm của chương 8, 9?
5. Các ẩn và các kèn liên hệ với nhau như thế nào?
6. Vì sao có sự gia tăng trong các hành động của thiên sứ và ma quỷ trong giai đoạn cận Tái Lâm?

**KHẢI HUYỀN 10:1-11:19**

**CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI**

<b>UBS<sup>4</sup></b>	<b>NKJV</b>	<b>NRSV</b>	<b>TEV</b>	<b>NJB</b>
Thiên sứ và cuộn sách nhỏ 10:1-7	Thiên sứ hùng mạnh với cuộn sách 10:1-7 Giăng ăn cuộn sách nhỏ.	Màn phụ 10:1-7	Thiên sứ và cuộn sách nhỏ 10:1-4 10:5-7	Sự phân xét cuối cùng gần tới 10:1-7 Tiên tri ăn cuộn sách nhỏ
10:8-11	10:8-11	10:8-10 10:11	10:8 10:9 10:10-11	10:8-11
Hai nhân chứng 11:1-13	Hai nhân chứng 11:1-6 Hai nhân chứng bị giết 11:7-10 Hai nhân chứng sống lại 11:11-14	Đo Đền Thờ và Hai nhân chứng 11:1-3 11:4-6 11:7-10 11:11-13 Kèn thứ bảy	Hai nhân chứng 11:1-3 11:4-6 11:7-13	Hai nhân chứng 11:1-10 11:11-13
11:14 Kèn thứ bảy	Kèn thứ bảy: Nước Trời được công bố	11:14	11:14 Kèn thứ bảy	11:14 Kèn thứ bảy
11:15-19	11:15-19	11:15-19	11:15-18 11:19	11:15-18 11:19

**CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)**

*THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN*

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

Phân đoạn 1  
Phân đoạn 2  
Phân đoạn 3  
Vân vân...

## KIẾN GIẢI THEO NGỮ CẢNH

- A. Màn phụ thứ nhất ở chương 7 nằm giữa ấn thứ sáu và thứ bảy. Màn phụ thứ hai ở đây nằm giữa kèn thứ sáu và thứ bảy. Không có màn phụ giữa chén thứ sáu và chén thứ bảy chương 16, nhưng lại có màn phụ trước đó: chương 12-14.
- B. Màn phụ này, cũng như chương 7, sử dụng nhiều liên tưởng Cựu Ước (Lều Tạm, Bàn Thờ, Giê-ru-sa-lem). Tuy nhiên, những liên tưởng trước dính dáng đến dân Do-thái, nay ám chỉ tín đồ Tân Ước. Những liên tưởng này đến từ sách Đa-ni-ên 9, nhưng được áp dụng trong bối cảnh xã hội Hy-lạp / La-mã.  
Sau đây là dẫn chứng ngắn từ *Commentary on Revelation*, của ông Giôn-son (Alan Johnson) “Quan điểm nhấn mạnh dân Do-thái trong Khải Huyền không thể giải thích chương 10 trong sự liên hệ tới màn phụ chương 7, tới chức vụ của hai nhân chứng, tới các chương sau của Khải Huyền, đặc biệt chương 12-13. Chính vì vậy, chương 11 nên được hiểu trong ánh sáng của cả cộng đồng cơ đốc nhân.” (trang 104)
- C. Như ông Giôn-son (Alan Johnson) nhìn nhận chương 11 trong mối liên hệ tới chương 7, 10, 12-13, ông Lát (George Ladd) lại thấy một đơn vị văn chương riêng biệt nói về sự bảo tồn dân Do-thái và sự cứu rỗi cuối cùng của họ, (xem Ma-thi-ơ 23:39; Lu-ca 21:24; Rô-ma 11:26). Xin tham khảo cuốn *Commentary on the Revelation of Giăng*, trang 150-151.  
Thật khó chọn một giữa hai giả thiết. Tôi tin chắc rằng sẽ có sự phục hưng thời tận thế trong vòng người Do-thái nguyên thủy, và sẽ có nhiều người tin cậy Đấng Christ, (xem Xa-cha-ri 12:10); Đây cũng là chủ đề mà Phao-lô bàn đến trong Rô-ma 11 (có thể sự phục hưng theo Xa-cha-ri 12:10 đã xảy ra trong hội thánh ở Pa-lé-stin thế kỷ thứ nhất). Tuy nhiên theo ngữ cảnh Khải Huyền chương 7, 10, 12-13, sự bảo vệ tín đồ và sự phán xét người vô đạo xảy ra trong mức độ toàn cầu. Vì vậy, sự nhấn mạnh trên người Do-thái, hay người ngoại bang là điều không hợp lý.
- D. Có phải sẽ xuất hiện 2 “người làm chứng” một cách thuộc thể, hay đây chỉ là biểu tượng thuộc linh của nhân chứng. Đây là điều khó quyết bởi có nhiều biểu tượng trong cuốn sách. Nếu Giăng muốn giới thiệu họ một cách nghĩa đen, ông đã dùng các thể loại văn chương khác để mặc khải những nhân vật này cho tín đồ qua nhiều thế hệ.  
Phải chăng “hai nhân chứng” có ý nghĩa đặc biệt cho các tín đồ thế kỷ đầu tiên trong bối cảnh đạo thờ hoàng đế bắt bớ đạo Chúa. Điều này cũng khó xác nhận một cách chắc chắn. Giăng chọn hình ảnh từ nhiều nguồn: Cựu Ước, văn chương khải thị, văn chương Hy-lạp / La-mã, thần thoại Trung Cận Đông (chương 12). Phải chăng độc giả nguyên thủy có thể hiểu hết các biểu tượng, hình ảnh? Có thể họ không hiểu hết chi tiết, nhưng ít nhất hiểu được thể loại văn chương. Họ không áp đặt sự ứng nghiệm lịch sử trên từng chi tiết.

Tôi e ngại một điều khi nói ra việc các sứ đồ - tác giả được linh cảm của Tân Ước - giải kinh tiên tri Cựu Ước. Nhiều khi họ thấy sự ứng nghiệm theo nghĩa đen trong cuộc sống Đấng Christ. Nhiều khi khác họ thấy ứng nghiệm trong cách chơi chữ, nghĩa bóng, dự hình, đối hình và biểu tượng.

Dưới sự chỉ dẫn của Đức Thánh Linh hay giáo huấn của Chúa Giê-su, (Lu-ca 24:13-35), bối cảnh lịch sử xung quanh các sứ đồ được thấy trong ánh sáng phân đoạn Cựu Ước. Điều này cũng có thể tương tự đối với thế hệ cơ đốc nhân cuối cùng đang bị bắt bớ. Tuy nhiên các nhà giải kinh không thể phán đoán chi tiết dựa theo thần học, hoặc thông diễn học. Các nhà giải kinh hiện đại không được phép (1) áp đặt thời sự lên chi tiết văn chương khải thị và (2) tìm sự ứng nghiệm thuộc thể của tất cả các biểu tượng mang tính khải thị rất cao trong sách này. Thời gian sẽ kiểm chứng.

- E. Khuôn mẫu văn chương và hình ảnh của ấn và kèn rất giống nhau. Cả hai đều dẫn dắt nhân loại đến chung kết cực điểm của lịch sử, (xem 6:12-17 và 11:15-19).

## NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

### RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 10:1-7

<sup>1</sup>Sau đó, tôi thấy một thiên sứ khác đầy uy lực từ trời xuống, có một đám mây bao phủ. Trên đầu thiên sứ có một chiếc cầu vồng; mặt thiên sứ như mặt trời và chân như trụ lửa. <sup>2</sup>Thiên sứ cầm trong tay một quyển sách nhỏ đã mở. Thiên sứ đặt chân phải trên biển, chân trái trên đất liền<sup>3</sup> và kêu lên một tiếng lớn như tiếng gào của sư tử. Khi thiên sứ kêu lên thì bầy tiếng sấm vang vọng <sup>4</sup>Sau khi bầy tiếng sấm vang lên, tôi định ghi lại thì nghe có tiếng từ trời: “Hãy niệm những điều bầy tiếng sấm đã nói, đừng ghi lại!” <sup>5</sup>Thiên sứ mà tôi đã thấy đứng trên biển và trên đất liền giơ tay phải lên trời, <sup>6</sup>nhân danh Đấng sống đời đời, Đấng tạo dựng trời và mọi vật trên trời, đất và mọi vật trên đất, biển và mọi vật trong biển, mà thề rằng: “Sẽ không còn trì hoãn nữa! <sup>7</sup>Nhưng đến những ngày thiên sứ thứ bảy thổi kèn thì sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời sẽ hoàn tất, như Ngài đã công bố cho các đầy tớ Ngài là các nhà tiên tri.”

**10:1** “tôi thấy một thiên sứ khác đầy uy lực từ trời xuống,” Đề ý Giảng đã quay lại Trái Đất sau khái tượng Thiên Đàng trong chương 4-5, (Nếu việc Giảng được gọi lên Thiên Đàng trong chương 4 chính là sự “hoan Hỷ” hay “Cát Lên” của Hội Thánh, thì phải chăng bối cảnh ở đây là sự “hạ xuống” của Hội Thánh?).

“Đầy uy lực” là thuộc tính dùng ám chỉ Đức Chúa Trời và Đấng Christ trong Cựu Ước và Khải Huyền 1:12-20. Chính vì vậy mà nhiều người cho thiên sứ ở câu này chính là Đấng Christ. Điều này gây sự ngờ vực với những lý do sau?

1. Đấng Christ không bao giờ được gọi là thiên sứ trong Khải Huyền.
2. Có các thiên sứ uy lực khác trong Khải Huyền 5:2; 18:21
3. Thiên sứ này thề trước Đức Chúa Trời, là điều không thích hợp đối với Đấng Christ, câu 6.
4. Có thiên sứ trong Đa-ni-ên 10 cũng được miêu tả một các tương tự.

Có thể sự miêu tả thiên sứ sự sáng ở đây đối nghịch với thiên sứ từ sâu trong chương 9. Thiên sứ vực sâu bị quản thúc, điều khiển, còn thiên sứ sự sáng được quyền hành động. Phải chăng đây là thiên sứ hùng mạnh trong Đa-ni-ên 10:5-6, hay Mi-ca-ên, thiên sứ phù hộ I-sơ-ra-en trong Đa-ni-ên 10:13 and 12:1.

} “**có một đám mây bao phủ**” Trong Cựu Ước, đám mây là phương tiện vận chuyển của Thánh Thần, (xem Thi Thiên 97:2; 104:3; Đa-ni-ên 7:13; Công Vụ 1:9).

} “**Trên đầu thiên sứ có một chiếc cầu vồng;**” Nhiều người liên tưởng cầu vồng tới Thiên Cung ở câu 4:3, còn những người khác liên tưởng tới danh hiệu uy quyền, năng lực của Đấng Chí Cao. Cầu vồng gợi nhớ hình ảnh cỗ xe và ngai Đức Giê-hô-va trong Ê-xê-chiên 1:28.

} “**mặt thiên sứ như mặt trời.**” Đây là sự miêu tả Đấng Christ trong Khải Huyền 1:16 (xem Ma-thi-ơ 17:2). } cũng như câu “**và chân như trụ lửa**” Khải Huyền 1:15.

**10:2** “Thiên sứ cầm trong tay một quyển sách nhỏ đã mở.” Có nhiều tranh luận về cuốn sách nhỏ. Có người coi đây là cuốn trong câu 5:1, nay được mở ra, tuy nhiên có hai thuật ngữ Hy-lạp được dùng ( (5:1, *biblion*; 10:2, *biblaridion*). Những người khác coi đây là sự liên tưởng tới Ê-xê-chiên 2:8-3:14. Bởi vì thiên sứ ở đây không phải là Đấng Christ, khả năng thứ hai (theo Ê-xê-chi-ên) có vẻ thích hợp nhất.

} **“Thiên sứ đặt chân phải trên biển, chân trái trên đất liền”** Kích thước nói về tính mở rộng của sứ điệp. Các thầy Ra-bi khẳng định đây là thiên sứ San-đen-phôn (Sandelfon) (theo Talmut), có chiều cao lớn hơn các thiên sứ khác tới 800 km (hay 500 dặm) (xem Hagigah 13b).

**10:3 “kêu lên một tiếng lớn như tiếng gầm của sư tử”** Thuật ngữ ‘rống’ (*mukaomai*) thường được dùng cho tiếng con bò. Tuy nhiên tiếng gầm sư tử trong Cựu Ước ám chỉ tiếng của Đức Chúa Trời, (xem Giê-rê-mi 25:30; Ô-sê 11:10; Giô-ên 3:16; A-mốt 3:8).

} **“bảy tiếng sấm vang vọng”** Danh tính bảy tiếng sấm là chủ đề tranh luận. Có thể là:

1. Liên tưởng tới 7 tiếng phán của Đức Chúa Trời, Thi Thiên 29:3-9
2. Song song với 7 ấn và 7 kèn, là chu kỳ của Đức Chúa Trời phán xét thế gian vô tín, (xem 8:5; 11:19; 16:18) với mục đích cứu chuộc
3. Tiếng vọng từ Ngai Đức Chúa Trời, (xem 4:5)
4. Liên hệ tới 7 Linh của Đức Chúa Trời, (xem 1:4; 4:5; 5:6 from Ê-sai 11:22)

**10:4 “Hãy chiêm”** Có vài chỗ trong Kinh Thánh nói về người nhận được mặc khải từ Chúa, nhưng không được phép công bố: (1) Đa-ni-ên (xem Đa-ni-ên 8:26; 12:4,9) và (2) Phao-lô (xem II Cô-rin-tô 12:4). Nhưng ở đây Giăng được phép viết những gì ông thấy (xem Khải Huyền 1:11,19; 14:13; 19:9; 21:5). Thiên sứ bảo Giăng trong câu Khải Huyền 22:10 “những câu tiên tri này không được niêm phong vì giờ đến gần”. Chắc điều này chỉ nói về một sứ điệp mà thôi.

**10:5 “giơ tay phải lên trời,”** Một cử chỉ thể nguyện, (xem Sáng Thế 14:22; Xuất Hành 6:8; Dân Số 14:30; Phục Truyền 32:40; Ê-xê-chiên 20:15,28; Đa-ni-ên 12:7). Đối tượng được thờ: “Đấng Sống Đời Đời” là danh hiệu độc đáo của Đức Chúa Trời.

**10:6 “Đấng sống đời đời,”** Sự miêu tả này liên tưởng tới hai danh hiệu của Đức Chúa Trời, rất phổ biến trong Cựu Ước:

1. Đức Giê-hô-va từ động từ “Ta Là” (xem Xuất Hành 3:14). “Ta Là Đấng Tự Hữu, Hằng Hữu” - danh hiệu theo Giao ước, nhấn mạnh Chúa là Đấng Cứu Thế, Cứu Chuộc (xem Sáng Thế 14:19; Xuất Hành 20:11; Nê-hê-mi 9:6; Thi Thiên 146:6).
2. *Elohim*, Danh của Chúa trong Sáng Thế 1 với tư cách là Đấng Tạo Hóa, ban và bảo trì sự sống của muôn loài trên trần gian, (xem Sáng Thế 14:19; Xuất Hành 20:11; Nê-hê-mi 9:6; Thi Thiên 146:6).

Lời thiên sứ thể nguyện là phương cách khẳng định giá trị của sứ điệp.

} **“Sẽ không còn trì hoãn nữa!”** Đây có thể là câu trả lời cho linh hồn các tử đạo trong 6:10. Theo nghĩa đen: Không còn thời gian nữa (*chronos*)” Khái niệm thời gian rất uyển chuyển trong sách Khải Huyền với những lý do sau:

1. Có hai thuật ngữ thời gian:
  - a. *chronos*, thời gian trôi qua, (xem 10:6)
  - b. *kairos*, cơ hội, mùa, hoặc sự kiện, (xem 1:3; 11:18; 12:12,14).
2. Có vài thành ngữ liên hệ tới thời gian:
  - a. “những gì sắp xảy ra” (xem 1:1; 22:6)
  - b. “thời gian đã gần, xem 1:3; 3:11; 22:10)
  - c. “Ta đang đến rất nhanh” (xem 2:5,16; 22:7,12,20)

d. “Ta sẽ đến như kẻ trộm” (xem 3:3; 16:15)

Tất cả đều có ý khẩn cấp (xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1:3). Tuy nhiên có một số câu nói về sự trì hoãn (xem 6:11; 10:6; 14:13). Có một số thành ngữ ám chỉ ngày phán xét và khen thưởng đã đến “Xong rồi” (xem 16:17; 21:6) hoặc “thì giờ đã đến” (xem 11:18; 20:12).

Sự uyển chuyển về thời gian được sử dụng trong các quan điểm giải kinh để nhấn mạnh giai đoạn trọng tâm trong lý thuyết của họ, (thể kỹ thứ nhất, mọi thể kỹ, hay thể kỹ tận thể). Lời thề nguyện là lời tuyên cáo các sự kiện Tận Thế bây giờ sẽ bắt đầu. Lời cầu nguyện của các tử đạo được trả lời. Khải Huyền phải được giải nghĩa trong ánh sáng hiểu biết của độc giả nguyên thủy. (see Giăng Bray, *Ma-thi-ơ 24 Fulfilled*).

**10:7 sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời sẽ hoàn tất,**

**NASB “sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời đã hoàn tất”**

**NKJV “sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời có thể hoàn tất”**

**NRSV “sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời có thể ứng nghiệm ,”**

**TEV “Đức Chúa Trời sẽ hoàn tất chương trình mầu nhiệm”**

**NJB “sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời sẽ được ứng nghiệm ”**

Thuật ngữ mầu nhiệm có vài ý nghĩa mở rộng.

1. Phao-lô nói về chương trình cứu rỗi đời đời của Đức Chúa Trời đối với I-sơ-ra-en và dân ngoại qua đức tin nơi Đấng Christ, (xem Ê-phê-sô 2:11-3:13, see Special Topic at 4:1).
2. Khải Huyền thường nói về điều mầu nhiệm là phần của một Khải tượng, (xem 1:20; 17:5,7).
3. Trong 10:7 nói về chương trình cứu rỗi đời đời, như Phao-lô nói trong Rô-ma 16:25-26 and Ê-phê-sô 2:11-3:13.

Có thể Giăng lấy sự liên tưởng từ Đa-ni-ên, đặc biệt từ chương 2 (xem 2:18,19,27,28,29,30,47). Nếu vậy, sự mầu nhiệm nhấn mạnh việc Đức Chúa Trời tể trị và vận hành, điều khiển lịch sử.

special topic: mystery

**Chủ Đề Đặc Biệt: SỰ MẦU NHIỆM ,**

I. Trong Cựu Ước

Tiếng A-ra-mic (BDB 1112, KB 1980), *raz*, có nghĩa "che giấu," "giữ bí mật." Được sử dụng vài lần trong Đa-ni-ên (xem Đa-ni-ên 2:18,19,27,28,29,30,47; 4:9). Nó trở nên chủ đề trọng tâm trong văn chương Khải thị và Cuộn Biển Chết. Đức Chúa Trời mặc Khải ý tưởng của Ngài cho các tiên tri, (xem Sáng Thế 18:17; Giê-rê-mi 23:18; Đa-ni-ên 9:22; A-mốt 3:7).

Trong vòng cộng đồng được ghi nhận trong Cuộn Biển Chết, Đức Chúa Trời mặc Khải qua trung gian (1) các tiên tri (*raz*) từ Cựu Ước, đồng thời (2) qua sự giải kinh (*peshar*) của “giảng viên công chính”. Khuôn mẫu hai phần “tiên tri - giải kinh” này thường được thấy trong văn chương Khải thị. "

II. Trong Phúc Âm Đồng Quan, thuật ngữ “điều mầu nhiệm” ám chỉ tri thức thuộc linh tiếp nhận bởi giáo huấn và ngụ ngôn của Chúa Giê-su.

1. Mác 4:11
2. Ma-thi-ơ 13:11
3. Lu-ca 8:10

III. Phao-lô sử dụng sự mầu nhiệm theo vài cách như sau:

1. Sự cứng lòng một phần của I-sơ-ra-en để dân ngoại được tham gia Nước Trời. Sự tham gia của dân ngoại là cơ chế khích lệ I-sơ-ra-en tiếp nhận Chúa Giê-su là Đấng Christ được tiên tri, (xem Rô-ma 11:25-32).
2. Phúc Âm được truyền giảng tới các dân tộc để họ biết mình được tiếp nhận trong Đấng Christ và bởi Đấng Christ, (xem Rô-ma 16:25-27; Cô-lô-sê 2:2).
3. Nói về thân thể mới của tín đồ tại thời điểm Tái Lâm, (xem 1 Cô-rin-tô 15:5-57; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-

18).

4. Sự tổng kết và chung kết mọi sự trong Đấng Christ, (xem Ê-phê-sô 1:8-11).

5. Dân ngoại và I-sơ-ra-en đều chung gia sản của Cha, (xem Ê-phê-sô 2:11-3:13).

6. Mối liên hệ giữa Đấng Christ và Hội Thánh được miêu tả như tình vợ chồng, (xem Ê-phê-sô 5:22-33).

7. Dân ngoại tham gia dân tuyển theo giao ước mới, đồng thời sự ngự trị bởi Thánh Linh khiến tín đồ trở nên trưởng thành, hình ảnh Đức Chúa Trời được hồi phục trong họ, (xem Sáng Thế 1:26-27; 5:1; 6:5,11-13; 8:21; 9:6; Cô-lô-sê 1:26-28).

8. Nói về Kẻ Nghịch Đấng Christ trong thời Tận Thế, (xem 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:1-11).

IV. Sự mâu nhiệm trong lời thánh ca, hoặc tín điều của một hội thánh nguyên thủy 1 Ti-mô-thê 3:16.

V. Trong Khải Huyền của Giăng, với các biểu tượng khai thị.

1. Khải Huyền 1:20

2. Khải Huyền 10:7

3. Khải Huyền 17:5,6

VI. Những mâu nhiệm con người không thể tự khám phá, nhưng được mặc khải bởi Đức Chúa Trời.

VII. xem Chủ Đề Đặc Biệt: Chương trình Cứu chuộc đời đời của Đức Giê-hô-va.

} “**tiên tri**”

OT prophecy

## **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TIÊN TRI TRONG CỰU ƯỚC**

### I. LỜI GIỚI THIỆU

#### A. Định kiến ban đầu

1. Cộng đồng Cơ-đốc nhân không thống nhất trong cách giải nghĩa tiên tri. Có những sự thật được xác nhận một cách chính thống, nhưng giải nghĩa tiên tri không được như vậy

2. Tồn tại một vài giai đoạn tiên tri như:

a trước thời quân chủ (các vua)

(1) có những cá nhân được gọi là tiên tri

(a) Áp-ra-ham – Sáng thế. 20:7

(b) Mô-sê – Dân-số. 12:6-8; Phục Truyền 18:15; 34:10

(c) A-ron – Xuất. 7:1 (spokesman for Moses)

(d) Mi-ri-am – Xuất Hành 15:20

(e) Me-đa và and En-đa – Dân Số 11:24-30

(f) Đê-bô-ra – Quan xét. 4:4

(g) vô danh – Quan xét. 6:7-10

(h) Sa-mu-en – 1 Sa-mu-ên 3:20

(2) các tiên tri thuộc nhóm – Phục truyền. 13:1-5; 18:20-22

(3) nhóm, hội tiên tri – 1 Sa-mu-ên 10:5-13; 19:20; 1 Các vua. 20:35,41; 22:6,10-13; 2 Các vua. 2:3,7; 4:1,38; 5:22; 6:1, etc.

(4) Đấng Mê-si-a được gọi là tiên tri – Phục Truyền. 18:15-18

b tiên tri phát ngôn thời quân chủ (tuy không viết sách, nhưng tuyên cáo cho các vua):

(1) Gad – 1 Sa-mu-ên 22:5; 2 Sa-mu-ên 24:11; 1 Sứ Ký 29:29

(2) Na-than – 2 Sa-mu-ên 7:2; 12:25; 1 Các vua. 1:22

(3) A-hi-gia – 1 Các vua. 11:29

(4) Je-hu – 1 Các vua. 16:1,7,12

(5) vô danh – 1 Các vua. 18:4,13; 20:13,22

(6) E-li-gia – 1 Các vua 18 - 2 Các vua 2



(7) Mi-chêi-a – 1 Các vua 22

(8) E-li-sa – 2 Các vua. 2:9,12-13

c tiên tri viết sách thời quân chủ : Ê-sai – Ma-la-chi (ngoại trừ Đa-nhiên) (vừa viết vừa tuyên cáo cho dân tộc và các vua)

B. Tiên tri theo định nghĩa Kinh Thánh

1. *Ro'eh* = "nhà tiên kiến"(seer) (BDB 906), 1 Sa-mu-ên 9:9. Từ vựng này có nguồn gốc "nabi". "Ro'eh" có ý nghĩa là "nhìn thấy". Người này hiểu biết được đường lối và chương trình của Đức Chúa Trời và tham vấn mọi người trong từng trường hợp.

2. *Hoze'h* = "Nhà tiên kiến" (seer) (BDB 302), 2 Sa-mu-ên 24:11. Căn bản là từ đồng nghĩa với "Ro'eh", cũng có ý nghĩa "nhìn thấy". Đây là động tính từ, thường gọi ý công việc của nhà tiên tri: "nhìn xem".

3. Nhà tiên tri là phát ngôn viên của Đức Chúa Trời cho dân sự của Ngài.

4. Cả ba thuật ngữ trên cùng được sử dụng trong một câu KT, nói về chức vụ tiên tri của: Sa-mu-en – *Ro'eh*; Na-than – *Nabi'* and Gad – *Hoze'h*. 1 (x. Sứ Ký 29:29)

5. Cụm từ, *'ish ha – 'elohim*, "Người của Đức Chúa Trời" cũng nói về phát ngôn viên của Chúa, được sử dụng 76 lần trong Cựu Ước.

6. Thuật ngữ tiếng Anh "prophet" có nguồn gốc trong tiếng Hy-lạp (1) *pro* = "trước" hoặc "cho" and (2) *phemi* = "nói." Tiên tri là người "nói trước" (sự kiện) hoặc "nói cho"(Đức Chúa Trời).

## II. ĐỊNH NGHĨA LỜI TIÊN TRI

A. Thuật ngữ "lời tiên tri" có ý nghĩa rộng mở trong tiếng Hê-bơ-ơ hơn là tiếng Anh. Các sách lịch sử trong KT, từ Giô-suê tới Các vua (ngoại trừ Ru-tơ) được gọi là "tiên tri tiên nhiệm" Áp-ra-ha-ham (Sáng thế 20:7; Thi Thiên. 105:15) và Mô-se (Phục Truyền. 18:18) đều được gọi là tiên tri (Mi-ri-am cũng vậy, Xuất Hành 15:20). Chính vì vậy chúng ta nên cảnh giác với các định nghĩa về lời tiên tri theo tiếng Anh!

B. "Tiên-tri-chủ-nghĩa" (Propheticism) có thể được định nghĩa chính thức như sự hiểu biết về lịch sử theo quan điểm thần học: mỗi quan tâm mục đích, hành động mang tính thuộc linh " *Interpreter's Dictionary of the Bible*, vol. 3, p. 896.

C. "Nhà tiên tri không phải là triết-học gia hay thần-học-hệ-thống gia nhưng là người trung-bảo theo-giao-ước, ban phát lời của Đức Chúa Trời cho dân sự Ngài, với mục đích "khuôn mẫu họ trong tương lai bởi hành động của họ trong hiện tại," *Prophets and Prophecy, Encyclopedia Judaica* vol. 13 p. 1152.

## III. MỤC ĐÍCH CỦA TIÊN TRI

A. Tiên tri là phương cách Đức Chúa Trời nói chuyện với dân sự, hướng dẫn họ trong hoàn cảnh hiện tại và ban hy vọng cho cuộc sống và thế giới dưới quyền tể trị của Ngài. Các sứ điệp mang tính chất hướng về cộng đồng, từ phê phán, khích lệ, gây dựng niềm tin, kêu gọi ăn năn tới mặc khải về Chúa và chương trình của Ngài. Các tiên tri giữ dân sự Ngài trung tín trong giao ước với Chúa. Để đạt được mục đích này, nhà tiên tri phải được Chúa lựa chọn một cách đặc biệt, và nhà tiên Tri tối Hậu chính là Đấng Mê-si-a (Phục Truyền. 13:1-3; 18:20-22).

B. Thường các tiên tri lấy bối cảnh lịch sử và thần học thời ông sống và đem so sánh với bối cảnh thời tận thế Viễn cảnh tận thế của lịch sử mang tính độc đáo đối với I-sơ-ra-en, bởi sự tuyền chọn và lời hứa theo giao ước đối với họ.

C. Chức vụ của các tiên tri dường như để cân bằng hoặc lấn áp chức vụ của thầy tế lễ tối cao, trong việc tìm biết ý chỉ Đức Chúa Trời. Quyết định theo Urim and Thummim (cách bắt thăm của thầy tế lễ) được thay bằng sứ điệp phát ngôn bởi tiên tri. Chức vụ tiên tri hầu như bị bãi bỏ sau tiên tri Ma-la-chi, tới 400 năm, cho đến giảng Báp-tít. Không ai biết chắc chắn, ân tứ tiên tri trong Tân Ước liên hệ với Cựu Ước như thế nào. Các tiên tri Tân Ước không mặc khải các mặc khải mới hoặc Kinh Thánh mới, nhưng họ là những người nói trước và cảnh báo ý chỉ của Đức Chúa Trời theo giao ước.(Công vụ 11:27-28; 13:1; 15:32; 1 Cô-rin-tô. 12:10,28-29; 14:29,32,37; Ê-phê-sô. 4:11)

D. lời tiên tri không nhất thiết và không chủ yếu chỉ mang tính tiên đoán. Sự tiên đoán là phương cách khẳng định chức vụ của ông đến từ Đức Chúa Trời. Prophecy is not Xin để ý, chỉ có 2% tiên tri Cựu Ước nói về Đấng Mê-si-a, 5% nói về Thời Giao-Ước-Mới, 1% nói về sự kiện sẽ đến. (Fee and Stuart, *How to Read the Bible For All Its Worth*, p. 166).

E. Tiên tri đại diện Chúa cho dân sự, trong khi thầy tế lễ đại diện dân sự cho Chúa. Ngoại lệ là ông Ha-ba-cuc đặc câu hỏi tới Chúa.

F. Một trong những lý do khó hiểu sách tiên tri bởi chúng ta không các sách ấy được cấu trúc cách nào. Sách tiên tri không được viết theo thứ tự thời gian. Nó được thiết kế theo chủ đề, nhưng cũng không theo cách dễ nhận biết. Nhiều khi không rõ hoàn cảnh, bối cảnh, thời gian biểu, hoặc sự phân chia chương mục không rõ ràng khiến việc nghiên cứu cách sách tiên tri trở nên khó khăn hơn các sách khác.

1. cần phải đọc hết sách trong một lần đọc
2. tìm cấu trúc theo từng đề tài (chủ đề)
3. chắc chắn chủ đề chính và chủ ý của tác giả trong từng phân đoạn, sử điệp tiên tri

#### IV. CÁC ĐẶC TRUNG CỦA LỜI TIÊN TRI

A. Trong Cựu ước, dường như khái niệm "tiên tri" và "lời tiên tri" được hình thành và phát triển. Từ thừa ban đầu đã có nhóm các tiên tri, được lãnh đạo bởi các bậc đàn anh mạnh mẽ như Ê-li và Ê-li-sa. Nhiều khi cụm từ "các con của tiên tri" (các môn đồ của tiên tri) được dùng để ám chỉ nhóm này (2 Các vua 2). Các tiên tri trong nhóm này thường ở trong trạng thái xuất thần (ngây ngất) (1 Sa-mu-ên 10:10-13; 19:18-24).

B. Tuy nhiên thời kỳ "nhóm tiên tri" qua đi nhanh chóng, nhường chỗ cho "tiên tri cá nhân". Các tiên tri, dù thật hay giả, đều xuất hiện trước các vua và sống trong cung điện (Gad, Na-than) Có số khác thực hành chức vụ một cách độc lập, không liên hệ với cấp vị cao trọng trong xã hội I-sơ-ra-en (A-mốt) Họ có thể là nam giới hay phụ nữ (2 Các vua. 22:14.)

C. Các tiên tri mặc khải tương lai tùy thuộc vào hành vi của con người trong thì hiện tại. Mặc khác, tiên tri cũng bày tỏ chương trình chung của Chúa không liên hệ tới sự đáp ứng của con người, ví dụ như chương trình thời tận thế, khá đặc thù cho các tiên tri vùng Trung Cận Đông. Dự đoán sự kiện và gìn giữ giao ước là tiêu điểm của sử điệp tiên tri (x. Fee and Stuart, p. 150). Độc giả và thính giả của sử điệp tiên tri chủ yếu là toàn thể cộng đồng và dân tộc.

D. Hầu hết các lời tiên tri được ban phát truyền miệng. Sau đó được ghi chép lại theo chủ đề, thứ tự thời gian, văn tự Trung Cận Đông khó hiểu đối với chúng ta. Bởi bắt đầu bằng sử điệp truyền miệng chứ không bằng văn xuôi qua giấy bút, chúng ta gặp khó khăn khi đọc từ đầu đến cuối mà không biết bối cảnh lịch sử thời điểm đó.

E. Các tiên tri sử dụng một vài khuôn mẫu để trình bày sử điệp:

1. Khung cảnh tòa án – Đức Chúa Trời đưa dân sự ra tòa, ví dụ trường hợp li dị của tiên tri Ô-sê t ượng trưng cho việc Đức Chúa Trời từ chối I-sơ-ra-en bởi họ không trung thủy với Ngài (Ô-sê 4; Mi-chê 6).
2. Ca than trong tang lễ. được thấy trong Ê-sai 5 và Ha-ba-cúc 2, bắt đầu bởi thán từ "khốn thay"
3. Phước hạnh và nguyên rủa theo giao ước được công bố, điều kiện trong giao ước được nhấn mạnh và tương lai được vẽ ra tùy theo hậu quả tương xứng cho sự đáp ứng của I-sơ-ra-en (Phục truyền 27-28).

#### V. HƯỚNG DẪN HỮU ÍCH CHO VIỆC GIẢI KINH LỜI TIÊN TRI

A. Phát hiện ý định ban đầu của tiên tri, hoặc người sưu tập sách tiên tri, bằng cách nghiên cứu bối cảnh lịch sử và tính cách văn chương, ngữ cảnh của từng sử điệp. Thông thường bối cảnh chung là I-sơ-ra-en bất tín trong giao ước Mô-sê trong một khía cạnh nào đó.

B. Đọc và giải kinh trọn vẹn một sử điệp chứ không từng phần. Lập bố cục nội dung, mục lục cho từng sử điệp và cả cuốn sách. Tìm sự liên hệ với bối cảnh lịch sử ở thời điểm đó.

C. Giả thiết cách giải kinh theo nghĩa đen, trừ phi một chi tiết trong phân đoạn gợi ý chúng ta dùng nghĩa bóng. Khi đó mới áp dụng nghĩa bóng theo thể văn xuôi.

D. Phân tích hành động mang tính biểu tượng trong bối cảnh lịch sử và các phân đoạn tương tự. Hãy nhớ rằng văn chương Trung Cận Đông khác với văn chương hiện đại và căn chương Tây Phonug.

E. Cần thận với lời tiên tri dự đoán.

1. Phải chăng những lời tiên tri hoàn toàn thích ứng cho thời tác giả sống?
2. Phải chăng những lời tiên tri đã trở nên hiện thực trong I-sơ-ra-en?
3. Phải chăng đây là các sự kiện tương lai?
4. Phải chăng các tiên tri mang tính đương thời và tương lai?
5. Cho phép tác giả của Kinh Thánh, chứ không phải nhà giải kinh hướng dẫn bạn đến câu trả lời

F. Những quan quan tâm đặc biệt:

1. Những dự đoán có phụ thuộc vào sự hưởng ứng hay không?
2. Ai là mục tiêu của lời tiên tri và vì sao vậy?
3. Cả về bối cảnh lịch sử và Kinh Thánh, có thể có nhiều khả năng thực hiện lời tiên tri không?
4. Các tác giả Tân Ước, trong sự thần cảm của Thánh Linh, có thể thấy Đấng Mê-si-a trong nhiều chi tiết của Cựu Ước mà chúng ta không thấy. Họ hiểu được hình bóng học và các chơi chữ. Bởi chúng ta không được thần cảm, tốt nhất để nguyên sự diễn giải cho các tác giả

## VI. CÁC TÀI LIỆU HỮU ÍCH

- A. *A Guide to Biblical Prophecy* by Carl E. Amending and W. Ward Basque
- B. *How to Read the Bible for All Its Worth* by Gordon Fee and Douglas Stuart
- C. *My Servants the Prophets* by Edward J. Young
- D. *Plowshares and Pruning Hooks: Rethinking the Language of Biblical Prophecy and Apocalyptic* by D. Brent Sandy
- E. *New International Dictionary of Old Testament Theology and Exegesis*, vol. 4, pp. 1067-1078

### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 10:8-11**

<sup>8</sup>Tiếng từ trời mà tôi đã nghe lại bảo tôi: “Hãy đi lấy quyển sách đã mở trong tay vị thiên sứ đang đứng trên biển và đất liền.” <sup>9</sup>Vậy, tôi đi đến với thiên sứ và xin người quyển sách nhỏ. Thiên sứ bảo: “Hãy lấy và ăn đi! Trong bụng người sẽ đắng, nhưng miệng thì ngọt như mật.” <sup>10</sup>Tôi lấy quyển sách nhỏ khỏi tay thiên sứ và ăn. Nó ngọt như mật trong miệng tôi; nhưng khi ăn rồi, bụng tôi lại đắng. <sup>11</sup>Rồi tôi được bảo: “Người còn phải nói tiên tri về nhiều dân tộc, nhiều nước, nhiều thứ tiếng, và nhiều vua nữa.”

**10:8 “Tiếng từ trời mà tôi đã nghe lại bảo tôi”** Có nhiều tranh luận về danh tính của nhân vật nói ở đây: Có thể là Đức Chúa Trời, là Đấng Christ, là Đức Thánh Linh, hay là thiên sứ hùng mạnh?

“Tiếng” trong câu 11 mang số nhiều, ám chỉ Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Thường số nhiều ám chỉ Ngôi Vị Thánh Thần, trong Cựu Ước, như *Elohim* và “chúng ta” trong Sáng Thế 1:26; 3:22; 7:11; Ê-sai 6:8), theo cách giải thích sau đây.

1. Có một thể ngữ pháp được gọi là “số nhiều uy nghi” (plural of majesty). Sự sử dụng thuật ngữ số nhiều làm tăng sự hùng vĩ của thuật ngữ.
2. Đức Giê-hô-va nói về Hội Đồng Thiên Sứ (xem I Các Vua 22:19; Gióp 1:6; 2:1; Giê-rê-mi 23:18; Đa-ni-ên 7:10)
3. Hình thức khởi đầu của thần học Ba Ngôi Hiệp Một, Ba Ngôi Đức Chúa Trời, (xem Thi Thiên 110:1; Xa-cha-ri 2:8; 17:10)

xem Chủ Đề Đặc Biệt : Danh của Thần Thánh ở câu 1:8

**10:9 “Hãy lấy và ăn đi!”** Đây là sự liên tưởng tới Ê-xê-chiên 2:8-3:14 hoặc Giê-rê-mi 15:16-17, là biểu tượng việc được Đức Chúa Trời sai phái tuyên bố sứ điệp của Ngài. Cuốn sách nhỏ mang sứ điệp an ủi (ngọt, xem Thi Thiên 19:10-11; 119:103) tới tín đồ và sứ điệp phán xét (đắng) tới thế gian vô tín. Cuốn sách này không phải là cuốn sách nhỏ mà Chúa Giê-su thảo ẩn trong chương 6. Đây nói về sứ điệp của thiên sứ hùng mạnh, (xem các câu 7-11).

**”Rồi tôi được bảo ”** Thiên sứ hùng mạnh khẳng định Giăng là người ghi chép tiên tri và là sứ giả của Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một.

} **“nhiều dân tộc, nhiều nước, nhiều thứ tiếng, và nhiều vua nữa.”** Câu này ám chỉ cả người vô tín (xem 11:9; 13:7-8; 14:6; 17:15) và tín đồ, (trước ngày phán xét xem 7:9; 15:4 và sau ngày phán xét xem 21:24,26; 22:2). Câu này có thể nói về sự truyền giảng Phúc Âm (xem 10:11; 14:6) cho tất cả các dân tộc (xem Ma-thi-ơ 24:14; Mác 13:10), hoặc tiên tri về một giai đoạn phán xét dưới con thịnh nộ của Đức Chúa Trời

## KHẢI HUYỀN 11

### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 11:1-6**

<sup>1</sup>Bấy giờ tôi được ban cho một cây thước đo giống như cây gậy và được bảo: “Hãy đứng dậy đo đền thờ của Đức Chúa Trời và bàn thờ cùng với những người thờ phượng trong đó. <sup>2</sup>Nhưng sân ngoài thì chừa ra, đừng đo; vì nó đã được giao cho dân ngoại, và họ sẽ giày đạp thành thánh trong bốn mươi hai tháng. <sup>3</sup>Ta sẽ cho hai chứng nhân của Ta mặc áo vải xô và nói tiên tri trong một nghìn hai trăm sáu mươi ngày.” <sup>4</sup>Hai người này là hai cây ô-liu và hai chân đèn đứng trước mặt Chúa của đất. <sup>5</sup>Nếu ai muốn làm hại hai người này thì lửa ra từ miệng họ sẽ thiêu đốt những kẻ thù của họ; bất cứ ai muốn làm hại họ thì sẽ bị giết như vậy. <sup>6</sup>Họ có quyền đóng trời lại để mưa không rơi xuống trong những ngày họ nói tiên tri; họ cũng có quyền trên nước để biến nước thành máu, và dùng mọi thứ tai họa làm hại đất bất cứ lúc nào họ muốn.

**11:1 “một cây thước đo giống như cây gậy”** Trong phần trước, thiên sứ làm nhiệm vụ, còn ở phần này chính Giăng tham gia công việc.

Thuật ngữ “cây thước đo” *kalamos*, trong Cựu Ước nói về cây sậy dùng để đo trên mặt đất, xem Chủ Đề Đặc Biệt: Công nghĩa, ở câu 19:11). Chiều dài của cây sậy từ 2 đến 6 mét, (xem Ê-xê-chiên 40:5-42:20).

} **“Hãy đứng dậy đo đền thờ”** Sự đo lường là biểu tượng cho:

(1) lời hứa tăng trưởng và bảo vệ (xem Giê-rê-mi 31:38-40; Khải Huyền 21:15). Cũng có thể là điều liên tưởng tới Đền Thờ trong Khải tượng Ê-xê-chi-ên (xem 40-48), hoặc thành Giê-ru-sa-lem mới trong Xa-cha-ri, (xem 1:16; 2:1-13);

(2) sự phán xét (xem II Sa-mu-ên 8:2; II Các Vua 21:13; Ê-sai 28:17; Ca Thương 2:8). Giống tín đồ được niêm ấn như màn phụ trong chương 7, ở đây đền thờ được đo như một biểu tượng bảo vệ. Nếu màn phụ ở đây cũng tương tự như màn phụ chương 7, đền thờ sẽ là toàn bộ tín đồ con dân của Đức Chúa Trời. (cả I-sơ-ra-en và dân ngoại). Cũng vậy, chương này tương tự với chương 12.

} **“Đo đền thờ của Đức Chúa Trời và bàn thờ cùng với những người thờ phượng trong đó.”** Danh tính của đền thờ tùy thuộc vào định kiến giải kinh.

1. Nếu hình ảnh Giăng dùng đến từ Ê-xê-chiên 40-48, thì đây là đền thờ thời Tân thế ở Giê-ru-sa-lem (xem II Tê-sa-lô-ni-ca 2:4).
2. Nếu hình ảnh Giăng dùng đến từ Xa-cha-ri 2 thì đây là đền thờ ở thành Giê-ru-sa-lem mới, thành phố của Đức Chúa Trời.
3. Nếu giả thiết đây là đền thờ trên Thiên Đàng, (xem 7:15; 11:19; 15:58; Hê-bơ-rơ 9:23) thì đám đông không ai đếm nổi ở câu 7:9 (hội thánh và Người Nữ trong chương 12, là “những người thờ phượng trong đó” (xem 21:15-16).

Điều thú vị là Giăng được lệnh đo những người đang thờ phượng trong đền thờ. Đây là thuật ngữ khác thường, bởi đối tượng được đo không giới hạn bởi tòa nhà. Hình ảnh đo này biểu tượng cho sự chia tách tín đồ khỏi người vô đạo sắp hứng chịu cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Chính vì vậy hình ảnh này tương tự với hình ảnh niêm ấn trên trán tín đồ trong đoạn Khải Huyền 7:3-4

**11:2 “Nhưng sân ngoài thì chừa ra, đừng đo”** Sân ngoài theo bối cảnh lịch sử là sân dành cho người ngoại trong đền thờ Hê-rốt. Có một và dẫn chứng về Giê-ru-sa-lem và Đền Thờ bị dân ngoại chà đạp, (xem Thi Thiên 79:1-7; Ê-sai 63:18; Đa-ni-ên 8:13; Xa-cha-ri 12:3 trong bản Bảy Mươi (Septuagint)). Chúa Giê-su liên hệ trực tiếp tới Đa-ni-ên 8:13 trong Lu-ca 21:24.

} “**dân ngoại,**” xem ghi chú ở câu 2:26, 10:11

} “**bốn mươi hai tháng.**” xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây

**Chủ Đề Đặc Biệt: BỐN MƯƠI HAI THÁNG**  
**special topic: forty-two months (from Đa-ni-ên)**

Câu “bốn mươi hai tháng” theo tiên tri, tiêu biểu cho giai đoạn bắt bớ. Sự chà đạp sân ngoài bởi dân ngoại là nạn ngữ ám chỉ dân tuyền dưới ách thống trị của thế lực bất tín trong những giai đoạn lịch sử: Vua Hy-lạp An-ti-ô-chút Ê-pi-pha-nét. (Antiochus Epiphanes), đế quốc La-mã. năm. 70 SCN và Kẻ Nghịch Đấng Christ trong ngày Tận Thế.

Bốn mươi hai tháng, hay các dạng tương tự được nhắc vài lần trong Kinh Thánh, bắt đầu từ Đa-ni-ên.

1. Đa-ni-ên 7:25; 12:7 nhắc đến “một kỳ, hai kỳ, nửa kỳ” hoặc 1277 ngày (giả thiết một năm là một kỳ), xem Khải Huyền 12:14
2. Đa-ni-ên 8:14 nhắc đến 2300 buổi tối và buổi sáng.
3. Đa-ni-ên 12:11 nhắc đến 1290 ngày
4. Đa-ni-ên 12:12 nhắc đến 1335 ngày. Tương tự trong Khải Huyền 11:3; 12:6 (1260 ngày) and 11:2; 13:5 (42 tháng).

Một cách nhìn khác đối với câu khó hiểu này là “một, hai, nhưng không đến ba”, ám chỉ sự hạn chế về thời gian mà con dân của Đức Chúa Trời bị bắt bớ bởi dân ngoại. Đức Chúa Trời nắm quyền thống trị, điều khiển lịch sử, (xem Đa-ni-ên 7:4,6,11,12,18,22,25,26,27)!

Khi tất cả các con số được xem xét, hình như chúng mang tính bản thể biểu tượng, xem Chủ Đề Đặc Biệt: Con số biểu tượng trong Kinh Thánh. Mặt khác sự gần gũi 42 tháng nói về giai đoạn bắt bớ. Bởi vì ba rưỡi là nửa của số bảy, phải chăng đây là sự rút ngắn của con Đại Nạn, (xem Ma-thi-ơ 24:22; Mác 13:20; Lu-ca 21:24). Sự bắt bớ bị hạn chế trong cả hai lĩnh vực tình yêu và phán xét của Đức Chúa Trời.

} “**thành thánh**” Đây có thể là Giê-ru-sa-lem thế kỷ thứ nhất (xem Ê-sai 52:1; Ma-thi-ơ 27:53). Tuy nhiên, nếu đền thờ ám chỉ tín đồ Tân Ước trong câu Khải Huyền 3:12 cũng như các chương sau (xem 20:9; 21:2,10; 22:19, thì mô hình giải kinh này cần được áp dụng ở đây, nói về Giê-ru-sa-lem mới.

Giăng lấy hình ảnh từ Cựu Ước, nhưng áp dụng cho tín đồ Tân Ước. Hội thánh bao gồm cả người I-sơ-ra-en và dân ngoại. Không có sự nhân mạnh thiên vị dân tộc, không còn ranh giới Do-thái / Gờ-réc nữa, (xem I Cô-rin-tô 12:13; Ga-la-ti 3:28; Cô-lô-sê 3:11).

**11:3 “Ta sẽ cho hai chứng nhân ”** Dường như đây là lời của Đức Chúa Cha, bởi Chúa Giê-su được nhắc tới trong câu 8 (mặc dầu bản sao Hy-lạp có nan đề với đại từ, vắng mặt trong bản P<sup>47</sup> và !).

} “**hai chứng nhân**” Có nhiều tranh luận về danh tính hai vị truyền đạo hùng hồn này:

1. Sự liên tưởng (câu. 4) tới Xa-cha-ri 4:3,11,14. Ý nghĩa chính trong Cựu Ước là câu chuyện Xê-ru-ba-ben, dòng dõi Đa-vít và thầy Thượng Tế Giô-suê, được cảm ứng bởi Đức Thánh Linh, dẫn dân I-sơ-ra-en hồi hương về Giê-ru-sa-lem từ vòng nô lệ ở Ba-by-lon. Họ có biểu tượng là hai cây Ô-liu.
2. Hai cây đèn, (xem 1:20) ám chỉ hai hội thánh trung tín là Si-mi-êc-nơ và Phi-la-đen-phi-a, (2:8-11 và 3:7-13).
3. Hai nhân chứng trong khung cảnh tòa án, (xem Dân Số 35:30; Phục Truyền 17:6; 19:15).
4. Sự miêu tả hai nhân chứng gợi ý họ là Ê-li (đóng cửa trời trong Khải Huyền 11:6 và I Các Vua 17:1; 18:1; Lu-ca 4:25; Gia-cơ 5:17, gọi lửa, xem I Các Vua 18:24,38; II Các Vua 1:10,12) và Mô-sê (biến nước thành huyết trong Khải Huyền 11:6 và Xuất Hành 7:17-19). Cả hai đều có mặt với Chúa Giê-su trên núi Hóá Hình (xem Ma-thi-ơ 17:4).
5. Văn chương khai thị giữa hai Giao ước, sách I Enoch 90:31, và hai giám mục đầu tiên Tê-tu-li-an và Hi-pô-li-tus (Tertullian and Hippolitus) khẳng định rằng chỉ có hai người không chết bởi nguyên nhân tự nhiên, là Ê-nốt (xem Sáng Thế 5:21-24) và Ê-li (xem II Các Vua 2:11).
6. Bản dịch anh ngữ NJB có ghi chú đây là Phi-ê-rơ và Phao-lô là hai sứ đồ bị giết bởi chính quyền La-

mã thời Nê-rô (trang 435).

Tôi tin rằng hai nhân chứng đây mang tính chất biểu tượng của tất cả dân tuyến Tân Ước của Đức Chúa Trời, tương tự với bầy ấn, và màn phụ (chương 7), với bầy kèn và màn phụ (chương 10). Chính vì vậy họ có thể là dân tuyến Tân Ước, là hội thánh bao gồm 144.000 tín đồ Do-thái và đám đông không ai đếm được từ dân ngoại.

} **“mặc áo vải xô”** mang ý nghĩa (1) sự ăn năn, (xem Sáng Thế 37:34; II Sa-mu-ên 3:31) hoặc (2) y phục đơn sơ của tiên tri (xem II Các Vua 1:8; Ê-sai 20:2; Xa-cha-ri 13:4).

} **“nói tiên tri trong một nghìn hai trăm sáu mươi ngày.”** 42 tháng tương đương với 1260 ngày. Hội Thánh sẽ công bố Tin Mừng trong giai đoạn bắt bớ bởi tay người vô tín, (xem Ma-thi-ơ 24:8-14, 21-22). Con số biểu tượng này đến từ Đa-ni-ên 7:25; 12:7 và được dùng nhiều lần trong Khải Huyền 12:6; 13:5.

**11:4 “hai cây ô-liu”** Đây là điều gợi ý tới Xê-ru-ba-bên dòng dõi vua Đa-vít, và Giô-suê, dòng dõi thầy Thượng Tế A-rôn, lãnh đạo dân Do-thái hồi hương về Giê-ru-sa-lem, (xem Xa-cha-ri 4:3,11,14). Hoặc có thể ám chỉ việc nhân chứng Phúc Âm trong giai đoạn Tận Thế sẽ nhận mệnh vai trò Quốc Vương và Trưởng Tế của Đấng Mê-si-a (Chúa Giê-su vừa là Vua vừa là Thầy Tế Lễ Tối Cao, xem Thi Thiên 110; Hê-bơ-rơ 1:3). Hai chứng nhân này sẽ đem sự ăn năn trong ánh sáng của Đức Chúa Trời (xem Xa-cha-ri 4) tới thế gian bất tuân. (I-sơ-ra-en phản loạn, nay được mở rộng trở nên nhân loại phản loạn, xem Ê-sai 6:9-11; 43:8-13; Giê-rê-mi 5:21-29; Ê-xê-chiên 12:2).

**11:5 “Nếu ai muốn làm hại ... bất cứ ai muốn làm hại họ”.** “Nếu ai, ... bất cứ ai”, cả hai đều là thể điều kiện hạng nhất, nói về sự “làm hại” chắc chắn sẽ xảy ra. Nhưng hai chứng nhân sẽ được bảo vệ cho đến khi sứ mạng của họ được hoàn thành.

} **“lửa ra từ miệng họ sẽ thiêu đốt những kẻ thù của họ;”** Xin để ý quyền năng từ trong miệng họ, ám chỉ quyền năng của sứ điệp mà họ công bố, (xem 9:17; 19:15; Hê-bơ-rơ 4:12).

**11:6** Các hành động có nguồn từ Cựu Ước nhắc đến phép lạ của Ê-li (xem I Các Vua 17:1) và Mô-sê (xem Xuất Hành 7:17-19).

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 11:7-10**

<sup>7</sup>Khi hai người đã làm chứng xong thì con thú từ vực sâu đi lên, giao chiến và đánh bại họ rồi giết đi. <sup>8</sup>Xác hai người sẽ nằm trên đại lộ của thành phố lớn, gọi theo nghĩa bóng là Sô-đôm và Ai Cập, nơi Chúa của họ đã bị đóng đinh trên thập tự giá. <sup>9</sup>Mọi người thuộc các dân, các bộ tộc, các thứ tiếng, các nước sẽ nhìn xem xác của họ trong ba ngày rưỡi, và không chịu cho chôn trong mồ. <sup>10</sup>Dân trên đất vui mừng về họ, hơn hờ gửi quà cho nhau, vì hai nhà tiên tri này đã làm khổ cư dân trên đất.

**11:7 “con thú từ vực sâu đi lên,”** Nếu đây liên tưởng tới Đa-ni-ên 7, thì Con Thú này là tổng hợp của cả 4 con thú được nhắc đến, là Kẻ Nghịch Đấng Christ trong thời kỳ Tận Thế, (xem II Tê-sa-lô-ni-ca 2:3). Vực sâu là doanh trại của quỷ binh, (xem 9:1; 20:1). Ý tưởng Con Thú được phát triển trong chương 13 và 17.

} **“giao chiến và đánh bại họ rồi giết đi”** Hình ảnh này đến từ Đa-ni-ên 7:21 và sẽ được giải thích rõ hơn trong chương 13, Ở đây đại từ họ ám chỉ hai nhân chứng là biểu tượng của đám người lớn hơn, là dân tuyến của Đức Chúa Trời, (xem 13:7). Xin để ý họ không tránh khỏi sự bắt bớ và tử đạo.

**11:8 “Xác hai người sẽ nằm trên đại lộ”** Phơi xác nơi công cộng là cách biểu lộ sự khinh bỉ (xem câu 9; Phục Truyền 28:26; Thi Thiên 79:2; Giê-rê-mi 7:33; 8:2; 16:4; 19:7; 34:20). Lễ dĩ nhiên Đức Chúa Trời cho phép họ

bị phơi xác, để minh họa quyền năng phục sinh hùng mạnh của Ngài và xác nhận chân lý sứ điệp họ công bố.

} “**thành phố lớn**” Dường như đây là Giê-ru-sa-lem, tuy nhiên theo ngôn ngữ biểu tượng, đây là cuộc tranh chiến giữa vương quốc trần gian và Vương Quốc Thiên Đàng. Sau đây là bằng chứng của tôi.

1. Cụm từ “thành phố lớn” ám chỉ Ba-by-lon hay Rô-ma, (xem 16:19; 17:18; 18:10,16,18,19,21).
2. Mặc dầu Giê-ru-sa-lem cũng được gọi là Sô-đôm, (xem Ê-xê-chiên 16:46-49, Ê-sai 1:9-10), thành này không bao giờ được gọi là Ê-gíp. Sô-đôm và Ê-gíp là biểu tượng của tội lỗi và vòng nô lệ.
3. “Nơi Chúa Giê-su bị đóng đinh” ám chỉ Giê-ru-sa-lem, tuy nhiên đây có thể một cách nói khác về vương quốc trần thế chống nghịch Đức Chúa Trời.
4. “Tất cả các dân tộc, bộ lạc và ngôn ngữ” trong câu 9, ám chỉ
  - a. một thành phố, nơi có đại diện tất cả mọi nơi trên trần thế, về mặt này thành Rô-ma thích hợp hơn là Giê-ru-sa-lem.
  - b. “thành phố” là biểu tượng cho nhân loại phản nghịch, (xem Sáng Thế 4:17; 10:8-10)
5. “Khi hai chứng nhân bị giết trong câu 10, cư dân thành phố này vui mừng, chứng tỏ họ không phải chỉ là người Do-thái, nhưng là tất cả người vô tín từ khắp thế gian. Điều này minh họa trận chiến giữa vương quốc thế gian và Vương Quốc của Đấng Christ (xem 11:15), đặc biệt như trong Đa-ni-ên 2 and Thi Thiên 2.

**11:9 “ Mọi người thuộc các dân, các bộ tộc, các thứ tiếng, các nước ”** xem ghi chú ở câu 10:11.

} “**ba ngày rươi**” Thời gian trong câu 9, cộng với thời gian trong câu 11 là bảy, một con số phổ biến trong Khải Huyền, Sự kiện này minh họa thời gian biểu tuyệt hảo của Đức Chúa Trời.

**11:10 “ gửi quà cho nhau, ”** Một số người coi đây là sự nhái lại lễ hội Pu-rim (xem Ê-xơ-tê 9:19,22), nhưng tôi thấy sự liên hệ gần hơn với Giăng 16:20 “thế gian sẽ vui mừng”. Sự vui mừng của thế gian chứng tỏ quyền năng trong sứ điệp của hai nhân chứng, nhưng người bất tín vẫn cứng lòng không chịu ăn năn, (xem 9:20-21; 16:9,11).

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 11:11-13**

<sup>11</sup>Sau ba ngày rươi, sinh khí từ Đức Chúa Trời đến nhập vào hai người và họ đứng thẳng dậy, khiến những kẻ xem thấy vô cùng sợ hãi. <sup>12</sup>Hai người nghe một tiếng lớn từ trời bảo rằng: “Hãy lên đây!” Hai người lên trời trong đám mây; và những kẻ thù đều xem thấy. <sup>13</sup>Vào giờ ấy, có một cơn động đất lớn; một phần mười thành phố đổ xuống; bảy nghìn người chết trong cơn động đất. Những người còn lại đều kinh hoàng và dâng vinh quang cho Đức Chúa Trời trên trời.

**11:11 “Sau ba ngày rươi”** - một liên tưởng từ Đa-ni-ên, biểu tượng của giai đoạn bắt bớ, xem ghi chú ở câu 11:9.

} “**sinh khí từ Đức Chúa Trời đến nhập vào hai người**” - một liên tưởng từ Ê-xê-chiên 37, thung lũng xương khô Thuật ngữ Hê-bơ-rơ ‘*Ruah*’ có thể có nghĩa là: hơi thở, gió, hoặc linh” (cũng như thuật ngữ Hy-lạp *pneuma*).

#### **Chủ Đề Đặc Biệt: Linh trong Kinh Thánh.**

##### **special topic: spirit in the bible**

I. Cựu Ước (*ruah*, BDB 924, KB 1197; xem Chủ Đề Đặc Biệt: Hơi thở, gió, linh

A. Nói về những hành động của Đức Chúa Trời Độc Tôn (ví dụ Linh, dùng 90 lần trong Cựu Ước )

1. một cách tích cực, Sáng Thế 1:2

2. một cách tiêu cực, 1 Sa-mu-ên 16:14-16,23; 1 Các Vua 22:21-22; Ê-sai 29:10

B. Sinh lực được Đức Chúa Trời ban (ví dụ hơi thở Đức Chúa Trời, xem Sáng Thế 2:7)

C. Bản Bảy Mươi (Septuagint) dịch *Ruah* thành *Pneuma* khoảng 100 lần

D. Trong văn chương các thầy Ra-bi, văn chương khai thị giữa hai Giao ước, cuộn Biển Chết - được ảnh hưởng bởi Bái Hòa Giáo (đạo thờ lửa xứ Batur Zoroastrianism),- linh (*pneuma*) ám chỉ thiên sứ và ma quỷ.

## II. Thuật ngữ Hy-lạp

- A. pneō, thô
- B. pnoē, gió, hơi thở
- C. pneuma, spirit, wind
- D. pneumatikos, linh
- E. pneumatikōs, thuộc linh

## III. Triết học Hy-lạp (pneuma)

- A. A-ri-stô (Aristotle) coi đây là sinh linh, phát triển từ sự sinh thành tới sự tự chủ
- B. Nhóm Stô-ích (Stoics) coi thuật ngữ này đồng nghĩa với tâm hồn (psuchē) và tâm trí (nous) trong giả thiết có năm giác quan và trí tuệ của con người.
- C. Quan điểm Hy-lạp về hành động của thần thánh ( lên đồng, ma thuật, huyền bí và tiên tri)

## IV. Tân Ước. (Pneuma; xem Chủ Đề Đặc Biệt: linh trong Tân Ước)

### B. Linh liên hệ tới hoạt động của Đức Chúa Trời trong hội thánh (hầu hết trong Giảng)

- 1. tiên tri
- 2. phép lạ
- 3. mạnh dạn truyền bá Phúc Âm
- 4. sự khôn ngoan (ví dụ Phúc Âm)
- 5. niềm vui
- 6. đem lại Tân Kỷ Nguyên
- 7. cải đạo (ví dụ mời gọi và ngự trị)
- 8. sự giống Chúa
- 9. ban ân tứ
- 10. cầu thay cho tín đồ

Linh thức tỉnh trong con người sự khao khát thông công với Đức Chúa Trời, là mục đích mà con người được tạo dựng. Điều này có thể đạt được bởi công việc và sự hy sinh của Chúa Giê-su, Đấng Christ của Đức Chúa Trời. ( xem Chủ Đề Đặc Biệt Đấng Mê-si-a). Sự thức tỉnh thuộc linh dẫn đến nếp sống, chức vụ và lòng tin cậy giống Đấng Christ.

C. Có thể hiểu một cách tốt nhất: 'linh' là thể liên tục giữa hai thái cực, bắt đầu từ Đức Thánh Linh ở một thái cực, và con người - một tạo vật thuộc thể trên trần gian - sinh linh trong hình ảnh Đức Chúa Trời, ở thái cực kia.

### D. Phao-lô là người phát triển thần học Linh / linh (danh từ: Linh / tính từ: thuộc linh)

- 1. Phao-lô sử dụng Linh đối nghịch với xác thịt (khi nói về bản ngã, lãnh vực tội lỗi)
- 2. Phao-lô sử dụng linh (thuộc linh) đối nghịch với thuộc thể
- 3. Phao-lô sử dụng Linh / linh để miêu tả sự đối nghịch của tư duy, trí thức, và cư xử theo cách con người.

### E. Vài ví dụ từ 1 Cô-rin-tô

- 1. Đức Thánh Linh , 1 Cô-rin-tô 12:3
- 2. Quyền năng và sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời qua Đức Thánh Linh 1 Cô-rin-tô 2:4-5
- 3. Hành động của Đức Chúa Trời trong tín đồ
  - a. tâm trí mới, 1 Cô-rin-tô 2:12; 14:14,32
  - b. đền thờ mới, 1 Cô-rin-tô 3:16; 6:19-20
  - c. cuộc sống mới (ví dụ đạo đức), 1 Cô-rin-tô 6:9-11
  - d. cuộc sống mới biểu tượng bởi phép Báp-tem, 1 Cô-rin-tô 12:13
  - e. hiệp một với Đức Chúa Trời. (ví dụ cải đạo), 1 Cô-rin-tô 6:17
  - f. sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, chứ không của thế gian, 1 Cô-rin-tô 2:12-15; 14:14,32,37
  - g. ân tứ thuộc linh cho mọi tín đồ, 1 Cô-rin-tô 12 and 14
- 4. thuộc linh đối nghịch thuộc thể, 1 Cô-rin-tô 9:11; 10:3; 15:44
- 5. lãnh vực bản thể tâm linh so với lãnh vực bản thể vật lý 1 Cô-rin-tô 2:11; 5:5; 7:34; 15:45; 16:18
- 6. liên hệ tới nội tâm con người so với thể xác con người , 1 Cô-rin-tô 7:34

### F. Nhân loại được tạo dựng để sống trong hai lĩnh vực tâm linh và thể xác. Con người thất bại trong mỗi



liên hệ mật thiết với Đức Chúa Trời, (Sáng Thế 3). Qua sự sống, giáo huấn, thương khó, phục sinh và hứa nguyện Tái Lâm của Đấng Christ, Đức Thánh Linh mời gọi nhân loại hồi phục mối liên hệ qua đức tin vào Phúc Âm. (ví dụ Giăng 6:44,65). Đức Thánh Linh là phần của Ba Ngôi Hiệp Một, đặc trưng cho Tân Kỳ Nguyên Công Nghĩa. Đức Thánh Linh là tác nhân của Đức Chúa Cha và là Đấng Quảng Bá cho Đức Chúa Con. Nan đề của nghịch lý là Tân Kỳ Nguyên đã bắt đầu trong khi Cựu Kỳ Nguyên với tội lỗi và phản loạn chưa chấm dứt. Đức Thánh Linh biến đổi ‘sự cũ’ thành ‘sự mới’, ngay trong khi cả hai thực tại đang vẫn còn vận hành song song.

**11:12 “Hai người nghe một tiếng lớn từ trời bảo rằng: “Hãy lên đây”**” Một số người coi đây là sự ‘thăng thiên’, ‘hoan hỷ’ một cách bí mật của Hội Thánh, giống như trong câu 4:1 khi Giăng được gọi lên Thiên Đàng. Có người cho việc hai nhân chứng được gọi lên Thiên Đàng là bằng chứng của thuyết “Trung Đại Nạn” tin rằng Hội Thánh sẽ được cất đi giữa cơn Đại Nạn. Đây lại là ví dụ về ngộ nhận cá nhân, cũng như thần học hệ thống của giáo hội lèo lái sự giải kinh các phân đoạn với biểu tượng khó hiểu.

} **“Hai người lên trời trong đám mây”** Đám mây là phương tiện vận chuyển của Thánh Thần. Đấng Mê-si-a cưỡi mây trên Thiên Đàng trong Đa-ni-ên 7:13. Chúa Giê-su được cất lên bởi đám mây (xem Công Vụ 1:9) và sẽ Tái Lâm trên đám mây (xem Ma-thi-ơ 24:30; 26:64; Mác 13:26; I Tê-sa-lô-ni-ca 4:17; Khải Huyền 1:7; 14:14.

**11:13 “Vào giờ ấy, có một cơn động đất lớn; một phần mười thành phố đổ xuống”** Có bảy động đất được nêu ra trong Khải Huyền, (xem 6:12; 8:5; 11:13,19; 16:18). Đây có thể là sự liên tưởng tới Ê-xê-chiên 38:17-23, có thể mang ý nghĩa về sự phán xét liên tục nhưng có hạn chế đối với người chưa tin. .

} **“ Những người còn lại đều kinh hoàng và dâng vinh quang cho Đức Chúa Trời trên trời”** ‘Ai’ là những người còn lại? Câu trả lời là chủ đề được tranh luận, với các quan điểm sau:

1. Dân cư sinh sống trong Giê-ru-sa-lem (xem Xa-cha-ri 12:10) hoặc Rô-ma
  2. Những người thực sự ăn năn, được cứu trong thời kỳ Đại Nạn,
  3. Người Do-thái, theo Rô-ma 11
  4. Những người kinh ngạc về quyền năng của Đức Chúa Trời, nhưng không thực sự cải đạo, giống như Nê-bu-ca-nê-sa, Si-ri-út (Nebuchadnezzar, Cyrus),
- Xét cùng với các câu Khải Huyền 9:20-21; 14:7-8 and 16:10, sự lựa chọn thứ tư là hợp lý nhất. Tuy nhiên trong câu Khải Huyền 16:9, sự ‘dâng vinh quang’ liên hệ tới ăn năn, Vậy nhóm người còn lại có thể là người Do-thái và dân ngoại có đức tin. Mục đích của sự phán xét là thức tỉnh ăn năn đưa đến sự cứu rỗi (xem 9:20-21; 16:9,11)

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 11:14**

<sup>14</sup>Khổ nạn thứ nhì đã qua; này, khổ nạn thứ ba đến mau chóng.

11:14 đây là câu chuyển tiếp (xem 9:12; 12:12).

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 11:15-16**

<sup>15</sup>Thiên sứ thứ bảy thổi kèn, có tiếng lớn từ trời nói rằng:

“Vương quốc của thế gian thuộc về Chúa chúng ta,  
Và Đấng Christ của Ngài.

Ngài sẽ trị vì đời đời.”

<sup>16</sup>Hai mươi bốn trưởng lão đang ngồi trên ngai trước mặt Đức Chúa Trời đều phủ phục xuống đất, thờ lạy Đức Chúa Trời

**11:15 “Vương quốc của thế gian ”** Bản dịch KJV and NKJV có (các) vương quốc trong số nhiều. Số nhiều không có trong các bản Hy-lạp.

} **“thuộc về.”** Động từ chỉ định, trung cấp thì quá khứ, nói về sự kết thúc của quyền bính trần thế, và sự bắt đầu của sự tể trị Thiên Thượng (xem 12:10). Tân Kỳ Nguyên Thánh Linh đã tới trọn. Câu này tái xác nhận thuyết “Tóm Lược Sự Kiện” (recapitulation), tin rằng bởi sự Tái Lâm tái hiện ở cuối mỗi chu kỳ phán xét : ấn (xem 6:12-17), kèn (xem 11:15-18) và chén (xem 19), cả ba chu kỳ này đều nói về một giai đoạn. Khải Huyền không phải là chuỗi sự kiện theo trình tự thời gian, nhưng là vở kịch với bảy màn, các màn đều nói về 1 giai đoạn. Tuy nhiên mức độ căng thẳng được tăng dần từ ¼, tới 1/3, tới vô hạn.

} **“Chúa chúng ta, Và Đấng Christ của Ngài.”** Hãy để ý Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con luôn liên hệ mật thiết (xem Thi Thiên 2), đồng thời sự nhấn mạnh trong các câu I Cô-rin-tô 15:24-28 và Ê-phê-sô 5:5 nay được ứng nghiệm. Một số người thấy đây là điều liên tưởng tới Xa-cha-ri 14:9. Có thể họ không sai, bởi vì Giăng thường dùng Đa-ni-ên, Ê-xê-chiên, and Xa-cha-ri làm nguồn cho các hình ảnh Khải thị.

} **“Ngài sẽ trị vì đời đời.”** Đây nói về sự tể trị đời đời của Đức Chúa Trời, (xem Xuất Hành 15:18; Thi Thiên 10:16; 29:10; Ê-sai 9:6-7; Đa-ni-ên 2:44; 4:34; 7:14,27; Xa-cha-ri 14:9; Lu-ca 1:33; I Tê-sa-lô-ni-ca 4:17; II Phi-ê-rô 1:11), chứ không phải về Thiên Hỷ Niên (Ngàn Năm) của Đấng Christ, (xem Khải Huyền 20). Đây là sự ứng nghiệm bài cầu nguyện chung: “Xin ý Cha được nên, ở Đất như ở Trời” Mat 6:10

Nước Trời là chủ đề chính của Phúc Âm và Khải Huyền. Tuy nhiên, còn có sự uyển chuyển và xung khắc giữa hiện tại (Hậu Thiên-Hỷ-Niên và Vô Thiên-Hỷ-Niên) và tương lai (Tiền Thiên-Hỷ-Niên Lịch sử, Tiền Thiên-Hỷ-Niên theo Giai Đoạn). Cũng vậy, có sự uyển chuyển giữa những gì thuộc thế (Thiên-Hỷ-Niên) và những gì thuộc thiên (Đời Đời). Một số trường phái, giáo hội, nhà giải kinh đề ý một cách uyển chuyển tới một khía cạnh, nhưng cứng nhắc, làm ngơ, hoặc làm sai khía cạnh khác, miễn sao cho phù hợp với định kiến và hệ thống thần học của mình. Thật khó cho người tây phương hiểu được sự uyển chuyển, hình bóng, xung khắc trong văn chương đông phương, đặc biệt văn chương Khải thị.

Đức Chúa Trời Và Đấng Christ của Ngài đã tể trị, đang và sẽ tể trị đời đời, chi tiết thời gian của sự tể trị không đóng vai trò quan trọng. Có thể có một giai đoạn Đấng Christ tể trị trên trần thế (xem I Cô-rin-tô 15:23-28); Có thể dân tộc I-sơ-ra-en sẽ tể trị một phần nào đó (xem Rô-ma 11). Khải Huyền với các biểu tượng, hình ảnh ám chỉ Hội Thánh mở rộng, không chỉ thu hẹp tới I-sơ-ra-en, (xem Đa-ni-ên 2:34-35,44). Bản thân tôi, tôi vẫn đề ngỏ một cánh cửa cho khả năng I-sơ-ra-en góp phần trong các sự kiện Tận Thế, bởi lời hứa của Đức Chúa Trời cho hậu duệ Áp-ra-ham (xem Ê-sai 9:6-7; Xa-cha-ri 12:10) dựa theo bản tính của Ngài, (xem Ê-xê-chiên 36:22-38).

**11:16 “Hai mươi bốn trưởng lão”** xem Chủ Đề Đặc Biệt: Trưởng Lão ở câu 4:4.

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 11:17-18**

<sup>17</sup> và nói rằng:

**“Lạy Chúa, là Đức Chúa Trời Toàn Năng, ĐÁNG HIỆN CÓ VÀ ĐÃ CÓ,  
Chúng con cảm tạ Ngài vì Ngài đã nắm quyền tối cao,  
Và đã trị vì.**

<sup>18</sup> Các dân tộc giận dữ;

**Nhưng cơn thịnh nộ của Ngài đã đến,  
Là thời điểm phán xét kẻ chết,**

**Ban thưởng cho các đầy tớ Ngài, các nhà tiên tri, các thánh đồ,  
Và những người kính sợ danh Ngài,  
Cả bé lẫn lớn,  
Và hủy diệt những kẻ hủy diệt quả đất.”**

**11:17-18** bài cầu nguyện ngợi khen này được trình bày trong thể văn vần trong các bản dịch NKJV, NRSV, TEV

và thể văn xuôi trong các bản NASB, NJB. Sự tôn vinh bùng nổ thường là cách giải thích tốt nhất đoạn văn trước đó (cùng với bài ca và sự giải thích bởi thiên sứ).

**11:17** “**Lạy Chúa, là Đức Chúa Trời Toàn Năng**” Câu này liên hệ tới ba danh hiệu nổi tiếng nhất trong Cựu Ước.

1. Đức Giê-hô-va - Đức Chúa Trời Cứu chuộc theo Giao ước (xem Xuất Hành 3:14; Thi Thiên 103)
2. *Elohim*, Đấng Tạo Hóa, Đấng Cung Ứng và Bảo Toàn Sự Sống (xem Sáng Thế 1:1; Thi Thiên 104)
3. *El Shaddai* (xem 1:8), Đấng Hùng Mạnh và Thương Xót – danh hiệu được các tổ phụ gọi Đức

Chúa Trời, (xem Xuất Hành 6:3 và Chủ Đề Đặc Biệt: danh hiệu Thần Thánh ở câu 1:8)

} **ĐÁNG HIỆN CÓ VÀ ĐÃ CÓ.**

**NASB** “**Đấng Đang Có và Đã Có**”

**NKJV** “**Đấng Đang Có, Đã Có và Sẽ Đến.**” (có thì tương lai)

**NRSV** “**Đấng Đang Có và Đã Có**” (Số nhiều : who are and who were)

**TEV** “**Đấng Đang Có và Đã Có**”

**NJB** “**Đấng Đang Có và Đã Có**”

Xin để ý ở đây, trừ một số sao bản Hy-lạp thế kỷ 16, thì tương lai: “Sẽ Đến” bị bỏ ra. Đức Chúa Trời đã bắt đầu cai trị. Thì tương lai không bao giờ được nhắc tới kể từ thời điểm này. Vương Quốc Đức Chúa Trời đã đến, (xem 11:15-16). Điều này lại thêm một bằng chứng cho thuyết “Tóm Lược Sự Kiện” nói về sự song hành và tái hiện giữa các ấn, các kèn và các chén!

} **vì Ngài đã nắm quyền tối cao, Và đã trị vì.**

**NASB** “**Bởi Ngài đã nắm quyền vĩ đại và đã bắt đầu thống trị**”

**NKJV** “**Bởi Ngài đã nắm quyền vĩ đại và đã thống trị**

**NRSV** “**Bởi Ngài đã nắm quyền vĩ đại và bắt đầu thống trị**”

**TEV** “**Bởi Ngài đã nắm quyền vĩ đại và bắt đầu tể trị**”

**NJB** “**Bởi Ngài đang nắm quyền vĩ đại và đang bắt đầu thống trị**”

Sự khác nhau ở đây là các thì của động từ. Đây là động từ chỉ định chủ động thì hoàn thành (nắm quyền). được tiếp theo bởi động từ chỉ định chủ động thì quá khứ (thống trị). Quyền năng luôn thuộc về Đức Chúa Trời, nhưng sự tể trị của Ngài bắt đầu ở đây. (INGRESSIVE AORIST).

**11:18** “**Các dân tộc giận dữ;**” Điều liên tưởng tới Thi Thiên 2; 46:6; và Ê-xê-chiên 38-39 (có thể thêm với sự giới thiệu sách Ê-tơ trong bản Bảy Mươi / the Septuagint). Sự giận dữ của dân tộc được giải thích như sau:

1. thể gian thù ghét Đức Chúa Trời và chương trình, dân tuyền của Ngài
2. Sẽ có một chiến trận của cùng chống lại Đức Chúa Trời ở A-ma-ghê-đôn (Khải Huyền 20)

} “**Nhưng cơn thịnh nộ của Ngài đã đến,**” Điều liên tưởng tới Thi Thiên 2 và 110:5-6. Thuật ngữ ‘thịnh nộ’ tiếng Hy-lạp là *orgē*, xem ghi chú ở câu 7:14.

} “**Là thời điểm**” Ngày của Chúa là thời điểm phán xét cho một số người và khen thưởng cho một số người. Hai khía cạnh song sinh này được thấy trong Ma-thi-ơ 25:31-46 và Khải Huyền 20:11-15. Tất cả mọi người dù lớn hay nhỏ đều phải đứng trước Đức Chúa Trời mà tường trình cuộc đời trần gian của họ, (xem Ga-la-ti 6:7; II Cô-rin-tô 5:10).

special topic: that day

**Chủ Đề Đặc Biệt NGÀY ẤY**

Câu “ngày ấy” là cách nói của các tiên tri thế kỷ thứ tám trước Công Nguyên ám chỉ sự thăm viếng của Đức Chúa Trời, kể cả với mục đích khen thưởng và phán xét.

Ô-sê		A-mốt		Mi-chê	
Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực
1:11	Tiêu cực		1:14(2)		2:4
	1:5		2:16		3:6
2:15	2:3		3:14	4:6	
2:16			5:18 (2)		5:10
2:18	4:5		5:20		7:4
2:21	5:9		6:3	7:11(2)	
	6:2		8:3	7:12	
	7:5	9:11	8:9 (2)		
	9:5		8:10		
	10:14		8:13		

Khuôn mẫu này khá phổ biến đối với các tiên tri. Đức Chúa Trời sẽ hành động chống lại tội lỗi, nhưng Ngài cũng dành ra một ngày ăn năn và tha thứ cho những ai sẵn lòng thay đổi trái tim và nếp sống. (có nghĩa tiếp nhận lý trí, suy nghĩ và tâm linh mới. Ê-xê-chiên 36:22-27)! Mục đích cứu rỗi và hồi phục của Đức Chúa Trời sẽ được thực hiện. Đức Chúa Trời sẽ có những người phản chiếu thuộc tính của Ngài. Sự thông công giữa Đức Chúa Trời và nhân loại sẽ được hồi phục.

### } “Là thời điểm phán xét kẻ chết”

Sự phán xét Tận thế được thảo luận trong Ma-thi-ơ 25 và Khải Huyền 20. Câu này khẳng định sự giải kinh sách Khải Huyền theo 7 màn kịch, trong đó Tận Thế được thấy ở cuối các chu kỳ, đặc biệt rõ ràng sau các ấn, các kèn và các chén.

} “**các đầy tớ Ngài, các nhà tiên tri,**” Câu này lặp lại câu 10:7. Giảng xác nhận mình là tiên tri, Khải Huyền là sách tiên tri. Chính vì vậy thuật ngữ ‘tiên tri’ xuất hiện thường xuyên trong Khải Huyền, thay thế luôn thuật ngữ ‘sứ đồ’ (xem 10:7; 11:10,18; 16:6; 18:20,24; 22:6,9), xem Chủ Đề Đặc Biệt Tiên tri Tân Ước, ở câu 16:6

} “**các thánh đồ**” Thuật ngữ ‘thánh đồ’ liên hệ tới địa vị tín đồ trong Đấng Christ, chứ không tới bản ngã vô nhiễm tội lỗi. Sự vô nhiễm tăng dần với sự trở nên giống Đấng Christ. Thánh đồ luôn xuất hiện trong số nhiều, trừ trong câu Phi-líp 4:21. Tuy vậy, ngữ cảnh cho thấy thánh đồ luôn mang tính cộng đồng. Trở nên Cơ-đốc nhân chính là trở nên thành viên của cộng đồng, gia đình, thân thể Đấng Christ, xem Chủ Đề Đặc Biệt: thánh đồ ở câu 5:8. Thánh đồ ám chỉ dân tuyển Tân Ước của Đức Chúa Trời, tức là Hội Thánh .

} “**Cả bé lẫn lớn,**” Dường như có hai nhóm được nhắc tới trong câu này: tiên tri và thánh đồ. Câu “cả bé lẫn lớn” còn được nhắc lại trong 19:5. Đây cũng là câu nói thân thuộc trong Phúc Âm Giảng (xem 13:16; 19:5,18; 20:12; 19:5 liên tưởng tới Thi Thiên 115:13, bao gồm tất cả trong một nhóm người).

} “**Và hủy diệt những kẻ hủy diệt quả đất.**” Sự miêu tả ám chỉ loài người tội lỗi sau Sáng Thế 3 và Rô-ma 8:18-22. Nhân loại xấu xa cho phép sự tham lam, lòng ích kỷ phá hoại môi trường được Đức Chúa Trời sáng tạo

Một cách giải thích khác là nhân loại tội lỗi đem lại sự phán xét của Đức Chúa Trời, (nạn Hồng Thủy, Sáng Thế 6-9; tại họa ở Ai-cập, Xuất Hành 7-12; sự nguyên rửa theo Giao ước, Phục Truyền 27-28; hoặc Trái Đất sẽ bị thiêu bởi lửa, II Phi-ê-rơ 3:10). Trong Khải Huyền, các ấn phá hủy 1/4, các kèn phá hủy 1/3 và các chén phá hủy toàn bộ trần thế.

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 11:19**

**<sup>19</sup>Đền thờ của Đức Chúa Trời ở trên trời mở ra, bên trong thấy có Hòm Giao Ước của Ngài, rồi có những tia chớp, tiếng nói, tiếng sấm, động đất và mưa đá lớn**

**11:19 “Đền thờ của Đức Chúa Trời ở trên trời mở ra”** Xin nhớ rằng khai thị bắt đầu bằng sự mở cửa trên Thiên Đàng. (xem 4:1; 15:5). Ở thời điểm này, cửa của trung tâm Thiên Đàng cũng được mở ra- Nội Cung Đền Thờ cũng được nhìn thấy (xem Hê-bơ-rơ 8:5; 9:23-28).

Khi Chúa Giê-su chết, tấm màn trong Đền Thờ bị xé toang, ám chỉ Đức Chúa Trời có thể tiếp cận qua Chúa Giê-su, (xem Ma-thi-ơ 27:51; Mác 15:38; Lu-ca 23:45; liên tưởng tới Hê-bơ-rơ 9:8; 10:20). Biểu tượng này được lặp lại nhiều lần. Đức Chúa Trời mở lòng cho tất cả, Nội Cung Thiên Đàng mở rộng đón chào mọi tín đồ.

} **“Hòm Giao Ước của Ngài,”** Rương Giao Ước bị mất trong giai đoạn lưu đày ở Ba-by-lon, hoặc trong thời Pha-ra-ô Si-sắc (Shishak of Egypt), xem I Các Vua 14:25). Nó biểu tượng sự hiện diện của Đức Chúa Trời khi I-sơ-ra-en vượt qua sông Giô-đanh vào Đất Hứa. Nó cũng biểu tượng lời hứa của Đức Chúa Trời theo Giao ước, liên hệ tới điều mầu nhiệm trong Khải Huyền 10:7, chương trình cứu rỗi cho nhân loại (xem Rô-ma 16:25-26). Trong Cựu Ước, chỉ có thầy Thượng Tế mới được phép vào Nơi Chí Thánh mỗi năm một ngày, trong Lễ Đại Chuộc Tội (xem Lê-vi ký 16). Nay, tất cả con dân của Đức Chúa Trời đều có thể tiếp cận sự Hiện Diện của Đấng Chí Cao.

} **“những tia chớp, tiếng nói, tiếng sấm, động đất và mưa đá lớn”** Giống như các chi tiết trong Khải Huyền 8:5 và 16:18-21, liên tưởng tới Xuất Hành 9:24 và 19:16-19.

## **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát

1. Màn phụ có mục đích gì?
2. Vì sao nhiều người cố gắng xác định thiên sứ trong chương 10 là Đấng Christ?
3. Điều gì là sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời trong Khải Huyền 10:7
4. Cuốn sách nhỏ là gì mà Giăng được lệnh ăn?
5. Ai là hai nhân chứng? Sứ điệp của họ là gì?
6. Phải chăng câu 11:9 miêu tả thành Giê-ru-sa-lem hoặc vương quốc trần gian chống nghịch Đức Chúa Trời? Vì sao?

Liệt kê các liên tưởng tới Cựu Ước trong màn phụ này

**KHÁI HUYỀN 12-14**

**CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI**

<b>UBS<sup>4</sup></b>	<b>NKJV</b>	<b>NRSV</b>	<b>TEV</b>	<b>NJB</b>
Người Nữ và Con Rông	Người Nữ, và Con Trai,	Người Nữ, Con Trai, và Con Rông	Người Nữ và Con Rông	Khái tượng Người Nữ và Con Rông
12:1-6	12:1-6 Satan bị ném khỏi Thiên Đàng	12:1-6	12:1-2 12:3-6	12:1-6
12:7-12	12:7-12 Người Nữ bị bắt bớ	12:7-9 12:10-12	12:7-9 12:10-12	12:7-12
12:13-17 Hai Con Thú	12:13-17 Con Thú Từ Biển	12:13-17 Hai Con Thú	12:13-18 Hai Con Thú	12:13-17 Con Rông trao quyền cho Con Thú
12:18	12:18	12:18		12:18-13:10
13:1-4	13:1-10	13:1-4	13:1-4	
13:5-8 13:9-10	Con Thú Từ Đất	13:5-8 13:9-10	13:5-8 13:9-10	Tiên Tri Giả, tôi tớ của Con Thú
13:11-18	13:11-18	13:11-18	13:11-17 13:18	13:11-17 13:18
Bà ca của 144.000	Chiên Con và 144.000	Màn phụ	Chiên Con và dân Ngoại	Bạn hữu của Chiên Con
14:1-5 Sứ điệp của 3 thiên sứ	14:1-5 Tuyên bố của ba thiên sứ	14:1-5	14:1-5 Ba thiên sứ	14:1-5 Thiên sứ công bố Ngày Phán Xét
14:6-7	14:6-13	14:6-7	14:6-7	14:6-7
14:8		14:8	14:8	14:8
14:9-12		14:9-11 14:12	14:9-11 14:12	14:9-13
14:13		14:13	14:13 14:13b	
Mùa gặt trên Đất	Gặt mùa trên Đất		Mùa gặt của Đất	Mùa gặt vườn nho của Dân Ngoại
14:14-16	14:14-16 Gặt trái nho của con thịnh nộ	14:14-16	14:14-16	14:14-16
14:17-20	14:17-20	14:17-20	14:17 14:18-20	14:17-20

## CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

### THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

Phân đoạn 1

Phân đoạn 2

Phân đoạn 3

### KIẾN GIẢI SÂU SẮC THEO NGŨ CẢNH ĐOẠN KHẢI HUYỀN 12:1-17

- A. Một màn phụ bắt đầu từ 12:1 đến 14:20, mặc dầu nhiều người cũng cho rằng đây là một chu kỳ mới của con số Bảy. Đơn vị văn chương này miêu tả chiến tranh thuộc linh theo lối ‘nhị nguyên’ giữa:
1. Hai vương quốc
  2. Hai thành phố
  3. Hai Nhân chứng bị giết và kẻ giết hại họ.
- B. Câu 1-6 miêu tả trận đánh tối hậu tâm cỡ vũ trụ giữa ‘điều thiện và điều ác’, với những thuật ngữ từ văn chương cổ đại Trung Cận Đông, (theo Grant Osborne, *The Hermeneutical Spiral* p. 229).
1. Câu chuyện Tạo Hóa của Ba-by-lon: nữ thần Hỗn Loạn Ti-a-mat, có bảy đầu, lôi theo 1/3 thiên sứ xuống trần gian, tranh chiến với Mô-đuc thần phù hộ của Ba-by-lon và bị giết. Sau đó Mô-đuc trở nên thần của các thần.
  2. Thần thoại Ai-cập: Con rồng đỏ, tên là Set (Typhon), tranh chiến với I-sít (Isis Hathor), có con là Hô-rút (Horus). Hô-rút sau này giết I-sít.
  3. Thần thoại Ba-anh của người U-ga-ri-tít (Ugaritic): Thần nước Yam chống lại Ba-anh và bị Ba-anh giết.
  4. Thần thoại Ba-tur: Con rồng ác A-hi (Azhi Dabaka) chống lại thần thiện A-hu-ra (Ahura Mazda)
  5. Thần thoại Hy-lạp: Thần rắn Pi-thôn (Python) chống lại nữ thần Lét-tô (Leto) đang mang thai, Con của Lét-tô là A-pô-lô sau này giết Pi-thôn).
- C. Thật rất khó giải kinh phân đoạn này. Có người cố gắng hiểu theo quan điểm lịch sử (nghĩa trắng đen) nhưng tôi nghĩ chương này mô tả qua biểu tượng một cuộc chiến tranh giữa vương quốc ma quỷ chống Vương Quốc Đấng Christ (hiện tại) và Vương Quốc Đức Chúa Trời (sẽ đến) (xem 11:18; Thi Thiên 2). Vì vậy các chương này có chứa đựng cả sự kiện lịch sử như sự Giáng trần của Chúa Giê-su và cả biểu tượng liên quan tới sự Tái Lâm. Đây là thể nhị nguyên giữa hai nguyên thủ và hai nhóm người: một bên là Chúa cùng dân của Chúa, còn bên kia là Sa-tan cùng chư hầu của hắn. Nhị Nguyên Luận này cũng được thấy trong ‘bài ca về Người Đầy Tớ’ trong Ê-sai. Người đầy tớ vừa ám chỉ I-sơ-ra-en (xem Ê-sai 41-50), vừa ám chỉ Đấng Mê-si-a (xem Ê-sai 52:13-53:12).
- C. Phao-lô có bàn luận về địa vị Chúa của Đấng Christ trong tâm cỡ vũ trụ, trong Cô-lô-sê 1-2 (xem thêm ghi chú ở câu Hê-bơ-rơ 1:2-3).

### NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

#### RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 12:1-6

<sup>1</sup>Rồi một dấu lạ lớn xuất hiện ở trên trời: Một phụ nữ mình được bao phủ bằng mặt trời, chân đứng trên

**mặt trăng, đầu đội mào miện bằng mười hai ngôi sao.** <sup>2</sup>Nàng có thai và kêu la đau đớn, quặn thắt vì sắp sinh. <sup>3</sup>Trên trời cũng xuất hiện một dấu lạ khác: Một con rồng lớn màu đỏ có bảy đầu, mười sừng, và trên bảy đầu có bảy mào miện. <sup>4</sup>Đuôi kéo theo một phần ba các ngôi sao trên trời và ném xuống đất. Rồng đứng trước người phụ nữ sắp sinh, để khi nàng sinh thì ăn nuốt con của nàng. <sup>5</sup>Người phụ nữ sinh một con trai; con trai ấy sẽ dùng gậy sắt mà cai trị các dân tộc. Nhưng con nàng được tiếp lên đến Đức Chúa Trời, tận ngai của Ngài. <sup>6</sup>Còn người phụ nữ thì chạy trốn vào hoang mạc; tại đó, Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho nàng một chỗ để được nuôi dưỡng trong một nghìn hai trăm sáu mươi ngày

**12:1 “Rồi một dấu lạ lớn xuất hiện ở trên trời”** Đây có thể bắt đầu ‘Bảy Dấu Lạ’ trong Khải Huyền. ‘Dấu lạ’ là thuật ngữ thần học đặc biệt (*s’meion*) được sử dụng trong Phúc Âm Giảng, (xem 2:11,23; 3:2; 4:54; 6:2,14,30; 7:31; 9:16; 10:41; 11:47; 12:18,37; 20:30). Đây, giữa Khải Huyền 12:1 và 19:20, ‘dấu lạ’ cũng xuất hiện 7 lần, ba lần trên trời (xem 12:1,3; 15:1) và 4 lần trên đất (xem 13:13,14; 16:14; 19:20).

} “ **trên trời:** ” Có thể ám chỉ ‘trên không trung’, chứ không ‘trên thiên đàng’, thuật ngữ ‘thiên đàng’ có thể nói về khí quyển, (xem Sáng Thế 1:1,8-9,17,20; Thi Thiên 104:2-3) hoặc về nơi Đức Chúa Trời ngự trị, (xem Thi Thiên 11:4; 103:19; Ê-sai 66:1; II Cô-rin-tô 12). Sự khó hiểu này khiến cho các thầy Ra-bi dạy về các thiên đàng, có từ ba tới bảy tầng.

See Special Topic: The Heavens at 4:1.

} “ **Một phụ nữ mình được bao phủ** ” Người Nữ này được miêu tả một cách đẹp đẽ, đối nghịch với Con Điem trong 17:4, là biểu tượng của thế lực chống Đức Chúa Trời như đế quốc Ba-by-lon, La-mã cũng như hệ thống thế gian nghịch Đấng Christ trong kỳ Tận Thế. Có hai giả thiết về nguồn cung cấp hình ảnh cho Giảng.

1. Sáng Thế 3, có mặt Người Nữ, con rắn và Con Trẻ
2. Các liên tưởng từ Cựu Ước đáng đáng đến sinh nở (xem Ê-sai 26:17-18 theo bản Bảy Mươi và Ê-sai 66:7-13)

I-sơ-ra-en được miêu tả như người phụ nữ đang sanh con, (xem Mi-chê 4:10), chính vì vậy đây là biểu tượng về dân thực của Đức Chúa Trời (xem các câu 1-6). Ngữ cảnh câu 13-17 ám chỉ dân này thuộc tín đồ Tân Ước. Về các giả thiết khác, xin xem cuốn giải kinh Khải Huyền của ông Giôn-son (Alan Johnson) (*Revelation*, trang. 117-119.)

Trong cuốn *Answers to Questions* ông Bru-xơ (F. F. Bruce) bình luận: “Người Nữ, theo tôi nghĩ, là cộng đồng dân của Đấng Mê-si-a, ở vùng Pa-lê-stin, Mẹ - Hội Thánh Tuyệt Hào. Còn ‘đồng đội Nàng’ câu 12:18 lại là tín đồ trong các vùng khác trên trần thế, là những người chịu sự bắt bớ trong câu 3:7.” (p. 140).

Trong cuốn giải kinh *New Bible Commentary* tác giả Mơ-ray (George R. Beasley-Murray) nói, “những người có đạo trong thế giới cổ luôn nhìn thấy trong một phụ nữ đau đẻ hình ảnh một nữ thần với vương miện có 12 ngôi sao hoàng đạo. Người Do-thái hiểu nàng là một Mẹ của Si-ôn (see Ê-sai 26:16-27:1; 49:14-25; 54:1-8; 66:7-9), Nhưng Giảng dùng biểu tượng phụ nữ sắp sinh con là Mẹ của cộng đồng dân Đấng Mê-si-a, các tín đồ Giao ước cũ và mới.” (trang 1441).

} “ **mười hai ngôi sao** ” Đây lại thêm một ví dụ về “định kiến lèo lái giải kinh”:

1. Nếu biểu tượng bắt nguồn từ Cựu Ước, thì đây là 12 bộ tộc I-sơ-ra-en.
2. Nếu biểu tượng bắt nguồn từ văn chương khai thị giữa hai Giao ước thì đây là 12 con giáp hoàng đạo
3. Nếu biểu tượng bắt nguồn từ Tân Ước, thì đây là 12 sứ đồ.

Con số Mười Hai thường tượng trưng cho hệ thống tổ chức của con người, xem Chủ Đề Đặc Biệt Con số Mười Hai ở câu 7:4

Tuy nhiên, ý nghĩa chương 12 không thể đặt dưới điều kiện ý nghĩa biểu tượng mà Giảng dùng, nhưng bởi chân lý trọng tâm theo ngữ cảnh. Chúng ta không thể:

1. Quá máy móc chi tiết.
2. Tùy ý chọn thứ này theo nghĩa đen, thứ kia theo nghĩa bóng.
3. Giải kinh theo thời sự.

**12:2** Sự đau đẻ biểu hiện cho:



1. sự kiện được trông đợi, nhưng xảy ra bất ngờ.
2. sự đau đớn liên hệ tới sự kiện
3. sự bắt đầu của một điều gì có tiềm năng rất lớn.

Người Do-thái tin rằng Tân Kỳ Nguyên sẽ bắt đầu với sự khó khăn và bất bớ, (xem Ê-sai 13:8; 21:3; 26:17; 66:7-13; Ma-thi-ơ 24:8; Mác 13:8; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:3). Giảng sử dụng khái niệm này để miêu tả cuộc xung đột giữa ác và thiện, giữa Ma Quỷ cùng đồng bọn chống nghịch Đức Chúa Trời cùng con dân của Ngài, (xem Ê-sai 66:7-24).

Sự kiện trên thế gian ngày càng tồi tệ, nhưng Đức Chúa Trời tể trị và điều hành lịch sử nhân loại. (Tùy theo quan điểm về 1000 năm trong Khải Huyền 20: thuyết Vô Thiên-Hỷ-Niên và Trước Thiên-Hỷ-Niên thường nhìn một cách tiêu cực, trong khi Hậu Thiên-Hỷ-Niên mang tính chất lạc quan về lịch sử hơn nhiều). Con dân của Đức Chúa Trời được bảo vệ trong vòng bất bớ, được đắc thắng, mặc dầu còn thất bại tạm thời, dù có thể phải chết thuộc thể (xem Giảng 16:20-21). Câu hỏi: “liệu Chúa có bảo vệ người theo Ngài không?” được trả lời rằng: Dầu ấn trên trán bảo vệ họ khỏi cơn thịnh nộ của Chúa, nhưng không khỏi sự bất bớ của thế gian vô đạo. Đức Chúa Trời yêu họ, ở cùng với họ, nhưng nhiều người vẫn chết vì đạo!

**12:3 “Một con rồng lớn màu đỏ có bảy đầu, mười sừng, và trên bảy đầu có bảy mạo miện ”** BD 2011”vương miện” (dành cho vua). Đây là một miêu tả Ác Quỷ với quyền năng lớn của hắn, (xem 13:1 and 17:3). Sừng và đầu là biểu tượng quyền bính tối cao, (xem Đa-ni-ên 7). Vương miện ám chỉ Ác Quỷ tìm cách cướp Ngôi Vương của Đấng Christ.

Thuật ngữ “con rồng” có thể đến từ Cựu Ước.

1. Con rắn trong Sáng Thế 3
2. Hai quái vật tiền sử của sự hỗn loạn
  - a. Ra-hab (BD 2011: thủy quái), (xem Thi Thiên 89:10; Ê-sai 51:9-10; Gióp 26:12-13)
  - b. Le-via-than (BD 2011: rồng biển), (xem Thi Thiên 74:13-14; 104:26; Gióp 3:8; 7:12; 41:1; Ê-sai 27:1; A-mốt 9:3)

Có nhiều danh hiệu được dùng cho Ác Quỷ trong Tân Ước.

1. “Sa-tan,” 33 lần
2. Ma Quỷ,” 32 lần
3. Kẻ Cám Dỗ (xem Ma-thi-ơ 4:3; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:5)
4. Ác Quỷ (xem Ma-thi-ơ 6:13; 13:19; I Giảng 5:18)
5. Kẻ Thù (xem Ma-thi-ơ 13:39)
6. Vương Tử của tà ma,” (xem Ma-thi-ơ 9:34; 12:24)
7. “Thủ Lãnh thế gian” (xem Giảng 12:31; 14:30; 16:11)
8. “Kẻ Cầm Quyền chốn không trung ” (xem Eph 2:2)
9. “Thần của đời này,” (xem II Cô-rin-tô 4:4)
10. “Bê-li-an” (xem II Cô-rin-tô 6:15)
11. “Bê-ên-xê-bun” (xem Mác 3:22; Lu-ca 11:15,18-19)
12. “Con Rồng,” (xem Khải Huyền 12:3,4,7,9; 20:2)
13. “con Rắn,” (xem Khải Huyền 12:9,15; 20:2)
14. “kẻ Tố Cáo” (xem Khải Huyền 12:10,15)
15. “kẻ thù,” (xem I Phi-ê-rơ 5:8)
16. “sư tử rồng” (xem I Phi-ê-rơ 5:8)

### **Chủ Đề Đặc Biệt: SA-TAN**

#### **Special topics: Satan**

Đây là một chủ đề khó, vì một số lý do:

1. Kinh Thánh Cựu ước không bày tỏ một kẻ thù đầu tiên của điều thiện, nhưng là một tội tớ của Đức Giê-hô-va kẻ đã đưa ra một lựa chọn khác cho con người và tố cáo sự không công bình của họ.
2. Khái niệm hiện thân của một kẻ thù của Đức Chúa Trời phát triển trong các văn chương xuất hiện khoảng giữa hai giao ước (không được kinh điển) dưới ảnh hưởng của tôn giáo Ba-tư (Zoroastrianism). Điều này đến lượt nó lại ảnh hưởng lớn trên Do thái giáo.
3. Tân ước phát triển một số chủ đề Cựu ước một cách rất thẳng thắn nhưng có chọn lọc.

Nếu chúng ta tiếp cận vấn đề về điều ác từ cái nhìn của thần học Thánh kinh (theo mỗi sách hoặc trước giả hoặc thể loại được nghiên cứu và sắp xếp riêng biệt), thì sẽ thấy có rất nhiều quan điểm về điều ác.

Tuy nhiên, nếu tiếp cận nó từ các tài liệu không phải là Kinh Thánh hoặc các tài liệu thêm vào Kinh Thánh từ các tôn giáo của thế giới hoặc tôn giáo Đông phương, thì chúng ta sẽ thấy sự phát triển Tân ước hầu hết bị bao trùm trong thuyết nhị nguyên của Ba-tư (Persian) và thuyết thông linh (spiritism) của thế giới Hy Lạp-La mã.

Nếu chúng ta chấp nhận thẩm quyền thiêng liêng của Kinh Thánh, thì sự phát triển trong Tân ước phải được xem như một sự mặc khải tiệm tiến (progressive revelation). Người Cơ đốc phải cảnh giác, không để cho những truyền thống dân gian của người Do thái hay các tác phẩm văn chương phương Tây (như Đanite, Milton) định nghĩa thay cho họ các ý niệm Kinh Thánh. Rõ ràng rằng có một sự huyền bí và không rõ ràng trong lãnh vực Khải thị này. Chúa quyết định không bày tỏ mọi khía cạnh của điều ác, xuất xứ, mục đích của nó, nhưng Ngài đã bày tỏ cho chúng ta biết rằng nó đã bị đánh bại!

Trong Cựu ước chữ Sa-tan hay kẻ kiêu cao có lẽ liên quan đến ba nhóm riêng biệt:

1. Những kẻ kiêu cao là con người (I Sa-mu-ên 29:4; II Sa-mu-ên 19:22; I Các vua 11:14, 23, 25; Thi Thiên 109:6)
2. Những kẻ kiêu cao là thiên sứ (Dân số ký 22:22-23; Xa-cha-ri 3:1)
3. Những kẻ kiêu cao là ma quỷ (I Sử ký 21:1; I Các Vua 22:21; Xa-cha-ri 13:2)

Chỉ có sau này trong thời kỳ giữa hai giao ước thì con rắn trong Sáng Thế 3 mới được cho là Sa-tan (Dị Kinh Sách khôn ngoan 2:23-24; II Hê-nóc 31:3), và mãi sau này điều này mới trở thành một cách giải thích của các thầy ra-bi (*Sot* 9b và *Sanh*. 29a). Các “con trai của Đức Chúa Trời” trong Sáng Thế 6 trở thành các thiên sứ trong dị kinh I Hê-nóc 54:6. Tôi đề cập đến điều này, không phải để khẳng định tính chính xác về mặt thần học của nó, nhưng chỉ để cho thấy tiến trình phát triển của nó. Khi vào trong Tân ước thì các hành động trong Cựu ước này thường được gán cho thiên thần ác, điều ác được nhân cách hóa (Sa tan) trong II Cô-rinh-tô 11:3; Khải huyền 12:9.

Nguồn gốc điều ác được nhân cách hóa thật khó, thậm chí không thể xác định rõ ràng được (tùy theo quan điểm của bạn) từ Cựu ước. Nguyên do là bởi tính độc thần rất mạnh của Y-sơ-ra-ên (I Các Vua 22:20-22; Truyền đạo 7:14; Ê-sai 45:7; A-mốt 3:6). Mọi nguyên nhân đều thuộc về Đức Giê-hô-va để chỉ sự độc nhất và cao cả nhất của Ngài (Ê-sai 43:11; 44:6, 8, 24; 45:5-6, 14, 18, 21, 22).

Một số nguồn thông tin có được thường tập trung vào (1) Gióp 1-2 ở đây Sa-tan là một trong những “con trai Đức Chúa Trời” (tức là thiên thần) hoặc là (2) Ê-sai 14; Ê-xê-chi-ên 28 là nơi các vua kiêu căng vùng Cận đông (Ba-by-lôn và Ty-rơ) được dùng để minh họa sự kiêu ngạo của Sa-tan (I Ti-mô-thê 3:6). Tôi có những cảm xúc lẫn lộn về cách tiếp cận này. Ê-xê-chi-ên dùng hình ảnh Vườn Ê-đen không những cho vua của Ty-rơ là Sa-tan (Ê-xê-chi-ên 28:12-16), nhưng ông cũng dùng hình ảnh này cho Vua của Ai-cập để chỉ cây biết điều thiện và điều ác (Ê-xê-chi-ên 31). Tuy vậy, Ê-sai 14, đặc biệt là câu 12-14, dường như mô tả sự nổi loạn của các thiên thần qua sự kiêu ngạo. Nếu Đức Chúa Trời muốn bày tỏ cho chúng ta biết bản chất và xuất xứ đặc biệt của Sa-tan qua những câu này, thì Ngài đã đặt nó ở một chỗ không rõ ràng và đề cập đến một cách rất gián tiếp. Chúng ta cần phải cảnh giác không theo xu hướng của thần học hệ thống gom góp một số câu ít ỏi, lơ mơ từ cả hai giao ước, các tác giả, sách vở, các thể loại văn chương khác nhau và kết hợp chúng lại thành những miếng xếp hình có vẻ thiêng liêng và được ráp lại không rõ ràng

Học giả Alfred Edersheim (*The Life and Times of Jesus the Messiah*, tập 2, phụ lục XIII [trang 748-763]) và XVI [trang 770-776]) cho rằng Do thái giáo đã bị ảnh hưởng quá mức của thuyết nhị nguyên Ba-tư và các suy đoán về ma quỷ. Các thầy ra-bi không phải là nguồn đáng tin cậy trong lãnh vực này. Chúa Jê-sus đã hoàn toàn tách xa khỏi các lời dạy của các thầy ra-bi trong các nhà hội. Tôi nghĩ rằng khái niệm trung gian và chống đối của các thiên thần theo các thầy ra-bi qua việc ban luật Môi-se trên núi Si-nai đã mở đường cho khái niệm cho rằng trong giới thiên thần có một kẻ thù của Đức Giê-hô-va và con người. Hai vị thần cao cả của thuyết nhị nguyên của người I-ran (Zoroastrian) là *Ahkiman* và *Ormaza*, thiện và ác, và thuyết nhị nguyên này đã phát triển thành quan điểm nhị nguyên có giới hạn trong Do thái giáo giữa Đức Giê-hô-va và Sa-tan.

Chắc chắn là có một sự mặc khải tiệm tiến trong Tân ước về sự phát triển của khái niệm điều ác, nhưng không quá chi tiết như các thầy ra-bi tuyên bố. Một ví dụ điển hình cho sự khác biệt này là “cuộc chiến trên thiên đàng.” Sự sa ngã của Sa-tan cũng chỉ là một điều cần phải có theo cách lô-gích, nhưng chúng ta không có các chi tiết của sự kiện này. Ngay cả những điều được cho biết thì chỉ được thấy qua bức màn của thể loại văn chương lai thể (apocalyptic genre) (Khải huyền 12:4, 7, 12-13). Mặc dù Sa-tan bị đánh bại và bị đày xuống trần gian này, nó vẫn có chức năng như một đầy tớ của Đức Giê-hô-va (Ma-thi-ơ 4:1; Lu-ca 22:31-32; I Cô-rinh-tô 5:5; I Ti-mô-thê

1:20).

Chúng ta phải ngăn chặn sự tò mò của chúng ta trong lãnh vực này. Có một quyền lực hiện thân của sự căm dỗ và gian ác, nhưng cũng có một và chỉ một Đức Chúa Trời và con người phải chịu trách nhiệm đối với những điều mình chọn lựa. Có một trận chiến thuộc linh cả trước và sau sự cứu rỗi. Sự chiến thắng chỉ có thể đến và tồn tại trong và qua Đức Chúa Trời Ba ngôi. Sự ác đã bị đánh bại và sẽ bị loại bỏ!

**12:4 “Đuôi kéo theo một phần ba các ngôi sao trên trời và ném xuống đất.”** Bởi vì cụm từ ‘các ngôi sao trên trời’ thường được dùng để ám chỉ thánh đồ trong Cựu Ước, (xem Sáng Thế 15:5; Giê-rê-mi 33:22; Đa-ni-ên 12:3), nhiều người coi những ngôi sao ở đây cũng có ý nghĩa tương tự. Nhưng theo ngữ cảnh, các ngôi sao trong 12:4 nói về thiên sứ, (xem Đa-ni-ên 8:10; II Phi-ê-rơ 2:4; Giu-đe câu 6). Sao sa là biểu tượng cho thiên sứ sa xuống là chủ đề rất phổ biến trong văn chương Khải thị, (ví dụ I Enoch).

Sa-tan được thấy trên Thiên Đàng cùng thiên sứ trước mặt Đức Chúa Trời trong Gióp 1-2 và Xa-cha-ri 3. Hẳn có thể là “Chê-rúp hộ vệ” (xem Ê-xê-chiên 28:12-18 BD2011). Sự miêu tả này trong bối cảnh vườn địa đàng Ê-đen không hợp với vua trần thế Ti-rơ, mặc dầu vị này có thái độ kiêu ngạo tự cao như Sa-tan. (Bản thân tôi cảm thấy ngày càng không vừa ý với cách giải thích này, bởi vì trong Ê-xê-chiên 31 vua Ai-cập được mô tả như cây tri thức của thiện ác). Ê-xê-chiên thường xuyên dùng thuật ngữ liên hệ tới Ê-đen để ám chỉ các vua. Trong Cựu Ước, Sa-tan không phải là kẻ thù của Đức Chúa Trời, nhưng là kẻ thù của con người, (xem 12:10). Sa-tan không được tạo dựng với sự ác, nhưng trở nên kẻ thù tối hậu của tất cả những gì thiện và thánh, (xem A. B. Davidson’s *An Old Testament Theology*, pp. 300-306). Vài lần Kinh Thánh cho biết Sa-tan bị đuổi khỏi Thiên Đàng (xem Ê-sai 14:12; Ê-xê-chiên 28:16; Lu-ca 10:18; Giảng 12:31; and Khải Huyền 12:9,12), nhưng không rõ ở thời điểm nào:

1. Trong Cựu Ước
  - a. Trước khi con người được tạo dựng
  - b. Giữa thời điểm Gióp 1-2 và trước Ê-xê-chiên 28
  - c. Trong thời hồi hương từ Ba-by-lon nhưng trước thời Xa-cha-ri
2. Trong Tân Ước:
  - a. Sau khi căm dỗ Chúa Giê-su (xem Ma-thi-ơ 4)
  - b. Trong chuyến đi truyền giáo của 70 môn đồ (xem Lu-ca 10:18)
  - c. Trong thời kỳ Tận Thế (xem Khải Huyền 12:9), xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 12:7.

Có một số người tự hỏi, có phải 1/3 các vì sao nói về các thiên sứ đi theo Sa-tan chống nghịch Đức Chúa Trời không? Nếu vậy thì đây chỉ là một dẫn chứng duy nhất trong Kinh Thánh liên hệ tới thiên sứ suy thoái (xem 12:9,12). Con số 1/3 là con số biểu tượng ám chỉ mức độ hạn chế trong chu kỳ bảy chiếc kèn, (xem 8:7-12; 9:15,18) chứ không phải là một số lượng cụ thể. Cũng có thể đây là một phần các thiên sứ bị Sa-tan đánh bại trong chiến trận. Nếu vậy thì đây liên tưởng tới thần thoại Ba-by-lon, (xem Kiến Giải sâu sắc theo ngữ cảnh, phần B.1 cho phân đoạn này).

Chúng ta nên nhớ rằng, mặc dầu các chi tiết rất thú vị, nhưng không phải là ý định của tác giả cho chúng ta tranh luận (1) nguồn gốc ma quỷ, (2) sự sa xuống của Sa-tan, (3) thiên sứ bạo loạn trên trời. Trong văn chương Khải thị, chủ đề trọng tâm mới đóng vai trò quan trọng, còn các chi tiết, hình ảnh chỉ mang tính minh họa, biểu tượng, kịch tích và tưởng tượng. Chúng ta bị tác động bởi cả tính tò mò lẫn sự tôn kính Kinh Thánh theo nghĩa đen mà tìm cách thiết lập tín lý lô-gíc và cụ thể. Xin hãy cẩn thận đừng quá đi sâu vào chi tiết. Thần học trong văn chương Khải thị tốt nhất nên được trình bày trong khuôn khổ thể loại này. Đúng đấy, nhưng trong hình thức biểu tượng.

} **“để khi nàng sinh thì ăn nuốt con của nàng.”** Con Trẻ ở đây là Đấng Mê-si-a được hứa Khải Huyền 12:5 Sa-tan muốn cản trở chương trình của Đức Chúa Trời ở mọi mức độ, từ cứu rỗi rộng mở cho nhân loại (giao ước vô điều kiện) tới tiếp nhận cá nhân bởi đức tin (giao ước có điều kiện) xem Ma-thi-ơ 13:19; II Cô-rin-tô 4:4).

**12:5 “Người phụ nữ sinh một con trai”** Đây có thể là điều liên tưởng tới Ê-sai 66:7 -8. Xin để ý Giảng chuyên nhanh từ sự nhập thể tới thời tận thế. Tất cả sự kiện giữa hai thời điểm này đều được ghi chép trong Phúc Âm,

chứ không trong Khải Huyền.

} **“con trai ấy sẽ dùng gậy sắt mà cai trị các dân tộc.”** Điều này gợi ý tới Thi Thiên 2:9 là Thi thiên tiên tri về Đấng Mê-si-a. Trong Khải Huyền 19:15, câu này nói về Đấng Mê-si-a còn trong Khải Huyền 2:26-27 ám chỉ về thánh đồ. Chúng ta thấy có một sự uyển chuyển giữa Đấng Mê-si-a - một nhân vật, và Hội Thánh, một cộng đồng tín đồ. Cũng vậy, “Bài Ca Người Đầy Tớ” trong Ê-sai (Trước nói về dân tộc I-sơ-ra-en “tôi tớ của Ta”, sau đó nói về Đấng Mê-si-a “Tôi Tớ Đức Chúa Trời”, xem Ê-sai 42:1-9,19; 49:1-7; 50:4-11; 52:13-53:12). Như Ác Quỷ bây giờ đang thống trị thế gian, Thủ Lãnh Mới đã tới và một ngày kia sẽ hoàn tất sự cai trị của Ngài.

} **“Nhưng con nàng được tiếp lên đến Đức Chúa Trời, tận ngai của Ngài.”** Một số người coi đây là sự thăng thiên của Đấng Christ. Nhưng chúng ta có thể hiểu sai, nếu giải thích đơn vị văn chương này, dựa theo đời sống thuộc thể của Chúa Giê-su một cách quá chi tiết và theo sát nghĩa đen. Giảng không thảo luận chi tiết về đời sống và sự chết trên trần thế của Chúa Giê-su trong Khải Huyền. Xét về thần học, Giảng di chuyển nhanh gọn từ nhập thể tới vinh hiển. Sự vinh hiển của Đấng Christ là tiêu điểm của Khải Huyền (xem 1:4-20). Phúc Âm trong Khải Huyền là ăn năn tội lỗi và dâng vinh quang cho Đức Chúa. Điều này không có nghĩa làm giảm giá trị trọng tâm của Chúa Giê-su, (xem 5:9,12; 7:14; 12:11), nhưng tập trung vào việc Chúa Giê-su đem tới Nước Trời đời đời, (xem I Cô-rin-tô 15:25-28); Nước Trời là Vương Quốc của cả Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con!

**12:6 “người phụ nữ thì chạy trốn vào hoang mạc”** Nhiều người coi đây là điều liên tưởng tới Xuất Hành, cũng như nhiều liên tưởng khác trong sách Khải Huyền. Thời gian đồng vắng là thời gian trắng mặt của I-sơ-ra-en và Đức Giê-hô-va – theo quan điểm của các thầy Ra-bi. Chúa cung ứng các nhu cầu và tương giao mật thiết với dân sự của Ngài.

} **“Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho nàng một chỗ”** Mặc dầu ngữ cảnh ám chỉ giai đoạn đồng vắng, y tưởng này cũng gợi ý những sự kiện lịch sử khác như:

1. Ê-li trú ẩn bên dòng suối Kê-rít, (xem I Các Vua 17:1-7)
2. Ê-li chạy trốn vào bán đảo Si-nai, (xem I Các Vua 19:1-14)
3. Bảy ngàn người trung tín chạy trốn trong hang động (xem I Các Vua 19:18)
4. Những người chạy trốn sự huỷ phá thành Giê-ru-sa-lem năm 70 SCN, (xem Ma-thi-ơ 24:15-20; Mác 13:12-18)

} **“một nghìn hai trăm sáu mươi ngày”** Đây là con số không xác định, nhưng ám chỉ một thời kỳ bất bớ, nhưng có giới hạn. Thời kỳ này tương tự ba năm rưỡi.

1. “một kỳ, hai kỳ, nửa kỳ” (xem Đa-ni-ên 7:25; 12:7; Khải Huyền 12:14)
2. “2,300 buổi tối và buổi sáng” (xem Đa-ni-ên 8:14)
3. “bốn mươi hai tháng” (xem Khải Huyền 11:2; 13:5); “1,260 days” (xem Khải Huyền 11:3; 12:6); “1,290 ngày” (xem Đa-ni-ên 12:11); và “1,335 ngày” (xem Đa-ni-ên 12:12).

Con số bảy là số toàn vẹn trong tư tưởng Hê-bơ-rơ, (xem Sáng Thế 1:1-2:3). Số sáu, tức bảy thiếu một, là biểu tượng của sự khiếm khuyết. Vậy con số 666 (xem Khải Huyền 13:17 -18) tượng trưng cho con người khiếm khuyết tốt hậu, tức là Kẻ Nghịch Đấng Christ, (xem II Tê-sa-lô-ni-ca 2). Cũng vậy đối với con số ba năm rưỡi, là biểu tượng khiếm khuyết, ở mức độ hạn chế, chỉ một phần của sự bất bớ toàn hảo, xem Chủ Đề Đặc Biệt: Bốn Mươi Hai Tháng ở câu 11:2.

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 12:7-10a**

<sup>7</sup>Lúc ấy có một trận chiến xảy ra ở trên trời: Mi-ca-ên và các thiên sứ của mình giao chiến với con rồng; con rồng với các sứ giả của nó cũng đánh trả. <sup>8</sup>Nhưng chúng không thắng được, và không còn tìm thấy chỗ của chúng ở trên trời nữa. <sup>9</sup>Con rồng lớn bị ném xuống, tức là con rắn xưa, được gọi là ma quỷ hay Sa-tan, kẻ lừa dối cả nhân loại. Nó đã bị ném xuống đất; các sứ giả của nó cũng bị ném xuống với nó.

<sup>10</sup>Tôi nghe trên trời có tiếng lớn nói rằng:

## 12:7 “một trận chiến xảy ra ở trên trời”

### Chủ Đề Đặc Biệt: CHIẾN TRẬN TRÊN TRỜI

#### special topic: war in heaven (Khải Huyền 12:7-9)

Có nhiều cuộc tranh luận cho đến ngày hôm nay về chủ đề này. Dường như Chúa Giê-su cũng nói đến trong Lu-ca 10:18 và Giăng 12:31. Nhưng tìm cách biết được thời điểm xảy ra thật là một điều hết sức khó khăn. Có thể:

1. trước Sáng Thế 1:1 (trước tạo hóa)
2. giữa Sáng Thế 1:1 và 1:2 (thuyết ‘khoảng trống’ (gap theory))
3. trong Cựu Ước, sau Gióp 1-2 (Sa-tan ở trên trời)
4. trong Cựu Ước, sau 1 Các Vua 22:21 (Sa-tan trong hội đồng thiên sứ)
5. trong Cựu Ước, sau Xa-cha-ri 3 (Sa-tan ở trên trời)
6. trong Cựu Ước, như trong Ê-sai 14:12; Ê-xê-chiên 28:15 và ngụ kinh II Enoch 29:4-5 (ẩn dụ các vị vua đồng phương)
7. trong Tân Ước, sau khi Chúa Giê-su bị cám dỗ (xem Ma-thi-ơ 4)
8. trong Tân Ước, trong chuyến truyền giáo của 70 môn đồ. Sa-tan rớt xuống như sao sa, xem Lu-ca 10:18)
9. trong Tân Ước, sau khi Chúa Giê-su vào thành Giê-ru-sa-lem. kẻ cai trị thế gian bị truyết phế, (xem Giăng 12:31)
10. trong Tân Ước, sau khi Chúa Giê-su phục sinh và thắng thiên (xem Ê-phê-sô 4:8; Cô-lô-sê 2:15)
11. kỳ Tận Thế, (xem Khải Huyền 12:7, (Có thể Sa-tan xông vào Thiên Đàng tìm giết Con Trẻ)

Chúng ta nên nhận thấy đây là một chiến trận đờ đờ giữa Đức Chúa Trời và ma quỷ. Chiến trận này sẽ đi đến cực điểm với sự thất bại tuyệt đối của Con Rồng Đỏ. Ác Quỷ sẽ bị loại bỏ và giam lại, xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự sa xuống của Sa-tan và thiên sứ theo hắn, ở câu Khải Huyền 12:4

} **“Mi-ca-ên”** Một trong hai thiên sứ có tên nêu ra trong Kinh Thánh, (ví dụ Michael, Gabriel). Đây là thiên sứ bảo trợ cho I-so-ra-en trong Đa-ni-ên 10:13,21 và 12:1. Thiên sứ này còn được gọi là thiên sứ trưởng trong Giu-đe 9. Mi-ca-ên có nghĩa là ‘Ai được như Đức Chúa Trời’. Có người nghĩ đây là Đấng Christ, nhưng có lẽ họ đi quá đà trong suy diễn. Đức Chúa Trời không hề nể sợ Ác Quỷ. Kinh Thánh không miêu tả cuộc thi đấu tay đôi tương xứng, như quan điểm của các thần thoại như ‘Hỏa giáo’ của dân Ba-tư (I-iran). Đức Chúa Trời hạ bệ Quỷ Vương bằng một thiên sứ của Ngài, (mặc dầu trong thực tế, bằng công việc cứu chuộc của Đấng Christ)

Trong ẩn dụ pháp lý, Mi-ca-ên là luật sư biện hộ, trong khi Sa-tan là luật sư công tố và Đức Giê-hô-va là Thẩm Phán. Mi-ca-ên thắng kiện bởi:

1. Sự hy sinh chuộc tội, sự phục sinh và thắng thiên của Đấng Christ, (xem 12:16)
2. Sự trung tín của Hội Thánh, (xem 12:11b)
3. Sự bền đỗ của Hội Thánh, (xem 12:11c)

} **“con rồng với các sứ giả của nó cũng đánh trả”** Theo Kinh Thánh, không ai biết chính xác các thiên sứ của Sa-tan là ai. Có người cho đây là ma quỷ (xem Ma-thi-ơ 25:41; Ê-phê-sô 6:10ff). Có câu hỏi không bao giờ được trả lời thỏa mãn về các thiên sứ bị giam cầm trong Ta-ta-rút (Tartarus) (xem II Phi-ê-rơ 2:4) và về thiên sứ (bị trói ở Sông Ô-pha-rát) trong Khải Huyền 9:14. Nhiều cuộc xung đột trong thế giới thiên sứ sẽ không bao giờ được giải thích, (xem Đa-ni-ên 10).

Lại có những tranh luận về mối liên hệ giữa thiên sứ sa ngã trong Cựu Ước và ma quỷ trong Tân Ước. Kinh Thánh cũng yên lặng. Văn chương khai thị giữa hai Giao ước (đặc biệt ngụ kinh I Enoch) khẳng định có dòng dõi nửa người nửa thiên sứ trong Sáng Thế 6:1-4 chính là ma quỷ trong Tân Ước. Tuy đây là sự suy diễn, nhưng bày tỏ quan điểm thịnh hành trong thế kỷ thứ nhất.

‘Đánh trả’ - động từ thì quá khứ, lối vô định (aorist infinitive) có vẻ không thích hợp với ngữ cảnh. Có thể đây là ‘phải đánh lại’ theo phong cách xê-mít (nhóm người Trung Cận Đông, trong đó có Hê-bơ-rơ) - (xem *The Expositor’s Bible commentary*, tập. 12, “Revelation” của ông Giôn-son (Alan Johnson), trang. 519, ghi chú #7. Tác giả này là một trong những nhà giả kinh mà tôi yêu thích).

**12:8** Đây là câu đầu tiên trong một loạt lời khích lệ đối với Hội Thánh bị bắt bớ trong thế kỷ thứ nhất và sau đó, câu 8,11,14. Sa-tan đã bị thất bại hai lần, lần đầu khi tìm giết Con Trẻ, (câu 4), lần hai khi tấn công Thiên Cung với Ngai của Đức Chúa Trời, (câu 7-9). Còn một lần nữa khi tìm cách xóa sổ dân thánh thời Tận Thế.

} **“không còn tìm thấy chỗ của chúng ở trên trời nữa”** Điều này gợi ý việc Sa-tan còn ở trên trời thêm một giai đoạn, (xem Gióp 1-2; Xa-cha-ri 3; and I Các Vua 22:21). Xin để ý đại từ số nhiều ‘chúng’, chứng tỏ một liên binh thiên sứ với Sa-tan.

**12:9 “Con rồng lớn bị ném xuống, tức là con rắn xưa, được gọi là ma quỷ hay Sa-tan”** Ở đây và ở trong Khải Huyền 20:2 (xem Ngụy kinh The Wisdom of Solomon 2:24), là hai nơi duy nhất liên hệ Sa-tan với con rắn trong Sáng Thế 3 và II Cô-rin-tô 11:3. Thuật ngữ ‘ma quỷ’ có nghĩa ‘kẻ vu khống’ trong tiếng Hy-lạp và ‘kẻ thù’ trong tiếng Hê-bơ-rơ, (xem II Sa-mu-ên 19:22; I Các Vua 11:14). Cả hai danh hiệu đều nhấn mạnh vai trò kẻ thù kiên cáo, tố tụng anh em (xem câu 10). Thuật ngữ “Sa-tan” trong Cựu Ước, (xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 12:3) thường không phải là tên riêng ngoài ba trường hợp (1) Gióp 1-2; (2) Xa-cha-ri 3:1-3; and (3) I Sử Ký 21:1. Để hiểu cạm từ bị ném xuống, xin xem ghi chú ở câu 12:4 và 7.

Personal evil / satan

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: HIỆN THÂN CỦA ĐIỀU ÁC**

Đây là một chủ đề khó, vì một số lý do:

1. Kinh Thánh Cựu ước không bày tỏ một kẻ thù đầu tiên của điều thiện, nhưng là một tội tở của Đức Giê-hô-va kẻ đã đưa ra một lựa chọn khác cho con người và tố cáo sự không công bình của họ.
2. Khải niệm hiện thân của một kẻ thù của Đức Chúa Trời phát triển trong các văn chương xuất hiện khoảng giữa hai giao ước (không được kinh điển) dưới ảnh hưởng của tôn giáo Ba-tư (Zoroastrianism). Điều này đến lượt nó lại ảnh hưởng lớn trên Do thái giáo.
3. Tân ước phát triển một số chủ đề Cựu ước một cách rất thẳng thắn nhưng có chọn lọc.

Nếu chúng ta tiếp cận vấn đề về điều ác từ cái nhìn của thần học Thánh kinh (theo mỗi sách hoặc trước già hoặc thể loại được nghiên cứu và sắp xếp riêng biệt), thì sẽ thấy có rất nhiều quan điểm về điều ác.

Tuy nhiên, nếu tiếp cận nó từ các tài liệu không phải là Kinh Thánh hoặc các tài liệu thêm vào Kinh Thánh từ các tôn giáo của thế giới hoặc tôn giáo Đông phương, thì chúng ta sẽ thấy sự phát triển Tân ước hầu hết bị bao trùm trong thuyết nhị nguyên của Ba-tư (Persian) và thuyết thông linh (spiritism) của thế giới Hy Lạp-La mã.

Nếu chúng ta chấp nhận thẩm quyền thiêng liêng của Kinh Thánh, thì sự phát triển trong Tân ước phải được xem như một sự mặc khải tiệm tiến (progressive revelation). Người Cơ đốc phải cảnh giác, không để cho những truyền thống dân gian của người Do thái hay các tác phẩm văn chương phương Tây (như Dante, Milton) định nghĩa thay cho họ các ý niệm Kinh Thánh. Rõ ràng rằng có một sự huyền bí và không rõ ràng trong lãnh vực khai thị này. Chúa quyết định không bày tỏ ra mọi khía cạnh của điều ác, xuất xứ, mục đích của nó, nhưng Ngài đã bày tỏ cho chúng ta biết rằng nó đã bị đánh bại!

Trong Cựu ước chữ Sa-tan hay kẻ kiên cáo có lẽ liên quan đến ba nhóm riêng biệt:

1. Những kẻ kiên cáo là con người (I Sa-mu-ên 29:4; II Sa-mu-ên 19:22; I Các vua 11:14, 23, 25; Thi Thiên 109:6)
2. Những kẻ kiên cáo là thiên sứ (Dân số ký 22:22-23; Xa-cha-ri 3:1)
3. Những kẻ kiên cáo là ma quỷ (I Sử ký 21:1; I Các Vua 22:21; Xa-cha-ri 13:2)

Chỉ có sau này trong thời kỳ giữa hai giao ước thì con rắn trong Sáng Thế 3 mới được cho là Sa-tan (Sách khôn ngoan 2:23-24; II Hê-nóc 31:3), và mãi sau này điều này mới trở thành một cách giải thích của các thầy ra-bi (*Sot* 9b và *Sanh.* 29a). Các “con trai của Đức Chúa Trời” trong Sáng Thế 6 trở thành các thiên sứ trong I Hê-nóc 54:6. Tôi đề cập đến điều này, không phải để khẳng định tính chính xác về mặt thần học của nó, nhưng chỉ để cho thấy tiến trình phát triển của nó. Khi vào trong Tân ước thì các hành động trong Cựu ước này thường được gán cho thiên thần ác, điều ác được nhân cách hóa (Sa tan) trong II Cô-rinh-tô 11:3; Khải huyền 12:9.

Nguồn gốc điều ác được nhân cách hóa thật khó, thậm chí không thể xác định rõ ràng được (tùy theo quan điểm của bạn) từ Cựu ước. Nguyên do là bởi tính độc thần rất mạnh của Y-sơ-ra-ên (I Các Vua 22:20-22; Truyền

đạo 7:14; Ê-sai 45:7; A-môt 3:6). Mọi nguyên nhân đều thuộc về Đức Giê-hô-va để chỉ sự độc nhất và cao cả nhất của Ngài (Ê-sai 43:11; 44:6, 8, 24; 45:5-6, 14, 18, 21, 22).

Một số nguồn thông tin có được thường tập trung vào (1) Gióp 1-2 ở đây Sa-tan là một trong những “con trai Đức Chúa Trời” (tức là thiên thần) hoặc là (2) Ê-sai 14; Ê-xê-chi-ên 28 là nơi các vua kiêu căng vùng Cận đông (Ba-by-lôn và Ty-rơ) được dùng để minh họa sự kiêu ngạo của Sa-tan (I Ti-mô-thê 3:6). Tôi có những cảm xúc lẫn lộn về cách tiếp cận này. Ê-xê-chi-ên dùng hình ảnh Vườn Ê-đen không những cho vua của Ty-rơ là Sa-tan (Ê-xê-chi-ên 28:12-16), nhưng ông cũng dùng hình ảnh này cho Vua của Ai-cập để chỉ cây biết điều thiện và điều ác (Ê-xê-chi-ên 31). Tuy vậy, Ê-sai 14, đặc biệt là câu 12-14, dường như mô tả sự nổi loạn của các thiên thần qua sự kiêu ngạo. Nếu Đức Chúa Trời muốn bày tỏ cho chúng ta biết bản chất và xuất xứ đặc biệt của Sa-tan qua những câu này, thì Ngài đã đặt nó ở một chỗ không rõ ràng và đề cập đến một cách rất gián tiếp. Chúng ta cần phải cảnh giác không theo xu hướng của thần học hệ thống gom góp một số câu ít ỏi, lơ mơ từ cả hai giao ước, các tác giả, sách vở, các thể loại văn chương khác nhau và kết hợp chúng lại thành những miếng xếp hình có vẻ thiêng liêng và được ráp lại không rõ ràng

Học giả Alfred Edersheim (*The Life and Times of Jesus the Messiah*, tập 2, phụ lục XIII [trang 748-763]) và XVI [trang 770-776]) cho rằng Do thái giáo đã bị ảnh hưởng quá mức của thuyết nhị nguyên Ba-tư và các suy đoán về ma quỷ. Các thầy ra-bi không phải là nguồn đáng tin cậy trong lãnh vực này. Chúa Jê-sus đã hoàn toàn tách xa khỏi các lời dạy của các thầy ra-bi trong các nhà hội. Tôi nghĩ rằng khái niệm trung gian và chống đối của các thiên thần theo các thầy ra-bi qua việc ban luật Môi-se trên núi Si-nai đã mở đường cho khái niệm cho rằng trong giới thiên thần có một kẻ thù của Đức Giê-hô-va và con người. Hai vị thần cao cả của thuyết nhị nguyên của người I-ran (Zoroastrian) là *Ahkiman* và *Ormaza*, thiện và ác, và thuyết nhị nguyên này đã phát triển thành quan điểm nhị nguyên có giới hạn trong Do thái giáo giữa Đức Giê-hô-va và Sa-tan.

Chắc chắn là có một sự mặc khải tiệm tiến trong Tân ước về sự phát triển của khái niệm điều ác, nhưng không quá chi tiết như các thầy ra-bi tuyên bố. Một ví dụ điển hình cho sự khác biệt này là “cuộc chiến trên thiên đàng.” Sự sa ngã của Sa-tan cũng chỉ là một điều cần phải có theo cách lô-gích, nhưng chúng ta không có các chi tiết của sự kiện này. Ngay cả những điều được cho biết thì chỉ được thấy qua bức màn của thể loại văn chương lai thể (apocalyptic genre) (Khải huyền 12:4, 7, 12-13). Mặc dù Sa-tan bị đánh bại và bị đày xuống trần gian này, nó vẫn có chức năng như một dây tổ của Đức Giê-hô-va (Ma-thi-ơ 4:1; Lu-ca 22:31-32; I Cô-rinh-tô 5:5; I Ti-mô-thê 1:20).

Chúng ta phải ngăn chặn sự tò mò của chúng ta trong lãnh vực này. Có một quyền lực hiện thân của sự cám dỗ và gian ác, nhưng cũng có một và chỉ một Đức Chúa Trời và con người phải chịu trách nhiệm đối với những điều mình chọn lựa. Có một trận chiến thuộc linh cả trước và sau sự cứu rỗi. Sự chiến thắng chỉ có thể đến và tồn tại trong và qua Đức Chúa Trời Ba ngôi. Sự ác đã bị đánh bại và sẽ bị loại bỏ!

} **“kẻ lừa dối cả nhân loại”** – Đây là sứ mạng của Ác Quỷ. Như Phúc Âm mang tính chất mở rộng, (xem Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:47; Công Vụ 1:8), sự lừa dối cũng bao gồm cả thế gian. Một cuốn sách tốt nhất nói về quá trình biến đổi của Sa-tan, từ tội tở trở nên kẻ thù, là cuốn *A Theology of the Old Testament* của ông Đa-vít-son (A. B. Davidson), trang. 300-306. Sứ mạng Sa-tan cũng được miêu tả trong II Cô-rin-tô 4:4; I Phi-ê-rơ 5:8; Khải Huyền 13:14; 19:20; 20:3,8,10; II Giăng 7. Khó có thể tưởng tượng được Sa-tan đã có thời từng là tội tở của Đức Chúa Trời, nhưng xin quý vị hãy so sánh hai câu sau II Sa-mu-ên 24:1; I Sứ Ký 21:1.

} **“Nó đã bị ném xuống đất”** Thuật ngữ “ném xuống” được sử dụng vài lần trong phân đoạn này, nó cũng được xuất hiện trong 19:20; 20:3,10,14,15 đồng thời liên tưởng tới Ê-sai 14:12 hoặc Lu-ca 10:18; và có thể Giăng 12:31 nữa. Trần gian trở nên cõi lộng hành của Sa-tan. Xin xem ghi chú về sự sa xuống của Sa-tan trong câu 12:4 và 7.

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 12:10b-12**

**“Bây giờ sự cứu rỗi, quyền năng,**

**Vương quốc của Đức Chúa Trời chúng ta,**

**Và thẩm quyền Đấng Christ của Ngài đã đến,**

**Vì kẻ tố cáo anh em chúng ta, ngày đêm tố cáo họ trước mặt Đức Chúa Trời,  
Đã bị ném xuống rồi.**

**<sup>11</sup>Họ đã chiến thắng nó nhờ huyết Chiên Con,  
Và nhờ lời làm chứng của họ;**

**Họ chẳng tiếc sự sống của mình cho đến chết.**

**<sup>12</sup>Vì vậy, hỡi các tầng trời, và những người ở trong đó,  
Hãy vui mừng đi!**

**Nhưng khôn thay cho đất và biển,**

**Vì ma quỷ biết thì giờ của nó không còn bao lâu,**

**Nên giận hoảng mà xuống với các người.”**

**12:10b-12** Đây là sứ điệp vang dội từ Thiên Đàng

**12:10 “Bây giờ sự cứu rỗi, quyền năng,  
Vương quốc của Đức Chúa Trời chúng ta,  
Và thẩm quyền Đấng Christ của Ngài đã đến,**

Về mặt văn chương sứ điệp này cũng tương tự, như sứ điệp trong câu 11:15-18. Tận thế đã đến và Đức Chúa Trời đã thắng. Đây là lời khích lệ đối với tín đồ chịu bất cứ khổ liệt, đối diện với cái chết từ đạo.

} **“Vì kẻ tố cáo anh em chúng ta,”** Cụm từ ‘anh em chúng ta’ chứng tỏ người nói trong câu 10 không phải là thiên sứ, nhưng một tín đồ, có thể một trong những người từ đạo từ Khải Huyền 6:9-11.

‘Kẻ tố cáo’ trong tiếng Hê-bơ-ơ là Sa-tan. Vai trò tố tụng của hắn được thấy trong Gióp 1:9-11 and Xa-cha-ri 3:1.

} **“ngày đêm tố cáo họ trước mặt Đức Chúa Trời”** Mặc dù đã bị đuổi khỏi Thiên Đàng, Sa-tan vẫn tiếp tục tố cáo những người trung tín trước mặt Đức Chúa Trời. Ở đây có sự uyển chuyển trong thể văn chương Khải thị: Sa-tan bị mất quyền nhưng vẫn năng động (trong sự hạn chế cho phép bởi Đức Chúa Trời xem Gióp 1-2).

**12:11 “Họ đã chiến thắng nó nhờ huyết Chiên Con,  
Và nhờ lời làm chứng của họ;”**

Sự chiến thắng đạt được nhờ sự chuộc tội qua Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời, (xem 1:5; 7:14; I Phi-ê-ơ 1:18-19; I Giăng 1:7). Sự chuộc tội liên hệ tới cả

1. Ân điển của Đức Chúa Trời qua sự chết thế của Đấng Christ, (xem Mác 10:45; II Cô-rin-tô 5:21)
2. Đức tin của tín đồ, qua sự xưng nhận và nếp sống mới (xem 6:9; Mác 1:15; Giăng 1:12; 3:16; Công Vụ 3:16,19; 20:21)

Câu này được lặp lại ở câu 14:12. Ngoài ra còn có sự giống nhau ở câu 11 và 17. Câu 11 dường như ám chỉ sự cứu rỗi, còn câu 17 về sự trưởng thành và bền đỗ của tín đồ. Đấng Christ đã chiến thắng tại cây Thập Tự trên đồi Can-vê, chứ không trong Thiên-Hỷ-Niên (Ngàn Năm Hoan Hỷ).

**Họ chẳng tiếc sự sống của mình cho đến chết.**

**NASB “Họ chẳng quý sự sống mình dù phải chết”**

**NKJV “và họ chẳng quý cuộc sống cho đến chết”**

**NRSV “họ chẳng bầu vùi sự sống dù đối diện sự chết.”**

**TEV “họ sẵn lòng từ bỏ cuộc sống và chịu chết”**

**NJB “vì ngay khi đối diện sự chết họ chẳng bầu vùi sự sống”**

Trong thế kỷ thứ nhất và trong tất cả các giai đoạn lịch sử, các tín đồ và gia đình họ phải đối diện với sự chết khủng khiếp. Họ được đóng dấu để tránh khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, nhưng vẫn phải trải qua sự tàn bạo của người vô đạo. Đức tin của họ nơi Đấng Sống còn mạnh hơn nỗi đe dọa của sự chết (xem 2:10; Mác 8:35; 13:13; Lu-ca 14:26; Giăng 12:25).



**12:12 Vì vậy, hỡi các tầng trời, và những người ở trong đó,** ‘hỡi’ - mệnh lệnh thức, trung cách, thì hiện tại, (xem 18:20). Đây là sự liên tưởng tới Thi Thiên 96:11 hoặc Ê-sai 49:13. Sa-tan bị ném ra, đó là niềm vui mừng của Thiên Đàng, đồng thời là nỗi khốn nạn cho trần thế!

“Các tầng trời” trong số nhiều, mang ý nghĩa từ Cựu Ước (1) các tầng khí quyển, (2) Vương Quốc nơi Đức Chúa Trời ngự trị. Khả năng thứ hai hợp với ngữ cảnh hơn.

Thuật ngữ ‘Ở’ (NASB, NKJV, NRSV) hay “sống trong” (TEV, NJB) được đến từ gốc từ “cắm trại”, ám chỉ sự sống vĩnh hằng với Đức Chúa Trời, (xem 7:15; 12:12; 13:6; 21:3 và với Đấng Christ Giáng 1:14).

} **Nên giận hoảng**” xem ghi chú ở câu 7:14.

} **“Vì ma quỷ biết thì giờ của nó không còn bao lâu”** Đây dường như nói về giai đoạn giữa Đấng Christ thăng thiên (xem Công Vụ 1:9-11) và Tái Lâm, mà các tín đồ trong thế kỷ thứ nhất coi là “thì giờ không còn bao lâu”. Trong suốt 2000 năm qua, mỗi thế hệ đều hy vọng vào sự Tái Lâm kế cận, mặc dầu cũng có lời cảnh báo về sự trì hoãn, xem II Tê-sa-lô-ni-ca and Ma-thi-ơ 24:45-51. Xin quý vị hãy cẩn thận, đừng để sự trì hoãn là giảm đức tin của mình (xem II Phi-ê-rơ 3:3-4).

**Chủ Đề Đặc Biệt: “Sự Tái Lâm kế cận” so với “Sự Tái Lâm trì hoãn”. (nghịch lý Tân Ước)**

special topic: the any-moment return of Jesus vs. the not yet (NT paradox)

A. Những phân đoạn liên hệ tới Tận Thế trong Tân Ước phản ánh tiên tri Cựu Ước về thời kỳ sau rốt trong sự kiện đương thời.

B. Ma-thi-ơ 24, Mác 13, và Lu-ca 21 rất khó giải thích vì nó trả lời cho vài câu hỏi được hỏi cùng lúc:

1. Khi nào Đền Thờ sẽ bị phá hủy?
2. Điều gì báo hiệu Đấng Mê-si-a sẽ quay lại?
3. Khi nào sẽ kết thúc Kỷ Nguyên Này, Ma-thi-ơ 24:3)?

C. Thể loại Tận Thế trong Tân Ước phối hợp văn chương khái thị và tiên tri, khó hiểu và mang tính biểu tượng rất cao một cách có có dụng ý (xem San-đi (D. Brent Sandy), Ploswhares and Pruning Hooks: Rethinking the Language of Biblical Prophecy and Apocalyptic).

D. Có vài phân đoạn nói về sự Tái Lâm (xem Ma-thi-ơ 24, Mác 13, Lu-ca 17 and 21, 1 and 2 Tê-sa-lô-ni-ca and Khải Huyền ) nhấn mạnh những điểm sau:

1. Thời điểm của sự kiện không thể biết, nhưng chắc chắn sẽ xảy ra
2. Chúng ta có thể biết dấu hiệu, nhưng không thể biết thời điểm cụ thể
3. Nó sẽ xảy ra một cách đột ngột.
4. Chúng ta phải cầu nguyện, chuẩn bị và trung tín trong sứ mạng được giao.

E. Có nghịch lý thần học giữa:

1. sự tái lâm kế cận (xem Lu-ca 12:40,46; 21:36; Ma-thi-ơ 24:27,44) và
2. Sự Tái lâm trì hoãn: một số sự kiện lịch sử phải xảy ra trước đó: (F. below)

F. Tân Ước thông báo một số sự kiện sẽ xảy ra trước sự Tái Lâm:

1. Phúc Âm phải được truyền giảng khắp thế gian, (xem Ma-thi-ơ 24:14; Mác 13:10)
2. Sự bội đạo nghiêm trọng (xem Ma-thi-ơ 24:10-13, 21; 1 Ti-mô-thê 4:1; 2 Ti-mô-thê 3:1 và các câu sau đó; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:3)
3. Sự hiện ra của “người tội lỗi” (xem Đa-ni-ên 7:23-26; 9:24-27; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:3)
4. sự cất đi của Đấng đang cầm giữ (xem 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:6-7)
5. cơn phẫn hức của người Do-thái (xem Xa-cha-ri 12:10; Rô-ma 11)

G. Phân đoạn Lu-ca 17:26-37 không tương đồng với Mác, và có một phần tương đồng với Ma-thi-ơ 24:37-44.

Về sự Tái Lâm kế cận, xin tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Tái Lâm kế cận. ở câu Khải Huyền 1:3

Về sự Tái Lâm trì hoãn, xin tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Tái Lâm trì hoãn, phần F ở trên

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 12:13-17**

<sup>13</sup>Khi rồng thấy mình bị ném xuống đất thì đuổi theo người phụ nữ đã sinh con trai. <sup>14</sup>Nhưng người phụ nữ được ban cho đôi cánh đại bàng để bay đến chỗ của nàng trong hoang mạc, nơi nàng sẽ được nuôi dưỡng một thì, các thì, và nửa thì, tránh xa con rắn. <sup>15</sup>Con rắn phun nước từ miệng ra như sông đàng sau người phụ nữ để cuốn nàng đi. <sup>16</sup>Nhưng đất tiếp cứu người phụ nữ bằng cách há miệng ra và nuốt dòng sông mà con rồng đã phun ra từ miệng nó. <sup>17</sup>Con rồng nổi giận với người phụ nữ và đi giao chiến với phần còn lại của dòng dõi nàng, là những người vâng giữ các điều răn của Đức Chúa Trời và có lời chứng của Đức Chúa Jêsus. <sup>18</sup>Rồi con rồng đứng trên bãi cát của biển.

**12:13 “người phụ nữ”** Có thể ‘Người Nữ’ tiêu biểu cho cộng đồng các tín đồ thời Cựu Ước, nay bao gồm cả con dân Đức Chúa Trời thời Tân Ước (xem câu 17; 13:7). Trong cuốn *Word Pictures in the New Testament*, tập 6, ông A. T. Robertson gọi ‘Người Nữ’ là I-sơ-ra-en chân thật trên thế gian” (p. 395).

**12:14 “Nhưng người phụ nữ được ban cho đôi cánh đại bàng”** Cánh đại bàng là biểu tượng cho sự bảo vệ và cung ứng của Đức Chúa Trời (xem Xuất Hành 19:4; Phục Truyền 32:11; Thi Thiên 36:7; 57:1; 63:7; 90:1,4; and Ê-sai 40:31). Điều này gợi ý tới một cuộc Xuất Hành mới.

} **“để bay đến chỗ của nàng trong hoang mạc”** Đồng vắng dường như là nơi Đức Chúa Trời bảo vệ con dân Ngài, liên tưởng đến thời kỳ lang thang trong sa mạc của I-sơ-ra-en, (xem câu 6). Đây là câu khích lệ đối với hội thánh bị bắt bớ.

} **“một thì, các thì, và nửa thì”** sự liên tưởng tới Đa-ni-ên 7:25; 12:7. Xin xem ghi chú ở các câu 11:2 và 12:6.

**12:15 “Con rắn phun nước từ miệng”** Không có chuyện rắn phun nước trong Cựu Ước, nhưng có thể là ẩn dụ liên hệ tới cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời trong Ô-sê 5:10, hoặc ẩn dụ về giai đoạn áp lực và đau đớn như được miêu tả trong Thi Thiên 18:4; 124:4-5. Xét về các hình ảnh khai thị có nhiều trong chương 12, liên hệ tới nguồn thần thoại Trung Cận Đông, chuyện rồng phun nước có thể ám chỉ tình trạng hỗn loạn của nước, sự xung khắc nguyên thủy của thiện, ác, của trật tự và lộn xộn.

Có chuyện thiên nhiên giúp Ba-rắc và Đê-bô-ra trong chiến trận chống dân thành Hát-xô Ca-na-an: (1) mưa dầm xe chiến xa của kẻ thù (xem Quan Xét 5:4) và (2) các vì sao (có thể là thiên binh) đánh tướng Sê-i-ơ (xem Quan Xét 5:20).

**12:17 “. . .đi giao chiến với phần còn lại của dòng dõi nàng”** Ác Quỷ tìm cách phá hoại cộng đồng dân của Đấng Mê-si-a bằng cách

1. Giết Đấng Mê-si-a
2. Phá hoại hội thánh mẹ (HT nguyên thủy)
3. bắt bớ tín đồ của Đấng Mê-si-a.

Cụm chữ “giao chiến” là ẩn dụ về cuộc giằng co đối nghịch mang tính thuộc linh, chính trị, kinh tế. Đây là sự liên tưởng tới Đa-ni-ên 7:21 (xem 11:7; 13:7). Sự bắt bớ là bằng chứng đắc thắng của hội thánh qua Đấng Christ, (xem Phi-líp 1:28).

## CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát

1. Hay giải thích nội dung của kèn thứ bảy.
2. Vì sao khai thị Hòm Giao Ước là điều khích lệ đối với hội thánh thế kỷ thứ nhất.
3. Ai là Người Nữ trong Khải Huyền 12?
4. Trận chiến trên trời xảy ra ở thời điểm nào?
5. Làm sao các thiên sứ của Sa-tan liên hệ tới ma quỷ, tà linh trong Tân Ước ?
6. Câu “một kỳ, hai kỳ và nửa kỳ” có ý nghĩa gì?
7. Phân đoạn này khích lệ tín đồ bị bắt bớ trong thế kỷ đầu tiên như thế nào?

## KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN HỆ TỚI KHẢI HUYỀN 13:1-18

- A. Chương 13, là phần phát triển của hình ảnh trong đoạn 12:13-17.
- B. Bối cảnh Cựu Ước của chương này là Đa-ni-ên 7. Cả bốn con thú được kết hợp lại thành một trật tự toàn cầu, tối hậu, chống nghịch Đức Chúa Trời thời Tận Thế.
- C. Đạo thờ hoàng đế trong thế kỷ thứ nhất là sự ứng nghiệm lịch sử về con thú thứ nhất, và sẽ được tái nghiệm trong thời cuối cùng về Đại Ác Nhân, Kẻ Nghịch Đấng Christ, (xem II Tê-sa-lô-ni-ca 2), và cái sừng nhỏ trong Đa-ni-ên 7 (xem 8,11,20,25), sẽ là vương quốc thứ tư, Rô-ma.
- D. Con thú có thể là:
  1. Một tà giáo bởi giáo huấn và giáo sư giả, (xem I Giăng 2:18,22; 4:3; II Giăng 7). Thuật ngữ này xuất hiện trong thể số nhiều và số ít, thì hiện tại và tương lai
  2. Một cá nhân, được minh họa bởi các ác nhân tiền bối trong lịch sử như An-ti-ô-chút, các hoàng đế La-mã, Hít-le), nhưng cường điệu hóa trong vai trò Tận Thế, xem II Tê-sa-lô-ni-ca 2:1-10).
- E. xem Chủ Đề Đặc Biệt: Chính Quyền Do Con Người.

(Human government)

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHÍNH QUYỀN DO CON NGƯỜI**

#### I. GIỚI THIỆU

- A. Định nghĩa - Chính quyền là con người tự tổ chức với nhau để cung ứng và bảo vệ các nhu cầu vật chất có thể nhận biết được
- B. Mục đích - Đức Chúa Trời đã bày tỏ ý chỉ cho thấy Ngài ưa sự trật tự hơn là sự vô chủ, hỗn loạn.
  1. Sự lập pháp theo luật Môi-se, đặc biệt là Mười điều răn, là ý chỉ của Đức Chúa Trời cho con người trong xã hội. Nó cân bằng sự thờ phượng và cuộc sống.
  2. Không một dạng thức hay cấu trúc chính quyền nào được hậu thuẫn bởi Kinh Thánh, mặc dù chế độ thần quyền của quốc gia Y-sơ-ra-ên cổ là hình thức được mong đợi nơi thiên đàng. Cơ đốc nhân phải hành xử cách phải lẽ trong bất kỳ một hệ thống chính quyền nào họ đang thuộc về. Mục đích của Cơ đốc nhân là truyền giảng và mục vụ, chứ không phải cách mạng.
- C. Nguồn gốc chính quyền:
  1. Công giáo La mã đã công nhận rằng một chính quyền thuộc con người là một nhu cầu nằm ngay trong

bản chất con người, ngay cả trước khi có sự sa ngã. Aristotle dường như cũng đồng ý với tiền đề này. Ông nói rằng “con người là một sinh vật chính trị” và qua đó ông muốn nói rằng chính quyền “hiện hữu để đẩy mạnh một cuộc sống tốt đẹp.”

2. Tin lành, đặc biệt là Martin Luther, khẳng định rằng chính quyền con người là điều nằm trong sự sa ngã. Ông gọi nó là “tay trái của vương quốc Đức Chúa Trời.” Ông nói rằng cách Đức Chúa Trời cai trị những người xấu là đặt họ dưới một quyền cai trị.”
3. Karl Marx khẳng định rằng chính quyền là phương tiện qua đó một số ít người thuộc tầng lớp quý tộc có thể điều khiển số đông quần chúng. Đối với ông, chính quyền và tôn giáo đóng vai trò như nhau.

## II. CÁC TÀI LIỆU THÁNH KINH

### A. Cựu ước

1. Y-sơ-ra-ên là một kiểu mẫu sẽ được sử dụng trên thiên đàng. Trong quốc gia Y-sơ-ra-ên cổ Đức Giê-hô-va là Vua. Chế độ thần quyền là từ dùng để diễn tả sự cai trị trực tiếp của Đức Chúa Trời (I Sa-mu-ên 8:4-9)
2. Chúng ta có thể nhận thấy quyền chủ tể của Đức Chúa Trời trên các chính quyền con người rất rõ ràng qua các câu Kinh Thánh sau:
  - a. Giê-rê-mi 27:6; E-xơ-ra 1:1
  - b. II Sứ ký 36:22
  - c. Ê-sai 44:28
  - d. Đa-ni-ên 2:21
  - e. Đa-ni-ên 2:44
  - f. Đa-ni-ên 4:17, 25
  - g. Đa-ni-ên 5:28
3. Con cái Chúa cần phải vâng phục và tôn trọng ngay cả những chính quyền đến xâm chiếm và chiếm đóng:
  - a. Đa-ni-ên 1-4, Nê-bu-cát-nét-sa
  - b. Đa-ni-ên 5, Bê-n-xát-xa
  - c. Đa-ni-ên 6, Đa-ri-út
  - d. E-xơ-ra và Nê-hê-mi
4. Con cái Chúa phải cầu nguyện cho các bậc có thẩm quyền
  - a. Giê-rê-mi 28:7
  - b. Mishnah, Avot. 3:2

### B. Tân ước

1. Chúa Jê-sus bày tỏ sự tôn trọng đối với chính quyền con người
  - a. Ma-thi-ơ 17:24-27, đóng thuế đền thờ
  - b. Ma-thi-ơ 22:15-22, ủng hộ việc đóng thuế cho La mã và vì vậy cũng ủng hộ chính quyền dân sự của La mã
  - c. Giăng 19:11, Đức Chúa Trời ban cho chính quyền thẩm quyền
2. Lời của Phao-lô liên quan đến chính quyền con người
  - a. Rô-ma 13:1-7, người tin Chúa phải vâng phục và cầu nguyện cho các bậc cầm quyền
  - b. I Ti-mô-thê 2:1-3, người tin Chúa phải cầu nguyện cho bậc cầm quyền
  - c. Tít 3:1, người tin Chúa phải vâng phục bậc cầm quyền
3. Lời của Phi-e-rơ liên quan đến chính quyền con người
  - a. Công-vụ 4:1-31; 5:29, Phi-e-rơ và Giăng trước tòa Công luận (ở đây cho thấy sự không vâng phục chính quyền)
  - b. I Phi-e-rơ 2:13-17, người tin Chúa phải vâng phục bậc cầm quyền
4. Lời của Giăng liên quan đến chính quyền con người  
Khải huyền 17, dâm phụ Ba-by-lôn đại diện cho chính quyền con người chống lại Đức Chúa Trời

## III. KẾT LUẬN

- A. Chính quyền con người được phong định bởi Đức Chúa Trời. Đây không phải là “quyền thiêng thượng của các Vua,” nhưng là vị trí định bởi Đức Chúa Trời cho các chính quyền. Không có một dạng chính quyền nào trên dạng nào.
- B. Người tin Chúa có trách nhiệm tôn giáo phải vâng theo thẩm quyền dân sự với một thái độ kính trọng đúng

đến.

- C. Ủng hộ chính quyền bằng việc trả thuế và cầu thay cho họ là việc phải lẽ của những người tin Chúa.
- D. Chính quyền con người được lập với mục đích giữ gìn trật tự. Họ là những quản gia của Đức Chúa Trời để làm công việc này.
- E. Chính quyền con người không phải là tối cao. Nó có giới hạn trong khuôn khổ quyền hạn của nó. Người tin Chúa phải hành xử theo lương tâm của mình và khước từ thẩm quyền thuộc về dân sự khi nó dẫm lên giới hạn được Chúa thiết lập. Như Augustine đã từng khẳng định trong quyển *The City of God*, chúng ta là công dân của hai vương quốc (lãnh vực), một vương quốc tạm thời và một vương quốc đời đời. Chúng ta có trách nhiệm với cả hai, nhưng vương quốc Đức Chúa Trời có tính tối hậu! Trách nhiệm của chúng ta với Đức Chúa Trời bao gồm cả sự tập trung cá nhân và tập thể.
- F. Chúng ta nên khuyến khích người tin Chúa trong hệ thống dân chủ tham gia tích cực trong các quá trình hình thành chính quyền và thực hiện chính quyền, nếu có thể được, theo lời dạy của Kinh Thánh.
- G. Sự thay đổi xã hội phải được tiên phong bằng sự biến đổi của cá nhân. Không có một sự trông cậy tối hậu thực sự nơi một chính quyền. Mọi chính quyền con người, cho dù được sử dụng và bởi ý chỉ của Đức Chúa Trời, đều là những thể hiện tội lỗi của một tổ chức con người ngoài Chúa. Khái niệm này được diễn tả bằng chữ “thế gian” trong cách dùng của sách Giăng. (ví dụ 1 Giăng 2:15-17).

## NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

### RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 13:1-6

<sup>1</sup>Sau đó, tôi thấy một con thú từ biển lên. Nó có mười sừng, bảy đầu; trên các sừng có mười mào miện, trên các đầu có danh hiệu phạm thượng. <sup>2</sup>Con thú tôi xem thấy giống con beo; chân như chân gấu, miệng như miệng sư tử. Con rồng đã ban cho nó quyền lực, ngai báu và thẩm quyền lớn. <sup>3</sup>Một trong những đầu của nó dường như bị trọng thương; nhưng vết thương đã được lành, và cả thế gian đều kinh ngạc mà đi theo con thú ấy. <sup>4</sup>Người ta thờ lạy con rồng vì nó đã ban thẩm quyền cho con thú. Họ cũng thờ lạy con thú và nói rằng: “Ai giống như con thú, ai có thể giao chiến với nó?”

<sup>5</sup>Con thú được ban cho cái miệng nói những lời ngạo mạn, phạm thượng; nó được phép thực thi quyền hạn trong bốn mươi hai tháng, <sup>6</sup>Nó mở miệng nói những lời xúc phạm đến Đức Chúa Trời, xúc phạm đến danh Ngài, đền tạm của Ngài và những người ở trên trời.

**13:1 “Rồi con rồng đứng trên bãi cát của biển.”** các bản anh ngữ NASB, NKJV và NJB bắt đầu chương 13 từ câu này (ví dụ 12:18), trong khi bản TEV kết thúc chương 12 trước đó.

Lại cũng có sự khác biệt giữa các nguyên bản, liên hệ tới chủ ngữ của động từ ‘đứng’ trong câu 12:18/13:1,

1. “nó đứng” nói về con rồng ở cuối chương 12 – theo sao bản MSS P<sup>47</sup>, !, A, C, (NASB, NRSV, TEV, REB, NET, NIV)

2. “Tôi đứng” nói về Giăng, ở đầu chương 13 – theo sao bản MSS P, 046, 051 (NKJV, NJB)

Thánh Kinh Liên Hội chọn khả năng thứ nhất, coi đây gần như chắc chắn (xếp hạng B).

‘Biển’ có thể là sự gợi ý từ Đa-ni-ên 7:2-3, là biểu tượng của

1. cả nhân loại (- biển người) (xem Ê-sai 17:12-13; 57:20; Khải Huyền 17:15)

2. thế lực của sự hỗn loạn, (xem Sáng Thế 1; Ê-sai 51:9-10)

} “Sau đó, tôi thấy một con thú từ biển lên” Một hoang thú, (xem 13:14,15; 15:2; 16:13; 15:8) xuất hiện không kèn trống (11:7) từ vực sâu (xem 17:8). Dường như ám chỉ Kẻ Nghịch Đấng Christ (I Giăng 2:18a,22; 4:3; II Giăng câu 7), cũng còn được gọi là “Đại Ác Nhân”, “Người Tội Lỗi” (II Tê-sa-lô-ni-ca 2:3). Sự miêu tả của Con Thú cũng tương tự như trong câu 12:3, 17:3,8.

Câu “từ biển lên” có thể có nghĩa là:

1. Theo nghĩa đen quái vật như Lê-via-than, hay Bê-hê-mốt, (câu 11), từ văn chương khai thị Do-thái giai đoạn giữa hai Giao ước

2. Theo Đa-ni-ên 7, thì Con Thú từ biển và Con thú từ đất là một, nhưng Giăng chia nó ra thành hai nhân vật thời Tận thế: Thủy Quái (câu 11) và Sơn Quái (câu 11)
3. Một biểu tượng của nhân loại tội lỗi (xem Khải Huyền 17:15, và 7:2-3; Ê-sai 17:12-13; 57:20)

Lý do có hai Con Thú trong chương 13 là (1) chương này theo sát Đa-ni-ên 7 và (2) chúng đại diện cho cả thế gian. Dường như hai Con Thú cộng với Sa-tan thành ‘Ba Ngôi Giả’.

} **“Nó có mười sừng, bảy đầu; trên các sừng có mười mào miện”** Nó không y hệt như con rồng, (xem 12:3), nhưng khá giống (xem 17:3,7-12). Mười sừng tượng trưng cho sự toàn quyền, bảy đầu tượng trưng cho điều ác tối hậu, và mười vương miện tượng trưng cho sự xưng vua trên các vua. Điều ác thường bắt chước điều thiện và đây là một trong những ví dụ sự bắt chước Đấng Christ.

} **“danh hiệu phạm thượng”** Các nguyên bản Hy-lạp khác nhau về số ‘danh hiệu’: “các danh hiệu” (số nhiều) trong các bản (MS A) (cho Anh ngữ NRSV, NJB) và “một danh hiệu” (số ít) trong các bản (MSS P<sup>47</sup>, I, C, P) (cho anh ngữ NKJV, TEV). Thánh Kinh Liên Hội thông thể quyết định khả năng nào đúng hơn. Rõ ràng đây là sự liên tưởng tới Đa-ni-ên 7:8,11,20,25 or 11:36. Các danh hiệu phạm thượng nối kết với (1) sự tự xưng mình là “Đấng Tối Cao”, (2) các danh ác khác (xem 17:3,5).

**13:2 “Con thú tôi xem thấy giống con beo; chân như chân gấu, miệng như miệng sư tử.”** Các con thú nói về các đế quốc trong Đa-ni-ên 7:4,5, nhưng ở đây kết hợp lại thành biểu tượng cho một hệ thống toàn cầu chống nghịch Đức Chúa Trời, được nhân cách hóa trong hình ảnh một nhân vật Tận Thế, (xem Đa-ni-ên 7:24).

} **“Con rồng đã ban cho nó quyền lực, ngai báu và thẩm quyền lớn.”** tương tự như II Tê-sa-lô-ni-ca 2:9, nói về quyền năng được cảm ứng bởi Sa-tan. Con Thú không phải là Sa-tan, nhưng là con người được tà linh siêu nhiên tác động, hoặc là sự nhập thể của Ác Quỷ, (xem các câu 4,12). Đây thêm một ví dụ về sự nhái lại Đấng Christ, (xem 5:6).

**13:3 “Một trong những đầu của nó dường như bị trọng thương”** Động tính từ thụ động thì hoàn thành ‘bị trọng thương’, về mặt cú pháp nói về sự giống Chiên Con trong câu 5:6. Đây lại là một ví dụ về sự nhái lại Đấng Christ trong hy sinh và phục sinh của Chúa Giê-su.

} **“nhưng vết thương đã được lành”** Phải chăng Sa-tan có quyền khiến người sống lại, hay chỉ lừa dối, giả tạo và nhái lại (xem 13:15)? Sa-tan nhái lại quyền năng của Đức Chúa Trời phục sinh Đấng Christ.

Về lịch sử, trong thế kỷ thứ nhất có lan truyền huyền hoại hoàng đế Nê-rô phục sinh (Nero redivivus), khẳng định người sống lại và dẫn một đạo binh lớn (Parthians từ phía đông) về tấn công thành Rô-ma, (xem *Sibylline Oracles*, books III-V).

} **“cả thế gian đều kinh ngạc mà đi theo con thú ấy”** Ác Quỷ không chỉ tham vọng quyền lực chính trị, nhưng ham muốn cả tín ngưỡng tôn giáo, câu 8. Sa-tan muốn được tôn thờ (xem 13:12; 14:9,11; 16:2; 19:20; Ma-thi-ơ 4:8-9), muốn “được như” Đức Chúa Trời, (xem Ê-sai 14:12-15). Điều này, theo suy diễn liên hệ tới con rắn trong Sáng Thế 3:5 và Ma-thi-ơ 4:9; Lu-ca 4:5-7.

} **““Ai giống như con thú”** Câu tuyên xưng này đến từ đâu? Có thể từ ba nguồn:

1. Sự nhái lại danh hiệu của Đức Giê-hô-va trong Xuất Hành 15:11; Thi Thiên 35:10; 113:4
2. Sự nhái lại Đức Giê-hô-va trong Ê-sai 40:18-22; 43:11; 44:6,8,9-20 45:6
3. Trưng dẫn về quái vật Lê-via-than, Be-hê-mốt từ trong văn chương khai thị Do-thái (một ví dụ trong Gióp 41, đặc biệt các câu 33-34)

**13:5** Câu 5-7 và 14-15 có vài động từ thụ động, ám chỉ các hành động này được Sa-tan điều khiển và cuối cùng là được Đức Chúa Trời cho phép, (xem Gióp ). Đức Chúa Trời sử dụng Sa-tan trong mục đích của Ngài. Ác Quỷ phơi bày động cơ mình qua lời nói và hành động.

} **“miệng nói những lời ngạo mạn, phạm thượng”** đây là điều liên tưởng tới:

1. “Con Thú” in Đa-ni-ên 7:8,11,20,25; 11:36
2. An-ti-ô-chút đệ tứ (Antiochus IV Epiphanes) trong Đa-ni-ên 8; ngụ ý kinh I Macc. 1:24
3. “Đại Ác Nhân” trong II Tê-sa-lô-ni-ca 2:4
4. Sự gớm ghiếc hoang tàn trong Ma-thi-ơ 24:15, nói về thành Giê-ru-sa-lem bị phá năm 70 SCN.

Đây là một ví dụ về sự thay đổi trọng tâm của phân đoạn qua lịch sử: Đa-ni-ên 8 nói về An-ti-ô-chút ở giai đoạn giữa hai Giao ước, còn Ma-thi-ơ 24 nói về sự hủy phá thành thánh năm 70, và Đa-ni-ên 7 (cũng có thể Khải Huyền 11:36-39) nói về hành động của Kẻ Nghịch Đấng Christ trong thời Tận Thế.

} **“thực thi quyền hạn trong bốn mươi hai tháng”** Một liên tưởng trực tiếp tới Đa-ni-ên 7:25 cũng được nhắc tới trong 11:2-3, ám chỉ giai đoạn bắt bớ, xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 11:2 và chi chú ở câu 12:6.

**13:6 “mở miệng nói những lời xúc phạm”** Đây có thể 2 hoặc 3 phần phạm thượng: chống lại Danh Chúa, Đền thờ Chúa và Hội Thánh, (còn phụ thuộc vào lời dịch của câu này từ tiếng Hy-lạp).

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 13:7-10**

<sup>7</sup>Nó được phép giao chiến với các thánh đồ và chiến thắng họ. Nó cũng được ban cho quyền hành trên các bộ tộc, các dân, các thú tiêng, và các nước. <sup>8</sup>Tất cả những người sống trên mặt đất sẽ thờ lạy nó, tức là những người không có tên ghi trong sách sự sống của Chiên Con đã bị giết từ buổi sáng thế. <sup>9</sup>Ai có tai, hãy lắng nghe!

<sup>10</sup>Nếu ai phải bị lưu đày,  
Người ấy sẽ đi lưu đày.

Nếu ai phải bị giết bằng gươm,  
Người ấy sẽ bị giết bằng gươm.

Đây là lòng kiên nhẫn và đức tin của các thánh đồ

**13:7 “Nó được phép giao chiến với các thánh đồ và chiến thắng họ”** “được phép” - động từ chỉ định thụ động thì quá khứ, ám chỉ Đức Chúa Trời cho phép điều này xảy ra. Chúng ta không hiểu hết mọi sự, nhưng rõ ràng là Đức Chúa Trời tể trị và điều hành lịch sử. Chiến tranh trên các thánh đồ được nhắc trong Đa-ni-ên 7:21,25, liên hệ tới sự chết thuộc thể của con dân Chúa. Có thời điểm mà kẻ thù tưởng như thắng cuộc (giống như sự kiện Thập Tự trên đồi Can-vê), nhưng Khải Huyền và Kinh Thánh cho biết sự thắng cuộc của hần không tồn tại bao lâu. Con dân của Đức Chúa Trời được bảo vệ khỏi cơn thịnh nộ từ Chúa, nhưng không khỏi sự khủng bố của Con Thú và thế gian. Đức Chúa Trời cho phép điều ác lộ hành để vạch trần bản ngã và ý định của nó.

} **“các thánh đồ”** xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 5:8.

} **“Nó cũng được ban cho quyền hành trên các bộ tộc, các dân, các thú tiêng, và các nước”** Phải chăng câu này ám chỉ: (1) Khải Huyền phải được giải kinh trong ý nghĩa toàn cầu, thay vì chỉ giới hạn tới đế quốc La-mã, hay (2) chỉ liên hệ tới toàn lãnh địa bên trong đế quốc La-mã?

**13:8 “Tất cả những người sống trên mặt đất”** Đây là câu lặp đi, lặp lại ám chỉ những người vô đạo trong Khải Huyền, (xem 3:10; 6:10; 8:13; 11:10; 13:8,12,14; 17:8).

} **“những người không có tên ghi trong sách sự sống của Chiên Con đã bị giết từ buổi sáng thế.”**

Về mặt cú pháp, khó có thể biết “từ buổi sáng thế” có điều gì: (1) “tên ghi trong sách” (xem RSV, NRSV, TEV, NJB and 17:8; Ê-phê-sô 1:4) hay (2) “Chiên Con bị giết” (xem KJV, NKJV and I Phi-e-rơ 1:19-20). Tuy nhiên, thứ tự của từ vựng trong câu này và trong IPhi-e-rơ 1:19-20 ám chỉ tên của các tín đồ được viết trong sách sự sống từ trước tạo hóa.

Cụm từ “buổi đầu sáng thế” được dùng vài lần trong Tân Ước, (xem Ma-thi-ơ 25:34; Giăng 17:24; Ê-phê-sô 1:4; I Phi-e-rơ 1:19-20), cũng gần giống các câu Ma-thi-ơ 13:35; Lu-ca 11:50; Hê-bơ-rơ 4:3; 9:26 và Khải Huyền 17:8. Sự kết hợp các câu này cho thấy công tác cứu chuộc của Đức Chúa Trời đã bắt đầu trước Tạo Hóa. Tín đồ được bảo đảm trong Đấng Christ, (xem 7:4; 11:1; 13:8). Điều ác bị hạn chế bởi Đức Chúa Trời (được thấy qua sự có mặt của các động từ thụ động và giới hạn thời gian). Hoàn cảnh có thể xấu trong một giai đoạn, nhưng chúng ta hãy nhìn ra bức tranh tổng quan.

} **“sách sự sống”** Từ 7:10 và Khải Huyền 20:11-15 chúng ta hiểu một cách ẩn dụ về định mệnh con người.

1. Sách Sự Sống, chứa đựng tên của những người biết Chúa một cách cá nhân (Cụm Ước), và tiếp nhận Đấng Christ (Tân Ước)[xem Xuất Hành 32:32-33; Thi Thiên 69:28; Đa-ni-ên 12:1; Ê-sai 4:3; 34:16; Lu-ca 10:20; Phi-líp 4:3; Hê-bơ-rơ 12:23; Khải Huyền 13:8; 17:8; 20:15; 21:27]
2. Sách Công Việc, ghi cả việc thiện và việc ác, (xem Thi Thiên 56:8; 139:16; Ê-sai 65:6; Ma-la-chi 3:16)

Đây chỉ là ẩn dụ, dùng để miêu tả khả năng Đức Chúa Trời biết ai là người của Chúa và áp đặt trách nhiệm lên những ai từ chối Ngài, (xem Ga-la-ti 6:7).

} **“Chiên Con đã bị giết”** xem ghi chú ở câu 5:12.

**13:9 “Ai có tai, hãy lắng nghe!”** Câu này được nhắc nhiều lần trong các bức thư tới 7 hội thánh, (xem 2:7,17; 3:6,13,22). Cũng như câu 9-10, là thể điều kiện hạng nhất: giả thiết những điều này đúng trong quan điểm của người nói, hoặc theo dụng ý của tác giả. Vì câu này hướng tới Hội Thánh, câu tiếp theo cũng liên quan tới con dân của Đức Chúa Trời.

**13:10 “Nếu ai phải bị lưu đày, Người ấy sẽ đi lưu đày. Nếu ai phải bị giết bằng gươm, Người ấy sẽ bị giết bằng gươm”**

Đây là điều liên tưởng tới Giê-rê-mi 15:2 hoặc 43:11, nói về sự phán xét của Đức Chúa Trời. Có một vài khác biệt giữa các nguyên bản Hy-lạp liên hệ tới động từ ‘giết’ khiến có sự khác biệt trong các bản dịch anh ngữ

1. Bản KJV và NKJV cho các câu này liên hệ tới dân của Chúa.
2. Bản RSV and NRSV cho câu trước liên hệ tới dân của Chúa và câu sau liên hệ tới những kẻ bắt bớ nghịch Đức Chúa Trời.
3. Khả năng giải kinh thứ ba liên hệ tới tín đồ cơ đốc bị bắt bớ. (bản TEV và NJB).

Có nhiều sự khác biệt như vậy gây cảm giá không chắc chắn. Chân lý là Đức Chúa Trời tể trị, nhưng câu hỏi được đặt ra: ai là đối tượng của câu này:

1. Cơ đốc nhân được khích lệ trung tín, (xem Ma-thi-ơ 26:52; Phi-líp 1:28)
2. Kẻ bắt bớ được nhắc nhở rằng sớm muộn họ sẽ chịu trách nhiệm trước Chúa về sự lựa chọn của mình?

} **Đây là lòng kiên nhẫn và đức tin của các thánh đồ**

NASB **“Đây là sự bền đỗ và đức tin của các thánh đồ.”**

NKJV **“Đây là sự nhịn nhục và đức tin của các thánh đồ.”**

NRSV **“Điều này kêu gọi trường tồn và đức tin của các thánh đồ.”**

TEV **“Điều này kêu gọi sự trường tồn và đức tin của con dân Chúa.”**

NJB **“Vì vậy các thánh đồ phải có sự bền đỗ và đức tin.”**

Câu 9 và phần cuối câu 10 nói về dân của Chúa, (xem Ma-thi-ơ 26:52). Câu này cũng miêu tả thể nào là tín



đồ thực sự, (xem 14:12; 12:11,17). Họ được khích lệ trung tín cho đến cùng, (xem 2:3,7,11,17,26; 3:5,12,21; 21:7). Sự bền đỗ là biểu hiện của sự cứu rỗi, (xem I Giăng 2:19), xem ghi chú và chủ đề đặc biệt ở câu 2:2

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 13:11-18**

<sup>11</sup>Tôi lại thấy một con thú khác từ đất lên. Nó có hai sừng như sừng chiên con, và nói như con rồng. <sup>12</sup>Nó thực thi tất cả quyền hành của con thú thứ nhất ngay trước mặt con thú ấy, và khiến đất cùng dân cư trên đất thờ lạy con thú thứ nhất, là con thú bị trọng thương được chữa lành. <sup>13</sup>Nó thực hiện những dấu lạ lớn, đến nỗi khiến lửa từ trời rơi xuống đất trước mặt người ta. <sup>14</sup>Nó lừa dối dân cư trên đất bằng những dấu lạ mà nó được phép làm trước mặt con thú; và bảo họ tạc tượng con thú đã bị thương bằng grom mà vẫn sống. <sup>15</sup>Nó cũng được phép ban hơi thở cho tượng con thú để tượng ấy nói được, và khiến bất cứ ai không thờ lạy tượng con thú ấy đều phải bị giết chết. <sup>16</sup>Nó cũng khiến mọi người, cả bé lẫn lớn, giàu lẫn nghèo, tự do lẫn nô lệ đều phải có một dấu trên tay phải hoặc trên trán, <sup>17</sup>để không ai có thể mua hay bán được nếu không có dấu ấy, tức là tên con thú hay số của tên nó.

<sup>18</sup>Trong trường hợp này cần có sự khôn ngoan. Ai là người hiểu biết hãy tính ra số của con thú, vì đó là con số tiêu biểu cho tên một người; số của nó là sáu trăm sáu mươi sáu.

**13:11 “Tôi lại thấy một con thú khác từ đất lên.”** Đây là sự liên tưởng tới Đa-ni-ên 7:17. Nhiều người coi hai Con Thú là sự nhái lại hai Nhân Chứng (11:13-14), và nhiều người khác lại nghĩ hai Con Thú cùng với Sa-tan thiết lập “Ba Ngôi giả”.

Cũng như Con Thú từ biển liên tưởng tới Lê-vi-a-than, tượng trưng cho sự hỗn loạn của nước, Con thú từ đất, liên tưởng tới Bê-hê-mốt, một quái vật thần thoại phương đông, chứ không phải con khủng long (xem Gióp 41:1-34), the (xem Gióp 40:15-24).

Những con thú này là biểu tượng của điều ác, hỗn loạn và phản nghịch trong tạo hóa, (xem Thi Thiên 74:12-14; Gióp . 3:8; Ê-sai 51:9-11; A-mốt 9:3). Nhiều khi Lê-vi-a-than còn được gọi là con Ra-háp (nghĩa ngoằn ngoèn như con rắn), Ê-sai 51:9. Ra-háp cũng lại là danh hiệu của Ai-cập, (với sông Nin ngoằn ngoèn, xem Thi Thiên 87:4; Ê-sai 30:7 và có thể Ê-xê-chiên 32, đặc biệt các câu. 2-3).

} **“Nó có hai sừng như sừng chiên con, và nói như con rồng”** Đặc điểm giống con chiên là điều nhái lại Đấng Christ, (xem 5:6). Lời nói và sứ điệp của nhân vật này phơi bày bản ngã thực của hắn. Trong phần sau của Khải Huyền, Con Thú thứ hai luôn liên hệ tới tiên tri giả, (xem 16:13; 19:20; 20:10). Hắn không tìm kiếm vinh quang cho mình, nhưng kêu gọi thế gian thờ lạy Con Thú thứ nhất. Đây là sự nhái lại công việc của Đức Thánh Linh (xem Giăng 14-16) quảng bá Đấng Christ. Chúng ta thấy Bộ Ba bất thánh ở đây:

1. Sa-tan nhái lại Đức Chúa Cha
2. Con Thú từ biển nhái lại Đức Chúa Con
3. Con Thú từ đất nhái lại Đức Thánh Linh.

**13:13 “Nó thực hiện những dấu lạ lớn”** Đây là động từ thì hiện tại, ám chỉ Con Thú thứ hai luôn tiếp tục thực hiện phép lạ. Các giáo sư giả thời Tận Thế cũng thực hiện dấu kỳ để lừa cả những người được chọn, nếu có thể, (xem Ma-thi-ơ 24:24; Mác 13:22; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:9-11; Ngụy kinh:the Didache 16:3,4). Phép lạ dấu kỳ không nhất thiết đến từ Đức Chúa Trời, (xem Xuất Hành 7:8-13). Đây lại là sự nhái lại công vụ Đấng Christ.

} **“đến nỗi khiến lửa từ trời rơi xuống đất trước mặt người ta”** Tương tự câu chuyện về Ê-li trong I Các Vua 18:38. Ê-li cũng là người cung cấp hình ảnh cho hai Chứng Nhân trong 11:5. Cũng có thể nói về lửa phán xét của Đức Chúa Trời từ trời giáng xuống như trong Ê-xê-chiên 38:22 or 39:6. Đây có thể là một sự bất chúc:

1. Hai nhân chứng
2. Hành động của Đức Chúa Trời

3. sự kiện trong lễ Ngũ tuần, Công Vụ 2

**13:14 “con thú đã bị thương bằng gươm mà vẫn sống.”** Thuật ngữ ‘bị thương’ (*pl’ge*, xem 13:3,12,14) thường được dịch ‘tai họa’ trong Khải Huyền, (xem 9:18,20; 11:6; 15:1,6,8; 16:9,21; 18:4,8; 21:9; 22:18). Chú thích cuối trang của bản NRSV có

1. câu 3 “tai họa của sự chết”
2. câu 12 “tai họa của sự chết của nó”
3. câu 14 “nó nhận được tai họa bởi gươm”

Dụng ý thần học muốn chỉ ra rằng Kẻ Nghịch Đấng Christ không phải là một nhân vật, nhưng là một hệ thống thế gian. Thuật ngữ được dùng một cách ẩn dụ ở đây nói về “đòn giáng chí mạng”, “trọng thương”, “tai họa” (xem BAGD, p. 674), tuy ý nghĩa đòi thường chỉ là vết thương từ một lần roi.

Câu tiếp đó: ‘mà vẫn sống’ khiến thuật ngữ ‘tai họa’ được dịch không chính xác trong các câu liên hệ tới con thú. Ý chính là trong thời Tận Thế, Kẻ Nghịch Đấng Christ lãnh đạo các dân tộc phẫn nghịch chống Đức Chúa Trời, như đã được tiên tri trong Ê-xê-chiên 38-39; Xa-cha-ri 14; Đa-ni-ên 7:21-27; 9:24 -27; 11:36-39, II Tê-sa-lô-ni-ca 2:3,8-9 và nguy kinh văn chương Khải thị thời giữa hai Giao Ước. Sibylline Oracles, book III; IV Esdras 5.4,6 và Apocalypse of Baruch XL.

**13:15 “Nó cũng được phép ban hơi thở cho tượng con thú ”** trong các phần khác, con thú thứ hai được gọi tiên tri giả (xem 16:13; 19:20; 20:10). Hơi thở (tiếng Hê-bơ-rơ *ruah*) có thể là ẩn dụ nói về sự hà sinh khí cho phong trào thờ Con Thú thứ nhất. (tương tự Ê-xê-chiên 37).

**13:16 “phải có một dấu trên tay phải hoặc trên trán”** Anhur các thnh được đóng ấn trên trán trong Khải Huyền 7:3 (xem 13:16; 14:9), ở đây Ác Quỷ cũng bắt chước, đóng dấu trên tôi tới của mình. Tiếng Hy-lạp nói về đóng dấu trên sức vật, hoặc trên tài liệu của chúng quyền. Về vị trí dấu ấn, có người nghĩ đây là:

1. một hình thức hộp kinh mà người Do-thái đeo trên trán, nhắc nhở họ giữ luật, (xem Phục Truyền 6:8)
2. Đóng dấu chủ nhân trên nô lệ, một thực hàng trong thể kỷ thứ nhất.
3. Các người lính xăm mình để bày tỏ sự kính trọng đối với tướng lãnh.

**13:17 “để không ai có thể mua hay bán được nếu không có dấu ấy, tức là tên con thú hay số của tên nó”** Dấu con thú liên hệ tới việc mua bán thực phẩm và hành nghề. Dân của Đức Chúa Trời không được bảo vệ khỏi sự cô lập kinh tế này.

**13:17-18 “ tên con thú hay số của tên nó”** Ngôn ngữ cổ dùng các chữ cái với giá trị số. Các phụ âm trong danh Giê-su cộng lại thành 888, (xem *Sibylline Oracles*, 1.324). Vậy phụ âm trong tên Con Thú, Sa-tan nhập thể. phải cộng lại được 666. Số sáu là số bảy trừ một, ám chỉ sự thiếu hoàn hảo, (xem Sáng Thế 1:1-2:3, bảy ngày tạo hóa); Sự nhắc lại ba lần có dụng ý nhấn mạnh mức độ tội bực, (xem Ê-sai 6:3; Giê-rê-mi 7:4).

Cũng có thể số sáu là số biểu tượng con người. Vậy ba con số sáu ám chỉ ba nhân vật trong Bộ Ba bất thánh: Con Ròng, Con Thú từ biển (Kẻ Nghịch Đấng Christ), Con Thú từ đất (tiên tri giả) Đối với tôi, dường như Con Thú Thứ Nhất là biểu tượng của hệ thống chính trị chống Đức Chúa Trời, và Con Thú Thứ Hai là biểu tượng cho hệ thống tôn giáo. Chúng ta đang tiến về Con Dâm Phụ Lớn trong chương 17, là hình ảnh thu nhỏ của hệ thống thế gian phẫn nghịch trong Đa-ni-ên 7. Dù đây là Ba-by-lon cổ xưa, hay thành Rôm thế kỷ thứ nhất, hay Tổng hợp chính quyền thời tận thế, nhân loại đang chạy nhanh tới sự trảm trảm tối hậu giữa vị thần thế gian (xem II Cô-rin-tô 4:4) cùng tôi tớ hần, và Đức Chúa Trời Tạo Hóa cùng Đấng Christ của Ngài, (xem Thi Thiên 2).

**13:18 “số của nó là sáu trăm sáu mươi sáu”** Không ai đồng ý về ý nghĩa con số này. Sau đây là các giả thiết tốt nhất theo ý của tôi:

1. Các nguyên bản khác nhau giữa 666 và 616, có thể con số ám chỉ Nê-rô. Các chữ trong tên Nê-rô cộng lại được 666 theo tiếng Hy-lạp hoặc 616 theo tiếng La-tinh.
2. Ba con số sáu theo ý tưởng Hê-bơ-rơ ám chỉ nhân vật ác nhất.
3. Ngữ cảnh nói về sự nhái lại Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Vậy Ba Ngôi Thánh là được biểu tượng 777 thì Bộ Ba Bất Thánh được biểu tượng 666.

## KIẾN GIẢI SÂU SẮC THEO NGỮ CẢNH KHẢI HUYỀN 14:1-20

- A. Có thể chương 14 là phản ứng đối với chương 12-13, một diễn trình hết sức rùng rợn. Mọi người bắt đầu suy nghĩ điều gì đang xảy ra đối với các thánh đồ trong gian đoạn Tận Thế khủng khiếp này.
- B. Một số người nhận ra cấu trúc theo số bảy ở trong câu 6-20: một chu kỳ có bảy thiên sứ. Tuy nhiên sự quan sát này không mang sức nặng về mặt thần học.

## NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

### RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 14:1-5

<sup>1</sup>Tôi nhìn xem, kìa, Chiên Con đứng trên núi Si-ôn cùng với một trăm bốn mươi bốn nghìn người có danh Chiên Con và danh Cha của Chiên Con ghi trên trán mình. <sup>2</sup>Tôi nghe một tiếng từ trời như tiếng nhiều dòng nước và như tiếng sấm lớn. Tiếng tôi nghe giống như tiếng thụ cầm đang dạo bởi các nhạc sĩ. <sup>3</sup>Họ hát một bài ca mới trước ngai, trước bốn sinh vật và các trưởng lão, Không ai có thể học được bài ca đó, trừ ra một trăm bốn mươi bốn nghìn người đã được cứu chuộc khỏi đất. <sup>4</sup>Những người ấy không bị ô uế với phụ nữ vì họ còn trinh khiết. Chiên Con đi đầu thì những người này theo đó. Họ đã được cứu chuộc từ giữa loài người để làm trái đầu mùa cho Đức Chúa Trời và Chiên Con. <sup>5</sup>Trong miệng họ không tìm thấy sự dối trá nào; họ là những người không tì vết.

**14:1 “Chiên Con”** – Âm chỉ Đấng Mê-si-a (xem 5:6,8,12-13; 13:8; Ê-sai 53:7; Giăng 1:29,36; I Phi-ê-rơ 1:18-19).

} **“đứng trên núi Si-ôn”** Có nhiều giả thiết về ý nghĩa núi Si-ôn trong câu này. Đây có thể:

1. Núi Mô-ri-a và vùng Đền Thờ trong thành Giê-ru-sa-lem (xem Ê-sai 24:23; Giô-ên 2:32)
2. Thành Giê-ru-sa-lem mới trên Thiên Đàng (xem Hê-bơ-rơ 11:10,16; 12:22-23; 13:14; Ga-la-ti 4:26)
3. Một biểu tượng Khải thị, thường thấy trong văn chương Khải thị ví dụ trong ngụ kinh Esdras 2:42-47; 13:35,39-40
4. Điều liên tưởng từ Cựu Ước, nói về sự tập hợp dân tuyền trong thời kỳ Tận Thế, (xem Thi Thiên 48; Ê-sai 24:23; Giô-ên 2:32; Mi-chê 4:1,7; Obadiah các câu 17,21)
5. Điều liên tưởng từ Thi Thiên 2, đặc biệt câu 6.

Đối với các nhà giải kinh, nguồn cảm hứng cho các hình ảnh Khải thị của liên hệ tới:

1. Phân đoạn Cựu Ước và bối cảnh địa dư Pa-lê-stin
2. Văn chương Khải thị giữa hai Giao ước.
3. Bối cảnh lịch sử Hy-lạp / La-mã trong thế kỷ thứ nhất.

Ý kiến riêng của tôi, những Khải tượng có nguồn gốc Cựu Ước này bắt đầu từ chương 6, liên hệ tới dân của Đức Chúa Trời (cả Do-thái và ngoại bang), thánh đồ, Hội Thánh. Vậy trong câu này ‘núi Si-ôn’ gợi ý tới Đền Thờ Mới trên Thiên Đàng, (xem Hê-bơ-rơ 8:2; 9:11,24).

} **“một trăm bốn mươi bốn nghìn người”** Đây là nhóm người được cứu trong câu 5:9, được đóng dấu trong câu 7:4-8, (xem ghi chú câu 7:4), được thanh tẩy bởi huyết Chiên Con trong câu 7:14-17. Tôi cho đây là dân của Đức Chúa Trời thời Tân Ước, là thánh đồ, Hội Thánh. Để xác định 144.000 người là ai, xin xem ghi chú câu 7:4. Ở phần trước họ được đóng dấu, nhưng vẫn bị bắt bớ. Ở đây họ đắc thắng!

} **“có danh Chiên Con và danh Cha của Chiên Con ghi trên trán mình”** Có bao nhiêu danh ở đây? Một hay hai? Có thể điều này gợi ý các danh hiệu trong Ê-sai 9:6, liên hệ tới cả Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con. Những người này đã được đánh dấu và thuộc về Đức Chúa Trời. (xem Khải Huyền 7 và ghi chú câu 7:2).

**14:2 “Tôi nghe một tiếng từ trời như tiếng nhiều dòng nước”** Đây là cách miêu tả tiếng của Đức Chúa Trời, Ê-xê-chiên 43:2, tiếng của Chúa Giê-su Khải Huyền 1:15, tiếng của đám đông trên Thiên Đàng. 19:6. Nhiều khi ‘tiếng từ trời’ ám chỉ nhân vật nói đang ở trên Thiên Đàng, (xem 4:5; 11:19; 16:8).

**14:3 “Họ hát một bài ca mới trước ngai”** câu này gợi nhớ tới Khải Huyền 5:9. Chữ ‘họ’ có thể là (1) các linh vật hát bài ca trong câu 5:9 hoặc (2) 144 ngàn người hát đoạn kết của bài ca trong câu 3 và 15:2. Bài ca mới liên tưởng tới Ê-sai 42:10 và có thể Thi Thiên 33:3; 40:3; 96:1; 98:1; 144:9; 149:1. Kỷ Nguyên Thánh Linh được hứa đã đến.

} **“trưởng lão”** xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 4:4.

} **“đã được cứu chuộc khỏi đất”** Đây là khái niệm Cựu Ước về việc mua lại tài sản của người thân (*go'el*, ví dụ Ru-tơ và Bô-ô). Khái niệm cứu chuộc này cũng được dùng cho những người được Đấng Christ chết thế (xem 5:9; 7:14), xem Chủ Đề Đặc Biệt “giá chuộc / cứu chuộc” (Ransom/Redeem) ở câu 5:9.

**14:4 “Những người ấy không bị ô uế với phụ nữ vì họ còn trinh khiết”** Có nhiều cuộc tranh luận về câu này, vì nó nói đến nhóm 144 ngàn người trong chương 7, là những nam giới được chọn và độc thân. Tuy nhiên tôi nghĩ đây là biểu tượng, không có dụng ý để hiểu theo nghĩa đen. Câu “không bị ô uế với phụ nữ” có thể hiểu như sau.

1. Theo nghĩa đen: người độc thân trinh khiết
2. Không dính dáng tới thông dâm thuộc linh với Con Thú và Con Dâm Phụ Lớn, (xem 14:8; 17:2; 18:9)
3. Liên hệ tới các lời trong thư gửi bảy hội thánh, (xem 2:14,20,22; 3:4)
4. dẫn chứng về tập tục Cựu Ước về việc thanh tẩy trước khi thờ phượng hoặc ra trận, (xem Xuất Hành 19:14-15; Phục Truyền 23:9-10; I Sa-mu-ên 21:4-5; II Sa-mu-ên 11:6-13)
5. Đơn giản, đây là biểu tượng Cựu Ước về con dân của Đức Chúa Trời: “các trinh nữ của Si-ôn” (xem II Các Vua 19:21; Giê-rê-mi 18:13; Ca Thương 2:13; A-mốt 5:2; II Cô-rin-tô 11:2; Ê-phê-sô 5:27).

Chúng ta cần xác nhận rằng quan hệ sinh lý trong cặp vợ chồng không là một thực hành bất thánh. Tình dục phối ngẫu là chương trình và mạng lệnh của Đức Chúa Trời làm tăng trưởng nhân loại trên trần thế (xem Sáng Thế 1:28; 9:1). Sự độc thân là một ân tứ mục vụ, nhưng không phải là cấp bậc “thánh hơn” (xem I Cô-rin-tô 7), Thuyết khổ hạnh (ngăn cấm tình dục) theo tôn giáo triết học Hy-lạp, cũng như quan hệ tự do trước hoặc ngoài giá thú, đều không xuất phát từ Kinh Thánh!

} **“Họ đã được cứu chuộc từ giữa loài người để làm trái đầu mùa cho Đức Chúa Trời và Chiên Con”**

Trong Cựu Ước cũng có câu tương tự, nói về Đức Chúa Trời là chủ nhân của mùa gặt, (xem Xuất Hành 23:19; 34:76). Trong Tân Ước ám chỉ hội thánh, (xem Hê-bơ-rơ 12:23; Gia-cơ 1:18), dân của Chúa Giê-su, là những trái đầu mùa của phục sinh (xem I Cô-rin-tô 15:20,23; Khải Huyền 1:5).

} **“Chiên Con đi đâu thì những người này theo đó”** – Nói về môn đồ hóa và sự phục vụ

**14:5 “Trong miệng họ không tìm thấy sự dối trá nào”** Sau đây là một vài nguồn cho hình ảnh này:

1. Đây là câu tương tự như Khải Huyền 21:27 and 22:15
2. Có thể liên hệ tới việc các tín đồ trong thế kỷ thứ nhất, từ chối tuyên thệ: “Hoàng đế là Chúa” mà những người sùng đạo thờ hoàng đế đòi hỏi.
3. Có thể là biểu tượng sự ô uế từ trong Cựu Ước, (xem Thi Thiên 32:2; Sô-phô-ni 3:13)
4. Có thể nói về sự bất tín như trong 1:25; I Giăng 2:22

} **“không tì vết”** Nghĩa đen: không khiếm khuyết (xem Phi-líp 3:6). Bắt đầu liên hệ tới chất lượng các con vật dâng sinh tế, nhưng cũng áp dụng theo ẩn dụ tới con người, (xem Noah, Sáng Thế 6:9,17 and Gióp, Gióp 1:1). Phẩm chất này cũng được dùng cho Chúa Giê-su trong Hê-bơ-rơ 9:14 và I Phi-ê-rơ 1:19, và cho đời sống Cơ

độc nhân giống Đấng Christ. Sự ‘trở nên giống Đấng Christ’ là ý chỉ của Đức Chúa Trời cho con dân Ngài (xem Lê-vi 19:2; Phục Truyền 18:13; Ma-thi-ơ 5:48; I Phi-ê-rơ 1:16).

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT:**

### **KHÔNG THỂ CHÊ TRÁCH, KHÔNG THỂ SỈ NHỤC, KHÔNG XẤU HỔ, KHÔNG MẶC CẢM TỘI LỖI, VÔ TỘI,**

special topic: blameless, innocent, guiltless, without reproach

#### **A. Lời mở đầu**

1. Theo thần học, đây là sự miêu tả tình trạng ban đầu của nhân loại. (ví dụ Sáng Thế 1, the Garden of Eden).
2. Tội lỗi và phản loạn làm tiêu hao mỗi liên hệ tuyệt hảo ban đầu (ví dụ Sáng Thế 3).
3. Con người, cả nam và nữ, đều mong ước được hồi phục mỗi liên hệ với Đức Chúa Trời, bởi họ được tạo dựng trong hình ảnh của Ngài. (ví dụ Sáng Thế 1:26-27).
4. Đức Chúa Trời liên hệ với nhân loại tội lỗi qua:
  - a. các lãnh đạo trung tín (ví dụ Abraham, Moses, Ê-sai )
  - b. hệ thống dâng tế (ví dụ Lê-vi ký 1-7)
  - c. tấm gương tin kính (ví dụ Noah, Gióp )
5. Đức Chúa Trời cung ứng Đấng Mê-si-a một cách tối hậu:
  - a. là sự mặc khải trọn vẹn về Ngài (xem Giảng 1:1-14; Cô-lô-sê 1:13-17; Hê-bơ-rơ 1:2-3)
  - b. một sự chết thay tuyệt hảo cho tội lỗi, (xem Mác 10:45; 2 Cô-rin-tô 5:21)
6. Cơ-độc nhân được trở nên không thể chê trách.
  - a. về pháp lý nhận được sự công chính của Đấng Christ, (xem Rô-ma 4:3,6,8,11,22,23,24; Gia-cơ 2:23)
  - b. thánh hóa một cách tiệm tiến qua công tác của Đức Thánh Linh. (Giăng 16:8-11)
  - c. mục tiêu của Cơ-độc nhân là trở nên giống Đấng Christ, (xem Rô-ma 8:28-30; 2 Cô-rin-tô 3:18; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; 4:13; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3; 5:23; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:13; Tít 2:14; 1 Phi-ê-rơ 1:15)), trong thực tế chính là sự hồi phục hình ảnh Đức Chúa Trời trong con người, đã mất bởi tội lỗi Adam và Ê-va.
7. Thiên đàng là sự hồi phục tuyệt hảo của mỗi liên hệ ban đầu ở vườn Ê-đen. Thiên Đàng là Giê-ru-sa-lem mới giáng trần từ Đức Chúa Trời (xem Khải Huyền 21:2) tới một Trần thể đã được thanh tẩy, (xem 2 Phi-ê-rơ 3:10) Kinh Thánh bắt đầu và kết thúc bởi những chủ đề tương tự.
  - a. sự tương giao mật thiết với Đức Chúa Trời.
  - b. trong bối cảnh vườn (Sáng Thế 1-2 and Khải Huyền 21-22)
  - c. với các tuyên bố tiên tri, với sự hiện diện của thú vật, (xem Ê-sai 11:6-9)

#### **B. Cựu Ước**

1. Có rất nhiều thuật ngữ Hê-bơ-rơ về khái niệm tuyệt hảo, vô nhục, vô tội... khó có thể liệt kê và miêu tả hết các ý nghĩa liên hệ.
2. Các thuật ngữ chính mang khái niệm tuyệt hảo, vô nhục, vô tội (theo ông Robert B. Girdlestone, Synonyms of the Old Testament, trang. 94-99) là
  - a. *shalom* (BDB1022, KB 1532)
  - b. *thamam* (BDB1070, KB 1743)
  - c. *calah* (BDB478, KB 476)
3. Bản Bảy Mươi (The Septuagint tức Kinh Thánh Cựu Ước tiếng Hy-lạp cho Hội Thánh nguyên thủy), dịch các từ thuật này giống như trong Tân Ước, xem phần C. dưới đây. .
4. Các thuật ngữ chia khóa liên hệ tới hệ thống dâng tế là:
  - a. *amōmos* (BDB 1071, xem Xuất Hành 29:1; Lê-vi 1:3,10; 3:1,6; Dân Số 6:14)
  - b. *amiantos* và *aspilus* cũng có ý nghĩa thờ phượng

#### **C. Tân Ước**

1. Hệ thống pháp lý
  - a. hệ thống pháp lý Hê-bơ-rơ với ý nghĩa thờ phượng được dịch bởi thuật ngữ *amōmos* (BDB 1071, xem Ê-phê-sô 5:27; Phi-líp 2:15; 1 Phi-ê-rơ 1:19)
  - b. Hệ thống pháp lý Hy-lạp (xem 1 Cô-rin-tô 1:8; Cô-lô-sê 1:22)

2. Đấng Christ vô nhiễm, vô tội, không thể cáo trách (*amōmos*, xem Hê-bơ-rơ 9:14; 1 Phi-ê-rơ 1:19)
3. Môn đồ Chúa Giê-su phải noi gương Ngài (*amōmos*, xem Ê-phê-sô 1:4; 5:27; Phi-líp 2:15; Cô-lô-sê 1:22; 2 Phi-ê-rơ 3:14; Giu-đe 1:24; Khải Huyền 14:5)
4. Khái niệm này cũng áp dụng cho các lãnh đạo hội thánh .
  - a. *anegklētos*, "không bị tố cáo" (xem 1 Ti-mô-thê 3:10; Tít 1:6-7)
  - b. *anepileptos*, "không thể bị phê phán" hoặc "không chỗ để lời phê phán bầu vùi" (xem 1 Ti-mô-thê 3:2; 5:7; 6:14; Tít 2:8)
5. Khái niệm "không ô uế" (*amiantos*) được dùng cho
  - a. Đấng Christ (xem Hê-bơ-rơ 7:26)
  - b. gia sản Cơ-độc nhân (xem 1 Phi-ê-rơ 1:4)
6. Khái niệm "toàn vẹn" or "lành mạnh" (*holoklēria*) (xem Công Vụ 3:16; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:23; Gia-cơ 1:4)
7. Khái niệm "không lỗi lầm," "vô tội không chỗ trách" *amemptos* (xem Lu-ca 1:6; Phi-líp 2:15; 3:6; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:10; 3:13; 5:23)
8. Khái niệm không điều nào đáng trách *amōmētos* (xem 2 Phi-ê-rơ 3:14)
9. Khái niệm không tí vết, không khiếm khuyết cũng được dùng trong các câu trên đây và 1 Ti-mô-thê 6:14; Gia-cơ 1:27; 1 Phi-ê-rơ 1:19; 2 Phi-ê-rơ 3:14)

D. Nhiều từ vựng Hê-bơ-rơ và Hy-lạp về khái niệm này cho thấy tầm quan trọng của nó. Đức Chúa Trời cung cấp nhu cầu công chính cho chúng ta qua Đấng Christ, và kêu gọi chúng ta trở nên giống Ngài.

Về pháp lý tín đồ đã được tuyên bố là người "công chính, công nghĩa, vô tội" bởi công việc của Đấng Christ. Tiếp đó họ phải hành động theo phẩm chất họ nhận được: "Hãy bước đi trong ánh sáng vì Ngài là Ánh Sáng", (xem 1 Giăng 1:7). "Hãy bước đi xứng đáng với sự kêu gọi" (xem Ê-phê-sô 4:1,17; 5:2,15). Chúa Giê-su đã hồi phục hình ảnh Đức Chúa Trời trong con người, sự thông công thực có thể bắt đầu. Xin nhớ rằng Đức Chúa Trời muốn con dân Ngài phản chiếu thuộc tính Ngài, tương tự như Con Ngài, trong con mắt của thế gian. Chúng ta được kêu gọi tới sự thánh khiết không nhượng bộ, (xem Ma-thi-ơ 5:20,48; Ê-phê-sô 1:4; 1 Phi-ê-rơ 1:13-16). Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời trong chúng ta không phải chỉ được công bố về pháp lý, nhưng phải trở nên bản ngã của chúng ta.

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 14:6-7**

**“Rồi tôi thấy một thiên sứ khác bay giữa bầu trời, có Tin Lành đời đời để công bố cho dân cư trên đất, cho tất cả các nước, các bộ tộc, các thứ tiếng, các dân tộc. 7Thiên sứ nói lớn rằng: “Hãy kính sợ Đức Chúa Trời và tôn vinh Ngài, vì giờ phán xét của Ngài đã đến. Hãy thờ phượng Đấng tạo dựng trời, đất, biển và các nguồn nước.”**

**14:6 “Rồi tôi thấy một thiên sứ khác bay giữa bầu trời,”** trong câu 8:13 có một con đại bàng bay giữa bầu trời, ám chỉ một sứ giả được thấy dễ dàng và có thể truyền thông tới cả trần gian.

} **“có Tin Lành đời đời để công bố cho dân cư trên đất,”** Câu Tin Lành đời đời chỉ thấy có ở đây. Điều quan trọng là Phúc âm có mặt cho những người không tin trong suốt cả Khải Huyền. Có người coi đây là sự ứng nghiệm của câu Ma-thi-ơ 28:18-20 hoặc cụ thể hơn là câu Ma-thi-ơ 24:14 và Mác 13:10. Nội dung Phúc Âm giống như sứ điệp của Giăng Báp-tít (xem Lu-ca 3:3-14) hoặc của Chúa Giê-su Ma-thi-ơ 4:10. Sứ điệp, đặc biệt trong câu 6-7 cho thấy mục đích phán xét của Chúa nhằm kêu gọi họ ăn năn để được cứu rỗi, (xem Khải Huyền 9:20-21; 16:9,11).

Trong Khải Huyền 14:12 tín đồ thực có hai đặc tính: (1) giữ điều răn của Đức Chúa Trời và (2) giữ đức tin nơi Chúa Giê-su. (“Giữ” là tính động từ thì hiện tại ám chỉ tính luôn luôn).

} **“ cho tất cả các nước, các bộ tộc, các thứ tiếng, các dân tộc.”** Xem ghi chú ở câu 10:11.

**14:7 “Hãy kính sợ Đức Chúa Trời và tôn vinh Ngài,”** Hai mệnh lệnh thức thì quá khứ: ‘kính sợ’ (thụ động), và ‘tôn vinh’ (chủ động).

Có tất cả 3 mệnh lệnh thức thì quá khứ trong câu 7. Nhân loại phải trả lời Đức Chúa Trời với hành động nhất quyết của đức tin, (xem Giăng 1:12; Rô-ma 10:9 -13). Trong câu 11:13, dường như con người bắt tin tôn vinh Đức Chúa Trời, nhưng sau đó rút lui bởi các phép lạ của Con Thù, ( Khải Huyền 13). Điều này tương tự như câu chuyện ngụ ngôn về hạt giống trong Ma-thi-ơ 13; Mác 4; Lu-ca 8).

} **“vì giờ phán xét của Ngài đã đến”** Thuật ngữ “giờ” mang ý nghĩa quan trọng trong Phúa Âm giảng, (xem 2:4; 4:21,23; 5:25,28; 7:30; 8:20; 12:23,27; 13:1; 16:21,32; 17:1). Nó nói về thời điểm của sự kiện đã được hoạch định trong lịch trình của Đức Chúa Trời. (Ngày của Chúa, xem 14:15 and 9:15).

#### **Chủ Đề Đặc Biệt: GIỜ**

special topic: the hour (hōra)

Thuật ngữ ‘giờ’ được sử dụng qua vài cách trong Phúc Âm, như:

1. nói về thời gian trong ngày (xem Ma-thi-ơ 8:13; 26:40; Lu-ca 7:21; Giăng 11:9)
2. ẩn dụ về một giai đoạn thử thách, (xem Ma-thi-ơ 10:19; Mác 13:11; Lu-ca 12:12)
3. ẩn dụ Chúa Giê-su bắt đầu chức vụ, (xem Giăng 2:4; 4:23)
4. ẩn dụ về ngày phán xét. (ví dụ Second Coming, xem Ma-thi-ơ 24:36,44; 25:13; Mác 13:32; Giăng 5:25,28)
5. ẩn dụ về sự thương khó của Chúa Giê-su, (xem Ma-thi-ơ 26:45; Mác 14:35,41; Giăng 7:30; 8:20; 12:23,27; 13:1; 16:32; 17:1)

} **“Hãy thờ phượng”** Mệnh lệnh thức chủ động thì quá khứ, mang tính đòi hỏi dứt khoát.

} **“Đấng tạo dựng trời, đất, biển và các nguồn nước.”** Đây là câu tương tự với Công Vụ 14:15, được dẫn chứng từ Sáng Thế 14:19; Xuất Hành 20:11 hoặc Thi Thiên 146:6. Đức Chúa Trời luôn được miêu tả là Đấng Tạo Hóa như trong Gióp 38-41. Sự bất thường ở đây là ‘các nguồn nước’ được nhắc đến. Có thể vì lý do:

1. Liên hệ tới các tai họa bởi các thiên sứ, (xem 8:10)
2. Nước ngọt, tương phản với nguồn nước không uống được, như nước biển.

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 14:8**

**<sup>8</sup>Một thiên sứ khác, là vị thứ hai theo sau, nói rằng: “Ba-by-lôn vĩ đại đã sụp đổ, đã sụp đổ rồi! Nó đã khiến tất cả các nước uống rượu cuồng loạn vô luân của nó.”**

**14:8 “Ba-by-lôn vĩ đại đã sụp đổ, đã sụp đổ rồi”** Động từ ‘sụp đổ’ không những được nhắc lại, nhưng được nhấn mạnh với thì quá khứ. Đây là điều khó giải thích được quan sát trong cả Khải Huyền, vì các khái niệm ẩn hiện ở nhiều điểm khác nhau: (Con Thù được nhắc đến một cách ngắn gọn ở 11:7, nhưng không được miêu tả kỹ càng cho đến chương 13). Sự sụp đổ của Ba-by-lon sẽ được bàn tới ở câu 16:9 và 17:1-18:24. Ba-by-lon tượng trưng cho Rô-ma (xem I Phi-ê-rơ 5:13; ngụy kinh II Baruch 11:1; 67:7; Sibylline Oracles 5:143, 159, 424), Nhưng biểu tượng tối hậu là xã hội loài người được tổ chức và vận hành ngoài Đức Chúa Trời, xem Chủ Đề Đặc Biệt ở chương 3, phần E). Tổ chức loài người mang tính tự lập là hậu quả trực tiếp của tội lỗi (xem Sáng Thế 3), xuất hiện lần đầu tại tháp Ba-ben, (xem Sáng Thế 10-11). Các đế quốc ngày càng trở nên chống đối với Đức Chúa Trời cho đến thời điểm cuối cùng là trật tự của Kẻ Nghịch Đấng Christ (xem Đa-ni-ên 2:7-8). Đây có thể là điều liên tưởng tới Ê-sai 21:9; Giê-rê-mi 51:8.

} **“Nó đã khiến tất cả các nước uống rượu cuồng loạn vô luân của nó”** Câu này gợi ý tới Giê-rê-mi 51:7-8 (xem 17:2,4; 18:3). Thuật ngữ “cuồng loạn” theo tiếng Hy-lạp là “*thumos*,” nói về sự bùng nổ cảm xúc, xem ghi chú ở câu 7:14, xem 17:2,3; 18:3). Những ai uống rượu của Ba-by-lon, sẽ phải uống chén thịnh nộ của Đức Giê-hô-va.

## **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 14:9-12**

<sup>9</sup>Một thiên sứ khác, là vị thứ ba theo sau, nói lớn tiếng rằng: “Nếu người nào thờ lạy con thú cùng hình tượng nó và nhận dấu trên trán hay trên tay mình, <sup>10</sup>thì người ấy sẽ uống rượu thịnh nộ không pha của Đức Chúa Trời rót vào chén thịnh nộ của Ngài, sẽ bị đau đớn trong lửa và lưu huỳnh trước mặt các thiên sứ thánh và trước mặt Chiên Con. <sup>11</sup>Khói sự đau đớn của họ cứ bay lên đời đời. Những người thờ lạy con thú cùng hình tượng nó, và bất cứ ai nhận dấu của tên nó thì ngày hay đêm đều không được an nghỉ.” <sup>12</sup>Đây là lòng nhẫn nhục của các thánh đồ, là những người giữ các điều răn của Đức Chúa Trời và đức tin nơi Đức Chúa Jêsus

**14:9** “Nếu người nào thờ lạy con thú cùng hình tượng nó và nhận dấu trên trán hay trên tay mình.” Đây là thể điều kiện hạng nhất, với cả hai động từ ‘thờ’ và ‘nhận’. Nhiều người sẽ cố tình đi theo thần tượng, đối nghịch với lời mời gọi tiếp nhận Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời trong câu 7 và 12. Họ sẽ trải nghiệm cơn thịnh nộ từ Trời, (xem câu 10).

**14:10** “sẽ uống rượu thịnh nộ không pha của Đức Chúa Trời rót vào chén thịnh nộ của Ngài,” Nhân loại chỉ có hai sự lựa chọn: Đức Chúa Trời hoặc Ác Quỷ. Thuật ngữ Hy-lạp về thịnh nộ *org* ‘có nghĩa là ‘hạ bệ đối thủ’ xem ghi chú trong câu 7:14, Đây là điều liên tưởng tới Ê-sai 51:17 hoặc Giê-rê-mi 25:15-16 (xem Khải Huyền 16:19; 19:15). Tín đồ sẽ đối diện với sự bất bớ của Ba-by-lon, (câu 8), còn người vô đạo sẽ hứng chịu cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời (xem câu 10).

Thuật ngữ ‘không pha’ có cấu trúc đặc biệt, theo nghĩa đen là ‘pha mà không pha’ (literally “mixed unmixed”) ám chỉ rượu thịnh nộ của Đức Chúa Trời được pha chế với hợp chất để trở nên hết cực mạnh, chứ không bị pha loãng với nước để giảm nồng độ. Thuật ngữ ‘chén’ thường được dùng trong Cựu Ước nói về sự phán xét của Đức Chúa Trời, (xem Ê-sai 51:17,22; Giê-rê-mi 25:15-17,27-29; Thi Thiên 75:8). Chúa Giê-su uống chén thịnh nộ của Đức Chúa Trời thay thế cho nhân loại, (xem Mác 14:36). Thế gian không hưởng ứng Ngài nên họ sẽ tự uống chén thịnh nộ cho bản thân mình.

## **Alcohol**

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁI NHÌN CỦA KINH THÁNH ĐỐI VỚI RƯỢU (CHẤT CÓ MEN) VÀ SỰ SAY RƯỢU (SỰ NGHIỆN NGẬP)**

#### **I. Các từ ngữ trong Kinh Thánh**

##### **A. Cựu ước**

1. *Yayin*- Đây là từ ngữ tổng quát chỉ rượu, được dùng 141 lần. Từ nguyên của chữ này không rõ bởi vì nó không phải xuất phát từ gốc từ Hê-bơ-rơ. Nó có nghĩa là các loại trái cây lên men, thường là nho. Các đoạn Kinh Thánh điển hình gồm có Sáng Thế 9:21; Xuất Ê-díp-tô ký 29:40; Dân số ký 15:5, 10.
2. *Tirosh*- Đây là “rượu mới.” Bởi vì điều kiện khí hậu ở vùng Cận đông, quá trình lên men có thể xảy ra sớm nhất là 6 giờ đồng hồ sau khi ép lấy nước trái cây. Từ này chỉ rượu đang trong giai đoạn lên men. Các đoạn Kinh Thánh điển hình gồm có Phục truyền luật lệ ký 12:17; 18:4; Ê-sai 62:8-9; Ô-sê 4:11
3. *Asis*- Đây rõ ràng là các loại uống có cồn (Giô-ên 1:5; Ê-sai 49:26).
4. *Sekar*- Đây là từ “đồ uống mạnh.” Từ Hê-bơ-rơ gốc là “say” hay “người say.” Nó có thêm một thứ gì khác vào để làm cho say hơn. Nó tương đương với từ *yayin* (Châm-ngôn 20:1; 31:6; Ê-sai 28:7).

##### **B. Tân ước**

1. *Oinos*- chữ Hy-lạp tương đương của chữ *yayin*.
2. *Neos oinos* (rượu mới)- từ Hy-lạp tương đương với chữ *tirosh* (Mác 2:22)
3. *Gleuchos vinos* (rượu ngọt)- rượu trong thời kỳ đầu của giai đoạn lên men (Công vụ 2:13).

#### **II. Các cách dùng trong Kinh Thánh**

##### **A. Cựu ước:**



1. Rượu là một món quà từ Chúa (Sáng Thế 27:28; Thi Thiên 104:14-15; Truyền đạo 9:7; Ô-sê 2:8-9; Giô-ên 2:19,24; A-mốt 9:13; Xa-cha-ri 10:7).
2. Rượu là một phần trong tế lễ hy sinh (Xuất Ê-díp-tô ký 29:40; Lê-vi-ký 23:13; Dân số ký 15:7,10; 28:14; Phục truyền luật lệ ký 14:26; Các quan xét 9:13).
3. Rượu được dùng như thuốc (II Sa-mu-ên 16:2; Châm-ngôn 31:6-7).
4. Rượu có thể trở thành một vấn đề nghiêm trọng (Nô-ê- trong Sáng Thế 9:21; Lót- trong Sáng Thế 19:33, 35; Sam-sôn- trong Các quan xét 16:19; Na-banh- trong I Sa-mu-ên 25:36; U-ri- II Sa-mu-ên 11:13; Am-môn- II Sa-mu-ên 13:28; Ê-la- I Các Vua 16:9; Bên-ha-đát- I Các Vua 20:12; Những người cầm quyền- A-mốt 6:6; và Những người phụ nữ- A-mốt 4).
5. Rượu có thể bị lạm dụng (Châm-ngôn 20:1; 23:29-35; 31:4-5; Ê-sai 5:11, 22; 19:14; 28:7-8; Ô-sê 4:11).
6. Rượu bị cấm đối với một số nhóm người (Thầy tế lễ đang phiên trực, Lê-vi-ký 10:9; Ê-xê-chi-ên 44:21; Na-xi-rê, Dân số ký 6; và những người cai trị, Châm-ngôn 31:4-5; Ê-sai 56:11-12; Ô-sê 7:5).
7. Rượu được dùng trong bối cảnh ngày cuối cùng (A-mốt 9:13; Giô-ên 3:18; Xa-cha-ri 9:17).

B. Thời kỳ giữa hai giao ước (Interbiblical)

1. Rượu dùng có chừng mực rất có ích lợi (sách Ecclesiasticus 31:27-30)
2. Các thầy ra-bi nói rằng, “Rượu là thứ thuốc tốt nhất, chỗ nào thiếu rượu thì thuốc mới cần đến.” (BB 58b).

C. Tân ước:

1. Chúa Jêsus biến một khối lượng lớn nước thành rượu (Giăng 2:1-11).
2. Chúa Jêsus uống rượu (Ma-thi-ơ 11:18-19; Lu-ca 7:33-34; 22:17 và tiếp sau).
3. Phi-e-rơ bị cho là say ‘rượu mới’ trong ngày lễ Ngũ Tuần (Công vụ 2:13).
4. Rượu được dùng làm thuốc (Mác 15:23; Lu-ca 10:34; I Ti-mô-thê 5:23).
5. Lãnh đạo không được là người lạm dụng rượu. Điều này không có nghĩa là hoàn toàn kiêng cữ rượu (I Ti-mô-thê 3:3, 8; Tít 1:7; 2:3; I Phi-e-rơ 4:3).
6. Rượu dùng trong bối cảnh ngày cuối cùng (Ma-thi-ơ 22:1 và tiếp sau; Khải huyền 19:9).
7. Ân hận khi say rượu (Ma-thi-ơ 24:49; Lu-ca 11:45; 21:34; I Cô-rinh-tô 5:11-13; 6:10; Ga-la-ti 5:21; I Phi-e-rơ 4:3; Rô-ma 13:13-14).

III. Các kiến giải thần học:

A. Sự căng thẳng biện chứng:

1. Rượu là một món quà Chúa ban
2. Sự say rượu là một vấn đề nghiêm trọng
3. Người tin Chúa trong một số văn hóa phải tự giới hạn sự tự do của mình vì Phúc âm (Ma-thi-ơ 15:1-20; Mác 7:1-23; I Cô-rinh-tô 8-10; Rô-ma 14:1-15; 13).

B. Khuyh hướng đi ra khỏi giới hạn cho phép:

1. Đức Chúa Trời là nguồn của mọi điều tốt lành (tạo vật “rất tốt lành,” Sáng Thế 1:31).
2. Con người sa ngã đã lạm dụng những điều Chúa ban bằng cách đi ra khỏi giới hạn cho phép.

C. Sự lạm dụng ở tại chúng ta, chứ không phải trong đồ vật. Không có điều gì là gian ác trong các tạo vật thuộc vật chất này (Mác 7:18-23; Rô-ma 14:14,20; I Cô-rinh-tô 10:25-26; I Ti-mô-thê 4:4; Tít 1:15).

IV. Văn hóa Do thái thế kỷ thứ nhất và sự lên men rượu:

- A. Sự lên men xảy ra rất sớm, khoảng 6 giờ sau khi nho được ép ra, đặc biệt là trong loại khí hậu nóng và điều kiện vệ sinh thấp
- B. Truyền thống Do thái nói rằng khi một miếng bọt nhỏ xuất hiện trên bề mặt (dấu hiệu lên men), nó phải được biệt riêng ra phần mười (sách *Ma aseroth* 1:7). Nó được gọi là ‘rượu mới’ hay là “rượu ngọt.”
- C. Sự lên men mạnh mẽ nhất chấm dứt sau một tuần.
- D. Quá trình lên men lần thứ hai mất khoảng 40 ngày. Đến lúc này, nó được xem là “rượu đã chín tới” và có thể được đem dâng trên bàn thờ (sách *Edhuyyoth* 6:1).
- E. Rượu để ở nơi khuất (rượu lâu năm) được kể là rượu tốt, nhưng phải lọc thật kỹ trước khi dùng.
- F. Rượu được xem là đến đúng tuổi sau khoảng một năm để lên men. Thời gian cất giữ rượu lâu nhất là 3 năm. Nó gọi là “rượu cũ” và phải pha với nước.
- G. Chỉ trong vòng 100 năm trở lại đây, quá trình lên men bị đình lại khi ở trong môi trường tiệt trùng và các hóa chất phụ gia. Thời xưa không thể làm ngưng quá trình lên men tự nhiên.

#### V. LỜI KẾT:

- A. Nên cẩn thận để kinh nghiệm của bạn, quan điểm thần học và sự giải thích Kinh Thánh của bạn không hạ giá Chúa Jê-sus và văn hóa Do thái và/hoặc văn hóa Cơ đốc! Rõ ràng họ không phải là những người hoàn toàn kiêng cử rượu.
- B. Tôi không cổ vũ cho việc dùng rượu để xã giao. Tuy nhiên, nhiều người đã tuyên bố quá đáng vị trí của Kinh Thánh về đề tài này và tự xưng công bình ở đẳng cấp cao hơn dựa vào các thành kiến về hệ phái và văn hóa.
- C. Đối với tôi, Rô-ma 14:1-15:13 và I Cô-rinh-tô 8-10 đã cung cấp các kiến giải và hướng dẫn dựa trên tình yêu thương và sự tôn trọng các anh em trong niềm tin và sự truyền bá Phúc âm trong mọi văn hóa, chứ không phải nhấn mạnh đến tự do cá nhân hay là công kích với tinh thần phán xét. Nếu Kinh Thánh là nguồn tài liệu duy nhất để hướng dẫn niềm tin và thực hành, thì có lẽ chúng ta phải suy nghĩ lại vấn đề này.

Nếu chúng ta có áp đặt sự kiêng cử hoàn toàn là ý chỉ của Chúa, thì chúng ta đã có hàm ý gì về chính Chúa Jê-sus, cũng như các văn hóa ngày nay thường dùng rượu (ví dụ như Âu châu, Y-sơ-ra-ên, Ác-hen-ti-na)?

} **“sẽ bị đau đớn trong lửa và lưu huỳnh”** Đây là điều liên tưởng tới sự phán xét trên Sô-dôm và Gô-mô-ra, (xem Sáng Thế 19:24,28; Lu-ca 17:29; hay phán xét theo nghĩa chung chung, xem Thi Thiên 11:6; Ê-sai 34:8-11; Ê-xê-chiên 38:22). Đau đớn là số phận của hai Con Thú (xem 19:20), của Ác Quỷ (xem 20:10), và của nhân loại không chịu ăn năn (xem 20:15; 21:8).

Ngọc lửa (xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 16:8) là ẩn dụ Cựu Ước về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, (xem Dân Số 9:15-16, etc.), phương tiện thanh tẩy (xem Lê-vi 8:17,32; 9:11,24; 13:32,55,57, etc.) và phán xét (xem Lê-vi 10:1-2; Dân Số 11:1-3, etc.). Ý nghĩa liên hệ tới phán xét được mở rộng ra với hình ảnh bãi rác phía nam thành Giê-ru-sa-lem, trong thung lũng “các con trai của Hinnom (*Gehenna*) mà Chúa Giê-su sử dụng như biểu tượng của án phạt đời đời, (xem Khải Huyền 20:10, 14-15).

**14:11 “Khỏi sự đau đớn của họ cứ bay lên đời đời.”** Ước gì tôi có thể tin vào thuyết mở rộng (universalism - có lẽ ý tác giả là đạo nào cũng tốt, ND), hoặc con người còn có cơ hội đáp ứng Phúc âm lần thứ hai. Tuy nhiên theo Kinh Thánh, nhân loại phải trả lời Đức Chúa Trời với đức tin, (xem Mác 1:15; Công Vụ 3:16,19; 20:21), trong khi họ còn sống, (xem Hê-bơ-rơ 9:27); Nếu từ chối, họ sẽ chịu hậu quả ở mức tối hậu và đời đời, (xem Mác 9:47-48; Ma-thi-ơ 25:46; Giăng 5:29; Công Vụ 24:15; II Tê-sa-lô-ni-ca 1:6-9). Hình phạt của kẻ ác sẽ đồng xứng với sự chịu đựng của thánh đồ trong giai đoạn bị bắt bớ. Câu “họ sẽ không được nghỉ ngày và đêm” được tương phản với câu 13, các thánh đồ được yên nghỉ.

Đây là chủ đề không dễ trong tranh luận. Tình yêu và ý chỉ cứu rỗi của Đức Chúa Trời trái ngược với sự trừng phạt đời đời mà Ngài dự bị. Hầu hết sự phán xét của Đức Chúa Trời trong Khải Huyền đều mang tính chất kêu gọi ăn năn, cũng giống như các tai họa ở Ai-cập, và sự cảnh báo trong Phục Truyền 27-19. Chỉ có sự từ chối tối hậu mới mang tính chất đời đời. Lúc đó, sự phán xét không còn là sự kỷ luật, nhưng là sự trừng phạt. Điều này tuy khó hiểu và chấp nhận theo cảm xúc, nhưng nhấn mạnh nhu cầu khẩn thiết về truyền giáo.

Trước khi qua khỏi chủ đề này, xin phép tôi chia sẻ một suy nghĩ về sự phán xét. Địa ngục quả thật ghê gớm đối với nhân loại, nhưng điều đó không lớn hơn sự đau đớn của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời tạo dựng nhân loại, Tạo Hóa là môi trường Đức Chúa Trời gặp gỡ và thông công với con người. Đức Chúa Trời yêu thương con trai, con gái dòng dõi A-đam, (xem Ê-xê-chiên 18:32; I Ti-mô-thê 2:4; II Phi-ê-rơ 3:9), Ngài yêu thương đến mức gọi Con Độc Sanh xuống thế gian chết thế tội lỗi, (xem Giăng 3:16; II Cô-rin-tô 5:21). Nhưng Đức Chúa Trời phải có điều kiện, để tội nhân quay về trong sự ăn năn, đức tin, thờ kính, tin cậy, vâng phục, phụng sự, bèn đỡ. Đức Chúa Trời không đẩy ai xuống địa ngục, nhưng bản thân những người vô đạo tự kết án mình, (xem Giăng 3:17-21). Địa ngục là vết thương rạn nứt không bao giờ khép lại trong trái tim Đức Chúa Trời. Tôi nghĩ Đức Chúa Trời không có “một ngày tốt lành”. Ôi, đau đớn thay vết thương mà sự bạo loạn gây ra cho tình yêu vị tha của Ngài.

**14:12 “Đây là lòng nhẫn nhục của các thánh đồ”** Sự bèn đỡ là chủ đề chính của cả cuốn sách (xem 1:9; 2:7,11,17,19,26; 3:5,10,12,21; 13:10; 21:7). Dân của Chúa chứng tỏ sự trung tín trong vòng bắt bớ khốc liệt, xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 2:2.

} **“thánh đồ”** xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 5:8.

} **“ giữ các điều răn của Đức Chúa Trời và đức tin nơi Đức Chúa Jê-sus ”** Một sự miêu tả về thánh đồ trong tự trong câu 12:17. Xin quý vị để ý tới điều nhấn mạnh về đức tin cá nhân, sự tương giao mật thiết với Chúa Giê-su, và nếp sống phản chiếu tâm lòng vâng phục, (xem 12:17; Lu-ca 6:46).

Một Cơ-độc nhân trưởng thành có những biểu hiệu đặc thù sau.

1. Một người dễ tiếp cận (bởi tương giao mật thiết với Chúa Giê-su)
2. Một người đứng vững trong chân lý. (Tín lý lẽ thật theo Tân Ước)
3. Một người đáng noi gương (có nếp sống giống Đấng Christ trong cuộc sống hàng ngày)

Đây là ba điều đòi hỏi cho sự trưởng thành, lành mạnh, tăng trưởng đức tin.

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 14:13**

**<sup>13</sup>Tôi nghe có tiếng từ trời bảo rằng: “Hãy viết đi: Từ nay trở đi, phước cho những người chết là chết trong Chúa!” Thánh Linh phán: “Thật vậy, họ được nghỉ ngơi khỏi những khổ nhọc của mình và những công việc của họ đi theo họ.”**

**14:13 “ phước cho ”** Đây là câu thứ hai trong bảy câu chúc phước, được bắt đầu bởi “phước cho” (xem 1:3; 14:13; 16:15; 19:9; 20:6; 22:7,14).

} **“phước cho những người chết là chết trong Chúa!”** Nói về những người tử đạo, cũng giống 144 ngàn, nhưng không rõ họ chết khi nào. Có người cho họ sống thời Giảng, có người khác coi đây là các tín đồ thời Tận thế. Mặc dầu vậy, chi tiết thời gian không quan trọng bằng sự điệp rằng sự chết của thánh dân quý báu trong con mắt của Đức Chúa Trời, (xem Thi Thiên 116:15).

Dù họ là những tử đạo, tốt chất chúng ta đây là những chứng nhân với ý nghĩa mở rộng. Bởi không phải tất cả các thánh đồ đều bị giết trong thế kỷ đầu tiên hay trong cơn Đại Nạn Tận thế. Đây là ẩn dụ mang tính chất bao gồm (inclusiveness) chứ không tách biệt (exclusiveness).

} **“ những công việc của họ đi theo họ ”** Một trong các nghịch lý là Tín đồ được cứu và được trang bị bởi Đức Thánh Linh để phục vụ. Chúng ta không được cứu bởi công việc (công đức), nhưng được cứu để làm việc (phục vụ), (xem Ê-phê-sô 2:8-9,10). Đức Chúa Trời kêu gọi, trang bị và kết trái thuộc linh đời đời cho các tín đồ khiếm khuyết. Đây là món quà của Chúa, là sự tác động của Đức Thánh Linh, các tín đồ sẽ nhận phần thưởng cho mình bởi sự trung tín, sẵn lòng và bền đỗ, xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 2:10. Ý chỉ của Đức Chúa Trời là mọi người đều tham gia phục vụ một cách giống Đấng Christ, (xem Rô-ma 8:29; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4)!

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 14:14-16**

**<sup>14</sup>Rồi tôi nhìn xem, kìa, có một đám mây trắng; trên mây có ai giống như Con Người đang ngồi, đầu đội mão triều thiên bằng vàng, tay cầm một lưỡi liềm bén. <sup>15</sup>Một thiên sứ khác từ đền thờ đi ra, cất tiếng lớn gọi Đấng ngồi trên mây: “Hãy đưa lưỡi liềm của Ngài ra và gặt đi vì giờ gặt đã đến, mùa màng trên đất đã chín rồi.” <sup>16</sup>Đấng ngồi trên mây ném lưỡi liềm của mình xuống đất và cả mặt đất đều bị gặt.**

**14:14-16** Trong chương này có hai mùa gặt, (tham khảo nguy kinh IV Ê-sô-ra 13:10-11) được miêu tả trong câu 14-16 và 17-19. Mùa đầu nói về gặt lúa mạch, mùa thứ hai nói về gặt nho. Mùa thứ nhất là thu hoạch người công chính, (xem Ma-thi-ơ 9:37-38; 13:30,38; Mác 4:26-29; Lu-ca 10:2; Giảng 4:35-38) và mùa thứ hai là thu hoạch kẻ ác, (xem Ê-sai 63:2-6; Giê-rê-mi 51:33; Ca Thương 1:15; Giô-ên 3:13 và Khải Huyền 19:15. Tuy nhiên cả hai có thể là một - như trong Giô-ên 3:13 nói về một phán xét.

**14:14 “có một đám mây trắng; trên mây có ai giống như Con Người đang ngồi, đầu đội mão triều thiên bằng vàng”** Nan đề phân định “Ai” ở đây lại lặp lại từ chương 6, 10. Phải chăng đây là Đấng Mê-si-a (xem Đa-ni-ên 7:13) hay là thiên sứ hùng mạnh hầu việc Ngài. Tôi nghĩ đây là thiên sứ hùng mạnh, vì

1. Phân đoạn này đang nói về một loạt thiên sứ (xem các câu 15,17,18)
2. Ma-thi-ơ 13:39, 41-42, 49-50 cho biết các thiên sứ sẽ gom góp và tách biệt nhân loại cho sự ban phước

- và sự trừng phạt trong thời điểm Tận thế.
3. Một thiên sứ ra lệnh cho Ngài? (xem câu 15)

**14:15** Đây là sự liên tưởng tới Giô-ên 3:13.

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 14:17-20**

<sup>17</sup>Tôi thấy một thiên sứ khác từ đền thờ trên trời đi ra cũng có một lưỡi liềm bén.

<sup>18</sup>Rồi một thiên sứ khác nữa, có quyền trên lửa, từ bàn thờ đi ra, lớn tiếng gọi vị có lưỡi liềm bén rằng: “Hãy đưa lưỡi liềm của anh ra và cắt những chùm nho ở mặt đất đi, vì nho đã chín rồi.” <sup>19</sup>Thiên sứ ném lưỡi liềm xuống mặt đất, cắt những chùm nho từ dây nho, và ném vào thùng ép lớn của cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. <sup>20</sup>Chúng phải bị giày đập trong thùng ép ấy bên ngoài thành, rồi có máu từ thùng ép chảy ra; ngập đến hàm thiếc ngựa, và trải dài khoảng ba trăm cây số.

**14:17** “Tôi thấy một thiên sứ khác từ đền thờ trên trời đi ra ” Câu này liên hệ tới Đền Thờ thuộc linh trên Thiên Đàng (xem Hê-bơ-rơ 8:2; 9:11,23-24).

**14:18** “ có quyền trên lửa” Các thiên sứ có thẩm quyền trên nước (xem 16:5), trên gió (xem 7:1) và trên lửa (xem 14:18. Điều này phản ánh quan điểm của các thầy Ra-bi Do-thái giáo về vai trò thiên sứ trong thiên nhiên. Tân Ước không nhấn mạnh điều này, những không vì thế mà không có thực, (xem Hê-bơ-rơ 1:7,14).

**14:20** “ bên ngoài thành” Có người cho đây là điều liên tưởng tới Đấng Christ bị đóng đinh bên ngoài thành Giê-ru-sa-lem (xem Hê-bơ-rơ 13:12). Người khác lại cho đây là một ứng dụng trong luật pháp, trong đó những thứ dơ dáy phải đem ra ngoài trại (xem Lê-vi 8:17; 9:11). Lại có nhóm cho rằng đây là sự quy tụ những đội quân chống Chúa bên ngoài thành Giê-ru-sa-lem (xem Thi Thiên 2:2,6; Đa-ni-ên 11:45; Giô-ên 3:12-14; Xa-cha-ri 14:1-4; và văn chương Khải thị giữa hai Giao ước - nguy kinh I Enoch 53:1). Nan đề tùy thuộc vào quan điểm giải kinh, đâu cần hiểu theo nghĩa đen và đâu theo nghĩa bóng.

} “**rồi có máu từ thùng ép chảy ra; ngập đến hàm thiếc ngựa, và trải dài khoảng ba trăm cây số**” Đây là kết quả của trận đánh khổng lồ trong các chương sau, hay chẳng qua là ẩn dụ về máu nước nho ép. Câu hỏi được đặt ra là câu này cần được hiểu theo nghĩa đen hay nghĩa bóng? Phải chăng đây là sự miêu tả chiến trận trong lịch sử (với địa danh và thời điểm) hay miêu tả xung đột tâm cỡ vũ trụ giữa điều thiện và điều ác? Thể loại văn chương của Khải Huyền nghiêng về khả năng thứ hai, nhưng lời dạy của Chúa Giê-su trong Ma-thi-ơ 24: Mác 13 và Lu-ca 21 lại hướng về khả năng thứ nhất: một chiến trận thuộc thể.

Chiều dài dòng máu cũng không chắc chắn: (1) 165 dặm; (2) 184 dặm; hay (3) 200 dặm. Con số chính xác trong nguyên bản là 1600 Ê-ta-đơ (BDM), (1,600 furlongs) (các bản tiếng Việt 300 cây số RVV, BD 2011) Đây là con số biểu tượng không bình thường. Có người nói đây là khoảng cách giữa Đan và Bê-sê-ba, có nghĩa sự phán xét sẽ bao phủ cả Miền Đất Thánh.

“Nho bị ép” là ẩn dụ về phán xét trong Cựu Ước (xem Ê-sai 63:3; Ca Thương 1:15), có thể vì sự tương đồng màu sắc giữa máu và nước nho. Điều này cũng sẽ được nhắc tới trong câu 19:15.

} “**cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời.**” xem ghi chú ở câu 7:14.

## CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát

1. Nhóm 144 ngàn trong chương 7 và chương 14 liên hệ với nhau như thế nào?
2. Núi Si-ôn có ý nghĩa về nhóm người nào?
3. Phải chăng các đặc tính trong câu 14:4 nói về nhóm người độc thân, hay nói về tất cả con dân Chúa?
4. Câu 14:6, 7 mang tầm quan trọng như thế nào?
5. Ba-by-lon là ai, hoặc là gì?
6. Phải chăng địa ngục mang tính đời đời?
7. Ai là nhân vật ngồi trên đám mây trong các câu 14:14-16 và vì sao?

## KHẢI HUYỀN 15-16

### CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Các thiên sứ và các tai họa cuối cùng	Mân đạo cho chén thịnh nộ	Bảy chén thịnh nộ của Đức Chúa Trời	Các thiên sứ và các tai họa cuối cùng	Bài ca của Mô-sê và Chiên Con
15:1	15:1-16:1	15:1	15:1	15:1-4
15:2-4		15:2-4	15:2-4	Bảy chén với tai họa
15:5-8		15:5-16:1	15:5-8	15:5-8
Chén thịnh nộ của Đức Chúa Trời			Chén thịnh nộ của Đức Chúa Trời	
16:1	Chén một: Ung nhọt độc		16:1	16:1
16:2	16:2	16:2	16:2	16:2
	Chén hai: Biển thành huyết			
16:3	16:3	16:3	16:3	16:3
	Chén ba: nước hóa huyết			
16:4-7	16:4-7	16:4-7	16:4-7	16:4-7
	Chén tư: người bị thiêu			
16:8-9		16:8-9	16:8-9	16:8-9
	Chén năm: Tội tằm và đau đớn.			
16:10-11		16:10-11	16:10-11	16:10-11
	Chén sáu: Ê-phơ-rát khô cạn			
16:12-16	16:12-16	16:12-16	16:12-14	16:12-16
	Chén bảy: đất rung chuyển		16:15	
			16:16	
16:17-21	16:17-21	16:17-21	16:17-21	16:17-21

### **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)**

#### *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN*

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

Phân đoạn 1  
Phân đoạn 2  
Phân đoạn 3  
Vấn vân...

## KIẾN GIẢI SÂU SẮC CHO KHẢI HUYỀN 15:1-16:21

- A. Bảy chén được giới thiệu trong chương 15, và miêu tả cụ thể hơn trong chương 16 là một trong ba chu kỳ của tai họa từ trời với dụng ý thức tỉnh cứu rỗi, (xem 9:20-21; 14:6-7; 16:9,11). Mỗi một chu kỳ đều trở nên nghiêm trọng hơn, với mức độ tăng dần từ 1/4 tới 1/3, tới tận diệt (phán xét và loại bỏ sự ác). Tai họa ở đây có cơ sở từ lời rủa sả và chúc phước theo Giao ước (Phục tuyền 27-28).
- B. Về kỹ xảo văn chương, chúng ta có thể thấy một mối liên hệ giữa các chu kỳ. Ấn thứ bảy trở nên chu kỳ bảy kèn. Bốn kèn đầu tiên tương tự như bốn chén đầu tiên.
- C. Chén thứ bảy là sự sụp đổ của Ba-by-lon, tức biểu tượng cho xã hội loài người được tổ chức và vận hành ngoài ý chỉ Đức Chúa Trời. Trong thời Giăng sống đó là Đế Quốc La-mã. Các đế quốc được miêu tả qua Đa-ni-ên 2 ngày càng trở nên chống nghịch Đức Chúa Trời, cho đến đế quốc toàn cầu cuối cùng là La-mã mà trong đó Đấng Mê-si-a giáng sinh. (Hãy xem phần giới thiệu cho Đa-ni-ên 8, [www.freebiblecommentary.org](http://www.freebiblecommentary.org)).
- D. Chương 15, 16 lấy các hình ảnh từ trong trải nghiệm Xuất Hành của I-sơ-ra-en (tương tự như chương 12 – 14. Sự giải phóng khỏi điều ác thời Tận thế được coi là sự Xuất Hành Tới Hậu).
- E. Kỹ Nữ Ba-by-lon (tức xã hội loài người phản nghịch) và Con Thú bị đánh bại tại Ha-ma-ghê-đôn (16:12-16). Sa-tan, Gót và Ma-gót (nhân loại phải nghịch) chịu thất bại ở thời điểm cuối cùng (xem 20:7-10). Sự Tái Lâm của Chúa Giê-su được thấy ở chương 19 là sự ứng nghiệm của Ấn thứ bảy, kèn thứ bảy và chén thứ bảy. Đây là câu Đức Chúa Trời trả lời cho các tử đạo trong 6:9-11.
- F. Sau đây là một số nan đề giải kinh những cuộc chiến cuối cùng:
  - 1. Thể loại văn chương: khai thị / tiên tri
  - 2. Cấu trúc theo giai đoạn, chu kỳ và màn kịch
  - 3. Có sự uyển chuyển giữa các nhóm và các biểu tượng.
  - 4. Khó tách rời các ứng nghiệm trong thế kỷ đầu tiên và thời kỳ tận thế.

## NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN.

### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 15:1-3a**

<sup>1</sup>Tôi thấy một dấu lạ khác ở trên trời vừa vĩ đại, vừa diệu kỳ: Bảy thiên sứ cầm bảy tai họa cuối cùng, bởi những tai họa này, cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời kết thúc.

<sup>2</sup>Tôi thấy một cái gì giống như biển thủy tinh hòa với lửa, những người chiến thắng con thú và hình tượng nó cùng số của tên nó đang đứng bên biển thủy tinh, với những chiếc thụ cầm của Đức Chúa Trời trên tay. <sup>3</sup>Họ hát bài ca Môi-se, đầy tớ của Đức Chúa Trời, và bài ca Chiên Con rằng

**15:1 “ở trên trời”** Đây là dấu thứ ba trong một loạt dấu mà Giăng thấy trên Thiên Đàng, xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 12:1.

} “vừa vĩ đại, vừa diệu kỳ” Câu này chỉ xuất hiện ở đây, nói về hình ảnh “Họ hát bài ca Môi-se” trong câu 3, là sự liên tưởng Cựu Ước (ví dụ Phục Truyền 32:3-4; Thi Thiên 111:2; 139:14; or Ô-sê 14:9).

Các câu 3-4 là những liên tưởng Cựu Ước kết hợp từ vài chỗ trong Kinh Thánh.

} “con thịnh nộ của Đức Chúa Trời” xem ghi chú trong câu 7:14.

} “kết thúc.” “Teleò” Động từ chỉ định thụ động thì quá khứ (đã bị kết thúc, đã được ứng nghiệm). Các chén đã hoàn tất sứ mạng và sự phán xét trở nên tối hậu đối với sự cứng đầu vô tin. Không còn hy vọng và đức tin, chỉ còn thịnh nộ và vĩnh biệt!

Về mặt thần học, những ấn, kèn, chén là cách bày tỏ hy vọng của Đức Chúa Trời tới sự ăn năn của nhân loại, Nhưng cuối cùng, sự cứng lòng của nhân loại minh chứng cho cơn thịnh nộ của Ngài, sự loại bỏ và cách ly điều ác. Địa ngục trở nên sự chọn lựa tối hậu và duy nhất cho họ.

**15:2 “Tôi thấy một cái gì giống như biển thủy tinh ”** “biển thủy tinh” được nhắc đến lần đầu trong Khải Huyền 4:6. và còn được nhắc đến trong Khải Huyền 21:1. Có lẽ tượng trưng cho nước trên Thiên Đàng, hay là biểu tượng cho sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, ngăn cách con người tội lỗi đến gần Ngài. Một ngày kia, sự ngăn cách sẽ bị loại bỏ. Điều này gợi ý tới Xuất Hành 24:10 hoặc Ê-xê-chiên 1:22; 10:1, xem ghi chú ở câu 4:6.

} “hòa với lửa” Sự miêu tả này không có trong câu 4:6 trước đó. Có thể vì một số lý do sau đây:

1. Phản chiếu hoàng hôn trên lịch sử nhân loại.
2. Lửa là biểu tượng cho sự phán xét của Chúa.
3. Huyết của người tử đạo.
4. Liên hệ tới bài ca Mô-sê và chiến thắng tại Biển Đỏ, bởi bối cảnh lịch sử chương 15, 16 đều liên hệ tới các tai họa thời Xuất Hành , (xem Xuất Hành 7-12; 15)

} **những người chiến thắng**

NASB “Những người đắc thắng ”  
NKJV “những người cầm chiến thắng ”  
NRSV “Những người chinh phục.”  
TEV “Những người giành thắng lợi.”  
NJB “Những người đã chiến đấu chống lại. ”

Lúc đầu có vẻ đây đang nói về các tử đạo, nhưng câu 12:11 ám chỉ tất cả mọi người không chịu cúi đầu trước Con thú, dù họ có thể chết vì nguyên nhân tự nhiên, (xem 20:4).

} **con thú và hình tượng nó cùng số của tên nó**

NASB “Từ Con thú, từ hình tượng và từ con số của tên Nó. ”  
NKJV “trên Con Thú, trên hình tượng, và trên dấu của Nó.”  
NRSV “Con Thú, hình tượng, và con số của tên Nó”  
TEV “trên Con Thú, trên hình tượng và trên tên được biểu tượng bằng con số”  
NJB “Con Thú và người, và chống lại tượng của hắn và con số tức là tên của hắn”

Con Thú được nhắc đến lần đầu ở câu 11:7. Trong chương 13 có hai Con Thú. Con thứ nhất là Sa-tan nhập thể (nhái lại Chúa Giê-su), con thứ hai là tiên tri giả (nhái lại Đức Thánh Linh). Từ thông tin câu 13:18, chúng ta biết số ấy là 666, chắc không phải là số của một nhân vật, nhưng là biểu tượng sự sa ngã trật ân điển của một xã hội loài người, một chính quyền ngoài ý chỉ của Đức Chúa Trời. .



} **“đang đứng bên biển thủy tinh”** Các bản Anh Ngữ (NASB, NKJV) dịch “đứng trên”, và các bản khác (NRSV và TEV, NJB) dịch “đứng bên”. Các giới từ tiếng Hy-lạp có ý nghĩa ‘trên, ở trên, lên trên’. Ấn dụ này nói về sự gần gũi Chúa của những người chiến thắng. “Biển” tượng trưng cho sự cách ly giữa Đức Chúa Trời thánh khiết và con người tội lỗi. Biển cuối cùng sẽ bị loại bỏ trong câu 21:1 khi mỗi tương giao Thần - nhân được hồi phục trọn vẹn, giống như mỗi tương giao giữa Chúa và A-đam trong vườn Ê-đen.

Để hiểu thêm các ý nghĩa có thể có về ‘biển thủy tinh, xin xem ghi chú ở câu 4:6.

} **“với những chiếc thụ cầm của Đức Chúa Trời trên tay”** Thiên sứ với đàn thụ cầm được miêu tả trong câu 5:8 và 14:2. Nhưng ngữ cảnh chứng tỏ những nhân vật cầm đàn ở đây lại là các thánh đồ, tức là nhóm 144 ngàn. Nếu như thiên sứ thờ phượng bằng âm nhạc trên Thiên Đàng, cơ sao các tín đồ chiến thắng lại không thể làm điều đó!

**15:3 “Họ hát bài ca Mô-i-se, đầy tớ của Đức Chúa Trời, và bài ca Chiên Con”** Điều này nói về sự hiệp nhất giữa Cựu và Tân Ước trong bài ca cứu chuộc. Bài ca Mô-se gợi nhớ tới Xuất Hành 15:1-19, khi Mô-sê cảm ơn Đức Chúa Trời về chiến thắng Pha-ra-ô ở Biển Đỏ. Tuy nhiên có thể Giảng liên tưởng tới bài ca trong Phục Truyền 32, bởi vì câu đầu tiên giống như câu Phục Truyền 32:3-4. Bài ca của Chiên Con được nhắc tới trong các câu 5:9 và 14:3. Xin để ý bài ca nói về một tập thể những người được cứu, chứ không phải chỉ một cá nhân (xem Sáng Thế 3:15).

} **“đầy tớ của Đức Chúa Trời”** Đây là danh hiệu vinh quang cho tôi tớ Đức Chúa Trời, dành cho những người như Mô-sê, Giô-sua, và Đa-vít. Đây cũng là khởi đầu danh hiệu cho Phao-lô, tôi tớ của Đấng Christ.

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 15:3b-4**

**“Lạy Đức Chúa Trời Toàn Năng,  
 Công việc của Ngài thật vĩ đại và diệu kỳ!  
 Lạy Vua của muôn đời,  
 Đường lối của Ngài là công chính và chân thật!  
 4Lạy Chúa, ai sẽ không kính sợ Chúa,  
 Và không tôn vinh danh Ngài?  
 Vì chỉ một mình Chúa là thánh.  
 Mọi dân tộc sẽ đến  
 Thờ phượng trước mặt Chúa,  
 Vì những việc công chính của Ngài đã được bày tỏ.”**

} **“Công việc của Ngài thật vĩ đại và diệu kỳ!”** Đây là tổ hợp các liên tưởng tới Thi Thiên 40:5; 92:5; 111:2; 139:14 và Ô-sê 14:9.

} **“Lạy Đức Chúa Trời Toàn Năng,”** Một câu chứa đựng 3 danh hiệu thường được dùng nhất trong Cựu Ước, (xem 1:8; 4:8; 11:7; 16:7).

1. “Chúa” tức Đức Giê-hô-va là Đấng Cứu Chuộc, Đấng Cứu Rỗi, Đấng theo Giao Ước.
2. “Đức Chúa Trời” tức *Elohim*, Đấng Sáng Tạo, Cung Ứng, Bảo Trì sự sống trên trần gian.
3. “Toàn Năng” tức *El Shaddai*, Danh Đức Chúa Trời của tổ phụ Áp-ra-ham, I-sắc và Gia-cốp, (xem Xuất Hành 6:3), xem Chủ Đề Đặc Biệt: Danh hiệu Thần Linh at 1:8.

} **“Đường lối của Ngài là công chính và chân thật!”** Sự khẳng định này lại càng quan trọng hơn trong bối cảnh nhện nhục của các tín đồ, (xem 16:7). Câu này gợi nhớ tới Ô-sê 14:9.

**“Lạy Vua của muôn đời,”**  
 NASB, NRSV,

TEV, NJB

“Thưa Ngài, Vua của các dân tộc”

NKJV

“Thưa Ngài, Vua của các thánh đồ.”

Trong các bản anh ngữ có 3 cách dịch khác nhau.

1. “Vua Muôn đời” (ASV, NIV, REB) được dịch từ bản Hy-lạp cổ MSS P<sup>47</sup>, I<sup>\*2</sup>, và C (xem I Ti-mô-thê 1:17; I Enoch 9:4)
2. “Vua của các dân tộc” (NRSV, TEV, NJB) dịch từ bản Hy-lạp cổ MSS I<sup>a</sup>, A, P, và hầu hết bản chữ nhỏ (xem câu 4; Giê-rê-mi 10:7)
3. “Vua của các thánh đồ” (NKJV) MSS 296, 2049 (Metzter, *Textual Commentary*, p. 753) dịch từ sự hiểu lầm trong bản La-tin

Khả năng thứ hai có vẻ thích hợp nhất, Thánh Kinh Liên Hội xếp hạng “B” - gần như chắc chắn- cho khả năng “Vua của các dân tộc”

**15:4 “Lạy Chúa, ai sẽ không kính sợ Chúa, Và không tôn vinh danh Ngài?”** Đấng Tạo Hóa Siêu Phàm (xem 14:7; Giê-rê-mi 10:7-10) lại là Đấng ban sự Cứu rỗi cho bất cứ ai kính sợ và tôn vinh Danh Ngài.

} “**Mọi dân tộc sẽ đến Thờ phượng trước mặt Chúa**” Tiên Tri Cự Ước cho biết một ngày kia mọi dân tộc sẽ đến Giê-ru-sa-lem, (xem Thi Thiên 22:27; 66:4; 86:9; Ê-sai 2:2-4; 19:19 -24; 27:13; 56:7; 66:19-24; Ma-la-chi 1:11). Giảng sử dụng hình ảnh và tiên tri Cự Ước để minh họa sự cứu rỗi toàn cầu. Giê-ru-sa-lem của Cự Ước đã trở nên Giê-ru-sa-lem của Thiên Đàng, cho cả tín đồ Do-thái và Ngoại Bang. Cự Ước phân chia Do-thái và Ngoại Bang, nhưng Tân Ước, đặc biệt sách Khải huyền chỉ phân biệt tín đồ và người không tin. (so sánh Ê-sai 45:23 với Phi-líp 2:9-11). Xin xem phần “Bài giới thiệu quan trọng” ở đầu cuốn sách giải kinh này.

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 15:5-8**

**<sup>5</sup>Sau đó, tôi thấy đền thờ là Lều Chứng Ước ở trên trời mở ra. <sup>6</sup>Bảy thiên sứ cầm bảy tai họa từ đền thờ đi ra, mình mặc áo vải gai tinh sạch rực rỡ, thắt đai bằng vàng ngang ngực. <sup>7</sup>Một trong bốn sinh vật trao cho bảy thiên sứ bảy bát bằng vàng đựng đầy sự thịnh nộ của Đức Chúa Trời, là Đấng hằng sống đời đời. <sup>8</sup>Đền thờ đầy khói từ vinh quang của Đức Chúa Trời và quyền năng Ngài; không ai có thể vào đền thờ cho đến lúc bảy tai nạn của bảy thiên sứ đã hoàn tất.**

**15:5 “đền thờ là Lều Chứng Ước ở trên trời mở ra.”** Đầu tiên trong câu 4:1, cửa Thiên đàng được mở ra cho phép Giảng thấy Thiên Cung. Trong câu 11:19, toàn bộ Rương Giao Ước được các thánh đồ thấy. Bây giờ, toàn bộ Đền Thánh hiện ra (xem Xuất Hành 25:9,40; 38:21; Dân Số 10:11; 17:7; Công Vụ 7:44). Sự liên tưởng này được phát triển ở trong các câu Hê-bơ-rơ 8:5 và 9:23. Phần đoạn này sử dụng bối cảnh Xuất Hành và Lang Thang Đồng Vắng để miêu tả giai đoạn sắp tới là sự Xuất Hành lần hai, thoát khỏi sự cầm tù bởi tội lỗi một cách tối hậu.

**15:6 “mình mặc áo vải gai tinh sạch rực rỡ”** Bảy thiên sứ đến từ trong Nơi Chí Thánh của Thiên Cung, ám chỉ về sự gần gũi của họ đối với Đức Chúa Trời. Các thần Ra-bi gọi bảy thiên sứ hùng mạnh đứng quanh Ngài Đức Chúa Trời này là “Thiên Sứ Trước mặt” (Angels Of The Presence)

Y phục của họ được miêu tả trong hai biến thể (1) “áo vải gai” (*linon* or *linoun* [P<sup>47</sup>]), là vật liệu được mặc bởi các thầy Tế Lễ trong Xuất Hành 28:4 (theo UBS<sup>4</sup>, hạng “B”) hoặc (2) “gắn đầy ngọc quý” (*lithon*) (theo ASV dịch từ bản Hy-lạp cổ chữ lớn A và C, gợi ý tới Ê-xê-chiên 28:13 về y phục thiên sứ trong vườn Ê-đen.

Chiều theo nguyên tắc phê bình văn bản (xem Phụ lục) (1) Biến thể nào khó hiểu hơn, biến thể ấy là nguyên thủy, và (2) Biến thể nào dễ dùng để giải thích các biến thể còn lại, biến thể ấy chính là nguyên thủy.

Vì vậy tôi chọn biến thể “mình gắn đầy ngọc quý” cho câu này.

} “**thắt đai bằng vàng ngang ngực**” Sự miêu tả này giống thiên sứ trong Đa-ni-ên 10:5 hoặc giống Đấng Christ Khải Huyền 1:18. Rõ ràng đây là những thiên sứ rất hùng mạnh, đại diện cho Đức Chúa Trời hoặc cho chính Chiên Con

**15:7 “bảy bát bằng vàng đựng đầy sự thịnh nộ của Đức Chúa Trời”** Những chén vàng giống như chén đựng lời cầu nguyện của Thánh đồ trong câu 5:8. Trong cả Khải Huyền, lời cầu nguyện của Thánh đồ luôn liên hệ tới

con thịnh nộ của Đức Chúa Trời trên thế gian vô đạo, (xem ghi chú 7:14).

} **“là Đấng hằng sống đời đời.”** Đấng Hằng Sống là gốc từ của danh hiệu Đức Giê-hô-va - Nguồn Sống duy nhất mà từ Ngài có được tất cả cách sinh vật, xem Chủ Đề Đặc Biệt: danh hiệu của Thần Linh ở câu 1:8.

Về “đời đời, muôn đời” xem chủ đề đặc biệt ở câu 1:6.

**15:8 “Đền thờ đầy khói từ vinh quang của Đức Chúa Trời”** Đây là sự miêu tả trong Cựu Ước về sự hiện diện thiêng liêng (xem Xuất Hành 19:18; 40:34; I Các Vua 8:10-11; II Sử Ký 5:13-14; Ê-sai 6:4). Nó liên tưởng tới đám mây vinh hiển *Shekinah*, biểu tượng sự có mặt của Đức Chúa Trời cùng dân I-sơ-ra-en trong Đền Vắng. Tuy nhiên ngữ cảnh liên hệ tới những chén, nên khói ở đây biểu tượng cho sự cầu nguyện của các Thánh đồ

Glory (doxa)

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ VINH HIỂN

Khái niệm “sự vinh hiển” trong Kinh Thánh rất khó có thể định nghĩa. Sự vinh hiển của các tín hữu có nghĩa là họ hiểu Phúc âm và sự vinh hiển trong Đức Chúa Trời, không phải trong chính họ (1:29-31; Giê-rê-mi 9:23-24).

Trong Cựu Ước từ ngữ thông thường nhất để chỉ “sự vinh hiển” (*kbd*) là một thuật ngữ trong thương mại chỉ một cặp cân (“sức nặng”). Bên nào nặng thì có giá trị hay thể hiện giá trị bên trong. Thông thường khái niệm tỏa sáng được thêm vào chữ này để diễn tả oai nghi của Chúa (Xuất Ê-díp-tô ký 19:16-18; 24:17; Ê-sai 60:1-2). Duy nhất chỉ có Ngài mới xứng đáng và được tôn trọng. Ngài quá ngời sáng cho nên con người sa ngã không thể chiêm ngưỡng được (Xuất Ê-díp-tô ký 33:17-23; Ê-sai 6:5). Đức Giê-hô-va chỉ có thể được biết đến rõ ràng qua Đấng Christ (Giê-rê-mi 1:14; Ma-thi-ơ 17:2; Hê-bơ-rơ 1:3; Gia-cơ 2:1).

Từ ngữ “vinh hiển” có vẻ mơ hồ: (1) có thể tương đương với “sự công bình của Đức Chúa Trời”; (2) có thể chỉ sự “thánh khiết” hay “trọn vẹn” của Đức Chúa Trời; hay (3) là ảnh tượng của Đức Chúa Trời qua đó con người được dựng nên (Sáng-thế-ký 1:26-27; 5:1; 9:6), nhưng đã bị hoen ố bởi sự nổi loạn (Sáng-thế-ký 3:1-22). Lần đầu tiên nó được dùng để chỉ sự hiện diện của Đức Giê-hô-va với dân sự Ngài trong thời gian lang thang nơi đồng vắng được ghi lại trong Xuất Ê-díp-tô ký 16:7,10; Lê-vi-ký 9:23 và Dân số ký 14:10.

} **“không ai có thể vào đền thờ cho đến lúc bầy tai nạn của bầy thiên sứ đã hoàn tất.”** Câu này có thể mang ý nghĩa con thịnh nộ của Chúa sẽ không dừng lại một khi đã bắt đầu, Tuy nhiên, theo thần học, điều này mâu thuẫn với Khải Huyền 16:9 và 11, ám chỉ mục đích cứu rỗi, dù trong các chén vẫn còn có hy vọng nơi Đức Chúa Trời, và vẫn còn lời mời gọi nhân loại ăn năn, đầu phục Ngài.

### KHẢI HUYỀN 16

#### RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 16:1

**<sup>1</sup>Bấy giờ, tôi nghe một tiếng lớn từ đền thờ bảo bầy thiên sứ rằng: “Hãy đi đổ bầy bát thịnh nộ của Đức Chúa Trời xuống đất.”**

**16:1 “Bấy giờ, tôi nghe một tiếng lớn từ đền thờ bảo bầy thiên sứ rằng”** Khải Huyền 15:8 cho thấy đây là tiếng của Đức Chúa Trời phán cho các thiên sứ. Nhóm thiên sứ cuối cùng này có thẩm quyền tối hậu hủy diệt trần thế. Trong Cựu Ước có nhắc đến tử thần (Góp 33:22) và thiên sứ hủy diệt (Xuất 12:23, 2 Sa-mu-ên 24:22), là những tội tở của Đức Chúa Trời chứ không phải của Sa-tan

} **“Hãy đi đổ bầy bát thịnh nộ của Đức Chúa Trời xuống đất”** Chén là những liên tưởng Cựu Ước về sự phán xét của Đức Chúa Trời trên các dân tộc thù nghịch, (xem Thi Thiên 79:6; Jer 10:25; Ê-xê-chiên 22:31; Sô-phô-ni 3:8), cũng vậy theo ngữ cảnh, ở đây chén là biểu tượng của con thịnh nộ đối với những người không tin, (xem các câu 1,2,3,4,8,10,12,17 và ghi chú ở câu 7:14). Họ chịu án phạt bởi vì:

1. họ lộng ngôn (xem câu 9)

2. họ bắt bớ tín đồ (xem câu 6)
3. họ ngoan cố không chịu ăn năn, (xem 9:20-21; 6:9-12). Về “con thịnh nộ” xin xem ghi chú ở câu 7:14

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 16:2**

<sup>2</sup>Thiên sứ thứ nhất đi đổ bát mình xuống đất thì có những ung nhọt độc và đau nhức xuất hiện trên những người có dấu con thú và thờ lạy hình tượng nó.

**16:2** Chén đầu tiên gây tai họa giống một tai họa ở Ai-cập (xem Xuất Hành 9:10-11). Có người thấy điều này liên hệ tới sự rửa sả theo giao ước được Mô-sê tái lập trong Phục Truyền 28:35. Xin để ý, cũng như tai họa ở Ai-cập, chỉ có những người không tin mới phải hứng chịu sự trừng phạt của Chúa.

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 16:3**

<sup>3</sup>Thiên sứ thứ hai đổ bát mình trên biển thì biển trở nên như máu người chết; và tất cả sinh vật trong biển đều chết hết.

**16:3-4** Chén thứ hai và ba cũng giống kèn thứ hai và ba (xem Khải Huyền 8:8-11) và cũng liên tưởng tới tai họa ở Ai-cập, Xuất Hành 7:17-21; Thi Thiên 78:44.

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 16:4-7**

<sup>4</sup>Thiên sứ thứ ba đổ bát mình trên các sông và các nguồn nước thì chúng biến thành máu. <sup>5</sup>Tôi nghe thiên sứ của nước nói rằng:

“Lạy Đấng Thánh, ĐÁNG HIỆN CÓ, ĐÃ CÓ, Ngài là công chính,

Vì Ngài đã xét đoán những điều này;

<sup>6</sup>Bởi chúng đã làm đổ máu những thánh đồ và các nhà tiên tri,

Nên Ngài đã cho chúng uống máu.

Thật là đáng lăm!”

<sup>7</sup>Rồi tôi nghe tiếng từ bàn thờ nói rằng:

“Thật vậy, lạy Chúa là Đức Chúa Trời Toàn Năng,

Những sự phán xét của Ngài đều chân thật và công minh.”

**16:5 “thiên sứ của nước”** Khái niệm ‘thiên sứ của nước’ có thể đến từ ngụ kinh I Enoch 66:2. Trong Khải Huyền chúng ta đã thấy thiên sứ của gió, (xem 7:1) và thiên sứ của lửa, (xem 14:8). Vậy chẳng có gì ngạc nhiên khi có thiên sứ của nước. Một lần nữa chúng ta thấy thiên sứ trong vai trò trung gian và phục vụ, khá phổ biến trong văn chương Khải thị giữa hai giao ước Chúng ta phải giải kinh trong ánh sáng thể loại và bối cảnh của tác giả, chứ không theo định kiến hiện đại tây phương và thần học hệ thống hóa về chủ đề Tận thế.

} “**Ngài là công chính**” Đây là liên tưởng tới bài ca của Mô-sê trong Phục Truyền 32 (đặc biệt câu 5) hoặc Thi Thiên 119:137.

} “**ĐÁNG HIỆN CÓ, ĐÃ CÓ**” Xin để ý một cách đặc biệt, trong danh hiệu ở đây không có chi tiết “SẼ ĐẾN” như trong 1:4,8; 4:8, Bởi vì đây đã là thời điểm Tận Thế, không còn gì là tương lai nữa (xem 11:17), (So sánh với 1:4) Từ đây trở đi là cõi đời đời. Tận Thế (tức *Parousia*) đã được bày tỏ vài lần trong Khải Huyền, chứ không phải chỉ trong chương 19. Mỗi một chu kỳ ấn, kèn, chén đều kết thúc với sự Tái Lâm và chung kết lịch sử. Chính vì vậy tôi nghĩ thuyết “Tóm Lược Sự Kiện” quan điểm giải kinh tốt nhất cho Khải Huyền.

**16:6 “thánh đồ”** xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 5:8.

} “**tiên tri**” Về tiên tri Cựu Ước xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 10:7. Còn về tiên tri Tân Ước xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây:

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TIÊN TRI TRONG TÂN ƯỚC

- I. Nó không giống như nói tiên tri trong Cựu ước, theo như ý nghĩa của các thầy Ra-bi về những mặc khải được linh cảm từ Đức Giê-hô-va (Công-vụ 3:18, 21; Rô-ma 16:26). Chỉ có những tiên tri mới viết được Kinh Thánh.
  - A. Môi-se được kêu gọi làm tiên tri (Phục truyền 18:15-21)
  - B. Các sách lịch sử (Giô-suê đến Các Vua [trừ sách Ru-tơ]) được gọi là “các tiên tri đời trước” (Công-vụ 3:24).
  - C. Tiên tri thay thế vai trò của thầy tế lễ tối cao như một nguồn thông tin từ Đức Chúa Trời (Ê-sai-Ma-la-chi).
  - D. Phần thứ hai của Kinh sách Hê-bơ-rơ gọi là “Các tiên tri” (Ma-thi-ơ 5:17; 22:40; Lu-ca 16:16; 24:25, 27; Rô-ma 3:21).
- II. Trong Tân ước khái niệm này được sử dụng trong nhiều cách khác nhau
  - A. Chỉ các tiên tri Cựu ước và sứ điệp được linh cảm của họ (Ma-thi-ơ 2:23; 5:12; 11:13; 13:14; Rô-ma 1:2)
  - B. Chỉ một sứ điệp cho một cá nhân hơn là một nhóm người (các tiên tri Cựu ước thường nói tiên tri về Y-sơ-ra-ên)
  - C. Chỉ Giảng Báp-tít (Ma-thi-ơ 11:9; 14:5; 21:26; Lu-ca 1:76) và Chúa Giê-xu như là những người công bố Nước Trời (Ma-thi-ơ 13:57; 21:11, 46; Lu-ca 4:24; 7:16; 13:33; 24:19). Chúa Giê-xu cũng tuyên bố Ngài lớn hơn các tiên tri (Ma-thi-ơ 11:9; 12:41; Lu-ca 7:26).
  - D. Chỉ các tiên tri khác trong Tân ước
    1. Thời thơ ấu của Đức Chúa Giê-xu được ghi lại trong Phúc âm Lu-ca (tức là các kỷ niệm, những điều Ma-ri ghi nhớ)
      - a. Ê-li-sa-bét (Lu-ca 1:41-42)
      - b. Xa-cha-ri (Lu-ca 1:67-79)
      - c. Si-mê-ôn (Lu-ca 2:25-35)
      - d. An-ne (Lu-ca 2:36)
    2. Các lời tiên đoán mĩa mai (Cai-phe, Giảng 11:51)
  - E. Chỉ người công bố Phúc âm (danh sách các ân tứ công bố Phúc âm trong I Cô-rinh-tô 12:28-29; Ê-phê-sô 4:11)
  - F. Chỉ một ân tứ đang vận hành trong hội thánh (Ma-thi-ơ 23:34; Công-vụ 13:1; 15:32; Rô-ma 12:6; I Cô-rinh-tô 12:10, 28-29; 13:2; Ê-phê-sô 4:11). Có khi điều này chỉ các phụ nữ (Lu-ca 2:36; Công-vụ 2:17; 21:9; I Cô-rinh-tô 11:4-5).
  - G. Chỉ sách về thời kỳ cuối cùng, sách Khải huyền (Khải huyền 1:3; 22:7, 10, 18, 19).
- III. Các tiên tri thời Tân ước
  - A. Họ không rao truyền những mặc khải được linh cảm như cách các tiên tri thời Cựu ước (tức là Kinh Thánh). Điều này khả thi là vì cách dùng cụm từ “đức tin này” (có nghĩa là một Phúc âm đã hoàn tất, trọn vẹn) trong Công-vụ 6:7; 13:8; 14:22; Ga-la-ti 1:23; 3:23; 6:10; Phi-líp 1:27; Giu-đe 3, 20.

Điều này được thấy rõ ràng qua cụm từ dùng trong Giu-đe 3, “đạo[đức tin] đã truyền cho anh em một lần đủ cả.” Chữ đạo “một lần đủ cả” chỉ các lễ thật, giáo lý, khái niệm, các lời dạy về thế giới quan Cơ-Đốc-Giáo. Sự nhấn mạnh đưa ra một lần là nền tảng Kinh Thánh giới hạn sự linh cảm cho các sách Tân ước và không công nhận tính mặc khải của các sách khác hoặc các sách viết sau đó. Mặc dù có nhiều chỗ mơ hồ, không rõ ràng, nửa trắng nửa đen trong Tân ước, nhưng người tin Chúa bởi đức tin công nhận rằng mọi điều “cần” cho đức tin và cho sự thực hành lối sống đạo đều có trong Tân ước với một sự rõ ràng có thể hiểu được. Khái niệm này được xếp trong cái gọi là “tam giác mặc khải”

    1. Đức Chúa Trời mặc khải chính Ngài qua không gian và thời gian của lịch sử (SỰ MẶC KHẢI)
    2. Ngài chọn một số trước giả là con người để ghi lại và giải thích những công việc của Ngài (SỰ LINH CẢM)
    3. Ngài ban Thánh Linh để mở lòng và trí của con người để hiểu Kinh Thánh, mặc dầu không phải

một cách hoàn toàn, nhưng một cách vừa đủ để dẫn đến sự cứu rỗi và một nếp sống Cơ đốc hiệu quả (SỰ SOI SÁNG)

Điều muốn nói ở đây là sự linh cảm chỉ giới hạn cho các trước giả viết Kinh Thánh mà thôi. Không có một cuốn sách nào, một khái niệm hay một mặc khải nào khác có thẩm quyền trên những điều đã viết bởi các trước giả này. Kinh điển Kinh Thánh đã được đóng lại. Chúng ta có toàn bộ lẽ thật chúng ta cần để có thể đáp ứng với Đức Chúa Trời một cách thích hợp.

Lẽ thật này được thấy rõ ràng nhất trong sự thống nhất giữa các trước giả Kinh Thánh so với sự không đồng ý của những người tin Chúa chân thành và tin kính. Không một tác giả hay diễn giả hiện đại nào có một mức độ lãnh đạo thiêng liêng giống như các trước giả Kinh Thánh.

- B. Về nhiều mặt các tiên tri Tân ước giống với các tiên tri Cựu ước:
  - 1. Tiên đoán các sự kiện trong tương lai (Phao-lô, Công-vụ 27:22; A-ga-bút, Công-vụ 11:27-28; 21:10-11; một số tiên tri không được nêu tên, Công-vụ 20:23)
  - 2. Công bố sự đoán xét (Phao-lô, Công-vụ 13:11; 28:25-28)
  - 3. Các hành động tượng trưng mô tả cách ấn tượng một sự kiện (A-ga-bút, Công-vụ 21:11)
- C. Có một số lần họ công bố lẽ thật Phúc âm qua sự tiên đoán (Công-vụ 11:27-28; 20:23; 21:10-11), nhưng đây không phải là trọng tâm chính. Nội tiên tri trong I Cô-rinh-tô chủ yếu là truyền bá Phúc âm (14:24, 39).
- D. Họ là công cụ của Thánh Linh để bày tỏ những ứng dụng hiện tại và thực tế về lẽ thật Đức Chúa Trời cho từng trường hợp, văn hóa, hay thời đại khác nhau (I Cô-rinh-tô 14:3).
- E. Họ tích cực trong các hội thánh đầu tiên thời Phao-lô (I Cô-rinh-tô 11:4-5; 12:28, 29; 13:29; 14:1, 3, 4, 5, 6, 22, 24, 29, 31, 32, 37, 39; Ê-phê-sô 2:20; 3:5; 4:11; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:20) và được nhắc đến trong tập *Didache* (viết vào cuối thế kỷ thứ nhất hay thế kỷ thứ hai, ngày tháng không rõ) và trong phái Montanism ở thế kỷ thứ hai và thứ ba trong vùng bắc Phi.

#### IV. Có phải các ân tứ thời Tân ước đã chấm dứt?

- A. Câu hỏi này thật khó trả lời. Nó giúp làm sáng tỏ vấn đề bằng cách định nghĩa mục đích các ân tứ. Chúng được dùng để xác nhận sự giảng dạy ban đầu về Phúc âm hay chúng là những phương cách vẫn tiếp diễn để hội thánh phục vụ chính mình và cho một thế giới hư mất?
- B. Chúng ta nhìn xem lịch sử của hội thánh hay chỉ xem xét Tân ước để trả lời câu hỏi này? Không có một dấu hiệu nào trong Tân ước cho thấy rằng các ân tứ thuộc linh chỉ có tính cách tạm thời. Những người tìm cách dùng I Cô-rinh-tô 13:8-13 để nói đến vấn đề này đã lạm dụng ý định có thẩm quyền của đoạn này, là đoạn xác định rằng mọi sự sẽ qua đi chỉ trừ tình yêu thương.
- C. Tôi rất muốn nói rằng bởi vì Tân ước là thẩm quyền, không phải lịch sử hội thánh, cho nên người tin Chúa phải xác định rằng các ân tứ này vẫn tiếp diễn. Tuy nhiên, tôi tin rằng văn hóa cũng ảnh hưởng đến cách diễn giải. Một số đoạn rất hiển nhiên không còn áp dụng cho ngày nay (ví dụ cái hôn thánh, đàn bà mang khăn trùm đầu, hội thánh nhóm tại nhà, câuv...). Vậy thì, nếu văn hóa ảnh hưởng đến các đoạn Kinh Thánh, thì tại sao lịch sử hội thánh lại không làm được điều này?
- D. Nói cho cùng, đây là câu hỏi không thể trả lời một cách dứt khoát được. Một số thì ủng hộ “sự chấm dứt”, trong khi một số khác ủng hộ sự “không ngưng nghỉ.” Trong lãnh vực này, cũng như trong một số vấn đề giải nghĩa khác, tâm lòng của người tin Chúa là chìa khóa. Tân ước có tính mơ hồ và thuộc về văn hóa. Điều khó là làm sao để biết được đoạn Kinh văn nào bị ảnh hưởng bởi lịch sử, văn hóa và đoạn nào mang tính vĩnh viễn (xem sách của Fee and Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 14-19; 69-77). Tại đây vấn đề về tự do và trách nhiệm, được nói đến trong Rô-ma 14:1-15:13 và I Cô-rinh-tô 8-10, đóng vai trò quan trọng. Cách chúng ta trả lời cho câu hỏi này có tính quan trọng trong hai cách:
  - 1. Mỗi tín hữu phải bước đi bằng đức tin trong ánh sáng (sự soi dẫn) mà họ có. Đức Chúa Trời nhìn xem tâm lòng và động cơ của chúng ta.
  - 2. Mỗi tín hữu cũng phải cho phép các tín hữu khác bước đi trong sự hiểu biết đức tin của họ. Nên có một sự chấp nhận nhau trong khuôn khổ Kinh Thánh. Đức Chúa Trời muốn chúng ta yêu thương nhau như Ngài đã yêu.

Để kết lại vấn đề, Cơ-Đốc-Giáo là cuộc sống của đức tin và tình yêu chứ không phải là một thần học hoàn hảo. Mọi liên hệ với Ngài, điều sẽ ảnh hưởng đến mọi liên hệ của chúng ta với người khác, là điều quan trọng hơn là những thông tin không còn nghi vấn hay sự hoàn hảo về tín lý.

**16:7 “tôi nghe tiếng từ bàn thờ nói rằng”** (BD 2011 “tôi nghe bàn thờ đáp lại”). Những sừng của Bàn Thờ đã được bàn tới trong câu 9:13. “Tiếng” ở đây ám chỉ (1) những linh hồn người tử đạo dưới bàn thờ (xem 6:9; 14:18) hay (2) lời cầu nguyện của con dân Đức Chúa Trời (xem 8:3-5). Hoặc có thể đây là sự nhân cách hóa “bàn thờ” với hình ảnh nhấn mạnh.

} **“lạy Chúa là Đức Chúa Trời Toàn Năng,”** xem ghi chú ở câu 15:3b và Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1:8.

} **“ Những sự phán xét của Ngài đều chân thật và công minh”** câu này có thể liên tưởng tới Thi Thiên 19:9; 119:137. Đây là sự nhắc nhở khích lệ Cơ-đốc nhân trong vòng bất bớ khủng khiếp, rằng Đức Chúa Trời sẽ làm mọi sự trở nên ngay thẳng trong ngày phán xét (xem 15:4 and 19:2).

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 16:8-9**

**<sup>8</sup>Thiên sứ thứ tư đổ bát mình trên mặt trời thì mặt trời được phép dùng lửa thiêu đốt loài người. <sup>9</sup>Loài người bị hơi nóng dữ dội thiêu đốt và xúc phạm đến danh Đức Chúa Trời, là Đáng có quyền trên các tai họa này, nhưng họ cũng không ăn năn để tôn vinh Ngài**

**16:8** Chén thứ tư giống như ấn thứ sáu 6:12 và kèn thứ tư 8:12.

} **“ Mặt trời được phép dùng lửa thiêu đốt loài người”** Mặt Trời được nhân cách hóa như trong Thi Thiên 19:1-6. Đức Chúa Trời điều hành các thiên thể (xem Sáng Thế 1:14-19). Thiên thể không là thần thánh, chúng được sử dụng như sứ giả (mặc khải qua thiên nhiên) và dấu hiệu (thờ phượng).

Fire

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LỬA**

Lửa có hàm ý cả tích cực và tiêu cực trong Kinh Thánh.

##### A. Tích cực

1. Sưởi ấm (xem Ê-sai 44:15; Giăng 18:18)
2. Soi sáng (xem Ê-sai 50:11; Ma-thi-ơ 25:1-13)
3. Nấu nướng (xem Xuất Hành 12:8; Ê-sai 44:15-16; Giăng 21:9)
4. Thanh tẩy (xem Dân-số Ký 31:22-23; Châm-ngôn 17:3; Ê-sai 1:25; 6:6-8; Giê-rê-mi 6:29; Ma-la-chi 3:2-3)
5. Thánh khiết (xem Sáng-thế Ký 15:17; Xuất Hành 3:2; 19:18; Ê-xê-chi-ên 1:27; Hê-bơ-rơ 12:29)
6. Sự lãnh đạo của Đức Chúa Trời (xem Xuất Hành 12:21; Dân-số Ký 14:14; I Các Vua 18:24)
7. Sự thêm sức của Đức Chúa Trời (xem Công-vụ 2:3)
8. Sự bảo vệ (xem Xa-cha-ri 2:5)

##### B. Tiêu cực

1. Thiêu đốt (xem Giô-suê 6:24; 8:8; 11:11; Ma-thi-ơ 22:7)
2. Hủy diệt (xem Sáng-thế Ký 19:24; Dân Số 10:1-2)
3. Tức giận (xem Dân-số Ký 21:28; Ê-sai 10:16; Xa-cha-ri 12:6)
4. Sự trừng phạt (xem Sáng-thế Ký 38:24; Dân Số 20:14; 21:9; Giô-suê 7:15)
5. Dấu lạ giả trong thời tận thế (xem Khải-huyền 13:13)

##### C. Cơn giận của Đức Chúa Trời chống nghịch tội lỗi được bày tỏ qua những nghĩa bóng về lửa

1. Cơn giận của Ngài thiêu đốt (xem Ô-sê 8:5; Sô-phô-ni 3:8)
2. Ngài đổ ra lửa (xem Na-hum 1:6)
3. Lửa đời đời (xem Giê-rê-mi 15:14; 17:4)
4. Sự phán xét tận thế (xem Ma-thi-ơ 3:10; 13:40; Giăng 15:6; II Tê-sa-lô-ni-ca 1:7; II Phi-e-rơ 3:7-10; Khải-huyền 8:7; 13:13; 16:8)

##### D. Cũng giống như những hình bóng khác được dùng trong Kinh Thánh (như men, sư tử ...) lửa có thể là sự chúc phúc hay là nguyên rủa tùy thuộc vào văn mạch.

**16:9 “họ cũng không ăn năn để tôn vinh Ngài”** Trong các ấn và kèn, mục đích con thịnh nộ nhằm hướng nhân loại vào sự cứu rỗi, (xem 9:20-21; 14:6-7; 16:9,11), mặc dầu vậy thế gian vẫn từ chối không chịu ăn năn. Trong chu kỳ các chén, hy vọng ăn năn đã qua đi, chỉ còn lại án phạt tối hậu!

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 16:10-11**

<sup>10</sup>**Thiên sứ thứ năm đổ bát mình trên ngai con thú, vương quốc của nó liền bị tối, và người ta cắn lưỡi vì đau đớn. <sup>11</sup>Họ xúc phạm đến Đức Chúa Trời trên trời vì sự đau đớn và ung nhọt của mình, nhưng không ăn năn những việc mình làm.**

**16:10 “Thiên sứ thứ năm đổ bát mình trên ngai con thú”** Ngai của Sa-tan được ban cho Con Thú trong câu 11:7. Quyền năng của hắn được miêu tả trong 13:2 và các câu sau đó. Ngai có thể là thủ đô của hệ thống quyền bính toàn cầu thời Tận Thế.

} **“vương quốc của nó”** Sa-tan luôn nhái lại Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời có Vương Quốc, Sa-tan cũng lập ra vương quốc. Trong các chương còn lại, công vụ của Đức Chúa Trời và Đấng Christ bị nhái lại bởi “bộ ba thù nghịch”. Vương quốc Sa-tan là vương quốc toàn cầu qua sự thống trị của Con Thú (xem 13:14-17).

} **“liền bị tối”** Điều này liên tưởng tới tai họa ở Ai-cập (xem Xuất Hành 10:21-23). Đức Chúa Trời điều hành ánh sáng (xem 8:12; 9:2; Sáng Thế 1:5,14-18).

**16:11 “Họ xúc phạm đến Đức Chúa Trời trên trời”.** Thế gian vô tín biết được nguồn gốc và nguyên nhân tai họa, nhưng nhất định từ chối sự ăn năn và đầu phục Đấng Christ. Tai họa ở Ai-cập bộc lộ tà thần và khích lệ dân Ai-cập đầu phục Đức Chúa Trời của I-sơ-ra-en. Những rủa sả trong Phục Truyền 27-28 được gởi đến để hồi phục niềm tin và sự vâng phục của I-sơ-ra-en. Sự phán xét của Đức Chúa Trời luôn chứa đựng hy vọng cứu rỗi, trừ sự trừng phạt cuối cùng.

Danh hiệu Đức Chúa Trời trên Trời, hay Chúa Thiên Đàng được dùng sớm hơn ở câu 11:13, phản chiếu cách gọi Đấng Tối Cao của người Ba-by-lon và Ba-tư, được thấy trong Đa-ni-ên (xem câu 2:18, và phân giải kinh sách Đa-ni-ên của tôi tại [www.freebiblecommentary.org](http://www.freebiblecommentary.org)).

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 16:12-16**

<sup>12</sup>**Thiên sứ thứ sáu đổ bát mình trên sông Ô-phơ-rát, sông liền cạn khô để chuẩn bị lối đi cho các vua phương đông. <sup>13</sup>Tôi thấy từ miệng con rồng, miệng con thú và miệng kẻ tiên tri giả có ba tà linh giống như ếch nhái đi ra. <sup>14</sup>Chúng là linh của ma quỷ, thực hiện các dấu lạ, và đi đến với các vua của cả thế gian để tụ họp họ lại cho chiến trận vào ngày trọng đại của Đức Chúa Trời Toàn Năng. <sup>15</sup>“Kìa, Ta đến như kẻ trộm, phước cho người nào tỉnh thức và giữ gìn y phục mình để khỏi đi lỏa lồ, không bị người ta thấy sự xấu hổ của mình!” <sup>16</sup>Chúng tụ họp các vua tại một chỗ mà tiếng Hê-bơ-rơ gọi là Ha-ma-ghe-đôn**

**16:12 “Thiên sứ thứ sáu đổ bát mình trên sông Ô-phơ-rát”** Dòng sông này được nhắc đến trong đoạn 9:13-19 khi đội quân ác linh vượt qua để tra tấn nhân loại. Nguồn của Ô-phơ-rát nằm vùng biên giới giữa Đất Hứa và lãnh thổ đế quốc La-mã. Đây có thể là cơ sở giải kinh biểu tượng về đội quân ác linh chính là các kỵ binh người Pa-thi-an (Parthian). Đội quân này là nỗi khiếp sợ cho quân tướng La-mã.

} **“sông liền cạn khô”** Thường sự cạn khô gợi nhớ để hành động của Đức Chúa Trời, như:

1. Biển Đỏ, (xem Xuất Hành 14:21)
2. Sông Giô-đanh (Josh. 3:17)
3. Vải liên tưởng trong văn chương tiên tri (xem Ê-sai 11:15-16; 44:27; Giê-rê-mi 51:36; Xa-cha-ri 10:11)

Hành động thuộc thể này là biểu tượng cho các xung khắc Tận Thế được Đức Chúa Trời đưa đến chung kết cực điểm. Về mặt thần học, “sông” tương đương với “Điều hoặc Đấng đang kiểm chế” Kẻ Đại Ác, xem II Tê-sa-lô-



ni-ca 2:6-7,

} “**để chuẩn bị lối đi cho các vua phương đông**” Có nhiều cuộc tranh luận về danh tính các “vua phương đông” trong câu 12 và các vua thế gian trong câu 14:

1. phải chăng họ là một ?
2. phải chăng họ xung đột (Quân đội La-mã của Nê-rô và quân đội Pa-thi-an) ?
3. Phải chăng họ là đội quân của Đức Chúa Trời?

Nếu theo khả năng thứ ba thì Đức Chúa Trời gọi dân của mình từ Ba-by-lon (xem Ê-sai 41:2,25; 45:1-3; 46:11). Cũng có thể các vua phương đông là công cụ của Đức Chúa Trời tấn công quân đội của Con Thú – như trong lịch sử quân Pa-thi-an tấn công quân La-mã. Tuy nhiên câu 14 và chương 19, 20 ám chỉ một đạo quân thống nhất, đồng lòng chống nghịch Đức Chúa Trời, (xem Thi Thiên 2; Giê-rê-mi 25:15-26).

**16:13 “miệng con rồng, miệng con thú và miệng kẻ tiên tri giả”** Đây là lần đầu tiên và từ nay về sau Con Thú Thứ Hai (xem 13:11) được gọi là tiên tri giả (xem 16:13; 19:20; 21:10).

Ba nhân vật này ám chỉ ‘bộ ba’ trá hình của Sa-tan. Hai trong chúng sẽ bị đánh bại tại thung lũng Mê-ghi-đô (xem các câu 12-16) và Sa-tan sẽ bị đánh bại cuối thời tể trị trên trần thế của Đấng Christ, (xem 20:7-10).

} “**ba tà linh giống như ếch nhái đi ra**” Thuật ngữ “dơ dáy” được dùng trong các Phúc Âm ám chỉ ma quỷ. Vì sao ếch nhái được sử dụng để miêu tả ma quỷ là điều khó hiểu:

1. Có thể đây là điều liên tưởng tới tai họa ở Ai-cập, (xem Xuất Hành 8:6)
2. Trong Hòa Giáo (Zoroastrianism), ếch nhái tượng trưng cho sự độc ác tối hậu.
3. Ếch nhái liên hệ tới các con vật dơ dáy (xem Lê-vi 11:10,31)

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: MA QUỶ

- A. Con người trong thời cổ đại tin theo thuyết vật linh. Họ gán ghép nhân tính và những đặc điểm giống người vào những sức mạnh thiên nhiên, các vật thể thiên nhiên. Sự sống được giải thích qua những tương tác giữa những thể linh này với con người.
- B. Sự nhân cách hoá này phát triển thành đa thần giáo. Thông thường tà linh (*genii*) được xem là những thần linh cấp thấp hay là nửa thần nửa người (thiện hoặc ác) tác động đến đời sống cá nhân con người.
1. Mê-sô-pô-ta-mi, hỗn loạn và xung đột
  2. Ai-cập, thú tự và vận hành
  3. Ca-na-an, xem *Archaeology and the Religion of I-sơ-ra-en* của W. F. Albright, Fifth Edition, trang 67-92
- C. Cựu ước không chú tâm hay khai triển chủ đề những thần linh cấp thấp, thiên thần hay là tà linh bởi vì đặc tính độc thần nghiêm ngặt (xem Xuất Hành 8:10; 9:14; 15:11; Phục-truyền Luật-lệ Ký 4:35,39; 6:4; 33:26; Thi Thiên 35:10; 71:19; 86:6; Ê-sai 46:9; Giê-rê-mi 10:6-7; Mí-chê 7:18). Cựu ước có đề cập đến những thần hư không của những ngoại giáo (*Shedim*, xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:17; Thi Thiên 106:37) và cho biết tên của một số.
1. *Se'im* (thần rừng hay là những quỷ có lông, tóc xem Dân Số 17:7; II Sứ-ký 11:15)
  2. *Lilith* (giống cái, quỷ cám dỗ, xem Ê-sai 34:14)
  3. *Mavet* (chữ “sự chết” trong tiếng Do thái cũng dùng cho các tà linh trong âm phủ của người Ca-na-an, *Mot*, xem Ê-sai 28:15,18; Giê-rê-mi 9:21; có thể Phục-truyền Luật-lệ Ký 28:22)
  4. *Resheph* (tai vạ, xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 33:29; Thi Thiên 78:48; Ha-ba-cúc 3:5)
  5. *Dever* (bệnh dịch, xem Thi Thiên 91:5-6; Ha-ba-cúc 3:5)
  6. *Az'azel* (không rõ ý nghĩa của tên này, nhưng có lẽ là một quỷ sa mạc hay là một địa danh, xem Dân Số 16:8,10,26)

(Những ví dụ này lấy từ *Encyclopaedia Judaica*, vol. 5, trang 1523.)

Tuy nhiên, không có thuyết nhị nguyên hay những thiên thần độc lập với Đức Giê-hô-va trong Cựu ước. Sa-tan là một đầy tớ của Đức Giê-hô-va (xem Gióp 1-3; Xa-cha-ri 3), chứ không phải là kẻ thù (xem A. B. Davidson, *A Theology of the Old Testament*, trang 300-306).

- D. Sự phát triển của Do-Thái-Giáo trong thời kỳ lưu đày tại Ba-by-lôn (năm 586-538 trước Chúa), thần học của nó bị ảnh hưởng bởi thuyết nhị nguyên được nhân cách hoá của Ba-tư từ Bái-hoả giáo, một thần cao cấp thiện

lành gọi là *Mazda* hay là *Ormazd* và một thần đối nghịch độc ác gọi là *Ahriman*. Sự ảnh hưởng này khiến Do-Thái-Giáo sau thời kỳ lưu đày trở thành một dạng nhị nguyên thuyết được nhân cách hóa, một bên là Đức Giê-hô-va và các thiên thần của Ngài và phía đối địch là Sa-tan và những tà linh của nó.

Thần học nhân cách hóa ma quỷ của Do-Thái-Giáo được giải thích và tường trình chi tiết trong *The Life and Times of Jesus the Messiah*, vol. 2, của Alfred Edersheim phần Phụ lục XIII (trang 749-863) và XVI (trang 770-776). Do-Thái-Giáo nhân cách hoá ma quỷ theo ba cách.

1. Sa-tan hay là Sammael
2. Xu hướng tội lỗi (*yetzer hara*) bên trong con người
3. Thần Chết

Edersheim trình bày ba phương cách này bằng (1) Kẻ kiện cáo; (2) Kẻ cám dỗ; và (3) Kẻ trừng phạt (vol. 2, trang 756). Có sự khác biệt thần học rõ rệt trong cách trình bày và giải thích về ma quỷ giữa Do-Thái-Giáo sau thời kỳ lưu đày và trong Tân ước.

- E. Trong Tân ước, đặc biệt trong các sách Phúc âm, khẳng định sự hiện hữu và chống nghịch của những tà linh với con người và Đức Giê-hô-va (trong Do-Thái-Giáo, Sa-tan là kẻ thù với con người, nhưng với Đức Chúa Trời thì không). Chúng chống nghịch với ý định, sự cai trị và vương quốc của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Giê-su đã đương đầu và đuổi những tà ma này cũng gọi là (1) những uế linh, xem Lu-ca 4:36; 6:18, hay là (2) tà linh, xem Lu-ca 7:21; 8:2 khỏi con người. Đức Chúa Giê-su phân biệt rõ ràng giữa những bệnh tật (thể chất, tâm trí) và những người bị quỷ ám. Chúa Giê-su bày tỏ quyền năng và sự nhận biết thiêng liêng của Ngài bằng việc nhận diện và đuổi những quỷ này. Các quỷ này cũng thường nhận biết Ngài và cố gắng tôn xưng Ngài, nhưng Đức Chúa Giê-su khước từ sự xác nhận của chúng, ra lệnh cho chúng im lặng và đuổi chúng.

Trong những thư tín của các Sứ đồ trong Tân ước, có sự “thiếu hụt nghiêm trọng” thông tin đề cập đến chủ đề này. Sự đuổi quỷ không bao giờ được đề cập như là một ân tứ thuộc linh cũng như không có phương pháp hay là cách thức nào được để lại cho những thế hệ tín hữu, mục sư về sau.

- F. Ma quỷ có thật; ma quỷ có nhân cách; ma quỷ hiện diện. Cả nguồn gốc hay là chủ đích của ma quỷ không được bày tỏ. Kinh Thánh khẳng định sự thực hữu của ma quỷ và chống đối mạnh mẽ ảnh hưởng của nó. Không hề có sự nhị nguyên tốt cùng giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan. Đức Chúa Trời hoàn toàn kiểm soát mọi sự, ma quỷ đã bị đánh bại, bị đoán xét và sẽ bị xô đuổi khỏi công trình sáng tạo.
- G. Dân sự của Đức Chúa Trời phải chống cự với ma quỷ (xem Gia-cơ 4:7). Họ không thể bị nó kiểm soát (xem I Giăng 5:18), dù cho họ có thể bị cám dỗ và lời làm chứng cũng như ảnh hưởng của họ bị tổn hại (xem Ê-phê-sô 6:10-18). Ma quỷ là một phần được Kinh Thánh tiết lộ trong thế giới quan của Cơ-Độc-Nhân. Những Cơ-Độc-Nhân hiện đại (nhóm Tân phái) không có quyền để định nghĩa lại về ma quỷ (như những cố gắng loại bỏ tính huyền thoại của Rudolf Baltmann); loại bỏ nhân cách khỏi ma quỷ (những cấu trúc xã hội của Paul Tillich), hay là cố gắng giải thích ma quỷ hoàn toàn theo phương diện tâm lý (như Sigmund Freud), tuy vậy ảnh hưởng của chúng lại tràn lan khắp nơi.

**16:14 “Chúng là linh của ma quỷ, thực hiện các dấu lạ”** Ở đây có một sự quan sát thú vị, rằng các phép màu nhiệm dẫn người không tin đi lầm lạc, nhưng người nhỏ nhất trong vòng con dân Chúa không ai bị mắc lừa (xem 13:13; Ma-thi-ơ 24:24; Mác 13:22; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:9-11). Đơn vị văn chương với những chén này là sự so sánh giữa những sự xảy đến cho con dân Đức Chúa Trời và dân cư thế gian. Đấng Christ ban lời chân lý, công nghĩa, thương xót với hy vọng hòa bình, còn ma quỷ trong dạng ếch nhái tuôn ra lời dối trá, và tập hợp các dân tộc để tranh chiến.

} **“đi đến với các vua của cả thế gian”** Đây là sự liên tưởng tới Thi Thiên 2:2, cũng là nguồn cung cấp hình ảnh cho các chương còn lại của Khải Huyền.

} **“tụ họp họ lại cho chiến trận vào ngày trọng đại của Đức Chúa Trời Toàn Năng”** Trận chiến cuối cùng được miêu tả ở nhiều chỗ như: 6:2-8; 11:7-10; 12:17; 16:14; 17:14; 19:19 and 20:8. Có thể đây là một sự kiện được quan sát từ nhiều khía cạnh.

**16:15 “phước cho người nào tỉnh thức và giữ gìn y phục mình”** Câu đệm này chứa đựng lời của Chúa Giê-su để khích lệ và cảnh tỉnh con dân của Đức Chúa Trời. Đây cũng là câu chúc phước thứ ba trong bảy câu cho các

tín đồ (xem 1:3; 14:13; 16:15; 19:9; 20:6; 22:7,14).

} **“Kìa, Ta đến như kẻ trộm”** Dẫn chứng lời của Chúa Giê-su (xem Ma-thi-ơ 24:43-44; Lu-ca 12:39-40) cũng được thấy trước đó, trong Khải Huyền 3:3 đồng thời liên tưởng tới I Tê-sa-lô-ni-ca 5:2 và II Phi-ê-rơ 3:10. Dường như câu này gợi ý sự Tái Lâm cận kề và bất thành linh của Đấng Christ với sự phán xét (*Parousia* - sự Đến Lần Thứ Hai)

special topic: terms for the second coming

### **Chủ Đề Đặc Biệt, Các Thuật Ngữ trong Tân-ước về sự Tái Lâm của Đấng Christ.**

Sự nhấn mạnh cánh chung (về thời tận thế) nói về một ngày đặc biệt không xa, khi con người sẽ phải gặp Đấng Cứu Rỗi và Đấng phán xét, Chúa Giê-su. Ngày ấy còn được gọi là: .

1. "Ngày của Chúa Giê-su Christ (xem 1 Cô-rin-tô 1:8)
2. "Ngày của Chúa " (xem 1 Cô-rin-tô 5:5; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:2; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:2)
3. "Ngày của Chúa Giê-su " (xem 2 Cô-rin-tô 1:14; MS & has it in 1 Cô-rin-tô 5:5)
4. "Ngày của Giê-su Christ" (xem Phi-líp 1:6)
5. "Ngày của Đấng Christ" (xem Phi-líp 1:10; 2:16)
6. "Ngày của Ngài (Con Người)" (xem Lu-ca 17:24)
7. "Ngày của Con Người được tỏ ra" (xem Lu-ca 17:30)
8. "Sự Mặc Khải của Chúa Giê-su" (xem 1 Cô-rin-tô 1:7)
9. "Khi Chúa Giê-su sẽ được tỏ ra từ Thiên Đàng" (xem 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:7)
10. "Trong sự hiện diện của Chúa Giê-su khi Ngài đến" (xem 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:19)

Có ít nhất bốn cách mà Tân-ước mô tả sự Tái Lâm của Chúa Giê-su .

1. *epiphaneia*, nói về sự chói ngời, theo không theo ý nghĩa từ ngữ, nhưng theo ý nghĩa thần học, liên hệ tới sự vinh hiển. In 2 Ti-mô-thê 1:10; Tít 2:11 and 3:4 nói về sự nhập thể và sự Tái Lâm. Thuật ngữ này được dùng trong 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:8 trong đó chứa đựng tất cả ba thành phần của sự Tái Lâm: 1 Ti-mô-thê 6:14; 2 Ti-mô-thê 4:1,8; Tít 2:13.
2. *parousia*, Nói về sự hiện diện sự viếng thăm của một Quốc Vương, được sử dụng nhiều nhất trong Tân-ước (xem Ma-thi-ơ. 24:3,27,37,39; 1 Cô-rin-tô 15:23; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:19; 3:13; 4:15; 5:23; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:1,8; Gia-cơ 5:7,8; 2 Phi-ê-rơ 1:16; 3:4,12; 1 Giăng 2:28).
3. *apokalupsis* (or *apocalypsis*), Sự khải huyền, một ý nghĩa khác của sự tỏ ra. Đây cũng là tên cuốn sách cuối cùng của Kinh Thánh, (xem Lu-ca 17:30; 1 Cô-rin-tô 1:7; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:7; 1 Phi-ê-rơ 1:7; 4:13).
4. *phaneroō*, có nghĩa đem ra ánh sáng được dùng nhiều lần trong Tân-ước về sự mặc khải chân lý của Đức Chúa Trời, tương tự như *epiphaneia*, cũng nói về Sự Nhập thể (xem 1 Phi-ê-rơ 1:20; 1 Giăng 1:2; 3:5,8; 4:9) và Sự Tái Lâm (xem Ma-thi-ơ. 24:30; Cô-lô-sê 3:4; 1 Phi-ê-rơ 5:4; 1 Giăng 2:28; 3:2).
5. Một trong những thuật ngữ rất phổ biến là, *erchomai*, "đến" cũng ám chỉ về sự Tái Lâm của Đấng (xem Ma-thi-ơ. 16:27-28; 23:39; 24:30; 25:31; Công-vụ 1:10-11; 1 Cô-rin-tô 11:26; Khải Huyền 1:7,8).
6. Cụm từ "Ngày của Chúa" (xem 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:2), là danh hiệu Ngày Phước Hạnh (Phục sinh) và Ngày Phán Xét của Đức Chúa Trời.

Cả Tân-ước được viết trong quan điểm của Cựu-ước, khẳng định:

- a. Kỷ Nguyên Hiện Tại, Xấu Xa, và Chống Nghịch.
- b. Kỷ Nguyên Công Chính sẽ Đến
- c. Một Kỷ Nguyên Thánh Linh được bắt đầu bởi công việc của Đấng Mê-si-a ( Đấng Được Xức Dầu)

Giả thiết thần học của sự mặc khải từng bước (mặc khải tiệm tiến) cần có bởi các tác giả Tân-ước thay đổi chút ít về sự mong đợi của dân tộc Do-thái. Họ trông đợi một Đấng Mê-si-a mang tính chất anh hùng dân tộc, một tướng lãnh tài ba. Thay vào đó là hai sự 'đến' của Đấng Mê-si-a theo Tân-ước. Sự 'đến' Đầu tiên là Sự Nhập Thể của Vị Thân Đức, Sự Đầu Thai và Sinh Thành của Giê-su Na-xa-rét, không mang tính quân sự, hay phán xét, nhưng với tư cách 'người đầy tớ thương khó' theo Ê-sai 53; trong hình ảnh một người cười lừa, thay vì cười ngạo như tướng lãnh, theo Xa-cha-ri. 9:9. Sự đến đầu tiên mở đầu Kỷ Nguyên Đấng Mê-si-a, Nước Trời trên trần gian, (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Nước Đức Chúa Trời. Trong một ý nghĩa: Nước Trời đã đến và trong ý nghĩa khác, Nước Trời còn xa. Đây là giai đoạn giằng co, chuyển tiếp giữa hai 'sự đến' của Đấng Mê-si-a, cũng là sự chông chéo giữa hai Kỷ Nguyên của người Do-thái, (xem chủ đề Đặc Biệt Kỷ Nguyên Hiện

Nay và Kỷ Nguyên sẽ đến). Giai đoạn chông chéo này không được thấy hoặc không rõ ràng từ Cựu-ước. Thực tế ‘sự đến hai lần’ nhấn mạnh sự cam kết cứu chuộc cả nhân loại của Đức Giê-hô-va được thấy trong E-sai và Giôn-na (xem Sáng. 3:15; 12:3; Xuất. 19:5).

hội thánh không phải chờ đợi sự ứng nghiệm tiên tri của Cựu-ước, bởi hầu hết các tiên tri ấy nói về ‘sự đến’ lần thứ nhất, (xem *How to Read the Bible For All Its Worth*, trang 165-166). Các Tín đồ Tân-ước trông chờ ‘sự đến’ vinh hiển của Vị Vua trên các vua và Chúa trên các chúa, sự ứng nghiệm Nước Trời dưới đất cũng như trên Thiên Đàng, (xem Ma-thi-ơ. 6:10). Sự trình bày của Cựu-ước không phải không chính xác, nhưng không đầy đủ. Chúa sẽ đến như đã được tiên tri trong quyền năng và uy thể của Đức Giê-hô-va

Sự Tái Lâm không phải là thuật ngữ trong Kinh Thánh, nhưng là khái niệm thần học trong quan điểm và khuôn khổ cả Tân-ước. Đức Chúa Trời sẽ giải thích rõ ràng, mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và nhân loại trong hình ảnh của Ngài sẽ được phục hồi, Sự dữ sẽ bị phán xét và loại bỏ. ý chỉ của Đức Chúa Trời không bao giờ thất bại.

} **“phước cho người nào tỉnh thức và giữ gìn y phục mình”** Đây là câu thứ ba trong bảy câu “phước cho” dành cho các tín đồ trung tín, (xem 1:3; 14:13; 16:15; 19:9; 20:6; 22:7,14). Dường như nó tóm tắt sự cảnh báo Tân Thế có ở trong Mác 13:33-37; Lu-ca 12:37. Câu này càng không thích hợp với thuyết “Hoan Hỷ”, nói về Hội Thánh được cất đi một cách bí mật trước cơn Đại Nạn. Nếu thuyết này đúng thì Chúa Giê-su đang nói với ai ở đây? xem Ma-thi-ơ 24:37-42 và ghi chú trên mạng [www.freebiblecommentary.org](http://www.freebiblecommentary.org).

} **“để khỏi đi lỏa lồ, không bị người ta thấy sự xấu hổ của mình!”** ” Đây có thể liên hệ tới Khải Huyền 3:18. Trong Cựu Ước, bị lỏa lồ là biểu tượng sự phán xét (xem Ê-xê-chiên 23:29; Ô-sê 2:3; A-môt 2:16; Mi-chê 1:8). Mặc dầu vậy, các Cơ-đốc nhân không bị mất sự cứu rỗi, nhưng chỉ xấu hổ về hành động và nếu sống thiếu đức tin ở thời điểm Chúa tái lâm. Chúa Giê-su sẽ đến với tư cách Thẩm Phán và Đấng Đắc Thắng, y hệt như sự mong đợi của người Do-thái đối với Đấng Mê-si-a, xem Khải Huyền 19:11-16.

**16:16 “Chúng tụ họp các vua tại một chỗ mà tiếng Hê-bơ-rơ gọi là Ha-ma-ghê-đôn”** Câu này sẽ được lặp lại ở câu 20:8

} **tiếng Hê-bơ-rơ gọi là Ha-ma-ghê-đôn**

NASB “Tiếng Hê-bơ-rơ được gọi Ha Ma-ghê-đôn”

NKJV, NJB “Tiếng Hê-bơ-rơ, A-ma-ghê-đon ”

NRSV “Tiếng Hê-bơ-rơ được gọi Ha-ma-ghê-đôn”

TEV “Tiếng Hê-bơ-rơ là A-ma-ghê-đôn”

Địa danh này được đánh vần qua nhiều cách trong các bản sao Hy-lạp. Nó không xuất hiện trong các văn chương Hê-bơ-rơ và Hy-lạp ngoài Kinh Thánh.

Sau đây có vài cách giải thích. .

1. Nó ám chỉ “đãy núi Ma-ghê-đôn”, tên một thành phố nằm trên sườn đồi phía bắc đất của Ma-na-sê.
2. Nó ám chỉ “thành phố Ma-ghê-đôn” nhưng nan đề là tên thành này không được đánh vần chính xác như vậy.
3. Được dịch là “Núi hội kiến” (núi tụ họp) Ê-sai 14:13, ám chỉ tiêu điều tối hậu mà Sa-tan sẽ tấn công Đức Chúa Trời.
4. Nó ám chỉ cả miền đất hứa, (xem “các núi của I-sơ-ra-en” Ê-xê-chiên 38:8,20,21; 39:2,4,17)
5. Nó ám chỉ “các núi màu mỡ”- là biểu tượng của Giê-ru-sa-lem, mục tiêu của nhiều cuộc tấn công thời Tân Thế, đồng thời là trận đánh cuối cùng giữa điều thiện và điều á, (xem tiên tri Giô-ên ).
6. Gốc từ ngữ của Ma-ghê-đôn có thể là cắt đứt hoặc tấn công, liên hệ tới “núi hủy diệt” trong Giê-rê-mi 51:25, một biểu tượng tàn phá của quân La-mã.

Giăng chọn một thành phố với tên được đánh vần sai trật có dụng ý. Cũng như trường hợp liệt kê các bộ tộc I-sơ-ra-en một cách không chính xác, 7:5-8, để nhấn mạnh tính biểu tượng của chi tiết (xem Metzger, *Textual Commentary*, trang 755). Tính biểu tượng cũng được thấy khi Giăng thêm cụm từ “trong tiếng Hê-bơ-rơ” - được hiểu theo nghĩa bóng trong câu 9:11. Một điều cần được xác nhận là thung lũng Giê-xơ-rên (Jezreel) hoặc bình

nguyên Éx-đra-ê-lôn (Esdraelon) là địa danh có nhiều chiến trận thời Cựu Ước (xem Quan Xét 5:19-21; II Các Vua 9:27; 23:29-30; II Sử Ký 35:22; Xa-cha-ri 12:11). Đây là tuyến đường mà các cường quốc miền Mê-sô-pô-ta-my dùng để xâm chiếm I-sơ-ra-en. Các cường quốc này là biểu tượng của điều ác, (xem Ê-sai 14:31; Giê-rê-mi 1:13-14; 4:6; 10:22; 46:20-24; 47:2-7; 50:3,9,41; 51:48; Ê-xê-chiên 38:6,15; 39:2).

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 16:17-21**

<sup>17</sup>Thiên sứ thứ bảy đổ bát mình trong không khí thì có một tiếng lớn từ ngai trong đền thờ nói rằng: “Xong rồi!” <sup>18</sup>Liền có những tia chớp, tiếng nói, tiếng sấm và động đất lớn; động đất lớn đến nỗi từ khi có loài người trên đất chưa từng có như vậy. <sup>19</sup>Thành phố vĩ đại bị chia làm ba; còn các thành phố của các dân tộc đều đổ xuống. Đức Chúa Trời nhớ đến Ba-by-lôn vĩ đại, để cho nó uống chén rượu thịnh nộ lôi đình của Ngài. <sup>20</sup>Tất cả các đảo đều chạy trốn, các núi biển mất. <sup>21</sup>Những hạt mưa đá lớn, nặng khoảng bốn mươi ki-lô-gam, từ trời rơi xuống loài người, loài người xúc phạm đến Đức Chúa Trời bởi tai họa mưa đá ấy, vì đó là một tai họa khủng khiếp.

**16:17 “Thiên sứ thứ bảy đổ bát mình trong không khí”** Không gian bên trên mặt đất được coi là cõi ác trong thế kỷ đầu tiên. Câu này có thể nói về vương quốc Sa-tan được miêu tả trong Ê-phê-sô 2:2. Ở đây trận chiến với điều ác đã kết thúc, (xem các câu 17c-21).

**16:18 “tia chớp, tiếng nói, tiếng sấm và động đất lớn”** là những biểu tượng được dùng vài lần trong Khải Huyền, (xem 4:5; 8:5; 11:19; 16:18).

**16:19 “Thành phố vĩ đại”** Một số người coi đây là Giê-ru-sa-lem như trong câu 11:8. Tuy nhiên tôi lại nghĩ câu 11:8 ám chỉ Rô-ma, (xem 11:8; 16:19; 17:18; 18:10,18-19,21). Rô-ma được coi là Đại Kỹ Nữ, (xem 14:8), là ngai của hệ thống xã hội chống nghịch. Trong thời Giăng sống đây là trung tâm của đạo thờ hoàng đế, là đạo khủng bố Hội Thánh nhiều nhất. Trong thời Kê Nghịch Đấng Christ có thể là một thành phố tầm cỡ quốc tế khác. Giăng tiếp tục miêu tả sự sụp đổ của trật tự thế gian chống nghịch Đức Chúa Trời ở các chương 17 và 18

} **“bị chia làm ba”** tương tự như khái tượng trong Ê-xê-chiên 5, nói về sự thất trận tối hậu.

} **“còn các thành phố của các dân tộc đều đổ xuống.”** ám chỉ liên hiệp vợ hiệu quả của chính quyền thế gian chống lại Đức Chúa Trời và Chri của Ngài, (xem Thi Thiên 2), xem ghi chú ở câu 10:11.

} **“Ba-by-lôn vĩ đại”** Cụm chữ “Đức Chúa Trời nhớ đến” thường là thành ngữ về sự phán xét của Ngài, (xem 18:5; 19:15). Chén thịnh nộ này được bàn đến ở câu 14:10.

} **“chén rượu thịnh nộ lôi đình của Ngài”** Ép rượu là ẩn dụ Cựu Ước về sự phán xét của Đức Chúa Trời. (xem Thi Thiên 60:3; 75:8; Ê-sai 51:17,22; Giê-rê-mi 25:15-16, 27-28; xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 14:10).

“thịnh nộ” tiếng Hy-lạp là *orgē*. Xem ghi chú ở câu 7:14.

**16:20 “Tất cả các đảo đều chạy trốn”** sự kiện này giống như ân thứ sáu, (xem 6:14).

} **“các núi biển mất”** Các thuật ngữ Cựu Ước này miêu tả các sự kiện Tận Thế (xem Thi Thiên 97:5; Mi-chê 1:4; Na-hum 1:5).

**16:21 “hạt mưa đá lớn”** Mưa đá cũng là dấu hiệu phán xét của Đức Chúa Trời, (xem Josh. 10:11; Ê-sai 28:2) và là điều liên tưởng tới tai họa ở Ai-cập, (xem Xuất Hành 9:23-24). Trong Ê-xê-chiên 38:22 mưa đá được dùng để trừng trị các đạo quân thù nghịch Đức Chúa Trời. Trọng lượng khối của hạt mưa đá khác nhau trong các bản dịch.

} **“nặng khoảng bốn mươi ki-lô-gam”** Theo nghĩa đen “nặng một Ta-lăng” - tức đơn vị đo lường cổ ở Trung Cận Đông, khoảng 23 – 70 ký. Chính xác trọng lượng là điều không thể biết được, nhưng hiểu theo nghĩa bóng là mức độ sát hại và hủy diệt của tai họa này lớn tới dường nào. (Bản viết ngữ: RVV2011: 40 ký, BD 2011: 30 ký)

## CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát

1. “Biên Pha-lê” có ý nghĩa gì?
2. Vì sao Đức Chúa Trời cho phép Giăng thấy Khải tượng Thiên Đàng?
3. Liệt kê những điểm giống nhau của ấn, kèn, chén và các tai họa ở Ai-cập.
4. Các vua phương đông và các vua trần thế liên hệ với nhau như thế nào, 6:14?
5. Ha-ma-ghê-đôn là gì và ở đâu. (16:16)
6. Thành phố lớn (Ba-by-lon) ám chỉ những gì? (16:19)

## KHẢI HUYỀN 17-18

### CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Đại Kỹ Nữ và Con Thú	Người Nữ Áo Tía và Con Thú Tía	Ba-by-lon sụp đổ	Con Điem nổi tiếng	Con Điem vĩ đại
17:1-6a	17:1-6 Ý nghĩa Người Nữ và Con thú	17:1-6a	17:1-2 17:3-6a	17:1-7
17:6b-14	17:7-18	17:6b-8	17:6b-8	Biểu tượng Con Thú và Con Điem. 17:8
		17:9-14	17:9-11 17:12-14	17:9-11 17:12-14
17:15-18		17:15-18	17:15-17 17:18	17:15-18
Ba-by-lon sụp đổ	Ba-by-lon vĩ đại sụp đổ	Than ca cho Thành Lớn sụp đổ	Ba-bi-lon sụp đổ	Thiên sứ tuyên bố Ba-by-lon sụp đổ
18:1-3	18:1-8 Thế gian ca than về Ba-by-lon sụp đổ.	18:1-3	18:1-3	18:1-3 Khuyên dân của Chúa rời Ba-by-lon
18:4-8		18:4-8	18:4-8	18:4-8
18:9-10	18:9-20	18:9-10	18:9-10	18:9-13
18:11-20		18:11-20	18:11-17a	18:14 18:15-17a
	Kết thúc tối hậu của Ba-by-lon		18:17b-19 18:20	18:17b-20
18:21-19:4	18:21-24	18:21-24	18:21-23 18:24-19:4	18:21-24

### **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)**

#### *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN*

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

Phân đoạn 1  
Phân đoạn 2  
Phân đoạn 3  
Văn vân...

## KIẾN GIẢI SÂU SẮC THEO NGŨ CẢNH KHẢI HUYỀN 17:1-18:24

- A. Hai chương này miêu tả sự sụp đổ của Ba-by-lon, bắt đầu ở câu 14:8 và 16:19, tiếp tới 18:2,21. Mỗi sự sụp đổ được gói gọn trong một đơn vị văn chương (12-14), (15-16), và (17-19), khiến gợi ý về ví dụ sự song hành, tái hiện, đồng quy, hay thuyết “Tóm Lược Sự Kiện”.
- B. Bối cảnh Cựu Ước của hai chương này chứa đựng các thán ca tang lễ cho các thành phố chống nghịch Đức Chúa Trời :
1. Ba-by-lon (xem Ê-sai 13,14,21 and Giê-rê-mi 50-51)
  2. Ti-rơ (xem Ê-sai 23 and Ê-xê-chiên 26-28)
  3. Ni-nê-va (xem Na-hum)
  4. Giê-ru-sa-lem bất tín (xem Ê-sai 1:1-26; Ê-xê-chiên 16:51-52)
- C. Khái niệm về một trật tự thế giới chống nghịch Đức Chúa Trời được miêu tả trong Thi Thiên 2, Đa-ni-ên 2; 7; 9:24-27; Ma-thi-ơ 24: Mác 13; Lu-ca 21; và I Giăng 2:15-20.
- D. Khải Huyền dùng thán ca tang lễ Cựu Ước cho đế quốc La-mã thời Giăng sống. Nhưng trong mỗi giai đoạn đều có một hệ thống quyền bính mang tính độc lập, kiêu ngạo, tham lam và chống nghịch Đức Chúa Trời (xem I Giăng 2:18). Nó cũng bộc lộ một cách tối hậu trong một thủ lĩnh và đế quốc toàn cầu thời Tận Thế, (xem II Tê-sa-lô-ni-ca 2). Các chi tiết giúp cho độc giả cuối cùng xác định danh tính của Kẻ Nghịch Đấng Christ tái xuất hiện trong Ngày Sau-rốt. Nan đề là tín đồ trong các thế hệ trước Sau-rốt luôn tìm cách ứng nghiệm Khải Huyền theo sự kiện đương thời!
- Khải Huyền mang tính thích hợp với thế kỷ đầu tiên, với các thế kỷ trung gian và với thời kỳ sau rốt. Tốt nhất chúng ta không nên quá quan tâm tới các chi tiết. Các chi tiết có ý nghĩa đặc biệt cho độc giả nguyên thủy và độc giả cuối cùng, nhưng đối với độc giả ở giữa hai giai đoạn này, chúng vẫn còn là điều bí ẩn. Chúng ta nên tìm ra chủ đề trọng tâm của sứ điệp trong bảy đơn vị văn chương. Chủ đề trọng tâm mang tính chất đời đời. Nếu các chi tiết cần hiểu theo nghĩa đen, các tín đồ thời kỳ Tận Thế sẽ không cần các nhà giải kinh giúp họ.
- E. Tác giả William Hendriksen, *More Than Conquerors*, khẳng định sự tương đồng giữa cả bảy đơn vị văn chương của Khải Huyền, (xem ghi chú C trang 10. Ông cũng cho thấy sự tương đồng giữa sự sụp đổ của kẻ thù Hội Thánh thur: Sa-tan, Hai con Thú và Ba-by-lon, (Trật Tự Thế Gian chống nghịch Đức Chúa Trời và chống nghịch Đấng Christ). Mặc dầu sự sụp đổ của các thế lực này xảy ra cách biệt (Satan, 20:7-10; Hai Con Thú, 19:17-21; và Ba-by-lon, 18:1-19:4), thực tế chúng cùng chịu đòn một lúc, tương tự như các ấn, các kèn và các chén.
- Xét về nhiều khía cạnh, đây là cách giải thích hợp lý để nối dài cấu trúc lặp lại của các ấn (4-7), các kèn (8-11), các chén (15-16) tới các chương 17-19 and 20-22.



## NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

### RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 17:1-7

<sup>1</sup>Bấy giờ, một trong bảy vị thiên sứ cầm bảy bát tiến đến và bảo tôi: “Hãy đến đây, ta sẽ chỉ cho ngươi thấy sự phán xét đại kỹ nữ đang ngồi trên các dòng nước kia.” <sup>2</sup>Các vua trên đất đã phạm tội tà dâm với nó, và cư dân trên đất cũng say vì rượu gian dâm của nó.” <sup>3</sup>Tôi được Thánh Linh cảm hóa, và thiên sứ đưa tôi vào hoang mạc. Tại đó, tôi thấy một phụ nữ ngồi trên một con thú màu đỏ sậm có bảy đầu, mười sừng, và trên mình mang đầy những danh hiệu phạm thượng. <sup>4</sup>Người phụ nữ mặc áo màu tía và đồ tươi, trang sức bằng vàng, đá quý và ngọc trai, tay cầm một chén bằng vàng đầy những sự ghê tởm, ô uế của sự gian dâm của mình. <sup>5</sup>Trên trán nó có ghi một tên đầy bí ẩn: “BA-BY-LÔN VĨ ĐẠI, MẸ CỦA CÁC KỸ NỮ VÀ NHỮNG SỰ GHÊ TỎM CỦA ĐẤT.” <sup>6</sup>Tôi thấy người phụ nữ ấy say máu các thánh đồ và máu các chứng nhân của Đức Chúa Jêsus. Khi thấy thì tôi vô cùng kinh ngạc.

<sup>7</sup>Nhưng thiên sứ nói với tôi rằng: “Sao ngươi kinh ngạc? Ta sẽ nói cho ngươi biết về sự bí ẩn của người phụ nữ và con thú bảy đầu, mười sừng đã chở nó

**17:1 “Bấy giờ, một trong bảy vị thiên sứ”** Một thiên sứ khác được miêu tả như vậy trong câu 21:9. Thứ tự thời gian giữa hai chương 17, 18 và sự đổ chén ra trong chương 16 có thể là:

1. Các sự kiện trong chương 17, 18 xảy ra trước sự “đổ các chén ra”
2. Các sự kiện xảy ra trong chương 17, 18 là hậu quả của sự “đổ các chén ra”.

} **“ta sẽ chỉ cho ngươi thấy sự phán xét đại kỹ nữ”** Đại kỹ nữ thuộc linh được giải thích trong câu 5 là “Ba-by-lon vĩ đại”, “mẹ của các kỹ nữ” và trong câu 18:10 là “thành vĩ đại Ba-by-lon”. Theo thông tin từ các chương trước đó, những danh hiệu này ám chỉ một trật tự thế gian phản nghịch, được thu nhỏ trong hình ảnh của:

1. Ba-by-lon thời Đa-ni-ên
2. Vua An-ti-ô-chút đệ tứ giai đoạn giữa hai giao ước, (Antiochus IV) được tiên tri bởi Đa-ni-ên
3. Hoàng đế La-mã thời Giăng, tự xưng ngôi thần thánh.

Trong chương 17, quyền cầm đồ lôi kéo năm trong sự sa hoa và tham vọng tương xứng với năng lực thương mại được miêu tả trong chương 18. Trong Cựu Ước có ba thành phố được gọi là kỹ nữ

1. Ti-rơ (xứ Phê-ni-xi-a) Phoenicia) trong Ê-sai 23:15-16
2. Ni-nê-va (xứ A-si-ri-a) trong Na-hum 3:4
3. Giê-ru-sa-lem (xứ Giu-đa bất tín) trong Ê-sai 1:21; Ê-xê-chiên 16:31,35; 23.

} **“đang ngồi trên các dòng nước kia”** liên tưởng tới Giê-rê-mi 51:11-14, ám chỉ thành Ba-by-lon cổ, nằm trên bờ sông Ô-phơ-rát, (tương tự Ni-nê-va nằm trên bờ sông Ti-grít) và có hệ thống kênh đào giao thông và thủy lợi khá phát triển. Tuy nhiên, trong ánh sáng của câu 15 về **“các dân tộc, các nhóm người, các nước và các thứ tiếng”** ám chỉ Ba-by-lon là một vương quốc toàn cầu, (xem Đa-ni-ên 7:2,3).

### 17:2 “Các vua trên đất đã phạm tội tà dâm với nó”

**NASB: “với nó các vua trên đất thực hiện điều bất luân”**

**NKJV, NRSV: “với nó các vua trên đất thực hiện sự thông dâm”**

**TEV: “các vua trên đất thực hành tình dục bất luân”**

**NJB: “với nó các vua trên đất tự mình bán dâm”**

Sự hành dâm có ba khía cạnh:

1. Liên hiệp thương mại (xem Tyre, Ê-sai 23:13-18; and Nineveh, Na-hum 3:4)
2. Đồng minh chính trị, hiệp một trong thờ phượng thần tượng của các dân ngoại với các lễ nghi được phê chuẩn (xem Giê-ru-sa-lem cũng được gọi là con điếm trong Ê-sai 1:21 và Giê-rê-mi 3)
3. thờ hoàng đế La-mã như một thiên thần

} **“cư dân trên đất cũng say vì rượu gian dâm của nó.”** ” Câu này đã được nói tới trong câu 14:8 và là điều liên tưởng tới Giê-rê-mi 51:7. Cụm từ “cư dân trên đất” thường được nhắc lại ám chỉ nhân loại cứng lòng, vô đạo, (xem 3:10; 6:10; 8:13; 11:10; 13:8,14; 17:8).

“Uống” là ẩn dụ Cựu Ước về sự phán xét, (xem Thi Thiên 75:6-8).

**17:3 “Tôi được Thánh Linh cảm hóa”** Câu này thường được dùng để mở đầu các khái tượng của Giảng, (xem 1:10; 4:2; 17:3; 21:10). Nhiều nhà giải kinh dùng câu này để thiết lập bố cục dựa trên khái tượng cho cuốn sách. Xin nhớ rằng văn chương khái thị có tính chất bố cục rất cao nên bố cục là chìa khóa giải kinh cho thể loại này.

} **“đưa tôi vào hoang mạc.”** có thể mang ý nghĩa:

1. ẩn dụ cho một nơi an toàn (xem 12:6,14, liên tưởng tới giai đoạn lang thang Đồng vắng của I-sơ-ra-en)
2. một nơi trú ngụ của ác quỷ và tà linh (xem Lê-vi 16:8; 17:7)
3. một Ba-by-lon, thành phố hoang tàn bởi sự phán xét Ê-sai 21:1-10,

Hình ảnh Giảng dùng mang tính uyển chuyển: Người phụ nữ ngồi trên nhiều dòng nước trong câu 1 lại ngồi trên con thú đỏ trên hoang mạc ở câu 3.

} **“một phụ nữ ngồi trên một con thú màu đỏ sậm”** Thuaât ngữ đỏ sậm có thể ám chỉ:

1. sự giết người, xem 17:6-7
2. sự xa hoa, xem 18:12-16
3. Con Rồng Đỏ là Sa-tan xem 12:3

Con Thú được miên tả kỹ càng trong 13:1-10, ám chỉ Kẻ Nghịch Đấng Christ (xem Đa-ni-ên 7:9-14; 9:24-27; 11:36-45; II Ê-sai-lô-ni-ca 2; I Giảng 2:18).

} **“đầy những danh hiệu phạm thượng.”** Giống như câu 13:1,5-6, các danh hiệu phạm thượng được các hoàng đế La-mã tự xưng như: “thiên thần”, ‘cứu thế’, “chúa”. Con Thú không phải chỉ tham vọng độc quyền chính trường, nhưng cả độc tôn tín ngưỡng (xem Đa-ni-ên 7:8,20; 8:11,25; 9:36,37), với tư cách đại diện cho Ác Quỷ, hoặc Sa-tan nhập thể, xem Ê-sai 14:13-14 và Ê-xê-chiên 28:16-17).

} **“có bảy đầu, mười sừng”** giống như câu 12:3 về con Rồng Đỏ, và câu 13:1 về Con Thú từ biển. Sự tương đồng này minh họa liên minh giữa các nhân vật chống nghịch Đức Chúa Trời.

Về biểu tượng con số: (1) bảy đầu tượng trưng cho kiến thức tuyệt hảo, hay thủ lĩnh thế gian thời Tận Thế. (2) mười sừng nói về quyền bính tối đa (xem 17:7,9,12,16).

**17:4 “Người phụ nữ mặc áo màu tía và đỏ tươi”** Các màu tía và đỏ tượng trưng cho (1) hoàng gia, (2) sự bất tử. Hoặc đây đơn giản chỉ là biểu tượng của sự sa hoa, giàu có và thừa thãi, (xem 18:12,16).

} **“trang sức bằng vàng, đá quý và ngọc trai”** Các trang sức tượng trưng cho địa vị, quyền bính thuộc thế và thuộc linh. (sử dụng trong Ê-xê-chiên như ẩn dụ về vua Ti-rơ kiêu ngạo, trong bối cảnh vườn Ê-đen. xem Ê-xê-chiên 28:13).

} **“một chén bằng vàng”** gợi ý thành Ba-by-lon (xem Giê-rê-mi 51:7).

**17:5 “Trên trán nó có ghi một tên đầy bí ẩn:”** Các nguồn thông tin lịch sử (Seneca’s *Controversies* 1:2 and Juvenal’s *Satires* 6:122-123), ghi nhận việc các kỹ nữ La-mã đeo những băng trên trán với tên của mình, hoặc tên chủ mình. Có thể đây là sự liên tưởng lịch sử thời Giăng sống, hoặc ngữ cảnh của Khải Huyền. Có thể đây là dấu Con Thú trên trán người không tin (xem 13:16-17; 14:9,11; 15:2; 16:2; 19:20; 20:4), là sự nhái lại việc đóng dấu trên con dân Đức Chúa Trời, (xem 7:2; 9:4).

} “đầy bí ẩn: “BA-BY-LÔN VĨ ĐẠI,

NASB “**một điều bí ẩn: Ba-by-lon Đại Đế**” (Đại Đế là danh hiệu)

NKJV “**Điều Bí Ẩn, Ba-by-lon Đại Đế**” (Điều Bí Ẩn là một phần của danh hiệu)

NRSV “**điều bí ẩn: “Ba-by-lon vĩ đại**” (vĩ đại là tính từ)

TEV “**một ý nghĩa bí ẩn: “Đại Ba-By-lon**”

NJB “**một tên, một tên được mã hóa: ‘Ba-by-lon Đại Đế’**”

Có một số bất đồng về việc thuật ngữ “bí ẩn” có nằm trong Danh Hiệu, hay chỉ nằm ngoài danh hiệu như một tính từ miêu tả bản tính, (xem câu 7). Ba-by-lon là nền văn minh đầu tiên của loài người, được khởi đầu bởi Nim-rót xây cất tháp Ba-ben chống nghịch Đức Chúa Trời và bị phân tán trong Sáng Thế 11. Từ những sự kiện này, cộng với việc Ba-by-lon bắt Giu-đa đi đày, Ba-by-lon trở nên biểu tượng tối hậu của điều ác, của đế quốc trần gian. Trong thời Giăng sống, đế quốc ấy thể hiện trong quyền bính La-mã (xem I Phi-ê-rơ 5:13).

**17:6 “người phụ nữ ấy say máu các thánh đồ và máu các chứng nhân”** Câu này nói về sự chịu bắt bớ và tử đạo của các tín đồ, (xem 11:7; 13:7; Đa-ni-ên 7:21).

} “**Khi thấy thì tôi vô cùng kinh ngạc.**” Bản anh ngữ KJV dịch ‘kinh ngạc’ thành ‘thán phục’, còn bản NKJV dịch là “Tôi ngạc nhiên với sự ngạc nhiên tuyệt vời.” Thực ra Giăng không ‘thán phục’ nhưng ‘sùng sốt’ bởi hành động của Ba-by-lon. Nó được phép hành hạ và sát hại con dân Đức Chúa Trời, (xem 13:5,7,15; 11:7).

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 17:8-14**

<sup>8</sup>Con thú người thấy trước đã có, bây giờ không có, sắp từ vực sâu đi lên và đi đến chỗ hủy diệt. Những cư dân trên đất không có tên ghi trong sách sự sống từ lúc tạo dựng thế giới sẽ kinh ngạc khi thấy con thú; vì nó trước đã có, bây giờ không có, và sẽ xuất hiện. <sup>9</sup>Trong trường hợp này cần có một tâm trí khôn ngoan. Bảy đầu là bảy ngọn núi mà người phụ nữ ngồi lên. <sup>10</sup>Chúng cũng là bảy vị vua: Năm vị đã bị đổ, một vị còn trị vì, vị còn lại chưa đến. Khi đến, vị ấy chỉ được tồn tại một thời gian ngắn. <sup>11</sup>Con thú trước đã có, bây giờ không có, là vị vua thứ tám; nó cũng thuộc trong số bảy vị vua, và đang đi đến chỗ hủy diệt. <sup>12</sup>Mười sừng mà người đã thấy là mười vua chưa nhận được vương quốc, nhưng họ sẽ nhận được vương quyền cùng với con thú trong một giờ. <sup>13</sup>Chúng đồng lòng giao thế lực và thẩm quyền của mình cho con thú. <sup>14</sup>Chúng sẽ giao chiến với Chiên Con và Chiên Con sẽ chiến thắng chúng, vì Chiên Con là Vua của các vua, Chúa của các chúa; và những người ở với Ngài, tức là những người được kêu gọi, được tuyển chọn và trung tín, cũng sẽ chiến thắng.”

**17:8 “Con thú người thấy trước đã có, bây giờ không có, sắp từ vực sâu đi lên ”** Sự miêu tả Con thú theo thứ tự thời gian đã gây nhiều tranh luận trong vòng các nhà giải kinh.

1. Một số người thấy đây là ứng nghiệm lịch sử, đặc biệt với huyền thoại tin rằng hoàng đế Nê-rô trở lại
2. Một số người coi đây là sự tiệm tiến của các đế quốc trong Đa-ni-ên 2, đạt tới cực điểm với Trật Tự Thế Giới Tận Thế chống nghịch Đức Chúa Trời.
3. Những người khác thấy đây là sự cố gắng của Con Thú trong thời Tận Thế, (Khải Huyền 13:3,12,14), nhái lại công vụ của Đấng Christ.
4. Điều này cũng liên hệ tới linh của Kẻ Nghịch Đấng Christ trong mọi thế kỷ (xem I Giăng 2:18,22; 4:3; II Giăng 7), và cũng là sự nhái lại danh hiệu của Đức Giê-hô-va (1:4,8)

} “**vực sâu**” (Thuật ngữ Hy-lạp dạng ngữ pháp tiền tố phủ nhận alpha privative, ‘vực thăm, vực không đáy’), lần đầu tiên được nhắc tới trong các câu 9:1 và 11:7 theo nghĩa bóng nói về nơi cư ngụ của kẻ ác và tà linh, xem ghi chú ở câu 9:1

} “**sách sự sống**” xem ghi chú ở câu 5:1 và 13:8.

} “**từ lúc tạo dựng thế giới**” xem ghi chú ở câu 3:5 và 13:8.

### **17:9 “Trong trường hợp này cần có một tâm trí khôn ngoan”**

**NASB, NKJV: “Đây là tâm trí có sự khôn ngoan”**

**NRSV: “Đây kêu gọi một tâm trí với sự khôn ngoan”**

**TEV: “Đây kêu gọi sự khôn ngoan và hiểu biết”**

**NJB: “Đây kêu gọi sự khôn khéo”**

Câu này giống câu 13:18 (nói về con số biểu tượng cho danh hiệu Con Thú) gây ra nhiều tranh luận thần học tùy theo quan điểm cá nhân. Việc có nhiều cách giải kinh thế nào là “sự khôn ngoan” chứng tỏ những người khôn ngoan trong vòng chúng ta không có nhiều, (xem I Cô-rin-tô 1:26-31). Theo ý kiến riêng, tôi nghĩ rằng đây là một cách Giảng dùng để nhấn mạnh tính biểu tượng, bí ẩn, mã hóa trong văn tự của ông, xem bình luận của Frank Stagg, *New Testament Theology*, trang 317).

} **Bảy đầu là bảy ngọn núi mà người phụ nữ ngồi lên**” Sự miêu tả liên tưởng đến thành Rô-ma. Giống như Giê-ru-sa-lem, Rô-ma được xây trên 7 ngọn đồi. Cách miêu tả thành Rô-ma này cũng xuất hiện trong nhiều văn tự cổ. Chính vì vậy, người giải kinh có bốn phân nhìn thấy đây là thành Rô-ma thời Giảng và mở rộng ra theo ngữ cảnh chương 17, 18 tới cả Trật Tự Thế Giới chống nghịch Đức Chúa Trời, trong thời Tận Thế cũng như trong mỗi một giai đoạn lịch sử.

### **17:10-11 “Chúng cũng là bảy vị vua: Năm vị đã bị đổ, một vị còn trị vì, vị còn lại chưa đến. Khi đến, vị ấy chỉ được tồn tại một thời gian ngắn. <sup>11</sup>Con thú trước đã có, bây giờ không có, là vị vua thứ tám; nó cũng thuộc trong số bảy vua, và đang đi đến chỗ hủy diệt.”**

Một số nhà giải kinh xem đây là danh sách các hoàng đế La-mã như Âu-gút-stơ, Ti-bê-ri-út, Ca-li-gu-la, Cờ-lau-đi-út và Nê-rô (Augustus, Tiberius, Caligula, Claudius, and Nero) là năm vị đã bị đổ. Hoàng đế Ve-spa-si-an (Vespasian) là vị còn trị vì, và Ti-tút (Tit) là vị sẽ đến để cai trị một thời gian ngắn, (xem F. F. Bruce, *Answers to Questions*, p. 141). Cách giải thích này mang tính tùy tiện, bởi vì có ba vị hoàng đế nhỏ (Galba, Otho, and Vitellius) đã từng lên ngai trong năm 68-69 SCN bị bỏ qua. Tuy nhiên, dù xem nhẹ nan đề, cách giải thích này nhắm vào câu 10 và 11, nhấn mạnh huyền thoại Nê-rô sống lại và dẫn đội quân Pa-thi-an trở về tấn công thành Rô-ma. Giả thiết này phù hợp với câu 16 (xem *The Sibyllian Oracles*, 5:361-368).

Một số người khác coi đây là lời tiên tri ứng nghiệm giai đoạn bắt bớ dưới tay hoàng đế Đô-mi-ti-an (Domitian). Nhưng giả thiết này gặp các trở ngại sau đây:

1. Nó đòi hỏi sách Khải Huyền phải được viết trong thời đại Ve-spa-si-an, tức trái ngược với truyền thống cho rằng Giảng viết sách này thời Đô-mi-ti-an.
2. Sự sử dụng con số biểu tượng suốt cả cuốn sách.

Vì sao chúng ta phải giải thích hình ảnh này theo lịch sử nghĩa đen? Phải chăng Giảng có ý minh họa tính biểu tượng của những gì ông thấy? - tức là không chủ ý gắn liền với bất cứ giai đoạn lịch sử nào.

Một cách giải thích khả thi khác là một loạt các đế quốc thống trị toàn cầu, là kẻ thù của con dân Đức Chúa Trời thời Cựu Ước: Ai-cập, A-sy-ri-a, Ba-by-lon, Ba-tư, Hy-lạp, (Năm đã sụp đổ) và La-mã (một đang trị vì) và Đế Quốc Tận Thế chống nghịch Đức Chúa Trời (vị còn lại chưa đến). Cách giải thích này phù hợp một cách chung chung khuôn mẫu các đế quốc chống nghịch Đức Chúa Trời từ trong Đa-ni-ên 2:1-8 (xem George Ladd, *Revelation*, trang. 227-231).

Còn một cách giải thích nữa là ý nghĩa biểu tượng của các con số và chi tiết của Khải Huyền, khiến chương này trở nên một ví dụ trận chiến tối hậu giữa Đức Chúa Trời và Ác Quỷ, xem Giôn-son (Alan Johnson) *Revelation*, pp. 152-153, 157-161.

Đây là một ví dụ về sự giằng co trong lòng tôi, một nhà giải kinh. Có rất nhiều cách giải kinh bởi các nhà thần học tin kính mà tôi tin cậy. Cách giải kinh thứ nhất là quan điểm của ông Bru-sơ (F. F. Bruce), một tác giả mà tôi yêu thích. Hai cách sau theo quan điểm của Lát và Giôn-son (George Ladd and Alan Johnson), các chuyên gia về Khải Huyền mà tôi khâm phục. Nhưng họ đều không thống nhất với nhau. Vấn đề quan trọng là ngữ cảnh phù hợp với thể kỹ thứ nhất (theo F. F. Bruce), hay phù hợp với Cựu Ước (theo George Ladd), hay phù hợp với văn chương Khải thị (theo Alan Johnson). Ở thời điểm của sự nghiên cứu cá nhân này, tôi nghĩ rằng quan điểm biểu tượng của ông Giôn-son có vẻ thích hợp nhất.

**17:12 “Mùi sừng mà người đã thấy là mùi vua”** Câu này liên tưởng tới Đa-ni-ên 7:7,23 -24. Đa-ni-ên 7 nói về Kê Nghịch Đấng Christ thời Tận Thế. Có người coi mùi vua này là mùi vương thủ chư hầu của Rô-ma. Người khác giải thích đây là đạo quân ác linh trong chương 9. Nhiều người dựa trên tính biểu tượng con số mà ám chỉ mùi vua là các lãnh tụ thế gian thời tận thế mà không cụ thể hóa danh tính một ai.

Có nhiều cách giải kinh theo nghĩa đen một cách kỳ công, dựa theo chi tiết trong các câu 10-12. Những câu này cho thấy các chi tiết hướng về sự ứng nghiệm lịch sử. Tuy nhiên bản tính biểu tượng của thể loại chỉ đường cho chúng ta tới cách giải kinh theo biểu tượng các con số và chi tiết. (Đặc biệt đối với chúng ta, là những người không thuộc vào thể hệ tin đồ cuối cùng bị bắt bớ).

**17:13 “Chúng đồng lòng giao thế lực và thẩm quyền của mình cho con thú”** Câu này nói về sự hiệp một của điều ác, trong khi câu 15-16 nói về sự bất hòa nội bộ của chúng. Điều ác sẽ tự quay grom về chính mình, câu 16:12.

**17:14 “Chúng sẽ giao chiến với Chiên Con ”** Chiên Con được xác định trong vòng dân của Ngài (xem Ma-thi-ơ 25:35-40; Công Vụ 9:4).

} **“và Chiên Con sẽ chiến thắng chúng... và những người ở với Ngài,”** Xin để ý mối liên hệ gần gũi giữa sự chiến thắng của Đấng Christ và sự chiến thắng của các thánh đồ.

} **“Chiên Con là Vua của các vua, Chúa của các chúa”** Danh hiệu này sẽ được nhắc tới trong câu 19:16, về Đấng Mê-si-a Tái Lâm. Trong Cựu Ước, danh hiệu được sử dụng (1) cho Đức Giê-hô-va (Phục Truyền 10:17; Thi Thiên 136:2-3 hoặc (2) cho Nê-bu-ca-nê-xa (Đa-ni-ên 2:37,47). Con số biểu tượng của câu này là 777 trong ngôn ngữ A-ra-mic, mặc dầu không được nhắc đến trong Kinh Thánh.

} **“tức là những người được kêu gọi, được tuyển chọn và trung tín,”** Để ý tới các thuật ngữ “được kêu gọi”, “được tuyển chọn” ám chỉ sự tiền định của Đức Chúa Trời, và thuật ngữ “trung tín” ám chỉ quyền lựa chọn cá nhân. Chúng ta thuộc về Chúa bởi được Chúa gọi và bởi đức tin (khởi đầu và bền đỗ) (xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 2:2).

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 17:15-18**

<sup>15</sup>Rồi thiên sứ nói với tôi: “Những dòng nước mà người thấy kỹ nữ ngồi lên trên là các dân tộc, các nhóm người, các nước và các thứ tiếng.<sup>16</sup>Mùi sừng mà người đã thấy và con thú sẽ ghét kỹ nữ. Chúng sẽ ruồng bỏ và làm cho nó lỏa lồ; chúng sẽ ăn thịt kỹ nữ và thiêu cháy nó trong lửa.<sup>17</sup>Vì Đức Chúa Trời đã khiến chúng quyết tâm thực hiện ý định của Ngài bằng cách đồng lòng với nhau giao vương quốc của mình cho con thú, cho đến khi lời Đức Chúa Trời được ứng nghiệm.<sup>18</sup>Người phụ nữ mà người đã thấy là một thành phố vĩ đại thi hành quyền lực trên các vua khắp thế gian.”

**17:15 các dân tộc, các nhóm người, các nước và các thứ tiếng** Câu này nói về tính toàn cầu của thủ lĩnh phản Chúa và đế quốc thời Tận thế, xem ghi chú ở câu 10:11.

**17:16 Mùi sừng và con thú sẽ ghét kỹ nữ** Câu này liên tưởng tới Ê-xê-chiên 16:39 -40; 23:25-27; 28:18.

Đường như có sự xung khắc trong vòng các thế lực thù nghịch, câu 16:12. Nội chiến của kẻ thù cũng là chiến lược của Đức Chúa Trời, (xem câu 17).

**17:17 “đồng lòng”** xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 2:23.

**17:18 thành phố vĩ đại thi hành quyền lực trên các vua khắp thế gian** Thành phố lớn được nhắc tới trong câu 11:8 và 16:19 liên tưởng tới Giê-ru-sa-lem (quan điểm Lịch Sử theo giai đoạn), hoặc Rô-ma (quan điểm Tiên Sử, chỉ ứng nghiệm trong thế kỷ thứ nhất). Ngữ cảnh cho thấy một Trật Tự chống nghịch Đức Chúa Trời được cấu trúc theo biểu tượng một thành phố. Danh tính thành phố không quan trọng. quan trọng là có một hệ thống quyền bính hoàn toàn độc lập với Đức Chúa Trời, tự mình thỏa mãn mọi nhu cầu theo chủ nghĩa nhân văn vô thần.

## KHẢI HUYỀN 18

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỊNH) ĐOẠN 18:1-3**

<sup>1</sup>Sau đó, tôi thấy một thiên sứ khác có thẩm quyền lớn từ trời xuống; cả đất đều rực sáng bởi vinh quang của thiên sứ ấy. <sup>2</sup>Thiên sứ kêu lớn tiếng:

**“Ba-by-lôn vĩ đại đã sụp đổ, đã sụp đổ rồi!**

**Nó đã trở nên sào huyệt của các quý,**

**Hang ổ của các tà linh,**

**Và các loài chim ô uế, đáng ghét.**

<sup>3</sup>Vì tất cả các dân tộc đã uống rượu cuồng loạn vô luân của nó,

**Các vua trên đất đã phạm tội tà dâm với nó,**

**Các thương gia trên đất đã làm giàu bởi sự quá xa hoa của nó.”**

**18:1 “Sau đó, tôi thấy một thiên sứ khác có thẩm quyền lớn từ trời xuống; cả đất đều rực sáng bởi vinh quang của thiên sứ ấy”**

Câu này nói về một thiên sứ rất hùng mạnh. Thuật ngữ “thẩm quyền” (*exousia*) không được dùng cho bất cứ một thiên sứ nào khác trong Khải Huyền. Trong Giăng 5:27, nói về thẩm quyền mà Đức Chúa Trời ban cho Chúa Giê-su. Trong Khải Huyền 22:16, Chúa Giê-su nói Ngài sai thiên sứ đại diện với một sứ điệp của Ngài.

**18:2 “Ba-by-lôn vĩ đại đã sụp đổ, đã sụp đổ rồi!”** Lại thêm một ví dụ về khó khăn trong giải kinh Khải Huyền. Một mẫu thông tin được giới thiệu ở một điểm, được phát triển một phần ở điểm khác, rồi được phát triển toàn phần ở một điểm khác nữa. (ví dụ, xem 11:8; 14:8; và 16:19-20. Hay đây là bằng chứng về thuyết “Tóm Lược Sự Kiện giữa bày đơn vị văn chương). Câu 18:2 này liên tưởng tới Ê-sai 21:9 và (hoặc) Giê-rê-mi 51:8.

} **“Nó đã trở nên sào huyệt của các quý,**

**Hang ổ của các tà linh,**

**Và các loài chim ô uế, đáng ghét.”**

Đây là hình ảnh các thành cổ hoang tàn:

1. Ba-by-lon (xem Ê-sai 13:21-22; 14:23; Giê-rê-mi 50:39; 51:37)
2. Ê-đom (xem Ê-sai 34:10-15)
3. Ni-ne-va (xem Sô-phô-ni 2:14)

Trong Cựu Ước, hình ảnh thú hoang lang thang trong thành cổ là biểu tượng của sự hủy diệt và hiện diện tà linh (xem NEB). Thêm vào đó, các chim ô uế biểu tượng cho ma quỷ.

Các viết của Giăng mang tính chất uyển chuyển, câu này vừa có ý nói về sự hoang vắng, là nơi trú ngụ của tà linh, trong khi câu 19:3 miêu tả sự tàn phá với lửa và khói.

**18:3 “Vì tất cả các dân tộc đã uống rượu của nó,  
Các vua trên đất đã phạm tội tà dâm với nó,”**

Câu này liên tưởng tới tiên tri Cự Uớc về sự hủy phá của Ba-by-lon (xem Giê-rê-mi 51:7). Giê-rê-mi đặc biệt dùng hình ảnh say rượu / uống chén vàng để nói về tham vọng giàu có.

} **“cuồng loạn vô luân”** Nghĩa đen ‘vô luân’ một cách điên cuồng (*thumos*), xem ghi chú ở câu 7:14.

} **“Các thương gia trên đất đã làm giàu bởi sự quá xa hoa của nó”** Câu này minh họa nan đề của loài người thể hiện trong sự tự kỷ, vật chất chủ nghĩa trong Trật Tự Toàn Cầu thời Tận thế chống nghịch Đức Chúa Trời. Có ba nhóm người ca thán cho Kỹ Nỹ Vĩ Đại :

1. Các thương gia (xem các câu 3,11-16)
2. Các vua trần gian (xem các câu 3,9-10)
3. Các thủy thủ buôn bán (xem các câu 3,17-19)

Ba nhóm người này đại diện cho hệ thống kinh tế toàn cầu.

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 18:4-8**

**<sup>4</sup>Rồi tôi nghe một tiếng khác đến từ trời, bảo rằng:**

**“Hỡi dân Ta, hãy ra khỏi Ba-by-lôn!**

**Kéo các con tham gia vào tội lỗi của nó,  
Và cùng chịu chung tai họa với nó chẳng;**

**<sup>5</sup>Vì tội lỗi nó chất cao đến tận trời.**

**Và Đức Chúa Trời nhớ đến tội ác nó.**

**<sup>6</sup>Hãy đối xử với nó như nó đã đối xử,**

**Hãy báo trả cho nó gấp đôi những việc nó đã làm.**

**Hãy pha cho nó gấp đôi chén mà nó đã pha.**

**<sup>7</sup>Nó đã tự tôn vinh mình và sống xa hoa bao nhiêu,**

**Thì hãy làm cho nó bị khổ ải, sâu muện bấy nhiêu.**

**Vì nó nói trong lòng rằng:**

**‘Ta ngồi như một nữ hoàng!**

**Ta không phải là góa phụ,**

**Ta sẽ không bao giờ biết sâu muện.’**

**<sup>8</sup>Vì vậy, trong một ngày các tai họa sẽ đến với nó:**

**Nào chết chóc, nào sâu muện, nào đói kém.**

**Nó sẽ bị thiêu cháy bằng lửa,**

**Vì Chúa, Đấng phán xét nó, là Đức Chúa Trời đầy uy quyền.”**

**18:4 “Rồi tôi nghe một tiếng khác đến từ trời, bảo rằng:**

**“Hỡi dân Ta, hãy ra khỏi Ba-by-lôn!**

**Kéo các con tham gia vào tội lỗi của nó,**

**Và cùng chịu chung tai họa với nó chẳng;”**

Đây là điều liên tưởng Cự Uớc tới Ê-sai 48:20; 52:11; Giê-rê-mi 50:8,28; 51:6,9,45 hoặc Xa-cha-ri 2:6-7.

Mệnh lệnh thúc chủ động thì quá khứ, nói lên tính khẩn thiết, nhắc nhở dân của Đức Chúa Trời không tham gia vào hệ thống trần gian này.

**18:5 “Vì tội lỗi nó chất cao đến tận trời.”** Câu này gọi nhớ Sáng Thế 18:20-21 hoặc Giê-rê-mi 51:9. Con người lợi dụng lòng nhân từ và nhịn nhục của Đức Chúa Trời để tiếp tục phạm tội thay vì ăn năn (xem 2:21; Rô-ma 2:4).

} **“Và Đức Chúa Trời nhớ đến tội ác nó.”** Trong Kinh Thánh, khi Đức Chúa Trời nhớ tới hành động tội lỗi của con người lúc là lúc con thịnh nộ của Ngài ụp xuống ác nhân, (xem 16:19; Thi Thiên 79:8; Ê-sai 64:9; Giê-rê-mi 14:10; 17:1-4; 44:21-23; Ô-sê 7:2; 8:13; 9:9; A-mốt 8:7).

**18:6 “Hãy đối xử với nó như nó đã đối xử,”** Chân lý là ‘chúng ta gieo thứ gì sẽ gặt thứ đó’ (xem Ga-la-ti 6:7; xin tham khảo thêm danh sách gieo - gặt trong mạng [www.freecommentary.org](http://www.freecommentary.org)). Sự thật này được trình bày qua nhiều cách trong Kinh Thánh (xem Thi Thiên 137:8; Giê-rê-mi 50:15,29; Ma-thi-ơ 7:2; Khải Huyền 13:10).

} **“Hãy báo trả cho nó gấp đôi những việc nó đã làm”**

Câu này liên hệ tới Giê-rê-mi 16:18 và 17:18, nhưng chân lý được thấy trong nhiều ngữ cảnh (xem Xuất Hành 22:4-9; Thi Thiên 75:7-8; Ê-sai 40:2). Thành ngữ ‘áp đôi’ này nói về phán xét sự trọn vẹn và đầy đủ, cũng như ở vế tiếp theo (18:6b), mang dụng ý khích lệ cơ-đốc nhân đang bị bắt bớ.

} **“Hãy pha cho nó gấp đôi chén mà nó đã pha.”** “chén” là ẩn dụ Cựu Ước về sự phán xét của Đức Chúa Trời (xem Thi Thiên 11:6; 60:3; 75:6-8; Ê-sai 51:17,22; Giê-rê-mi 25:15-16,27-28).

**18:7 “Vì nó nói trong lòng rằng:**

**‘Ta ngồi như một nữ hoàng!**

**Ta không phải là góa phụ,**

**Ta sẽ không bao giờ biết sầu muộn.’”**

Câu này liên hệ tới Sô-phô-ni 2:15 và Ê-sai 47:7-8. Nó nói về tính độc lập và kiêu ngạo, là nguyên nhân làm Sa-tan sa ngã (gợi ý từ Ê-sai 14 và Ê-xê-chiên 28), cũng như làm nhân loại phạm tội (xem Sáng Thế 3). Độc lập và kiêu ngạo cũng là bản tính của Trật Tự Toàn Cầu thời Tận Thế.

xem Chủ Đề Đặc Biệt :Tâm Lòng, ở câu 2:23.

**18:8 Vì vậy, trong một ngày các tai họa sẽ đến với nó”** Đây là điều liên tưởng tới Ê-sai 47:9. Khái niệm “trong một ngày” của sự đau buồn tràn ngập được nhắc lại trong các câu 17-19, tương đương với thuật ngữ “giờ” thường thấy trong văn tự của Giảng. Một lần nữa, câu này là nguồn khích lệ đối với Cơ-đốc nhân bị khủng bố, đàn áp.

} **“Nó sẽ bị thiêu cháy bằng lửa,”** có thể liên hệ tới Lê-vi 21:9, xem Chủ Đề Đặc Biệt: Lửa ở câu 16:8.

} **“Vì Chúa, Đấng phán xét nó, là Đức Chúa Trời đầy uy quyền.”** gợi ý tới Giê-rê-mi 50:34.

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 18:9-10**

<sup>9</sup>Các vua trên đất, những người đã phạm tội tà dâm và sống xa hoa với nó, sẽ khóc lóc, kêu than khi thấy khói từ lửa thiêu cháy nó. <sup>10</sup>Vì sợ sự khổ ải của nó nên họ đứng xa, và nói:

**“Khốn thay! Khốn thay! Thành phố vĩ đại,**

**Ba-by-lôn thành phố cường thịnh!**

**Chỉ trong một giờ, sự phán xét ngươi đã đến rồi!”**

**18:9-10 “Các vua trên đất”** Các vua này chắc phải khác các vua trong câu 17:12,16, là những vị tham gia sự hủy diệt và hạ bệ Đại Kỹ Nữ. Các vua ở đây là các lãnh tụ các quốc gia thương mại, kiếm lợi bằng việc buôn bán với đế quốc nghịch Đức Chúa Trời. Đây có thể là sự gợi ý tới thành phố cảng Ti-ro và vị vua kiêu ngạo trong Ê-xê-chiên 26-28. Phần còn lại của chương 18 nói về sự say sưa của các thế lực thương mại với Trật Tự Thế Gian thời Tận Thế.

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 18:11-20**

<sup>11</sup>Các thương gia trên đất cũng khóc lóc và sầu muộn vì nó, bởi không còn ai mua hàng hóa của họ nữa. <sup>12</sup>Hàng hóa gồm vàng, bạc, đá quý, ngọc trai; vải gai mịn, vải màu tía, lụa và vải màu điều; các loại gỗ thơm; các sản phẩm bằng ngà, bằng gỗ quý, bằng đồng, bằng sắt, bằng cẩm thạch; <sup>13</sup>quế, gia vị, hương liệu, mộc dược và nhũ hương; rượu và dầu, bột mì và lúa mì; súc vật và chiên, ngựa và xe ngựa; nô lệ và cả linh hồn con người. <sup>14</sup>Họ nói: “Những quả ngon mà linh hồn ngươi ao ước đã rời xa ngươi; tất cả những xa hoa, hào nhoáng bị diệt mất khỏi ngươi và sẽ không bao giờ còn tìm thấy nó nữa.” <sup>15</sup>Các thương gia buôn bán những hàng hóa này, những người đã làm giàu nhờ Ba-by-lôn sẽ đứng xa vì sợ sự khổ ải của nó; họ sẽ khóc lóc, sầu muộn, <sup>16</sup>mà nói rằng: “Khốn thay! Khốn thay! Thành phố vĩ đại kia đã từng mặc vải gai mịn, màu tía, màu điều, trang điểm với vàng, đá quý và ngọc trai!” <sup>17</sup>Vì trong một giờ, sự giàu có lớn của nó đã bị tiêu hủy.”

Các thuyền trưởng, các hành khách, các thủy thủ và tất cả các người buôn bán trên biển đều đứng



xa; <sup>18</sup> khi thấy khói từ lửa thiêu cháy nó thì họ kêu lên: “Chưa bao giờ có thành phố nào vĩ đại như thành phố này!” <sup>19</sup> Họ lấy bụi rắc trên đầu mình, khóc lóc, kêu than, sầu muộn, mà nói: “Khốn thay! Khốn thay! Thành phố vĩ đại này, nơi bởi sự giàu có của nó đã làm giàu cho tất cả những người có tàu trên biển; thế mà chỉ trong một giờ đã trở nên hoang tàn!

<sup>20</sup> Hỡi trời, hãy vui mừng vì nó! Các thánh đồ, các sứ đồ, các nhà tiên tri cũng hãy vui mừng đi! Vì Đức Chúa Trời đã kết án nó theo cách nó đã đối xử với các người.”

**18:11-19 “Các thương gia trên đất cũng khóc lóc và sầu muộn vì nó,**

” Phân đoạn này cũng giống như Ê-xê-chiên 27:

1. câu 11 – Ê-xê-chiên 27:31,36
2. các câu 12-13 – Ê-xê-chiên 27:12,13,22
3. câu 15 – Ezek 27:31,36
4. câu 17 – Ê-xê-chiên 27:26-30
5. câu 18 – Ê-xê-chiên 27:32
6. câu 19 – Ê-xê-chiên 27:30-34

Nó miêu tả luồng thương mại quốc tế:

1. Bạc từ Tây Ban Nha
2. Vải từ Ai-cập
3. Lúa từ Trung Quốc
4. Gỗ thơm từ Bắc Phi.
5. Ngà từ Châu Phi
6. Sắt từ Tây Ban Nha hoặc Biển Đen
7. Quế từ Ấn độ
8. Buôn bán nô lệ toàn cầu

**18:13 xe ngựa**

NASB, NKJV:

NRSV, NJB: “**cỗ xe**”

TEV: “**xe ngựa kéo**”

Ám chỉ các loại xe cá nhân bốn bánh loại sang trọng, chứ không phải chiến xa.

“**tất cả những xa hoa, hào nhoáng**” Cách chơi chữ của thuật ngữ Hy-lạp *lipara* (xa xỉ) và *lampra* (lộng lẫy).

**18:17 “Các thuyền trưởng, các hành khách, các thủy thủ và tất cả các người buôn bán trên biển đều đứng xa”** Câu này liên tưởng tới Ti-rơ, trong Ê-xê-chiên 26-28 chủ nhân của các phương tiện vận chuyển đồ xa xỉ. Họ than khóc bởi vì phương tiện kiếm sống của họ bị đụng chạm.

**18:19 “Họ lấy bụi rắc trên đầu mình,”** xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tập tục tang chế ở câu 1:7.

**18:20 “hãy vui mừng vì nó!”** Câu này liên hệ tới Giê-rê-mi 51:48, mặc dầu có người nhìn nó giống như Phục Truyền 32:43 (trong bản Bảy Mươi - Septuagint), khi liên minh kinh tế than khóc, thì các tín đồ vui mừng,

} “**Vì Đức Chúa Trời đã kết án nó**” Trong cả cuốn sách chúng ta thấy cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời được liên hệ tới lời cầu nguyện của thánh đồ, (xem 6:10).

## **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 18:21-24**

<sup>21</sup>Bấy giờ, một thiên sứ đầy uy lực lấy một tảng đá như cối xay lớn ném xuống biển và nói: “Ba-by-lôn, thành phố vĩ đại sẽ bị ném xuống như vậy, và sẽ không ai tìm thấy nó nữa.”<sup>22</sup>Không ai còn nghe thấy nơi người tiếng người chơi thụ cầm, tiếng kẻ ca hát, tiếng người thổi sáo, kẻ thổi kèn nữa. Nơi người sẽ không tìm thấy một người thợ của bất cứ ngành nghề nào; và tiếng cối xay cũng sẽ không còn nghe thấy nữa. <sup>23</sup>Ánh sáng đèn sẽ không chiếu sáng nơi người nữa; tiếng cô dâu chú rể cũng sẽ không còn được nghe thấy nơi người, vì các thương gia của người là những người quyền thế trên đất, và vì mọi dân tộc đều bị tà thuật của người lừa dối. <sup>24</sup>Và tại thành này, người ta tìm thấy máu của các nhà tiên tri, các thánh đồ và tất cả những người bị giết trên đất.”

**18:21** “Bấy giờ, một thiên sứ đầy uy lực lấy một tảng đá như cối xay lớn ném xuống biển ” Câu này gợi ý tới Giê-rê-mi 51:63-64, là một sứ điệp cho biết Ba-by-lon sẽ không bao giờ, không bao giờ trở dậy nữa. Xin để ý chi tiết trong các câu 21-33, có sáu “phủ nhận kép” (double negatives), ám chỉ sự “chắc chắn là không”, “không thể có trong bất cứ tình huống nào” và “không bao giờ, không, không bao giờ có nữa.”

} “sẽ không ai tìm thấy nó nữa... Không ai còn nghe thấy ... không tìm thấy ” Đây miêu tả sự hủy diệt toàn phần, vĩnh viễn, (xem Ê-xê-chiên 26:21).

**18:22-23** Đây là âm thanh của đời sống hàng ngày vùng Trung Cận Đông. Đức Chúa Trời đem tới sự trừng phạt tối hậu, chấm dứt xã hội vô tín của nhân loại, (xem Ê-sai 24:8; Giê-rê-mi 7:34; 25:10; Ê-xê-chiên 26:13).

**18:23** “mọi dân tộc đều bị tà thuật của người lừa dối.” Đây là điều liên tưởng tới Na-hum 3:4. Xin để ý câu 23-24, liệt kê các nguyên nhân sụp đổ của thành vĩ đại:

1. Sự kiêu căng và giàu có ( xem Ê-sai 23:8)
2. Thần tượng và tà thuật (xem Lê-vi 19:26,33; Phục Truyền 18:9-12)
3. Bắt bớ con dân Đức Chúa Trời (xem 16:6, 17:6).

**18:24** “Và tại thành này, người ta tìm thấy máu của các nhà tiên tri, các thánh đồ và tất cả những người bị giết trên đất” đây là điều liên tưởng tới Giê-rê-mi 51:49.

## **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát

1. Phải chăng chương 17 và 18 là một đơn vị văn chương, vì sao?
2. Vì sao có khó khăn trong việc xác định thời điểm Ba-by-lon sụp đổ?
3. Ai được ám chỉ là Ba-by-lon trong thời Giăng sống? trong thời đại chúng ta? Trong thời kỳ Tận thế?
4. Sự loạn luân và rượu ám chỉ điều gì trong câu 14:8; 17:2; 18:3 liên hệ tới Trật Tự Thế Gian
5. Xin giải nghĩa theo quan điểm quý vị về câu 17:10-11.
6. Từ sách Cựu Ước nào Giăng có nhiều nhất các điều liên tưởng cho Khải Huyền?

## KHẢI HUYỀN 19

### CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
(18:21-19:4)	Thiên Đàng ca vui vì Ba-by-lon sụp đổ	Ngợi ca trên Thiên Đàng	(18:24-19:4)	Bài ca chiến thắng trên Thiên Đàng
Lễ Cưới của Chiên Con	19:1-10	19:1-4	Tiệc cưới của Chiên Con	19:1-4
19:5-8		19:5-8	19:5-8	19:5-10
19:9-10		19:9-10	19:9 19:10a-b 19:10c	
Kỵ sỹ trên ngựa trắng	Christ trên ngựa trắng	Christ đắc thắng cùng thiên binh	Kỵ sỹ trên ngựa trắng	Trận chiến Tận Thế đầu tiên
19:11-16	19:11-16 Con Thú và chư hầu bị tiêu diệt	19:11-16	19:11-16	19:11-16
19:17-21	19:17-21	19:17-21	19:17-18 19:19-21	19:17-18 19:19-21

### **CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)**

#### *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN*

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

Phân đoạn 1  
Phân đoạn 2  
Phân đoạn 3  
Vân vân...

### **KIẾN GIẢI SÂU SẮC THEO NGỮ CẢNH KHẢI HUYỀN 19:1-21**

- A. Sự phân đoạn trong phần này của Khải Huyền không hợp lý, (nguyên bản Hy-lạp không chia chương, chia đoạn, chia câu, không chữ viết hoa và không có dấu chấm phẩy). Khải Huyền 19:1-10 là phần kết thúc sự hủy phá Kỹ Nữ Lớn, được miêu tả trong đoạn 17:1-18:24 trước đó. Như người Do-thái vui mừng trước sự sụp đổ của A-si-ria và Ba-by-lon thời Cựu Ước, bây giờ các thiên sứ thánh (câu 4) và dân của Chúa vui mừng trước sự sụp đổ của Đại Kỹ Nữ - hệ thống quyền bính chống nghịch Đức Chúa Trời trong thời kỳ sau rốt (câu 18:20).
- B. Một loạt các bài ca trong of 19:1-10 là sự hưởng ứng câu 18:20.
- C. Thường thường mọi người thấy phần 19:11-16 miêu tả sự Tái Lâm của Chúa Giê-su. Tuy nhiên cũng

nên thấy phần này khép lại một chu kỳ phán xét khác. Sự tái lâm của Đấng Christ ở đây được miêu tả theo cách của người Do-thái, rất khác với sự Tái Lâm theo Phao-lô trong I Tê-sa-lô-ni-ca 4:14-18. Người Do-thái trông đợi Đấng Mê-si-a như một anh hùng, theo câu 11-16. Còn các tín đồ trông chờ Chúa Giê-su trở lại theo khuôn mẫu lời Chúa dạy dỗ trên ngọn núi Ô-li-vê, (xem Ma-thi-ơ 24; Mác 13; Lu-ca 21) và lời Phao-lô về ‘con người tội lỗi’ (xem II Tê-sa-lô-ni-ca 2).

- D. Đối với tín đồ bị bắt bớ, hình ảnh Chúa Giê-su như một Chiến Binh, Đấng Bảo Vệ và Thảm Phán đem lại niềm khích lệ đáng kể.

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÂU VĂN.

### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 19:1-5a**

<sup>1</sup>Sau đó, tôi nghe ở trên trời như có tiếng lớn của một đoàn người đông đảo nói rằng: “Ha-lê-lu-gia! Sự cứu chuộc, vinh quang và quyền năng thuộc về Đức Chúa Trời chúng ta. <sup>2</sup>Vì những sự phán xét của Ngài là chân thật và công minh. Ngài đã phán xét đại kỹ nữ, kẻ đã dùng sự dâm loạn của mình làm hư hỏng đất; và Ngài đã báo thù về máu của các đày tớ Ngài do kỹ nữ ấy làm đổ ra.”

<sup>3</sup>Họ nói lần thứ hai: “Ha-lê-lu-gia! Khói của nó bay lên đời đời!”

<sup>4</sup>Hai mươi bốn trưởng lão và bốn sinh vật phủ phục và thờ lạy Đức Chúa Trời là Đấng ngồi trên ngai, và nói: “A-men! Ha-lê-lu-gia!” <sup>5</sup>Có tiếng từ ngai bảo rằng: “Tất cả các đày tớ của Đức Chúa Trời chúng ta, những người kính sợ Ngài, cả nhỏ lẫn lớn, hãy ca ngợi Ngài!”

**19:1** “Sau đó, tôi nghe ở trên trời như có tiếng lớn của một đoàn người đông đảo nói rằng:” Câu này liên tưởng tới Giê-rê-mi 51:48. Chương 17-18 có nhiều hình ảnh xuất xứ từ Giê-rê-mi 50-51 (sự hủy phá Ba-by-lon). Câu văn, hoặc ý chính của câu cũng giống hệt như câu Khải Huyền 11:15 (Sự Tái Lâm xảy ra sau tiếng kèn thứ bảy) và câu 19:6. Có nhiều tranh luận về việc danh tính đám đông trong câu 19:1, nhưng không ai có thể chứng minh họ là thiên sứ, tín đồ được cứu, hay cả hai nhóm. .

} **“Hallelujah”** Tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là Ca ngợi Đức Giê-hô-va (BDB 237 II và 219). Câu này xuất hiện trong Tân Ước duy nhất ở các câu 19:1,3,4, và 6. Bối cảnh Cựu Ước được thấy trong các Thi Thiên thường được đọc trong lễ Vượt Qua và lễ Lều Trại, (xem Thi Thiên 104:35; 105:45; 106:48; 111:1; 112:1; 113:1; 116:19; 117:2; 125:1,21; 146:1,10; 147:1;148:1,14; 149:1,9; 150:1,6). Sự gợi nhớ Thi Thiên tương tự được thấy ở câu 5b.

} **“Sự cứu chuộc”** là điều ước nguyện của Đức Chúa Trời đối với loài người (xem 9:20-21; 14:6-7; 16:9,11; 21:7; 22:17; Ê-xê-chiên 18:23,30-32; Giăng 3:16; 4:42; I Ti-mô-thê 2:4; 4:10; II Phi-ê-rơ 3:9; I Giăng 4:14). Nó có thể là sự giải phóng theo quan điểm Cựu Ước, nhưng ở đây mang tính chất tổng thể, đời đời mang tầm cỡ vũ trụ đối với những ai tin nhận Ngài và đối với cả thế giới tạo hóa, (xem Công Vụ 3:21; Rô-ma 8:18-25; Cô-lô-sê 1:19).

} **Sự cứu chuộc, vinh quang và quyền năng** ” Trong suốt Khải Huyền, ca đoàn trên trời bật ra những bài hát ngợi khen Đức Chúa Trời. Trong nhiều trường hợp, lời ca chính là chìa khóa giải kinh theo ngữ cảnh.

**19:2** “**Vì những sự phán xét của Ngài là chân thật và công minh**” Câu này gợi nhớ tới Thi Thiên 19:9; 119:138 và 142. Sự phán xét của Đức Chúa Trời mang tính chất hợp lý và công bình. (được thấy trong ba chu kỳ). Sự phán xét của Chúa là niềm khích lệ đối với các tín đồ chịu đựng sự bắt bớ trong cơn hoạn nạn, (xem câu 11; 15:3,4; 16:7).

} “**đại kỹ nữ**” - biểu tượng Trật Tự thế giới chống nghịch Đức Chúa Trời, với các danh hiệu sau

1. Thành phố lớn
2. Ba-by-lon
3. Kỹ Nữ (xem 14:8; 16:19-21; 17:1-18:24) Verses 1-4 continue the context from chapters 17 and 18.

} “**kẻ đã dùng sự dâm loạn của mình làm hư hỏng đất;**” – ‘sự dâm loạn’ ám chỉ lòng tham vật chất, thờ thần thượng, thực hành dâm dục trong thờ cúng thần ‘mắn đẻ’ hoặc thờ hoàng đế, (xem 2:14,20,21; 9:21; 14:8; 17:2,4; 18:3).

**Chủ Đề Đặc Biệt: Hủy phá, làm tan hoang, làm hư hỏng**

Special Topic: Destroy, Ruin, Corrupt (*phtheirō*)

Ý nghĩa căn bản của động từ *phtheirō* có nghĩa Hủy phá, làm tan hoang, làm hư hỏng. Ví dụ như:

1. Tan hoang tài chính (thiệt hại, có thể trong 2 Cô-rin-tô 7:2)
2. Hủy phá thuộc thể (xem 1 Cô-rin-tô 3:17a)
3. Hư hỏng đạo đức (xem Rô-ma 1:23; 8:21; 1 Cô-rin-tô 15:33,42,50; Ga-la-ti 6:8; Khải Huyền 19:2)
4. Cắm đồ tình dục (xem 2 Cô-rin-tô 11:3)
5. Diệt vong đời đời (xem 2 Phi-ê-rơ 2:12,19)
6. Giáo huấn, hủ tục băng hoại của con người (xem Cô-lô-sê 2:22; 1 Cô-rin-tô 3:17b)

Nhiều lúc thuật ngữ này được sử dụng trong ngữ cảnh phản diện, (negated opposite) (xem Rô-ma 1:23; 1 Cô-rin-tô 9:25; 15:50,53). Xin để ý sự song hành giữa thân thể trần thế thuộc thể và thân thể thiên thượng đời đời.

1. hư hoại và không thể hư hoại 1 Cô-rin-tô 15:42,50
2. ô nhục và vinh hiển 1 Cô-rin-tô 15:43
3. yếu đuối và hùng mạnh 1 Cô-rin-tô 15:43
4. cơ thể tự nhiên và cơ thể thuộc linh 1 Cô-rin-tô 15:44
5. A-đam thứ nhất và A-đam cuối cùng, 1 Cô-rin-tô 15:45
6. hình ảnh trần thế và hình ảnh thiên thượng, 1 Cô-rin-tô 15:49

} “**và Ngài đã báo thù về máu của các đấng tố Ngài do kỹ nữ ấy làm đổ ra.**” Câu này liên tưởng tới Phục Truyền 32:43 hoặc II Các Vua 9:7 (xem Rô-ma 12:19). Đức Chúa Trời hành động theo lời cầu nguyện của thánh đồ (xem 6:9-11; Ma-thi-ơ 7:7-8; 21:22; Giảng 21:22; 14:13-14; 15:7,16; 16:23-24, 26; Gia-cơ 4:2; I Giảng 3:22; 5:14-16).

Trật tự thế gian chống nghịch Đức Chúa Trời luôn luôn tích cực trong sự bắt bớ và giết hại dân của Chúa. Ngài cho phép điều ác xảy ra để phơi bày dã tâm của họ, (xem 13:5,7,15).

**19:3 “Khói của nó bay lên đời đời!”** Đây là điều liên tưởng tới Ê-sai 34:10, miêu tả sự phán xét toàn cầu. Chúng ta nên nhớ rằng văn chương Khải thị sử dụng biểu tượng để trình bày chân lý. Chân lý ở đây có thể là

1. Án phạt đời đời (xem 6:10; Ma-thi-ơ 3:12; 25:41; Lu-ca 3:17; Mác 9:43,48)
2. hủy diệt trọn vẹn, (xem Ê-sai 34:8-10). Chân lý này cũng được thấy trong Khải Huyền 14:11

**19:4 “Hai mươi bốn trưởng lão ”** xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 4:4.

} “**Amen**” thuật ngữ Amen được dùng ở các câu 1:6,7; 3:14; 5:14 and 7:12; 19:4; 22:20; và 22:21. Nó có chung gốc từ với ‘đức tin’ trong tiếng Hê-bơ-rơ. (*emeth*, xem Ha-ba-cúc 2:4). Ý nghĩa đầu tiên là chắc chắn. Trong Cựu Ước, từ “amen” được áp dụng cho Đức Chúa Trời, ám chỉ sự đáng tin cậy của Ngài. Trong Tân Ước, có nghĩa “tôi đồng ý, tôi xác nhận như vậy”, xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1:6.

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT:

### TIN, TIN CẬY, NIỀM TIN VÀ SỰ TRUNG TÍN TRONG CỰU ƯỚC.

special topic: believe, trust, faith, and faithfulness in the old testament (O/I)

#### I. Lời mở đầu,

Cần phải nói rằng khái niệm thần học rất quan trọng này trong Tân Ước không được định nghĩa rõ ràng trong Cựu Ước.

Nó luôn ở đó, xuất hiện trong một số đoạn Kinh Thánh và nhân vật

Cựu Ước pha trộn:

1. Cá nhân và cộng đồng
2. Từng trải cuộc gặp gỡ cá nhân và vâng phục giao ước

Đức tin thể hiện trong cả cuộc gặp gỡ cá nhân và cuộc sống hàng ngày. Nó dễ được mô tả qua ví dụ một nhân vật hơn là giải thích qua nghiên cứu từ vựng. Khía cạnh cá nhân được minh họa tốt nhất qua

1. Áp-ra-ham hậu tự
2. Đa-vít và I-sơ-ra-en

Những người này gặp gỡ Đức Chúa Trời và cuộc sống họ được thay đổi, tuy không tuyệt hảo, nhưng tiếp tục trong đức tin). Sự thử thách tiết lộ ưu điểm và yếu điểm của họ. Mỗi liên hệ mật thiết, tin cậy với Đức Chúa Trời khiến đức tin họ lớn mạnh theo thời gian. Đức tin được thử nghiệm và tinh chế trường tồn, ấy là bằng chứng về sự tận hiến và lối sống của họ.

#### II. Gốc chính của từ vựng

##### A. **יָמַן** (BDB 52)

###### 1. Động từ: Tin

a. gốc *Qal* – Hỗ trợ, nuôi dưỡng (ví dụ., II Các vua. 10:1,5; Ê-tơ 2:7, sử dụng ngoài thần học)

b. gốc *Niphal* – làm chắc chắn, thiết lập, khẳng định, trở nên thành tín, đang tin cậy

(1) về con người, Ê-sai 8:2; 53:1; Giê-rê-mi 40:14

(2) về sự việc, Ê-sai 22:23

(3) về Đức Chúa Trời, Phục. 7:9; Ê-sai 49:7; Giê-rê-mi. 42:5

c. gốc *HiPhi-lip* – đứng vững, tin, tin cậy

(1) Áp-ra-ham tin Đức Chúa Trời, Sáng. 15:6

(2) I-sơ-ra-en ở Ai-cập tin, Xuất 4:31; 14:31 (negated in Phục-truyền. 1:32)

(3) I-sơ-ra-en tin Giê-hô-va phán qua Mô-sê, Xuất. 19:9; Thi Thiên 106:12,24

(4) Ahaz không tin Đức Chúa Trời, Isa 7:9

(5) bất cứ ai tin Ngài, Ê-sai 28:16

(6) Tin sự thật về Đức Chúa Trời, Ê-sai 43:10-12

2. Danh từ (giống đực) – sự thành tín (ví dụ, Phục-truyền. 32:20; Ê-sai 25:1; 26:2)

3. Trạng từ – thực vậy, quả thực, tôi đồng ý, chắc là như vậy (xem Phục-truyền. 27:15-26; I Các Vua 1:36; I Sứ Ký 16:36; Ê-sai 65:16; Giê-rê-mi 11:5;28:6). Tương tự chữ “Amen” trong Tân Ước và Cựu Ước

##### B. **יָמַן** (BDB 54) danh từ giống cái, sự chắc chắn, thành tín, lẽ thật

1. Về con người, Ê-sai 10:20; 42:3; 48:1

2. Về Đức Chúa Trời, Xuất Hành 34:6; Thi Thiên 117:2; Ê-sai 38:18,19; 61:8

3. Về lẽ thật, Phục-truyền. 32:4; I Các Vua 22:16; Thi Thiên 33:4; 98:3; 100:5; 119:30; Giê-rê-mi 9:5; Xa-cha-ri 8:16

##### C. **אֱמוּנָה** (BDB 53), sự chắc chắn, sự bền đỗ, chất lượng

1. về bàn tay, Xuất Hành 17:12

2. về thời gian, Ê-sai 33:6

3. về con người, Giê-rê-mi 5:3; 7:28; 9:2

4. về Đức Chúa Trời, Thi Thiên 40:11; 88:11; 89:1,2,5,8; 119:138

#### III. Phao-lô sử dụng khái niệm này từ Cựu Ước

A. Phao-lô dựa vào sự hiểu biết mới của ông về Giê-hô-va và Cựu Ước khi gặp Chúa Giê-su trên đường đi Đa-mách (xem. Công vụ 9; 22; 26).

B. Ông tìm được chỗ dựa trong Cựu Ước cho sự hiểu biết mới về hai phân đoạn quan trọng của Cựu Ước, trong đó gốc **ΠΝ** được sử dụng.

1. Sáng thế. 15:6 – Áp-ra-ham gặp Đức Chúa Trời do Ngài chủ động (Sáng thế 12) kết cục đem lại một cuộc sống vâng phục trong đức tin (Sáng thế 12-22). Phao-lô gợi nhớ trường hợp này trong Rô-ma 4 and Ga-la-ti 3.

2. Ê-sai 28:16 – Những ai tin (ví dụ, tảng đá góc mà Đức Chúa Trời đã thử nghiệm và đặt để sẽ không bao giờ

a. Rô-ma. 9:33, “bị hổ thẹn hoặc thất vọng”

b. Rô-ma. 10:11, cũng giống như trên

3. Ha-ba-cúc. 2:4 – tNhững ai biết Đức Chúa Trời thành tín, phải sống một cuộc đời thành tín (xem. Giê-rê-mi. 7:28). Phao-lô sử dụng câu này trong Ro-ma 1:17 and Ga-la-ti. 3:11 (xem ghi chú Hê-bơ-rơ 10:38).

#### IV. Phi-ê-rơ sử dụng khái niệm này từ Cựu Ước

##### A. Phi-ê-rơ kết hợp

1. Ê-sai 8:14 – I Phi-ê-rơ 2:8 (khỏi vấp phạm)

2. Ê-sai 28:16 – I Phi-ê-rơ 2:6 (tảng đá góc)

3. Thi Thiên 118:22 – I Pet 2:7 (Tảng đá bị chối từ)

B. Ông sử dụng ngôn ngữ độc đáo mô tả I-sơ-ra-en, “Một chủng tộc tuyển chọn, một vương đẳng tể, Một dân tộc thánh khiết, một gia sản công dân của Đức Chúa Trời”

1. Phục-truyền. 10:15; Ê-sai 43:21

2. Ê-sai 61:6; 66:21

3. Xuất. 19:6; Phục-truyền. 7:6

Và bây giờ ông cũng sử dụng khái niệm này khi đức tin hội thánh trong Đấng Christ

#### V. Giảng sử dụng khái niệm này từ Cựu Ước

##### A. trong Tân Ước NT usage

Từ gốc (*pisteuō*) trong tiếng Hy-lạp. dịch ra là tin, đức tin hoặc tin cậy. Ví dụ danh từ không được sử dụng, nhưng động từ được sử dụng nhiều lần trong Phúc Âm Giảng. Ông không an tâm vì thực chất của sự hứa nguyện đối với Chúa Giê-su Na-za-rét, Đấng Mê-si trong vòng đám đông. Ví dụ khác về đức tin hời hợt bên ngoài có trong Giảng 8:31-59 and Công vụ 8:13, 18-24. Đức tin theo nghĩa Kinh Thánh sâu nhiệm hơn là sự hưởng ứng ban đầu. Nó phải trưởng thành trong quá trình môn-đồ-hóa (xem. Ma-thi-ơ 13:20-22,31-32).

##### B. Sử dụng với giới từ ( PREPOSITIONS)

1. *eis* có nghĩa “vào.” Cấu trúc độc đáo này nhấn mạnh việc tín đồ đặt đức tin và lòng tin cậy vào Chúa Giê-su

a. Vào danh Ngài (Giăng 1:12; 2:23; 3:18; I Giăng 5:13)

b. Vào Ngài (Giăng 2:11; 3:15,18; 4:39; 6:40; 7:5,31,39,48; 8:30; 9:36; 10:42; 11:45, 48; 12:37,42; Ma-thi-ơ

18:6; Công vụ 10:43; Phi-líp. 1:29; I Phi-ê-rơ 1:8)

c. Vào Ta (Giăng 6:35; 7:38; 11:25,26; 12:44,46; 14:1,12; 16:9; 17:20)

d. Vào Đức Chúa Con (Giăng 3:36; 9:35; I Giăng 5:10)

e. Vào Chúa Giê-su (Giăng 12:11; Công vụ 19:4; Ga-la-ti 2:16)

f. Vào Ánh Sáng Light (Giăng 12:36)

g. Vào Đức Chúa Trời (Giăng 14:1)

2. *en* có nghĩa “ở trong” Giăng 3:15; Mác 1:15; Công vụ 5:14

3. *epi* có nghĩa “trong”, “hoặc trên,” as in Ma-thi-ơ 27:42; Công vụ 9:42; 11:17; 16:31; 22:19; Rô-ma. 4:5, 24; 9:33; 10:11; I Ti-mô-thê 1:16; I Phi-ê-rơ 2:6

4. dative case không giới từ trong Ga-la-ti 3:6; Công vụ 18:8; 27:25; I Giăng 3:23; 5:10 ( chỉ có tin, chứ không tin vào)

5. *hoti*, có nghĩa “tin rằng”, về nội dung điều đáng tin:

- a. Chúa Giê-su Đấng Thánh của Đức Chúa Trời (Giăng 6:69)
- b. Chúa Giê-su Đấng Phán: Ta Là (Giăng 8:24)
- c. Chúa Giê-su trong Cha and the Cha trong Con (Giăng 10:38)
- d. Chúa Giê-su Đấng Mê-si (Giăng 11:27; 20:31)
- e. Chúa Giê-su Con Đức Chúa Trời (Giăng 11:27; 20:31)
- f. Chúa Giê-su được phái bởi Cha (Giăng 11:42; 17:8,21)
- g. Chúa Giê-su là một với Cha (Giăng 14:10-11)
- h. Chúa Giê-su đến từ Cha (Giăng 16:27,30)
- i. Chúa Giê-su xác nhận tên mình như tên của Cha theo giao ước, “Ta Là” (Giăng 8:24; 13:19)
- j. Chúng ta sẽ sống cùng Ngài (Rô-ma. 6:8)
- k. Chúa Giê-su chết và sống lại (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:14)

## VI. Kết luận

Đức tin theo Thánh Kinh là sự hưởng ứng của con người đối với lời phán và lời hứa Thần Linh. Đức Chúa Trời luôn khởi xướng, (ví dụ, Giăng 6:44,65), nhưng con người phải đáp lại trong cuộc hội thoại thuộc linh này

A. Tin cậy

B. Vâng phục trong giao ước

Đức tin theo Kinh Thánh là

1. mối liên hệ cá nhân (Đức tin khởi đầu)
2. Khẳng định chân lý theo Kinh Thánh, tin vào mặc khải của Đức Chúa Trời.
3. Vâng phục thích hợp trong cuộc sống hàng ngày

Đức tin theo Kinh Thánh không phải là vé đi Thiên Đàng, hay tài khoản bảo hiểm, Nó là mối liên hệ mật thiết.

Đây là mục đích của công cuộc sáng tạo, và con người được sáng tạo trong hình ảnh Đức Chúa Trời

(xem. Sáng Thế 1:26-27). Trong ý nghĩa “mật thiết” Đức Chúa Trời mong cầu mối liên hệ chứ không phải mức độ hiểu biết thuộc linh. Mối liên hệ với Đức Chúa Trời thánh khiết đòi hỏi con cái Ngài cũng phản ánh tính cách gia truyền (ví dụ., đòi hỏi thánh khiết như Ngài, xem. Lê-vi 19:2; Ma-thi-ơ 5:48; I Phi-ê-rơ 1:15-16). Sự Xa Ngã (xem. Sáng thế 3) ảnh hưởng khả năng đáp ứng của chúng ta, Chính vì vậy mà Đức Chúa Trời đã chủ động trợ giúp chúng ta, ban cho chúng ta tâm lòng và tâm linh mới qua sự ăn năn và đức tin. Nhờ đó chúng ta có thể thông công và vâng phục Ngài.

Cả ba điều trên “liên hệ, chân lý và vâng phục” đều quan trọng, đều phải được duy trì. Trong ngôn ngữ Kinh Thánh, mục đích tối hậu là biết và phản chiếu tính cách của Đức Chúa Trời trong cuộc sống chúng ta. Mục đích của đức tin không phải là Thiên Đàng trong một ngày nào đó, nhưng trở nên giống-Chúa hằng ngày. Sự thành tín của con người là kết quả (theo Tân Ước), chứ không phải là cơ sở (theo Cựu Ước) cho mối liên hệ với Đức Chúa Trời, Con người đặt đức tin vào sự thành tín, tin cậy vào sự đáng tin cậy của Ngài. Trọng tâm của quan điểm Tân Ước là con người phải bắt đầu đáp ứng và tiếp tục trong ân điển và sự thương xót của Đức Chúa Trời, thể hiện trong Đấng Christ. Ngài đã yêu thương, sai phái, cung ứng. Chúng ta phải đáp lại trong đức tin và sự trung tín (xem. Ê-phê-sô. 2:8-9 and 10)!

Đức Chúa Trời thành tín mong cầu những người trung tín bày tỏ Ngài cho thế gian bất tin, và giúp họ tìm được niềm tin cá nhân nơi Ngài

## **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 19:5b-6a**

<sup>5</sup>Có tiếng từ ngài bảo rằng: “Tất cả các đầy tớ của Đức Chúa Trời chúng ta, những người kính sợ Ngài, cả nhỏ lẫn lớn, hãy ca ngợi Ngài!”<sup>6</sup>Rồi tôi nghe có tiếng như tiếng của một đoàn người đồng đảo, như tiếng của nhiều dòng nước, như tiếng sấm lớn, nói rằng:

**19:5 “Có tiếng từ ngài bảo rằng”** bởi vì có cụm từ Đức Chúa Trời của chúng ta, nên chúng ta hiểu nhân vật nói không phải là Đức Chúa Trời. (câu 5b), nhưng là thiên sứ. Chúa Giê-su không bao giờ gọi “Đức Chúa Trời của chúng ta”. (Michael McGill, *NT Transline*, p. 1011).



} **“hãy ca ngợi Ngài!”** Lời kêu gọi thờ phượng đến từ Thi Thiên 115:13; 134:1; 135:1. Đây là mệnh lệnh thức chủ động thì hiện tại, nhưng từ ngữ chính xác không phải là Ha-lê-lu-gia như các câu 1,3,4 và 6. Về phương diện thần học, không có thiên sứ nào dùng câu này. “Đức Chúa Trời chúng ta” trong câu 10 cho thấy thiên sứ tự xác nhận mình cùng hàng ngũ với các tín đồ làm chứng về Chúa Giê-su.

} **“Tất cả các đầy tớ của Đức Chúa Trời chúng ta, những người kính sợ Ngài, cả nhỏ lẫn lớn, ”** Câu này liên tưởng tới Thi Thiên 115:13 (tương tự như Khải Huyền 11:18).

**19:6 “tiếng của một đoàn người đồng đảo, như tiếng của nhiều dòng nước, như tiếng sấm lớn”** Tiếng đoàn người, nước, sấm được dùng để miêu tả

1. Đức Chúa Trời trong Ê-xê-chiên 43:2
2. Thiên sứ hùng mạnh trong Đa-ni-ên 10:6
3. Đấng Christ trong Khải Huyền 1:15
4. Cộng đồng được cứu trong Khải Huyền 14:2
5. Ca đoàn thiên sứ, trong ngữ cảnh ở đây.

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 19:6b-8**

**“Ha-lê-lu-gia! Vì Chúa là Đức Chúa Trời Toàn Năng của chúng ta trị vì. <sup>7</sup>Chúng ta hãy vui mừng hơn hờ, hãy tôn vinh Ngài, vì lễ cưới Chiên Con đã đến và Vợ Ngài đã chuẩn bị mình sẵn sàng. <sup>8</sup>Nàng đã được ban cho áo bằng vải gai mịn sáng chói và tinh khiết để mặc vào!”** (vải gai mịn là những việc công chính của các thánh đồ).

} **“Vì Chúa là Đức Chúa Trời Toàn Năng”** danh hiệu ba phần của Đức Chúa Trời từ Cựu Ước (Đức Giê-hô-va, *Elohim*, and *El Shaddai*, xem Chủ Đề Đặc Biệt Danh của Đấng Thánh (Names for Deity) ở câu 4:8, được xuất hiện trong vài khuôn mẫu như 1:8; 4:8;11:7; 15:3; 16:7,14; 19:15; và 21:22.

Thuật ngữ “của chúng ta” có vẻ bất thường bởi câu nói này xuất phát từ thiên sứ. Thiên sứ thường không dùng danh hiệu ba phần này để ám chỉ Đức Chúa Trời. Tuy nhiên ngữ cảnh chứng tỏ khá rõ ràng đây là thiên sứ nói:

1. “Chúa Đức Chúa Trời của chúng ta” được thấy trong phiên bản (sửa đổi sớm) MS !<sup>2</sup> (UBS<sup>4</sup> xếp khả năng này vào hạng C)
2. “Đức Chúa Trời, Chúa của chúng ta trong nguyên bản MS of !\* ”
3. Trong một số bản chữ nhỏ: “ Đức Chúa Trời của chúng ta” (MSS 051, 209)
4. “Chúa, Đức Chúa Trời” (MS A)
5. “Chúa” (Peshitta and Coptic versions)

} **“trị vì”** - Có nhiều tranh luận về thời điểm “trị vì”, bởi có nhiều dạng động từ thì quá khứ trong ngữ pháp Hy Lạp (Aorist), (xem 11:17). Có người thấy Đức Chúa Trời bắt đầu tể trị, xem Thi Thiên 93:1; 97:1, NJB (*an INGRESSIVE or INCEPTIVE AORIST*). Tuy nhiên Đức Chúa Trời luôn luôn tể trị xem Thi Thiên 99:1, (*a CONSTATIVE or GNOMIC AORIST*, ). Có người thấy bây giờ Đức Chúa Trời tể trị trên Đất như Ngài luôn tể trị trên Trời, xem Ma-thi-ơ 6:10 (*a CULMINATIVE or EFFECTIVE AORIST*, ). Chung kết của thời gian và sự ứng nghiệm Nước Trời xuất hiện vài lần trong Khải Huyền, ở điểm cuối của mọi chu kỳ (Ấn, kèn chén). Điều này tương đồng với câu Khải Huyền 11:15, và có thể liên tưởng tới Ê-sai 24:23; 52:7 hoặc Mi-chê 4:7, xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự tể trị của Vương Quốc Đức Chúa Trời ở câu 5:10,

**19:7 Chúng ta hãy vui mừng hơn hờ, hãy tôn vinh Ngài, vì lễ cưới Chiên Con đã đến và Vợ Ngài đã chuẩn bị mình sẵn sàng”** Hai động từ đầu tiên “vui mừng, hơn hờ” trong lối “bàn thái cách” (subjunctives)

1. Chúng ta hãy vui – Bàn thái cách, chủ động, thì hiện tại
2. Chúng ta hãy hơn hờ – Bàn thái cách, chủ động, thì hiện tại

Động từ thứ ba “hãy tôn vinh” có nhiều biến thể:

1. *dòsòmen* (Bản thái cách, chủ động, thì quá khứ vô quy tắc) (*IRREGULAR AORIST ACTIVE SUBJUNCTIVE*) – MS P
2. *dòsomen* (thì tương lai), (*FUTURE*), “chúng ta sẽ tôn vinh” – MSS !<sup>2</sup>, A
3. *dòmen* (Bản thái cách chủ động thì quá khứ) (*AORIST ACTIVE SUBJUNCTIVE*) – MS !\*

Biến thể thứ nhất và thứ ba được dịch “chúng ta hãy tôn vinh” như hai động từ đầu tiên, Biến thể thứ ba được dịch “chúng ta sẽ tôn vinh” (bản RSV anh ngữ). Bản của Thánh Kinh Liên Hội UBS<sup>4</sup> xếp hạng “C” cho khả năng thứ nhất và UBS<sup>3</sup> xếp hạng “D”. Hội chuyên gia dịch thuật không thể xác định bản nào mang tính nguyên thủy hơn.

} **hãy tôn vinh Ngài**” Đây có thể là ẩn dụ kêu gọi sự tin cậy, tin và đặt đức tin nơi Đấng Christ. Trong 11:3 có thể có nhóm người ăn năn và trở về đầu phục Đức Chúa Trời trong hậu quả của sự phán xét. Câu này cũng được dùng cho các tín đồ trong Khải Huyền 14:7 và cho người vô đạo, một lòng từ chối thờ phượng Đức Chúa Trời trong Khải Huyền 16:9.

} **lễ cưới Chiên Con đã đến**” “Chiên Con” liên hệ tới Sinh Tế thời Cựu Ước (xem Lê-vi 1-7). Câu này liên kết Con Sinh Tế với tiệc thông công (lễ dâng cầu Bình An). Lại còn có gợi ý về tiệc cưới trong Ma-thi-ơ 8:11; 26:29; Lu-ca 14:15; 22:16. Người Do-thái có giai đoạn chờ đợi sau đám hỏi và tiệc cưới bảy ngày. Điều đáng để ý là chỉ trong mấy phân đoạn, ẩn dụ đám cưới có sự khác biệt: dân của Chúa là khách dự tiệc cưới trong câu 9 (tương tự như Ma-thi-ơ 22:1-14), nhưng trong Khải Huyền 21:2,9 dân của Chúa lại là Giê-ru-sa-lem mới, là cô dâu. Ý tưởng quan hệ vợ chồng giữa dân của Chúa và Đức Chúa Trời được thấy trong Cựu Ước như Ê-sai 54:4-8; 62:5; Giê-rê-mi 31:32; Ê-xê-chiên 16; Ô-sê 2:14-19 và trong Tân Ước như: II Cô-rin-tô 11:2; Ê-phê-sô 5:21-31; Khải Huyền 19:9; 21:2,9; 22:17. Thêm vào đó, Chúa Giê-su cũng được miêu tả như chú rể (xem Ma-thi-ơ 9:15; Mác 2:19-20; Lu-ca 5:34-35; Giăng 3:29). Có vài ngụ ngôn trong Ma-thi-ơ tiếp tục chủ đề này, (xem Ma-thi-ơ 22:1-14; 25:1-13). Tình vợ chồng được xem là ví dụ tốt nhất về giao ước theo Kinh Thánh.

} **Vợ Ngài đã chuẩn bị mình sẵn sàng**” “Đã chuẩn bị” - động từ chỉ định, chủ động thì quá khứ. Nhiều người cho đây là phần công việc của con người trong sự cứu rỗi. Tuy nhiên thể thụ động thì quá khứ trong câu 8 “đã được ban” cho thấy cách giải thích này là sai. Ngữ cảnh cho thấy trong mối tương giao với Đức Chúa Trời, Ngài là luôn luôn khởi xướng (xem Giăng 6:44,65), được thấy trong lời mời gọi trong câu 9, (tính động từ thụ động thì hoàn thành) và nhân loại đáp ứng lời mời bằng đức tin, (xem Mác 1:15; Công Vụ 3:16,19; 20:21). Nghịch lý trong mối quan hệ này được thấy trong Phi-líp 2:12-13. Trong câu 8, Đức Chúa Trời cho phép cô dâu được mặc áo, nhưng áo ở đây là sự công chính (việc thiện) của con dân Đức Chúa Trời, (xem 14:13; Ê-phê-sô 2:10; I Ti-mô-thê 5:25).

Trong cuốn *Word Pictures in the New Testament* ông Rô-bớt-son (A. T. Robertson) có lời bình luận khá thú vị về Khải Huyền 19:7 “Có ba ẩn dụ về phụ nữ trong Khải Huyền: Người Mẹ trong chương 12, Kỹ Nữ trong chương 13-19, và Cô Dâu của Đấng Christ từ chương 19-cuối sách). Người nữ thứ nhất và thứ ba đại diện cho Hội Thánh ở hai thời điểm cuộc đời, còn người nữ thứ hai là kẻ thù và kẻ cạnh tranh của Nàng. (Swete)” (p. 449).

**19:8 những việc công chính của các thánh đồ**” Thuật ngữ ‘việc công chính’ (*dikaiòma*) có vài ứng dụng trong Tân Ước.

1. Nói về hành động công chính của Đức Chúa Trời, (xem 15:4)
2. Nói về Chúa Giê-su chết thay cho con người (xem Rô-ma 5:16,18)
3. Nói về tín đồ sống trong công chính (xem 19:8)
4. Nói về luật pháp, điều răn... thường là luật Mô-se (xem Lu-ca 1:6; Rô-ma 1:32; 2:26; 8:4; Hê-bơ-rơ 9:1,10).

Tiêu đề thần học liên hệ tới nhóm thuật ngữ Hy-lạp này (*dikaioò, dikaiòsis, dikaios, dikaiosune*) là làm sao con người tội lỗi có thể được tuyên xưng công bình, công chính, công nghĩa. Cần phải nhấn mạnh là tình trạng thuộc linh này không thể đạt được bởi sự cố gắng của con người (xem Rô-ma 3:21 -30; Ê-phê-sô 2:8-9), nhưng bởi sự lựa chọn của Đức Chúa Cha qua công việc của Đức Chúa Con, và sự thuyết phục của Đức Thánh Linh, (xem Giăng 6:44,65). Nhân loại chỉ có thể tiếp nhận kết quả cuối cùng (xem Rô-ma 5; II Cô-rin-tô 5:21).

Mục đích của sự xưng nhận công nghĩa là nếp sống công chính (xem Rô-ma 9:29; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; 2:10). Nếp sống công chính là bằng chứng mối liên hệ với Đức Chúa Trời (xem Ga-la-ti 3:1-3) chứ không phải là điều kiện bước vào mối liên hệ với Ngài (xem Ga-la-ti 3:1-3)! xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 19:11.

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 19:9-10**

**<sup>9</sup>Thiên sứ nói cùng tôi rằng: “Hãy viết: Phước cho những người dự tiệc cưới Chiên Con!” Thiên sứ lại nói: “Đây là những lời chân thật của Đức Chúa Trời.”<sup>10</sup>Tôi phủ phục dưới chân thiên sứ để thờ lạy, nhưng thiên sứ bảo: “Đừng làm như vậy, ta là bạn đồng lao với ngươi và các anh em ngươi, là những người giữ lời chứng của Đức Chúa Jê-sus. Hãy thờ lạy Đức Chúa Trời. Vì lời chứng của Đức Chúa Jê-sus là tinh thần của lời tiên tri.”**

**19:9 “Phước cho những người ”** đây là câu thứ tư trong bảy câu chúc phước cho tín đồ được cứu trong Khải Huyền, (xem 1:3; 14:13; 16:15; 19:9; 20:6; 22:7,14).

**dự tiệc cưới Chiên Con!** Tính động từ thụ động thì hoàn thành ‘được dự tiệc’ nhấn mạnh lời mời cứu rỗi của Đức Chúa Trời, (xem 17:14; Giăng 6:44,65).

} **“Đây là những lời chân thật của Đức Chúa Trời.”** câu này hướng tiêu điểm vào giá trị đáng tin cậy của sứ điệp qua thiên sứ, (xem 21:5; 22:6).

**19:10 “Tôi phủ phục dưới chân thiên sứ để thờ lạy”** Có nhiều cuộc tranh luận về việc Giăng có ý định thờ phượng thiên sứ, (xem 22:8):

1. Chỉ tiết này có thể được thêm vô một cách có chủ đích ngăn ngừa xu hướng ngưỡng mộ sứ giả thuộc linh, (xem 22:9; Cô-lô-sê 2:18).
2. Giăng quá ngợp với sự mặc khải nên cho đây là Ngôi Vị Thánh Thần (xem Sáng Thế 16:7-13; 22:11-15; 31:11,13; 48:15-16; Xuất Hành 32,4; 13:21; 14:19; Quan Xét 2:1; 6:22-23; 13:3-22; Xa-cha-ri 3:1-2; Lu-ca 24:5),
3. đây là sự thể hiện thuộc thể của Đức Thánh Linh (xem 22:8-9).

} **“ta là bạn đồng lao với ngươi và các anh em ngươi, là những người giữ lời chứng của Đức Chúa Jê-sus”** Giăng cũng tự xưng là “đồng lao” trong câu 1:1, Ở đây, thiên sứ xác nhận mình không những là tôi tớ của Đức Chúa Trời, (xem Phục Truyền 33:2; Thi Thiên 103:21; Đa-ni-ên 17:10), nhưng cũng của nhân loại được cứu rỗi, (xem Hê-bơ-rơ 1:14). Vị này xác nhận mình với lời chứng của Chúa Giê-su, là điều thường thấy trong vòng thánh đồ hơn là thiên sứ (xem 12:17).

} **“Vì lời chứng của Đức Chúa Jê-sus là tinh thần của lời tiên tri”** câu bất thường này mở ra nhiều cuộc tranh luận. và giải kinh:

1. Chúa Giê-su là tiêu điểm của tiên tri?
2. Tiên tri đã quay lại như dấu hiệu Chúa Giê-su đem tới Tân Kỷ Nguyên Công Thánh Linh? (xem 1:2; 6:9; 12:17 và 14:12 về những câu tương tự)
3. Chúa Giê-su là hơi thở của tiên tri (tương tự câu “Đức Chúa Trời cảm ứng, hà hơi” trong II Ti-mô-thê 3:16)

Ngữ cảnh cho thấy những người được cứu được hướng dẫn bởi Đức Thánh Linh.. Không ai có thể đến với Đấng Christ ngoại trừ được:

1. Đức Thánh Linh thuyết phục (xem Giăng 6:44,65)
2. Đức Thánh Linh giúp hiểu Phúc Âm
3. Đức Thánh Linh khích lệ trong Đấng Christ.
4. Đức Thánh Linh báp-tem trong Đấng Christ.
5. Đức Thánh Linh khuôn mẫu Đấng Christ trong người (xem Giăng 16:8-11) Công cụ của Đức Thánh

Linh là tôn vinh Đấng Christ!

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 19:11-16**

<sup>11</sup>Bấy giờ tôi thấy trời mở ra, và kìa, có một con ngựa trắng! Đấng cưỡi ngựa có tên là THÀNH TÍN VÀ CHÂN THẬT; Ngài phán xét và chiến đấu trong sự công chính. <sup>12</sup>Mắt Ngài như ngọn lửa; trên đầu Ngài có nhiều mào triều thiên, trên có đề một danh mà ngoài Ngài không ai biết được. <sup>13</sup>Ngài mặc áo đã được nhúng trong máu. Danh Ngài được gọi là LỜI ĐỨC CHÚA TRỜI. <sup>14</sup>Các đạo quân trên trời đều mặc vải gai mịn, trắng và tinh khiết, cưỡi ngựa trắng đi theo Ngài. <sup>15</sup>Từ miệng Ngài có một lưỡi gươm bén dùng để đánh các nước; Ngài sẽ cai trị họ bằng một cây gậy sắt. Ngài giày đạp thùng ép nho của con thịnh nộ của Đức Chúa Trời Toàn Năng. <sup>16</sup>Trên áo và trên đùi Ngài có ghi một danh: VUA CỦA CÁC VUA, CHÚA CỦA CÁC CHÚA.

**19:11 “Bấy giờ tôi thấy trời mở ra”** Thuật ngữ “trời được mở” - động từ thụ động thì hoàn thành - có thể liên hệ tới Ê-xê-chiên 1:1. Việc một phần Thiên Đàng được mở ra có thấy vài lần trong Khải Huyền, với dụng ý mặc khải chân lý cho Giảng một cách tiệm tiến, (xem 4:1; 11:19; 15:5), xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 3:7.

} **“một con ngựa trắng!”** Chú Rê trong phân đoạn trước nay hiện ra trong tư cách chiến binh đại thắng. Chúa Giê-su được miêu tả là vị tướng quân hùng mạnh theo như sự trông chờ của người Do-thái. Điều này hơi khác với cách miêu tả của Phao-lô về Sự Tái Lâm (*Parousia*) được thấy trong I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18. Đối với Cơ-đốc nhân bị bắt bớ, đây là ẩn dụ khích lệ rất lớn. Người giải kinh nên nhớ.

1. Đây không phải là sự miêu tả trọn vẹn, đầy đủ về sự Tái Lâm
2. Phân đoạn này được viết qua ngôn ngữ văn chương khải thị
3. Chân lý trọng tâm là Đức Chúa Trời trong Đấng Christ sẽ đến một cách cá nhân, để tiếp nhận dân của Ngài (xem Giăng 14:2-3) và phán xét thế gian tùy theo công việc của họ, (xem Ga-la-ti 6:7)

} **“Đấng cưỡi ngựa”** Mặc đầu có cùng màu với con trong 6:2, nhưng đây là ngựa khác biệt.

} **“có tên là THÀNH TÍN VÀ CHÂN THẬT; ”** thuật ngữ “Thành Tín và Chân Thật” có ý nghĩa trong tiếng Hê-bơ-rơ là đáng tin cậy, (xem Khải Huyền 3:14 cũng như 1:5; 3:7).

**CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: (KHÁI NIỆM) "SỰ THẬT" TRONG VĂN TỰ CỦA GIẢNG**  
(special topic: “truth” (the concept) in Giăng’s writings)

Dường như Giảng kết hợp ngữ cảnh Do-thái và ngữ cảnh Hy-lạp của từ thuật *alētheia* "sự thật", như ông đã làm đối với *logos* (xem 1:1-14). Trong tiếng Hê-bơ-rơ, từ *emeth* (BDB 53) nói về những gì hữu thực, đáng tin cậy, (thường được dịch *pisteuō* trong bản Bảy Mươi (Septuagint)). Trong triết học Hy-lạp, sự thật được liên hệ tới lý luận thực tại và thực ảo, tính thiên thượng và tính trần thế của Plato. Điều này thích hợp với nhị-nguyên luận của Giảng. Đức Chúa Trời đã mặc khải, phơi bày, làm sáng tỏ rõ ràng (*alētheia*) bản thân Ngài trong Đức Chúa Con, qua một vài phương cách sau:

1. DANH TỬ, *alētheia*, truth
  - a. Chúa Giê-su đầy ân điển và sự thật (xem Giăng 1:14,17 – OT covenant terms)
  - b. Chúa Giê-su là tiêu điểm lời chứng của Giảng Báp-tít (xem Giăng 1:32-34; 18:37 – tiên tri Cự Ước cuối cùng)
  - c. Chúa Giê-su tuyên bố sự thực (xem Giăng 8:40,44,45,46 – mặc khải mệnh đề và cá nhân)
  - d. Chúa Giê-su là đường đi, lẽ thật và sự sống (xem Giăng 14:6)
  - e. Chúa Giê-su thánh hóa họ trong sự thật (xem Giăng 17:17)
  - f. Chúa Giê-su (the *Logos*, 1:1-3) là sự thật (xem Giăng 17:17)
2. TÍNH TỬ, *alēthēs*, thực sự, đáng tin
  - a. Lời chứng của Chúa Giê-su (xem Giăng 5:31-32; 7:18; 8:13-14)
  - b. Sự phán xét của Chúa Giê-su (xem Giăng 8:16)
3. TÍNH TỬ, *alēthinus*, thực thể
  - a. Chúa Giê-su ánh sáng thực (xem Giăng 1:9)
  - b. Chúa Giê-su thức ăn thực (xem Giăng 6:32)

- c. Chúa Giê-su là cây nho thực (xem Giăng 15:1)
- d. Chúa Giê-su chứng nhân thực (xem Giăng 19:35)
- 4. TRẠNG TỬ, *alēthōs*, thực
  - a. Người Sa-ma-ri chứng thực về Chúa Giê-su là Cứu Chúa của thế gian, (xem Giăng 4:42)
  - b. Chúa Giê-su thức ăn, thức uống thực, so với Man-na thời Mô-sê (xem Giăng 6:55)  
Thuật ngữ (*alēthēs* -sự thật) cũng thể hiện trong các lời chứng về Chúa Giê-su của
    - a. Lời chứng của Giăng Báp-tít là thật (xem Giăng 10:41)
    - b. Lời chứng của Giăng (sứ đồ) là thực (xem Giăng 19:35; 21:24)
    - c. Chúa Giê-su được coi là tiên tri thực (xem Giăng 6:14; 7:40)

Tư liệu tranh luận tốt về sự thật trong Cựu Ước và Tân Ước, xin tham khảo George E. Ladd's *A Theology of the New Testament*, trang. 263-269.

### **Chủ Đề Đặc Biệt: (Thuật Ngữ) "Chân Thật" Trong Văn Tựa Của Giăng (special topic: "true" (the term) in Giăng's writings)**

1. Đức Chúa Cha
  - a. Đức Chúa Cha chân chính / đáng tin cậy (xem Giăng 3:33; 7:18,28; 8:26; 17:3; Rô-ma. 3:4; 1 Thê-sa-lô-ni-cas. 1:9; 1 Giăng 5:20; Khải-huyền. 6:10)
  - b. Đức Chúa Cha có con đường thực (xem Khải-huyền. 15:3)
  - c. Đức Chúa Cha có sự phán xét thực (xem Khải-huyền. 16:7; 19:2)
  - d. Đức Chúa Trời có lời phán thực (xem Khải-huyền. 19:11)
2. Đức Chúa Con
  - a. Đức Chúa Con chân chính / đáng tin cậy
    - 1) ánh sáng thực (xem Giăng 1:9; 1 Giăng 2:8)
    - 2) cây nho thực (xem Giăng 15:1)
    - 3) đầy ân điển và lẽ thật (xem Giăng 1:14,17)
    - 4) Ngài là chân lý (xem Giăng 14:6; 8:32)
    - 5) Ngài chân thật (xem Khải-huyền. 3:7,14; 19:11)
  - b. Sự làm chứng của Đức Chúa Con là chân thật (xem Giăng 18:37)
3. Sự thật có thể được so sánh:
  - a. luật pháp Mô-sê với ân điển và sự thật của Chúa Giê-su (xem Giăng 1:17)
  - b. Lều Tạm trong đồng vắng so với Đền Thánh Thiên Thượng, (xem Hê-bơ-rơ. 8:2; 9:1)
4. Nhiều khi trong văn tựa của Giăng, thuật ngữ "thật" có vài ý nghĩa mở rộng (tiếng Hê-bơ-rơ và Hy-lạp). Giăng dùng tất cả các ý nghĩa để mô tả Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con với tư cách Cá Nhân, Đấng Phán, và Sứ Điệp ban phát cho các môn đồ, tín đồ, (xem Giăng 4:23; 19:35; Hê-bơ-rơ. 10:22; Khải-huyền. 22:6).
5. Đối với Giăng, hai tính từ mô tả Đức Chúa Cha là Chân Thần và Đáng Tin Cậy, (xem 5:44; 1 Giăng 5:20) và Chúa Giê-su là Sự Mặc Khải thực và trọn vẹn của Đức Chúa Cha (trong ý nghĩa cứu chuộc chứ không trong ý nghĩa tri thức) !

} **"Ngài phán xét và chiến đấu trong sự công chính."** đây là sự liên tưởng tới Ê-sai 11:3-5 (xem Ê-sai 9:7; 16:5; 32:1; Thi Thiên 96:13), miêu tả Tân Kỳ Nguyên Công Nghĩa, Tân Kỳ Nguyên Thánh Linh, Xin xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây:

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CÔNG BÌNH**

#### **Righteousness**

"Sự công bình" là một chủ đề hết sức quan trọng mà mỗi người học Kinh Thánh phải đích thân nghiên cứu sâu rộng khái niệm này.

Trong Cựu ước bản tính của Đức Chúa Trời được mô tả là "công minh" hay "công bình." Từ ngữ từ tiếng Mê-sô-bô-ta-mi này bắt nguồn từ một cây sậy dọc theo sông được dùng như một công cụ trong xây dựng để định

đường thẳng theo chiều ngang của các bức tường hoặc các hàng rào. Chúa dùng từ ngữ này để chỉ cách hình bóng về bản tính của Ngài. Ngài là cây thước thẳng mà tất cả mọi sự đều phải căn cứ vào đó để đo. Khái niệm này khẳng định sự công bình của Đức Chúa Trời cũng như quyền đoán xét của Ngài.

Con người được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Sáng Thế 1:26-27; 5:1, 3; 9:6). Con người được dựng nên để thông công với Đức Chúa Trời. Tất cả mọi tạo vật là cơ sở hay nền tảng cho sự tương giao giữa con người và Đức Chúa Trời. Ngài muốn tạo vật tối cao nhất của Ngài là con người biết Ngài, yêu mến Ngài, phục vụ Ngài và trở nên giống như Ngài! Sự trung thành của con người đã được thử nghiệm (Sáng Thế 3) và cặp vợ chồng đầu tiên đã thất bại tại cuộc thử nghiệm này. Kết quả là mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và con người đã bị gián đoạn (Sáng 3; Rô-ma 5:12-21).

Đức Chúa Trời hứa sẽ hàn gắn và phục hồi lại mối liên hệ này (Sáng 3:15). Ngài thực hiện điều này bằng chính ý định của Ngài và qua chính Con của Ngài. Con người không thể phục hồi lại sự rạn nứt này (Rô-ma 1:18-3:20).

Sau sự sa ngã của loài người, thì bước đầu tiên mà Đức Chúa Trời hướng đến sự phục hồi mối liên hệ là khái niệm giao ước dựa trên sự mời gọi của Ngài và sự đáp ứng bằng sự ăn năn, tin cậy, và vâng lời của con người. Bởi sự sa ngã, con người không có khả năng làm được điều đúng (Rô-ma 3:21-31; Ga-la-ti 3). Chính Chúa đã phải đích thân khởi xướng việc phục hồi những con người vốn đã không giữ được giao ước. Ngài làm điều này bằng cách:

1. Tuyên bố con người tội lỗi là công bình qua công tác của Đấng Christ (sự công bình theo pháp lý)
2. Ban tặng không sự công bình cho con người qua công tác của Đấng Christ (sự công bình được ban cho)
3. Ban Đức Thánh Linh ngự vào con người để tạo nên sự công bình (công bình về mặt đạo đức) nơi con người.
4. Phục hồi mối liên hệ ở vườn Ê-đen bằng cách phục hồi ảnh tượng của Đức Chúa Trời trong những tín nhân (Sáng-thế-ký 1:26-27) (sự công bình trong mối liên hệ).

Tuy vậy, Chúa đòi hỏi một sự đáp ứng theo giao ước. Chúa ban (cho không) và cung cấp, nhưng con người phải đáp ứng và liên tục đáp ứng qua:

1. Sự ăn năn
2. Đức tin
3. Lối sống vâng phục
4. Sự bền đỗ

Vì vậy, sự công bình là một hành động hỗ tương trong giao ước giữa Chúa và tạo vật cao quý nhất của Ngài. Nó dựa vào bản tính của Đức Chúa Trời, công tác cứu chuộc của Đấng Christ, và sự vùa giúp của Đức Thánh Linh, mà mỗi cá nhân phải đích thân và liên tục đáp ứng lại một cách thích đáng. Khái niệm này được gọi là “xung công bình bởi đức tin.” Khái niệm này được bày tỏ trong các sách Phúc âm, nhưng những chữ này không có trong các sách Phúc âm. Phao lô là người đầu tiên định nghĩa từ ngữ này và sử dụng tiếng Hy Lạp “sự công bình” trong nhiều dạng khác nhau hơn 100 lần.

Phao lô, vốn là một Ra-bi Do thái, sử dụng từ *dikaiousune* từ ý nghĩa của tiếng Hê-bơ-rơ *SDQ* lấy từ bản Bảy Mươi, chứ không phải từ văn chương Hy Lạp. Trong các tác phẩm Hy Lạp, chữ này chỉ một ai đó làm theo mong đợi của các Thần thánh hay của một xã hội. Trong ý nghĩa tiếng Hê-bơ-rơ nó luôn được dùng trong các từ ngữ thuộc về giao ước. Đức Giê-hô-va là một Đức Chúa Trời công bình và thánh thiện. Ngài muốn dân của Ngài bày tỏ các đức tính của Ngài. Những con người được mua chuộc là những tạo vật mới. Sự mới mẻ này phải có kết quả là một cách sống thánh thiện (khía cạnh của sự xung công bình mà Công giáo La-mã chú trọng). Vì Y-sơ-ra-ên theo chế độ thần quyền nên không có ấn định ranh giới rõ ràng giữa thế tục (các tiêu chuẩn xã hội) và thánh khiết (ý chỉ Đức Chúa Trời). Tiếng Hê-bơ-rơ và tiếng Hy-lạp diễn đạt được sự phân biệt này và tiếng Anh dịch là “công minh” (justice) (liên hệ đến xã hội) và “công bình” (righteousness) (liên hệ đến tôn giáo).

Phúc âm (Tin lành) của Chúa Jê-sus là: Con người sa ngã đã được phục hồi mỗi tương giao với Đức Chúa Trời. Quan điểm có vẻ nghịch lý của Phao lô là: Qua Đấng Christ, Đức Chúa Trời tha bổng cho người có tội. Điều này được hoàn tất qua tình yêu thương, sự thương xót, và ân điển của Đức Chúa Trời; qua đời sống của Đức Chúa Con, sự chết và sống lại của Ngài; và Đức Thánh Linh thuyết phục, đưa dẫn con người đến với Phúc âm. Sự xung công bình là một hành động ban cho như không của Đức Chúa Trời, nhưng nó phải đem lại sự tin kính (lập trường của Augustine bao gồm quan điểm của những nhà Cải chánh chú trọng vào sự ban cho như không và sự nhấn mạnh vào một đời sống yêu thương và trung tín được thay đổi của Công giáo La-mã). Đối với người Cải chánh, từ ngữ “sự công bình của Đức Chúa Trời” là một SỞ HỮU CÁCH KHÁCH QUAN (OBJECTIVE GENITIVE) (tức

là hành động làm cho con người tội lỗi được Chúa chấp nhận [sự nên thánh theo địa vị ], trong khi đối với người Công giáo nó là một SỞ HỮU CÁCH CHỦ QUAN (SUBJECTIVE GENITIVE), tức là nói đến tiến trình trở nên càng giống Chúa hơn (sự nên thánh theo kinh nghiệm tiệm tiến). Trong thực tế, nó là cả hai .

Theo tôi, cả Kinh Thánh từ Sáng Thế 4 đến Khải huyền 20, kỹ thuật về việc Đức Chúa Trời phục hồi lại mối liên hệ tại Ê-đen. Kinh Thánh bắt đầu bằng mối tương giao giữa Đức Chúa Trời và con người trên đất này (Sáng Thế 1-2) và kết thúc cũng với bối cảnh đó (Khải huyền 21-22). Ảnh tượng và mục đích của Đức Chúa Trời sẽ được phục hồi!

Để dẫn chứng tài liệu về đề tài mới vừa đề cập, xin lưu ý đến những phân đoạn Kinh Thánh Tân ước được chọn lọc sau đây minh họa nhóm từ tiếng Hy Lạp.

1. Đức Chúa Trời công bình (thường cặp theo Đức Chúa Trời là Quan án)

- a. Rô-ma 3:26
- b. II Tê-sa-lô-ni-ca 1:5-6
- c. II Ti-mô-thê 4:8
- d. Khải huyền 16:5

2. Đức Chúa Jê-sus công bình

- a. Công-vụ 3:14; 7:52; 22:14 (danh hiệu Mê-si-a)
- b. Ma-thi-ơ 27:19
- c. I Giăng 2:1, 29; 3:7

3. Ý chỉ của Đức Chúa Trời cho tạo vật của Ngài là công bình

- a. Lê-vi-ký 19:2
- b. Ma-thi-ơ 5:48 (5:17-20)

4. Cách Chúa cung ứng và chu cấp sự công bình

- a. Rô-ma 3:21-31
- b. Rô-ma 4
- c. Rô-ma 5:6-11
- d. Ga-la-ti 3:6-14
- e. Được Chúa ban cho
  - i. Rô-ma 3:24; 6:23
  - ii. I Cô-rinh-tô 1:30
  - iii. Ê-phê-sô 2:8-9
- f. Nhận bởi đức tin
  - i. Rô-ma 1:17; 3:22,26; 4:3,5,13; 9:30;10:4,6,10
  - ii. I Cô-rinh-tô 5:21
- g. Qua công tác của Đức Chúa Con
  - i. Rô-ma 5:21-31
  - ii. II Cô-rinh-tô 5:21
  - iii. Phi-líp 2:6-11

5. Ý chỉ của Chúa là những người theo Ngài phải trở nên công bình

- a. Ma-thi-ơ 5:3-48; 7:24-27
- b. Rô-ma 2:13; 5:1-5; 6:1-23
- c. II Cô-rinh-tô 6:14
- d. I Ti-mô-thê 6:11
- e. II Ti-mô-thê 2:22; 3:16
- f. I Giăng 3:7
- g. I Phi-e-rơ 2:24

6. Đức Chúa Trời sẽ phán xét thế gian bằng sự công bình

- a. Công-vụ 17:31
- b. II Ti-mô-thê 4:8

Sự công bình là đặc tính của Đức Chúa Trời, ban cho như không cho con người tội lỗi qua Đấng Christ. Nó là:

- 1. Một sắc lệnh (pháp lệnh)

2. Một quà tặng từ Đức Chúa Trời

3. Một hành động của Đấng Christ

Nhưng nó cũng là một tiến trình trở nên công bình, một điều phải được theo đuổi cách mãnh liệt và đều đặn; nó sẽ đi đến tột đỉnh ở lần đến thứ hai của Chúa. Mỗi tương giao với Chúa được phục hồi ở sự cứu rỗi, nhưng cứ phát triển càng hơn cho đến khi mặt gặp mặt với Chúa nơi Thiên đàng hoặc khi qua đời

Sau đây là một trích dẫn tốt từ tự điển *Dictionary of Paul and His Letters* của nhà xuất bản IVP:

"So với Lu-thơ, Can-vin nhấn mạnh nhiều hơn về khía cạnh liên hệ trong khái niệm công bình. Lu-thơ coi sự công bình là sự tha thứ bản thể tội lỗi chúng ta, còn Can-vin coi là sự ban cho chúng ta bản thể công bình của Đức Chúa Trời. (p. 834).

Đối với tôi, mỗi tương giao của một tín nhân đối với Đức Chúa Trời có ba phương diện:

1. Phúc Âm là Nhân Vật (Đông Giáo hội và trọng điểm của Calvin)
2. Phúc Âm là Chân Lý (trọng điểm của Luther và Augustine)
3. Phúc Âm là một đời sống được biến đổi (trọng điểm của Công giáo)

Tất cả những điều này đều đúng và phải được cân nhắc chung với nhau để có được một đức giáo lành mạnh, đúng đắn, và đúng Kinh Thánh. Nếu một ai đó nhấn mạnh quá mức hay xem nhẹ điểm nào tất cả, họ sẽ gặp nan đề.

Tóm lại:

Chúng ta phải mời Chúa Jêsus vào lòng!

Chúng ta phải tin Phúc Âm !

Chúng ta phải theo đuổi sự trở nên giống Đấng Christ!

**19:12 “Mắt Ngài như ngọn lửa”** Cách miêu tả mắt Ngài cũng được thấy trong 1:14 và 2:18, cũng thường là chi tiết thuộc thiên sứ từ Đa-ni-ên 10:6.

} **“trên đầu Ngài có nhiều mào triều thiên”** Mào ở đây là vương miện. Chúa Giê-su có nhiều vương miện hơn

1. Kỵ sỹ cưỡi ngựa trắng ở câu 6:2 (biểu tượng cho chinh phục chiến trận)
2. Sa-tan (Con Rồng Đỏ of 12:3)
3. Con Thú of 13:1

} **“trên có đề một danh mà ngoài Ngài không ai biết được.”** Câu này gợi nhớ tới Khải Huyền 2:17, Nếu đúng vậy thì ý nghĩa của nó vẫn không rõ ràng. Có người cho rằng theo quan điểm người xưa, biết được danh thần linh nào là có được quyền năng của thần linh ấy. Người khác lại nghĩ tới chân lý rằng không ai có thể biết hết được tính cách Đấng Christ. Bởi vì “danh không ai biết được” danh này phải ngoài các danh đã biết như: “Trung Tín và Chân thật” câu 11, và “Lời của Đức Chúa Trời” câu 13, và “Vua các vua , Chúa các Chúa” câu 16.

**“Ngài mặc áo đã được nhúng trong máu”** Câu này liên hệ tới bài ca phán xét của Đức Giê-hô-va Ê-sai 63:3,, cũng là điều gợi ý cho câu 15. Thuật ngữ “nhúng trong máu” có trong các nguyên bản (MS A, UBS<sup>4</sup> xếp hạng “B”) và “rãi, rưới máu” có trong các bản (MSS !\*, P từ trong Ê-sai 63:3), cả hai biến thể đều là động từ thì hoàn thành. Các nhà giải kinh không thống nhất với nhau về “máu” của ai:

1. Máu của kẻ thù. Dường như đây là tiêu điểm của phân đoạn, cũng theo sách giải kinh của người Do-thái (Targum) về Sáng Thế 49:10-11 (Tuy nhiên theo ngữ cảnh thì không thấy trận chiến nào xảy ra)
2. Huyết cứu chuộc của chính Ngài, trong đó các thánh đồ giặt sạch, tẩy trắng y phục của mình (xem 7:14)
3. Có thể là huyết của chứng nhân, sự tử đạo của họ được nâng niu quý trọng bởi Ngài.

Theo ngữ cảnh, giả thiết thứ nhất có vẻ hợp lý nhất.

} **“Danh Ngài được gọi là LỜI ĐỨC CHÚA TRỜI”** Thuật ngữ Hy-lạp là *logos*, là danh hiệu của Chúa Giê-su, chỉ được dùng trong Tân Ước không bởi ai khác ngoài Giăng. Chính vì vậy Khải Huyền được liên hệ với Phúc Âm Giăng qua một tác giả, (xem Giăng 1:1,14; I Giăng 1:1).

Phúc Âm là Nhân Vật (Ngôi Lời, Chúa Giê-su) và là Sứ Điệp (Lời được viết, Kinh Thánh) . Cũng vậy, thuật ngữ “Đức Tin” cũng mang nghĩa kép: vừa là tiếp nhận đối tượng mình tin: (Chúa Giê-su), vừa là hành động theo



chân lý mình tin: (nếp sống đạo), (xem Chủ Đề Đặc Biệt “Đức Tin,” trong Giu-đe các câu 3,20).

**Chủ Đề Đặc Biệt: Bối cảnh Hê-bơ-rơ và Hy-lạp của thuật ngữ Logos**

**special topic: hebrew and greek background of Logos (Giăng 1:1)**

Bối cảnh của “Lời” và “Lời Nói” (theo., 20,2,4, BDB 180, KB 210 II)

1. Theo bối cảnh Hê-bơ-rơ:

- a. quyền năng của lời nói (Ê-sai 55:11; Thi Thiên 33:6,9; 107:20; 147:15,18), trong Tạo Hóa (Sáng Thế 1:3,6,9,11,14,20,24, 26,29) và trong lời chúc phước của tổ phụ. (Sáng Thế 27:1 và các câu sau đó; 49:1)
- b. Châm Ngôn 8:12-23 nhân cách hóa "sự khôn ngoan" trong tư cách tác nhân Tạo Hóa của Đức Chúa Trời, (xem Thi Thiên 33:6 và ngụ kinh Sự Khôn Ngoan của Sô-lô-môn 9:9)
- c. Đức Chúa Trời điều hành thiên nhiên (xem Thi Thiên 147:12-20; 148:8) và thiên sứ (xem Thi Thiên 103:19-20)
- d. Bản Ta-gum (Targums –Kinh Thánh và giải kinh tiếng A-ra-mit) thay thế thuật ngữ “Lời Đức Chúa Trời” bằng “Lời Logos” bởi người Do-thái không cảm thấy tự nhiên khi sử dụng ngôn ngữ “thần linh nhân các hóa” (anthropomorphic)

2. Theo bối cảnh Hy-lạp

- a. Hê-ra-cli-tút (Heracleitus) – thế gian trong thế tuôn chảy, thần linh vô danh và khách quan và “lời Logos” bất biến kiểm giữ điều khiển quá trình tan chảy này
- b. Pla-tô (Plato) – “Lời Logos” vô danh, khách quan và bất biến điều hành hành tinh trên quỹ đạo và xác định các mùa.
- c. Stôi-ít (Stoics) – “Lời Logos” là trí tuệ của thế gian, là đáng quản trị, không hoàn toàn vô danh và khách quan. Có thể từ A-na-xa-gô-rát (Anaxagoras).
- d. Phi-lô (Philo) – nhân cách hóa ‘lời logos’ trong tư cách Thầy thượng Tế, đại diện tâm hồn của con người trước Đức Chúa Trời, hoặc là nhịp cầu giữa người và Đức Chúa Trời, hoặc là cần lái nhờ đó mà “phi công của vũ trụ” điều khiển mọi sự (kosmocrater). Vị này được gọi là Logos – Con Trưởng của Đức Chúa Trời, “Đại Sứ Quán của Đức Chúa Trời”. Nhà triết học này nhấn mạnh tính siêu việt của Đức Chúa Trời và Logos là mối liên kết giữa Ngài và cõi vật thể.

**19:14 “Các đạo quân trên trời”** Có hai cách giải thích như sau:

1. Trong ngữ cảnh của câu 17:14 và câu 8 chương này, nói về các thánh đồ, nhiều người coi đây là đạo quân những người được cứu.
2. Bởi vì liên hệ tới Cựu Ước, (Phục Truyền 33:2; Thi Thiên 68:17; và Xa-cha-ri 14:5) cũng như Tân Ước, (Ma-thi-ơ 13:41; 16:27; Mác 8:38; 13:27; Lu-ca 9:26; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; II Tê-sa-lô-ni-ca 1:7), nhiều người tin rằng đây là đội quân thiên sứ.

Sự khó hiểu này được thấy trong nhiều phân đoạn khác.

**19:15 “Từ miệng Ngài”** giống như Ê-sai 11:4 và Khải Huyền 1:16, 2:16. Ấn dụ về sự phán xét như vậy cũng được thấy trong văn chương khải thị giữa hai giao ước của người Do-thái (xem ngụ kinh IV Esdras 12:6; the Psalms of Solomon 17:10,45,49; và I Enoch 62:6).

} **“có một lưỡi gươm bén”** Lẽ dĩ nhiên đây không thể hiểu theo nghĩa đen, nhưng là ẩn dụ về quyền năng của Phúc Âm, hay Lời Phán của Đức Chúa Trời, (xem Sáng Thế 1; Ê-sai 55:11; Giăng 1:1; II Tê-sa-lô-ni-ca 7:8),

Sự hủy diệt đạo quân bạo loạn được miêu tả trong Ê-xê-chiên 38-39 qua hai phương tiện: (1) bằng gươm, (xem Ê-xê-chiên 38:21 và Khải Huyền 19:15,21) hoặc (2) bằng lửa từ trời, xem Ê-xê-chiên 38:22; 39:6; và Khải Huyền 20:9. Sự song hành giữa Khải Huyền 19, 20 phản chiếu các chương Ê-xê-chiên 38, 39, (miêu tả các phương cách hủy diệt đạo quân các dân tộc). Điều này gợi ý thuyết “Tóm Lược Sự Kiện”. Sự Tái Lâm của Đấng Christ trong chương 19 được nhắc lại một cách khác trong các câu 20: 1-10. Thuyết “Tóm Lược Sự Kiện” cũng được thấy trong các chu kỳ của ấn kèn và chén.

} **“các nước”** là nguồn cung cấp các đạo quân vô đạo, được thống kê trong Ê-xê-chiên 38, từ tất cả các dân tộc

Trung Cận Đông, (xem các câu 2,5,6,13). Giảng dùng các hình ảnh của Ê-xê-chiên 38-39 (và có thể cả Thi Thiên 2) để minh họa trận đánh Tận Thế giữa điều thiện và điều ác. Chúa Giê-su có lưỡi gươm lớn nhất, xem ghi chú trong các câu 2:26 and 10:11.

} **“Ngài sẽ cai trị họ bằng một cây gậy sắt”** Đây là một trong các sự miêu tả đặc thù của Đấng ngồi trên ngựa trắng. Sự cai trị bằng gậy sắt liên tưởng tới sự phán xét trong Thi Thiên 2:9 và 110:5-6 (xem Khải Huyền 2:27; 12:5).

} **“Ngài giày đạp thủng ép nho của cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời Toàn Năng”** Sự miêu tả thứ ba về sự phán xét, liên hệ tới Ê-sai 63:2-3; Giê-rê-mi 51:33; Ca Thương 1:15; Giô-ên 3:13 (xem Khải Huyền 14:19-20). Màu nước nho nhắc nhở người xưa về huyết, sự sát hại và chiến trận.

Xem “cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời” ở câu 7:14.

**19:16 “Trên áo và trên đùi Ngài có ghi một danh:”** Sau đây là những giả thiết về ‘đùi của Ngài’

1. Một nơi trên cơ thể để treo gươm.
2. Một nơi mà y phục Ngài được thấy rõ nhất khi cưỡi ngựa
3. Một chi thể mạnh nhất - biểu hiện quyền lực.

} **VUA CỦA CÁC VUA, CHÚA CỦA CÁC CHÚA”** Phải chăng đây là hai danh hay một danh? Câu trả lời là một danh theo Khải Huyền 17:14, I Ti-mô-thê 6:15). Nó có hai bối cảnh Cựu Ước :

1. Sự miêu tả Đức Giê-hô-va (xem Phục Truyền 10:17 and Enoch 9:4)
2. Một danh hiệu triều đình của Ba-by-lon và Ba-tư, sau được dùng cho Đức Giê-hô-va (xem Đa-ni-ên 2:37)

Các chữ cái trong danh hiệu này mang các con số biểu tượng, cộng lại là 777, đối nghịch với số của Con Thú là 666. Tuyệt hảo tôi đa so với khiếm khuyết tôi đa.

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 19:17-18**

**<sup>17</sup>Rồi tôi thấy một thiên sứ đứng trong mặt trời, lớn tiếng gọi các loài chim chóc bay giữa trời: “Hãy đến, hãy tụ họp lại để dự tiệc lớn của Đức Chúa Trời, <sup>18</sup>để ăn thịt các vua, thịt các tướng lĩnh, thịt những người có thể lực, thịt ngựa và những người cưỡi ngựa, thịt của tất cả mọi người, cả tự do lẫn nô lệ, cả nhỏ lẫn lớn.”**

**19:17 “gọi các loài chim chóc”** Hình ảnh khủng khiếp ở đây gọi nhớ tới khung cảnh chiến trận thời Cựu Ước. Bối cảnh của trận đánh này đã được bàn ở chương 16: 12-16, về trận Ha-ma-ghê-đôn. Các con chim săn mồi kéo nhau tới trận địa giống như trong I Sa-mu-ên 17:46 (xem Ma-thi-ơ 24:28; Lu-ca 17:37) và Ê-xê-chiên 39:17-20, tức là trận tối hậu Gôt và Ma-gôt. Giảng thường dùng các hình ảnh trong Cựu Ước theo phương cách mới. Trong chương 20 có trận đánh Gôt và Ma-gôt, loại bỏ Sa-tan sau Thiên-Hỷ-Niên, còn trong chương 19 có trận đánh trước Thiên-Hỷ-Niên, loại bỏ Con thú và Tiên Tri Giả.

} **““Hãy đến, hãy tụ họp lại để dự tiệc lớn của Đức Chúa Trời,”** Thuật ngữ “đến” là trạng từ, được sử dụng như mệnh lệnh thức chủ động thì quá khứ, ngôi số nhiều, được lặp lại bởi thuật ngữ thứ hai “được tụ họp” - mệnh lệnh thức thụ động, thì quá khứ, số nhiều. Đối nghịch với lời mời người chưa tin đến tiếp nhận Chúa Giê-su và dự tiệc cưới, ở đây là thiên sứ mời chim săn mồi tới ăn xác chết (và linh hồn chết theo nghĩa mở rộng) sau trận chiến Tận Thế, (xem Giê-rê-mi 12:9; Ê-xê-chiên 39:17). Con Thịnh Nộ của Đức Chúa Trời mang tính thuộc thể, được biểu tượng bởi tiệc lớn cho chim với xương thịt của kẻ thù chống nghịch Ngài, (xem Ê-sai 34:6; Giê-rê-mi 12:12; 46:10; Sô-phô-ni 1:7)

**19:18 để ăn thịt các vua, thịt các tướng lĩnh, thịt những người có thể lực, thịt ngựa và những người cưỡi ngựa, thịt của tất cả mọi người, cả tự do lẫn nô lệ, cả nhỏ lẫn lớn.”** Các nhóm người này đã được liệt kê một lần trong 6:15, cũng là bối cảnh Tận Thế. Hình ảnh xác chết không được chôn gây sự khinh khiếp, kinh hoàng

cho các dân tộc Trung Cận Đông.

Sự Tái Lâm của Chúa Giê-su xảy ra ở cuối các chu kỳ phán xét: các ấn 6:12-17; các kèn, 11:15-18; và các chén, 19:1-21.

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 19:19-21**

**<sup>19</sup>Tôi thấy con thú và các vua trên đất cùng với quân đội của họ tập trung lại để tranh chiến với Đấng cưới ngựa và quân đội của Ngài. <sup>20</sup>Nhưng con thú bị bắt, và tiên tri giả — kẻ đã thực hiện những dấu lạ trước mặt con thú, để lừa dối những người đã nhận dấu của con thú và những người thờ lạy hình tượng nó — cũng bị bắt. Cả hai đều bị quăng xuống hồ lửa lưu huỳnh đang bùng cháy. <sup>21</sup>Những người còn lại đều bị giết bằng thanh gươm ra từ miệng của Đấng cưới ngựa; tất cả chim chóc đều ăn thịt họ no nê**

**19:19** Tôi thấy con thú và các vua trên đất cùng với quân đội của họ tập trung lại để tranh chiến với Đấng cưới ngựa và quân đội của Ngài. Trận đánh thực sự bắt đầu, liên tưởng tới Thi Thiên 2. Phải chăng đây là một trận đánh Tận Thế theo nghĩa đen, hay là biểu tượng giằng co của điều thiện và điều ác? Thể loại của Khải Huyền là văn chương theo nghĩa bóng, nhưng các phân đoạn tương đồng như Ma-thi-ơ 24; Mác 13; Lu-ca 21; and II Tê-sa-lô-ni-ca 2 ám chỉ cách hiểu theo nghĩa đen. Sự khó hiểu là nguồn tranh luận không dứt trong vòng các nhà giải kinh đáng kính. Chủ nghĩa độc đoán thật không phù hợp ở đây!

**19:20** “và tiên tri giả — kẻ đã thực hiện những dấu lạ trước mặt con thú,” Đây là Con Thú thứ hai từ biển (xem 13:11-18; 16:13). Con Thú này nhái lại công vụ của Đức Thánh Linh quảng bá, làm vinh hiển Đấng Christ, (xem 13:12-13)

} “những người đã nhận dấu của con thú” (xem 13:16-17).

} “Cả hai đều bị quăng xuống hồ lửa lưu huỳnh đang bùng cháy.” Cụm từ “hồ lửa lưu huỳnh” chỉ được nhắc tới trong Khải Huyền, tuy nhiên nó cũng đồng nghĩa với ‘địa ngục’ *Gehenna* tronmg lời Chúa Giê-su (xem Chủ Đề Đặc Biệt 1:18). Các câu gần gũi trong Cựu Ước là Ê-sai 30:23-33 và Đa-ni-ên 7:11. Ngoài ra có rất nhiều câu liên hệ sự phán xét với lửa và bùng cháy. Có chủ đề về ngọn lửa đời đời trong văn chương khai thị xứ Giu-đa (xem nguy kinh Enoch 27:1ff; 54:1ff; 56:3ff; 90:26; IV Ê-sơ-ra 7:36; Apoc. of Baruch 59:10; 85:13 [Danh sách này có trong cuốn giải kinh của ông Lát (George E. Ladd), *Revelation*, trang. 258]). “Hồ lửa” được dùng vài lần trong Khải Huyền 20:10,14; 21:8, nói về một nơi dành cho Sa-tan, các thiên sứ theo hấn và cả cho nhân loại cứng đầu từ chối ăn năn. Đây là nơi trú ngụ cuối cùng của Sa-tan, là hậu quả tự nhiên của sự chống nghịch Đức Chúa Trời, là vực thăm đời đời, (xem Ma-thi-ơ 25:46; Khải Huyền 9:11; 11:7; 17:8; 20:1,3).

**19:21** “Những người còn lại đều bị giết bằng thanh gươm ra từ miệng của Đấng cưới ngựa; tất cả chim chóc đều ăn thịt họ no nê” Những người nhận dấu Con Thú (xem 13:16; 14:9,11), những người bắt bớ tín đồ bây giờ sẽ bị hủy diệt bởi lưỡi gươm của Đấng Christ, (cũng như Con Thú thứ hai, xem II Tê-sa-lô-ni-ca 2:8).

### **CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Hãy liệt kê các nhóm ca ngợi Chúa trong các câu 1-8 và lý do của lời ngợi ca.

2. Khái niệm tiệc cưới đến từ đâu và được áp dụng như thế nào?
3. Phải chăng câu 10 ám chỉ thiên sứ?
4. Giải thích tầm quan trọng của câu 11-16, phải chăng nhân vật ở đây là Đấng Christ?
5. Trận đánh nào xảy ra trong các câu 17-21? Có bao nhiêu trận đánh trong thời Tận Thế?

## KHẢI HUYỀN 20

### CÁCH PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Một Ngàn Năm	Sa-tan bị giam Một Ngàn Năm	Sự cầm tù Sa-tan và các tử đạo cai trị	Một Ngàn Năm	Cai trị Một Ngàn Năm
20:1-3	20:1-3 Thánh đồ đồng trị Ngàn Năm với Christ	20:1-3	20:1-3	20:1-3
20:4-6	20:4-6	20:4-6	20:4-6	20:4-6
Sa-tan bại trận	Phản loạn của Sa-tan bị dập tắt	Sa-tan thua cuộc và trận chiến cuối cùng	Sa-tan bại trận	
20:7-10	20:7-10	20:7-10	20:7-10	20:7-10
Phán xét trước Ngai Trắng vĩ đại	Phán xét trước Ngai Trắng vĩ đại	Sự phán xét cuối cùng	Sự phán xét cuối cùng	Sự phán xét cuối cùng
20:11-15	20:11-15	20:11-15	20:11-15	20:11-12 20:13-15

### CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

#### THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

Phân đoạn 1  
Phân đoạn 2  
Phân đoạn 3  
Vân vân...

### KIẾN GIẢI SÂU SẮC CHO KHẢI HUYỀN 20:1-15

- A. Về mặt thần học, chương 20 liên hệ tới chương 19, (Sự Tái Lâm) và với chương 21-22 (Vương Quốc Đòi Đòi). Câu hỏi giải kinh được đặt ra là sự Tái Lâm có xảy ra trước Thiên-Hỷ-Niên hay không (trước Ngàn Năm tể trị của Đấng Christ)? Nếu đúng vậy thì một số hình thức Thiên Hỷ Niên phải chắc chắn xảy ra theo nghĩa đen. Các chương 20-21 cần được hiểu như thế nào, nếu coi đây là đơn vị văn chương mới? Các chương 20-21 dường như tóm lược các chương 17-19, xem Hên-ric-sen (W. Hendriksen), *More Than Conquerors*. Sự tóm lược này giống như sự tóm lược các ấn, kèn, và chén, khiến thuyết “Lý Tưởng”, hay “Vô Thiên-Hỷ-Niên” có vẻ thích hợp nhất.
- B. Chương 20 mở ra những khái niệm thần học không thấy trong các phần khác của Kinh Thánh.
1. Hai lần sống lại (two-stage resurrection)
  2. Sự tể trị hạn chế của các tử đạo.
  3. Đấng Mê-si-a tể trị trần thế 1000 năm.

4. Sự tể trị không hiệu quả của Đấng Christ (an ineffectual reign of the Messiah), (nhân loại còn nổi dậy bởi sự xúi giục của Sa-tan sau 1000 năm tể trị của Đấng Christ)
5. Một trận đánh khác sau sự Phán Xét trước Ngai Trắng.

C. Sự khó khăn trong giải kinh tồn tại bởi vì:

1. Chương 20 khác biệt về mặt thần học.
2. Sự khó hiểu xuất hiện trong các điểm sau:
  - a. Sa-tan, bị trói. câu 2
  - b. Số nhóm người trong câu 4,
  - c. Ai có phần trong đợt sống lại thứ nhất, câu 5
  - d. Ai sẽ đồng trị với Đấng Christ, ở đâu và trong hình thức nào? câu 6
  - e. Các dân tộc đến từ đâu? câu 8
  - f. Ý nghĩa và địa điểm của “thành phố yêu dấu”, câu 9
  - g. Ai tham gia Tòa Án Ngai Trắng, câu 11-15, những câu này liên hệ với Ma-thi-ơ 25:31 và các câu sau như thế nào?
3. Có sự bất đồng giữa các nhà giải kinh đáng kính, ngay trong vòng những người cùng quan điểm về thuyết “Ngàn Năm”. Quan điểm “Ngàn Năm” của một cá nhân không ảnh hưởng tới sự Tái Lâm thuộc thể, mang tính chất lịch sử, thường được nói tới trong Tân Ước.
4. Sau đây là một số dẫn chứng từ các nhà giải kinh đáng tin cậy
  - a. Trong cuốn: *Revelation*, ông Lát (George E. Ladd) bình luận “Tin Lành Bắc Mỹ đặt sự nhấn mạnh một cách không chính đáng trên thuyết “Ngàn Năm” Chắc chắn rằng Chúa Giê-su không quan tâm dạy về Vương Quốc Trần Gian trước Trật Tự Đòi Đòi của Kỷ Nguyên Sê Đến.”
  - b. Trong cuốn *Word Pictures in the New Testament*, ông Rô-bót-son (T. Robertson) bình luận: “Cuốn sách kỳ diệu này được viết để kích lệ dân của Đức Chúa Trời đối diện với thử thách, chứ không phải để gây sự cãi vã trong họ” (pp. 457-458).
  - c. Trong cuốn *Worthy is the Lamb*, ông Săm-mơ (Ray Summers) bình luận: “Chương này đòi hỏi một linh nhu mì, sự thừa nhận khó khăn, sự tránh tuyên bố cực đoan, và sự tôn trọng các ý kiến thực lòng của người khác. Chương này là nguồn xung khắc cho Cơ-đốc nhân qua nhiều thế kỷ”, (trang. 202).
  - d. Trong cuốn *The Book of Revelation, New International Commentary Series*, Ông Măn-xê (Robert H. Mounce), bình luận: “khi nghĩ tới mức độ để ý của nhiều tác giả tới 10 câu đầu của chương 20, người ta dễ cho rằng đây là phân đoạn quan trọng nhất của Khải Huyền. Nhiều nhà giải kinh có khuynh hướng trở nên người bảo vệ thuyết Ngàn Năm theo quan điểm của mình. Mặc dù không từ chối tầm quan trọng của 10 câu này, tôi nghĩ nó không thể đặt lên trên các chủ đề cơ bản như sự Tái Lâm, sự phán xét cuối cùng, sự loại bỏ điều ác và sự vinh quang của cõi đời đời. Khi đọc 10 câu đầu tiên của chương 20, quý vị có thể thấy phân đoạn này chỉ liên hệ tới các thánh tử đạo, và không chứa đựng dấu hiệu tể trị của họ trên trần thế, hoặc nó phải xảy ra sau sự Tái Lâm” (trang. 351).

D. Sự ‘Tể Trị Ngàn Năm’ không tương đồng với

1. “Kỷ Nguyên Đấng Mê-si-a” hoặc
2. Vương Quốc Đức Chúa Trời.

(vì cả hai thể trạng 1 và 2 ở trên đều mang tính đòi đòi, xem Đa-ni-ên 7:14,27; Ê-sai 9:7; Lu-ca 1:33; II Phi-ê-ro 1:11; Khải Huyền 11:15; 22:5)

E. Khải niệm 1000 năm hoan hỷ với Đấng Christ có thể đến từ ý tưởng 6000 năm lịch sử loài người và giai đoạn nghỉ ngơi tiếp theo, tương tự như Sáng Thế 1. Dường như đây là một phần trong văn chương Cơ-đốc sớm, theo thuyết Tiên Thiên-Hỷ-Niên lịch sử) (xem ngụy kinh Epistle of Barnabas 15 and II Enoch 33).

F. Rõ ràng chương này được Linh Cảm, và có chủ đích. Nhưng chủ đích là gì? Có phải là (1) liệt kê các sự kiện cuối cùng, hay (2) kiến thức thuộc cho cuộc tranh chiến thuộc linh của mọi thời đại?

Các nhà giải kinh cần phải cẩn thận không được áp đặt ý của mình trên ý của Giăng. Sự tò mò, sự độc tôn, sự trung tín đối với quan điểm thần học, hoặc giảng viên ... đã gây ra nhiều cách giải kinh trái ngược và thái độ đáng trách. Ý của Giăng được thấy trong cách dùng thể loại văn chương và hình ảnh từ Cựu Ước, chứ không từ Tân Ước. Giải kinh văn chương khai thị theo nghĩa đen không chỉ là dấu hiệu “bảo thủ”, nhưng là dấu hiệu “nhiệt tình sai lầm”. Vì sao các nhà giải kinh hiện đại hiểu theo nghĩa đen một số biểu tượng, và hiểu theo nghĩa bóng các biểu tượng khác? Tất cả đều là biểu tượng, nói như vậy không có nghĩa là không đúng sự thật. Sự trình bày Tân Thế của Giăng chủ yếu mang bố cục Cựu Ước. Hình như Giăng bỏ qua các giáo huấn Tân Thế của Chúa Giê-su và Phao-lô. Các tác giả Tân Ước và Cựu Ước không bày tỏ Lai-thể học hệ thống, nhưng chỉ trình bày chân lý, tuy không theo quy trình, thứ tự. Chúng ta không nên tập trung vào các chi tiết một cách cực đoan, nhưng tập trung vào chân lý trọng tâm.

G. Chương này dường như mang gánh nặng thần học một cách quá đáng, so với bố cục và sứ điệp của cả cuốn sách. Đây không phải là dụng ý của Giăng. “Một Ngàn Năm” là tiền thân hay là điềm báo trước của Tể Trị Đồi Đồi. Trong cả Kinh Thánh, chỉ có Khải Huyền chọn trình bày giai đoạn Tể Trị Tạm Thời của Đấng Mê-si-a. Giai đoạn này xuất hiện trong thể loại văn chương khai thị, trình bày chân lý qua biểu tượng. Về cá nhân tôi, sự “Tể Trị Ngàn Năm” không khiến tôi ngạc nhiên (trong ánh sáng Cựu Ước) như các tín lý sau:

1. Hai kỳ phán xét.
2. Các thánh đồ đã phục sinh trong vòng nhân loại trong bối cảnh trần thế.
3. Sự phân loạn sau giai đoạn tể trị ‘ngàn năm’ của Đấng Mê-si-a.  
Phải chăng sự tể trị của Đấng Christ không có hiệu quả, dù Sa-tan bị giam cầm. Hay đây chỉ là biểu tượng về mức độ sa ngã của nhân loại.

H. Xin Đức Chúa Trời giúp chúng ta, trong ánh sáng Khải Huyền 22:18-19! Chúng ta đều bị ảnh hưởng về bản ngã tội lỗi, thời đại, trải nghiệm và hệ thống giáo dục, giảng viên.

### CÁC TÁC GIẢ NÊN THAM KHẢO

- A. Alan Johnson, “Revelation,” *The Expositors Bible Commentary*, vol. 12
- B. George Ladd, *Revelation of Giăng*
- C. Leon Morris, “The Revelation of St. Giăng,” *Tyndale New Testament Commentaries*, vol. 20
- D. Robert Mounce, “The Book of Revelation,” *The New International Commentary*
- E. Ray Summers, *Worthy Is the Lamb*
- F. Craig Blaising and Darrell Bock, *Progressive Dispensationalism*
- H. D. Brent Sandy, *Plowshares and Pruning Hooks*

### NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN.

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 20:1-3**

<sup>1</sup>Rồi tôi thấy một thiên sứ từ trời xuống, tay cầm chìa khóa của vực sâu và một cái xiềng lớn.<sup>2</sup>Người bắt con rồng, tức là con rắn xưa, là ma quỷ, là Sa-tan, và xiềng nó lại một nghìn năm.<sup>3</sup>Người ném nó xuống vực sâu, đóng cửa vực và niêm phong lại, để nó không còn lừa dối các nước nữa, cho đến khi một nghìn năm chấm dứt. Sau đó, Sa-tan phải được thả ra một thời gian ngắn.

**20:1 “Rồi tôi thấy một thiên sứ từ trời xuống, tay cầm chìa khóa của vực sâu ”** Thiên sứ này giống như thiên sứ có chìa khóa vực sâu trong 9:1-2,11. Điều lý thú có thể thấy là Sa-tan bị một thiên sứ vô danh trói buộc.

} “**chìa khóa của vực sâu**” Chúng ta thấy có hai chìa khóa trong Khải Huyền. Chúa Giê-su có chìa khóa của Sự Chết và Âm Phủ trong 1:18, còn thiên sứ vô danh có chìa khóa của vực sâu trong câu 1:9. Chìa khóa biểu tượng cho thẩm quyền.

Thuật ngữ “vực sâu” trong tiếng Hy-lạp có cấu trúc tiền tố phủ nhận (alpha privative) được bàn thảo trong

câu 9:1. Đây dường như là nơi trú ngụ của các tà linh. Tuy nhiên không chắc hẳn như vậy vì Phao-lô dùng thuật ngữ này trong câu Rô-ma 10:7 (“Ai xuống vực thăm... để đem Đấng Christ từ cõi chết lên”). Từ này có lẽ đồng nghĩa với Ta-ta-rút, (Tartarus) là nơi giam các ác linh (xem Lu-ca 8:31; Giu-đe câu 6; II Phi-ê-rơ 2:4). Trong Do-thái giáo của các thầy Ra-bi thời thế kỷ thứ 2 và 3, đây là nơi dành cho người không công chính trong âm phủ (Hades).

**20:2 “con rồng, tức là con rắn xua, là ma quỷ, là Sa-tan,”** Một danh hiệu gồm 4 phần của Ác Quỷ. Đã được bàn thảo trong câu 12:9, nhấn mạnh chính xác đối tượng bị trói và sẽ bị quăng vào hồ lửa, (xem câu 10). Đây là sự liên kết ban đầu với kết thúc, con rắn với Sa-tan, (xem Sáng Thế 3) và (Khải Huyền 20-22).

Thuật ngữ “con rồng” có thể là:

1. đồng nghĩa với con rắn, tiếng Hê-bơ-rơ là *tannin* ám chỉ
  - a. rắn đất ( xem Xuất Hành 7:9,10,12; Phục Truyền 32:33; and possibly Thi Thiên 91:13)
  - b. rắn nước (xem Sáng Thế 1:21; Thi Thiên 148:7)
2. đồng nghĩa với thủy quái Lê-vi-a-than (xem Gióp 7:12; Thi Thiên 74:13-14; Ê-sai 27:1), là tạo vật của Đức Chúa Trời (xem Gióp 41; Thi Thiên 104:24-26), hoặc biểu tượng của sự ác (như Ra-háp xem Ê-sai 51:9)
3. Biểu tượng vua kẻ thù của I-sơ-ra-en như:
  - a. Ai-cập, (xem Thi Thiên 87:4; Rahab; Ê-xê-chiên 29:3)
  - b. Ba-by-lon (xem Giê-rê-mi 51:34)
4. Biểu tượng sự rối loạn trong thần thoại vùng Mê-sô-pô-ta-my xem phần giới thiệu chương 12, mục B và ghi chú cho câu 12:3. (Bản KJV anh ngữ dịch *tannin* and *tannim* (howlers or jackals, xem Gióp 30:29; Thi Thiên 44:19; Ê-sai 13:22; 34:13; 35:7; 43:20; Giê-rê-mi 9:11; 10:22; 49:33; 51:37; Ê-xê-chiên 29:3 and Mi-chê 1:8) là ‘con rồng’, mặc dầu *tannim* là số nhiều của *tan*, có nghĩa là con chó hoang, hoàn toàn không liên hệ gì với con rồng.)

} **“xiềng nó lại một nghìn năm”** Con người luôn nghĩ rằng “phạt hội đồng” không công bằng. Vì sao nhân loại phải chịu hậu quả của sự lựa chọn bởi A-đam và Ê-va? Có thể việc loại bỏ ảnh hưởng của Sa-tan, cho phép con người sống trong bối cảnh vườn Ê-đen, và tương giao mật thiết với Đấng Mê-si-a vinh hiển, sẽ kiểm nghiệm nhân loại có chọn Đức Chúa Trời hay không? Đáng tiếc thay, họ sẽ nổi dậy chống lại Đấng Christ của Đức Chúa Trời ngay sau Ngàn Năm kết thúc, (xem 20:7-9)!

Khái niệm “hai kỷ nguyên” của người Do-thái trong Cựu Ước cũng là cách thể hiện chiến cuộc Thiên - Ác (Nhị Nguyên Luận giới hạn). Người Do-thái hình dung cuộc giằng co tâm cỡ vũ trụ này sẽ được giải quyết trong trận chiến thời Tận Thế (xem Thi Thiên 2). Giảng sử dụng hình ảnh này để khích lệ các tín đồ bị bắt bớ thời ông sống, cũng như cho mọi thế hệ. Trong cuốn sách mang tính chất biểu tượng như Khải Huyền, có một khái niệm đơn độc và không được nhắc tới trong cả Kinh Thánh, đó là Thiên-Hỷ-Niên (Ngàn Năm Hoan Hỷ). Vì sao chúng ta lại muốn giải thích điều này theo nghĩa đen? Câu trả lời nằm trong định kiến của người giải kinh, chứ không trong “chú giải Kinh Thánh”. Điều quan trọng không phải chỉ tin Kinh Thánh, nhưng quan trọng hơn là sự giải nghĩa thích hợp và kiên định (trước sau như một), đặc biệt về văn chương Khải thị. Các tín đồ luôn mong muốn có thông tin về Tận thế, điều này khiến họ (1) biến cuốn sách mang tính biểu tượng thành cuốn sách tường trình sự Tái Lâm, và (2) cố gắng áp đặt các sự kiện lịch sử, nền văn hóa và thần học hệ thống thời họ sống thành sự ứng nghiệm tiên tri trong Khải Huyền. Nếu có thể hiểu theo nghĩa đen, thì chỉ có các tín đồ sống và chết trong thời kỳ Tận Thế này được tể trị với Đấng Christ (xem các câu 4-5)!

**20:3 “Người ném nó xuống vực sâu, đóng cửa vực và niêm phong lại,”** Có 5 động từ trong câu này liên hệ tới việc trói buộc Sa-tan bởi thiên sứ vô danh: (1) “bắt nó”; (2) “trói nó”; (3) “quăng nó”; (4) “đóng vực thăm”; và (5) “khóa lại.” Cả năm động từ đều có dạng chỉ định, chủ động, thì quá khứ - ám chỉ việc loại trừ ảnh hưởng của Sa-tan một cách hoàn toàn. Đây có thể là điều liên tưởng tới Ê-sai 24:22.

} **“để nó không còn lừa dối các nước nữa”** Lừa dối luôn là mục đích của Ác Quỷ và tay chân hắn, (xem 12:9 13:11-14; 16:14; 19:19; 20:8). Bởi biết thời gian có hạn, (xem 12:12), Ác Quỷ tìm mọi cách để lừa thật nhiều



người nam nữ nghi ngờ và chống cự lại Đấng tạo dựng và yêu dấu họ. Ác Quỷ cũng tham vọng được tôn thờ, như được thấy trong sự căm dỗ Chúa Giê-su, Ma-thi-ơ 4:9 and 13:4.

Có một câu hỏi thích đáng, rằng “các nước” là ai? phải chăng các dân tộc bất tin đã bị hủy diệt trong 17:2; 18:3 and 19:18-21? Có người cho rằng đây là phần còn sót lại của các dân tộc, không phải là đạo quân đã thất trận trước đó. Có người tin đây là các dân tộc khác không tham gia trong Trật Tự chống nghịch Đức Chúa Trời, chống nghịch Đấng Christ ban đầu. Biểu tượng về các dân tộc rất khó giải thích, (xem ghi chú ở câu 2:26 và 10:11) bởi vì các dân tộc lại được thấy trong Khải Huyền 22:2, ngay sau họ - những người không tin- đã bị hủy diệt cùng Sa-tan.

Có thể phân đoạn 19:11-21 (và nói chung cả chương 17-19) được “tóm lược” trong phân đoạn 20:1-10, (và nói chung cả chương 20-22). Nếu đúng vậy thì nan đề tái hiện các dân tộc - sau khi bị phán xét một cách tối hậu - có thể đã được trả lời thỏa đáng. “Các dân tộc” thường ám chỉ những người ác và vô đạo, (xem ghi chú ở câu 2:26 ; 10:11 đồng thời tham khảo tài liệu của ông Ma-thi-son (Dave Mathewson), “*A Re-examination of the Millennium in 20:1-6: Consummation and recapitulation*,” JETS, tập. 44 #2, June 2001, trang. 237-251). Sự trói buộc Sa-tan trong Khải Huyền 20:1-10 tương tự như (1) trong Lu-ca 10:17-20 (Sa-tan bị đuổi khỏi Thiên Đàng); hay (2) trong Ma-thi-ơ 12:26-29 (Vương quốc Sa-tan bị thất bại bởi Chúa Giê-su nhờ Đức Thánh Linh trừ quỷ), hay (3) trong Cô-lô-sê 2:10,15 (Đấng Christ tước vũ khí của các bậc quyền bính). Khải Huyền 20:1-10 nói về sự chiến thắng của Đấng Christ ở thời điểm Giáng Sinh, và hậu quả chiến thắng tồn tại cho đến thời điểm cận kề sự Tái Lâm (theo thuyết Vô Thiên-Hỷ-Niên)

Nếu khuôn mẫu “Tóm Lược Sự Kiện” đúng, nó chứng tỏ Giăng chịu ảnh hưởng của giả thiết một trận đánh trong Ê-xê-chiên 38-39 (và trong Thi Thiên 2). Giăng dùng hình ảnh xung đột với các dân tộc ngoại bang thời Cựu Ước, và mở rộng ra thành trận chiến cuối cùng giữa dân của Chúa và dân vô đạo dưới sự lừa dối của Sa-tan.

} “**cho đến khi một nghìn năm chấm dứt. Sau đó, Sa-tan phải được thả ra một thời gian ngắn.**” Có nhiều tranh luận vì sao Sa-tan “phải” (*dei*) được thả ra trong thời gian ngắn. Một số người thấy đây là các đối xử công bằng của Đức Chúa Trời khi phán xét con người phản loạn. Một số khác coi đây thêm một cơ hội cứu chuộc, giống như các câu Khải Huyền 9:20-21; 14:6-7; 16:9,11.

Cũng có thể thấy việc Sa-tan bị trói buộc như biểu tượng về điều ác cuối cùng bị đánh bại, với hình ảnh khái thị từ trong ngục kinh I Enoch 10:4-6,11-13. Nguồn này nói về A-xa-xen (Azazel - con ma đồng vắng trong Lê-vi 16:8,10,26) bị thiên sứ trói buộc, để nó không thể lừa dối con người. Sự giam cầm là một cách cầm giữ tà linh cho đến ngày phán xét, xem Ê-sai 24:21-22; II Phi-ê-rơ 2:4; and Giu-đe câu 6.

Cũng có thể sự thả Sa-tan ra mở đầu cho một cuộc phản công tối hậu toàn cầu của Sa-tan, Con Thú Biển và Con Thú Đất chống nghịch Đức Chúa Trời, Đấng Mê-si-a và Đức Thánh Linh, cùng với sự tham gia của cả nhân loại trong hai phe. Tạo Hóa sẽ được thanh tẩy. Lịch sử con người đã là một bãi chiến trường cũng sẽ được chứng kiến trận đánh cuối cùng. Mô-típ chiến trận này có nguồn từ Cựu Ước, từ Thi Thiên 2, Ê-xê-chiên 38-39 và chiếu rọi tới sự phán xét tận thế trong Khải Huyền 19:19-21. Nếu điều này đúng, thì các phân đoạn Khải Huyền 17-19 và 20 tương đồng và bao gồm một giai đoạn lịch sử giữa hai “sự đến” của Chúa Giê-su (Giáng Sinh và Tái Lâm).

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 20:4-6**

<sup>4</sup>Tôi thấy các ngai, và những người ngồi trên ngai được ban cho quyền xét xử. Tôi cũng thấy linh hồn của những người bị chết chém vì làm chứng cho Đức Chúa Jê-sus và lời Đức Chúa Trời, và linh hồn của những người không thờ lạy con thú cùng hình tượng nó, không nhận dấu của nó trên trán hoặc trên tay mình. Những người ấy đều được sống lại và trị vì với Đấng Christ một nghìn năm. <sup>5</sup>Những người chết còn lại không được sống lại cho đến khi một nghìn năm ấy chấm dứt. Đây là sự sống lại thứ nhất.

<sup>6</sup>Phước thay và thánh thay là những người được dự phần trong sự sống lại thứ nhất! Sự chết thứ hai không có quyền gì trên họ, nhưng họ sẽ làm thầy tế lễ của Đức Chúa Trời và của Đấng Christ; họ sẽ trị vì với Ngài một nghìn năm.

**20:4** “Tôi thấy các ngai,” Hình ảnh từ Đa-ni-ên 7:9. Có nhiều ngai được nhắc đến trong Khải Huyền: (1) ngai Đức Chúa Trời, (xem 5:1,1,17; 6:16; 7:10,15; 19:4; 21:5); (2) ngai Sa-tan (xem 2:13); và (3) ngai Con Thú (xem 13:2; 16:10). Đây là ẩn dụ về thẩm quyền, quyền bính.

} **“những người ngồi trên ngai”** hình ảnh từ Đa-ni-ên 7:22. Câu hỏi được đặt ra: ai là “những người”? Trong Đa-ni-ên đây có thể là các thiên sứ, tinh binh hay thánh đồ. Có nhiều tranh luận về danh tính các nhóm này trong Khải Huyền: .

1. Một số người thấy ba nhóm: thiên sứ, người tử đạo và các tín đồ không chịu thờ Con thú.
2. Một số người thấy hai nhóm
3. Một số người thấy một nhóm.

Nếu một nhóm, thì đây là những người tử đạo. Tuy nhiên trong Kinh Thánh không thấy câu nào nói về sự tể trị dành riêng cho họ. Kinh Thánh hứa sự đồng trị cho tất cả các thánh đồ, (xem Khải Huyền 3:21; 5:10; 22:5; Ma-thi-ơ 19:28; Lu-ca 22:29-30; II Ti-mô-thê 2:12), xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 5:10

Quan điểm hai nhóm dựa trên phần cuối câu 4: “những người không thờ lạy con thú” (sau những người bị chém). Trong ánh sáng sự Tái Lâm chương 19 và Ngai Trắng chương 20:11, quan điểm này có vẻ hợp lý nhất. Nếu đúng vậy, thì sự phán xét trước Ngai Trắng chỉ dành cho những người không tin, và không giống sự phán xét trong Ma-thi-ơ 25:31 và các câu sau đó

} **được ban cho quyền xét xử.**

NASB **“và sự phán xét được ban cho họ”**

NKJV **“và sự phán xét được trao cho họ”**

NRSV **“họ được ban quyền để phán xét”**

TEV **“họ được ban quyền để phán xét”**

NJB **“họ được ban thẩm quyền để phán xét”**

Trong tiếng Hy-lạp có nghĩa là (1) đồng trị với Đấng Christ (ba cách dịch sau) (xem 2:26-27; I Cô-rin-tô 6:2, xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 5:10), hoặc (2) tiếp nhận công nghĩa cho mình, (hai cách dịch đầu tiên) xem 6:9-11; Đa-ni-ên 7:22).

} **“linh hồn của những người bị chết chém”** Nhiều người giải thích đây là các linh hồn không xác (bị chém) (xem 6:9). thuật ngữ ‘chặt đầu’ liên hệ tới cái rìu hai lưỡi dùng để thi hành án tử hình nơi công cộng dưới thời La-mã, (xem Rô-ma 13:4 và Josephus, *Antiquities of the Jews*, 14:9:4). Câu này nói về các Cơ-đốc nhân tử đạo.

} **“linh hồn của những người không thờ lạy con thú”** Nếu về trước nói về người tử đạo, thì về này nói về những người không tử đạo, nhưng qua đời trong giai đoạn này, (xem 13:15). Nếu giai đoạn là quá trình giữa hai “Sự Đến” của Đấng Christ, thì về này ám chỉ tất cả các thánh đồ trong lịch sử. Còn nếu giai đoạn được hiểu là kỳ Tận Thế, thì đây là nhóm tín đồ thế hệ cuối cùng.

} **“không nhận dấu của nó trên trán hoặc trên tay mình.”** xem ghi chú ở câu 13:16-17. “Không nhận dấu” tương đồng với “không thờ Con thú và hình tượng của nó”

} **“Những người ấy đều được sống lại”** thuật ngữ “sống” (ζῶ) thường nói về sự phục sinh thuộc thể (xem Ma-thi-ơ 9:18; Giăng 4:25; Công Vụ 1:3, 9-11; Rô-ma 14:9; Khải Huyền 1:18; 2:8; 13:14). Các nhà giải kinh không thể coi sự sống lại trong câu 4 mang tính thuộc linh và trong câu 5 mang tính thuộc thể. Phải chăng những người tử đạo đồng trị với Đấng Christ trong thân thể phục sinh, thể xác mới, nhưng dần dần sẽ trở nên già cỗi hư nát? Nếu họ có thân thể phục sinh thì các “dân tộc” có có vậy không?

} **“trị vì với Đấng Christ một nghìn năm.”** Khái niệm Chúa Giê-su tể trị trong Khải Huyền 12:5; 19:5 liên tưởng tới Thi Thiên 2:8-9; Các thánh đồ đồng trị với Đấng Christ được nhắc đến trong Ma-thi-ơ 19:28; Lu-ca 22:28-30; II Ti-mô-thê 2:12; Khải Huyền 3:21; 5:10; 20:4,6 and 22:5. Phải chăng sự tể trị có giới hạn Ngàn Năm

hay vô hạn đời đời, (xem Đa-ni-ên 7:14,18,27 and Khải Huyền 22:5)? Phải chăng sự tể trị chỉ trên lãnh thổ Pa-létin (xem ghi chú 5:10), hay mở rộng trên toàn cầu? Xem Chủ Đề Đặc Biệt Sự tể trị của Vương Quốc Đức Chúa Trời ở câu 5:10 và biểu đồ các quan điểm về Thiên-Hý-Niên trong Phụ Lục 5.

Nếu ngàn năm là biểu tượng của thời kỳ Hội Thánh (từ Giáng Sinh tới Tái Lâm) thì 1000 = 10x10x10 ám chỉ sự tột bậc của sự trọn vẹn trong ý tưởng Hê-bơ-rơ. Vậy có nghĩa là đời đời

Nhưng nếu vậy thì câu 5-6 lại trở nên không thích hợp. Đây là một ví dụ minh họa việc một số người giải kinh có câu trả lời tốt ở câu này, nhưng vướng mắc ở câu khác. Nhiều cách giải kinh được phát triển khi các nhà giải kinh đọc Tân Ước qua các bản dịch và lựa chọn bản dịch thích hợp cho mình. Nên nhớ ở đây có sự uyển chuyển, ở đây có điều bí ẩn, ở đây có điều khó hiểu cần được chấp nhận. Xin đừng cho phép sự biệt lập và cực đoan!

**20:5 Những người chết còn lại không được sống lại cho đến khi một nghìn năm ấy chấm dứt. Đây là sự sống lại thứ nhất**” Các bản dịch NRSV và TEV anh ngữ coi câu 5 như một phụ đề. Việc ai được tham gia trong sự sống lại thứ nhất sẽ quyết định ai là người có mặt trong sự phán xét trước Ngai Trắng ở câu 20:11 và các câu sau đó. Cụm câu “những người chết còn lại” có thể ám chỉ:

1. người hư mất (xem câu 6; Đa-ni-ên 12:2)
2. Cơ-độc nhân từ các giai đoạn trước (xem câu 6; II Ti-mô-thê 2:12)
3. Cơ-độc nhân từ giai đoạn này, nhưng chết một cách tự nhiên (xem câu 4c)

} “**sự sống lại thứ nhất**” Trong cả Tân Ước đều có nói về sự sống lại của người chết (xem Giăng 5:28-29; Luca 14:14; Công Vụ 24:15; I Cô-rin-tô 15:52; Phi-líp 3:3; I Thess 4:16; II Tê-sa-lô-ni-ca 1:7-10). Nhưng không có sự sống lại hai lần đối với các tín đồ, trừ phi Đa-ni-ên 12:2 ám chỉ hai sự sống lại tách biệt (của người hư mất và người được cứu). Mặc dầu vậy ông Lát (George Ladd) thấy Giăng 5:29 và I Cô-rin-tô 15:24-25 có thể tương đồng. Tất cả những ai tin Ngàn Năm theo nghĩa đen đều gặp nan đề lớn khi giải thích sự phục sinh tách biệt. Phải chăng Cơ-độc nhân được cất lên không trung sẽ tham gia tể trị một ngàn năm? (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18; Khải Huyền 4:11 or 11:12) Phải chăng các thánh đồ Cựu Ước cũng tham gia tể trị một ngàn năm? Trong nhóm người này có ai là người tử đạo thời Đại Nạn Tận Thế không?

} “**họ sẽ làm thầy tế lễ của Đức Chúa Trời và của Đấng Christ;**” Câu này liên hệ tới Xuất Hành 19:5-6, ám chỉ I-sơ-ra-en trong vai trò làm công cụ của Đức Chúa Trời trong sự mặc khải và cứu chuộc cho người ngoại, được mở rộng ra trong Tân Ước bao gồm Hội Thánh, (xem I Phi-ê-rơ 2:5,9 and Khải Huyền 1:6; 5:10). Trong thư gởi cho Hội Thánh ở Phi-la-đen-phia có nhắc đến hình ảnh đền thờ (xem 3:12). Ấn dụ này thay đổi vai trò thầy tế lễ, từ chức vụ làm đầy tớ cho Đức Chúa Trời, phục vụ nhân loại, sang sự tương giao mật thiết với Ngài.

**20:6 Phước thay và thánh thay là những người được dự phần trong sự sống lại thứ nhất! Sự chết thứ hai không có quyền gì trên họ, nhưng họ sẽ làm thầy tế lễ của Đức Chúa Trời và của Đấng Christ; họ sẽ trị vì với Ngài một nghìn năm.** Câu này lại thêm sự khó khăn trong sự giải kinh. Có tín đồ nào trải nghiệm sự chết lần hai không - một ẩn dụ về địa ngục (xem câu 6)? Phải chăng chỉ những người tử đạo được làm thầy Tế Lễ cho Đức Chúa Trời, hay tất cả mọi thánh đồ, kể cả các thánh đồ Cựu Ước? (xem 1:6; 5:10; II Phi-ê-rơ 2,5,9)? Trong số những người tử đạo: chỉ có những người tử đạo trong thế kỷ đầu tiên hay trong mọi thế hệ? Còn những tín đồ trung tín, nhưng chết một cách tự nhiên thì sao?

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 20:7-10**

**<sup>7</sup>Khi một nghìn năm chấm dứt, Sa-tan sẽ được thả ra khỏi chỗ giam cầm; <sup>8</sup>nó sẽ đi ra lừa dối các dân ở bốn phương trên đất, là dân Gót và Ma-gót, để tập trung chúng lại cho chiến tranh. Quân số của chúng đông**

**như cát bờ biển.<sup>9</sup>Chúng tràn ra khắp đất, vây trại của các thánh đồ và thành được yêu quý. Nhưng lửa từ trời xuống thiêu hủy chúng.<sup>10</sup>Còn ma quỷ là kẻ lừa dối họ bị ném vào hồ lửa lưu huỳnh, trong đó đã có con thú và kẻ tiên tri giả. Họ sẽ bị đau đớn cả ngày lẫn đêm cho đến đời đời.**

**20:7 “Sa-tan sẽ được thả ra khỏi chỗ giam cầm”** Ê-xê-chiên 36-39 làm nền cho câu này. Dân của Chúa sống bình an trong khung cảnh tận thế (xứ Gu-đa, Giê-ru-sa-lem hay Đất Hứa), nhưng vẫn bị tấn công bởi các dân bốn phương. Trong Do-thái giáo, Gôt và Ma-gôt là hai tử thù của Đấng Mê-si-a và dân thánh. Ban đầu, trong Ê-xê-chiên, Gôt là hoàng tử từ xứ Ma-gôt, nhưng trong chương này, cả Gôt và Ma-gôt đều được nhân cách hóa trở nên hai kẻ thù chống nghịch Đức Chúa Trời. Giảng luôn điều chỉnh các hình ảnh Cựu Ước cho thích hợp các độc giả thế kỷ thứ nhất.

**20:8 “nó sẽ đi ra lừa dối các dân ”** Thật đáng ngạc nhiên: Làm sao nhân loại có thể bị lừa sau 1000 năm tể trị của Đấng Christ? Phải chăng các dân tộc phải loạn này là những người không tin đương thời, hay nguyên thủy? Phải chăng sự tể trị của Đấng Christ không hiệu quả lâu dài trên xã hội con người?

} **“dân Gôt và Ma-gôt”** Hình ảnh sự chống đối liên tục của các dân tộc bất tín. Sau khi I-sơ-ra-en được phục hồi trong Đất Hứa, (xem Ê-xê-chiên 37), bởi sự can thiệp của Đức Chúa Trời (xem Ê-xê-chiên 36), các dân tộc xung quanh vẫn tiếp tục tấn công họ (“Gôt trong đất Ma-gôt, hoàng tử của vùng Rô-sơ, Mê-siéc và Tu-banh”, Ê-xê-chiên 38:2). Các tên này có thể là thủ lĩnh hoặc địa danh xuất xứ của các đạo binh xâm lược. Các chương Ê-xê-chiên 38-39 có bối cảnh Tận Thế (xem 38:8,10,14,16,18; 39:11), và là nguồn cung ứng các hình ảnh Tận Thế từ Cựu Ước cho Giảng. Trong cơn đau đẽ của Tân Kỳ Nguyên, mọi sự sẽ trở nên khó hơn, trước khi chúng trở nên tốt đẹp (Thành Giê-ru-sa-lem mới)

Xin để ý việc Giảng lấy các câu Cựu Ước và thích nghi cho độc giả trong bối cảnh văn hóa Hy-lạp / La-mã thế kỷ thứ nhất. Gôt, Ma-gôt và Ba-by-lon không phải là các kẻ thù của họ từ xứ Mê-sô-pô-ta-mi, nhưng chính là thành Rô-ma.

} **“các dân ở bốn phương trên đất”** đây rõ ràng nói về sự lừa dối và phản loạn mang tính chất toàn cầu (xem 7:1). Số bốn mang biểu tượng trần thế.

} **“đông như cát bờ biển”** Câu này khởi đầu nói về con cháu của Áp-ra-ham, (xem Sáng Thế 15:5; 22:17; 32:12 và Hê-bơ-rơ 11:12). Có thể đây là một ví dụ việc Ác Quỷ nhái lại thuật ngữ ám chỉ dân của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên trong sự liên hệ tới phần đầu của câu 9, đây là sự miêu tả của một đạo quân rất lớn.

**20:9 Chúng tràn ra khắp đất, vây trại của các thánh đồ và thành được yêu quý. Nhưng lửa từ trời xuống thiêu hủy chúng.** Phải chăng câu này nói về một trận chiến theo nghĩa đen, của một đạo binh di chuyển trên bình nguyên Ma-ghe-đôn về thành Giê-ru-sa-lem, xứ Pa-lé-stin? Có nhiều sự liên tưởng từ Cựu Ước cho kịch bản này (xem Thi Thiên 2; Ê-xê-chiên 38-39; Đa-ni-ên 9:24-27; Xa-cha-ri 13-14). Tuy nhiên Ma-ghe-đôn cách xa Giê-ru-sa-lem nhiều dặm.

Trong Khải Huyền, thuật ngữ “thành” ám chỉ (1) tổ chức xã hội loài người, được nhân cách hóa như Ba-by-lon. Và (2) thành Rô-ma lịch sử thời Giảng sống, (xem 14:8; 16:19; 17:18; 18:2,10,16,18,19,21). Tuy nhiên trong câu 11:9 và ở đây, “thành yêu quý” ám chỉ Giê-ru-sa-lem

Các tác giả Tân Ước và đặc biệt Giảng thường dùng các hình ảnh Cựu Ước và mở rộng ra cho nhân loại.

Khải Huyền không miêu tả sự đối nghịch giữa người Do-thái và ngoại bang, nhưng giữa người không tin và tín đồ. Cũng vậy đối với trận chiến Tận Thế trong các câu 6:15-16; 11:18; 16:12,14,16; 19:19

} **“lửa từ trời xuống thiêu hủy chúng.”** Câu này liên tưởng tới Ê-xê-chiên 38:22 and 39:6. Chiến thắng thuộc về Đức Chúa Trời!

**20:10 “Còn ma quỷ là kẻ lừa dối họ bị ném vào hồ lửa lưu huỳnh, trong đó đã có con thú và kẻ tiên tri giả.”** Con Thú và Tiên Tri Giả đã bị ném vào hồ lửa ở câu 19:20. Sự Chết và Âm Phủ cũng sẽ bị ném vào đó ở câu 20:14 và cuối cùng đến lượt những người không tin ở câu 20:15. Biểu tượng “hồ lửa” tương đồng với “địa ngục” *Gehena* và tượng trưng cho sự chia cắt đời đời với Đức Chúa Trời và Đấng Christ, (xem Mác 9:43,48).

} “**Họ sẽ bị đau đớn cả ngày lẫn đêm cho đến đời đời.**” Câu này giống như Khải Huyền 14:10-11 và 19:5. Một khái niệm về sự chia ly vĩnh viễn được thấy trong Ma-thi-ơ 25:46, nơi mà thuật ngữ (*anōnios*), có nghĩa “đời đời” được dùng cho cả thiên đàng và địa ngục.

Hầu hết mọi phán xét của Đức Chúa Trời đều phục vụ mục đích cứu rỗi, đúng vậy trong Cựu Ước và Tân Ước. Địa ngục không có mục đích cứu rỗi. Nó chỉ ứng nghiệm lời hứa Đức Chúa Trời sẽ hồi phục lại công lý và công chính. Địa ngục là sự tách biệt điều ác khỏi Tạo Hóa. Nếu địa ngục là sự khủng khiếp của con người, nó còn tác dụng tệ hơn đối với Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời cho phép tạo vật cao cấp nhất trong Tạo Hóa được quyền lựa chọn, Ngài biết rằng một phần lớn sẽ lựa chọn điều ác và tội lỗi. Địa ngục luôn là vết thương mở, không ngừng rỉ máu trong trái tim của Đức Chúa Trời. Địa ngục là một nghịch lý giữa tình yêu đời đời và công lý của Đức Chúa Trời.

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 20:11-15**

**<sup>11</sup>Bấy giờ tôi thấy một ngai lớn và trắng với Đấng ngồi trên ngai. Trước mặt Ngài đất trời đều trốn hết, không còn tìm thấy chỗ nào cho chúng. <sup>12</sup>Tôi thấy những người chết, cả lớn lẫn nhỏ, đều đứng trước ngai, và các sách được mở ra. Một sách khác là sách sự sống cũng được mở. Những người chết bị phán xét tùy theo công việc họ làm, căn cứ trên những điều đã ghi trong các sách ấy. <sup>13</sup>Biển giao lại những người chết mình chứa; Sự chết và Âm phủ cũng giao lại những người chết mình giữ. Mỗi người sẽ bị phán xét tùy theo công việc mình đã làm. <sup>14</sup>Rồi Sự chết và Âm phủ bị ném xuống hồ lửa. Hồ lửa là sự chết thứ hai. <sup>15</sup>Người nào không được ghi tên vào sách sự sống thì bị ném xuống hồ lửa**

**20:11 “Bấy giờ tôi thấy một ngai lớn và trắng”** Hình ảnh ngai được thấy trong Đa-ni-ên 7:9. Dường như ‘Ngai Trắng’ cũng tương đồng với sự phán xử trong Ma-thi-ơ 25:31-46, Tuy nhiên, nếu sự phán xử ở đây chỉ liên hệ tới người hư mất, thì nó không thể tương đồng với Ma-thi-ơ 25, bởi trong Ma-thi-ơ 25, các con chiên là người được cứu, và các con dê là người chưa được cứu, cả hai nhóm đều bị xét xử cùng nhau.

} “**Đấng ngồi trên ngai**” Câu này cũng liên tưởng tới Đa-ni-ên 7:9. Trong Tân Ước, Đức Chúa Trời giao Đấng Christ làm Thẩm Phán, (xem Giăng 5:22,27; 9:39; Công Vụ 10:42; 17:31; II Cô-rin-tô 5:10; II Ti-mô-thê 4:1 and I Phi-ê-rơ 4:5). Tuy nhiên, trong một số câu, Chúa Giê-su nói Ngài không đến để phán xét, (xem Giăng 3:17-21; 12:47-48, nhưng để cứu chuộc. (Thực ra, loài người bởi không tin và tiếp nhận Đấng Christ tự chuốc án phạt trên mình). Vậy Ai là Đấng ngồi trên ngai? Phải chăng là Chúa Giê-su? Có thể lắm, bởi vì có các dẫn chứng Ma-thi-ơ 25:31-46, đặc biệt Giăng 5:22 và II Cô-rin-tô 5:10. Tuy nhiên, hầu hết trong Tân Ước, đặc biệt trong Khải Huyền, Đức Chúa Trời lại là Đấng ngồi trên ngai: (xem Rô-ma 14:10; Khải Huyền 5:1,7,13; 6:16; 7:10,15; 19:4 and 21:5).

} “**Trước mặt Ngài đất trời đều trốn hết**” Nhiều người coi đây là sự loại bỏ điều nguyên rủa trên Tạo Hóa sau khi A-đam và Ê-va phạm tội (xem Sáng Thế 3:17-19 and Rô-ma 8:19-22). Những người khác coi đây là sự hủy diệt trời đất, hay toàn bộ trật tự thuộc thể được miêu tả trong II Phi-ê-rơ 3:10,12 (xem Công Vụ 3:21; Rô-ma 8:21).

Đây là ngôn ngữ Cựu Ước, ám chỉ: (1) Sự thăm viếng Tạo Hóa của Đức Chúa Trời, xem Thi Thiên 114:3-6; Ê-sai 13:10; 24:19-20,23; Giô-ên 2:10,30-31; 3:15; Xa-cha-ri 14:6) hoặc (2) Đức Chúa Trời không còn cần đến hai chứng nhân đời đời, xem Dân Số 35:30; Phục Truyền 17:6; 19:15.

Thiên đàng trong ngữ cảnh ở đây không ám chỉ nơi Đức Chúa Trời ngự trị, nhưng ám chỉ bầu khí quyền bên trên trái đất.

**20:12 “Tôi thấy những người chết, cả lớn lẫn nhỏ, đều đứng trước ngai”** Ai đang đứng đây là điều khó hiểu, tùy theo tiền định của người giải kinh, (trung tự với cách nhìn vào hầu hết các khái tượng của sách này)

Cụm từ “lớn và nhỏ” có thể ám chỉ (1) tín đồ, (xem Thi Thiên 115:13; Khải Huyền 11:18; 19:5) hoặc (2)

người không tin, (xem 13:16; 19:18). Nếu vậy, “lớn và nhỏ” tương đồng với “chiên và dê” trong Ma-thi-ơ 25:31-46, hoặc “mọi đầu gối ở trên trời, dưới đất và bên dưới đất” trong Phi-líp 2:10-11.

} **“các sách được mở ra”** Giống như Đa-ni-ên 7:10. Có hai cuốn sách: Sách Công Việc và Sách Sự Sống, (xem 3:5; and 13:8). Sách Sự Sống được miêu tả trong Xuất Hành 32:32-33; Thi Thiên 69:28; Ê-sai 4:3; Đa-ni-ên 12:1; Lu-ca 10:20; Phi-líp 4:3; Hê-bơ-rơ 12:23; Khải Huyền 3:5; 13:8; 17:8; 20:15; 21:27. Còn Sách Công Việc được nhắc đến trong Thi Thiên 56:8; 139:16; Ê-sai 65:6; Ma-la-chi 3:16 and Khải Huyền 20:12-13. Đây là ầu dụ về trí nhớ của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời sẽ phán xử công bình đối với nhân loại. Con người phải chịu trách nhiệm về hành động và ý định của họ và họ sẽ phải tường trình trước Ngài, (xem Ga-la-ti 6:7). Chỉ có một sự phán xét cho nhân loại.

} **“Những người chết bị phán xét tùy theo công việc họ làm, căn cứ trên những điều đã ghi trong các sách ấy”** Sự phán xét dựa trên lựa chọn về nếp sống cá nhân, (xem Ma-thi-ơ 25:31-46). Chúng ta gặt những gì chúng ta tự gieo (xem Ga-la-ti 6:7). Về mặt thần học, tất cả mọi người đều bị phán xét được thấy trong Giê-rê-mi 17:10; Ma-thi-ơ 16:27; II Cô-rin-tô 5:10; Khải Huyền 2:23; 20:13, xem thêm ghi chú ở câu 2:23.

**20:13 “Biển giao lại những người chết mình chứa; Sự chết và Âm phủ cũng giao lại những người chết mình giữ.”** Điều này không có nghĩa người chết được giữ ở ba nơi khác nhau, nhưng là ẩn dụ ám chỉ tất cả mọi người đều đứng trước Đức Chúa Trời (xem Phi-líp 2:10-11).

**20:14 “Rời Sự chết và Âm phủ bị ném xuống hồ lửa”** Sự chết và Âm phủ đã được bàn ở câu 6:8. Sự chết là tử thù của nhân loại (xem Hê-bơ-rơ 2:14-15), cuối cùng sẽ bị đánh bại và loại bỏ, (xem I Cô-rin-tô 15:26,54-55; II Ti-mô-thê 1:10; Khải Huyền 1:18; 21:4).

} **“Hồ lửa là sự chết thứ hai”** Kinh Thánh nói về ba giai đoạn của sự chết

1. Chết thuộc linh xem Sáng Thế 3; Ê-sai 59:2; Rô-ma 5:12-21; 7:10-11; Ê-phê-sô 2:1,5; Cô-lô-sê 2:13; Gia-cơ 1:15
2. Chết thuộc thể, xem Sáng Thế 5
3. Chết vĩnh viễn, còn gọi là “chết lần thứ hai” trong Khải Huyền 2:11; 20:6,14; 21:8, hay “địa ngục”

**“Người nào không được ghi tên”** Thể điều kiện hạng nhất, có nghĩa không gì nghi ngờ việc có những người có tinh từ chối Đấng Christ và không có tên trong Cuốn Sách Sự Sống (theo ẩn dụ)

} **“sách sự sống”** xem ghi chú ở câu 13:8.

## CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát

1. Vì sao có nhiều nhà giải kinh đáng kính bất đồng với nhau trong chương này?
2. Vì sao có người giải kinh Khải huyền theo nghĩa đen trong khi nó được viết trong thể loại biểu tượng?
3. Vì sao Sa-tan bị trói buộc một thời gian và các dân tộc đến từ đâu trong câu 3 và 8?
4. Có bao nhiêu nhóm người trong câu 4 và vì sao đây là điều quan trọng?
5. Vì sao sự sống lại hai lần là điều ngạc nhiên trong chương này?
6. Làm sao các thánh đồ đã phục sinh có thể sống chung với các dân tộc trong Thiên-Hỷ-Niên?
7. Ai có mặt trong cuộc phán xét trước Ngài Trắng trong các câu 11-15?

**KHÁI HUYỀN 21-22**

**CÁCH PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI**

<b>UBS<sup>4</sup></b>	<b>NKJV</b>	<b>NRSV</b>	<b>TEV</b>	<b>NJB</b>
Trời mới Đất mới	Mọi thứ được làm mới	Khái tượng Giê-ru-sa-lem mới. (21:1-22:5)	Trời mới Đất mới	Giê-ru-sa-lem thiên thượng
21:1-4	21:1-8	21:1-4	21:1-4	21:1-4
21:5-8		21:5-8	21:5-8	21:5-8
Giê-ru-sa-lem mới.	Giê-ru-sa-lem mới.	Đo Thành Mới	Giê-ru-sa-lem mới.	Giê-ru-sa-lem thuộc Đấng Mê-si-a
21:9-14	21:9-21	21:9-14	21:9-21	21:9-14
21:15-21	Vinh quang của Giê-ru-sa-lem mới.	21:15-21 Dòng Sông và Cây Sự Sống		21:15-22:2
21:22-22:5	21:22	21:22-22:5	21:22-22:3a	
	Dòng Sông Sự Sống 22:1-5		22:3b-5	22:3-5
Christ Tái Lâm	Thời điểm đã gần	Phần Kết	Chúa Giê-su đến	
22:6-7	22:6-11	22:6 22:7	22:6 22:7	22:6-7
22:8-11	Giê-su làm chứng cho Hội Thánh	22:8-9 22:10-11	22:8-11	22:8-9 22:10-15
22:12-13	22:12-17	22:12-13	22:12-13	
22:14-15		22:14-15	22:14-15	Epilogue
22:16-17		22:16-17	22:16 22:17a 22:17b 22:17c	22:16 22:17
22:18-19	Cánh báo 22:18-19	22:18-19	Phần Kết 22:18-19	22:18-19
22:20	Ta đến mau chóng 22:20-21	22:20 22:20b	22:20 22:20b	22:20 22:20b
22:21		22:21	22:21	22:21

## **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)**

### *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN*

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

Phân đoạn 1  
Phân đoạn 2  
Phân đoạn 3  
Vân vân...

## **KIẾN GIẢI THEO NGŨ CẢNH**

- A. Khải Huyền 20-22 là đơn vị văn chương thứ 7, được chia làm hai phần: (1) chương 20-22: 5 kết thúc công việc của Đức Chúa Trời trong lịch sử, và bắt đầu cõi đời đời, (xem Đa-ni-ên 7:13-14,27; I Cô-rin-tô 15:27-28; (2) chương 22 kết thúc toàn bộ cuốn sách.
- B. Hầu hết các chi tiết của hai chương này có nguồn từ (1) Sáng Thế 1-3; (2) Thi Thiên 110; hoặc (3) văn chương khải thị giữa hai giao ước của người Do-thái.
- C. Có nhiều cuộc tranh luận về các chi tiết bất thường như:
1. “các dân tộc” – 21:14; 22:2
  2. “các vua trên đất” – 21:24,26
  3. “những người ô uế ngoài thành” – 21:27; 22:15
- Sau đây là vài cách giải thích những sự bất thường này:
1. Giảng liên tưởng các tiên tri Cựu Ước. Giống như nghiên cứu chuyện ngụ ngôn trong Phúc Âm, người đọc cần tìm ra chủ đề chính, thay vì soi xét các chi tiết theo nghĩa đen.
  2. Mục đích của Giảng trình bày chung kết khác biệt tối hậu giữa tín đồ và người không tin.
  3. “Các dân tộc” được nhắc đến trong phần đoạn này ám chỉ dân của Đức Chúa Trời, theo nghĩa sắc dân, ngôn ngữ giống như trong các câu: 5:9; 7:9; 21:14 và 22:5.
  4. Một số người nghĩ rằng: người gốc Do-thái ở trong thành và người gốc ngoại bang ở ngoài thành. Tuy nhiên điều này trái với tinh thần của Ga-la-ti 3:29 và Ê-phê-sô 2:11-3:13, nên không thể chấp nhận nó là cách giải thích thần học đúng đắn.
  5. Tôi nghĩ đây là hình thức “Tóm Lược Sự Kiện” giữa chương 17-19 và 20-22. Nó giải thích chủ đề tái hiện trong suốt cả phần đoạn.
- D. Chu kỳ của con số bảy được thấy thêm một lần nữa: Bảy thứ sẽ không còn:
1. Biển – 21:1
  2. Sự Chết – 21:4
  3. Ca than – 21:4
  4. Khóc – 21:4
  5. Đau đớn – 21:4



6. Đêm – 21:25
7. Rửa sã – 22:3

E. Sự phán xét liên hệ tới Tái Lâm của Đấng Christ được miêu tả qua ba biểu tượng: ấn, kèn, chén. Cũng vậy, thiên đàng cũng được miêu tả qua ba ấn dụ từ Cựu Ước:

1. Lều Tạm, 21:1-8
2. Thành Giê-ru-sa-lem mới, 21:9-26
3. Vườn Địa Đàng Ê-đen, 22:1-5

Phản kết cũng giống như phần mở đầu (1:1-8), nhấn mạnh:

1. Sự Tái Lâm cấp bách của Đấng Christ.
2. Sự thành tín của Lời Đức Chúa Trời.
3. Sự thánh khiết cần có của các tín đồ.

## NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 21:1-4**

<sup>1</sup>Khi ấy tôi thấy trời mới đất mới; vì trời thứ nhất và đất thứ nhất đã qua đi, và biển cũng không còn nữa. <sup>2</sup>Tôi cũng thấy thành thánh, là Giê-ru-sa-lem mới, từ nơi Đức Chúa Trời ở trên trời xuống, chuẩn bị sẵn như cô dâu trang điểm chờ chồng mình. <sup>3</sup>Tôi nghe một tiếng lớn từ ngai nói rằng: “Kìa, đền tạm của Đức Chúa Trời ở với loài người! Ngài sẽ ở với họ và họ sẽ làm dân Ngài; chính Đức Chúa Trời sẽ ở với họ. <sup>4</sup>Ngài sẽ lau ráo nước mắt trên mắt họ. Sẽ không có sự chết, cũng không có tang chế, than khóc, hoặc đau đớn nữa; vì những sự thứ nhất đã qua rồi.”

**21:1 “Khi ấy tôi thấy”** Ở đây có một khoảng thời gian, khoảng ấy kéo dài bao nhiêu tùy theo quan điểm của độc giả về “Thiên-Hỳ-Niên (Ngàn Năm)” trong chương 20

} **“trời mới đất mới”** - thuật ngữ Hy-lạp “mới” *kainos*, nhấn mạnh về phẩm chất, chứ không về thời gian, (xem 2:17; 3:12; 5:9; 14:3; 21:1,2,5). Đây là chủ đề từ Cựu Ước, nói đến sự tái tạo Trái Đất (xem Ê-sai 11:6-9; 65:17; 66:22; Rô-ma 8:18-25; II Phi-ê-rơ 3:10,12) Tất cả tín đồ đều là công dân Vương Quốc mới (xem Phi-líp 3:20; Ê-phê-sô 2:19; Hê-bơ-rơ 12:23) và quản gia Tạo Hóa mới (xem II Cô-rin-tô 5:17; Ga-la-ti 6:15; Ê-phê-sô 4:24). Khái niệm thần học “trời mới đất mới” đồng nghĩa là “một thành phố mới của Đức Chúa Trời” không được dựng nên bởi bàn tay con người, Hê-bơ-rơ 11:10,16; 12:22; 13:14.

Tạo Hóa mới cũng giống như Tạo Hóa ban đầu, thiên đàng có thể là vườn Ê-đen được phục hồi, Đức Chúa Trời, con người, loài vật và tất cả cõi thiên nhiên sẽ vui hưởng sự tương giao ngọt ngào. Kinh Thánh bắt đầu bằng hình ảnh Đức Chúa Trời, nhân loại và muôn thú thông công trong vườn Địa Đàng, (xem Sáng Thế 1-2). Kinh Thánh cũng kết thúc trong bối cảnh khu vườn với hình ảnh Đức Chúa Trời và con người (trong Khải Huyền 21-22) và loài vật (trong Ê-sai 11:6-8; 65:25 một cách gián tiếp). Tín đồ không lên Thiên Đàng, nhưng thành Giê-ru-sa-lem mới giáng xuống trên Trái Đất (xem Khải Huyền 21:2 mới được tái dựng và thanh tẩy. Đức Chúa Trời và con người lại bắt đầu trong sự hiệp một, (xem Sáng Thế 3:15; Ê-sai 7:14; 8:8,10; Khải Huyền 21:3).

} **“trời thứ nhất và đất thứ nhất đã qua đi,”** Các câu Công Vụ 3:21; Rô-ma 8:21; Cô-lô-sê 1:20 cũng xác nhận sự Tái Tạo thiên nhiên, không còn bị ảnh hưởng bởi tội lỗi, (xem II Phi-ê-rơ 3:10-12; Khải Huyền 20:11 và ngụ ý kinh II Baruch 37:6; ).

} **“biển cũng không còn nữa.”** sau đây là một số lời giải thích (xem ghi chú câu 4:6):

1. Bởi biển có thể là ẩn dụ về sự tách biệt giữa Đức Chúa Trời thánh khiết và nhân loại tội lỗi, (xem Khải Huyền 4:6), nhiều người thấy việc không còn biển như một sự minh họa mỗi thông công tuyệt

- hảo giữa Chúa và con người trong cõi đời đời.
2. Bởi Khải Huyền 13 nói về Con thú từ biển, ám chỉ biển là những người độc ác (theo liên tưởng tới Ê-sai 57:20) Vậy không còn biển tức là không còn điều ác nữa.
  3. bởi Khải Huyền 17:15 là trích dẫn từ Ê-sai 17:12-13, trong đó nước tượng trưng cho người. Vậy biển ở đây chắc là các dân tộc thù nghịch, giống như trong Thi Thiên 2.  
Tôi thấy cách giải thích thứ nhất thích hợp hơn cả.

**21:2 “Tôi cũng thấy thành thánh”** Giê-ru-sa-lem ở xứ Pa-lê-stin được gọi là “thành thánh” trong Ê-sai 52:1 (xem Ê-sai 48:2; 64:10; Đa-ni-ên 9:24; Nê-hê-mi 11:1). Giê-ru-sa-lem mới được nhắc tới lần đầu trong Khải Huyền 3:12 và gợi ý tới Hê-bơ-rơ 11:10; 12:22; và 13:14. Chúng ta thấy Giăng sử dụng nhiều tiên tri, thuật ngữ, danh hiệu và lời hứa từ Cựu Ước, thích nghi và ứng dụng chúng cho dân mới của Đức Chúa Trời. Thành mới không phải là Giê-ru-sa-lem cũ ở xứ Pa-lê-stin, nhưng Giê-ru-sa-lem mới từ Thiên Đàng

} **“ở trên trời xuống”** Đường như có hai sự “xuống” câu 2 và 10, tuy nhiên cả hai là một. Ngôn ngữ khai thị đòi hỏi sự uyển chuyển, chúng ta không nên cứng nhắc theo bố cục trình tự thời gian, có lô-gíc và theo nghĩa đen.

} **“chuẩn bị sẵn như cô dâu trang điểm chờ chồng mình”** Câu này liên tưởng tới Ê-sai 61:10 (xem 19:7). Trong ba chương cuối cùng có ba ẩn dụ về dân của Đức Chúa Trời: (1) cô dâu (xem 19:7; 21:2); (2) khách tiệc cưới (xem 19:9) và (3) thành phố (xem 21:22,9; 22:2).

Ẩn dụ Cựu Ước, (đặc biệt xem Ô-sê 1-3), về Đấng Mê-si-a và I-sơ-ra-en trong vai trò chồng và vợ là bối cảnh cho Hội Thánh là cô dâu của Đấng Christ, (xem Ê-phê-sô 5:21-31).

**21:3 “Kìa, đền tạm của Đức Chúa Trời ở với loài người!”** Câu văn tiếng Hy-lạp này nhắc lại lời hứa Cựu Ước về việc Đức Chúa Trời ngự với con người:

1. qua hình ảnh Lều Tạm, là biểu tượng sự hiện diện của Đức Giê-hô-va.
2. Danh hiệu I-ma-nu-ên có nghĩa “Đức Chúa Trời ở cùng” trong Ê-sai 7:14 (xem Giăng 1:14)
3. “Họ là dân của Ngài” ám chỉ I-sơ-ra-en theo Giao ước, nhưng mở rộng ra: tất cả mọi tín đồ (xem Giăng 10:16) đều là dân tuyển chọn của Đức Chúa Trời, (xem Lê-vi 26:11-12; Ê-xê-chiên 37:23,27).

**21:4 “Ngài sẽ lau ráo nước mắt trên mắt họ”** câu này phản chiếu Ê-sai 25:8 (xem Ma-thi-ơ 5:4; 7:17). Tân Kỳ Nguyên sẽ đầy sự trọn lành, niềm vui, bình an và lời ngợi ca.

} **“Sẽ không có sự chết”** - Kẻ thù cuối cùng của tín đồ sẽ bị hủy diệt (xem Khải Huyền 20:14, I Cô-rin-tô 15:26). Tín đồ sẽ có thân thể mới như thân thể Đấng Christ phục sinh, (xem I Cô-rin-tô 15:50-57; II Cô-rin-tô 3:18; I Tê-sa-lô-ni-ca 4:15-16; I Giăng 3:2).

} **“cũng không có tang chế, than khóc, hoặc đau đớn nữa;”** – đây là sự liên tưởng tới Ê-sai 65:19 đồng thời phản chiếu Ê-sai 35:10.

} **“vì những sự thứ nhất đã qua rồi.”** - Trật tự mới sẽ không còn bị ảnh hưởng của tội lỗi nữa, (xem Hê-bơ-rơ 12:27-28) như tạo hóa từ thửa ban đầu, (xem Sáng Thế 3; 6:5,1-12,13).

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 21:5-8**

<sup>5</sup>Đấng ngồi trên ngai phán: “Này, Ta sẽ làm mới lại tất cả muôn vật.” Ngài lại phán: “Hãy viết đi, vì những

**lời này là đáng tin cậy và chân thật.”<sup>6</sup>Rồi Ngài phán với tôi: “Xong rồi! Ta là An-pha và Ô-mê-ga, là Khởi Nguyên và Tận Cùng. Người nào khát, Ta sẽ cho uống nước miễn phí từ nguồn nước sự sống.<sup>7</sup>Người nào thắng sẽ nhận được những điều này làm cơ nghiệp; Ta sẽ làm Đức Chúa Trời người, và người sẽ làm con Ta.<sup>8</sup>Còn những kẻ hèn nhát, kẻ chẳng tin, kẻ đáng ghê tởm, kẻ giết người, kẻ gian dâm, kẻ hành nghề ma thuật, kẻ thờ thần tượng, và tất cả những kẻ nói dối, thì phần của chúng là hồ lửa lưu huỳnh đang bùng cháy. Đó là sự chết thứ hai.”**

**21:5 “Đáng ngồi trên ngai phán:”** Đức Chúa Trời phán vài lần trong Khải Huyền (xem 1:8 và có thể 16:1,17). Đây có thể là điều khó hiểu có dụng ý về việc “Ai” ngồi trên ngai: Đức Giê-hô-va hay Đấng Mê-si-a (xem 22:3), xem ghi chú nhiều hơn ở câu 20:11. Tạo Hóa ban đầu có được bởi lời phán (Đức Chúa Cha phán qua Đức Chúa Con) (xem Sáng Thế 1:3,6,9,14,20,24; Thi Thiên 33:6,9), cũng vậy đối với sự Tái Tạo.

} **“Này, Ta sẽ làm mới lại tất cả muôn vật.”** Lời hứa được chép trong Ê-sai 60-66, ám chỉ Kỷ Nguyên Đức Thánh Linh, Kỷ Nguyên Đấng Mê-si-a, Kỷ Nguyên Công Bình, kỷ nguyên mà Chúa Giê-su đã khai trương ở thời điểm Giáng Sinh và đưa đến cực đỉnh ở sự Tái Lâm. Hình ảnh “làm mới lại” là ẩn dụ cho câu “ý Chúa được nên...” (xem 1:19; 14:13; 17:17; 19:9).

} **“những lời này là đáng tin cậy và chân thật.”** Đáng tin cậy và chân thật là cụm từ ám chỉ (1) Chúa Giê-su, xem 1:5; 3:7,14; 19:11; (2) tín đồ, xem 17:14; và (3) Lời Đức Chúa Trời, xem 19:9; 21:5; 22:6. Thường thường Đức Chúa Trời cũng được miêu tả “công chính và chân thật”, (xem 15:3; 16:7; 19:2). Ý tưởng Hê-bơ-rơ đằng sau câu văn Hy-lạp ám chỉ “sự đáng tin cậy” của Đức Chúa Trời.

**21:6 “Xong rồi”** - Động từ chỉ định, chủ động thì hoàn thành, liên hệ tới lời hứa chắc chắn về con thịnh nộ của Đức Chúa Trời trên những người không tin, về sự giải cứu đối với con dân Ngài, (xem 6:11; 10:7; 16:17), và về sự chung kết mau chóng, (xem 1:1,3; 3:11; 10:6; 12:12; 22:7,10).

} **“Ta là An-pha và Ô-mê-ga, là Khởi Nguyên và Tận Cùng”** Danh hiệu của Đức Chúa Trời trong Ê-sai 44:6 và Khải Huyền 1:8. Điều đặc biệt nhất là danh hiệu này cũng được sử dụng cho Đấng Mê-si-a trong Khải Huyền 1:17 và 22:13. Đây lại thêm một ví dụ về việc các tác giả Tân Ước thích nghi danh hiệu Cựu Ước của Đức Chúa Trời cho Đức Chúa Con.

Còn có một vài câu khác miêu tả tính đời đời độ đo của Đức Chúa Trời:

1. “Đầu Tiên và Cuối Cùng,” xem Ê-sai 41:4; 44:6; 48:12; Khải Huyền 1:17; 2:8; 22:13
2. “Khởi Nguyên và Tận Cùng” xem 21:6; 22:13; and KJV 1:8
3. “Đấng Đã Có, Đang có và Đang Đến” xem 1:4,8; 4:8

Tất cả các danh hiệu này đều có nguồn gốc từ động từ xác định bản thể: “Ta Là” trong tiếng Hê-bơ-rơ, (xem Xuất Hành 3:14; Ê-sai 43:10,13; 46:41; Thi Thiên 90:2; 93:2).

} **“Người nào khát, Ta sẽ cho uống nước miễn phí từ nguồn nước sự sống”** Câu này liên tưởng tới Ê-sai 55. Lời mời gọi hoàn toàn miễn phí cho tất cả mọi người đến nhận sự tha thứ tội lỗi, (xem Rô-ma 3:24; 6:23; Ê-phê-sô 2:8). Sự cứu rỗi luôn nằm trong vị trí trọng tâm trái tim và trí óc của Đức Chúa Trời, (xem 9:20-21; 14:6-7; 16:9,11; 22:17).

Trong Cựu Ước, nguồn nước sống liên hệ tới việc Đức Chúa Trời cung ứng mọi nhu cầu thuộc linh cho nhân loại, (xem Thi Thiên 36:9; Ê-sai 12:3; 44:3; 49:10; Giê-rê-mi 2:13; 17:13; và thêm Giăng 4:10).

**21:7 “Người nào thắng”** Động tính từ chủ động thì hiện tại nhấn mạnh sự bền đỗ trong bối cảnh bị bắt bớ, hoạn nạn. Câu này được nhắc đi nhắc lại trong 7 bức thư gửi các Hội Thánh (xem 2:7,11,17,26; 3:3,5,12,21) là cách liên hệ phần mở đầu và phần kết luận của Khải Huyền. xem Chủ Đề Đặc Biệt: Bền đỗ ở câu 2:2

} **“sẽ nhận được những điều này làm cơ nghiệp”** Phần thưởng về cơ nghiệp trong câu 7 (xem I Phi-ê-rơ 1:4,5;

Rô-ma 8:17) và sự cảnh báo trong câu 8 là bối cảnh cho khả năng bội đạo trong thời kỳ bị bắt bớ. Sự miêu tả bội đạo khá tương đồng trong I Cô-rin-tô 6:9-10.

} **“Ta sẽ làm Đức Chúa Trời người, và người sẽ làm con Ta.”** Câu này, cũng như câu 3, khá quen thuộc từ Cựu Ước, (xem Xuất Hành 6:7; 29:45,46; Lê-vi 26:11-12; II Sa-mu-ên 7:14; Thi Thiên 89:26-27; Giê-rê-mi 7:23; 11:4; 30:22; 33:38; Ê-xê-chiên 11:20; 14:11; 34:30; 36:28; Ô-sê 2:23; Xa-cha-ri 8:8; 13:9) và cũng được sử dụng trong Tân Ước (xem II Cô-rin-tô 6:16,18).

Khái niệm về giao ước hình như là chủ đề hiệp một của Kinh Thánh. Con người bị chia cách khỏi Đức Chúa Trời (xem Ê-sai 53:6; Rô-ma 3:9-18,23). Nhân loại tìm kiếm nhưng không thể vươn tới Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đuổi theo con người. Lời mời hòa giải là giao ước. Đức Chúa Trời khởi xướng, sắp đặt chương trình, (xem Giê-rê-mi 31:3; Giảng 6:44,65), con người phải hưởng ứng theo cách Ngài đòi hỏi. Chi tiết hưởng ứng có thể khác nhau trong từng giai đoạn, (A-đam và Ê-va không được đụng tới trái cấm, Nô-ê đóng tàu, Á-ra-ham tin nhận đất hứa và con trai, Mô-sê nhận luật pháp), nhưng cách hưởng ứng chỉ có một: lòng tin cậy và đức tin vào sự thành tín của Đức Chúa Trời, (xem Rô-ma 4). Cựu Ước có những đòi hỏi, Tân Ước cũng vậy: (xem Mác 1:15; Công Vụ 3:16,19; 20:21). Nhân loại phải trả lời Đức Chúa Trời với quyết định tin nhận ban đầu, và tiếp tục bước đi trong đức tin, sự ăn năn, vâng phục, phục vụ, thờ phượng và sự bền đỗ.

xem Chủ Đề Đặc Biệt: Con của Đức Chúa Trời ở câu 2:18

**21:8 Còn những kẻ hèn nhát, kẻ chẳng tin, kẻ đáng ghê tởm, kẻ giết người, kẻ gian dâm, kẻ hành nghề ma thuật, kẻ thờ thần tượng, và tất cả những kẻ nói dối.** Có sự bất thường khi còn thấy danh mục các tội lỗi ở đây sau sự phán xét đã xảy ra và điều ác đã bị loại bỏ khi Chúa Giê-su Tái Lâm 19:5-21 và sau tòa án trước Ngai Trắng (20:11-15). Ở đây không nói tới việc một số tín đồ có phạm tội hay không, nhưng rõ ràng nếp sống của họ không được đặc trưng bởi những tội lỗi này, (xem I Giảng 3:6,9). Dường như câu này miêu tả sự khác biệt đời đời giữa người được cứu và người không tin. Hoặc đây là một công cụ văn chương: nhắc lại với mục đích nhấn mạnh, thường thấy trong các kịch bản khai thị,

} **hồ lửa lưu huỳnh đang bùng cháy. Đó là sự chết thứ hai.** Rõ ràng hồ lửa đồng nghĩa với sự chết lần thứ hai, hay khái niệm Địa Ngục mà Chúa Giê-su gọi là *Gehenna* (một thuật ngữ Hy-lạp không thấy dùng trong Khải Huyền). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: “người chết ở đâu”, câu Khải Huyền 1:18

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 21:9-14**

<sup>9</sup>Một trong bảy thiên sứ đã cầm bảy bát đựng đầy bảy tai họa cuối cùng đến nói với tôi rằng: “Hãy đến, ta sẽ chỉ cho ngươi thấy Cô Đâu là Vợ của Chiên Con.” <sup>10</sup>Tôi được Thánh Linh cảm hóa và thiên sứ đưa tôi đến một ngọn núi lớn rất cao, và chỉ cho tôi thấy thành thánh là Giê-ru-sa-lem từ nơi Đức Chúa Trời ở trên trời xuống, <sup>11</sup>chói sáng vinh quang của Đức Chúa Trời; sự chói sáng của thành giống như một viên ngọc quý, như bích ngọc trong suốt. <sup>12</sup>Thành có tường lớn và cao với mười hai cửa. Tại các cửa có mười hai thiên sứ, và trên các cửa có viết tên mười hai bộ tộc của dân Y-sơ-ra-ên. <sup>13</sup>Phía đông của thành có ba cửa, phía bắc có ba cửa, phía nam có ba cửa, phía tây có ba cửa. <sup>14</sup>Tường thành có mười hai nền, trên đó có mười hai tên là tên mười hai sứ đồ của Chiên Con

**21:9 “Một trong bảy thiên sứ”** . Câu này xuất hiện trong các câu trước như Khải Huyền 15:1,6 -8; 16:1 và 17:1 nói về thiên sứ đổ chén ra. Theo truyền thống các thầy Ra-bi Do-thái giáo, đây là bảy thiên sứ trước mặt Đức Chúa Trời . Mỗi thiên sứ chịu trách nhiệm giáng xuống một tai họa.

**21:10 “Tôi được Thánh Linh cảm hóa và thiên sứ đưa tôi đến”** “Thánh Linh cảm hóa” là cách nói đặc biệt trong Khải Huyền, ám chỉ một khởi đầu của một khái tượng khác (xem 1:10; 4:2; 17:3; 21:10).

} **“một ngọn núi lớn rất cao,”** Nhiều người tin rằng ‘núi cao’ là sự đối nghịch với đồng bằng mà Đại Kỹ Nữ ngồi trên Con Thú. Tuy nhiên, bởi Giảng dùng nhiều liên tưởng từ Cựu Ước, ông có thể ám chỉ một ngọn núi phương bắc bí ẩn, nơi Đức Chúa Trời ngự trị, (xem Ê-xê-chiên 40:2; Ê-sai 2:2; 14:13; Mi-chê 4:1; I Enoch 18:8; 25:3).

Núi cao cũng gợi ý tới sự cảm dỗ của Sa-tan đối với Chúa Giê-su trong Ma-thi-ơ 4:8.

} **“chỉ cho tôi thấy thành thánh là Giê-ru-sa-lem từ nơi Đức Chúa Trời ở trên trời xuống”** Giê-ru-sa-lem từ trời, ẩn dụ về sự hiện diện của Đức Chúa Trời, (xem câu 2). Giê-ru-sa-lem trần thế đầy tội lỗi đã được bàn tới trong câu 11:1-13. Đây là thủ đô của vua Đa-vít theo biểu tượng mở rộng (xem Giảng 14:2-3).

**21:11 “chói sáng vinh quang của Đức Chúa Trời; sự chói sáng của thành giống như một viên ngọc quý, như bích ngọc trong suốt.”** Thành phố (xem các câu 11-27) được miêu tả như một điều gì hết sức đẹp đẽ, cả về hình thể lẫn đức hạnh. Cũng như cả Khải Huyền, chương này mang tính chất biểu tượng. trí óc giới hạn và ô nhiễm tội lỗi không thể hiểu được niềm vui tối hậu và vinh hiển của sự hiện diện Ba Ngôi, (xem I Cô-rin-tô 2:9). Đồ trang sức và thành phố theo nghĩa đen, cũng có thể là ẩn dụ tốt, nhưng không thể là thực tại tối hậu. Thiên Đàng vừa là Nhân Vật (Chúa Giê-su), vừa là Thờ Phụng (mối thông công với Ba Ngôi Đức Chúa Trời)

**21:12 “mười hai cửa. Tại các cửa có mười hai thiên sứ,”** Đây là sự liên tưởng tới Ê-xê-chiên 48:31-34. Số ‘mười hai’ được lặp lại nhiều lần trong chương 21 và vài lần trong chương 22. Đây là con số biểu tượng cho tổ chức (12 tháng, 12 bộ tộc, 12 sứ đồ) hoặc biểu tượng cho dân của Chúa, xem Chủ Đề Đặc Biệt ‘Con số mười hai’ ở câu 7:4.

} **“trên các cửa có viết tên mười hai bộ tộc của dân Y-sơ-ra-ên”** Danh sách tên các bộ tộc I-sơ-ra-ên bị thay đổi chút ít để nhấn mạnh tính biểu tượng, xem ghi chú ở câu 7:5-8. Chúng ta thấy một điều rất quan trọng là dân tuyển Cựu Ước được miêu tả là những cổng (câu 12), hiệp một với dân thánh Tân Ước là nền móng thành phố (câu 14). Cả hai nhóm đều là dân của Đức Chúa Trời, nhưng huyền bí này không được bày tỏ cho đến kỳ Phúc Âm, (xem Ê-phê-sô 2:11-3:13).

**21:14 “Tuờng thành có mười hai nền, trên đó có mười hai tên là tên mười hai sứ đồ của Chiên Con.”** tất cả các ẩn dụ ở đây đều xuất xứ từ Đền Thánh Tân thế (xem Ê-xê-chiên 40-48).

Nhiều nhà giải kinh cho rằng tác giả Khải Huyền không phải là sứ đồ Giảng bởi câu này. Tuy nhiên Phao-lô cũng viết về khái niệm tương tự trong Ê-phê-sô 2:20.

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 21:15-21**

<sup>15</sup>Thiên sứ đang nói với tôi có cây thước là một cây gậy bằng vàng để đo thành, các cửa và tuờng thành. <sup>16</sup>Thành hình vuông, chiều dài và chiều rộng bằng nhau. Thiên sứ đo thành bằng cây gậy và đo được hai nghìn bốn trăm cây số; chiều dài, chiều rộng và chiều cao đều bằng nhau. <sup>17</sup>Thiên sứ cũng đo tuờng thành, được sáu mươi lăm mét, theo thước đo của loài người, cũng là thước đo của thiên sứ. <sup>18</sup>Tuờng thành xây bằng bích ngọc, còn thành thì bằng vàng ròng trong như thủy tinh. <sup>19</sup>Các nền của tuờng thành được trang trí bằng mọi loại đá quý. Nền thứ nhất bằng bích ngọc, nền thứ nhì bằng ngọc lam bửu, nền thứ ba bằng ngọc mã não, nền thứ tư bằng ngọc lục cầm, <sup>20</sup>nền thứ năm bằng hồng mã não, nền thứ sáu bằng hoàng ngọc, nền thứ bảy bằng ngọc hoàng bích, nền thứ tám bằng ngọc thủy thương, nền thứ chín bằng ngọc hồng bích, nền thứ mười bằng ngọc phỉ tủy, nền thứ mười một bằng ngọc hồng bửu, và nền thứ mười hai bằng ngọc tử bửu. <sup>21</sup>Mười hai cửa làm bằng mười hai viên ngọc trai, mỗi cửa là một viên ngọc nguyên khối. Đường trong thành bằng vàng ròng trong như thủy tinh.

**21:15 “Thiên sứ đang nói với tôi có cây thước là một cây gậy bằng vàng để đo thành,”** ‘Đo thành’ là ẩn dụ nói về sự bảo vệ và quan tâm của Đức Chúa Trời, (xem 11:1-2; Giê-rê-mi 31:38-40; Xa-cha-ri 2:1-5). Lời tiên tri tận thế trong Ê-xê-chiên 40 cũng nhắc đến việc ‘đo thành’.

**21:16 “Thành hình vuông, chiều dài và chiều rộng bằng nhau.”** Đây có thể gợi ý tới “Chí Thánh” (xem I Các Vua 6:19-20), cũng có hình lập phương tuyệt hảo (mỗi chiều 10 mét)

Lý do sẽ không có Đền Thờ bởi Đức Chúa Trời chính là Đền Thờ, (xem 21:22). Bằng cách này Giảng trình bày các tiên tri Cựu Ước, đặc biệt Ê-xê-chiên 40-48, mang tính biểu tượng và được ứng nghiệm qua nhiều cách

khác nhau.

} **“do được hai nghìn bốn trăm cây số”** Nguyên bản là ‘mười hai ngàn Êch-ta-đơ’ và ‘144 cu-đê’ là các bội số của ‘số mười hai’, chúng không được hiểu theo nghĩa đen nhưng theo nghĩa bóng, ám chỉ Đức Chúa Trời cung cấp một môi trường hoan hỷ vĩnh cửu và mối thông công tuyệt hảo với Ngài (xem Giăng 14:2-3), trong hình lập phương và hình vuông tuyệt hảo”

**21:18-20 “trường thành xây bằng”** Một loạt các bảo ngọc được xác nhận:

1. giống như các bảo ngọc trên Ê-phốt của thầy Thượng Tế, (xem Xuất Hành 28:17-20), nhưng thứ tự và tên gọi của các bảo ngọc có khác một ít. Đây không phải là điều bất thường, bởi cách gọi tên các bảo ngọc thay đổi nhiều thế kỷ và địa dư.
2. giống như thành phố được trang trí Ê-sai 54:11-17
3. giống như sự vinh quang của vua Ti-rơ (hoặc Sa-tan) với y phục phủ đầy đá quý trần thế hay thiên đàng, xem Ê-xê-chiên 28:12-13
4. Giống đá quý theo hoàng đạo, nhưng thứ tự ngược lại (Philo và Josephus)

**21:21 “Mười hai cửa làm bằng mười hai viên ngọc trai, mỗi cửa là một viên ngọc nguyên khối.”** Đây cũng là biểu tượng. Theo truyền thống các thầy Ra-bi, cuốn Talmut “the *Sanhedrin*” 100a, khẳng định rằng công thành thời Tận Thế sẽ được làm bằng tảng đá toàn khối có chiều cao 15 mét.

} **“Đường trong thành bằng vàng ròng trong như thủy tinh”** Chúng ta phải ý thức rằng thành phố của Đức Chúa Trời không phải là sự hào hoa sa xỉ theo tiêu chuẩn con người, nhưng là biểu tượng của sự tinh khiết và giá trị trong nơi Ngài ngự.

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 21:22-27**

**<sup>22</sup>Tôi không thấy đền thờ nào trong thành, vì Chúa là Đức Chúa Trời Toàn Năng và Chiên Con là đền thờ của thành. <sup>23</sup>Thành không cần mặt trời hay mặt trăng chiếu sáng, vì vinh quang của Đức Chúa Trời chiếu sáng thành, và Chiên Con là đèn của thành. <sup>24</sup>Các dân sẽ bước đi nhờ ánh sáng của thành; các vua trên đất sẽ đem vinh quang mình vào đó. <sup>25</sup>Những cửa thành suốt ngày không đóng, vì tại đó không có ban đêm. <sup>26</sup>Người ta sẽ đem vinh quang và sự tôn trọng của các dân vào đó. <sup>27</sup>Tất cả những kẻ ô uế, kẻ làm điều ghê tởm, kẻ nói dối đều không được vào thành, ngoại trừ những người được ghi trong sách sự sống của Chiên Con**

**21:22 “Tôi không thấy đền thờ nào trong thành, vì Chúa là Đức Chúa Trời Toàn Năng và Chiên Con là đền thờ của thành.”** Đây là điều hết sức bất thường bởi trong suốt Khải Huyền chúng ta thấy Đền Thờ Thiên Đàng được miêu tả (xem 3:12; 7:15; 11:1,2,9,19; 14:15,17; 15:5,6,8; 16:1,17). Cũng vậy, Đền Thờ Thiên Đàng được nhắc đến trong Hê-bơ-rơ (xem 8:2-5; 9:11,23-24.)

} **“Chúa là Đức Chúa Trời Toàn Năng”** Danh hiệu ba phần của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước: (Đức Giê-hô-va, *Elohim* và *El Shaddai*) được dùng một cách kết hợp trong các câu 1:8; 4:8; 11:17; 15:3; 16:7; (xem Chủ Đề Đặc Biệt danh hiệu Thánh Thần, ở câu 1:8) với dụng ý trình bày sự oai nghiêm của Đấng ngồi trên ngai. Hãy để ý mối liên hệ mật thiết của Ngài và Chiên Con (Khải Huyền 5). Đức Chúa Trời và Chiên Con cùng trị vì, bởi vì chỉ có một ngai, (xem 22:1,3).

**21:23 “Thành không cần mặt trời hay mặt trăng chiếu sáng, vì vinh quang của Đức Chúa Trời chiếu sáng thành, và Chiên Con là đèn của thành.”** Sự vinh quang của Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con là nguồn ánh sáng cho thành mới (xem Thi Thiên 36:9; Ê-sai 24:23; 60:19-20; Xa-cha-ri 14:6-7 và Khải Huyền 22:5). Đây cũng có thể là cách Giăng nhấn mạnh việc từ chối thờ phượng các tinh tú vũ trụ.

**21:24 “Các dân sẽ bước đi nhờ ánh sáng của thành; các vua trên đất sẽ đem vinh quang mình vào đó.”** Lại

thêm một điều khó hiểu vì sao các dân tộc còn được nhắc tới ở đây, sau sự phán xét trước Ngai Trắng. Cũng có thể đây là sự liên tưởng tới Thi Thiên 72:10-11; Ê-sai 49:23; 60:3,15,16. Nó không được hiểu theo nghĩa đen, nhưng là biểu tượng cho các sắc dân, ngôn ngữ kết hợp lại thành dân thánh của Đức Chúa Trời.

**21:25 “Những cửa thành suốt ngày không đóng, vì tại đó không có ban đêm”** câu này liên tưởng tới Ê-sai 60:11 hoặc Xa-cha-ri 14:6-7. Khái niệm ‘bóng tối’ trong Kinh Thánh là ẩn dụ điều ác, (xem Ma-thi-ơ 6:23; 8:12; 22:13; 25:30). Ánh sáng và bóng tối càng mang nhiều ý nghĩa thần học trong Giảng bởi sự tương phản, (xem Giảng 1:4-5, 7-9; 3:19-21; 8:12; 11:9-10; 12:35-36,46; I Giảng 1:5-7; 2:8-11). Cổng không bao giờ đóng có nghĩa về sự an toàn, không ai còn sợ bị tấn công nữa.

**21:27 “Tất cả những kẻ ô uế, kẻ làm điều ghê tởm, kẻ nói dối đều không được vào thành,”** Đây là sự gọi nhớ tới Ê-sai 52:1; Ê-xê-chiên 44:9; Xa-cha-ri 14:21, dường như là công cụ văn chương nói về sự khác biệt giữa dân thánh và dân ác, (xem câu 24). Kỷ nguyên mới được đặc trưng bởi ánh sáng, sự rộng mở và đầy rẫy công chính. Không còn điều ác và người ác nữa.

} **“ngoại trừ những người được ghi trong sách sự sống của Chiên Con”** – Sách Sự Sống là một trong hai cuốn được nhắc tới trong Khải Huyền 20:12-15:

1. Sách Sự Sống ghi chép tên của con dân Đức Chúa Trời, (xem Xuất Hành 32:32; Thi Thiên 69:28; Ê-sai 4:3; Đa-ni-ên 12:1; Lu-ca 10:20; Phi-líp 4:3; Hê-bơ-rơ 12:23; Rev 13:8; 17:8; 20:15; 21:27)
2. Sách Công Việc, (Sách Ghi Nhớ), ghi chép hành động công nghĩa cũng như độc ác của mọi người, (xem Thi Thiên 56:8, 139:16; Ê-sai 65:6; Ma-la-chi 3:16)

Cả hai sách là ẩn dụ về trí nhớ tuyệt vời của Đức Chúa Trời.

## KHẢI HUYỀN 22

### RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 22:1-5

**<sup>1</sup>Khi ấy thiên sứ chỉ cho tôi thấy sông nước sự sống, trong như pha lê, ra từ ngai Đức Chúa Trời và ngai Chiên Con, <sup>2</sup>chảy qua giữa đường phố của thành. Hai bên bờ sông có cây sự sống ra quả mười hai mùa, mỗi tháng ra quả một lần; và lá cây dùng để chữa lành cho các dân. <sup>3</sup>Sẽ chẳng còn có sự nguyên rửa nữa. Ngai của Đức Chúa Trời và ngai Chiên Con sẽ ở trong thành, và các đầy tớ Ngài sẽ phục vụ Ngài. <sup>4</sup>Họ sẽ được thấy mặt Ngài, và danh Ngài sẽ ở trên trán họ. <sup>5</sup>Đêm sẽ không còn nữa và người ta không còn cần đến ánh sáng đèn hay mặt trời, vì Chúa là Đức Chúa Trời sẽ chiếu sáng họ. Và họ sẽ trị vì đời đời**

**22:1 “Khi ấy thiên sứ chỉ cho tôi thấy sông nước sự sống,”** Không nên đặt sự chia đoạn ở đây (21:27 – 22:1) Khái niệm dòng sông từ Đức Chúa Trời là sự gọi nhớ Cựu Ước (xem Thi Thiên 46:4; Ê-xê-chiên 47:1-12; Giô-ên 3:18; Xa-cha-ri 14:8). Nước là ẩn dụ thường thấy về sự cung ứng các nhu cầu thuộc linh của con dân Chúa, (xem Ê-sai 12:3; 44:3; 49:10; Giê-rê-mi 2:13; 17:13; Giảng 4:10-15; Khải Huyền 7:17; 21:6). Duy nhất chỉ có Giảng sử dụng thuật ngữ “sự sống” (*zo'*) để ám chỉ sự sống phục sinh.

**“trong như pha lê”** miêu tả sự thánh khiết, tinh sạch của thiên thành, nói Đức Chúa Trời ngự, (xem 4:6).

} **“ra từ ngai Đức Chúa Trời và ngai Chiên Con,”** Thực ra chỉ có một ngai, (xem 21:22). Đây là ngôn ngữ “thần linh nhân cách hóa” với hình ảnh cung điện phương đông cổ. Đức Chúa Trời là thần Linh, Ngài không ngồi trên ngai thuộc thể, ngai ở đây ám chỉ thẩm quyền.

**22:2 “Hai bên bờ sông có cây sự sống”** Cũng cây này đã được nhắc tới trong Khải Huyền 2:7 và là điều liên

tưởng tới Ê-xê-chiên 47:1-12 (ở đây câu 12). Có nhiều trích dẫn từ văn chương khai thị của người Do-thái, liên hệ tới cây sự sống trong Sáng Thế 2:9; 3:22 (xem ngụy kinh Enoch 25:2 và các câu sau đó; IV Esdras 7:53; 8:52; II Enoch 8:3). A-đam mất quyền tới cây sự sống (ẩn dụ về sự thông công, kiến thức và sự sống đời đời), nay Đức Chúa Trời ban cho con người được cứu một cách miễn phí (xem Phi-líp 2:6).

} **“ra quả mười hai mùa, mỗi tháng ra quả một lần ”** xem Chủ Đề Đặc Biệt: Con Số Mười Hai, ở câu 7:4.

} **“lá cây dùng để chữa lành cho các dân.”** Đây có sự bất thường bởi đáng ra sẽ không còn gì để chữa. Đây có thể là trích dẫn từ Ê-xê-chiên 47:12; Có thể đây là sự lặp lại chủ đề thần học: Đức Chúa Trời muốn tất cả các dân tộc được cứu, (xem Ê-sai 2:3-4; 45:22-25; 60:3; 66:18-19; Xa-cha-ri 2:11; 8:20-23).

**22:3 “Sẽ chẳng còn có sự nguyên rửa nữa.”** Câu này gợi ý Sáng Thế 3:17 và Xa-cha-ri 14:11. Tân Kỳ Nguyên đã tới, và sự rửa sả từ Cựu Ước (xem Ê-phê-sô 2:15-16; Cô-lô-sê 2:14) đã được loại bỏ, bởi sự chết thể của Đấng Christ, (xem Rô-ma 8:18,25; Ga-la-ti 3:13; Ê-phê-sô 2:13,16). Trong Khải Huyền, biển thủy tinh (Khải Huyền 4:6), biểu tượng cho sự thánh khiết siêu phàm của Đức Chúa Trời, ngăn cách phạm nhân tội lỗi tiếp cận Ngài. Nay biển đã bị loại bỏ, (xem 21:1).

Cũng có thể thuật ngữ “nguyên rửa” trong tiếng Hê-bơ-rơ là *charam*, có nghĩa “hủy diệt”, “hủy diệt hoàn toàn” (xem Xa-cha-ri 14:11). Nếu đây là sự liên tưởng tới Cựu Ước, thì câu này ám chỉ sự an ninh của thành Giê-ru-sa-lem mới, giống như lời hứa trong I Phi-ê-rơ 1:4-5.

} Xin để ý chi tiết ngữ pháp bất thường ở đây. Có một ngài, nhưng có hai đấng ngồi trên (Đức Chúa Trời và Chiên Con). Rồi có các đấng tứ phục vụ Ngài (số ít). Đây là điều huyền bí của chủ nghĩa độc thần và nhập thể. Chỉ có một Đức Chúa Trời, nhưng lại có Đấng Mê-si-a và Đức Thánh Linh, với bản thể Thánh Thần và thuộc tính cá nhân.

**22:4 “Họ sẽ được thấy mặt Ngài,”** Trong Cựu Ước, nhìn thấy dung nhan Đức Chúa Trời có nghĩa sẽ chết. Mô-sê không được phép nhìn gương mặt Chúa (xem Xuất Hành 33:20). Nhìn thấy Chúa và ở cùng với Chúa là đặc ân của những ai được nên thánh, (xem Thi Thiên 11:7; 16:11; 17:15; 140:13; Ma-thi-ơ 5:8). Sự thông công ban đầu ở vườn Ê-đen nay được hồi phục trọn vẹn, (xem Thi Thiên 42:1-2)!

} **“danh Ngài sẽ ở trên trán họ.”** Như Ác Quỷ đóng dấu trên trán những người thờ phượng hắn, (xem 13:1-17; 14:9; 20:4), Đức Chúa Trời cũng đóng dấu con dân Ngài, (xem 3:12; 7:3; 14:1). Đây là biểu tượng của sự sở hữu và cảm giác an toàn trong sự bảo vệ của chủ.

**22:5 “Đêm sẽ không còn nữa”** (xem 21:23-25; Ê-sai 60:19-20; Xa-cha-ri 14:7)

} **“Và họ sẽ trị vì đời đời”** Ai là người sẽ đồng trị với Đấng Christ trong Vương Quốc Ngàn Năm? Chương 20:4-5 gợi ý họ là những người sống trong thời Đại Nạn Tận thế, nhưng Khải Huyền 2:26 và 5:10 lại ám chỉ tất cả các thánh đồ đều đồng trị với Đấng Christ trên đất. Kinh Thánh không dạy về sự khác biệt giữa sự tể trị Ngàn Năm, và tể trị đời đời, (xem Đa-ni-ên 2:44; 7:14,18; Ê-sai 9:7; Lu-ca 1:33; II Phi-ê-rơ 1:11; Khải Huyền 11:15) Xét về nguyên tắc thông diễn (hermeneutically) chúng ta không nên xây dựng một tín điều quan trọng từ phân đoạn khai thị. Câu này ám chỉ sự tể trị đời đời.

Hình ảnh dân của Chúa bị tấn công bởi kẻ thù, mà Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt chúng được đến từ Ê-xê-chiên 37-39. Giảng không bao giờ có dụng ý để câu này được giải thích theo nghĩa đen. Cố gắng áp đặt cách giải kinh văn chương khai thị một cách theo nghĩa đen là sự xúc phạm nghiêm trọng dụng ý của tác giả. Sự kính trọng Kinh Thánh (một cách cứng nhắc) và tính tò mò của chúng ta khiến các Hội Thánh hiện đại tây phương có nhiều sự giải nghĩa tiên tri và văn chương khai thị một cách kỳ dị và gượng ép, xem Chủ Đề Đặc Biệt Sự Tể Trị của Đức Chúa Trời, ở câu 5:10.



**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 22:6**

**‘Bảy giờ thiên sứ nói với tôi rằng: “Những lời này là đáng tin cậy và chân thật. Chúa là Đức Chúa Trời của tâm linh các nhà tiên tri, đã sai thiên sứ của Ngài đến bày tỏ cho các đầy tớ Ngài những điều sắp phải xảy ra**

**22:6 “Bảy giờ thiên sứ nói với tôi...”** Đây là một trong 7 thiên sứ với bảy chén thịnh nộ (xem 21:9; 22:1,8,9,10).

} **“Những lời này là đáng tin cậy và chân thật.”** Cụm từ “đáng tin cậy chân thật” được dùng ám chỉ

1. Chúa Giê-su (xem 1:5; 3:7,14; 19:11)
2. Tín đồ theo Chúa Giê-su, (xem 17:14)
3. Lời Đức Chúa Trời (xem 19:9; 21:5; 22:6)

Thường Đức Chúa Trời được miêu tả là Đấng Công Nghĩa và Chân Thật, (xem 15:3; 16:7; 19:2). Ý tưởng Hê-bơ-rơ đằng sau câu này nhấn mạnh tính hoàn toàn đáng tin cậy.

} **“Chúa là Đức Chúa Trời của tâm linh các nhà tiên tri”** Câu này có thể có nghĩa:

1. một liên tưởng của Khải Huyền 19:10
2. Một liên tưởng tới sự linh cảm (hà hơi) trong Cựu Ước, (xem II Ti-mô-thê 3:16; II Phi-ê-ơ 1:20-21)
3. Một liên tưởng tới sự linh cảm trong Tân Ước (xem II Phi-ê-ơ 3:15-16)
4. Một liên tưởng tới các nhà truyền giảng Phúc Âm thời Giảng sống.
5. Một liên tưởng tới sách của Giảng (khải tượng).

Nguyên bản Hy-lạp không viết hoa “linh”. Nhiều khi các dịch giả phải tự quyết định nên dịch thành Đức Thánh Linh, hay linh con người (tâm linh). Câu này ám chỉ về linh con người, (xem I Cô-rin-tô 14:32; Hê-bơ-rơ 12:9).

} **“đã sai thiên sứ của Ngài”** Câu này giống như câu Khải Huyền 1:1. Các câu kết thúc cũng khá giống Mô-típ trong chương 1. Hình thức thư tín được dùng trong chương 1 lại được dùng trong chương 22.

} **“những điều sắp phải xảy ra”** Câu này cảnh báo một loạt các sự kiện báo hiệu sự Tái Lâm cận kề, (xem 1:1,3; 3:11; các câu 22:6 [hai lần], 7, 10, 12, and 20). Hai ngàn năm tri hoãn thật khó hiểu đối với các tín đồ (mặc dù sự trì hoãn cũng được nhắc đến trong II Tê-sa-lô-ni-ca). Tất cả mọi thế hệ Cơ-đốc đều hy vọng Tái Lâm sẽ xảy ra trong thời kỳ họ sống. Đây là nghịch lý giữa sự Tái Lâm cận kề và sự Tái Lâm trì hoãn – sau một số sự kiện phải được xảy ra. Tín đồ phải bền đỗ trong sự trung tín và năng động.

Sau đây là trích dẫn lời giải kinh của tôi về sách Ma-thi-ơ:

*“Có một nghịch lý căng thẳng tồn tại giữa:*

1. *Sự Tái Lâm Cận Kề (xem Ma-thi-ơ 24:27,44) và Tái Lâm sau một số sự kiện lịch sử*
2. *Nước Trời trong tương lai và Nước Trời trong hiện tại.*

*Tân Ước xác nhận rằng một số sự kiện phải xảy ra trước Tái Lâm:*

1. *Phúc Âm phải được rao truyền tới muôn dân (xem 24:14; Mác 13:10)*
2. *Sự bội đạo lớn (xem 24:10-13,21; I Ti-mô-thê 4:1; II Ti-mô-thê 3:1ff; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:3)*
3. *Sự bày tỏ “con người tội lỗi” (xem Đa-ni-ên 7:23-26; 9:24-27; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:3)*
4. *Sự cất đi nhân tố ngăn cản “Đấng Giữ” (xem II Tê-sa-lô-ni-ca 2:6-7)*
5. *Sự phục hưng của người Do-thái (xem Xa-cha-ri 12:10; Rô-ma 11)”*

Những người tin có sự song hành giữa bảy đơn vị văn chương đều xác nhận rằng mỗi đơn vị văn chương đều đại diện cho một giai đoạn lịch sử giữa Giáng Sinh và Tái Lâm, được quan sát từ các khía cạnh khác nhau [ví dụ, ông Hen-ric-sen (William Hendriksen), *More Than Conquerors*]. Nếu thật vậy thì đoạn văn này nói về sự Tái Lâm cận kề, (xem 1:3; 3:11; 22:7,10,12,20), ám chỉ sự khởi đầu của các tiên tri sau sự chết và sự sống lại của Đấng Christ. Các chi tiết của sự Tái Lâm đang ứng nghiệm thời nay.

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 22:7**

**<sup>7</sup>Kìa, Ta đến mau chóng. Phước cho người vâng giữ những lời tiên tri trong sách này!”**

**22:7 “Kìa, Ta đến mau chóng.”** Rõ ràng ở đây thiên sứ trong câu 6 trích dẫn lời Chúa Giê-su, (xem các câu 12-15). Chúa Giê-su nói câu này trong Khải Huyền 22:16. Khó có thể biết được “Ai” nói ở câu 17, 18, 19. Chúa Giê-su nói câu 20 và Giăng nói câu 21, xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Tái Lâm Cận Kế. ở câu 1:3

} **“Phước cho người vâng giữ ”** Đây lại là một trong bảy câu “phước cho” trong suốt cuốn sách (xem 1:3; 14:13; 16:15; 19:9; 20:6; 22:7,14).

} **“những lời tiên tri”** Bởi đây không phải là sách tường thuật sự kiện, nhưng là sách tiên tri, nó cần được giải nghĩa trong ánh sáng của thể loại tiên tri, (xem các câu 9-10, 18-19; 1:3; 10:11). Tiên tri luôn có điều kiện. Các phân đoạn Tận thế trong Tân Ước phản chiếu các tiên tri trong Cựu Ước. Các sự kiện sau rốt được hiểu bởi các sự kiện hiện tại, với sự đáp ứng bởi đức tin. Nhiều học giả tin rằng văn chương Khải thị được phát triển từ tiên tri chủ nghĩa của người Do-thái, xem Chủ Đề Đặc Biệt Tiên tri trong Tân Ước, ở câu 1:3

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 22:8-9**

**<sup>8</sup>Tôi là Giăng, người đã nghe và thấy những điều này. Khi nghe và thấy xong, tôi phủ phục dưới chân vị thiên sứ đã bày tỏ những điều này cho tôi để thờ lạy. <sup>9</sup>Nhưng thiên sứ bảo tôi: “Đừng làm thế! Ta là bạn đồng lao với ngươi, với anh em ngươi là các nhà tiên tri, và với những người vâng giữ lời trong sách này. Hãy thờ phượng Đức Chúa Trời.”**

**22:8 tôi phủ phục dưới chân vị thiên sứ đã bày tỏ những điều này cho tôi để thờ lạy”** Đây là câu hết sức bất thường, là điều lặp lại từ câu 19:10, Rõ ràng Giăng nghĩ thiên sứ này là Thánh Thần.

**22:9 “những người vâng giữ lời trong sách này”** Cơ-đốc giáo bao gồm đức tin khởi đầu và sự ăn năn tội lỗi, được nối tiếp bởi nếp sống ăn năn, tin cậy, vâng phục và bền đỗ. Khải Huyền được viết cho các tín đồ bị bắt bớ, nhấn mạnh chủ đề bền đỗ. Sự căm dỗ cho các tín đồ tây phương ngày nay không phải là bắt bớ, nhưng sự “phân rã”: bởi thái độ bất cần, bất tin trong hành động, chủ nghĩa vật chất, theo đạo vì quyền lợi hơn vì nghĩa vụ.

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 22:10-11**

**<sup>10</sup>Rồi thiên sứ lại bảo tôi: “Đừng chiêm phong những lời tiên tri trong sách này vì thì giờ đã gần rồi. <sup>11</sup>Kẻ nào bất chính cứ làm điều bất chính, kẻ nào ô uế vẫn cứ ô uế, còn người công chính cứ làm điều công chính, người thánh thiện cứ sống thánh thiện!”**

**22:10 “Đừng chiêm phong”** Đây là điều đối nghịch với mệnh lệnh “hãy chiêm phong” trong Ê-sai 8:16; Đa-ni-ên 8:26 và 12:4,9. Thời điểm ứng nghiệm tiên tri đã đến. Sự cảnh báo thế gian vô tin và khích lệ tín đồ mang tính chất tức thời, quyết định bị đòi hỏi ngay lập tức, Vương Quốc không còn là tương lai nữa.

} **“thì giờ đã gần rồi.”** xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Tái Lâm Cận Kế.

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 22:12-13**

**<sup>12</sup>“Này, Ta đến mau chóng, đem phần thưởng theo với Ta, để thưởng cho mỗi người tùy theo việc họ đã làm. <sup>13</sup>Ta là An-pha và Ô-mê-ga, là Đầu Tiên và Cuối Cùng, là Khởi Nguyên và Tận Cùng.”**

**22:11- 12 “ để thưởng cho mỗi người tùy theo việc họ đã làm.”** Đây là chủ đề lặp đi lặp lại trong cả Kinh Thánh, (xem Gióp 34:11; Thi Thiên 28:4; 62:12; Châm Ngôn 24:12; Truyền Đạo 12:14; Giê-rê-mi 17:10; 32:19; Ma-thi-ơ 16:27; 25:31-46; Rô-ma 2:6; 14:12; I Cô-rin-tô 3:8; II Cô-rin-tô 5:10; Ga-la-ti 6:7-10; II Ti-mô-thê 4:14; I Phi-ê-rơ 1:17; Khải Huyền 2:23; 20:12). Đức Chúa Trời dành phần thưởng cho tất cả những ai yêu mến và sống vì Ngài trong thế gian băng hoại, (xem 2:23; 20:12-13). Nếp sống bày tỏ thực trạng và sinh lực đức

tin nội tâm, (xem Ma-thi-ơ 7). Con người được giao trách nhiệm quản trị sự sống như món quà được Đức Chúa Trời ban và họ sẽ phải tường trình trước Ngài.

Đây không nói về “sự công nghĩa bởi việc làm”. Nhân loại được cứu bởi sự hy sinh chuộc tội, sự phục sinh của Đấng Christ và sự mời gọi của Đức Thánh Linh. Tuy nhiên bằng chứng về một người đã gặp Đức Chúa Trời chính là nếp sống được thay đổi và trở nên giống Đấng Christ. Sự ưu tiên trong cách quản trị thời gian và tài sản của một cá nhân bày tỏ tấm lòng người ấy.

**22:11 “Kẻ nào bất chính cứ làm điều bất chính, kẻ nào ô uế vẫn cứ ô uế, còn người công chính cứ làm điều công chính, người thánh thiện cứ sống thánh thiện!”** Câu này liên tưởng tới Đa-ni-ên 12:10.

**22:12 “ Ta đến mau chóng, ”** xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1:3

**22:13 “Ta là An-pha và Ô-mê-ga, là Đầu Tiên và Cuối Cùng, là Khởi Nguyên và Tận Cùng.”** Danh hiệu Cựu Ước dành cho Đức Giê-hô-va được nhắc tới trong Khải Huyền 1:8 and 21:6, đồng thời cũng ám chỉ Đấng Christ. Gán chuyển các danh hiệu của Đức Chúa Trời cho Chúa Giê-su cũng là cách đặc biệt Giảng dùng để nhấn mạnh ngôi vị Thần Đức của Ngài. Câu 13 có chứa ba danh hiệu như vậy. Trong Ê-sai 41:4; 44:6; 48:12 nói về Đức Giê-hô-va, nhưng ở đây nói về Chúa Giê-su, (xem 1:17; 2:8).

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 22:14-15**

<sup>14</sup>Phước cho những người giặt áo mình để có quyền đến nơi cây sự sống, và được vào thành qua các cửa.<sup>15</sup>Những lũ chó, những kẻ hành nghề ma thuật, những kẻ gian dâm, những kẻ giết người, những kẻ thờ thần tượng, cùng những kẻ ưa thích và thực hiện sự giả dối đều ở ngoài.

**22:14 “Phước cho ”** Câu thứ bảy trong bảy câu “phước cho” trong Khải Huyền (xem 1:3; 14:13; 16:15; 19:9; 20:6; 22:7,14).

} **“những người giặt áo mình”** – “giặt áo” là ẩn dụ sự tin cậy vào huyết cứu chuộc của Đấng Christ, (xem 7:14). Tín đồ được tiếp nhận bởi Ngài được tiếp nhận, (xem Ê-phê-sô 1:6). Tín đồ sẽ sống bởi Ngài chết thế, tín đồ sẽ sống lại bởi Ngài phục sinh.

Giữa các nguyên bản Hy-lạp có các biến thể câu văn:

1. “giặt áo mình” trong bản MSS ! (thể ký thứ tư) và bản A (thể ký thứ năm), cũng như bản Vun-gây-to (Vulgate). Thánh Kinh Liên Hội UBS<sup>4</sup> xếp khả năng này vào hạng A, có nghĩa “chắc chắn”.
2. “vâng giữ các mệnh lệnh”, trong bản 046, bản chữ lớn (uncial MS) (thể ký thứ mười), bản chữ nhỏ MSS (1 and 94) (thể ký mười hai) và bản Pe-sít-ta (Peshitta - Syrian).

} **“để có quyền đến nơi cây sự sống, và được vào thành qua các cửa.”** Câu này chứa hai ẩn dụ về sự cứu rỗi đời đời: (1) “đến cây sự sống” liên hệ tới Sáng Thế 2:9; 3:22 (xem Khải Huyền 2:7; 22:2,14,19) và (2) “vào thành” liên hệ tới Khải Huyền 21:2,9-22:5

**22:15 “đều ở ngoài”** Câu này rất khó giải thích, trừ phi “ở ngoài” tương đồng với ẩn dụ “hồ lửa” (xem 21:8).

} **“lũ chó”** Đây lại là một điều khó hiểu nữa, bởi đáng lẽ không thể có những người ác ở thời điểm này trở đi. Trong Phục Truyền 23:18 thuật ngữ ‘chó’ miêu tả những nam giới mại dâm trong đền thờ thần phù hộ mùa màng, sinh sản ở xứ Ca-na-an. Trong các phần khác của Cựu Ước và Tân Ước ám chỉ người ác nói chung (xem Thi Thiên 22:16,20; Ma-thi-ơ 7:6; and Phi-líp 3:2).

Xin được phép trích dẫn ông Mun-xê (Robert H. Mounce) trong cuốn giải kinh “Revelation in the New International Series”:

“Câu này không dạy rằng có những người ác sống ngoài “Thiên Thành” một cách vĩnh viễn. Nó miêu tả tương lai với hình ảnh hiện tại, sự khác biệt giữa tín đồ được phước và số phận của kẻ xấu. (p. 394).

## **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐỈNH) ĐOẠN 22:16**

**<sup>16</sup>“Ta là Jêsus, đã sai thiên sứ Ta đến để làm chứng những điều này cho các con trước mặt các hội thánh . Ta là Cội Rễ và Hậu Tụ của Đa-vít, là Sao Mai sáng chói.”**

**22:16** “Ta là Jêsus, đã sai thiên sứ Ta đến để làm chứng những điều này cho các con trước mặt các hội thánh .” Để ý thuật ngữ “các con” trong số nhiều, và là sự gợi ý cụ thể tới bảy Hội Thánh trong chương 2-3. Sách Khải Huyền bắt đầu và kết thúc trong thể loại thư tín, còn các Khải tượng ở giữa chứa đựng tiên tri (sự cuối cùng được thấy qua sự kiện đương thời), và Khải thị (hình ảnh biểu tượng).

} “**thiên sứ Ta**” Thường “Đấng Sai Đi” là Đức Chúa Trời, (xem 22:6, “thiên sứ của Ngài”), nhưng ở đây là Chúa Giê-su. Câu này cũng được thấy trong 1:1, những đại từ tiên thân có vẻ khó hiểu.

} “**hội thánh**” xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1:4.

} “**Ta là Cội Rễ và Hậu Tụ của Đa-vít**” Có nhiều sự liên tưởng trong Cựu Ước tới dòng dõi Đa-vít của Đấng Mê-si-a, (xem II Sa-mu-ên 7:12-16 và Ê-sai 11:1,10) và trong Tân Ước (xem Ma-thi-ơ 1:1; 9:17; 15:22; 21:9; Rô-ma 1:3; II Ti-mô-thê 2:8 Khải Huyền 5:5).

Chúa Giê-su là sự ứng nghiệm của tất cả các tiên tri Cựu Ước.

### **Jesus of Nazareth**

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC CHÚA GIÊ-XU Ở NA-XA-RÉT**

Có nhiều chữ Hy Lạp khác nhau dùng trong Tân Ước dùng để làm rõ nói đến Giê-xu nào.

##### **A. Những chữ trong Tân Ước**

1. Na-xa-rét - thành phố trong xứ Ga-li-lê (xem Lu-ca 1:26; 2:4,39,51; 4:16; Công-vụ 10:38). Thành phố này không được nhắc đến trong các nguồn tài liệu đương thời nhưng lại xuất hiện trên những bia đá xuất hiện sau đó.

Chi tiết Đức Chúa Giê-xu từ Na-xa-rét không phải là lời ca ngợi (xem Giảng 1:46). Tấm bảng trên cây thập tự đóng đinh Đức Chúa Giê-xu có nhắc đến địa danh này cho biết đó một dấu hiệu chỉ sự khinh khi của người Do thái.

2. *Nazarēnos* - dường như cũng đề cập đến một sự xác định địa điểm (xem Lu-ca 4:34; 24:19).
3. *Nazōraios* - có thể đề cập đến một thành phố, nhưng cũng có thể là một cách chơi chữ dựa trên chữ “nhánh” là từ chỉ về đấng Mê-si-a trong tiếng Do thái (*netzer*, xem Ê-sai 4:2; 11:1; 53:2; Giê-rê-mi 23:5; 33:15; Xa-cha-ri 3:8; 6:12). Lu-ca dùng chữ này cho Đức Chúa Giê-xu trong Lu-ca 18:37 và Công-vụ 2:22; 3:6; 4:10; 6:14; 22:8; 24:5; 26:9.

##### **B. Những cách sử dụng ngoài Tân Ước theo lịch sử. Cách định danh này có những cách dùng khác trong lịch sử.**

1. Nó ám chỉ một nhóm dị giáo người Do thái trước thời kỳ của Cơ-Đốc-Giáo.
2. Nó đã được sử dụng trong vòng người Do thái để chỉ những người tin nơi Đấng Christ (xem Công-vụ 24:5,14; 28:22).
3. Nó trở thành chữ thông thường chỉ những tín hữu trong những hội thánh người Sy-ri (nói tiếng A-ram). “Cơ-Đốc-Nhân” được dùng để chỉ những tín hữu trong các hội thánh nói tiếng Hy Lạp.
4. Một thời gian sau sự sụp đổ của thành Giê-ru-sa-lem, những người Pha-ri-si tập hợp tại Jamnia mưu toan chính thức tách biệt giữa nhà hội và hội thánh. Một bằng chứng tiêu biểu cho khuôn mẫu những lời nguyên rủa các Cơ-Đốc Nhân tìm thấy trong “Mười tám Lời kinh tạ ơn” trong *Berakoth* 28b-29a, gọi những tín hữu là “những người Na-xa-rét” như sau “Cầu cho những người Na-xa-rét cùng với những kẻ dị giáo biến mất trong giấy lát; chúng sẽ bị xóa khỏi sách sự sống và không được viết xuống cùng với những người trung tín”.

##### **C. Ý kiến cá nhân của tác giả**

Tôi lấy làm ngạc nhiên bởi nhiều cách đánh vần của chữ này dù tôi biết rằng đây không phải là chuyện chưa từng xảy ra cho Cựu Ước; như chữ “Giô-suê” có nhiều cách đánh vần trong tiếng Do thái. Tuy vậy, bởi vì các lý do sau (1) sự liên hệ gần gũi với chữ “nhánh” là từ chỉ về đảng Mê-si-a; (2) kết hợp với ẩn ý tiêu cực; (3) rất ít hầu như không có sự chứng thực hiện thời về thành phố Na-xa-rét trong xứ Ga-li-lê và (4) chữ này nằm trong lời của ma quỷ nói theo ý nghĩa lai thế (“Ngài đến để tiêu diệt chúng tôi sau?”) khiến tôi không chắc chắn về ý nghĩa chính xác của chữ này.

Để tham khảo đầy đủ những nghiên cứu riêng về chữ này bởi các học giả xem *New International Dictionary of NT Theology*, của Collin Brown (ed.), vol. 2, trang 346.

} **“là Sao Mai sáng chói.”** Đây là danh hiệu của Đấng Mê-si-a (xem Dân Số 24:17 or Ma-thi-ơ 2:2 hay II Phi-ê-rơ 1:19), đồng thời cũng là sự chơi chữ ám chỉ Sa-tan trong Ê-sai 14:12. Trong Khải Huyền Ác Quỷ thường nhái lại Ba Ngôi Đức Chúa Trời.

#### **RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 22:17**

<sup>17</sup>**Thánh Linh và Cô Dâu cùng nói: “Hãy đến!” Người nào nghe cũng hãy nói: “Hãy đến!” Ai khát, hãy đến! Người nào muốn, hãy đến nhận nước sự sống miễn phí**

**22:17 “Thánh Linh và Cô Dâu cùng nói: “Hãy đến!”** Mặc dầu có nhiều cách giải thích, ngữ cảnh câu này ám chỉ lời mời gọi Phúc Âm cho những ai cần đến và tiếp nhận lời mời của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ. Cứu chuộc là chủ đề chính của cả sách Khải Huyền, không những mang tính khích lệ cho tín đồ bị bắt bớ, nhưng mang tính cáo trách và mời gọi những người còn lạc lối mau tiếp nhận quà trong Đức Chúa Con. Mệnh lệnh “hãy đến” được dùng 4 lần, hướng về thế gian bất tín, chứ không hướng về sự Tái Lâm. Thuật ngữ “người nào”, “ai” cũng được nhắc lại. Và sự “miễn phí” (gợi ý Ê-sai 55) phải là điều khích lệ lớn cho mọi người, và mời gọi mọi người tiếp nhận không trì hoãn. Đối với tôi, câu này hồi tưởng tới những người sống trong thời Giảng sống, cũng như nhân loại trong mọi thế hệ - giúp giải thích điều khó hiểu về sự hiện diện của những người hư mất sau Ngày Phán Xét trong Khải Huyền 19-22. Có nhiều màn hồi tưởng tới thời Giảng sống, chính vì vậy chúng ta thấy sự tương đồng giữa bảy đơn vị văn chương trong Khải Huyền. Ông viết “Các con yêu dấu” với ý nghĩ về Hội Thánh Ê-phê-sô, (xem I, II, and III Giảng).

#### **The Trinity**

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BA NGÔI ĐỨC CHÚA TRỜI**

Để ý đến công tác của cả Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Tertullian là người đầu tiên dùng chữ “Ba ngôi,” không phải là chữ Kinh Thánh dùng, nhưng khái niệm này lan tỏa rộng khắp.

1. Các sách Phúc âm
  - a. Ma-thi-ơ 3:16-17; 20:19 (và những câu tương ứng)
  - b. Giảng 14:26
2. Công-vụ 2:32-33, 38-39
3. Phao-lô
  - a. Rô-ma 1:4-5; 5:1,5; 8:1-4,8-10
  - b. I Cô-rinh-tô 2:8-10; 12:4-6
  - c. II Cô-rinh-tô 1:21; 13:14
  - d. Ga-la-ti 4:4-6
  - e. Ê-phê-sô 1:3-14,17; 2:18; 3:14-17; 4:4-6
  - f. I Tê-sa-lô-ni-ca 1:2-5
  - g. II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13
  - h. Tít 3:4-6
4. Phi-e-rơ trong I Phi-e-rơ 1:2

5. Giu-đe trong câu 20,21

Cựu ước cũng có hướng về điều này

1. Sử dụng số nhiều để chỉ Đức Chúa Trời

- Danh hiệu *Elohim* là số nhiều, nhưng khi dùng cho Đức Chúa Trời nó luôn có động từ ở số ít
- Chữ “chúng ta” trong Sáng-thế-ký 1:26-27; 3:22; 11:7
- Chữ “Một” trong kinh *Shema* trong Phục truyền 6:4 ở số nhiều (cũng như trong Sáng-thế-ký 2:24; Ê-xê-chi-ên 37:17)

2. Thiên sứ của Chúa là đại diện thấy được của thần linh

- Sáng-thế-ký 16:7-13; 22:11-15; 31:11,13; 48:15-16
- Xuất Ê-díp-tô ký 3:2,4; 13:21; 14:19
- Các quan xét 2:1; 6:22-23; 13:3-22
- Xa-cha-ri 3:1-2

3. Đức Chúa Trời và Thánh Linh riêng biệt nhau, Sáng-thế-ký 1:1-2; Thi thiên 104:30; Ê-sai 63:9-11; Ê-xê-chi-ên 37:13-14

4. Đức Giê-hô-va (Đức Giê-hô-va) và Đấng Mê-si-a (*Adon*) riêng biệt nhau, Thi thiên 45:6-7; 110:1; Xa-cha-ri 2:8-11; 10:9-12

5. Đấng Mê-si-a và Thánh Linh phân biệt với nhau, Xa-cha-ri 12:10

6. Cả ba đều được nói đến trong Ê-sai 48:16; 61:1

Thần tánh của Chúa Jê-sus và thân vị Đức Thánh Linh đã gây vấn đề cho những người tin Chúa cách nghiêm ngặt, chỉ theo độc thần thời kỳ đầu:

- Tertullian cho rằng Đức Chúa Con ở dưới Đức Chúa Cha
- Origen hạ thấp bản chất thần linh của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh
- Arius không chấp nhận thần tính của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh
- Monarchianism tin vào sự bày tỏ lần lượt của Đức Chúa Trời

Khái niệm Ba Ngôi là một mô thức được phát triển qua lịch sử dưới sự soi sáng của dữ liệu Kinh Thánh

- Thần tính đầy đủ của Chúa Jê-sus, ngang bằng với Đức Chúa Cha, được xác nhận trong Giáo hội nghị Nicea vào năm 325.
- Thân vị và thần tính đầy đủ của Đức Thánh Linh bằng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con được xác nhận trong Giáo hội nghị Constantinople năm 381.
- Giáo lý Ba Ngôi được trình bày đầy đủ trong tác phẩm *De Trinitate* của Augustine

Thật sự ở đây là một sự huyền diệu. Nhưng Tân ước dường như xác nhận một bản chất thần linh thể hiện với ba thân vị đời đời.

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 22:18-19**

**<sup>18</sup>Tôi khẳng định với tất cả những người nghe lời tiên tri trong sách này rằng: Nếu ai thêm gì vào những lời này, thì Đức Chúa Trời sẽ thêm cho người ấy những tai họa đã ghi trong sách này. <sup>19</sup>Còn nếu ai bớt điều gì trong các lời của sách tiên tri này, thì Đức Chúa Trời sẽ cất lấy phần của người ấy về cây sự sống và thành thánh đã được ghi trong sách này.**

**22:18 -19** Giảng đang nói với những người nghe lời tiên tri trong thế kỷ thứ nhất, cũng như tất cả mọi thánh giả, độc giả trong mọi thế hệ. Chúng ta thấy sự cảnh báo khá phổ biến trong Cựu Ước cho những ai muốn sửa đổi Luật Mô-sê (xem Phục Truyền 4:2; 12:32). Đây không nhất thiết phải hiểu theo nghĩa đen, nhưng cần nhận thấy kỹ xảo “cường điệu hóa” trong văn chương đồng phương, nhấn mạnh tính nghiêm trọng của việc thêm bớt vào Lời Đức Chúa Trời. Lời cảnh báo không hướng về các nhà giải kinh và các dịch giả chân thật, thành tâm, là những người cầu nguyện và hết lòng tìm kiếm ý chỉ của Đức Chúa Trời, nhưng hướng về các giáo sư giả, là những người cố tình thêm, bớt, sửa đổi lời Kinh Thánh. [theo I-re-nê-út (Ireneaus) trong cuốn *Contra-Heresies*, 30:12]. Xin nhớ rằng chúng ta không thể dựa trên một câu trong Kinh Thánh để thiết lập một tín điều nghịch lại các giáo huấn rõ ràng của cả Kinh Thánh.

} “Nếu . . . nếu” Cả hai đều là thể điều kiện hạng ba, có nghĩa sự “thêm bớt lời Chúa” có khả năng xảy ra

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 22:20**

**<sup>20</sup>Đấng làm chứng cho những điều này phán: “Phải, Ta đến mau chóng.” A-men. Lạy Chúa là Đức Chúa Jêsus, xin hãy đến**

**22:20 “Ta đến mau chóng.”** Sự khẩn thiết của Tận Thế, sự Tái Lâm của Đức Chúa Trời là đặc thù của văn chương Khải thị của người Do-thái và Cơ-đốc giáo. Chủ đề tương tự cũng được thấy trong Ma-thi-ơ 13:34-36; 24:43; 25:1-13; Lu-ca 12:29; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:2,4; II Phi-ê-rơ 3:10. Trong ánh sáng của 2000 năm trì hoãn, sự cận kề mang tính hiện sinh, chứ không mang tính tạm thời. Đúng, Ngài đang đến, hãy sống một cách sẵn sàng. Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1:3

} **“Lạy Chúa là Đức Chúa Jêsus, xin hãy đến”** Thuật ngữ tiếng A-ra-mít, *Maranatha* (xem I Cô-rin-tô 16:22). Có một vài cách dịch khác nhau:

1. Nếu là *maranatha*, thì dịch là “Chúa chúng ta đã và đang đến” (our Lord has come)
2. Nếu là *marana-tha*, thì dịch là “Lạy Chúa chúng ta, xin hãy đến”. (our Lord, come!)

Khả năng thứ nhất thích hợp hơn. Chúng ta được biết từ nguồn *Didache* 10:6 đây là lời kết trong tiệc thánh thời Giảng sống.

**Chủ Đề Đặc Biệt: Ma-ra-na-tha**

**special topic: maranatha**

Đây là câu trong tiếng A-ra-mít, cũng là câu hát thần học khẳng định (1) Thần Vị của Chúa Giê-su (Thi Thiên 110) hoặc (2) sự Tái Lâm của Chúa Giê-su, (Công Vụ 3:19-21). Ý nghĩa tùy thuộc vào kết cấu từ ngữ, (để ý vị trí gạch nối):

1. "Lạy Chúa chúng ta, xin hãy đến" (*marana-tha*) là ý nghĩa của Khải Huyền 22:20 mà các dịch giả cho là tương đồng với câu 1 Cô-rin-tô 16:22. Nếu vậy, đây là lời cầu nguyện cho sự Tái Lâm của Chúa Giê-su.
2. "Chúa chúng ta đã và đang đến" (*maran-atha*) thể hoàn thành trong tiếng A-ra-mít. Đây là cách dịch mà giám mục Kít-sô-tôm (Chrysostom), (345-407) lựa chọn, nói về sự Nhập Thể và Tái Lâm của Chúa Giê-su.
3. "Chúa chúng ta đang đến", có thể đây là thể “tiên tri hoàn thành” trong tiếng Hê-bơ-rơ, được dùng để khích lệ sự phục vụ của Cơ-đốc nhân. Chúa Tái lâm luôn luôn là động cơ cho tín đồ trong mọi thế kỷ.
4. Tài liệu *Didache* (được viết giữa thế kỷ thứ nhất và thứ hai) 10:6, dùng câu này trong lời cầu nguyện Tiệc Thánh, nhấn mạnh sự hiện diện của Chúa hôm nay và trong thời tận thế .

**RVV 2011 (BẢN HIỆU ĐÍNH) ĐOẠN 22:21**

**<sup>21</sup>Cầu xin ân điển của Chúa là Đức Chúa Jêsus ở với mọi người!**

**22:21** Đề ý câu **“Cầu xin ân điển của Chúa là Đức Chúa Jêsus ở với mọi người!**, là lời kết luận với chân lý cho tín đồ chịu đựng bất bớ, và hy vọng cho mọi thể hệ cơ-đốc nhân!

## CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát

1. Phải chăng các tín đồ sẽ lên thiên Đàng, hay thiên Đàng sẽ xuống trần thế sau khi được thanh tẩy?
2. Khải Huyền 21:3 liên hệ tới thuật ngữ I-ma-nu-ên như thế nào?

3. Vì sao không có Đền Thờ trong Giê-ru-sa-lem mới (xem 21:22)?
4. Ai là nhóm người được nhắc đến trong câu 21:24?
5. Làm sao các tín đồ có thể để ý và giữ lời tiên tri (xem 22:7)?
6. Nếu đây là Thiên Đàng, thì ai là người ác ở ngoài thành? Trong câu 22:15
7. Vì sao câu 22:17 rất quan trọng?
8. Ba lần trong chương 22 xuất hiện câu “Ta đến mau chóng”, xem các câu 7,12,20 Vì sao Chúa chưa tái lâm trong hơn 2000 năm qua?
9. Câu 22:18-19 có nên hiểu theo nghĩa đen? Một tín đồ giải thích sai Kh có thể mất sự cứu rỗi không?



# PHỤ LỤC MỘT

## MỘT SỐ ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN VỀ CẤU TRÚC NGỮ PHÁP TIẾNG HY LẠP

Tiếng Hy-lạp Koine, thường được gọi là tiếng Hy-lạp của văn hóa Hy Lạp cổ, là một ngôn ngữ thông dụng của thế giới vùng Địa trung hải bắt đầu từ sự chinh phục của Alexander Đại đế (336-323 TCN) và kéo dài trong khoảng 800 năm (300 TCN-500 SCN). Không phải nó chỉ là một thứ tiếng đơn giản, cổ điển, nhưng trong nhiều phương diện nó là một dạng mới hơn của tiếng Hy-lạp và đã trở thành ngôn ngữ thứ hai của vùng Cận đông cổ (Ancient Near East) và thế giới vùng Địa trung hải.

Tiếng Hy-lạp trong Tân ước rất đặc biệt xét về một số mặt bởi vì những người sử dụng nó, trừ Lu-ca và tác giả sách Hê-bơ-rơ, có lẽ hầu hết sử dụng tiếng A-ram là chính. Vì vậy, lối viết của họ bị ảnh hưởng bởi các thành ngữ và cấu trúc của tiếng A-ram. Thêm vào đó, họ đọc và trích từ bản LXX (bản dịch Kinh Thánh Cựu ước bằng tiếng Hy-lạp), là bản được viết bằng Koine. Nhưng bản LXX cũng được viết bởi các học giả Do thái là những người mà ngôn ngữ mẹ đẻ của họ không phải là tiếng Hy-lạp.

Điều này là một sự nhắc nhở cho chúng ta rằng chúng ta không nên thúc ép Tân ước vào một cấu trúc ngữ pháp quá chặt chẽ. Nó rất đặc biệt nhưng cũng có nhiều điểm tương đồng với (1) bản LXX; (2) các tài liệu văn chương của người Do thái như Josephus chẳng hạn; và (3) các bản chỉ thảo được tìm thấy ở Ai-cập.. Vậy thì chúng ta sẽ tiếp cận như thế nào với vấn đề phân tích ngữ pháp trong Tân ước?

Các đặc điểm ngữ pháp của tiếng Hy-lạp Koine và tiếng Hy-lạp Koine trong Tân ước rất ‘lỏng’ (hay thay đổi). Xét về một số mặt đây là thời điểm đơn giản hóa văn phạm. Ngữ cảnh sẽ là người hướng dẫn chính của chúng ta. Từ ngữ chỉ có ý nghĩa trong một ngữ cảnh rộng lớn hơn, vì vậy, các cấu trúc ngữ pháp chỉ có thể được hiểu dưới ánh sáng của (1) tính cách của một tác giả cụ thể; và (2) một ngữ cảnh cụ thể. Khó mà có được một định nghĩa cuối cùng về các dạng thức hay cấu trúc tiếng Hy-lạp.

Tiếng Hy-lạp Koine chủ yếu là ngôn ngữ theo động từ (verbal language). Thông thường chìa khóa để giải nghĩa là các loại hay dạng của các động từ này. Trong hầu hết các vế câu chính, động từ luôn xuất hiện trước, để cho thấy sự quan trọng của nó. Khi phân tích động từ tiếng Hy-lạp, có ba điều cần phải chú ý: (1) sự nhấn mạnh cơ bản về các thì, dạng (thụ động, chủ động...) và lối (mood) (hình thái học (accidence or morphology); (2) nghĩa căn bản của một động từ cụ thể (từ điển học); và (3) tính trôi chảy của ngữ cảnh (cú pháp) (syntax).

### I. THÌ (TENSE)

A. Thì bao gồm mối liên hệ của các động từ với một hành động đã hoàn tất hoặc chưa hoàn tất. Nó cũng thường được gọi là “hoàn thành” hay “chưa hoàn thành.”

1. Các thì hoàn thành tập trung vào sự xảy ra của một động từ. Không có một thông tin nào được cung cấp thêm ngoài việc biết rằng hành động đó đã xảy ra! Việc nó bắt đầu ra sau, có đang tiếp diễn hay đạt đến đỉnh điểm hay chưa thì không được nói đến.
2. Các thì chưa hoàn thành tập trung vào một tiến trình đang diễn ra của một hành động. Nó được mô tả qua các hành động liên tiếp, hành động trong một khoảng thời gian, hành động tiếp diễn...

B. Thì có thể được phân chia bởi cách người viết nhận thấy hành động diễn tiến ra sao

1. Đã xảy ra= QUÁ KHỨ (AORIST)
2. Đã xảy ra và kết quả kéo đến hiện tại= HOÀN THÀNH (PERFECT)
3. Đang xảy ra trong quá khứ và kết quả còn ảnh hưởng trong quá khứ, không phải trong hiện tại= HƠN HOÀN THÀNH (PLUPERFECT)
4. Đang diễn ra= HIỆN TẠI (PRESENT)
5. Đang diễn ra trong quá khứ= CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT)
6. Sẽ diễn ra= TƯƠNG LAI (FUTURE)

Một ví dụ rõ ràng cho thấy các thì của động từ giúp cho việc giải nghĩa Kinh Thánh là ví dụ về chữ “cứu.” Nó được dùng với nhiều thì khác nhau để cho thấy cả tiến trình và điểm đỉnh của nó:

1. QUÁ KHỨ- ‘đã cứu’ (Rô-ma 8:24)
2. HOÀN THÀNH- ‘đã được cứu và kết quả còn trong hiện tại (Ê-phê-sô 2:5, 8)
3. HIỆN TẠI- ‘được cứu’ (I Cô-rinh-tô 1:18; 15:2)
4. TƯƠNG LAI- ‘sẽ được cứu’ (Rô-ma 5:9, 10; 10:9)

C. Khi tập trung nghiên cứu các thì của động từ, người giải nghĩa tìm xem lý do gì khiến các trước giả nguyên thủy chọn diễn tả ý tưởng của mình qua thì của động từ đó. Thì tiêu chuẩn ‘không màu mè’ là thì QUÁ KHỨ. Đây là một dạng động từ thông thường “không cụ thể,” “không định lần ranh,” hoặc “không dễ ngã ngũ.” Khía cạnh của thì quá khứ chỉ có trong LỐI CHỈ ĐỊNH (INDICATIVE MOOD). Nếu một thì nào khác được dùng đến, thì có một điều gì đó cụ thể hơn được nhấn mạnh. Nhưng đó là gì?

1. THÌ HOÀN THÀNH (PERFECT TENSE) Thì này diễn tả một hành động đã hoàn tất và kết quả vẫn còn lại trong hiện tại. Nói nôm na, nó là sự kết hợp của THÌ QUÁ KHỨ và THÌ HIỆN TẠI. Thông thường trọng tâm của nó xoáy vào các kết quả hiện có hoặc là sự hoàn tất của hành động. Ví dụ: Ê-phê-sô 2:5 và 8, “các người đã và vẫn tiếp tục được cứu.”
2. HƠN HOÀN THÀNH (PLUPERFECT) Thì này giống như thì HOÀN THÀNH nhưng kết quả theo sau đã chấm dứt. Ví dụ: “Phi-e-rơ đang đứng trước cửa ở bên ngoài” (Giăng 18:16).
3. HIỆN TẠI (PRESENT) Điều này diễn tả một hành động chưa hoàn tất. Sự tập trung thông thường là vào sự tiếp diễn của một sự kiện. Ví dụ: “Ai cứ ở trong Ngài thì không tiếp tục phạm tội,” “những người sanh bởi Đức Chúa Trời thì không tiếp tục phạm tội” (I Giăng 3:6 & 9).
4. CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT TENSE) Trong thì này mỗi liên hệ với THÌ HIỆN TẠI cũng gần giống với mỗi liên hệ giữa thì HOÀN THÀNH và HƠN HOÀN THÀNH (PLUPERFECT). Thì CHƯA HOÀN THÀNH nói đến một hành động chưa hoàn thành đang diễn ra nhưng đã chấm dứt hoặc sự bắt đầu của một hành động trong quá khứ. Ví dụ: “Cả Giê-ru-sa-lem vẫn tiếp tục đi đến với Ngài” hay là “cả Giê-ru-sa-lem đã bắt đầu đi đến với Ngài” (Ma-thi-ơ 3:5).
5. TƯƠNG LAI (FUTURE) Điều này nói đến một hành động thường được hoạch định trong một thời điểm trong tương lai. Nó tập trung vào triển vọng có thể xảy ra của hành động hơn là sự xảy ra thật sự. Nó cũng thường chỉ sự chắc chắn của một sự kiện. Ví dụ: “Phước cho...họ sẽ...” (Ma-thi-ơ 5:4-9)

## II. DẠNG (VOICE)

A. Dạng mô tả mối liên hệ giữa hành động của động từ và chủ thể của nó.

B. DẠNG CHỦ ĐỘNG (ACTIVE VOICE) là cách dùng thông thường, không nhấn mạnh để xác định một chủ thể nào đó đang làm một hành động nào đó.

C. DẠNG THỤ ĐỘNG (PASSIVE VOICE) có nghĩa là chủ từ nhận hành động của động từ sinh ra bởi một tác nhân khác ở bên ngoài. Tác nhân bên ngoài tạo ra hành động đó được chỉ định bằng các giới từ và trường hợp sau đây trong tiếng Hy-lạp của Tân ước:

1. Tác nhân trực tiếp có ngôi thứ (personal direct agent) sử dụng từ *hupo* với công cụ cách (ABLATIVE CASE) (Ma-thi-ơ 1:22; Công vụ 22:30).
2. Tác nhân trung gian có ngôi thứ (personal intermediate agent) sử dụng từ *dia* với công cụ cách (ABLATIVE CASE) (Matt 1:22)
3. Tác nhân không ngôi thứ (impersonal agent) thường dùng với từ *en* với công cụ cách (INSTRUMENTAL CASE).
4. Tác nhân có khi thuộc nhân cách hóa, có khi không và được dùng bởi chỉ công cụ cách (INSTRUMENTAL CASE).

D. DẠNG TRUNG CÁCH (MIDDLE VOICE) nghĩa là chủ từ làm ra hành động của động từ và cũng đồng thời trực tiếp tham gia vào hành động đó. Nó cũng thường được gọi là dạng lợi ích cá nhân nâng cao (heightened personal interest). Cấu trúc nào nhấn mạnh chủ từ của một vế câu hay của cả câu trong một

cách nào đó. Cấu trúc này không có trong tiếng Anh. Nó có một tầm ý nghĩa và cách dịch khá rộng trong tiếng Hy-lạp. Một vài ví dụ của nó được liệt kê như sau:

1. TỰ THÂN (REFLEXIVE)- hành động trực tiếp của chủ từ lên chính nó. Ví dụ: “từ treo cổ hấn” (Ma-thi-ơ 27:5)
2. NHẤN MẠNH (INTENSIVE)- chủ từ làm ra hành động cho chính nó. Ví dụ: “Chính quỷ Satan mạo làm thiên sứ sáng láng” (II Cô-rinh-tô 11:14).
3. QUA LẠI (RECIPROCAL) – sự tương giao qua lại giữa hai chủ từ. Ví dụ “họ bàn với nhau” (Ma-thi-ơ 26:4).

### III. LỜI (MOOD)

- A. Có bốn lời trong tiếng Hy Lạp Koine. Chúng cho thấy mối liên hệ giữa động từ và hiện thực, ít nhất là trong đầu của người viết. Các lời này được chia ra làm hai loại khá rộng: loại chỉ hiện thực (CHỈ ĐỊNH) (INDICATIVE) và loại chỉ điều có thể sẽ xảy ra (potentiality) (BÀN THÁI CÁCH, MỆNH LỆNH VÀ MONG MỎI) (SUBJUNCTIVE, IMPERATIVE, OPTATIVE).
- B. LỜI CHỈ ĐỊNH (INDICATIVE MOOD) là lời thông thường diễn tả hành động đã diễn ra hoặc đang diễn ra, ít ra là trong trí của người viết. Nó là lời duy nhất trong tiếng Hy-lạp diễn tả một thời gian xác định, và ngay cả ở đây khía cạnh này chỉ là thứ yếu.
- C. LỜI BÀN THÁI (SUBJUNCTIVE MOOD) diễn tả hành động có thể có trong tương lai. Điều gì đó đã không xảy ra nhưng nó có cơ hội xảy ra. Nó có nhiều điểm chung với LỜI CHỈ ĐỊNH TƯƠNG LAI (FUTURE INDICATIVE). Điều khác nhau là LỜI BÀN THÁI diễn tả sự nghi ngờ ở một mức độ nào đó. Trong tiếng Anh, điều này thường được diễn tả qua các từ ngữ như “could,” “would,” “may,” hay “might.”
- D. LỜI MONG MỎI (OPTATIVE MOOD) diễn tả một sự mong ước trên lý thuyết có thể xảy ra. Nó được xếp xa hơn một bước so với LỜI BÀN THÁI. LỜI MONG MỎI bày tỏ sự có thể xảy ra trong một số điều kiện nào đó. LỜI MONG MỎI rất hiếm trong Tân ước. Cách nó thường được dùng là trong câu nói nổi tiếng của Phao-lô, “Chẳng hề như vậy” (KJV, “Lạy Trời đừng có chuyện như vậy”), được sử dụng 15 lần (Rô-ma 3:4, 6, 31; 6:2, 15; 7:7, 13; 9:14; 11:1, 11; I Cô-rinh-tô 6:15; Ga-la-ti 2:17; 3:21; 6:14). Các ví dụ khác được ghi lại trong I Tê-sa-lô-ni-ca 1:38; 20:16, Công vụ 8:20 và I Thess 3:11.
- E. LỜI MỆNH LỆNH (IMPERATIVE MOOD) nhấn mạnh một mệnh lệnh có thể xảy ra, nhưng nhấn mạnh đến ý định của người nói. Nó chỉ khẳng định sự xảy ra một cách tự nguyện trong điều kiện có một sự lựa chọn khác. Có một cách sử dụng đặc biệt của LỜI MỆNH LỆNH trong các lời cầu nguyện và trong các lời cầu xin ở ngôi thứ ba. Những loại mệnh lệnh như vậy chỉ có ở thì HIỆN TẠI và thì QUÁ KHỨ trong Tân ước.
- F. Một số sách ngữ pháp xếp loại ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLES) vào một loại khác của lời trong động từ. Nó rất thông dụng trong tiếng Hy-lạp của Tân ước, thường là một động tính từ. Nó được dịch cùng với động từ chính mà nó liên hệ đến. Có một phạm vi rộng các cách dịch những động tính từ này. Tốt nhất là nên tham khảo nhiều bản dịch khác nhau. Cuốn *The Bible in Twenty Six Translations* xuất bản bởi nhà sách Baker là một công cụ rất hữu ích.
- G. CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE INDICATIVE) là một cách rất thông thường và “chưa được định lần ranh” để ghi lại một điều xảy ra. Các thì, dạng, và lời khác cũng có một số ý nghĩa quan trọng nhất định mà trước giả nguyên thủy muốn dùng để chuyển tải ý tưởng của mình.

IV. Đối với những người chưa quen với tiếng Hy-lạp, những công cụ học tập sau đây sẽ cung cấp một số thông tin cần thiết:

- A. Friberg, Barbara and Timothy. *Analytical Greek New Testament*. Grand Rapids: Baker, 1988.
- B. Marshall, Alfred. *Interlinear Greek-English New Testament*. Grand Rapids: Zondervan, 1976.

- C. Mounce, William D. *The Analytical Lexicon to the Greek New Testament*. Grand Rapids: Zondervan, 1993.
- D. Summer, Ray. *Essentials of New Testament Greek*. Nashville: Broadman, 1950.
- E. Các môn học hàm thụ có tin chỉ có ở Viện Thánh Kinh Moody, Moody Bible Institute ở Chicago, Illinois.

## V. DANH TỪ (NOUNS)

- A. Xét về mặt cú pháp, các danh từ được xếp theo các cách (cases). Cách là biến dạng của danh từ để cho biết liên hệ của nó đối với động từ và các phần khác trong câu. Trong tiếng Hy-lạp Koine các chức năng của cách (cases) được diễn tả qua các giới từ. Bởi vì các dạng của cách (case form) có thể xác định một số liên hệ khác nhau, nên các giới từ phát triển thêm để cho thấy sự tách biệt rõ ràng hơn đối với các chức năng này.
- B. Các cách trong tiếng Hy-lạp được phân theo 8 loại sau đây:
1. DANH CÁCH (NOMINATIVE CASE) được dùng để gọi tên và thông thường nó là chủ ngữ của một câu hay một vế câu. Nó cũng được dùng cho các danh từ và tính từ vị ngữ với các động từ nói “là” hay “trở thành.”
  2. SỞ HỮU CÁCH (GENITIVE CASE) được dùng để mô tả và thường gán cho một tính chất hay giá trị cho từ nó liên hệ đến. Nó trả lời câu hỏi, “Loại gì?” Nó thường được diễn tả bởi cách dùng chữ “of” trong tiếng Anh.
  3. CÔNG CỤ CÁCH (ABLATIVE CASE) có cùng cách chia giống như SỞ HỮU CÁCH, nhưng nó được dùng để chỉ sự phân cách. Nó thường chỉ sự phân cách trong một thời điểm, không gian, nguồn gốc, hay mức độ. Trong tiếng Anh, nó thường được sử dụng bằng chữ “from.”
  4. TẶNG CÁCH (DATIVE CASE) dùng để diễn tả sở thích cá nhân. Nó có thể chỉ một khía cạnh tích cực hay tiêu cực. Thông thường đó là một bổ ngữ gián tiếp. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua từ “to.”
  5. VỊ TRÍ CÁCH (LOCATIVE CASE) có cùng cách chia từ như TẶNG CÁCH, nhưng nó diễn tả vị trí trong không gian, thời gian hay những giới hạn lô-gích. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua những từ “in, on, at, among, during, by, upon, beside.”
  6. CÔNG CỤ CÁCH (INSTRUMENTAL CASE) có cách chia từ giống với TẶNG CÁCH và VỊ TRÍ CÁCH. Nó diễn tả phương tiện hay sự liên hệ. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua các giới từ “by” “with.”
  7. ĐỐI CÁCH (ACCUSATIVE CASE) dùng để diễn tả sự chấm dứt của một hành động. Nó diễn tả sự giới hạn. Sự sử dụng chủ yếu của nó là bổ ngữ trực tiếp (direct object). Nó trả lời câu hỏi, “Xa bao nhiêu?” hay là “Cho đến mức nào?”
  8. XUNG HỒ CÁCH (VOCATIVE CASE) được dùng để xưng hô trực tiếp.

## VI. CÁC LIÊN TỪ VÀ TỪ NỐI (CONJUNCTIONS, CONNECTORS)

- A. Tiếng Hy-lạp là một ngôn ngữ rất chính xác vì nó có rất nhiều từ nối. Chúng nối kết các ý tưởng (về câu, câu, và đoạn). Nó xuất hiện rất thường đến nỗi sự vắng mặt của nó gây ảnh hưởng trong vấn đề giải kinh. Thật ra, các liên từ và từ nối này cho thấy hướng đi trong ý tưởng của các trước giả. Chúng rất hệ trọng trong việc quyết định điều các trước giả này thực sự muốn nói.
- B. Sau đây là danh sách của một số liên từ và từ nối và ý nghĩa của chúng (thông tin này được góp nhặt từ sách của H.E. Dana và Julius K. Mantey *A Manual Grammar of the Greek New Testament*).
1. Từ nối chỉ thời gian
    - a. *Epei, epeid e, hopote, hos, hote, hotan* (bàn thái cách)- “khi”
    - b. *Hoes*- “trong khi”
    - c. *Hotan, epan* (bàn thái cách)- “bất cứ khi nào”
    - d. *Hoes, achri, mechri* (bàn thái cách)- “cho đến khi”
    - e. *Priv* (nguyên mẫu)- “trước”

- f. *Hos* – “từ khi” “khi”
2. Từ nối chỉ sự lô-gích
- a. Chỉ mục đích
- (1) *Hina, hopos, hos* (bàn thái cách)- “để mà”
  - (2) *Hoste* (nguyên mẫu đối cách)- “để”
  - (3) *Pros* (nguyên mẫu đối cách), *eis* (nguyên mẫu đối cách)- “để”
- b. Chỉ kết quả (có một sự liên hệ mật thiết giữa dạng ngữ pháp thuộc mục đích và kết quả)
- (1) *Hoste* (nguyên mẫu, đây là dạng thông dụng nhất)- “để mà”
  - (2) *Hiva* (bàn thái)- “để mà”
  - (3) *Ara*- “thì”
- c. Chỉ hệ quả hay lý do
- (1) *Gar* (nguyên nhân/hệ quả hay lý luận/kết luận)- “bởi vì”
  - (2) *Dioti, hotiy*- “bởi vì”
  - (3) *Epei, epeide, hos*- “vì”
  - (4) *Dia* (với đối cách) và (nguyên mẫu)- “bởi vì”
- d. Hàm ý, ám chỉ
- (1) *Ara, poinun, hoste*- “vì vậy”
  - (2) *Dio* (liên từ ám chỉ mạnh nhất)- “vì điều này,” “vì vậy”
  - (3) *Oun*- “vì vậy” “kết quả là”
  - (4) *Toinoun*- “do vậy”
- e. Tương phản
- (1) *Alla* (dạng tương phản mạnh)- “nhưng,” “trừ ra”
  - (2) *De*- “nhưng” “tuy nhiên,” “nhưng” “mặt khác”
  - (3) *Kai*- “nhưng”
  - (4) *Mentoi, oun*- “tuy nhiên”
  - (5) *Plen*- “tuy nhiên” (hầu hết là trong sách Lu-ca)
  - (6) *Oun*- “tuy nhiên”
- f. So sánh
- (1) *Hos, kathos* (giới thiệu các về câu so sánh)
  - (2) *Kata* (trong các từ kép, *katho, kathoti, kathosper, kathaper*)
  - (3) *Hosos* (trong thư Hê-bơ-rơ)
  - (4) *E*- “hơn”
- g. Tiếp diễn
- (1) *De*- ‘và’ “bây giờ”
  - (2) *Kai*- ‘và’
  - (3) *Tei*- ‘và’
  - (4) *Hina, oun*- ‘rằng’
  - (5) *Oun*- ‘sau đó’ (trong sách Giăng)
3. Các cách nhấn mạnh
- a. *Alla*- “chắc chắn,” “vâng” “thật ra”
  - b. *Ara*- “thực sự” “chắc vậy” “thật vậy”
  - c. *Gar*- “nhưng thật ra” “chắc vậy” “thực sự”
  - d. *De*- “thực sự”
  - e. *Ean*- “ngay cả”
  - f. *Kai*- “ngay cả,” “thực sự,” “thật ra”
  - g. *Mentoi*- “thực sự”
  - h. *Oun*- “thật sự”

## VII. CÂU ĐIỀU KIỆN

- A. CÂU ĐIỀU KIỆN là câu chứa đựng một hay nhiều về câu chỉ điều kiện. Cấu trúc ngữ pháp này giúp cho việc giải nghĩa bởi vì nó cung cấp các điều kiện, lý do, hoặc các nguyên nhân tại sao hành động của động

từ chính xảy ra hay không xảy ra. Có 4 loại câu điều kiện. Chúng giao động từ một trường hợp vốn cho là thật từ quan điểm của người viết hay để đạt mục đích của người viết đến trường hợp chỉ là sự mong ước.

- B. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT** diễn tả hành động hay trạng thái cho là thật từ quan điểm của người viết hay để đạt mục đích của người viết cho dù nó được diễn tả bằng chữ “nếu.” Trong một số trường hợp, nó có thể được dịch là “vì” (Ma-thi-ơ 4:3; Rô-ma 8:31). Tuy nhiên, nó không có nghĩa là tất cả các BẬC MỘT đều là thật trong thực tế. Thông thường nó được dùng để chứng minh một điểm nào đó trong một cuộc tranh luận hay để chỉ ra một sai lầm (Ma-thi-ơ 12:27).
- C. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC HAI** thường gọi là “đổi ngược sự kiện.” Nó nói đến một điều gì đó không có thật trong thực tế để chứng minh một điều gì đó. Ví dụ:
1. “Nếu hấn thật là một tiên tri, nhưng thật ra hấn không phải, hấn sẽ biết người phụ nữ đó là ai và như thế nào, và là người đã nắm lấy hấn, nhưng hấn không biết” (Lu-ca 7:39)
  2. “Nếu các người thật sự tin Môi-se, là điều các người không có, người sẽ tin Ta, là điều các người không làm (Giăng 5:46).
  3. “Nếu tôi tìm cách để làm đẹp lòng con người, là điều tôi không làm, tôi sẽ không phải là nô lệ của Đấng Christ, là điều tôi đang làm” (Ga-la-ti 1:10).
- D. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA** nói đến các hành động có thể xảy ra trong tương lai. Nó cho rằng các hành động này có thể xảy ra. Nó thường ám chỉ một sự dự phòng. Hành động trong động từ chính thường liên hệ đến hành động trong vế câu theo bậc này. Ví dụ: I Giăng 1:6-10; 2:4, 6, 9, 15, 20, 21, 24, 29; 3:21; 4:20; 5:14, 16.
- E. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** diễn tả bậc xa nhất của trường hợp có thể xảy ra. Nó rất hiếm trong Tân ước. Thật sự, không có một **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** hoàn chỉnh mà cả hai phần thỏa mãn định nghĩa này. Một ví dụ về một phần của **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** là vế câu mở đầu trong I Phi-e-rơ 3:14. Một ví dụ khác về **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** là vế câu kết thúc trong Công vụ 8:31.

## VIII. LỜI NGĂN CẤM (PROHIBITIONS)

- A. **CÂU MỆNH LỆNH HIỆN TẠI** với TIỀN TỐ ‘ME’ thường khi (không phải mọi lúc) nhấn mạnh sự ngưng một hành động đang diễn ra. Một số ví dụ như “ngưng chất chứa của cải người ở dưới đất..” (Ma-thi-ơ 6:19); “ngừng lo lắng về cuộc sống...” (Ma-thi-ơ 6:25); “ngưng giao cho tội lỗi các chi thể như là đồ dùng cho sự gian ác...” (Rô-ma 6:13); “người phải ngưng làm buồn Thánh Linh của Đức Chúa Trời...” (Ê-phê-sô 4:30); và “ngưng say rượu...” (5:18).
- B. **LỜI BÀN THÁI QUÁ KHỨ** với TIỀN TỐ ‘ME’ nhấn mạnh “đừng nghĩ đến chuyện bắt đầu một hành động” Một vài ví dụ “Đừng ngay cả bắt đầu suy nghĩ...” (Ma-thi-ơ 5:17); “đừng bao giờ bắt đầu lo lắng...” (Ma-thi-ơ 6:31); “đừng bao giờ hổ thẹn...” (II Ti-mô-thê 1:8).
- C. **PHỦ ĐỊNH KÉP (DOUBLE NEGATIVE)** đi chung với **LỜI BÀN THÁI** mang tính phủ định tuyệt đối. “Không bao giờ, thật không bao giờ” hay là “không có trong bất cứ hoàn cảnh nào.” Một vài ví dụ như: “sẽ không có bao giờ ném sự chết” (Giăng 8:51); “ta sẽ không bao giờ...” (I Cô-rinh-tô 8:13).

## IX. MẠO TỪ

- A. Trong tiếng Hy-lạp Koine, mạo từ xác định “the” giống với tiếng Anh. Chức năng chủ yếu của nó là “một con trỏ,” một cách để gây sự chú ý về một từ, một tên, hay một cụm từ. Cách dùng của nó thay đổi theo các trước giả trong Tân ước. Mạo từ xác định cũng có các chức năng sau:
1. Một dụng cụ làm tương phản giống như một đại từ chỉ định (demonstrative pronoun);
  2. Một dấu hiệu chỉ một chủ đề hay một người đã được đề cập đến ở phần trước;

3. Một cách để xác định chủ từ trong một câu với một động từ nối. Ví dụ: “Đức Chúa Trời là thần” Giăng 4:24; “Đức Chúa Trời là sự sáng” I Giăng 1:5; “Đức Chúa Trời là tình yêu thương” 4:8, 16.

B. Tiếng Hy-lạp Koine không có một mạo từ bất định như “a” “an” trong tiếng Anh. Sự vắng mặt của một mạo từ xác định có thể có ý:

1. Tập trung vào bản chất hay giá trị của một điều gì đó
2. Tập trung vào phân loại của một điều gì đó

C. Các trước giả Tân ước sử dụng mạo từ rất khác nhau.

## X. CÁCH NHẤN MẠNH TRONG TIẾNG HY LẠP CỦA TÂN ƯỚC

A. Kỹ thuật bày tỏ sự nhấn mạnh thay đổi theo các trước giả trong Tân ước. Các trước giả sử dụng có vẻ nhất quán và nghiêm chỉnh nhất là Lu-ca và trước giả sách Hê-bơ-rơ.

B. Chúng tôi đã nói ở phần trước rằng LỜI CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE INDICATIVE) là lời tiêu chuẩn, không bị gò bó để nhấn mạnh, nhưng bất cứ một thì nào, dạng nào, lời nào cũng có một tầm quan trọng của nó khi giải nghĩa. Điều này có nghĩa là LỜI CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ vẫn thường được dùng đến trong một ý nghĩa ngữ pháp quan trọng. Ví dụ: Rô-ma 6:10 (hai lần).

C. Thứ tự từ trong tiếng Hy-lạp Koine

1. Tiếng Hy-lạp Koine là một ngôn ngữ biến cách (inflected language) có nghĩa là nó không phụ thuộc vào thứ tự từ như trong tiếng Anh. Vì vậy, trước giả có thể thay đổi các thứ tự thông thường của nó để cho thấy:

- a. Điều trước giả muốn nhấn mạnh
- b. Điều trước giả nghĩ sẽ đem đến sự ngạc nhiên cho độc giả
- c. Điều trước giả thật sự cảm nhận sâu xa

2. Các trật tự từ tiêu chuẩn trong tiếng Hy-lạp vẫn là vấn đề chưa ngã ngũ. Tuy vậy, một thứ tự tạm gọi là thông thường sẽ là:

- a. Đối với động từ liên kết:
  - (1) Động từ
  - (2) Chủ từ
  - (3) Bổ ngữ (complement)
- b. Đối với ngoại động từ:
  - (1) Động từ
  - (2) Chủ từ
  - (3) Bổ ngữ (object)
  - (4) Bổ ngữ gián tiếp (indirect object)
  - (5) Cụm giới từ (prepositional phrase)

c. Đối với các cụm danh từ:

- (1) Danh từ
- (2) Từ bổ nghĩa (modifier)
- (3) Cụm giới từ

3. Thứ tự từ có thể mang ý nghĩa giải kinh vô cùng quan trọng. Ví dụ:

- a. “tay hữu họ trao tôi và Ba-na-ba của sự thông công” (Ga-la-ti 2:9) Cụm từ “tay hữu của sự thông công” được tách ra và đặt phía trước để nhấn mạnh sự quan trọng của nó.
- b. “với Đấng Christ” (Ga-la-ti 2:20), được đặt trước. Sự chết của Ngài là trọng tâm.
- c. “Từng hồi từng lúc trong nhiều cách” (Hê-bơ-rơ 1:1) được đặt trước. Cách Đức Chúa Trời tự mặc khải chính Ngài là điều quan trọng hơn, đối lại với sự kiện mặc khải ở đây.

D. Sự nhấn mạnh ở các mức độ khác nhau được biểu hiện qua:

1. Sự lặp lại đại từ vốn đã có sẵn trong dạng động từ được chia. ví dụ “Ta, chính ta, sẽ chắc chắn ở cùng các ngươi...” (Ma-thi-ơ 28:20).
  2. Sự vắng mặt các liên từ vốn thường được mong đợi, hoặc các từ nối giữa các từ, cụm từ, vế câu hay câu. Điều này gọi là sự bỏ liên từ (asyndeton) (“không bị ràng buộc”). Các từ nối thường được mong đợi phải có mặt, vì vậy nếu chúng vắng mặt sẽ tạo sự chú ý. Ví dụ:
    - a. Các phước lành, Ma-thi-ơ 5:3 và tiếp sau (nhấn mạnh danh sách này)
    - b. Giăng 14:1 (chủ đề mới)
    - c. Rô-ma 9:1 (phần mới)
    - d. II Cô-rinh-tô 12:20 (nhấn mạnh danh sách này)
  3. Sự lặp đi lặp lại các từ hay cụm từ trong một số ngữ cảnh nào đó. Ví dụ: “ngợi khen sự vinh hiển Ngài” (Ê-phê-sô 1:6, 12, 14). Cụm từ này được dùng để chỉ công tác của mỗi thân vị trong Ba ngôi.
  4. Cách sử dụng một thành ngữ hay một từ (một âm), cách chơi chữ giữa các từ.
    - a. Cách nói trại- thay thế từ cho những chủ đề cấm kỵ như “ngủ” để chỉ sự chết (Giăng 11:11-14) hay “chân” để chỉ bộ phận sinh dục nam (Ru-tơ 3:7-8; I Sa-mu-ên 24:3).
    - b. Lối nói vòng- thay thế chữ dùng cho danh của Chúa như “nước Trời” (Ma-thi-ơ 3:21) hoặc “tiếng từ trời” (Ma-thi-ơ 3:17).
    - c. Các hình thái tu từ:
      - (1) Sự nói thái quá (Ma-thi-ơ 3:9; 5:29-30; 19:24).
      - (2) Các câu nói gây đụng chạm (Ma-thi-ơ 3:5; Công vụ 2:36).
      - (3) Nhân cách hóa (I Cô-rinh-tô 15:55)
      - (4) Mía mai (Ga-la-ti 5:12)
      - (5) Đoạn văn thơ (Phi-líp 2:6-11)
      - (6) Chơi âm của các từ
        - i. “hội thánh ”
          - (a) “hội thánh ” (Ê-phê-sô 3:21)
          - (b) “kêu gọi” (Ê-phê-sô 4:1, 4)
          - (c) “được gọi” (Ê-phê-sô 4:1, 4)
        - ii. “tự do”
          - (a) “Người nữ tự do” (Ga-la-ti 4:31)
          - (b) “Sự tự do” (Ga-la-ti 5:1)
          - (c) “tự do” (Ga-la-ti 5:1)
    - d. Các thành ngữ- thường mang tính văn hóa và ngôn ngữ đặc trưng:
      - (1) Đây là cách nói bóng của từ “thức ăn” (Giăng 4:31-34)
      - (2) Đây là cách nói bóng của từ “đền thờ” (Giăng 2:19, Ma-thi-ơ 26:61).
      - (3) Đây là thành ngữ Hê-bơ-rơ chỉ sự thương xót, ‘ghen ghét’ (Sáng Thế 29:31; Phục truyền luật lệ ký 21:15; Lu-ca 14:36; Giăng 12:25; Rô-ma 9:13).
      - (4) “Tất cả” và “một số.” So sánh Ê-sai 53:6 (“tất cả”) với 53:11 và 12 (“một số”). Những chữ này đều đồng nghĩa như trong Rô-ma 5:18 và 19 cho thấy.
  5. Cách dùng một cụm từ đầy đủ các yếu tố ngữ học thay vì chỉ dùng một từ. Ví dụ: “Đức Chúa Jêsus Christ”
  6. Cách dùng đặc biệt của chữ *autos*
    - a. Khi đi với một mạo từ (ở vị trí thêm giá trị (attributive position)), thì nó được dịch là “giống.”
    - b. Khi không kèm theo một mạo từ (ở vị trí bổ ngữ (predicate position)), nó được dịch như là một đại từ phản tính nhấn mạnh- “chính anh ta,” “cô ta,” “chính nó.”
- E. Những người không đọc được Hy-lạp có thể xác định được những lối nhấn mạnh qua các cách sau:
1. Sử dụng các từ điển phân tích hoặc các bản Anh/Hy Lạp đối chiếu.
  2. Các bản dịch Anh ngữ đối chiếu, đặc biệt là từ các quan điểm dịch khác nhau. Ví dụ: so sánh bản dịch theo “từng chữ” (KJV, NKJV, ASV, NASB, RSV, NRSV) với cách dịch “thoát theo lối tương đương” (Williams, NIV, NEB, REB, JB, NJB, TEV). Một cuốn sách hữu ích ở đây là *The Bible in Twenty-Six Translations* xuất bản bởi nhà xuất bản Baker.
  3. Sử dụng cuốn *The Emphasized Bible* của Joseph Bryant Rotherham (Kregel, 1994).



#### 4. Sử dụng bản dịch theo nghĩa đen

a. *The American Standard Version* năm 1901

b. *Young's Literal Translation of the Bible* của Robert Young (Guardian Press, 1976).

Việc nghiên cứu ngữ pháp là một vấn đề rất tỉ mỉ, công phu, nhưng cần thiết để có thể giải nghĩa một cách hợp lý. Các định nghĩa, lời bình, và các thí dụ ngắn ngủi này nhằm mục đích khuyến khích và trang bị cho độc giả không quen với tiếng Hy-lạp có thể tận dụng các chú thích ngữ pháp có trong tập sách này. Chắc chắn rằng những định nghĩa này rất đơn sơ. Đừng nên sử dụng chúng một cách cứng nhắc, giáo điều, nhưng chỉ là các viên đá bước tiếp đến một sự hiểu biết rõ hơn về các cú pháp Tân ước. Mong ước rằng các định nghĩa này cũng giúp độc giả hiểu được các lời giải thích trong các sách trợ giúp cho việc nghiên cứu chẳng hạn như các sách giải kinh chuyên môn về Tân ước.

Chúng ta phải xác định sự giải thích của chúng ta dựa trên những thông tin có được trong bản văn. Ngữ pháp là một trong những công cụ hữu hiệu nhất; các công cụ khác như bối cảnh lịch sử, ngữ cảnh, cách sử dụng từ, và các đoạn văn đối xứng nhau.

# PHỤ LỤC HAI

## PHÊ BÌNH VĂN BẢN

Chủ đề này được bàn đến với mục tiêu giúp giải thích các chú thích về văn bản có trong tập sách này. Dàn ý sau đây sẽ được dùng đến:

### I. Các nguồn văn bản của Kinh Thánh tiếng Anh

A. Cựu ước

B. Tân ước

### II. Giải thích ngắn về vấn đề và lý thuyết của “hạ phê bình” cũng gọi là “phê bình văn bản”

### III. Tư liệu đề nghị để đọc thêm

### I. Các nguồn văn bản của Kinh Thánh tiếng Anh:

#### A. Cựu ước

1. Bản Masoretic (MT)- Bản phụ âm Hê-bơ-rơ được bắt đầu bởi Rabi Aquiba vào năm 100 SCN. Các dấu nguyên âm, dấu nhấn, chú thích bên lề, chấm phẩy được bắt đầu thêm vào từ thứ kỷ thứ 6 SCN và hoàn tất vào thế kỷ thứ chín. Nó được thực hiện bởi một dòng các học giả Do thái gọi là Masorettes. Dạng văn bản họ sử dụng cũng giống với các bản trong Mishna, Talmud, Targums, Peshitta, và Vulgate.
2. Bản LXX- Truyền thống cho rằng bản LXX được thực hiện bởi 70 học giả Do thái trong 70 ngày cho thư viện Alexandria dưới sự bảo trợ của vua Ptolemy II (năm 285-246 TCN). Người ta cho rằng bản dịch này được thực hiện bởi yêu cầu của một lãnh đạo Do thái sống ở Alexandria. Truyền thống này dựa vào “Lá thư của Aristeas.” Bản LXX thường dựa vào một truyền thống Hê-bơ-rơ khác với bản của Rabi Aquiba (MT).
3. Cuộn biển chết (DSS)- Cuộn biển chết được viết trong thời kỳ của đế quốc La mã trước Công nguyên (200 TCN-70 SCN) bởi một nhóm Do thái phân lập gọi là “Essenes.” Các bản tiếng Hê-bơ-rơ được tìm thấy ở nhiều nơi xung quanh khu vực Biển chết, cho thấy một trường phái văn bản có khác với cả hai trường phái MT và LXX.
4. Một vài ví dụ cụ thể cho thấy cách đối chiếu các bản văn giúp các nhà giải kinh hiểu hơn về Cựu ước
  - a. Bản LXX đã giúp các nhà dịch thuật và học giả hiểu thêm bản MT
    - (1) Ê-sai 52:14 của bản LXX, “khi nhiều người sẽ ngạc nhiên về người.”
    - (2) Ê-sai 52:14 của bản MT, “như nhiều người đã kinh ngạc về người”
    - (3) Trong Ê-sai 52:15 sự phân biệt đại từ được xác định trong bản LXX:
      - i. Bản LXX, “cũng vậy nhiều nước sẽ ngạc nhiên về người”
      - ii. Bản MT, “và người sẽ vậy rửa trên các nước”
  - b. Bản Cuộn biển chết (DSS) giúp các nhà dịch thuật và học giả hiểu thêm bản MT
    - (1) Ê-sai 21:8 của bản DSS, “người tiên tri la lên, tôi đứng trên một cái tháp canh...”
    - (2) Ê-sai 21:8 của bản MT, “và tôi la lên một con sư tử! Chúa tôi, tôi vẫn luôn đứng nơi tháp canh ngày này...”
  - c. Cả hai bản LXX và DSS giúp làm rõ ý nghĩa câu Ê-sai 53:11
    - (1) Bản LXX và DSS, “sau sự khốn khổ của linh hồn mình, người sẽ thấy ánh sáng, người sẽ được thỏa mãn”
    - (2) MT, “người sẽ thấy... sự khốn khổ của linh hồn mình, Người sẽ thỏa mãn”

#### B. Tân ước

1. Có khoảng hơn 5.300 bản thảo của toàn bộ hay một phần Tân ước tiếng Hy-lạp còn lại ngày nay. Khoảng 85 bản được viết trên giấy papyrus và 268 bản viết bằng chữ viết hoa (uncials). Sau đó khoảng thế kỷ thứ 9 SCN, bản viết chữ nhỏ phát triển (minuscule). Các bản Hy-lạp ở dạng viết có khoảng 2.700 bản. Chúng ta cũng có khoảng 2.100 bản liệt kê các đoạn Kinh Thánh dùng trong thờ phượng mà chúng ta gọi là những bài giảng theo năm (lectionaries).
2. Khoảng 85 bản tiếng Hy-lạp chứa một số phần của Tân ước viết trên giấy papyrus được lưu giữ trong các viện bảo tàng. Một số mang năm tuổi từ thế kỷ thứ hai SCN, nhưng hầu hết đều từ thế kỷ thứ ba hay thứ tư SCN. Không có một bản nào trong các bản này chứa đựng toàn bộ Tân ước. Không phải bởi

vì chúng là những bản cổ nhất thì đương nhiên chúng sẽ có ít dị bản. Nhiều bản trong số này được sao chép rất hồi hã để dùng trong nội bộ. Người ta đã không thật sự cẩn thận trong quá trình sao chép. Vì vậy, nó có nhiều điểm khác nhau (variants).

3. Bản Codex Sinaiticus, được gọi theo chữ Hê-bơ-rơ *a* (*aleph*) hay là (01), được tìm thấy tại tu viện thánh Catherine trên núi Si-na-i bởi Tischendorf. Nó có năm tuổi từ thế kỷ thứ 4 SCN, và chứa đựng cả Cựu ước của bản LXX và Tân ước tiếng Hy-lạp. Nó thuộc về dạng “văn bản Alexandrian.”
4. Bản Codex Alexandrinus, cũng được biết với tên gọi “A” hay là (02), là bản tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 được tìm thấy ở Alexandria, Ai cập.
5. Bản Codex Vaticanus, cũng gọi là “B” hay (03), được tìm thấy trong thư viện Vatican ở Roma và có năm tuổi từ giữa thế kỷ thứ 4 SCN. Nó chứa cả bản LXX Cựu ước và Tân ước tiếng Hy-lạp. Nó thuộc về dạng “văn bản Alexandrian.”
6. Bản Codex Ephraemi, cũng gọi là “C” hay (04), một bản bằng tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 và đã bị hủy đi một phần.
7. Bản Codex Bezae, cũng gọi là “D” hay là (05), là bản tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 hay 6. Nó là đại diện chính của cái gọi là “Bản Tây phương.” Nó chứa đựng nhiều phần thêm vào và là nhân chứng Hy-lạp chính cho bản dịch King James.
8. Các bản Tân ước có thể được nhóm thành 3 hoặc 4 gia đình có chung một số đặc tính:
  - a. Bản Alexandria từ Ai cập
    - (1) P<sup>75</sup>, P<sup>66</sup> (khoảng năm 200 SCN), ghi lại các sách Phúc âm
    - (2) P<sup>46</sup> (khoảng năm 225 SCN), ghi lại các lá thư của Phao-lô
    - (3) Bản P<sup>72</sup> (khoảng năm 225-250 SCN), ghi lại Phi-e-rơ và Giu-đê
    - (4) Bản Codex B, hay là Vaticanus (khoảng năm 325 SCN) bao gồm trọn Cựu ước và Tân ước
    - (5) Các câu trích của Origen từ loại văn bản này
    - (6) Các văn bản khác có loại văn bản *a*, C, L, W, 33
  - b. Bản Tây phương từ Bắc Phi
  - c. Bản Đông Byzantine từ Constatinople
  - d. Loại thứ tư “Caesarean” từ Palestine
    - (1) Chỉ được thấy chủ yếu trong sách Mác
    - (2) Các bằng chứng cho nó là bản P<sup>45</sup> và W

## II. Các vấn đề và lý thuyết của “hạ phê bình” hay “phê bình bản văn”

### A. Các dị bản xảy ra như thế nào

1. Do sơ suất, tình cờ (phần lớn các trường hợp)
  - a. Trượt mắt khi chép tay dẫn đến việc nhìn chữ giống nhau nằm ở sau đó và do vậy bỏ mất những chữ nằm giữa hai chữ giống nhau này (homoioteleuton)
    - (1) Trượt mắt khiến bỏ mất một chữ đôi hay cụm từ đôi (haplography)
    - (2) Trượt đi trong trí khiến lặp lại một cụm từ hay một hàng trong bản Hy-lạp (dittography)
  - b. Nghe trượt khi chép xuống bởi một người đọc làm cho viết sai chữ (itacism). Thường thì chữ viết sai hàm ý hay viết một chữ Hy-lạp khác có cùng âm
  - c. Các bản tiếng Hy-lạp cổ nhất không có chia theo chương hay câu, ít hoặc không có các dấu chấm câu và không có khoảng cách giữa các chữ. Rất có thể có trường hợp các ký tự được tách ra ở những chỗ khác nhau dẫn đến việc tạo ra những chữ khác nhau.
2. Do chủ ý
  - a. Thay đổi để cải tiến dạng ngữ pháp của bản văn được sao chép
  - b. Thay đổi để làm cho bản văn đó hài hòa với các bản Kinh Thánh khác (sự hài hòa đối xứng)
  - c. Thay đổi bằng cách kết hợp hai hay nhiều dị bản khác ghép lại thành một bản dài hơn (conflation)
  - d. Thay đổi để chỉnh lại một vấn đề được nhận ra trong bản văn (I Cô-rinh-tô 11:27 và I Giăng 5:7-8)
  - e. Một vài thông tin thêm vào liên quan đến bối cảnh lịch sử hay cách giải kinh đúng đắn cho bản văn được ghi ở ngoài lề bởi người sao chép trước nhưng lại được chép vào ngay bản văn bởi người sao chép sau đó (Giăng 5:4)

### B. Các điểm căn bản của phê bình bản văn (bảng hướng dẫn theo lô-gích để giúp xác định đâu là bản văn nguyên thủy khi vấn đề dị bản xuất hiện)

1. Bản văn vụng về, ngược ngui, rất rối nhất hay bất thường nhất về mặt ngữ pháp có thể là bản nguyên thủy
2. Bản ngắn nhất có thể là bản nguyên thủy
3. Bản cổ hơn có trọng lượng hơn bởi vì nó gần với bản nguyên thủy hơn về mặt lịch sử, mọi điều khác đều như nhau
4. Các bản phân tán khắp nơi về mặt địa lý thường có một bản nguyên thủy
5. Các bản có tính giáo lý yếu hơn, đặc biệt là những bản liên hệ đến các cuộc bàn luận về các chủ đề thần học chính trong thời gian có sự thay đổi trong các bản văn, ví dụ như giáo lý Ba Ngôi trong I Giăng 5:7-8, là bản được chuộng hơn.
6. Bản giải thích được rõ nhất nguồn gốc của các dị bản khác
7. Có hai câu trích giúp cho thấy sự quân bình trong vấn đề dị bản gây khó khăn này
  - a. J. Harold Greenlee trong cuốn *Introduction to New Testament Textual Criticism* cho biết, “Không có một giáo lý Cơ đốc nào treo trên một bản văn gây tranh cãi; và các học trò của Tân ước phải xem chừng việc mình muốn bản văn của mình chính thống hơn hay có tính giáo lý mạnh mẽ hơn là bản nguyên thủy được linh cảm” (trang 68).
  - b. W.A. Criswell nói với Greg Garrison trong tờ *The Birmingham News* rằng ông không tin mọi chữ trong Kinh Thánh đều được linh cảm, “ít ra là không phải mọi chữ đã được đưa ra cho công chúng hiện đại ngày nay bởi các nhà dịch thuật hàng thế kỷ trước.” Criswell nói tiếp, “Tôi cũng là một tín đồ của việc phê bình bản văn. Do đó, tôi nghĩ phần nửa cuối của chương 16 trong sách Mác là tà giáo; nó không được linh cảm, nó chỉ là sự bịa đặt... Khi ta so sánh các bản khác cổ hơn, không có cái gọi là phần kết luận của sách Mác. Một ai đó đã thêm vào...”  
 Ông tổ của trường phái cho rằng Kinh Thánh không sai thuộc giáo hội Báp-tít nam phương này cũng tuyên bố rằng “sự tự thêm ý” có trong Giăng 5, chuyện Chúa Jê-sus ở ao Bê-tết-đa. Và ông cũng nói về hai ghi chép khác nhau về sự tự tử của Giu-đa (Ma-thi-ơ 27 và Công vụ 1): “Đó chỉ là các quan điểm khác nhau về sự tử tử,” Criswell nói, “nếu nó ở trong Kinh Thánh, nó phải có lời giải thích cho điều này. Và cả hai sự tường thuật về sự chết của Giu-đa đều có trong Kinh Thánh.” Criswell thêm, “Phê bình văn bản tự nó là một khoa học tuyệt vời. Nó không phải là chóng qua, nó không phải là vô lý. Nó năng động và quan trọng...”

### III. Các vấn đề về bản văn

#### A. Các sách đề nghị để đọc thêm

1. *Biblical Criticism: Historical, Literacy and Textual*, của R.H. Harrison
2. *The Text of the New Testament: Its Transmission, Corruption, and Restoration*, của Bruce M. Metzger
3. *Introduction to New Testament Textual Criticism* của J. H. Greenlee

# PHỤ LỤC BA

## TỪ ĐIỂN THUẬT NGỮ

**Thuyết nhận làm con nuôi (Adoptionism)** Đây là một trong những quan điểm ban đầu về sự liên hệ của Chúa Jê-sus và thần tính. Về căn bản, nó khẳng định rằng Chúa Jê-sus là một con người bình thường trong mọi cách và được nhận làm con nuôi trong một ý nghĩa đặc biệt bởi Đức Chúa Trời qua phép báp-têm của Ngài (Ma-thi-ơ 3:17; Mác 1:11) hoặc qua sự sống lại của Ngài (Rô-ma 1:4). Chúa Jê-sus đã sống một cuộc sống rất gương mẫu đến nỗi Đức Chúa Trời, trong một lúc nào đó, (qua phép báp-têm, hay qua sự sống lại) đã nhận Jê-sus làm “con” của Ngài (Rô-ma 1:4; Phi-líp 2:9). Đây là quan điểm thiểu số trong thế kỷ thứ 8 và ở thời kỳ hội thánh đầu tiên. Thay vì là Đức Chúa Trời trở thành người (sự nhập thể) nó đổi ngược lại thành người trở thành Trời!

Thật khó mà diễn tả được thể nào Chúa Jê-sus, Đức Chúa Con, đấng thần linh đã có từ trước, được tưởng thưởng và tôn cao vì đã sống đời sống gương mẫu. Nếu Ngài đã là Đức Chúa Trời, thì làm sao Ngài lại được ban thưởng? Nếu Ngài đã có sự vinh quang thiêng liêng hiện hữu từ trước, thì tại sao Ngài lại được tôn cao thêm nữa? Mặc dù thật khó để hiểu được điều này, Đức Chúa Cha làm thế nào đó đã tôn vinh Chúa Jê-sus trong một ý nghĩa đặc biệt vì sự làm thành hoàn toàn ý chí của Đức Chúa Cha.

**Trường phái Alexandrian** Phương pháp giải nghĩa Kinh Thánh này được phát triển từ Alexandria, Ai cập vào thế kỷ thứ hai SCN. Nó sử dụng các nguyên tắc giải kinh căn bản của Philo, là một học trò của Plato. Nó được gọi là phương pháp ngụ ngôn (allegorical method). Nó có ảnh hưởng lớn trong giáo hội cho tới thời Cải chánh. Những người ủng hộ hùng hồn nhất là Origen và Augustine. Xin xem sách của Moises Silva, *Has the Church Misread the Bible?* (Academic, 1987).

**Bản Alexandrinus** Bản văn tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 từ Alexandria, Ai cập, bao gồm Cựu ước, Ngũ kinh, và phần lớn Tân ước. Nó là một trong những nhân chứng chính của chúng ta cho toàn bộ Tân ước tiếng Hy-lạp (trừ một số phần trong Ma-thi-ơ, Giăng, và II Cô-rinh-tô). Một khi bản văn này, được gọi là “A,” và bản văn “B,” tức là bản Vaticanus trùng hợp với nhau, thì phần được xem xét đó được kể là nguyên thủy theo hầu hết các học giả trong hầu hết các trường hợp.

**Ngụ ngôn (Allegory)** Đây là phương pháp giải nghĩa Kinh Thánh xuất phát từ Do thái giáo thuộc Alexandria. Nó được phổ biến bởi Philo từ Alexandria. Trọng tâm của nó là muốn làm cho Kinh Thánh trở nên hợp thời với văn hóa và hệ thống triết lý của người đọc bằng cách bỏ qua các bối cảnh lịch sử hoặc/và các bối cảnh ngữ văn nguyên thủy. Nó tìm kiếm ý nghĩa thiêng liêng kín đáo đằng sau mỗi bản văn của Kinh Thánh. Cần phải nhìn nhận rằng Chúa Jê-sus trong Ma-thi-ơ 13 và Phao-lô trong Ga-la-ti 4 đã dùng ẩn dụ để truyền đạt lẽ thật. Tuy nhiên, đây là một dạng hình bóng học (typology), chứ không phải thuần ngụ ngôn.

**Tự điển phân tích (Analytical lexicon)** Đây là một công cụ nghiên cứu cho phép chúng ta xác định mọi dạng chữ của tiếng Hy-lạp trong Tân ước. Đây là một tập tài liệu tổng hợp theo thứ tự chữ cái tiếng Hy-lạp, theo dạng và cung cấp các định nghĩa căn bản. Khi kết hợp nó với các bản dịch đối chiếu, những người không quen với tiếng Hy-lạp có thể phân tích các điểm ngữ pháp và cú pháp của Tân ước.

**Tính tương đương của Kinh Thánh (Analogy of Scripture)** Đây là cụm từ dùng để diễn tả quan điểm cho rằng cả Kinh Thánh đều được linh cảm bởi Đức Chúa Trời và vì vậy nó không mâu thuẫn với nhau nhưng bổ sung cho nhau. Sự xác nhận có tính chất giả định trước như vậy là nền tảng để sử dụng các phân đoạn tương đương với nhau khi giải nghĩa một bản văn.

**Tính không rõ ràng (Ambiguity)** Điều này chỉ sự không rõ ràng đến từ một văn bản khi nó có thể có hai hay nhiều ý nghĩa hoặc khi có hai hay nhiều điều được đề cập đến trong một lúc. Có thể Giăng đã sử dụng phương pháp mơ hồ có chủ đích (lời hai ý (double entendres)).

**Hình nhân (Anthropomorphic)** Nghĩa là “có đặc tính liên hệ đến con người,” thuật ngữ này được dùng để diễn tả ngôn ngữ của chúng ta về Đức Chúa Trời. Nó xuất phát từ chữ Hy-lạp có nghĩa là người. Nó có nghĩa rằng chúng ta nói về Chúa như thể Ngài là con người. Đức Chúa Trời được mô tả qua các từ ngữ vật chất, xã hội, và tâm lý liên hệ đến con người (Sáng Thế 3:8; I Các Vua 22:19-23). Dĩ nhiên, đây chỉ là sự so sánh. Tuy vậy, không có một phân loại nào khác ngoài phân loại của con người để chúng ta có thể dùng. Do đó, hiểu biết của chúng ta về Đức Chúa Trời, mặc dù đúng, nhưng vẫn có giới hạn.

**Trường phái An-ti-ốt (Antiochian School)** Phương pháp giải nghĩa Kinh Thánh này được phát triển ở An-ti-ốt, Sy-ri-a vào thế kỷ thứ 3 SCN như là một phản ứng đối lại với phương pháp ngu ngôn của trường phái Alexandria ở Ai cập. Chủ yếu của nó là tập trung vào ý nghĩa lịch sử của Kinh Thánh. Nó giải thích Kinh Thánh như một tác phẩm văn chương bình thường của con người. Trường phái này dần dần rơi vào sự tranh cãi về vấn đề có phải Đấng Christ có hai bản chất (Nestorianism) hay chỉ có một (vừa hoàn toàn con người, vừa hoàn toàn Trời). Nó bị gán cho là tà giáo bởi Giáo hội Công giáo La mã và phải dời đi đến Persia nhưng nó đã không có một ảnh hưởng quan trọng nào. Các nguyên tắc giải kinh căn bản của nó sau đó trở thành nguyên tắc giải nghĩa của các nhà cải chánh Tin lành cổ điển (Luther và Calvin).

**Phép đối chọi (Antithetical)** Đây là một trong ba từ ngữ dùng mô tả mối liên hệ giữa các hàng trong văn thư Hê-bơ-rơ. Nó liên hệ đến các hàng thư có ý nghĩa đối chọi nhau (Châm-ngôn 10:1; 15:1).

**Văn chương Khải thị (Apocalyptic literature)** Đây là một thể loại có lẽ thuần khiết, hoặc phần lớn là Do thái. Đây là loại văn bí ẩn dùng trong những lúc bị xâm lăng hay chiếm đóng bởi các cường quyền ngoại bang. Nó cho rằng một Đức Chúa Trời cá nhân, hay giải cứu đã tạo dựng nên thế giới và điều khiển các hoạt động trên thế giới, và rằng Y-sơ-ra-ên là dân tộc được Ngài quan tâm và chăm sóc đặc biệt. Loại văn chương này hứa hẹn chiến thắng cuối cùng từ sự giúp đỡ đặc biệt của Chúa.

Nó có đầy những từ hình bóng và giàu tương tượng diễn tả qua các từ ngữ bí ẩn. Nó thường diễn tả lẽ thật qua các màu sắc, con số, khái tượng, sự hiện thấy, gặp gỡ thiên thần, các chữ mang mã số và thường mang tính nhị nguyên giữa thiện và ác.

Một vài ví dụ về dạng văn chương này là (1) trong Cựu ước, sách Ê-xê-chi-ên (chương 36-48), Đa-ni-ên (chương 7-12), Xa-cha-ri; và (2) trong Tân ước, Ma-thi-ơ 24; Mác 13; II Tê-sa-lô-ni-ca 2 và Khải huyền.

**Người biện giải (Apologist, apologetics)** Chữ này xuất phát từ gốc từ Hy-lạp “sự biện hộ pháp lý.” Đây là một nhánh trong thần học nhằm đưa ra các bằng chứng và các cuộc bàn luận theo lý lẽ cho ủng hộ cho đức tin Cơ đốc.

**Tiên nghiệm (A priori)** Chữ này hầu như đồng nghĩa với từ “phỏng định trước.” Nó bao gồm sự lý giải từ các định nghĩa, nguyên tắc, hay quan điểm đã được chấp nhận trước đó là đúng. Chính điều đó là điều được chấp nhận mà không cần phải xem xét hay phân tích.

**Thuyết Arianism** Arius là một giáo phụ ở Alexandria, Ai cập vào thế kỷ thứ 3 và đầu 4. Ông cho rằng Chúa Jêsus đã có từ trước nhưng không phải là thần (không cùng bản chất với Đức Chúa Cha), có lẽ là dựa theo Châm-ngôn 8:22-31. Một giám mục ở Alexandria đã thách thức quan điểm này và đã mở màn cuộc tranh cãi (năm 318 SCN) kéo dài nhiều năm. Thuyết Arianism trở thành tín điều chính thức của Đông giáo hội. Hội đồng Nicaea năm 325 SCN đã lên án Arius và khẳng định sự đồng đẳng và đồng bản chất thần tính của Đức Chúa Con.

**Aristotle** Ông là một trong các triết gia Hy Lạp cổ, học trò của Plato và là thầy của Alexander đại đế. Ảnh hưởng của ông, ngay cả ngày nay, thâm nhập vào nhiều lãnh vực học thuật hiện đại. Lý do là vì ông đã nhấn mạnh tri thức thông qua quan sát và phân loại. Đây là một trong những điểm mấu chốt của phương pháp khoa học.

**Bản viết tay (Autograph)** Đây là chữ dùng cho các bản viết tay nguyên thủy của Kinh Thánh. Những bản viết tay nguyên thủy này đã bị mất hoàn toàn. Chỉ còn lại những bản sao chép mà thôi. Đây là nguồn gốc của nhiều dị bản trong các bản văn tiếng Hy-lạp và Hê-bơ-rơ và các ấn bản cổ khác.

**Bản Bezae** Đây là bản văn bằng tiếng Hy-lạp và Latin vào thế kỷ thứ 6 SCN. Nó được gọi là bản “D.” Nó chứa đựng các sách Phúc âm, Công vụ và một số thư tín. Đặc điểm của nó là có rất nhiều phần được người sao chép thêm vào. Nó hình thành nền tảng cho bản “Textus Receptus,” bản văn Hy-lạp tiêu chuẩn truyền thống đằng sau bản King James.

**Thành kiến** Đây là từ dùng để diễn tả một thành kiến mạnh mẽ về một đối tượng hay một quan điểm. Nó là quan điểm cho rằng sự không thiên vị không thể có được về một đối tượng cụ thể hay một quan điểm. Đây là luận điểm thiên vị.

**Thẩm quyền Kinh Thánh** Chữ này được dùng trong một ý nghĩa rất chuyên biệt. Nó được định nghĩa là sự nhận biết điều tác giả nguyên thủy muốn nói cho thời của họ và áp dụng lẽ thật đó trong thời của chúng ta ngày nay. Thẩm quyền Kinh Thánh thường được định nghĩa là việc xem chính Kinh Thánh là sự hướng dẫn có thẩm quyền duy nhất của chúng ta. Tuy nhiên, nhận thấy được những sự giải nghĩa sai lầm hiện tại, tôi đã giới hạn khái niệm này trong khuôn khổ Kinh Thánh khi được giải nghĩa bởi các nguyên tắc chính của phương pháp lịch sử-ngữ pháp.

**Qui diễn** Đây là từ dùng để diễn tả các bản văn mà người ta tin rằng đã được linh cảm cách đặc biệt. Nó được dùng chỉ cả Cựu và Tân ước.

**Trọng tâm Đấng Christ (Christocentric)** Đây là từ dùng để diễn tả tính trung tâm của Chúa Jêsus. Tôi dùng nó liên kết với khái niệm Jêsus là Chúa trong toàn bộ Kinh Thánh. Cựu ước chỉ về Ngài và Ngài là sự hoàn thành và mục tiêu của Cựu ước (Ma-thi-ơ 5:17-48).

**Giải kinh** Đây là tập sách nghiên cứu chuyên môn. Nó cung cấp các thông tin căn bản về một sách trong Kinh Thánh. Sau đó nó cố gắng giải thích ý nghĩa của từng phần trong sách đó. Một số tập trung vào phần ứng dụng, số khác đề ý đến bản văn trong cách chuyên môn hơn. Những cuốn sách này rất ích lợi, nhưng chỉ nên dùng sau khi chúng ta đã sơ bộ nghiên cứu riêng về điều mình muốn tìm hiểu. Không bao giờ nên chấp nhận sự giải nghĩa của các nhà giải kinh mà không thắc mắc hay chất vấn điều gì. Đối chiếu các bản giải kinh từ các lập trường thần học khác nhau cũng có nhiều lúc đem lại lợi ích.

**Thánh kinh phù dẫn (Concordance)** Đây là một công cụ nghiên cứu học Kinh Thánh. Nó liệt kê mọi lần xuất hiện của mỗi chữ trong Cựu và Tân ước. Nó giúp ích như sau: (1) xác định các chữ Hy-lạp hay Hê-bơ-rơ đằng sau một từ ngữ tiếng Anh cụ thể; (2) so sánh các bản văn nơi những chữ Hy-lạp và Hê-bơ-rơ giống nhau được sử dụng; (3) chỉ cho thấy những chỗ hai chữ Hê-bơ-rơ hay Hy-lạp khác nhau được dịch bằng chỉ một từ trong tiếng Anh; (4) cho biết số lần sử dụng của một số từ trong một số sách hay tác giả; (5) giúp tìm một đoạn văn trong Kinh Thánh (xem Walter Clark *How to Use New Testament Greek Study Aids*, trang 54-55).

**Cuộn Biển Chết (Dead Sea Scrolls)** Chữ này chỉ một loạt các bản viết cổ bằng tiếng Hê-bơ-rơ và Aram được tìm thấy nơi khu vực gần Biển Chết vào năm 1947. Chúng là các thư viện tôn giáo của một phái thuộc Do thái giáo vào thế kỷ thứ nhất. Sức ép của sự chiếm đóng từ người La mã và các cuộc chiến quá khốc của những năm 60 đã khiến họ phải giấu đi các cuộn giấy da này được hàn kín trong các chai sành sứ để ở trong các hang động hay lỗ. Chúng giúp chúng ta hiểu hơn về bối cảnh lịch sử của thế kỷ thứ 1 vùng Palestine và cũng đã xác nhận bản Masoretic Text là rất chính xác, ít ra là từ thời kỳ rất sớm của thời đại trước Công nguyên. Chúng được viết tắt với chữ “DSS.”

**Suy diễn (Deductive)** Phương pháp lý luận này đi từ các nguyên tắc chung đến những áp dụng cụ thể bằng cách lý luận. Nó đối lại với phương pháp suy luận quy nạp, là phương pháp khoa học đi từ những cái cụ thể được quan sát đến những kết luận chung tổng quát (những lý thuyết).

**Biện chứng (Dialectical)** Đây là phương pháp lý luận qua đó điều được xem dường như mâu thuẫn hay nghịch lý được giữ chung lại với nhau trong một tình trạng căng thẳng, tìm kiếm một câu trả lời thống nhất bao gồm cả

hai phía của một nghịch lý. Rất nhiều giáo lý Kinh Thánh là những cặp biện chứng như, Tiền định - Ý chí tự do; sự cứu rỗi chắc chắn- sự kiên trì trong đức tin; đức tin- việc làm; quyết định- tiến trình môn đồ hóa; sự tự do của Cơ đốc nhân- trách nhiệm của Cơ đốc nhân.

**Dân lưu đày (Diaspora)** Đây là thuật ngữ Hy-lạp dùng bởi những người Do thái ở Palestine để chỉ những người Do thái khác đang sống ngoài biên giới địa lý của Đất hứa.

**Lỗi dịch thoát tương đương (Dynamic equivalent)** Đây là một lý thuyết dịch Kinh Thánh. Việc dịch Kinh Thánh có thể được xem xét trên một dãy đánh giá từ quan điểm ‘dịch từng chữ’, tức là mỗi chữ tiếng Hy-lạp hay Hê-bơ-rơ đều phải có một chữ tiếng Anh tương đương, đến quan điểm “dịch ý” tức là chỉ dịch ý tưởng mà không chú trọng nhiều đến từ ngữ hoặc cụm từ nguyên gốc. Ở giữa hai lý thuyết này là quan điểm dịch “thoát tương đương” là nỗ lực xem xét bản nguyên gốc một cách nghiêm túc, nhưng dịch bằng các dạng và thành ngữ của ngữ pháp hiện đại. Phần bàn luận rất tốt về lý thuyết các bản dịch được tìm thấy trong sách của Fee và Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 35 và sách của Robert Bratcher *Introduction to the TEV*.

**Chiết trung (Eclectic)** Chữ này được dùng chung với vấn đề phê bình bản văn. Nó chỉ thói quen chọn các bản văn từ các bản Hy-lạp khác nhau để đi đến một bản được xem là gần với nguyên bản nhất. Nó gạt bỏ quan điểm cho rằng bất cứ một họ văn bản Hy-lạp nào đều thu nhận được bản gốc.

**Đọc (ý mình) vào bản văn (Eisegesis)** Đây là sự đối lập của việc giải thích Kinh Thánh (exegesis). Nếu việc giải nghĩa Kinh Thánh (exegesis) là “dẫn ra” từ ý tưởng nguyên thủy của trước giả, thì thuật ngữ ‘eisegesis’ hàm ý “đem vào” trong bản văn một ý tưởng hay ý kiến lạ từ bên ngoài.

**Từ nguyên học (Etymology)** Đây là một khía cạnh của việc nghiên cứu từ ngữ nhằm tìm hiểu chắc chắn ý nghĩa nguyên gốc của một từ ngữ. Từ ý nghĩa gốc này, một số cách sử dụng chuyên biệt sẽ được dễ dàng phát hiện ra. Trong sự giải nghĩa, từ nguyên học không phải là trọng tâm chính, nhưng là ý nghĩa và việc sử dụng từ ngữ này đương thời.

**Giải nghĩa (Exegesis)** Đây là từ ngữ chuyên môn dành cho việc giải nghĩa một đoạn văn cụ thể. Nó có nghĩa là “dẫn ra” (từ bản văn), hàm ý rằng mục đích của chúng ta là nhằm hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy trong ánh sáng của bối cảnh lịch sử, bối cảnh ngữ văn, cú pháp và ý nghĩa từ ngữ đương thời của nó.

**Thể loại văn chương (Genre)** Đây là một thuật ngữ tiếng Pháp chỉ các thể loại văn chương khác nhau. Điểm chủ yếu của từ này là sự phân chia các dạng văn chương thành các loại khác nhau là những loại có cùng đặc điểm với nhau: tường thuật lịch sử, văn thơ, châm ngôn, khái thị và hành pháp.

**Trí huệ giáo (Gnosticism)** Hầu hết những điều chúng ta biết được về tà giáo này là từ các bài viết của trí huệ giáo ở thế kỷ thứ 2. Tuy nhiên, các ý tưởng phôi thai của nó đã có từ thế kỷ thứ 1 và trước đó nữa.

Một vài điểm căn bản của Trí huệ giáo theo nhóm Valentian và Cerinthian là (1) vật chất và thần linh cùng hiện hữu đời đời (thuyết nhị nguyên về bản chất); (2) có các vật phát ra (emanations) giữa Đức Chúa Trời và vật chất (*eons* hay các cấp bậc thiên thần). Bậc cuối cùng và thấp nhất là Đức Giê-hô-va của Cựu ước, đáng đã dựng nên vũ trụ (kosmos); (3) Jê-sus cũng là một vật phát ra giống như Giê-hô-va nhưng ở đẳng cấp cao hơn, gần với Đức Chúa Trời thật hơn. Một số đặt Ngài ở vị trí cao nhất nhưng vẫn thấp hơn Đức Chúa Trời và dĩ nhiên không phải là Đấng nhập thể (Giăng 1:14). Bởi vì vật chất là ác, Jê-sus không thể có thân thể con người mà vẫn là thần. Ngài là một con ma thần (I Giăng 1:1-3; 4:1-6); và (4) sự cứu rỗi nhận được từ đức tin nơi Chúa Jê-sus cộng với tri thức đặc biệt, là điều chỉ có một số người đặc biệt biết mà thôi. Cần có tri thức (mã số) để bước vào chốn thiên đàng. Sự tôn cao luật pháp Do thái cũng là một điều được đòi hỏi để có thể đến được Đức Chúa Trời.

Những giáo sư giả trí huệ giáo cổ xúy hai hệ thống luân lý đối ngược nhau: (1) đối với một số người, lối sống không liên quan gì đến sự cứu rỗi. Đối với họ, sự cứu rỗi và sự thiêng liêng được gói gọn trong một tri



thức đặc biệt (các mã số) để đi đến cõi thiên thần (*eons*); hay là (2) đối với một số khác, lối sống hết sức quan trọng để có sự cứu rỗi. Họ nhấn mạnh lối sống khắc kỷ như là một bằng chứng cho sự thiêng liêng thật.

**Khoa giải thích bản văn (Hermeneutics)** Đây là từ ngữ chuyên môn chỉ các nguyên tắc hướng dẫn việc giải kinh. Nó vừa là những chỉ dẫn cụ thể vừa là một nghệ thuật. Giải thích bản văn Kinh Thánh thường được chia ra làm hai loại: các nguyên tắc chung và các nguyên tắc đặc biệt. Những điều này liên quan đến các loại văn chương có trong Kinh Thánh. Mỗi thể loại có những hướng dẫn đặc biệt riêng cho nó nhưng cũng có một số giá định và tiến trình giải thích tương tự nhau.

**Thượng phê bình (Higher criticism)** Đây là trình tự giải nghĩa Kinh Thánh tập trung vào bối cảnh lịch sử và cấu trúc văn chương của một sách cụ thể trong Kinh Thánh.

**Thành ngữ** Chữ này được dùng để chỉ các cụm từ được tìm thấy trong các văn hóa khác nhau có ý nghĩa riêng biệt không gắn với một ý nghĩa thông thường khi đứng riêng lẻ. Các ví dụ hiện đại như: “Cái đó hay dễ sợ” (that was awefully good), hay là “mày hại tao rồi” (you just kill me). Kinh Thánh cũng có những câu, cụm từ tương tự như vậy.

**Sự soi sáng (Illumination)** Đây là chữ dùng để chỉ khái niệm cho rằng Đức Chúa Trời đã phán với con người. Khái niệm đầy đủ của nó thường được thể hiện qua 3 từ ngữ: (1) mặc khải- Đức Chúa Trời đã hành động trong lịch sử con người; (2) sự linh cảm- Ngài đã ban sự giải nghĩa thích hợp về những hành động và ý nghĩa của nó cho một số người được chọn để ghi lại cho con người; và (3) soi sáng- Ngài đã ban Thánh Linh để giúp con người hiểu sự tự bày tỏ của Ngài.

**Quy nạp (Inductive)** Đây là phương pháp lý luận đi từ cái cụ thể đến cái toàn thể. Đây là phương pháp thực nghiệm của khoa học hiện đại. Đây là phương pháp của Aristotle.

**Đối chiếu (Interlinear)** Đây là một công cụ nghiên cứu cho phép những người không đọc được ngôn ngữ Kinh Thánh có thể phân tích ý nghĩa và cấu trúc của nó. Nó đặt bản dịch Anh ngữ vào cấp độ ‘từng chữ’ ngay bên dưới ngôn ngữ Kinh Thánh. Công cụ này, cộng với một ‘từ điển phân tích,’ sẽ giúp cung cấp các dạng từ và định nghĩa căn bản của tiếng Hy-lạp và Hê-bơ-rơ.

**Sự linh cảm (Inspiration)** Đây là khái niệm cho rằng Đức Chúa Trời đã phán với con người bằng cách hướng dẫn các trước giả Kinh Thánh ghi lại một cách rõ ràng và chính xác sự mặc khải của Ngài. Khái niệm đầy đủ của nó thường được thể hiện qua 3 từ ngữ: (1) mặc khải- Đức Chúa Trời đã hành động trong lịch sử con người; (2) sự linh cảm- Ngài đã ban sự giải nghĩa thích hợp về những hành động và ý nghĩa của nó cho một số người được chọn để ghi lại cho con người; và (3) soi sáng- Ngài đã ban Thánh Linh để giúp con người hiểu sự tự bày tỏ của Ngài.

**Ngôn ngữ mô tả (Language of description)** Điều này được dùng chung với các thành ngữ trong Cựu ước. Nó mô tả thế giới chúng ta bằng những điều đụng đến năm giác quan. Nó không phải là sự mô tả có tính chất khoa học, và nó cũng không có mục đích làm như vậy.

**Sự tôn sùng luật pháp (Legalism)** Đặc điểm của thái độ này là việc chú trọng quá mức đến luật lệ, nghi lễ. Nó có chiều hướng dựa vào sự giữ luật pháp của con người như một phương tiện để Chúa chấp nhận. Nó nghiêng về việc hạ thấp mối liên hệ và nâng cao sự phổ diễn, cả hai đều là những khía cạnh quan trọng trong mối liên hệ giao ước giữa một Đức Chúa Trời thánh khiết và con người tội lỗi.

**Theo nghĩa đen (literal)** Đây là một tên khác để chỉ phương pháp giải nghĩa theo lịch sử và tập trung vào bản văn từ An-ti-ô-t. Nó có nghĩa là sự giải nghĩa bao gồm cả những ý nghĩa hiển nhiên và thông thường của ngôn ngữ loài người, mặc dù có vẫn nhận biết sự có mặt của ngôn ngữ hình bóng.

**Thể loại văn chương** Đề cập đến các dạng khác nhau mà sự truyền thông nơi con người có thể có, như là thơ hay tường thuật lịch sử. Mỗi loại văn chương có một trình tự giải nghĩa riêng biệt cộng với các nguyên tắc chung áp dụng cho toàn bộ văn chương viết.

**Đơn vị ngữ văn (literary unit)** Điều này chỉ các phân chia theo ý tưởng chính trong một sách trong Kinh Thánh. Nó có thể là một vài câu, đoạn văn hay chương sách. Đây là một đơn vị độc lập có một chủ đề trọng tâm.

**Hạ phê bình** Xin xem “Phê bình bản văn”

**Bản văn (Manuscript)** Chữ này chỉ các bản sao chép khác nhau của Tân ước tiếng Hy-lạp. Thông thường chúng được phân chia thành các loại khác nhau theo (1) chất liệu dùng để viết (giấy chỉ thảo, giấy da); hay (2) dạng chữ viết (hoàn toàn viết hoa hay chữ nhỏ). Nó được viết tắt là ‘MS’ số ít và ‘MSS’ số nhiều.

**Masoretic Text** Bản Masoretic là bản Cựu ước bằng tiếng Hê-bơ-rơ ở thế kỷ thứ 9 được thực hiện bởi nhiều thế hệ học giả Do thái, trong đó chứa đựng các dấu nguyên âm và chú thích về văn bản. Nó tạo thành bản văn căn bản cho Kinh Thánh Cựu ước của chúng ta ngày nay. Bản văn của nó xét về lịch sử đã được công nhận bởi các bản văn tiếng Hê-bơ-rơ khác, đặc biệt là sách Ê-sai, được phát hiện trong Cuộn Biển chết. Nó được viết tắt là “MT.”

**Phép hoán dụ (Metonymy)** Đây là hình thức tu từ trong đó tên của một điều gì đó được dùng đã đại diện một điều khác có liên hệ. ví dụ “nồi nước đang sôi” thì thật ra có nghĩa là “nước trong nồi đang sôi.”

**Các mảnh Muratorian (Muratorian fragments)** Đây là danh sách các sách qui điển của Tân ước. Nó được viết tại Rô-ma trước năm 200 SCN. Nó cũng liệt kê 27 sách như trong Tân ước của người Tin lành. Nó rõ ràng cho thấy các hội thánh địa phương ở khắp nơi trong đế quốc La mã ‘trên thực tế’ đã định ra qui điển Thánh kinh trước khi các giáo hội nghị chính hợp lại vào thế kỷ thứ 4.

**Sự mặc khải tự nhiên (Natural revelation)** Đây là một cách Đức Chúa Trời tự mặc khải chính Ngài cho con người. Nó bao gồm các trật tự thiên nhiên (Rô-ma 1:19-20) và sự nhận biết luân lý từ lương tâm (Rô-ma 2;14-15). Nó cũng được nói đến trong Thi Thiên 19:1-6 và Rô-ma 1-2. Nó khác với khải thị đặc biệt, là điều Đức Chúa Trời đã tự bày tỏ cách đặc biệt qua Kinh Thánh và cao nhất là qua Chúa Jêsus ở Na-xa-rét.

Phân loại thần học này được nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại bởi phong trào “trái đất cũ” giữa vòng các nhà khoa học Cơ đốc (bài viết của Hugh Ross). Họ dùng phân loại này để xác định rằng mọi lẽ thật đều là lẽ thật của Đức Chúa Trời. Thiên nhiên là cánh cửa mở rộng để đi đến hiểu biết về Đức Chúa Trời; nó khác với mặc khải đặc biệt (Kinh Thánh). Nó cho phép khoa học hiện đại có sự tự do để nghiên cứu trật tự tự nhiên. Theo ý tôi, nó là một cơ hội tuyệt vời để làm chứng cho thế giới phương Tây với khoa học hiện đại.

**Nestorianism** Nestorius là người sáng lập trường phái Constantinople vào thế kỷ thứ 5. Ông được đào luyện ở An-ti-ốt, Sy-ri-a và nhìn nhận Chúa Jêsus có hai bản chất, một bản chất hoàn toàn người và một bản chất hoàn toàn Trời. Quan điểm này đi lạc ra khỏi quan điểm chính thống một bản chất từ trường phái Alexandria. Vấn đề chính của Nestorius là danh hiệu ‘mẹ Đức Chúa Trời’ dành cho Ma-ri. Nestorius bị phản đối bởi Cyril từ Alexandria và hàm ý rằng từ chính trường đào luyện An-ti-ốt của ông. An-ti-ốt là trung tâm chính của trường phái xét theo lịch sử-ngữ pháp của văn bản khi giải thích, trong khi Alexandria là trung tâm chính của trường phái giải nghĩa ẩn dụ 4 lần. Nestorius cuối cùng bị rút khỏi chức vụ và bị đày.

**Tác giả nguyên thủy** Điều này chỉ các trước giả thật sự đã viết Kinh Thánh.

**Giấy chỉ thảo papyrus** Đây là một chất liệu dùng để viết lên trên từ Ai-cập. Nó được làm từ những cây sậy bên sông. Nó là chất liệu mà các bản sao cũ Tân ước cũ nhất được viết lên.

**Các đoạn đối chiếu** Chúng thuộc về khái niệm cho rằng cả Kinh Thánh đều được Đức Chúa Trời ban cho và vì vậy chính nó là người giải nghĩa tốt nhất và là người quân bình các lẽ thật nghịch lý trong Kinh Thánh. Điều

nó cũng giúp ích khi chúng ta muốn giải nghĩa một đoạn không rõ ràng. Chúng cũng giúp chúng ta tìm một đoạn nói rõ ràng nhất về một chủ đề nào đó cũng như các khía cạnh khác của Kinh Thánh về chủ đề đó.

**Diễn ý** Đây là một lý thuyết dịch Kinh Thánh. Việc dịch Kinh Thánh có thể được xem xét trên một dãy đánh giá từ quan điểm ‘dịch từng chữ’, tức là mỗi chữ tiếng Hy-lạp hay Hê-bơ-rơ đều phải có một chữ tiếng Anh tương đương, đến quan điểm “dịch ý” tức là chỉ dịch ý tưởng mà không chú trọng nhiều đến từ ngữ hoặc cụm từ nguyên gốc. Ở giữa hai lý thuyết này là quan điểm dịch “thoát tương đương” là nỗ lực xem xét bản nguyên gốc một cách nghiêm túc, nhưng dịch bằng các dạng và thành ngữ của ngữ pháp hiện đại. Phần bàn luận rất tốt về lý thuyết các bản dịch được tìm thấy trong sách của Fee và Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 35.

**Đoạn văn** Đây là một đơn vị ngữ văn giải nghĩa cơ bản trong văn xuôi. Nó bao gồm một ý tưởng chính và sự phát triển của ý đó. Nếu chúng ta giữ lấy điểm chính của nó thì chúng ta sẽ không tập trung vào những điểm phụ và đánh mất đi ý định của tác giả nguyên thủy.

**Chủ nghĩa địa phương hẹp hòi (parochialism)** Điều này chỉ các thành kiến bị khóa trong các bối cảnh thần học/văn hóa địa phương. Nó không nhận ra tính xuyên văn hóa của các lễ thật Kinh Thánh và sự ứng dụng của nó.

**Nghịch lý** Nó chỉ những lễ thật dường như đối lập nhau, nhưng cả hai đều đúng, mặc dù có sự căng thẳng với nhau. Chúng hình thành lễ thật bằng việc trình bày nó từ hai phía đối nghịch nhau. Nhiều lễ thật Kinh Thánh được trình bày theo cặp nghịch lý (biện chứng). Các lễ thật Kinh Thánh không phải là những ngôi sao đơn chiếc, nhưng là một chùm các ngôi sao làm thành các mô hình khác nhau.

**Plato** ông là một trong các triết gia của Hy-lạp cổ đại. Triết lý của ông ảnh hưởng rất lớn lên hội thánh đầu tiên qua các học giả ở Alexandria, Ai-cập và sau này là Augustine. Ông cho rằng mọi vật trên thế gian này là ảo ảnh và chỉ là bản sao của một nguyên mẫu thuộc linh (spiritual archetype). Các thần học gia sau này đã đặt “dạng thức/ý tưởng” của Plato ngang hàng với phương diện thuộc linh.

**Giả định trước** Điều này chỉ sự hiểu biết vốn có của chúng ta về một vấn đề. Thông thường chúng ta hình thành ý kiến và phán quyết về một số vấn đề trước khi chúng ta tiếp cận Kinh Thánh. Giả định trước này gọi là thành kiến, một luận điểm tiên nghiệm, một giả định hay một nhận biết có từ trước.

**Lấy Kinh Thánh chứng minh (Proof-texting)** Đây là cách giải thích Kinh Thánh bằng việc trưng dẫn một câu mà không quan tâm đến bối cảnh gần và xa trong một đơn vị ngữ văn. Điều này tách rời các câu Kinh Thánh khỏi ý định của tác giả nguyên thủy và thường là nỗ lực chứng minh một ý kiến cá nhân trong khi muốn khẳng định thẩm quyền Kinh Thánh.

**Do thái giáo theo các Rabi** Đây là giai đoạn cuộc sống của những người Do thái sau thời kỳ lưu đày ở Ba-by-lôn (586-538 TCN). Khi ảnh hưởng của các thầy tế lễ và đền thờ bị lấy đi, các nhà hội địa phương trở thành trung tâm cuộc sống của người Do thái. Những trung tâm địa phương mang tính văn hóa, giao lưu, thờ phượng, và học Kinh Thánh của Do thái này trở thành điểm tập trung của cuộc sống tôn giáo của quốc gia. Trong thời Chúa Giêsu “tôn giáo của các thầy dạy luật này” tương đương với tôn giáo của các thầy tế lễ. Khi Giê-ru-sa-lem thất thủ vào năm 70 SCN, các thầy dạy luật, áp đảo bởi những người Pha-ri-si, đã điều khiển đời sống tôn giáo của người Do thái. Đặc điểm của nó là sự giải nghĩa Torah một cách thực dụng, trọng luật pháp như đã được giải thích trong truyền thống truyền miệng (bản Talmud).

**Khải thị** Đây là chữ dùng để chỉ khái niệm cho rằng Đức Chúa Trời đã phán với con người. Khái niệm đầy đủ của nó thường được thể hiện qua 3 từ ngữ: (1) mặc khải- Đức Chúa Trời đã hành động trong lịch sử con người; (2) sự linh cảm- Ngài đã ban sự giải nghĩa thích hợp về những hành động và ý nghĩa của nó cho một số người được chọn để ghi lại cho con người; và (3) soi sáng- Ngài đã ban Thánh Linh để giúp con người hiểu sự tự bày tỏ của Ngài.

**Ngữ nghĩa học** Điều này chỉ toàn bộ phạm vi ý nghĩa liên hệ đến một từ. Chủ yếu nó là những ý nghĩa của một từ trong các ngữ cảnh khác nhau.

**Bản Bảy Mươi (LXX)** Đây là tên của bản dịch tiếng Hy-lạp Kinh Thánh Cựu ước. Truyền thuyết cho rằng nó được viết trong 70 ngày bởi 70 học giả người Do thái cho thư viện Alexandria, Ai-cập. Thời điểm theo truyền thuyết là khoảng năm 250 TCN (trên thực tế có thể phải mất khoảng hơn 100 năm để hoàn tất). Bản dịch này là quan trọng bởi vì (1) nó cung cấp cho chúng ta một bản văn cổ để so sánh với bản Masoretic Text; (2) nó cho chúng ta biết về các cách giải nghĩa của người Do thái vào thế kỷ thứ 2 và 3 TCN; (3) nó cho chúng ta biết sự hiểu biết về Đấng Mê-si-a của người Do thái trước khi họ từ chối Chúa Jêsus. Nó được viết tắt là “LXX.”

**Bản Sinaiticus** Đây là bản văn Hy-lạp ở thế kỷ thứ 4 SCN. Nó được tìm thấy bởi một học giả người Đức tên là Tischendorf, tại tu viện thánh Catherine ở Jebel Musa, theo truyền thuyết là núi Si-nai. Bản văn này được gọi theo ký tự đầu tiên của tiếng Hê-bơ-rơ gọi là “aleph” (א). Nó chứa đựng cả Cựu và toàn bộ Tân ước. Nó là một trong những bản văn bằng chữ viết hoa (uncial) cổ nhất của chúng ta.

**Thiêng liêng hóa (Spiritualizing)** Đây là thuật ngữ đồng nghĩa với việc ngụ ngôn hóa trong ý nghĩa là nó lấy đi bối cảnh ngữ văn và bối cảnh lịch sử khỏi đoạn văn và giải nghĩa trên cơ sở của những tiêu chuẩn khác.

**Đồng nghĩa** Chữ này chỉ những từ ngữ có ý nghĩa rất sát hoặc tương tự (mặc dù trên thực tế không có hai chữ nào lại có một sự trùng lặp hoàn toàn về mặt ngữ nghĩa). Chúng rất gần nhau đến nỗi chúng có thể thay thế cho nhau trong một câu mà không làm mất đi ý nghĩa của nó. Nó cũng được dùng để chỉ một trong 3 dạng của hình thức văn thơ song song trong tiếng Hê-bơ-rơ. Trong ý nghĩa này, nó chỉ hai hai dòng thơ diễn tả cùng một lẽ thật (Thi Thiên 103:3).

**Cú pháp** Đây là thuật ngữ Hy-lạp dùng để chỉ cấu trúc của một câu. Nó liên hệ đến cách các phần của một câu ghép lại với nhau để tạo nên một ý tưởng hoàn chỉnh.

**Thần học hệ thống** Đây là một giai đoạn giải nghĩa tìm cách liên hệ các lẽ thật Kinh Thánh lại với nhau một cách thống nhất và hợp lý. Nó là một sự trình bày lô-gích, hơn là chỉ mang tính lịch sử, về thần học Cơ đốc theo từng phân loại (Đức Chúa Trời, con người, tội lỗi, sự cứu rỗi, v.v...).

**Bản Talmud** Đây là tên gọi cho bản luật lệ của Truyền thống truyền miệng Do thái (Jewish Oral Tradition). Người Do thái tin rằng Chúa đã ban những điều này cho Môi-se trên núi Si-nai qua cách truyền miệng. Trên thực tế, nó dường như là một tuyển tập các tri thức khôn ngoan của những thầy dạy luật Do thái qua nhiều thế hệ. Có hai ấn bản Talmud: bản Babylonian và một bản ngắn hơn, chưa hoàn tất là bản Palestinian.

**Phê bình văn bản (Textual criticism)** Đây là phương pháp nghiên cứu các bản văn Kinh Thánh. Phương pháp phê bình văn bản là cần thiết bởi vì không có một bản nguyên thủy nào hiện hữu và các bản sao thì khác nhau. Nó nỗ lực giải thích những sự khác nhau này để đi đến càng gần với bản viết tay nguyên thủy của Cựu và Tân ước hơn. Nó cũng được gọi là “hạ phê bình.”

**Bản chuẩn Textus Receptus** Từ ngữ này xuất hiện trong ấn bản Kinh Thánh Tân ước bằng tiếng Hy-lạp của Elzevir vào năm 1633 SCN. Về cơ bản nó là một dạng Tân ước Hy-lạp được thực hiện từ một số bản Hy-lạp sau này, bản Latin của Erasmus (1510-1535), Stephanus (1546-1559) và Elzevir (1624-1678). Trong cuốn *An Introduction to the Textual Criticism of the New Testament* trang 27, A.T. Robertson nói rằng, “bản Byzantine thực ra là bản Textus Receptus.” Bản Byzantine là bản có ít giá trị nhất trong ba họ các bản tiếng Hy-lạp (Western, Alexandria, và Byzantine). Nó chứa đựng sự kết tụ của những sai sót qua nhiều thế kỷ chép tay. Tuy nhiên, A. T. Robertson cũng nói rằng, “bản Textus Receptus đã bảo tồn cho chúng ta một bản văn khá chính xác.” (trang 21). Bản Hy-lạp này (đặc biệt là ấn bản thứ ba của Erasmus năm 1522) hình thành nên phần cơ bản của bản King James năm 1611.

**Torah** Đây là chữ Hê-bơ-rơ có nghĩa là “dạy.” Nó dần dần trở nên tên chính thức để chỉ các sách của Môi-se (từ Sáng Thế đến Phục truyền luật lệ ký). Đối với người Do thái, đây là phần Kinh Thánh Hê-bơ-rơ có thẩm quyền nhất.

**Hình bóng học** Đây là một cách giải nghĩa mang tính chuyên biệt. Thông thường nó bao gồm lễ thật Tân ước được tìm thấy trong các đoạn văn Cựu ước qua các hình tượng ẩn dụ. Cách giải nghĩa này là yếu tố chính của trường phái Alexandria. Bởi vì có người lạm dụng hình thức giải nghĩa này, chúng ta phải giới hạn sự sử dụng của nó trong các ví dụ cụ thể có trong Tân ước.

**Bản Vaticanus** Đây là bản Hy-lạp ở thế kỷ thứ 4 SCN. Nó được tìm thấy trong thư viện của Vatican. Theo nguyên gốc, nó chứa đựng toàn bộ Cựu ước, Ngũ kinh và Tân ước. Tuy nhiên, một vài phần đã bị mất (Sáng Thế, Thi Thiên, Hê-bơ-rơ, thư tín mục vụ, Phi-lê-môn và Khải huyền). Nó là một bản văn rất có ích giúp cho việc xác định từ ngữ có trong bản viết tay nguyên thủy. Nó được đặt tên là “B.”

**Bản Vulgate** Đây là tên của bản dịch Kinh Thánh bằng tiếng Latin của Jerome. Nó trở thành bản dịch căn bản hay “thông dụng” cho Giáo hội Công giáo La mã. Nó được thực hiện vào khoảng năm 380 SCN.

**Văn chương khôn ngoan** Đây là một thể loại văn chương thông dụng trong vùng Cận đông cổ (và thế giới hiện đại). Nó là một nỗ lực khuyên dạy thế hệ mới bằng những hướng dẫn để sống thành công qua văn thơ, châm ngôn, các bài viết. Nó viết cho một cá nhân hơn là cho cả một tập thể xã hội. Nó không dùng lịch sử để ám chỉ, nhưng dựa trên kinh nghiệm cuộc sống và quan sát thực tế. Trong Kinh Thánh, sách Gióp và Nhã ca công nhận sự hiện diện và thờ phượng Đức Giê-hô-va, nhưng quan điểm tôn giáo này không phải lúc nào cũng hiện rõ trong các kinh nghiệm của con người.

Là một thể loại văn chương, nó chuyển tải các lễ thật. Tuy nhiên, thể loại này không thể được sử dụng trong mọi trường hợp. Những câu văn này là các câu nói bao quát không phải lúc nào cũng áp dụng được cho mọi trường hợp cá nhân của mỗi người.

Những nhà hiền triết này đã dám đặt ra những câu hỏi khó về cuộc sống. Thông thường họ thách thức các quan điểm tôn giáo truyền thống (sách Gióp và Truyền đạo). Chúng tạo một sự cân bằng và căng thẳng cho những câu trả lời quá hời hợt về các thảm trạng của cuộc sống.

**Thế giới hình (world picture) và thế giới quan (worldview)** Đây là hai từ ngữ đi chung với nhau. Chúng là những khái niệm triết học liên quan đến sự tạo hóa. Chữ “thế giới hình” chỉ “cách thức” của tạo hóa trong khi chữ “thế giới quan” chỉ “Chủ thể là ai.” Đây là những từ cần thiết để giải nghĩa Sáng Thế 1-2 là những đoạn đề cập chủ yếu đến Chủ thể, chứ không phải là cách thức, của tạo hóa.

**YHWH Đức Giê-hô-va** Đây là tên giao ước của Đức Chúa Trời trong Cựu ước. Nó được định nghĩa trong Xuất Ê-díp-tô ký 3:14. Đây là DẠNG NGUYÊN NHÂN (CAUSATIVE) của từ ngữ “thì, là” trong tiếng Hê-bơ-rơ. Người Do thái sợ phát âm ra chữ này, vì họ có thể bị rơi vào trường hợp lấy danh Chúa làm chơi; vì vậy, họ thể chữ này bằng một chữ Hê-bơ-rơ khác “*Adonai*,” nghĩa là “Chúa.” Đây là cách tên giao ước này được dịch ra trong tiếng Anh.

## PHỤ LỤC BỐN

### LẬP TRƯỜNG VỀ TÍN LÝ

Tôi thực sự không chú tâm lắm đến các tuyên bố về đức tin hay tín lý. Tôi thà xác nhận chính Kinh Thánh. Tuy nhiên, tôi nhận thấy rằng một bản tuyên bố về đức tin sẽ cung cấp cho những người không quen biết tôi có một điều gì đó để đánh giá quan điểm về tín lý của tôi. Trong thời đại ngày nay khi có rất nhiều sai lầm và lừa gạt về các vấn đề thần học, tôi đưa ra bản tóm tắt ngắn gọn sau đây để bày tỏ quan điểm thần học của tôi.

1. Kinh Thánh, cả Cựu và Tân ước, đều được linh cảm, là lời vô ngộ, có thẩm quyền, là lời hằng sống của Đức Chúa Trời. Nó là sự tự mặc khải của Đức Chúa Trời được con người ghi lại dưới một sự hướng dẫn siêu nhiên. Nó là nguồn duy nhất trình bày lẽ thật rõ ràng về Đức Chúa Trời và mục đích của Ngài. Nó cũng là nguồn duy nhất về đức tin và sự thực hành cho hội thánh của Ngài.

2. Chỉ có một Đức Chúa Trời đời đời, là đáng tạo hóa và là đáng cứu rỗi. Ngài là đáng tạo ra mọi điều, thấy được và không thấy được. Ngài bày tỏ chính Ngài là một đáng yêu thương và đầy sự quan tâm nhưng Ngài cũng công bằng và công chính. Ngài bày tỏ chính Ngài qua ba thân vị khác nhau: Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh; hoàn toàn riêng biệt nhưng có cùng chung bản chất.

3. Đức Chúa Trời đang tích cực điều khiển thế giới của Ngài. Có một chương trình đời đời cho tạo vật của Ngài là chương trình không thể thay đổi và một chương trình tập trung vào mỗi cá nhân, là chương trình cho con người có sự tự do trong ý chí. Không việc gì xảy ra mà Ngài không biết hay không có phép của Ngài, nhưng Ngài cũng cho phép sự lựa chọn cá nhân trong vòng con người và các thiên thần. Chúa Jêsus là Người Được Chọn của Đức Chúa Cha và mọi người đều có khả năng được lựa chọn trong Ngài. Sự biết trước của Đức Chúa Trời về những sự kiện xảy ra không hề làm giảm đi giá trị của con người như là một tấm giấy đã được viết sẵn lên. Mỗi chúng ta đều phải chịu trách nhiệm về những tư tưởng và hành động của mình.

4. Con người, mặc dù được tạo dựng theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời và được tự do khỏi tội lỗi, đã chọn chống nghịch lại Đức Chúa Trời. Mặc dù bị cám dỗ bởi một tác nhân siêu nhiên, A-đam và Ê-va vẫn phải chịu trách nhiệm về tính tự kỷ có chủ ý của chính họ. Sự chống nghịch của họ đã ảnh hưởng đến con người và tạo vật. Chúng ta thấy điều cần sự thương xót và ân điển của Đức Chúa Trời bởi điều kiện chung của chúng ta trong A-đam và bởi sự tự ý chống nghịch của mỗi cá nhân.

5. Đức Chúa Trời đã cung cấp một phương tiện để tha tội và phục hồi sự sa ngã của con người. Chúa Jêsus Christ, Con độc sanh của Đức Chúa Trời, đã trở thành người, sống một cuộc sống vô tội, và bởi sự chết thể của Ngài, đã trả án phạt về tội lỗi của con người. Ngài là con đường duy nhất để đem đến sự phục hòa và mối tương giao với Đức Chúa Trời. Không có một phương tiện cứu rỗi nào khác ngoại trừ đức tin nơi công tác đã hoàn tất của Ngài.

6. Mỗi người trong chúng ta phải nhận món quà tha thứ và phục hồi của Đức Chúa Trời trong Chúa Jêsus một cách cá nhân. Điều này được thực hiện qua sự tự nguyện đặt niềm tin nơi lời hứa của Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus và chủ động từ bỏ tội lỗi biết được.

7. Tất cả chúng ta đều được tha tội và phục hồi dựa vào sự tin cậy của chúng ta nơi Đấng Christ và sự ăn năn tội lỗi của mình. Tuy nhiên, bằng chứng về mối liên hệ mới này phải được thấy qua một cuộc sống được thay đổi và đem đến sự thay đổi. Mục đích của Đức Chúa Trời cho con người không phải chỉ là thiên đàng trong một ngày nào đó, nhưng là sự giống với Đấng Christ ngay bây giờ. Những người thật sự được cứu, mặc dù thỉnh thoảng có phạm tội, sẽ tiếp tục sống trong đức tin và sự ăn năn suốt cuộc đời họ.

8. Đức Thánh Linh là “một Jêsus khác.” Ngài hiện diện trong thế giới này để dẫn đưa những người hư mất về với Đấng Christ và bồi đắp sự giống với Đấng Christ càng hơn trong đời sống của những người được cứu. Các ân tứ của Thánh Linh được ban cho ngay trong thời điểm nhận sự cứu rỗi. Chúng là đời sống và mục vụ của Chúa Jêsus phân chia ra giữa vòng thân thể Ngài, tức là hội thánh. Các ân tứ này về cơ bản là những thái độ và động cơ của Chúa Jêsus cần được thúc đẩy bởi các bông trái Thánh Linh. Thánh Linh đang hoạt động trong thời đại ngày nay cũng như Ngài đã hoạt động trong thời của Kinh Thánh.

9. Đức Chúa Cha đã khiến Chúa Jêsus Christ là đáng đã sống lại, làm quan án trên mọi sự. Ngài sẽ trở lại trái đất này để phán xét mọi người. Những ai đã tin cậy nơi Chúa Jêsus và tên của họ đã được ghi vào sách sự sống của Chiên Con sẽ nhận lấy một thân thể vinh hiển đời đời khi Ngài trở lại. Họ sẽ được ở với Ngài luôn luôn. Tuy nhiên, những ai đã khước từ lẽ thật của Đức Chúa Trời sẽ bị phân cách khỏi niềm vui tương giao với Ba Ngôi Đức Chúa Trời đời đời. Họ sẽ bị rửa sã cùng với ma quỷ và các thuộc hạ của nó.

Rõ ràng đây không phải là một bản tuyên bố hoàn toàn đầy đủ tuyệt đối nhưng tôi hy vọng nó sẽ cho bạn biết hương vị thần học từ chính tâm lòng của tôi. Tôi thích câu nói này:

“Trong cốt lõi- là sự hợp nhất,  
Trong những vấn đề ngoài lề- là sự tự do,  
Trong mọi điều- là tình yêu thương.”

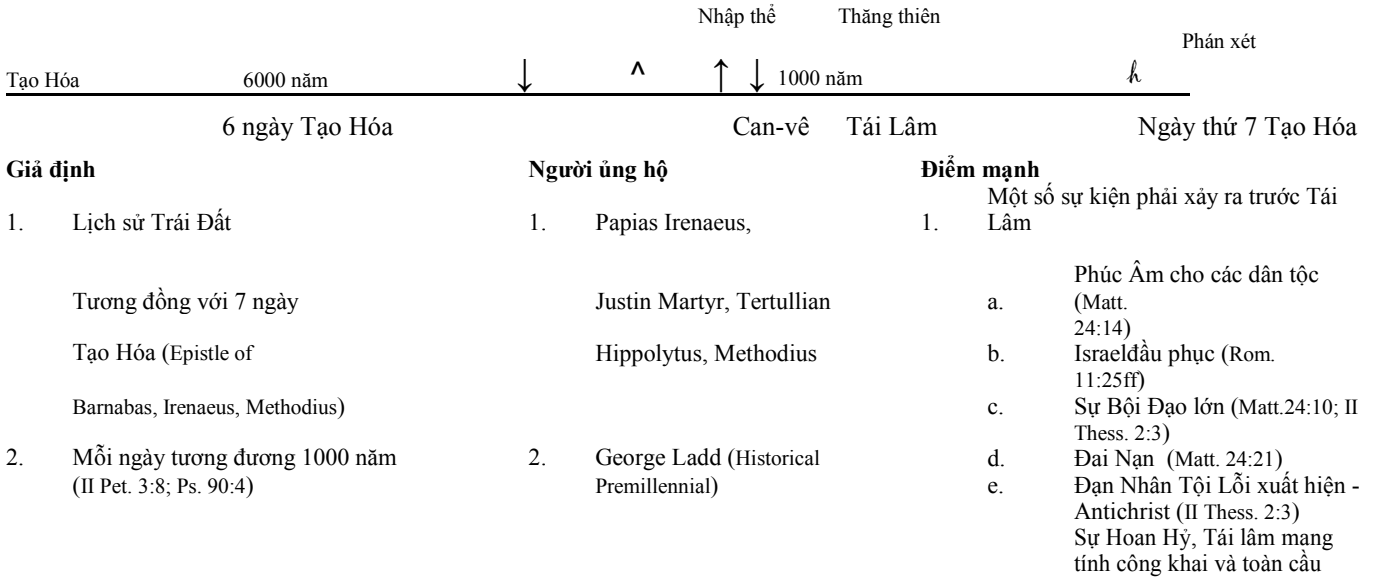
## PHU LUC NĂM: QUAN ĐIỂM VỀ SỰ TÁI LÂM

### LỜI GIỚI THIỆU

- A. Chủ đề này gây nhiều tranh luận.
- B. Phương cách và thời điểm Tái Lâm không rõ, nhưng sự xảy ra là chắc chắn
- C. Tín lý của quý vị đến từ đâu? (Thuộc trường phái nào?)
- D. Mục đích của sự Tái Lâm là gì?
- E. Kinh Thánh có dạy về Tận Thế Học hệ thống không?
- F. Vì sao ngày nay có sự quan tâm đặc biệt tới sự Tái Lâm?
- G. Tất cả các giả thuyết về sự Tái Lâm thuộc thể đều thuộc về quan điểm bảo thủ.

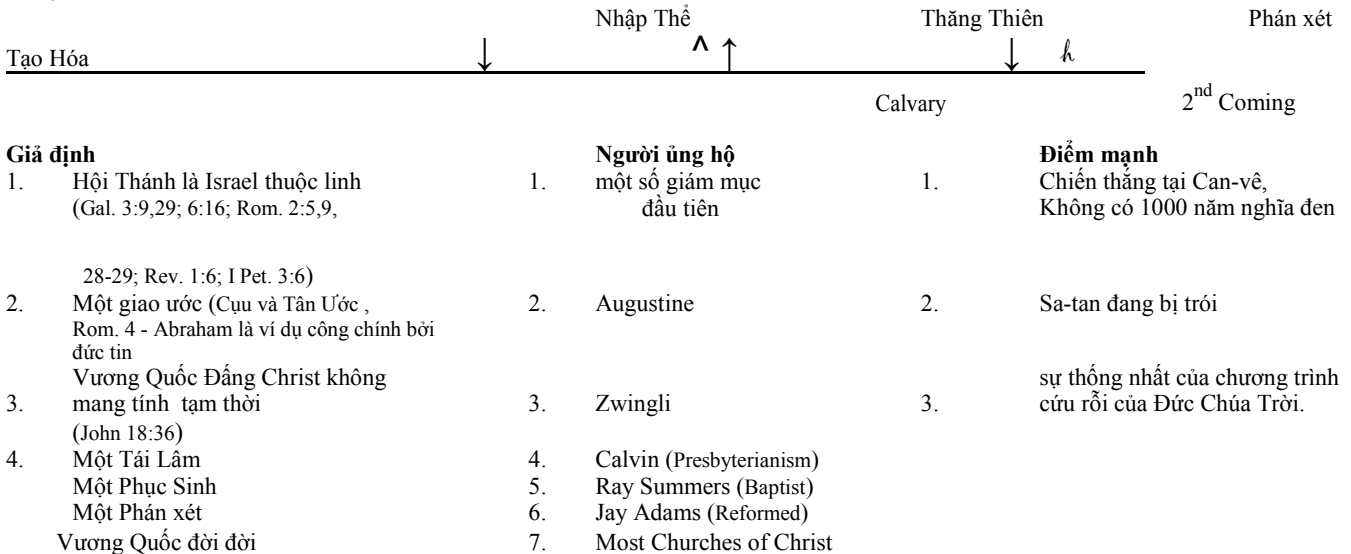
### THUYẾT TIỀN THIÊN HỮU NIÊN CỦA HỘI THÁNH SƠ KHỞI

(Ngàn Năm Tiền Lịch sử) (Historical Millennial)



### VÔ THIÊN HỮU NIÊN

(thuyết Ngàn Năm thực tế, hoặc đã quang lâm) (realized or inaugurated millennium)



### HẬU THIÊN HỮU NIÊN (Ngàn Năm hiện tại - Post Millenium)

Nhập Thể

Thăng Thiên

Phán xét





Calvary

(Ngàn Năm)

2<sup>nd</sup> Coming

**Giả định**

- Sự cố gắng của con người khiến Nước Trời mau tới (II Pet. 3:12; Matt. 6:10)
- Mọi việc sẽ ngày càng tốt đẹp

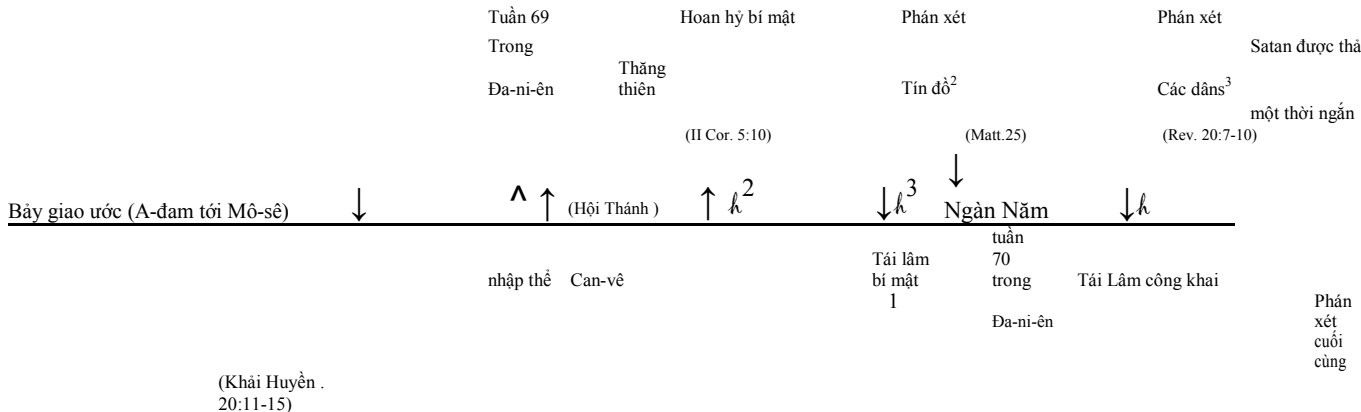
**Người ủng hộ**

- 1. Jonathan Edwards
- 2. A. H. Strong
- 3. W. T. Conner
- 4. Các học giả thế kỷ 19

**Điểm mạnh**

- 1. Nghiên túc đối với Tái Lâm
- 2. Con người có phần trong chương trình
- 3. Kỳ vọng vào nền văn hóa hiện tại

**TIỀN THIÊN HỮ NIÊN THEO GIAI ĐOẠN (dispensational premillennial)**



<sup>1</sup> có ba quan điểm về Tái Lâm bí mật:

- 1) Tiền Đại Nạn
- 2) Trung Đại Nạn
- 3) Hậu Đại Nạn

<sup>2</sup> Phán xét trên tín đồ (II Côrintô. 5:10)

<sup>3</sup> phán xét trên các dân (Mathiô 25)

**Giả định**

- 1. Kinh Thánh chia lịch sử ra 7 giai đoạn
- 2. Ứng nghiệm theo nghĩa đen mọi tiên tri về Israel.
- 3. Hội Thánh và Israel tách biệt. Hội Thánh là chương trình phụ khi Israel từ chối Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a
- 4. Hội Thánh được hoan hỷ bí mật, trước Đại Nạn, từ Khải Huyền 5 chỉ có Israel
- 5. Tân Ước được hiểu theo Cựu Ước

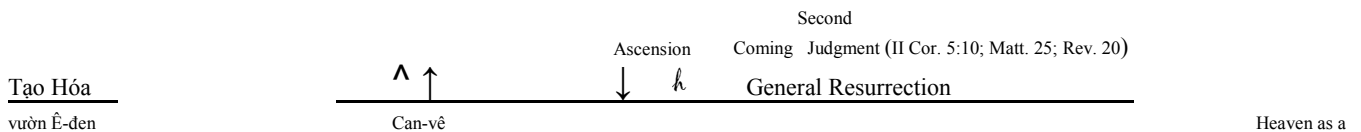
**Người ủng hộ**

- 1. John Darby (Plymouth Brethren)
- 2. Clarence Larkin
- 3. D. L. Moody
- 4. C. I. Scofield (Reference Bible)
- 5. Dallas Seminary (Pentecost, Ryrie, Walvoord)
- 6. W. A. Criswell (Southern Baptist)
- 7. Hal Lindsey
- 8. Tim LaHaye
- 9. Bible Churches (Dallas Seminary)

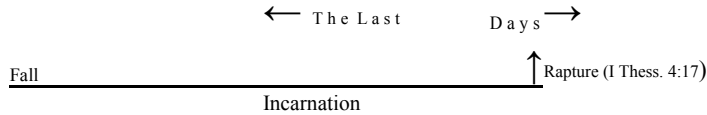
**Điểm mạnh**

- 1. Nghiên túc đối với tiên tri (Đặc biệt Đa-ni-ên)
- 2. Tái Lâm cận kề (Mathiô. 24:40-42)

**Ý KIẾN GỢI Ý CỦA TÁC GIẢ BOB UTLEY (Tái Lâm trước Ngàn Năm / Tái Lâm sau Đại Nạn / Tề trị ngàn năm tức đời đời) (Historical Premillennial/Post-Tribulationist/Nonmillennial)**



(Gen. 1-2)  
22)



### Giả định

1. Một chương trình cứu rỗi (Gen. 3:15)
2. dân của Chúa hiệp một(Ro-ma. 2:28-29;4; Ga-la-ti. 3:29; 6:16)
3. Văn chương khai thị cho Đa-ni-ên, Ê-xê-chiên Khải Huyền ,
4. Cựu Ước tiên tri một Tái Lâm giữa hai kỷ nguyên
5. Một Tái Lâm công khai, Ma-thi-ơ. 24:27, một Hoan Hỷ( I Thess. 4:13-18) Một phục sinh, một phán xét (Matt. 25; Rev. 20), Một tể trị đời đời

### Nghịch lý biện chứng:

1. giữa mô hình tiên tri của Cựu Ước và mô hình sử đồ của Tân Ước
2. giữa thuyết Độc Thân (một Chúa cho muôn dân) và dân tuyền Israel
3. Giữa giao ước có điều kiện bởi trách nhiệm cá nhân (Nếu... thì... ) và lời hứa vô điều kiện bởi ân điển Chúa cho nhân loại tội lỗi
4. giữa thể loại văn chương đông phương và tây phương
5. giữa Tái Lâm Cận Kế (bất cứ khi nào), và Tái Lâm Trì Hoãn (một số sự kiện phải xảy ra trước:

### Kết Luận

1. Ông Can-vin (John Calvin) bình luận: “Chỉ có Đức Chúa Trời mới biết ý nghĩa của Khải Huyền”
2. Không có quan điểm Tái Lâm nào được đa số chấp nhận.
3. Tất cả mọi thể hệ đều “giáo kinh theo thời sự”, muốn thấy Kinh Thánh ứng nghiệm trong bối cảnh văn hóa và lịch sử của mình
4. Không có thần học hệ thống cho chủ đề Tận thế trong Tân Ước, nhưng sứ điệp trọng tâm là “ hãy sẵn sàng và hãy năng động”
5. Chỉ có nhóm bảo thủ mới tranh luận đề tài này.
6. Khải Huyền là niềm hy vọng, sự khích lệ và động cơ phục vụ cho mỗi một thể hệ, trong khi chờ đợi Chúa Tái Lâm (Mark 13:33-37).

Copyright © 2000 by Bob Utley  
Marshall, TX, BIBLE LESSONS INTERNATIONAL  
All rights reserved.

# ***KHÁI HUYỀN***

*Khiến tôi lo sợ một chút ít.  
Tuy đây là khái thị huyền bí.  
Nhưng khơi dậy trong tôi sự tò mò  
Và tràn ngập trí óc tôi sự tưởng tượng.  
Tôi đã học và nhắc mình cẩn thận,  
Khi suy gẫm sứ điệp được ban,  
cảnh giác không trở nên cực đoan  
và nghiên cứu một cách cẩn thận.  
Tôi biết đây ngôn ngữ biểu tượng  
không thể vô tư trong giải kinh,  
Và làm ngơ những điều khó hiểu.  
Điều nhắc nhở tôi không thể thiếu:  
Ý nghĩa tùy thể loại văn chương.  
Câu trả lời không phải tối hậu.  
Lời Cha tôi nghe với hy vọng:  
Hãy mong chờ Đấng Christ tái lâm  
Hãy giúp tha nhân nhận biết Chúa  
Là Chân Lý, Đường Đi, Sự Sống.  
Trong đời tạm giăng co chặt vật  
Tôi nhớ rằng Chúa bên tôi, sẽ thắng.  
Ngài điều hành và tế trị thế gian.  
Pat Bergeron 7/21/1999*